

NGHIÊM KẾ TÒ

VIỆT NAM

MÁU LỬA

MAI LÍNH

Thông tin eBook

VIỆT NAM MÁU LỬA

Tác giả: *Nghiêm Kế Tổ*

Nhà xuất bản: *Mai Lĩnh - 1954*

Lê Thy đánh máy từ bản scan của sách xuất bản từ năm 1954

Ebook: *Cùi Bắp*

Nguồn: Wordpress.com

Để tưởng niệm các đồng chí đã bỏ mình vì nước
và thân tặng các chiến sĩ đang tranh đấu
...tranh đấu không ngừng cho sự sống còn của TỔ QUỐC

Nghiêm Kế Tổ

TỰA

Trận đại-chiến thứ hai đã chính-thức kết-liệu từ 1945 do sự đầu-hàng không điều-kiện của các lực-lượng Phát-Xít Đức-Ý-Nhật.

Các dân-tộc đã tưởng rằng, nhân-loại sẽ vui vẻ dặt tay nhau trên đường kiến-thiết, sẽ tu sửa lại những thành-phố nát-tan vì bom đạn, sẽ phát-triển sức sống mới dưới ánh sáng của khoa-học văn-minh.

Các dân-tộc đã tưởng rằng, con người vừa trả qua một đe-doạ ghê-gớm của những hung-thân ác-quỷ, sẽ tự-giác trong tư-tưởng, thanh-toán mọi xấu-xa nhơ-nớp còn tồn-tại, sẽ tự-giác giải-thoát mình và tự đặt nhiệm-vụ giải-thoát người khác khỏi sự mọi rợ của xích-xiêng áp-bức.

Nhưng buồn thay!....

Trận đại-chiến thứ hai vừa chấm dứt thì trận đại-chiến thứ ba đã lại bắt đầu và tính-chất lưỡng-diện của nó vẫn chẳng ngoài: xâm-lăng – tự-vệ.

Đúng ra, người ta có thể nói trận chiến-tranh thứ ba đã bén rễ từ ngay trong lòng trận đại-chiến thứ hai. Chúng ta thấy rằng cuộc ký-kết 1945 thật chưa xứng đáng với những chữ: Thế-giới đình-chiến. Và nếu muốn, nhân-loại thực ra cũng chẳng cần dùng đến chữ “kết-liệu” hay “đại-chiến thứ ba” vì lẽ thời-gian của chiến-cuộc vẫn là một thời-gian liên-tiếp, con người vẫn tàn-sát con người, có khác chẳng chỉ là một vấn-đề thu-hẹp và biến-đổi hình-thái chiến-tranh.

Nhớ lại những cuộc họp mặt Đồng-Minh, những Yalta, những Téhéran...ở đó nhân-loại đã nhìn rõ-ràng thấy những mâu-thuẫn nóng sẽ xảy đến trong tương-lai quốc-tế.

Cuộc đình-chiến ký-kết năm 1945 đã thực-hiện song-hành với những hành-động mới: chiến-tranh tiếp diễn dưới hình-thức cục bộ ở Trung-Hoa, ở Cao-Ly, ở Việt-Nam, ở Phi-Luật-Tân, ở Nam-Dương, ở Mã-Lai, ở Trung-Đông, ở Cận-Đông, ở Phi-châu... đấy là chưa kể chiến-tranh trên những giải đất khác dưới hình-thái: chiến-tranh lạnh, chiến-tranh cân-não, chiến-tranh tâm-lý

Trận đại-chiến 39-45 đã để lại trong đầu óc của con người thời-đại những dư-âm ghê-gớm: tiếng bom, tiếng đạn, tiếng rú ghê hồn của Tử-Thần trên không-trung...Những dư-ảnh của quận đau: phố-phường tan-hoang, đất lành tung nổ trong đó con người xương thịt thoát biến thành tro tàn bụi khét.

Dư-âm và dư-ảnh ấy đã có sức-mạnh kìm hãm giống người trên đường tương sát, nhất là cảnh ngày nhân-loại càng phát-minh thêm những phương tiện mới-mẻ trong khoa-học giết người.

Cũng vì dư-âm và dư-ảnh ấy cho nên chiến-tranh chưa bùng nổ một cách toàn-diện và tổng-lực. Chưa bước sang giai-đoạn kinh-khiếp mà người ta vẫn mệnh-danh là : Đại-chiến thứ ba, trận chiến-tranh Nguyên-tử.

Nhân-lại biết kinh sợ cho nên “đợt kinh-khủng” chưa thể tái diễn ở hoàn-cầu, trái lại người ta cũng đã ra công dẹp bớt những cuộc xung-sát địa-phương, sự cố-gắng ấy thật đã là một ưu-điểm của nhân-loại.

Chúng ta thấy rằng lò lửa Cận-Đông đã được dập tắt dần, rồi Trung-Đông, rồi Nam-Dương, Phi-Luật-Tân, Mã-Lai cũng vậy.

Ở Triều-Tiên và Trung-Hoa, tiếng súng cũng đã ngớt, người ta cố tránh dùng những phương-tiện nóng. Nói chung, ở khắp mọi nơi tuy chưa hẳn được hoà-bình nhưng cũng có thể đã tạm gọi là yên tiếng súng.

Riêng ở Việt-Nam, Việt-Nam chưa có hoà-bình.

Việt-Nam là một lò lửa đã từ 9 năm nay. Ở đây lửa cháy liên-tiếp trong những năm ròng, thiêu-tàn sức sống của muôn vật; ở đây những con người nối đuôi nhau dài vô tận: chết âm-thầm, đau-đớn.

Cuộc đổ máu ở Việt-Nam đã trường-kỳ nhất, gay-go nhất, huyền-ảo nhất.

Trường-kỳ, bởi vì bởi vì người Việt-Nam đã chống lại chế-độ của người ngoại-quốc từ nhiều thế-kỷ nay.

Gay-go, bởi vì đã có bao nhiêu anh-hùng liệt-sĩ Việt-Nam phải bỏ mình và đã có ngay bao nhiêu mầm non của đất nước tiếp-tục sự-nghiệp đấu-tranh.

Huyền-ảo, bởi vì ở Việt-Nam, lòng tin-tưởng thường chọi nhau với tù-đầy, trí cương-quyết thường chọi nhau với sức tàn sát, những cánh tay gây thường chọi nhau với những súng ống tối-tân...

Thực ra, không phải người Việt-Nam chỉ mới chiến đấu từ 9 năm gần đây, không phải chỉ mới nổi dậy từ khi mặt trận Việt-Nam Độc-lập Đồng-Minh thành lập. Người Việt-Nam đã chiến-đấu từ trước năm 1930 khi ở Việt-Nam các đảng-phái cách-mạng thành-lập, hơn nữa người Việt-Nam đã chiến-đấu từ lâu rồi, âm-thầm chiến-đấu, nổi tiếp chiến-đấu... Và còn chiến-đấu cho đến khi nước nhà độc-lập, nước nhà thống-nhất, nước nhà tự-do trong hoà-bình tiến-bộ, trong nhân-loại thái-bình.

Trước đây, Thế-giới ít biết đến Việt-Nam vì Việt-Nam chỉ là một quốc-gia xinh-xẻo với dân-số tỷ-hon mười lăm triệu.

Ngày nay, khoa-học giao-thông đã nối liền mảnh đất Việt-Nam với thế-giới, và cũng ngày nay thế-giới mới có dịp hiểu cái xứ xa-xôi nhỏ bé đó thực ra đã chứa đựng những con người không kém những con người của thiên-hạ văn-minh, thế-giới mới có dịp biết cái khối dân-số tỷ-hon đó đã chứa đựng một sức mạnh trong những sức mạnh vô biên của nhân-loại.

o O o

9 năm qua, trận chiến nóng ở Việt-Nam là một trận chiến cục-bộ đối với hoàn-cầu.

Đã là một trận chiến-tranh cục-bộ tất-nhiên nó liên-hệ đến vận-mệnh chung, ngoài phạm-vi ranh-giới.

9 năm qua, trận chiến Việt-Nam tuy đã mang nhiều tên khác nhau như chiến-tranh thuộc-địa, chiến-tranh Quốc-Cộng, nhưng thực ra, đứng-dẫn mà nhận-xét, cuộc chiến-tranh hiện-tại vẫn chỉ là một giai-đoạn trong cuộc chiến-đấu trường-kỳ của dân-tộc Việt-Nam từ một thế-kỷ nay.

Để tất cả những người Việt-Nam có dịp nghiên-cứu mọi sự việc đã xảy ra trong những năm ghê-gớm nhất của Tổ-quốc, để nhắc-nhở cho tất cả những ai thường hay lãng quên nhiệm-vụ, cố ý thoát-ly đời sống của mình ra khỏi hệ-thống chung của Quốc-gia Dân-tộc, để trình-bày một cách thiết thực quá-trình chiến-đấu của nhân-dân Việt-Nam trong khoảng thời-gian 9 năm trường, quá trình ấy thường khi bị ngoại-quốc tóm-tắt một cách sai lầm trên một số trang sách báo, chúng tôi cố-gắng soạn quyển VIỆT-NAM MÁU LỬA ra mắt độc-giả.

Cố-gắng đứng ở vị-trí khách-quan, siêu đảng-phái để nhận-định và trình-bày mọi sự việc đã xảy ra, phân-tách qua-loa những tư-tưởng chủ-quan của những vai trò phái-đảng hay ngoại-quốc đã biểu-diễn phô-bày trên đất nước, chúng tôi còn có một hoài-vọng đặc-biệt là sưu-tầm để tự nghiên-cứu và để mọi người cùng có dịp nghiên-cứu bằng cách tổng-thu kết-hợp những tài-liệu mỏng-manh trong một trang duy nhất: trang VIỆT-NAM MÁU LỬA.

VIỆT-NAM MÁU LỬA không phải là một cuốn sử vì VIỆT-NAM MÁU LỬA còn khiếm sót nhiều trong những phạm-vi: cách-mạng sử-liệu, vấn đề thời-gian, nhân-vật, sự sống và sự hoạt-động của nhân-dân, sinh-hoạt kinh-tế, chính-trị v.v...

VIỆT-NAM MÁU LỬA cũng không phải là một cuốn phiếm-luận vãn-vơ vô căn-cứ vì VIỆT-NAM MÁU LỬA đã chứa đựng một số tháng ngày đứng-dẫn, một số nhân-vật đang chiến đấu cho giải đất thân yêu của chúng ta, một số tài-liệu tuy ít ỏi nhưng vô cùng xác thực.

Về phương-diện tài-liệu, chúng tôi có thể nói rằng đó là những tài-liệu sống và quý-giá mà chúng tôi đã may mắn sưu-tầm được để đem ra công-hiến.

Có thể rằng, một số người có thiên-kiến sẽ lên án tác-giả là đã trình bày xuyên-tạc nhưng, dù sao, sự thực vẫn là sự thực, và ở đây tác-giả chỉ biết trình-bày những điều mắt thấy tai nghe để rồi mỗi độc-giả sẽ tự nhận-định và suy-xét theo lập-trường, quan-niệm của riêng mình.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng tự thấy chưa được hài lòng về số lượng của tài-liệu, đó là lời xin lỗi thứ nhất của tác-giả.

Lời xin lỗi thứ hai là sự hành-văn, lời văn không được gọt sửa kỹ-lưỡng có thể không làm vừa lòng độc-giả. Khuyết-điểm ấy do thời-gian viết đã quá cấp-bách và ngăn-ngủi.

Lời xin lỗi thứ ba là sự sắp xếp những sự-kIỆN nhắc đi nhắc lại một vài vấn-đề. Sự thực đó là một dụng-ý của chúng tôi dù rằng những sự-kIỆN khác nhau cũng thường khi đòi hỏi phải kể đi – kể lại một nguồn phát sinh ra mọi việc.

Ước mong rằng VIỆT-NAM MÁU LỬA sẽ đem đến cho các bạn độc-giả một chút gì mới lạ trong quan-niệm về cuộc chiến-tranh đang diễn biến trên giải đất yêu dấu của chúng ta.

NGHIÊM-KẾ-TỔ

(Mạnh hạ năm Giáp Ngọ 1954)

A- Những nét lớn trong lịch-sử dân-tộc

á-tính quốc-gia trong quá-trình tranh-đấu của dân tộc

1- Chúng ta ngày nay tự hào và vinh dự khi đọc lại lịch-sử dân-tộc. Sức sinh-hoạt mạnh-mẽ, óc tổ-chức quy-củ. Dân Việt-Nam không bao giờ có thể diệt-vong.

Quá-trình tiến-hoá của dân-tộc trên 4000 năm là quá-trình tranh-đấu của tổ-tiên, của cha ông chúng ta. Trên quãng thời-gian dài đặc ấy, tâm-huyết người dân ngày càng hun đúc, lòng hieu nước xót nòi, ngày càng tăng. Chúng ta tự hào với thành-tích, sự-nghiệp vĩ-đại của tiên-nhân, kiêu-hãnh khi lật trang quốc-sử hùng-cường, oanh-liệt.

Vàng có thử lửa mới rõ là vàng tốt, người có trải gian nguy mới nổi bật giá-trị con người . Dân-tộc cũng vậy. Nếu không có gian-lao thử thách, sao tỏ rõ được chí-khí quật-cường.

Suốt giòng lịch-sử, người dân Việt biết đoàn-kết, biết siết chặt hàng-ngũ – đã đẩy lui được ý-chí xâm lăng miền Bắc, lập nền tự chủ – đã dẹp tan loạn phương Nam, mở mang bờ cõi – và gần đây, không hổ danh là giống nòi Hồng-Lạc, đã tranh-đấu không ngừng ngăn cản sóng xâm-lăng. Ý-chí ấy, quyết-tâm ấy, đoàn-kết ấy, ai là kẻ không hay ?

Qua các thời-đại, chí-khí quật cường, tinh-thần tự-chủ đã tượng-trưng bằng hành-động của biết bao anh-hùng dân-tộc.

- Hai Bà Trưng diệt Hán cứu dân thoát vòng nô-lệ (40 sau Thiên-chúa giáng-sinh)
- Phá quân Lương, Lý-Bôn lập thời-kỳ tự-chủ II (544-602)
- Diệt tan quân Nam-Hán, Ngô-Quyền mở đường vinh-quang cho đất nước sau 3 lần Bắc-thuộc (939-965)

Lòng thương yêu nòi giống, lòng thương yêu Tổ-quốc non sông là bó đuốc soi đường cho dân-tộc.

Nào anh-hùng Lý-Thường-Kiệt bình Khâm-châu, Liêm-châu, Ung-châu (thuộc Quảng-đông – Quảng-tây) đánh tan quân Tống trên sông Như-Nguyệt (Sông Cầu – 1075)

Nào Kiệt-liệt Trần-Quốc-Tuấn diệt quân Nguyên trên bến Vạn-Kiếp (1284), trên Bạch-Đằng-Giang (1287)

Nào anh-hùng Lê-Lợi đánh đuổi quân Minh (1427)

Nào anh-hùng áo vải Nguyễn-Huệ đại phá quân Thanh (1789)

Qua các triều-đại, tinh-thần quốc-gia và khả-năng sinh-tồn của dân-tộc đã được đánh dấu bằng sự-nghiệp Nam-tiến.

Từ Bắc phương tràn xuống, sau khi đã bám chắc được đồng lũng Bắc Việt, để tránh khỏi tiêu-diệt giữa sức ép của hai nền văn-minh tối-cổ hùng-hậu: Ấn-Độ và Trung-Hoa, muốn sống, dân-tộc Việt-Nam chỉ còn một cách là di dân lần lần về phương Nam.

Những cuộc hưng binh của Lê-Đại-Hành (981), Lê -Thái-Tôn (1044) để dẹp cái “bệnh” quấy nhiễu của Chiêm-Thành, chỉ là dấu hiệu báo trước ý-định di dân của một dân-tộc thông-minh, quy-củ, có tổ-chức và đầy sức sống. Đây là ý-định thoát thai tất nhiên trong hoàn-cảnh địa-dư và tinh-thần của một dân-tộc luôn luôn tiến-bộ như dân-tộc Việt.

Sự-nghiệp di dân vĩ-đại đã được đánh dấu đều đều.

Chúng ta thử kiểm-điểm những kết-quả của tiên-nhân.

- Năm 1069, Chế-Cư, vua Chiêm-Thành, dâng cho Thánh-Tôn nhà Lý 3 châu: Địa-Lý – Ma-Linh – Bố-Chính (thuộc Quảng-Bình – Quảng-Trị)
- Năm 1306, Chế-Mân dâng cho Nhân-Tôn nhà Trần đất Châu-Ô và Châu-Rí (Thừa-Thiên)
- Năm 1402, Ba-Đích-Lai dâng cho nhà Hồ đất Chiêm-Động và Cỗ-Lũy (Quảng-Nam – Quảng-Ngãi)
- Năm 1470, nhà Lê lấy đất Đồ-Bàn, Đại-Chiêm
- Năm 1611, Nguyễn-Hoàng lấy Phú-Yên

- Năm 1653, Chúa Hiến lập Thái-Ninh-Phủ (Khánh-Hoà)
- Năm 1693, Chúa Nguyễn lập Thuận-Phủ (Phủ-Bình-Thuận)
- Năm 1698 đến 1714, dân-tộc Việt-Nam lan đến Đồng-Nai Hạ rồi đến Hà-Tiên, cắm mốc cuối cùng của sự-nghiệp mở mang bờ-cõi

Năm 1802, Đức Thế-Tổ Gia-Long thu gồm giang-sơn về một mối, dân Việt-Nam sống từng-bùnh trong nền Độc-Lập thống-nhất, phú-cường.

Dân-tộc đã thành-công trong sự-nghiệp di dân vĩ-đại, dân-tộc đã tránh được sự thôn-tính của Bắc-phương, đã thoát được ảnh-hưởng ở bên kia bờ Cửu-Long-giang và đã lập được một nước Việt-Nam hùng mạnh, thống-nhất suốt từ Ai Nam-Quan đến đầu mũi Cà-Mâu. Người Việt tự bảo-vệ giống-nòi, do đó phát-huy khả-năng dân-tộc

Mỗi bước tiến về phương Nam chỉ là mỗi cuộc “tấn-công để phòng thủ”. Tính-chất của nó tương-đồng với ý-nghĩa của chiến-tranh tự-vệ chống Bắc-phương. Không thể ai chối cãi được tinh-thần bảo-vệ giống-nòi, trong sự-nghiệp phát-triển quốc-gia dân-tộc.

Từ năm 1862 đến năm 1945, nước nhà bị rơi vào ách nô-lệ nhưng, 83 năm, con cháu oanh-liệt của tiền-nhân vẫn chiến-đấu không lúc nào ngừng, mặc dù thủ-đoạn thống-trị của Tây-phương khoa-học hơn mảnh-khoé cai-trị của người Trung-Hao trước. Coi thường súng đạn, coi thường giam cầm đầy ải, biết bao nhiêu hoạt-động cứu quốc vẫn kế tiếp nhau, biết bao nhiêu phong-trào khởi-nghĩa vẫn thay phiên nhau:

Nào “Cần-Vương” của những Văn-thân bắt nguồn trong Khổng Mạnh.

Nào “Duy-Tân” với làn sóng văn-minh Âu – Á.

Nào “Dân-Tộc Giải-Phóng” với tư-tưởng cách-mệnh quốc-gia, quốc-tế.

Mỗi phong-trào tuy có khác nhau về hình-thức, nội-dung, nhưng kỳ chung, mục-đích đầu tiên cũng vẫn là: cứu dân, cứu nước

Vì đâu dân-tộc Việt có óc tự-cường, không hề bị tiêu-diệt trước hành-vi thôn-tính của vũ-lực ngoại-bang, trước ảnh-hưởng thấm-nhuần của mọi triết-lý Đông – Tây?

Chỉ vì dân-tộc Việt-Nam biết yêu nước, biết đoàn-kết, biết tranh-đấu. Không một sức mạnh nào lay chuyển nổi dù sức mạnh đó tàn-bạo đến bậc nào.

Cá-tính quốc-gia đã được tượng-trưng bằng mọi hình, mọi vẻ.

Người Việt-Nam từng chịu Trung-Hoa đô-hộ trên một nghìn năm, trong khi họ đem sang ta dao bén, giáo dài. Họ đã mang theo cả khuôn-khổ của nền văn-hoá vĩ-đại hòng thôn-tính ta cả về thể-xác lẫn tâm-hồn. Nhưng nhằm thay, dân-tộc Việt sẵn có một cá-tính giống-nòi — luyện hợp với thủy-thổ, sinh-hoạt khí-hậu — đã biết thành cá-tính quốc-gia chỉ có phát-triển nhịp theo hoàn-cảnh, điều-kiện chứ không bao giờ có thể suy-vong.

Qua bao thế-kỷ, từng thấm nhuần Đông-triết, nay thêm tiếp-xúc văn-hoá Thái-Tây, người dân Việt đã biết dung-hoà và gìn giữ những gì là thích-hợp, tự tạo ra bản-năng đặc biệt và không bị hoàn-toàn chi-phối.

Cá-tính Quốc-Gia đã được chứng-minh bởi lịch-sử:

– Người Việt học NHÂN, NGHĨA, LỄ, TRÍ, TÍN TRUNG-QUÂN, ÁI-QUỐC của Khổng – Mạnh. Nhưng người “tôi” Việt không “trung” với “Thiên-triều”; người dân Việt không “nhân” với bè lũ Thoát-Hoan, mà cũng không hề “nghĩa” với bè lũ Tôn-Sĩ-Nghị.

– Trọng Lão giáo, PHẬT giáo, THIÊN-CHÚA giáo, học vị-tha, bác-ái, suy “Điềm-tĩnh”, “Vô-vi” nhưng trước hung-tàn bạo-ngược của ngoại-bang, người dân Việt biết đứng dậy xua đuổi quân thù.

– Thấm nhuần lý-thuyết của Locke, của Voltaire, của Rousseau, nhưng không dung những kẻ “tự-do” đi cướp “nhân quyền” để “phát-triển nhân-quyền”.

Trên một nghìn năm tranh-đấu chống ngoại-xâm đã chứng-minh tinh-thần dân-tộc.

Dân-tộc Việt ngày càng rèn dũa. phát-triển cá-tính quốc-gia trên mọi mặt.

Quân-sự:

Người Trung-Hoa dạy Tôn-Ngô Binh-pháp.

Người Việt đã quốc-gia-hoá Tôn-Ngô Binh-pháp: Binh-pháp của nhà Lý khiến cho Tống-triều phải học lại. Binh-Thư Yếu-Lược của nhà Trần đã đẩy lui quân Nguyên.

Chính-trị, Văn-hoá, Xã-hội:

– Thái-độ mạnh bạo trong cuộc cải-cách văn-hoá như sự phát-triển chữ Nôm trong thời-kỳ chữ Nho toàn-thịnh.

– Thực-hiện cải-cách cai-trị, thuế-má, điền-địa mặc dù trên đất nước Trung-Hoa những đế tử của Khổng – Mạnh vẫn còn rụt-rè.

Quá-trình tiến-hoá của dân-tộc, qua bao lớp sóng phế-hưng , qua bao cuộc xâm-lăng của ngoại-bang đã không bị kiệt-quệ hoặc mất tính-chất thuần-túy quốc-gia, trái lại, đã nảy nở thêm chí quật-cường lòng yêu nước thương nòi vô bờ bến trong tâm-can người dân nước Việt.

B- Những ngày tàn của một chế-độ

Qua ngót nghìn năm sống hiên-ngang với nền tự-chủ, đến cuối thế-kỷ 19, đường Việt lại bắt đầu vương xích xiềng nô-lệ.

Người Pháp dùng chánh-sách “Tầm Thực” (tầm ăn dâu) chiếm miền Nam nước Việt (Hoà-Uớc 1862) rồi lần dần, lập cuộc Bảo-hộ Bắc, Trung (Hoà-Uớc 1874 và Hoà-Uớc Harmand 1883).

Kế tiếp chánh-sách “tầm thực”, chánh-sách “Chia Để Trị” được áp-dụng triệt-để, kết-quả: quyền nội-trị của Việt-Nam dần thu hẹp như “miếng da lừa”, ngày một mất tính-chất, có hình-thức, thiếu nội-dung (Hoà-Uớc 184 và 1883), không còn giá-trị thực-tế nữa.

Vòng thuộc địa bắt đầu.

CHÍNH-TRỊ

Bắc, Trung, Nam có riêng mỗi xứ một chế-độ. Mỗi chế-độ một tổ-chức khác nhau và hình-thức có vẻ dân-chủ:

– Nam-Việt có Thống-Đốc. Thống-Đốc lập ra Hội-đồng Thuộc-địa, Hội-đồng hàng Tỉnh, Hội-đồng Thành-phố.

– Trung-Việt có Khâm-Sứ làm việc “bên cạnh” nhà Vua. Khâm-Sứ coi việc “ngoại-giao” bằng cách quyết đoán mọi việc và chủ toạ Viện-Cơ-Mật. Khâm-Sứ lập Hội-đồng Dân-biểu và đặt Công-sứ cho mỗi tỉnh.

– Bắc-Việt có Thống-Sứ. Thống-Sứ “hợp-tác” với Kinh-Lược Việt-Nam thay Vua định việc và chỉ phải tâu với Vua những việc đã làm. Mỗi Tỉnh có một Công-Sứ trực tiếp cai-trị. Thống-Sứ lập ra Hội-đồng hàng Tỉnh , Hội-đồng Dân-biểu.

Việc cai-trị 3 Xứ đặt dưới một Ông Toàn-Quyền. Toàn-Quyền phụ thuộc Bộ Thuộc-Địa Pháp.

KINH-TẾ:

Pháp thành-lập Sở Địa-Chất, Sở Mỏ đầy đủ để khai-thác tài-nguyên. Nhân-công của thuộc-địa nhiều và rẻ tiền khiến Pháp tận-lực lợi-dụng khai-khẩn trồng-trọt, mở-mang kỹ-nghệ nhẹ để thu lợi:

– Nào mỏ than Hòn-Gay, Ưông-Bí, mỏ vàng Bồng- Miêu, mỏ sắt Cao-Bằng...

– Nào đồn-điền cà-phê Yên-Bái, Phú-Thọ, Chi-Nê, đồn-điền cao-su Thủ-Dầu-Một, Biên-Hoà.

– Nào nhà máy giấy Đáp-Cầu, nhà máy đường Hiệp-Hoà, nhà máy xi-măng Hải-Phòng, nhà máy diêm Bến Thủy, nhà máy sợi Nam-Định, nhà máy Rượu, nhà máy Điện, nhà máy Nước v.v...

Việc xuất-cảng, nhập-cảng bị nắm trọn quyền. Thuế-má, điền-thổ được cải-cách thích-hợp theo nguyên-tắc muôn thuở của chánh-sách thực-dân.

QUÂN ĐỘI:

Một ngân-sách to lớn trên 100,000,000 đồng được thu lập để tổ-chức quân-đội, mục-đích giữ vững địa-vị “Bảo-Hộ” tổng thu quyền-lợi kinh-tế.

GIÁO-DỤC:

Trường công mỗi tỉnh không quá hai trường. Trường tư không có phép mở tự-do. Sự học gián-tiếp bị hạn-chế chỉ cốt có đủ số người dùng trong các công, tư sở Pháp. Đã vậy việc học hành lại hết sức khó-khăn, vì phải đủ nhiều “điều-kiện cần-thiết” mới được nhập trường hay thi-cử.

XÃ-HỘI:

Ngoài mấy công-việc đáng ghi nhớ như tẩy trừ bệnh dịch-hạch, đậu mùa, chó dại thì dân Việt-Nam vẫn phải “ưa” dùng thuốc Bắc rẻ tiền, dễ bề mời thầy, gọi thuốc. Lý-do: nhà thương ít ỏi, “đốc-tò” ít ỏi.

Từ năm 1940, Toàn-Quyền Decoux cố-gắng bù đắp những lỗ hổng của quá-khứ:

- Cải-tổ Chính-phủ Nam-Triều (1942)
- Nâng cao Việt ngữ bậc Tiểu-học
- Cho phép thành-lập Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ
- Lập thêm trường ở hương-thôn
- Mở mang Đại-Học-vụ
- Công-chức Việt và Pháp tương-đối ngang ngạch về lương-bổng và đối-đãi.
- Phong-trào Thanh-niên Khoẻ của Thiếu-tá Ducoroy
- Đường sá cầu cống, thủy-nông, thành-phố được mở man sửa chữa.

Nhưng buồn thay, quá-trình “mở-mang khai-hoá” thuộc-địa của người Pháp đã làm cho Việt-Nam kém tin-tưởng. Những cố-gắng của Toàn-Quyền Decoux không gây được tiếng vang nào.

Chế-độ cai-trị và chánh-sách đối xử trong 83 năm qua đã gián-tiếp giúp Nhật-Bản lật đổ chính-quyền.

Nhật-Bản tuyên-bố giả Độc-Lập cho Việt-Nam sau ngày 9 tháng 3-1945 và nêu rõ mục-đích thiết-lập Đại Gia-Đình Đông-Á.

Việt-Nam Độc-Lập?

Trong lịch-sử các dân-tộc trên thế-giới thử hỏi có dân-tộc nào lại được may-mắn hưởng độc-lập dễ-dàng theo liểu của Việt-Nam ?

Toàn dân Việt đã thấy, sau khi vua Bảo Đại tuyên-bố hủy-bỏ tất cả những Hiệp-Uớc ký giữa Việt – Pháp từ xưa để sửa-soạn tổ-chức một nước Việt-Nam Độc-Lập, thì tại Nam- Việt, Yoshio Minoda chiếm địa-vị Thống-Đốc, nguyên Đại-sứ Yokoyam thay chân Khâm-Sứ Pháp ở Trung-Việt và ngoài Bắc nhà ngoại-giao T.Tsukamoto nắm chặt cơ-quan cai-trị....

Song song với quyền cai-trị của các “Cố-Vấn” Nhật, chính-sách khủng-bố của quân-đội Machijiri, Tsushihashi, Sadao Kawamura được áp-dụng triệt-để làm hậu-thuần.

Việt-Nam chỉ độc-lập trên giấy tờ!!

Chính-sách thống-trị mới, vừa thâm-thúy vừa ích-kỷ vừa kiêu-ngạo độc-ác của quân-đội Thiên-Hoàng, vừa do hoàn-cảnh chiến-tranh khiến dân ta càng thêm đói cực, chết chóc kể hàng triệu.

Tâm-can người Việt-Nam hun-đúc trên 80 năm Pháp thuộc, nay người Nhật tưới thêm, dầu lửa cứu quốc nhất định phải bùng lên.

Chế-độ của Pháp, của Nhật, hay chế-độ thực-dân-địa nói chung đã đưa đến kết-quả dĩ nhiên: ngày lịch-sử 19 tháng 8 năm 1945.

1.- CHÍNH PHỦ TRẦN TRỌNG KIM

hiến tranh hoàn cầu lần thứ II bùng nổ. Một việc trọng đại làm thay đổi cuộc diện thế giới như vậy, người Việt Nam không hề tỏ thái độ của mình. Hoặc ủng hộ Đồng Minh, hoặc theo “Trục” hay ít nhất, đối ngoại phải tỏ rõ lập trường, đối nội, phải tích cực chuẩn bị giữ mình.

Hiếu tiền đồ dân tộc, rõ sự liên hệ mình với người, biết nhìn trước thời cuộc, chỉ có những người làm chính trị, những đảng phái cách mệnh, hay một số các người được gọi là trí thức.

Phải chăng đại đa số dân Việt Nam không biết đọc, không biết viết, không có dịp tập hợp dưới cờ Cứu Quốc, đã không theo dõi được tình hình, không kiểm điểm nổi bước tiến của Lịch Sử dân tộc ?

Phải chăng, với tình hình thế giới, người Việt Nam quá lãnh đạm thờ ơ ?

Nước Pháp thua ư ? Thì kẻ chiến thắng Pháp cũng là kẻ chiến thắng Việt Nam.

Ngược Pháp được ư ? Người Việt vẫn trong vòng cương tỏa, có chăng vài “tù nhân” được ân xá, vài ngày lễ chiến thắng, điểm binh, công chức nghỉ phép, học trò được chơi...

Thế này hoặc thế khác, người dân Việt vẫn phải còng lưng làm việc, đóng thuế (có khi nặng hơn trước để bù vào chiến tranh phí), vẫn mù chữ (vì đốt nát giúp sự cai trị được dễ dàng), vẫn không được tự do ngôn luận, lập hội, lập đoàn...Nghĩa là người dân không thay đổi gì hết, nếu có, cũng không đáng kể gì.

Tại sao dân Việt Nam lại thờ ơ như vậy ?

Vì chế độ thuộc địa trên đất Việt đã khắc sâu vào tâm khảm người dân những nét đáng buồn.

Trên giải đất thân yêu có những phản ánh lúc tế nhị, lúc bạo tàn. Sự thay đổi làn không khí âm u của non thế kỷ, dù không khí mới nhẹ hay nặng, việc đó không chắc lợi lộc gì cho Việt Nam cả.

Trạng thái tâm lý đã như vậy, nhưng tinh thần ra sao ? Phải chăng qua 80 năm trời buộc, tâm hồn người Việt đã bị trơ mòn đến nỗi tê liệt óc tranh đấu quật cường ?

Không!!

Bản tính người Việt suy nghĩ và trầm lặng.

Người dân Việt hằng nhắc tới hành động yêu nước trong những phong trào khởi nghĩa của Cha, Anh. Người dân vẫn chờ đợi, chờ đợi một cái gì mới mẻ sẽ đến.

Năm 1939, chiến tranh thế giới thực sự bắt đầu.

Trục là kẻ thù của Pháp: Nhật Bản ở phe Trục. Nhật là người Á Đông, hình dáng giống Trung Hoa và Việt. Nhật cũng hấp thụ đạo lý Khổng Mạnh, cũng dùng chữ Nho: Huynh đệ với Việt Nam về phương diện tinh thần! Người dân Việt biết thế.

Năm 1940, muốn đánh tập hậu và chặn đường tiếp tế Tưởng Giới Thạch, quân đội Thiên Hoàng cố tình đổ lỗi cho Pháp, tìm cớ để mượn đường Bắc Việt hành quân. Đã kém về với Hitler ở chính quốc, Pháp phải ôn hòa với Nhật ở Đông Dương, vì xét thực lực mọi mặt, Nhật Bản nắm ưu thế rõ ràng.

Sau một hồi tin đi mỗi lại, dưới sự hăm dọa của quân đội Phù Tang, Đô Đốc Decoux, người vừa thay thế chức Toàn Quyền Đông Dương của Tướng Catroux, dẫn lòng cho Đại Tá Nhật đem quân lực vào Bắc Việt, “mượn” Hải Phòng làm trạm dừng quân, “mượn” căn cứ Gia Lâm, Lào Kay, Phủ Lạng Thương cho Không Quân Hoàng Gia. Đối lại, chánh phủ Nhật phải tôn trọng chủ quyền Pháp ở Đông Dương và bảo đảm hành vi quân đội.

Tháng 9.1940, quân Nhật đặt chân lên đất Việt Nam theo thỏa hiệp đã ký kết.

Thoạt đầu bóng người quân nhân Nhật Bản cũng gây được đôi chút cảm tình với người dân Việt: có lúc lính Nhật cho trẻ con kẹo, bánh, thuốc lá, có lúc họ vào chơi nhà dân chúng, vái bàn thờ một cách lễ độ, có lúc họ đánh người Pháp bênh người Việt ngoài đường phố...Thái độ ấy người dân Việt thường tỏ ra bằng lòng.

Về sinh hoạt, người Nhật liên tiếp mở hiệu buôn, nhà thầu, tương đối giảm bớt được một số người thất

nghiệp, có người đã trở nên giàu có...Hàng của họ bán rất rẻ, vải có, thuốc có (Thời kỳ này, ngoại phẩm bên Pháp không sang được).

Chữ Nho như trời dậy sau 80 năm tưởng chừng đã chết. Việt và Nhật có thể bút thoại, người ta bắt đầu sưu tầm “bước tiến” loại sách báo Tân A, “Vương dương Minh” thấy xuất hiện. Người dân quen dần với những chiếc xe nhà binh màu đất, với kiểu quần áo cắt lụng thùng, với cây kiếm dài lê thê, với tiếng giầy đinh lệt xệt...Một đôi khi, từ cái mũ (lưỡi trai) thốt ra câu tiếng Việt, người dân nghĩ đến Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, rể của Hoàng Tộc Phù Tang, bàn tán đến Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội.

Nhật thăng Pháp thêm một điểm, dân chúng Việt Nam quay nhìn sức mạnh của con cháu Thái Dương Thần Nữ, tơ tưởng đến lòng tốt của người Nhật Bản.

Chính khách của Thiên Hoàng xúc tiến đẩy mạnh phong trào nào giúp Đảng Đại Việt, Việt Nam Phục Quốc, Cao Đài, Hòa Hảo, v.v...

Đồng thời với những vụ rối loạn, bạo động ở Sài Gòn, Cần Thơ, Rạch Giá, Bạc Liêu, Đồng Tháp Mười (1940), Nghệ An, Đô Lương (1941), Pháp phải dùng đến bom triệt hạ, người Nhật đã biết lợi dụng lòng yêu nước của người Việt để xoa nắn lòng ái quốc của dân tộc Việt Nam, mục đích đẩy Pháp đến đường cùng.

Giữa lúc Pháp và Nhật tranh dành nhau, kèn cựa đối phó nhau, phong trào Việt Minh phát triển: Mỗi lo âu cho Nhật lẫn Pháp.

Việt Minh là hai chữ tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, do một số các người cách mệnh quốc tế lãnh đạo, thành lập năm 1941. Phương châm: “Bài Phong, Phán Đế, Diệt Phát Xít” giải phóng dân tộc Việt Nam, hợp tác với mọi lực lượng chống Phát Xít, tiêu diệt thực dân và đế quốc chủ nghĩa.

Việt Minh tố giác Nhật Bản bề ngoài mơn trớn dân ta, bề trong giết ngấm, giết ngầm. Nào “mua” thóc, nào “khuyến khích” trồng đay, trồng gai thay cho ngô, lúa. Người Nhật có phương tiện “giản dị” hơn người Pháp, thích hợp hơn người Pháp: dân ta, kẻ nào làm “rối trật tự” chắc chắn được đi nếm vị “âm dương”, “tàu bay, tàu thủy”^[1] tượng trưng thuần túy của “Võ sĩ đạo” và thường thường, kẻ “có tội” được trả nợ non sông dưới đường kiếm sắc.

Tinh thần người dân Việt lại lung lay. Tâm lý người dân Việt lại thay đổi. Một số người lại tiếc rẻ hình dáng cũ. Quân đội Nhật hung ác quá.

Người Nhật đào thêm hố chia rẽ giữa Pháp và Việt. Thái độ bàng quan của Việt do đó ngày càng rõ.

Phái thân Nhật phát triển hoạt động. Pháp cố gắng liên lạc với Đồng Minh. Tiềm lực giải phóng quốc gia dân tộc của Việt Nam liên tục chuyển mình.

Đùng một cái Matsumoto gửi tối hậu thư cho Decoux (20 giờ ngày 8.3. 1945), mười tiếng đồng hồ sau, cờ mặt giời phát phối tung bay trên thủ đô nước Việt.

9.3.1945!

Tòa nhà của Pháp nỗ lực xây trong 80 năm đặng đặng sụp đổ trong khoảng khắc.

Sau khi đảo chính, Tổng tư lệnh quân đội Nhật ở Đông Dương tuyên bố: “Người Nhật trao trả Độc Lập cho Việt Nam để cùng nhau lập khối Đại Đông Á”^[2]

Ngày 11.3.1945, Vua Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ tất cả những hiệp ước ký với Pháp từ xưa và chánh phủ Việt Nam tin tưởng ở nhiệt thành, đẹp đẽ của Nhật: Việt Nam Độc Lập.

Báo chí lại bắt đầu xuất bản. Các đảng phái công khai xuất hiện: Phục Quốc, Đại Việt Quốc Gia Liên Minh, Thanh Niên Ái Quốc Đoàn v.v...

Tuy nhiên dân chúng vẫn thờ ơ, chưa thấy điều gì mới lạ. Để giải quyết vấn đề tâm lý, Nội các của các ông Thượng Thư giải tán.

Sau khi chuẩn y cho Nội Các cũ từ chức, Vua Bảo Đại triệu tập nhân tài ra giúp nước.

Tình trạng bi đát lúc giao thời: Nạn đói tung hoành trên đất Bắc, đốt thóc khai than tại miền Nam, toàn thể bộ máy hành chính bị tê liệt, sự đi lại bị kiểm soát ngặt nghèo. Thêm vào đó nạn chợ đen và bom Mỹ. Một đạo Dụ ra đời tạm thỏa lòng dân mong đợi:

Nước Việt Nam Độc Lập đã có một Nội Các mới (17.4.1945) do Cụ Trần Trọng Kim làm Thủ Tướng

với các Bộ:

- Ngoại Giao: Trần Văn Chương
- Nội Vụ: Trần Đình Nam
- Kinh Tế: Hồ Tá Khanh
- Tài Chính: Vũ Văn Hiền
- Tiếp Tế: Nguyễn Hữu Thi
- Giáo Dục Và Mỹ Thuật: Hoàng Xuân Hãn
- Tư Pháp: Trịnh Đình Thảo
- Thanh Niên: Phan Anh
- Giao Thông Công Chính: Lưu Văn Lang
- Y Tế Cứu Tế: Trương Như Định

Đó là Nội Các đầu tiên với những tên Bộ nghe tân tiến. Chính phủ Nam triều trước ngày 9.3.1945 gồm có 6 Bộ do ông Phạm Quỳnh lãnh đạo:

- Bộ Lại: Phạm Quỳnh (Nội Vụ)
- Bộ Hộ: Hồ Đắc Khải (Tài Chính)
- Bộ Lễ: Ưng Ủy (Tư Pháp)
- Bộ Học: Trần Thanh Đạt (Giáo Dục)
- Bộ Kinh Tế: Trương Như Định

Việc thành lập Nội Các mới đã giải quyết vấn đề tâm lý dân chúng một khoảng khắc. Người dân tỏ cảm tình khi nhận thấy số đông các vị Bộ Trưởng là những người tương đối có tài có đức. Cụ Trần Trọng Kim là một học giả danh tiếng, tài năng và đức hạnh của Cụ nhiều người đã biết. Lòng ái quốc từng được diễn đạt qua những tác phẩm của Cụ. Nay đứng lãnh đạo chính phủ với khẩu hiệu Dân Vi Quý của Vua Bảo Đại. Quốc dân tỏ vẻ tín nhiệm chính phủ mới cũng như Hoàng Đế tín nhiệm ^[3]

Ngày 3.5.1945, Hoàng Đế Bảo Đại ban bố một Bản Tuyên Chiếu lời lẽ súc tích, cứng cỏi, quảng đạt và vô cùng sáng suốt:

“ Chư Khanh,
Nội Các này là chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Độc Lập sau 80 năm thuộc quyền ngoại quốc thống trị.
Trong thời gian đó, dưới chính thể eo hẹp của người ngoài, dù có tài năng ra giúp nước cũng thế thì thổ được gì.
Nay nhờ được Hoàng Quân Đại Nhật Bản, nước nhà đã được giải phóng.
Những người ra gánh vác việc nước ngày nay là được cái vinh dự tối cao, mà cũng là đảm đương một trách nhiệm rất to và chịu một sự hy sinh rất nặng.
Trẫm đã lựa chọn khắp nhân tài trong nước, kén lấy những người có học thức, có kinh nghiệm để đảm đương việc nước trong buổi bây giờ. Trẫm chắc rằng chư khanh sẽ làm chức vụ không phụ lòng Trẫm ủy thác và lòng dân kỳ vọng.
Điều cần nhất là phải gây sự đồng tâm hiệp lực trong toàn thể quốc dân. Phải đoàn kết chặt chẽ các giai tầng xã hội và luôn luôn giữ mối liên lạc mật thiết giữa Chính phủ và nhân dân.
Chính phủ ngày nay không phải phụng sự một cá nhân hay một đảng phái nào cả. Dân nô lệ nhất thiết ỷ lại ở người, dân độc lập nhất thiết trông cậy ở mình. Trông ở mình thì phải gắng sức hy sinh mới mong sinh tồn phát đạt được ở giữa cõi đời cạnh tranh kịch liệt ngày nay.
Dân một nước Độc Lập là dân biết ham tự do mà cũng trọng kỷ luật, giữ trật tự thì sự trị an được dễ dàng mà chính phủ mới lo cải tạo quốc gia được.

Muốn cải tạo quốc gia, chính phủ cần hành động cho có quy củ, nghĩa là phải có Hiến Pháp.

Hiến Pháp tương lai của Việt Nam sẽ căn cứ vào hợp nhất quốc gia, sự quân, dân cộng tác và những quyền tự do, chính trị, tôn giáo cùng nghiệp đoàn của nhân dân.

Một Hội Nghị Lập Hiến sẽ căn cứ vào những nguyên tắc kể trên mà khởi thảo một bản Hiến Pháp.

Nhưng trong lúc chiến tranh này, những vấn đề quốc kế dân sinh rất là phiền phức và khẩn cấp. Chính phủ phải có đủ quyền mà giải quyết những vấn đề đó mau chóng.

Còn về phương diện dân, sẽ có những cơ quan cố vấn đặt trong toàn quốc hay trong các địa phương để bày tỏ ý kiến với chính phủ và liên lạc chính phủ với nhân dân.

Đồng thời một ủy ban sẽ nghiên cứu những sự cải cách như sự nghi lễ, quốc kỳ và quốc ca v.v...

Trăm biết nó dễ mà khó: Trên con đường độc lập của nước nhà còn biết bao là nỗi khó khăn nhưng Trăm tin rằng một dân tộc trên 20 triệu người như dân Việt Nam ta, đã có 2000 năm lịch sử, vẻ vang oanh liệt, chẳng kém gì người, sẽ đủ sức vượt qua mọi sự khó khăn, đủ sức gánh một phần trách nhiệm trong việc kiến thiết nền thịnh vượng chung ở Đại Đông Á và đi tới địa vị một dân tộc hùng cường trong thế giới được.”

Sau khi quốc dân được nghe tuyên chiếu, đến lượt Nội Các rõ ràng nhấn mạnh những việc phải thi hành ngõ hầu xây dựng một nước Việt Nam trường cửu:

Về kinh tế sẽ được định lại thuế khoá cho công bình, duy nhất, nâng cao trình độ sinh hoạt của dân chúng.

Về chính trị, hợp nhất mọi giai tầng xã hội, xây đài kỷ niệm để ghi ơn các vị anh hùng đã hy sinh vì nòi giống, sẽ tìm cách để những chính khách còn phiêu lưu nơi hải ngoại trở về Tổ Quốc, những án tiết về chính trị sẽ xóa bỏ.

Về xã hội, việc tiếp tế lương thực cho nhân dân ngoài Bắc được xúc tiến để diệt nạn đói đang hoành hành.

Về hành chính, diệt trừ nạn tham nhũng

Về tư pháp, trù tính việc thống nhất pháp luật để tránh lạm quyền hành chính và tư pháp...

Dân Việt Nam có vị Vua trẻ tuổi, có chính phủ tận tâm và nhiệt thành. Nhưng buồn thay dưới áp lực của người Nhật vì đại đa số dân chúng Việt Nam còn bỡ ngỡ trước những vấn đề chánh trị cho nên trên thực tế kết quả công việc chẳng được là bao.

Nhưng mặc dầu ở vào tình thế khó bề phát triển khả năng, Hoàng Đế cũng đã hướng dẫn được chính phủ tích cực hoạt động, đã gây được một ý niệm tốt đẹp với quốc dân.

Tuy Nhật Bản tuyên bố trao Độc Lập cho Việt Nam nhưng họ vẫn trực tiếp chỉ huy thực tế nền cai trị: Yoshio Minoda cầm quyền chính thay Thống Đốc Pháp ở Nam Việt. Trung Việt có Khâm Sứ mới Yokoyama kiêm “ngoại giao”. Bắc Việt, T.Tsukhan lo giữ chức Thống Sứ. Mỗi tỉnh một viên Công Sứ Nhật, mỗi sở một Ở địa hạt kinh tế, Nhật càng phát triển cường quyền:

– Bắt dân ta bỏ cấy lúa, trồng đay, trồng gai cho chúng dùng (Một trong những nguyên nhân gây ra nạn đói).

– Các sở mỏ hoặc bị trưng thu, hoặc bị dưới quyền “cố vấn”.

– Kỹ sư và giám đốc Pháp, Việt, chịu ăn lương của các Công ty Nhật Bản: nguyên liệu sản xuất bao nhiêu, được chuyên chở bấy nhiêu lên tàu buôn Nhật.

– Xe cộ bị trưng thu cho nhà binh, nhà cửa cũng chung số phận. Gia dĩ đường xe lửa đã bị gián đoạn bởi sự oanh tạc của Đồng Minh, cũng bị quân lính Nhật đặc quyền dùng....

Ở địa hạt quân sự. Nhật tuyển mộ binh lính với danh nghĩa gia đình Đại Đông Á, tăng cường công tác

gián điệp.

Giữa hoàn cảnh ấy, chúng ta hãy kiểm điểm thành tích nội các họ Trần:

- Chính phủ lấy Cờ Vàng Quê Ly thay Cờ Long Tỉnh. Đặt quốc ca bài Tiếng Gọi Thanh Niên của Lưu Hữu Phước thay cho bài Đăng Đàn Cung.
- Chương trình giáo dục mới được áp dụng. Tiếng Việt Nam làm căn bản của nền Tiểu Học và Trung Học.
- Những quan lại tham nhũng bị thanh trừ, thay thế bằng những vị liêm khiết...
- Bắc Việt: Khâm Sai Phan Kế Toại tích cực chống nạn đói, lập ban Cứu Tế, cải tổ ngạch quan lại. Ông Đốc Lý Trần Văn Lai phá bỏ tượng đồng trong thành phố, vết tích nền thống trị ngoại bang.
- Trung Việt: Ông Tổng Trưởng Phan Anh đôn đốc hai ông Tạ Quang Bửu, Phan Tử Lăng tổ chức Thanh Niên Tiền Tuyến và Thanh Niên Xã Hội (Thanh niên xã hội chưa kịp ra đời thì nội các đã cải tổ)
- Nam Việt: Bác Sĩ Phạm Ngọc Thạch thành lập Thanh Niên Tiền Phong. Bác Sĩ Nguyễn Văn Thỉnh tổ chức tải gạo cứu tế cho đồng bào Trung, Bắc.

Trong lúc chính phủ đang cố gắng “tranh đấu” với quân phiệt Nhật để giành lấy tự chủ thực tế, phong trào cách mạng nổ bùng sau bao năm tiềm ẩn...

Trước hoạt động mạnh bạo của các đội võ trang tuyên truyền Việt Minh, trước hành vi, tổ chức khôn khéo của các cán bộ Việt Minh, Nội Các Trần Trọng Kim, nội bộ thì bị gò ép vì quyền lực Nhật Bản, thiếu hậu thuẫn tinh thần trong quảng đại nhân dân, thiếu phương tiện vật chất, đã xin từ chức.

Chính quyền chính thức chuyển qua tay Chính phủ mới, chính thể mới: Ngày 19.8.1945

Thời gian quá ngắn ngủi có 4 tháng giời, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, điều kiện khách quan thiếu, điều kiện chủ quan thiếu: Những cố gắng của Nội Các Trần Trọng Kim dưới sự lãnh đạo của Đức Bảo Đại là một thành công

2.- CHÍNH PHỦ HỒ CHÍ MINH (Dân Chủ Cộng Hòa)

Trong khi các đảng phái chính trị như Phục Quốc, Đại Việt, Cao Đài, Hòa Hảo... công khai hoạt động dựa vào thế lực Nhật Bản, thì từ năm 1941, một đảng cách mệnh lấy tên là Mặt trận Việt Minh thành lập hoạt động ráo riết. Mặt trận Việt Minh thoát thai Đông Dương Cộng Sản đảng, do một số người Mác Xít điều khiển, lực lượng cốt cán là những toán du kích Thổ địa phương. Khẩu hiệu tranh đấu của Mặt Trận: Bài Phong, Phấn Đế, đoàn kết các giai tầng xã hội, các lực lượng cách mạng, các dân tộc thiểu số, liên kết với tất cả những Xứ bị áp bức ở Đông Dương và hợp tác với mọi phần tử chống Phát Xít.

Từ năm 1941, Việt Minh tích cực hoạt động.

Trên miền sơn cước, xúc tiến thành lập các chiến khu, gây cơ sở cho những đội du kích, thiết lập căn cứ địa và các kho dự trữ. Bắc Việt được chia thành những chiến khu:

- Khu I là trung tâm, gồm có Châu Tự Do và một phần hai Tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn. Chiến khu Cao Bắc Lạng gồm 3 Tỉnh biên cương Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.
- Chiến khu II gồm mấy Tỉnh Sơn Tây, Hòa Bình, Phú Lý, Hà Đông v.v..
- Chiến khu III và IV thuộc miền duyên hải.
- Sau đó, còn chiến khu V, VI, VII, VIII, IX ở Trung và Nam Việt.

Tại các chiến khu, những đội võ trang tuyên truyền được thành lập, với nhiệm vụ đi sâu vào các làng mạc để tuyên truyền cách mạng, thành lập các ổ du kích địa phương, huấn luyện chiến đấu cho dân quân, diệt trừ những phần tử đã liệt vào hạng “phản động”.

Ngoài những nhà cách mạng quốc gia lão thành, có kinh nghiệm, còn thì ít ai biết Việt Minh là Cộng Sản trá hình.

Khi lãnh tụ Cộng Sản là Hồ chí Minh bị bắt giam tại Trung Hoa (Liễu Châu), hoạt động Việt Minh còn kém cỏi. Nhờ sự can thiệp của một Ủy Viên Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội (Nghiêm Kế Tổ) với

chính phủ Trùng Khánh để xin tự do cho ông Nguyễn Tường Tam cũng bị giữ, tiện thể đã vận động cho cả hai người, nên Hồ chí Minh nhờ đó cũng được giải phóng.

Sau khi Hồ chí Minh thoát lao tù, Hồ chí Minh được các tướng lĩnh Trung Hoa thân cộng giúp đỡ tìm cách cho về nước nên Việt Minh càng ngày càng tiến triển hoạt động [4]

Về quân sự, Việt Minh tượng trưng phong trào Kháng Nhật cho nên được quân đội Đồng Minh giúp sức. Nào tiếp tế vũ khí, thuốc men, lương thực, tiền bạc. Nào giúp đỡ sĩ quan, huấn luyện quân sự, sử dụng vũ khí tối tân...Những khu du kích thi nhau phát triển ở Thượng Du, các thanh niên giác ngộ bỏ gia đình, trường học tìm đường lên chiến khu học tập.

Về kinh tài, Việt Minh tìm cách quên tiền của dân chúng, chuyên chở khí giới, thuốc phiện lậu, cướp các đoàn xe vận tải, kho thóc lúa, tổng tiền các quan lại, phú hào, điền chủ để lập Quỹ hoạt động.

Về tuyên truyền, những sách báo bí mật như Quân Du Kích, Cờ Giải Phóng (Cộng Sản), Cứu Quốc (tổng bộ Việt Minh), Độc Lập (dân chủ đảng) được in và ngấm phát hành trong dân chúng, huấn luyện cho họ hiểu biết, quen thuộc với chính trị và tranh đấu, báo cáo tình hình trong và ngoài nước ngõ hầu người dân được thông thạo, am hiểu tình thế.

Lần đầu tiên dân chúng được làm quen với những tờ báo khổ nhỏ, in thạch bản, những bài hát cách mạng hùng hồn, quyến rũ, những danh từ chính trị cứng cỏi, mạnh bạo, những hoạt động oai hùng của quân giải phóng, của Phụ nữ Hồ Ba Bể.

Tại Thủ Đô Hà Nội, những hành động táo bạo khi ẩn, khi hiện của các đội xung phong tuyên truyền trong các trường học, rạp hát, các nơi công cộng đã làm cho dân chúng tin phục.

Dựa vào thế âm u, đầy đặc của núi rừng, Việt Minh đã tận dụng mọi khả năng để chiến đấu mỗi khi quân đội Nhật định lần mò lên tiêu diệt (Một đèo gần Châu Văn Lang thuộc Thái Nguyên được mang tên là Đèo Kháng Nhật, tại đây, du kích quân đã hạ nhiều xe cam nhông của Nhật).

Mỗi việc xảy ra, hễ hơi có lợi là Việt Minh tận lực tuyên truyền đập thẳng vào tâm trạng chất phác và giàu tưởng tượng của người dân. Do đó Việt Minh hấp dẫn được đông đảo nhân dân theo họ và ủng hộ phong trào. Đám dân chúng đã biến thành những đợt sóng cồn để Việt Minh tha hồ mà thổi.

Từ khi được lòng thán phục của quảng đại quần chúng, Việt Minh hết sức khai thác năng lực của nhân dân. Nào là thúc đẩy thanh niên nam nữ lên chiến khu, xung vào bộ đội. Nào là yêu cầu ủng hộ thóc lúa, tiền bạc. Nào là yêu cầu nhân dân nuôi nấng, che chở cán bộ hoạt động...Thật chẳng thiếu một hình thức nào.

Tóm lại, Việt Minh đã khôn khéo biết dùng sinh lực của nhân dân, để bồi bổ tổ chức, ngược lại, gây được uy thế với nhân dân trong nước. Do đó, Việt Minh, bán chính thức đã được Đồng Minh công nhận là một phong trào chống Phát Xít Nhật Bản.

Được thế danh chính ngôn thuận, đáng lẽ phải liên kết tất cả các đảng phái hiệp lực cứu quốc, đảng này các lãnh tụ Đỏ lại chủ trương chính sách loại trừ. Các lực lượng, các nhóm, đảng khác màu sắc chính trị lần lượt nằm trong chương trình thanh toán của Việt Minh.

Trong nước, Việt Minh không bao dung các nhóm khác màu chính trị, khẳng khẳng đẩy họ vào thế đối lập. Ngoài nước cậy mình đã có tổ chức, cơ sở hoàn hảo, thẳng tay đối xử với các đảng cách mạng quốc gia còn phiêu bạt và các lãnh tụ không cùng xu hướng.

Chánh sách *Dĩ Đảng Trị Quốc* chưa chi đã nổi bật không dấu diếm khiến mầm chia rẽ, bất hòa đã khởi điểm sâu sắc.

Ngày mồng 9 tháng 3.1945, Nhật lật đổ chính quyền Pháp, đồng thời trao trả chủ quyền cho Việt Nam.

Nhưng quốc dân dần dần nhận rõ những hành động dối trá của Nhật. Mặc dầu đã có chính phủ Trần Trọng Kim, Nhật Bản vẫn chiếm đoạt thực quyền cai trị. Bao nhiêu "Cố Vấn" Nhật, bao nhiêu chính khách Nhật len lỏi và các cơ quan hành chính và chuyên môn, người ta không thể đếm xuể nữa.

Sau khi hai quả bom nguyên tử nổ ở Hiroshima và Nagasak, Nhật đầu hàng Đồng Minh không điều kiện. Để nắm lấy thời cơ, Việt Minh gấp rút chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Ngày 7.8.1945 một cuộc triệu tập "Quốc Dân Đại Hội" tổ chức ở Khu giải phóng để bầu Ủy Ban Giải

Phóng Dân Tộc, lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa trước khi quân Đồng Minh đến trước khí giới quân đội Nhật.

Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc gồm có:

Chủ Tịch: Hồ chí Minh.

– Trần huy Liệu

Phó Chủ Tịch: Võ nguyên Giáp

– Phạm văn Đồng

– Chu văn Tấn

– Nguyễn Lương Bằng

– Vũ đình Hòe

Các Ủy Viên: – Dương đức Hiền

– Cù huy Cận

– Nguyễn văn Xuyến

Một Ủy Ban Quân Sự được chính bị, tập hợp lực lượng du kích quân và võ trang tuyên truyền thành quân đội giải phóng.

Ngày 10 tháng 8.1945, lệnh Tổng khởi nghĩa bắt đầu.

Vì tình hình biến chuyển quá nhanh, cuộc đại hội chưa đủ mặt các đại biểu, thì lệnh khởi nghĩa đã ban bố, một số đông cán bộ mới đi tới nửa đường đã phải quay trở lại.

Tại Trung Du, Việt Minh tiến chiếm một cách dễ dàng. Ở Thủ Đô Hà Nội, dân chủ đảng, một bộ phận trong mặt trận Việt Minh, gồm đa số là trí thức, sinh viên và tiểu tư sản thành thị, trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Chiều hôm 17 tháng 8.1945, Tổng Hội Công Chức triệu tập một cuộc mít tinh ở Nhà Hát Lớn Hà Nội để tranh đấu đòi Độc Lập (Trong Tổng Hội Công Chức lúc đó đã có nhiều phần tử Việt Minh hoạt động).

Giữa lúc các diễn giả đang hô hào dân chúng, một lá cờ đỏ sao vàng vĩ đại bỗng nhiên xuất hiện và Quốc Kỳ Quê Ly từ từ hạ. Từ các ngả, đội xung phong tuyên truyền Việt Minh tiến tới, đồng thời vang lên những khẩu hiệu “Ủng hộ Việt Minh”. Các cán bộ Việt Minh đang hoảng chiếm máy phóng thanh để nói trước dân chúng

Một cán bộ phụ nữ (Cô Tâm Kính, người Trung Việt, dân chủ đảng, sau được bầu đại biểu quốc hội) hăng hái kêu gọi dân chúng tham gia và ủng hộ phong trào.

Cuộc mít tinh biến thành biểu tình tuần hành, riều qua Bờ Hồ, Hàng Đào, Hàng Ngang, giải tán ở Quan Thánh trước thái độ yên lặng của quân đội Nhật.

Ngày 18 tháng 8.1945, các đội tuyên truyền Việt Minh công khai chia nhau đi các phố, các ngả, dùng loa kêu gọi toàn thể dân chúng nội ngoại thành chuẩn bị cuộc biểu tình tuần hành võ trang sẽ tổ chức tại công trường Nhà Hát Lớn ngày hôm sau.

Hà Nội hồi hộp sống giữa rừng biểu ngữ, truyền đơn, cờ đỏ sao vàng la liệt. Thành phố như lên cơn sốt rét, chỗ nào cũng bàn tán xôn xao, mong đợi ngày mai chóng tới để được biết mặt “Việt Minh”, những con người ngang tàng đã từng đưa rờn Hiến Binh Nhật, đã từng “chiến thắng” quân đội Nhật.

Ngày 19 tháng 8.1945. Tại công trường Nhà Hát Lớn, hàng mấy chục vạn dân chúng đã rầm rộ từ khắp các ngả đường kéo tới, tập hợp dưới sự hướng dẫn của Ủy Ban Khởi Nghĩa. Người ta nhận thấy những đội xung phong tuyên truyền, võ trang bằng súng lục, dao găm đứng trên thềm cao. Ở dưới, những đội cảnh sát với y phục trắng, những đoàn hướng đạo, học sinh v.v... Trước mặt Nhà Hát Lớn, một hàng rào cờ đỏ ngẫu nhiên, san sát bao vòng lấy vườn hoa. Những vũ khí thô sơ đủ kiểu, đủ hình..từ dao bầu, kéo sắc, kiếm thờ, búa loong, cày, cuốc, bừa cào cho đến mã tấu, đinh ba, gậy gộc, súng săn...thì đủ thứ, cái gì có thể “đánh người” được, đều bị mang ra để biểu dương ý chí

Sau khi nghe lời hiệu triệu của ủy viên mặt trận, dân chúng bị khích động, rầm rộ kéo đến Dinh Khâm Sai theo sự hướng dẫn của các đội xung phong võ trang, yêu cầu ông Phan Kế Toại trao lại chính quyền

cho nhân dân. Không tốn một viên đạn, chính quyền được trao lại cho các ủy viên đại diện. (Thực ra, đã có cuộc điều đình từ đêm hôm trước). Đoàn người nhu nước vỡ bờ, vừa đi vừa hô những khẩu hiệu mạnh mẽ, tràn đến Tòa Đốc Lý. Đến đây, Thị Trưởng Trần Văn Lai thức thời, ra niềm nở đón tiếp.

Khi dân chúng tiến đến Trại Bảo An Bình, quân lính Nhật thoạt tiên còn khăng khăng không chịu giao những kho vũ khí, viện cớ để trao trả Đồng Minh. Dân chúng phần nộ bao vây hàng mấy tiếng đồng hồ, sau đó quân lính Nhật đành xử nhũn để cho dân chúng chiếm trại.

Công việc chiếm đoạt chính quyền tại các Tỉnh tiến hành rất dễ dàng. Riêng có Hà Đông, khi dân chúng tiến vào Dinh Tỉnh Trưởng bị Quân Dưỡng hạ lệnh cho binh lính bắn chết và bị thương mất một số, nhưng sau Quân Dưỡng cũng bị bắt. (Khi chính quyền đã hoàn toàn về tay Việt Minh, Quân Dưỡng đã bị xử tử hình)

Tại Nam Việt, lực lượng Việt Minh rất kém cỏi, nên hoạt động hầu như không có ai biết đến.

Ngày 14 tháng 8.1945, các nhóm chính trị gồm các Đảng Độc Lập, Thanh Niên Tiền Phong, Cao Đài, Hòa Hảo, Phục Quốc, Đệ Tứ cùng các đoàn thể trí thức, công chức tập hợp thành một Mặt Trận Liên Hiệp Quốc Gia, mục đích để giao thiệp và trực tiếp nhận khí giới của Nhật trước khi Đồng Minh tới. Đại biểu của Mặt Trận Liên Hiệp Quốc Gia là Trần Văn An, Hồ Văn Ngà và Nguyễn Văn Sâm, Khâm Sai Nam Việt.

Các cán bộ Việt Minh lãnh đạo Nam Việt nhận thấy nếu để khí giới lọt vào tay các đảng phái khác, Việt Minh sẽ thất thế.

Do đó, trong một cuộc hội họp, các lãnh tụ Đỏ đã khôn khéo thuyết phục các nhóm khác với lý luận: Nếu những đảng phái thân Nhật đứng ra tiếp thu khí giới, Đồng Minh sẽ viện cớ là đã hợp tác với Nhật từ trước, chủ quyền vì thế khó lòng đạt được, tốt hơn hết Đồng Minh đã biết mặt trận Việt Minh là phong trào duy nhất kháng Nhật, nên để Việt Minh tiếp nhận những vũ khí đó. Các đảng phái đồng ý, cho rằng Việt Minh đại diện là hợp lý.

Được thế, Việt Minh ra luôn công khai tuyên truyền sự hoạt động và hiện diện của Việt Minh trên toàn lãnh thổ, sự thành công Chống Pháp, Kháng Nhật của Việt Minh từ mấy năm nay...

Cờ đỏ sao vàng mọc lên như nấm. Đối ngoại, Việt Minh tiếp nhận quyền hành và vũ khí của Nhật Bản. Đối nội, Việt Minh thành lập cấp tốc các ủy ban nhân dân địa phương, các sư đoàn dân quân, tăng cường lực lượng Thanh Niên Tiền Phong (lực lượng cốt cán, do Bác Sĩ Phạm ngọc Thạch, lãnh tụ Đỏ lãnh đạo), lấn át dần các đảng phái khác.

Tóm lại, Việt Minh đã hoàn thành “sự nghiệp vĩ đại” của họ mặc dầu thực lực của họ chẳng có gì, chỉ có một thiếu sót khôn khéo lãnh đạo. Thời gian và tâm trạng dân chúng đã trực tiếp giúp cho Việt Minh thành công đưa nước Việt Nam tiến đến một bước ngoặt lịch sử.

Thâu đoạt được chính quyền trong tay, Việt Minh thành lập tức khắc các ủy ban để thay thế cho chế độ cai trị cũ tại các thành phố, các tỉnh, phủ, huyện, làng. Tất cả mọi hoạt động đều đặt dưới quyền điều khiển của Tổng Bộ Việt Minh gồm các lãnh tụ Cộng Sản:

- Nguyễn lương Bằng, bí danh Anh Cả, Sao Đỏ,
- Trần huy Liệu,
- Võ nguyên Giáp, bí danh là Dương hoài Nam, đồng chí Văn,
- Lý Ban bí danh Hoài Bắc,
- Trần đăng Ninh, bí danh To đầu,
- Đặng xuân Khu, bí danh Trường Chinh,
- Phạm văn Đồng, bí danh Lâm bá Kiệt,
- Chu văn Tấn,
- Trần tử Bình,
- Lê văn Hiến,
- Lê Giản,
- Trần văn Giàu v.v...

Trước khi Việt Minh chiếm Bắc Việt, từ ngày quân đội Nhật đầu hàng Đồng Minh, Vua Bảo Đại cũng đã nhìn rõ những sự khó khăn sẽ xảy đến giữa Việt và Pháp cho nên Người đã ra lệnh tổ chức một Hội Đồng Cứu Quốc (18.18.1945) dự định tập hợp tất cả các đảng phái chính trị chuẩn bị một cuộc chiến đấu lâu bền nếu người Pháp còn ngoan cố không chịu nhìn nhận nền tự chủ của Việt Nam.

Để thực hiện ý định đó, Người đã vạch rõ chí quật cường của dân tộc Việt Nam trên 2000 năm lịch sử trong những Thông điệp gửi cho các cường quốc. Người nhấn mạnh Việt Nam ngày nay đã đủ sức tự chủ và không muốn chịu đựng một cuộc đô hộ nào nữa. Nếu người Pháp cố ý thiết lập lại nền thống trị, họ sẽ thấy ở Việt Nam, mỗi làng là một ổ kháng chiến, mỗi người Việt Nam bạn cũ của Pháp là một kẻ thù mới, những công chức và kiều dân Pháp sẽ phải tự bỏ Việt Nam mà rút đi...Người nhấn mạnh sự cương quyết của dân tộc Việt Nam hiện tại.

Trong khi ấy, tại Thủ Đô Hà Nội đã tràn ngập bóng cờ đỏ sao vàng và một yêu cầu lịch sử của ủy ban giải phóng điện vào Huế yêu cầu Đức Vua thoái vị.

Tại Hoàng Cung, các cận thần của Vua đều vắng mặt. Người ta đã được nghe nhiều đến sự hoạt động của Việt Minh và đã quá sợ sệt cao trào cách mạng. Những tin tức về Việt Minh có lực lượng hùng hậu được Đồng Minh công nhận và giúp đỡ v.v...đã làm sôi nổi Đế Đô. Những tin tức ấy càng ngày càng nhiều, càng ngày càng được phóng đại.

Tiếp đến khi Hoàng Cung nhận được điện của ủy ban giải phóng thì bên cạnh Hoàng Đế trợ trọng đến phút cuối cùng chỉ còn có ông Nguyễn Duy Quang, một người chủ trì thuyết chống Việt Minh. Ngoài ra còn có một vị cận thần hồi đó hết sức khuyên Hoàng Đế đánh Việt Minh. ...nhưng Hoàng Đế trả lời không nỡ gây cuộc huynh đệ tương tàn nên mới vui lòng thoái vị.

Ngày 24.8.1945, Hoàng Đế chuẩn y lời yêu cầu của ủy ban cách mạng để vui lòng làm công dân một nước độc lập.

Về mặt tinh thần, cử chỉ ấy thật là một việc phi thường, một hy sinh cực độ. Người quả xứng đáng là công dân số một của nước Việt Nam.

Về phương diện tâm lý, dân Việt Nam phải nhận thấy một niềm vui, thương xót nơi Hoàng Đế. Không phải là Hoàng Đế quý ngai vàng bệ ngọc hơn nền Độc Lập của Tổ Quốc Giang Sơn, nhưng chính vì một lẽ rất thành thực là: Hành động của Hoàng Đế thoát thai ở những tin tức sai lầm, xảo trá, phóng đại, phiến diện, những tin tức có tổ chức, có hướng dẫn. Hành động của Hoàng Đế là kết quả của những ý kiến thiên lệch của đám cận thần “Thân Cộng”. Hành động ấy không hoàn toàn “chủ động” và “chín mùi” của một vị Hoàng Đế “cô thế” giữa đám cận thần “Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai...”

Sự vui lòng và lo âu trong thâm tâm của Hoàng Đế có nghĩa là Người nghĩ đến những hậu quả có thể có sau quyết định của Người.

Nói đến thoái vị, phải nói đến phù hợp và ích lợi cho quốc dân, cho Tổ Quốc, nếu không, sẽ là một tội đối với Giang Sơn, đối với Liệt Thánh. Nếu sự thoái vị là kết quả của thủ đoạn chính trị do một nhóm người chủ trương lợi dụng lòng hy sinh cao quý của Người thì tránh sao Hoàng Đế chẳng lo âu.

Nhưng dù sao, lịch sử sẽ không phê phán hành động thoái vị của Hoàng Đế. Lịch sử sẽ riêng chỉ trích thái độ “vỗ tay vào” của một số cận thần trong triều đã tặc trách, đã rủa sả trốn tránh trách nhiệm, phó mặc Hoàng Đế đối phó với biến chuyển của thời cuộc.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, không khí bàng bạc buồn tênh muôn thuở của Đế Đô đã chứng kiến cuộc “bế dâu” tại Ngọ Môn Đài. Vị Hoàng Đế cuối cùng của triều Nguyễn cũng như của dân tộc Việt Nam nghiêm trang trao Bửu Kiếm và Ngọc Tỷ, biểu hiệu Ngai Vàng cho đại diện cách mạng (Nguyễn lương Bằng) đại diện tổng bộ (Trần huy Liệu, phó chủ tịch ủy ban giải phóng lâm thời và Cù huy Cận, ủy viên). Đồng thời Người tiếp nhận dấu hiệu “Người Công dân thứ nhất của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa”.

Lá cờ đỏ rực, màu máu lửa, thấp thoáng ánh sao từ từ được kéo lên Ngọ Môn Đài thay cho lá Cờ Vàng nho nhã Quê Ly...

Trước hoan hỷ chất phác của quốc dân, Vua Bảo Đại ban bố một tờ chiếu.

Chiếu rằng:

“Hạnh phúc của dân Việt Nam
Độc Lập của nước Việt Nam.

Muốn đạt mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh hết thân, và muốn rằng sự hy sinh của Trẫm phải lợi ích cho Tổ Quốc.

Xét tới sự đoàn kết toàn thể quốc dân trong lúc này là điều tối cần thiết, Trẫm đã tuyên bố ngày 22 tháng 8 vừa rồi trong giờ nghiêm trọng của Lịch Sử Quốc Gia: Đoàn Kết là sống, Chia Rẽ là chết.

Nay thấy nhiệt vọng dân chủ của quốc dân Bắc Bộ lên cao, nếu Trẫm cứ yên vị đợi một Quốc Hội thì e rằng khó tránh được sự Nam Bắc tương tàn, đã thống khổ cho quốc dân lại thuận lợi cho người ngoài lợi dụng.

Mặc dầu Trẫm đau đớn nghĩ đến công lao Liệt Thánh đã vào sinh ra tử đã gần 400 năm để mở mang non sông đất nước từ Thuận Hóa tới Hà Tiên. Mặc dầu Trẫm buồn rầu nghĩ tới 20 năm qua Trẫm ở trong cái cảnh không thể thi hành được việc gì đáng kể cho nước nhà như lòng Trẫm muốn, Trẫm cũng quả quyết thoái vị nhường quyền điều khiển quốc dân cho chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa.

Sau khi thoái vị, Trẫm chỉ mong ước có 3 điều:

Đối với Tôn Miếu và Lăng Tẩm của Liệt Thánh, chính phủ mới nên giữ gìn cho có trọng thể.

Đối với các đảng phái đã từng tranh đấu cho nền Độc Lập Quốc Gia nhưng không đi sát phong trào dân chúng, Trẫm mong chính phủ mới ôn hòa mật thiết đối xử để những phần tử ấy cũng có thể góp sức kiến thiết quốc gia và để tỏ ra rằng chính thể mới xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể quốc dân.

Trẫm mong tất cả các đảng phái, các giai tầng xã hội, các người trong Hoàng Tộc nên hợp nhất ủng hộ triệt để chính phủ dân chủ để giữ vững nền Độc Lập nước nhà.

Riêng Trẫm trong 20 năm Ngai Vàng Bệ Ngọc, đã biết bao lần ngậm đắng nuốt cay. Từ nay Trẫm lấy làm vui được làm dân một nước Độc Lập, quyết không để ai lợi dụng danh nghĩa của Trẫm hay danh nghĩa của Hoàng Gia mà lung lạc quốc dân nữa.

Việt Nam Độc Lập muôn năm!
Dân Chủ Cộng Hòa muôn năm!
Khâm thử: BẢO ĐẠI.

Bản tuyên chiếu của Hoàng Đế Việt Nam biểu dương một tinh thần siêu việt, đậm đà lòng yêu mến quốc dân, lòng nhiệt thành với non sông, lòng quảng đại hiếm có.

Sau lễ Thoái vị cử hành ở Đế Đô, ngày 2 tháng 9 tại Hà Nội, Hồ chí Minh đọc trước quốc dân bản tuyên ngôn độc lập và tuyên bố nước Việt Nam hoàn toàn tự chủ.

Hồ chí Minh giới thiệu chính phủ lâm thời của chính thể mới:

Chủ Tịch kiêm Ngoại Giao: Hồ chí Minh.

Nội Vụ:	Võ nguyên Giáp
Tuyên Truyền:	Trần huy Liệu
Quốc Phòng:	Chu văn Tấn
Tài Chính:	Phạm văn Đồng
Kinh Tế:	Nguyễn mạnh Hà
Lao Động:	Lê văn Hiến
Thanh Niên:	Dương đức Hiền
Giáo Dục:	Vũ đình Hòe
Tư Pháp:	Vũ trọng Khánh

Giao Thông, Công Chánh: Đào trọng Kim
Y Tế Vệ Sinh: Phạm ngọc Thạch
Xã Hội: Nguyễn văn Tố
Bộ Trưởng không bộ nào: – Cù huy Cận,
– Nguyễn văn Xuân

Chính phủ lâm thời nhấn mạnh trước thế giới những lời mà Cựu Hoàng đã tuyên bố ngày 11.3.1945: Chính phủ lâm thời thay mặt toàn thể dân tộc tuyên bố từ nay Việt Nam không còn ràng buộc phụ thuộc gì với đế quốc Pháp, hủy bỏ mọi Hiệp Ước đã ký giữa Pháp và Việt Nam, thủ tiêu mọi độc quyền của Pháp trên toàn lãnh thổ. Toàn thể dân Việt Nam nhất quyết tập hợp mọi khả năng tinh thần và vật chất, hy sinh tính mạng, tài sản để giữ gìn tự do và độc lập...

Chính phủ lâm thời ra mắt dân chúng được ai nấy đều hoan hô, tỏ tình thần ủng hộ.

Nhìn qua danh sách, những người hằng tâm nghĩ đến quốc gia đều nhận thấy đa số lãnh tụ Cộng Sản nắm giữ những Bộ trọng yếu. Chính phủ đã ĐỔ, lại chịu quyền chi phối trực tiếp của Tổng Bộ Việt Minh, “ĐỔ hơn một chút”. Tổng Bộ lại là con đẻ của trung ương đảng Cộng Sản Đông Dương, như thế, ta thấy chính phủ lâm thời ấy quả chỉ là một kiểu “bù nhìn”.

Bắt tay vào việc, quốc dân ai cũng phải công nhận chính phủ lâm thời phải đối phó ngay với tình thế bi đát, vẫn do nạn đói, nạn lụt, nạn máy bay vừa qua...nhưng thực ra, chính phủ đã đặt công tác tuyên truyền lên hàng đầu và thứ đến là công tác diệt trừ các đảng phái chính trị khác như Đại Việt, Thanh Niên Ái Quốc v.v...

Các ủy ban hành chính thành phố, tỉnh, phủ, huyện, Làng được thành lập. Nơi nào cũng xúc tiến việc tập hợp các giai tầng xã hội, các đoàn thể mọc lên như nấm: Thanh niên, phụ nữ, phụ lão cứu quốc, nhi đồng cứu vong, tự vệ phố, tự vệ thành, tự vệ chiến đấu v.v...

Tuy vậy, toàn dân chúng, lần đầu tiên tham gia hoạt động chính trị, cũng thấy vui và ham thích. Sự ham thích nhiều khi quá trớn đã gây nên nhiều chuyện đáng chê trách. Có nơi, con cái sau khi hội họp về, gọi luôn Cha, Mẹ bằng “đồng chí”, đáng lẽ dò la địch, lại về nhà dò la ngay trong họ để báo cáo lên cấp trên, nhiều thanh niên và phụ nữ cứu quốc “hỗn loạn” khiến các bậc huynh trưởng phải bức mình.

Đám con trẻ của thời đại vừa chớm phải nọc “duy vật” đã hăng hái bỏ hết thuần phong mỹ tục của cha, ông, tự coi mình là thần thánh.

Những chuyện đau lòng: Bỏ tù bố, giết anh, bỏ vợ, bỏ chồng “không cùng lý tưởng” để lấy “đồng chí” đã xảy ra không sao đếm xiết.

Trong mấy tháng đầu, ngoài việc tổ chức hạ tầng cơ sở hành chính, chính trị, phân chia các Khu, các Phố, mở các trường quân chính, đào tạo cán bộ quân sự, chính trị, gây phong trào “Khỏe vì nước”, “Đời Sống Mới”..., chính phủ lâm thời tích cực tuyên truyền và sửa soạn bầu cử quốc hội vào tháng Giêng năm 1946.

Danh từ “phổ thông đầu phiếu” là một mới lạ đối với người dân còn bờ ngõ.

Ngày 6 tháng 1.1946, lệnh Tổng tuyển cử được thi hành.

Các lãnh tụ Việt Minh và một số “dân chúng” chia nhau ứng cử tại các tỉnh trong toàn quốc.

Thường thường danh sách đã được đề sẵn gần như chỉ định để dân chúng, trong tâm trạng hào hứng nhất thời cứ việc biên lia lịa.

Từ 9.9.1945, quân đội Tưởng Giới Thạch do Tướng Lư Hán đặt chân lên Bắc Việt để tước khí giới quân đội Nhật. Cùng đi về có những nhà cách mạng quốc gia như Cụ Nguyễn Hải Thần, các ông Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, v.v... Trên đường hành quân của quân đội Trung Hoa, lực lượng cách mạng quốc gia, nhờ sự giúp đỡ, đã thiết lập luôn được căn cứ địa suốt dọc Lao Kay và Vĩnh Yên.

Đến Hà Nội, phong trào quốc gia mạnh bạo lên tiếng phản tuyên truyền Việt Minh, tố giác hành động Cộng Sản của Việt Minh, thành lập các trụ sở, xuất bản báo chí... Một mối nguy hại lớn cho phe Việt Minh

Trước tình thế cấp bách có thể bị lộ chân tướng với quốc dân và thế giới, trung ương Cộng Sản đảng Đông Dương tuyên bố tự giải tán. Nhưng họ đã khôn khéo biến hình thành Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác Xít để che mắt mọi người. Thủ đoạn chính trị ấy vẫn không thể hoàn toàn lừa bịp nổi những chính khách đối lập khiến cho cuộc đấu tranh thật sự giữ những cán bộ hạ tầng tiếp diễn đẫm máu luôn luôn, trong các hang cùng ngõ hẻm, trên hè phố. Các đảng phái đòi thành lập một chính phủ Liên Hiệp.

Dưới sự tranh đấu gắt gao của các lực lượng Quốc Gia, Việt Minh gấp rút tổ chức tổng tuyển cử. Tại Hà Nội, Hồ chí Minh được đắc cử với 98 phần trăm phiếu bầu. Võ nguyên Giáp trúng cử ở Nghệ An với 97 phần trăm phiếu bầu. Phạm văn Đồng, Lê văn Hiến trúng cử tại Trung Bộ. Ngoài ra còn có Cựự Hoàng trúng cử tại Thanh Hóa, và ở các nơi khác, những đảng viên dân chủ đảng: Vũ đình Hòe, Dương đức Hiền, Đỗ đức Dục...

Được đắc cử thực ra không ngoài các lãnh tụ Việt Minh và những người thân Việt Minh. Những người bị nghi ngờ “đổi lập” không hy vọng gì được tham gia quốc hội.

Nhưng bị áp lực của các lãnh tụ Quốc Gia, Việt Minh ép lòng thêm 70 ghế nghị sĩ cho phe “đổi lập” của họ. 70 ghế này dành cho Việt Nam Quốc Dân Đảng (50) và Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (20).

Sau khi chính phủ lâm thời giải tán, Hồ chí Minh tuyên bố quyền tổ chức chính phủ mới do quốc hội định đoạt.

Quốc hội được triệu tập dưới quyền chủ tọa của Cụ Nguyễn Văn Tố quyết định những việc quan trọng: Quốc kỳ, Quốc ca, Hiến pháp và thành lập chính phủ Liên Hiệp.

Quốc hội biểu quyết lấy cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ. Bài Tiến Quân Ca làm quốc ca thay bài Tiếng Gọi Thanh Niên. Nhưng thực ra, cờ đỏ sao vàng, màu cách mạng quốc tế, là cờ Đông Dương Cộng Sản đảng đã được quyết định từ trước, cho nên Việt Minh vấp phải sự bất đồng ý của những người Quốc Gia.

Tiểu ban dự thảo Hiến Pháp được quốc hội giao cho nghị sĩ trẻ tuổi Nguyễn đình Thi phụ trách.

Chính phủ Liên Hiệp Quốc Gia được thành lập gồm có thành phần của các đảng phái:

- Hồ chí Minh: Chủ tịch
- Nguyễn Hải Thần: Phó Chủ tịch
- Huỳnh Thúc Kháng: Nội vụ
- Nguyễn Tường Tam: Ngoại giao
- Phan Anh: Quốc phòng
- Vũ đình Hòe: Tư pháp
- Trần đăng Khoa: Công chánh
- Nguyễn Văn Tạo: Lao động
- Lê văn Hiến: Tài chánh
- Chu bá Phượng: Kinh tế
- Nguyễn tấn gi Trọng: Tuyên truyền (Tổng giám đốc)
- Trương Đình Tri: Y tế
- Huỳnh thiện Lộc : Canh nông
- Nghiêm Kế Tổ: Ngoại giao (Thứ trưởng)
- Cù huy Cận: Canh nông (Thứ trưởng)
- Quân Sự Ủy Viên Hội:

Chủ Tịch: Võ nguyên Giáp
Phó Chủ Tịch: Vũ Hồng Khanh

Cửu Hoàng giữ chức Cố Vấn Tối Cao của chính phủ.

oOo

CỐ GẮNG LỰC CỦA CHÍNH PHỦ HỒ CHÍ MINH

ĐỐI NỘI

Sau việc thoái vị của Hoàng Đế Bảo Đại, chính quyền đã hoàn toàn về tay chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa. Gia tài của chính phủ mới là một Việt Nam đầy chết chóc đau thương, nạn đói khủng khiếp vừa qua lại chập chờn xuất hiện, mùa màng nói chung hết sức xấu, tính đến vụ gặt tới, thiếu đến 50 phần trăm vì nạn lụt, sau lụt lại hạn hán, tiền nông không bảo đảm, quỹ hầu như rỗng, nhiều nhà cửa bị bom tàn phá, cầu cống chưa sửa chữa, đường giao thông vẫn hoàn toàn đứt quãng...Thêm vào đó, biết bao việc ngoại lai, rối ren với Pháp ở Nam Việt, cư xử với quân đội Trung Hoa, nạn quan kim...

Trước cảnh tượng như vậy, sự cố gắng của chính phủ phải vượt mức:

Về cai trị các ủy ban nhân dân được thành lập (5.9.45) thay thế những Hội Đồng Kỳ Mục, bãi bỏ chế độ quan lại.

Ngày 12.9.45, bộ trưởng bộ nội vụ Võ nguyên Giáp ký nghị định thủ tiêu chế độ quan lại và quyền quản lý tài phán, tất cả các công chức, quan lại đang tại chức phải ngừng ngay công việc để những con người mới làm việc với chính thể mới. Những nguyên tắc mới được nêu lên:

- Nam nữ được bình đẳng, bình quyền trong hoạt động chính trị trước pháp luật.
- Đối với Thái, Nùng, Thổ, Mán, Mường...những người dân tộc sinh hoạt trên lãnh thổ Việt Nam đều được coi ngang hàng với dân tộc Việt.
- Các nghiệp đoàn, đoàn thể được thành lập. Những lớp xung phong tuyên truyền để đào tạo cán bộ tuyên truyền cho dân làm quen với chính thể mới.
- Về xã hội, luật làm việc 8 giờ được áp dụng.

Để đối phó với nạn đói có thể xảy ra lần thứ hai, chính phủ đề ra nhiều biện pháp. Thành lập một ủy ban trung ương khuyến khích tăng gia sản xuất “không một tấc đất bỏ hoang”. Thành lập ủy ban ngũ cốc để tiếp tế. Ngoài những ủy ban đó, những cơ quan chính quyền quân sự, các đoàn thể...mỗi tuần nhịn ăn một bữa để dư khẩu phần gạo cho dân nghèo. Từ bỏ chế độ ăn uống đình đám ở thôn quê trong các ngày hội hè.

Tất cả các biện pháp để chống giặc đói được nghiên cứu và cố gắng áp dụng.

Về kinh tài, chính phủ phải lo hai vấn đề:

- Giải quyết cho bần dân.
- Lắp lỗ hổng quỹ chính phủ.

Chính sách thuế má cũ đã xóa bỏ. Thuế thân, tượng trưng sự “nô lệ” phải bỏ hẳn. Ngày 14.9.45. Nghị định bỏ thuế công, thương nghiệp. Hợp tác xã bắt đầu xây dựng. Những nông dân, ai có dưới năm mẫu ruộng đều được miễn thuế điền thổ.

Quỹ quốc gia, trước đã chẳng còn gì, nay lại xóa bỏ mọi thứ thuế, nên chính phủ phải kêu gọi dân chúng đóng thuế mới: Đảm phụ quốc phòng. Công chức và bộ đội lĩnh dư khẩu gạo (Bộ đội mỗi tháng được 20 cân gạo và 5 đồng để tiêu vật). Những tổ chức quên tiền cho ngân sách được nghiên cứu và cấp tốc thi hành: Việc bán “ảnh cụ Hồ” và tuần lễ vàng thu được hàng triệu.

Do các biện pháp kể trên, một quỹ độc lập được thành hình. Thêm vào đó, tài sản tịch thu của những người mang tiếng là “Việt Gian-Phản Động”. Các địa phương phải tự giải quyết việc chi tiêu. Quỹ độc lập tương đối cũng giải quyết nhỏ nhẹ được sự chi tiêu cần thiết trong chính phủ.

Cuộc Tổng khởi nghĩa thành công ngày 19 tháng 8 năm 1945 nói chúng không phải áp dụng phương tiện quân sự, nhưng nay lại đứng trước tình thế rất có thể phải đổ máu. Quân Pháp muốn quay trở lại nước Việt Nam, hoạt động của Đô Đốc d’Argenlieu ở Trung Hoa của Tướng Blaizet ở Ấn Độ, tình hình rối ren ở Nam Bộ, là những sự thực đã và đang xảy ra.

Song song với vấn đề xã hội bắt buộc phải giải quyết cấp tốc, chính phủ Hồ chí Minh đã phải triệt để chú trọng đến mặt quân sự, tăng cường quốc phòng ở mọi mặt, dưới mọi hình thức.

Các đội tự vệ, dân quân, du kích thi nhau xuất hiện. Thanh niên nam nữ, kể cả các dân tộc thiểu số, từ 16

tuổi trở lên là đã được luyện tập sử dụng vũ khí thô sơ (súng trường, súng lục) Thậm chí đến những đào thể nhi đồng cũng được khuyến khích tập tành quân sự.

Các trường quân chính được mở liên tục (quân chính ở Việt Nam Học Xá, Đẩu Xảo, Bãi Đua Ngựa Hà Nội, trường võ bị Trần Quốc Tuấn ở Sơn Tây, trường Phan Đình Phùng ở Huế...) Những cán bộ quân sự, chính trị đã từng hoạt động đều được qua các lớp bổ túc mới.

Những xưởng làm vũ khí trung ương và địa phương ra sức tăng gia năng xuất và hiệu xuất.

Để đủ tiền mua và sản xuất vũ khí, thành lập các đơn vị bộ đội chính quy, chính phủ đã thu thập vàng (tuần lễ vàng), quyền đồng (tuần lễ đồng) trong toàn thể nhân dân. Dân ta đã được mục kích những cụ già kè nệ khuôn cả những đỉnh đồng, hạc thờ, lọ đồng cổ, mâm, nồi để ủng hộ chính phủ, thật là vô cùng cảm động và kích thích xứng đáng vai con cháu các bô lão trong Hội Nghị Diên Hồng trên 700 năm về trước.

Miền Thượng Du Bắc Việt được đặc biệt chú trọng gây cơ sở của trung tâm kháng chiến toàn quốc. Trên bản đồ quân sự, lãnh thổ Việt Nam phân ra thành những chiến khu vĩ đại, mục đích chuẩn bị một cuộc kháng chiến trường kỳ.

Trong khi mài miết về “kế hoạch no dân” và “chống xâm lăng”, chính phủ tận tâm để ý đến công cuộc chống nạn mù chữ.

Một sắc lệnh cưỡng bách học tập, từ 8 tuổi trở lên trai hay gái đều phải biết đọc, biết viết trong thời hạn một năm.

Ba cơ quan được thiếp lập tức khắc để đôn đốc và kiểm soát việc học tập:

- Một ủy ban nghiên cứu phương pháp học tập cho thích hợp với hoàn cảnh điều kiện từng địa phương, từng hạng tuổi.

- Một ủy ban tuyên truyền cốt gây không khí phấn khởi cho việc học tập.

- Một ủy ban đào tạo cán bộ đi huấn luyện và chuyên việc làm sách vở sao cho vừa dễ học vừa rẻ tiền.

Trung Học và Đại Học được khuyến khích và giải quyết học bổng cho một số học sinh sinh viên. Ngoài ra chi hội văn hóa cứu quốc ra đời để thu thập và nghiên cứu tài liệu ngõ hầu hướng dẫn, phát triển Văn, Nhạc, Kịch Việt Nam theo con đường mới.

Qua những cố gắng của Việt Minh chúng ta nhận thấy ngoài những ưu điểm, có những khuyết điểm sau đây:

Những cán bộ, hạ cấp lãnh đạo hành chính địa phương, đại đa số, hoặc là các thanh niên mới nhóm, hung hăng, không kinh nghiệm, không kể gì đến lễ độ, hoặc những người thô lỗ, ít học, không chuyên môn, đầy tư tưởng bảo thủ, vị kỷ. Các cán bộ địa phương là tay sai trung kiên nhất, dữ dội nhất... Dân chúng được mục kích luôn luôn cái cảnh bắt bớ, giam hãm đem đi “Khu”. Hễ ai trốn “trách nhiệm” hội họp, ủng hộ... sẽ được gán ngay tiếng Việt Gian-Phản Động. Hai danh từ ấy là Lưỡi Hái của Thần Chết, chẳng nể nang ai, dù cha mẹ họ hàng thân thích, dù những người chuyên làm điều thiện, có đạo đức. Hơn thế nữa, cả những người yêu nước chân chính nhưng không cùng lý tưởng quốc tế và nguy hiểm nhất là những người chót có xu hướng thân mến, quyến luyến Nguyễn Triều. Óc sùng “vương”, cần phải “thủ tiêu”!! Những người đó đều bị bí mật theo dõi, điều tra, lên án và có khi bị chết oan. Thành thực mà xét ủy ban nhân dân cấp Huyện hoặc Xã có tính cách “đồ tể” hơn là một chuyên nghiệp chính trị hành chánh.

Ai bảo cách mạng “thành công” không đẫm máu ?

Suốt một giải đất chữ S những cảnh “biến mạng” trong gia đình tiếp diễn kinh khủng khiến co ai không ưa chế độ mới cũng phải cố ưa, ai không thích chế độ mới, cũng phải cố thích, bởi vì, có làm ra bộ “ưa”, “thích”, “nhiệt thành” thì các ông cán bộ mới để cho yên lành mà làm ăn đóng góp.

Mục đích bình quyền, bình đẳng giữa nam và nữ, giữa dân Thiểu Số và người Kinh, chưa mang lại điều lợi ích gì cho những kẻ được hưởng quyền, trái lại, những người được “hưởng” nguyên tắc ấy, phải đóng góp triệt để, người ta thấy xuất hiện những đội nữ binh, bỏ gia đình con cái đi họp, đi hát, đi “gác đêm”, người ta thấy xuất hiện binh lính “Việt Nam Mới” Thổ, Mán, Mèo, lìa bỏ nhà sàn rừng núi, ruộng nương để theo các “đồng chí”.

Nghịệp đoàn, đoàn thể, thi nhau thành lập, quyền lợi chưa thấy, thấy ngay ở đấy bóc lột được để tổ

chức, kiểm soát tư tưởng có nghệ thuật, ai thiếu đóng góp nguyệt liễm, ai vắng mặt ở những cuộc “khai hội”, ai ít phát biểu ý kiến là nhất định chịu đựng nhiều phiền, có khi nguy hại. Vì đó là những phần tử “lùng chừng”!!

Luật làm việc 8 giờ một ngày nêu ra tưởng chừng sẽ áp dụng để bảo vệ quyền lợi cho giới công nhân, nào ngờ, song song với sắc lệnh này, Việt Minh thi hành khẩu hiệu “Tăng năng xuất cứu quốc” nghĩa là ngoài 8 giờ làm việc hết sức, công nhân còn phải nai lưng làm thêm vài tiếng đồng hồ “ủng hộ”. Hơn nữa, ngày chủ nhật còn là ngày “xung phong” làm việc thêm của anh em thợ thuyền để xứng đáng là giai cấp gương mẫu.

Những lớp xung phong tuyên truyền liên tiếp huấn luyện đào tạo thanh niên nam nữ, nhồi sọ dân chúng chất phác bỏ Đình, bỏ Chùa, bỏ lễ nghi thờ phụng tổ tiên, dè bủ đạo giáo, chỉ xuy tôn có một chủ nghĩa Cộng Sản, lý tưởng Mã Khắc Tư...

Tư tưởng duy vật tuy chấp chừng nhưng mạnh mẽ như nước vỡ bờ, cha, anh, chú, bác ngang nhau cả. Sự hỗn loạn thâm ấy là do hành động của đám cán bộ hạ tầng, vô chính trị, kém cỏi, cứng nhắc, chỉ biết nạt nộ dân chúng, cúi đầu trước thượng cấp, thi hành mệnh lệnh máy móc, cực đoan.

Về thuế má, bỏ thuế nọ lại đóng thuế kia, danh từ có khác, nhưng nội dung chẳng khác. Đồng tiền vẫn từ túi dân bỏ ra “hợp pháp”.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng, dưới chế độ xưa, theo truyền thống tự nhiên của xã hội Việt Nam, một người chủ gia đình, đi làm nuôi cả, bỗng nay chỉ còn dư gạo cho riêng mình từng tháng, tương lai gia đình sẽ ra sao ?

Nước sôi, muốn thành lạnh, cũng phải để nguội dần, đảng này, các cán bộ hạ cấp Việt Minh, thi hành càng, chẳng suy tính đến nỗi đau khổ bên trong của gia đình.

Và đây mới chỉ là màn đèn ớn báo hiệu một thống khổ trường kỳ cho dân Việt.

Ngoài kiểu lương theo “khẩu phần gạo” và nhịn một bữa ăn, nhân dân còn phải “xung phong” mua ảnh cụ Hồ, đóng góp tuần lễ vang, tuần lễ đồng và đủ thứ tuần lễ khác.

Trong khi dân chúng, do lòng ái quốc chân chính bị kích thích, cố công cố sức đóng góp thì các cán bộ Việt Minh, các “quan cách mạng” tiêu pha phung phí, tiện ăn, tiện uống, chỉ thấy toàn cán bộ.

ĐỐI NGOẠI

(Chính Phủ Dân Chủ Cộng Hòa Với Pháp)

Từ khi cướp được chính quyền, tuy Việt Minh hoàn toàn tự chủ trong công việc, nhưng ai cũng rõ là chủ quyền còn mong manh như trứng để đầu đẳng, còn phải tận lực tranh đấu mới may mắn đứng vững được.

Những việc lôi thôi với Pháp liên tiếp xảy ra.

Trong Nam, ngay sau khi thành lập chính quyền nhân dân, cuộc xung đột với Pháp thực sự xảy ra bắt đầu ngày 2.9.1945.

Ngày ấy, ủy ban Nam Bộ triệu tập một cuộc mít tinh vĩ đại, hàng chục vạn người, làm lễ độc lập. Trước Nhà Thờ Lớn Thành Phố, cuộc hội họp bắt đầu từ 2 giờ chiều. Các đoàn thể đã tề tựu đủ mặt: Thanh Niên Tiền Phong, Cao Đài, Hòa Hảo, Đệ Tứ, Phục Quốc, Bình Xuyên, mang theo khí giới phần nhiều là gậy tầm vông đầu bịt sắt. Thêm vào những tổ chức đó, còn có đoàn cảnh sát súng ống tề chỉnh, đoàn dân miền Hậu Giang mặc toàn đồ đen, dắt dao găm và súng lục, dân chúng chật ních...

Sau khi đại biểu ủy ban Nam Việt đọc tuyên ngôn, bỗng nhiên người ta nghe thấy vài tiếng súng nổ phát ra tại một hăng ô-tô Pháp gần đấy, thế rồi, giữa đám đông nhôn nhao, thét lên những câu “Pháp bắn, Pháp bắn”. Chẳng ai bảo ai, đoàn thanh niên nam nữ, thậm chí đến cả bà già và con trẻ đều xông cả vào hăng ô-tô, người ta nhảy cả vào Nhà Thờ Thành Phố gần như biến loạn. Tại các ngã đường, các thanh niên có vũ khí, tự động bắt người Pháp, từng xâu, từng xâu, đem giam lại một chỗ, có phố bị bắt cả già trẻ chẳng sót một mống.

Chiều dần, tiếng súng thưa thớt, cuộc mít-tinh giải tán hung hăng trong không khí hân học. Cả Pháp và Việt đều thiệt hại.

Tình hình Nam Việt căng thẳng và điểm máu hồng liên tiếp, cho đến ngày 12.9.45, một Đại Đội Pháp

được thả dù cùng với Tiểu Đoàn Ấn Độ của Anh. Tinh thần Pháp biến đột lên cao khi thấy có quân lính của họ tới và nhất là được Đồng Minh đồng ý (Tướng Anh Graccy), quân đội Pháp đã chia nhau đóng giữ mấy yếu điểm: Bến Tàu, xưởng đóng tàu Nhà Bè, Kho thuốc đạn...

Tình thế mỗi ngày mỗi khẩn trương, Việt nhìn Pháp uất ức. Pháp nhìn Việt khiêu khích, hận thù.

Ngày 19.5.45, Cédile tuyên bố trong cuộc họp báo chí: “Việt Minh không phải đại diện cho đa số dân chúng Việt Nam đã bắt lực trong việc gìn giữ trật tự an ninh”.

Đối lại, lực lượng của các Đảng phái kết hợp, tổ chức phá hoại sân bay, các bến tàu. Ủy ban Nam Bộ kêu gọi dân chúng Tổng Đình Công. Việc bắt cóc các người thân Pháp xảy ra liên tục.

Ngày 22.9.45, những quân nhân Pháp tung tăng ra phố. Trước hành vi khiêu khích vài cuộc xung đột lại tái diễn.

Sài Gòn uất ức dưới sức tiến của người Pháp.

Rạng ngày 23.9.45, quân đội Pháp bất thành lĩnh chiếm đóng Sở Cảnh Sát Trung Ương, Kho Bạc, Sở Mật Thám, Tòa Đốc Lý, ủy ban Nam Bộ không kịp trở tay.

Thế là xong!

Toàn thành đã đổi hẳn bộ mặt, âm ỹ, hoan hỷ vài hôm trước, hôm nay nhường cho nặng nề, căm hờn, thù oán.

Hành động trả thù: Dân chúng Việt Nam bị đánh đập, ngược đãi, bắt bớ, bắn giết tàn nhẫn...

Để trả miếng, ngày 24.9.45, một số Pháp kiều bị bắt cóc, ám sát, Nhà Máy Điện bị phá. Ngày 25, nhiệt độ càng tăng, hàng trăm thanh niên Việt bao vây Khu Pháp Kiều. Cuộc hạ sát bắt đầu: Hàng trăm kiều dân Pháp và Pháp lai bị hành hạ, nhiều người bị giết...

Cédile dùng biện pháp quân sự, khí giới được trao cho quân lính.

Trần văn Giàu ra lệnh tổng đình công, tản cư, cấm chợ. triệt lương thực và tuyên bố: “Sài Gòn sẽ thành tro bụi”.

Sau bao lần điều đình vô hiệu quả, ngày 5.10.45 Tướng Leclerc đến Sài Gòn. Từ ngày đó trở đi, chiến hạm Pháp luôn luôn nhả quân lên bộ. Nam Việt mất dần dưới sự hành động của quân đội Pháp.

Căn bản chính trị chưa có gì, nền móng hành chính, không vũ khí, không chỉ huy, không lương thực, tan rã từng mảnh lớn, biết thành những đơn vị nhỏ, tự động tìm cơ sở, du kích, đột kích, phục kích.

Chiến tranh du kích bắt đầu. Từ dân chúng, những anh hùng dân tộc xuất hiện, nào ôm bom liều mình, nào xung phong gài mìn, nào cảm tử thông tin liên lạc, chết tan xác dưới làn mưa đạn, nào tắm ép-săng vào mình làm “đuốc sống” đốt kho...

Câu nói: “Dân Việt là đồ hèn nhát, nếu mình cứng, họ sẽ rút lui và chạy như chuột” của người Pháp nào đó, đã bị những tấm gương hy sinh oanh liệt, trong một thời gian ngắn, quân đội Pháp cũng chiếm đóng tất cả các yếu điểm tại Việt Nam và miền Nam Trung Việt.

Việc ly dị Việt-Pháp không phải là một chuyện dễ dàng, người ta không thể, chỉ bằng lời tuyên bố hay gạch ngay một nét bút mà giật phứt được sợi giây giàng buộc đã 80 năm ròng.

Những “lộn xộn” xảy ra trong hồi Đại Chiến Thứ II trên lãnh thổ Việt Nam chỉ là một hình thái chuyển biến, di dịch dĩ nhiên trong thời chiến, mỗi quyết định hoặc thi hành chỉ có nghĩa tạm bợ. Sau chiến tranh, ai khỏe, ai khôn, ai giỏi, người đó sẽ giữ ưu thế trong việc duy trì trật tự mới do hoàn cảnh khách và chủ quan cấu tạo.

Bởi vậy, ngoài những công việc cách mạng nhân dân, chính phủ Hồ chí Minh tập trung ý chí để chuẩn bị, đối phó với Pháp trên mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao.

Có đối phó được với Pháp mới nói được đến chuyện dân sinh, dân chính, dân quyền.

Khẩu hiệu “Độc lập trước đã” là phương châm chính của chính phủ.

Quân đội Pháp nhòm ngó Bắc Việt.

Trước tình trạng khẩn trương nguy hại của Nam Việt và tình trạng báo động của Bắc Việt, Việt Minh một mặt gọi cán bộ và bộ đội vào tiếp lực cho miền Nam, một mặt điều đình hòa hoãn với đại diện Pháp tại Thủ Đô Hà Nội. Vì chỉ có thương lượng hòa bình với Pháp, chính phủ mới mong tồn tại. Chiến tranh với

Pháp là vạ bất đắc dĩ trong lúc quốc dân đang bị nạn đói, nạn lụt, hạn hán, đe dọa và nhất là đang lúc uy quyền và thực lực của Việt Minh chưa chuẩn bị hoàn hảo.

Từ tháng 8.1945, Sainteny, một Thiếu Tá Pháp đã có mặt tại Hà Nội.

Cuộc “tiếp xúc” giữa cụ Hồ chí Minh và Sainteny khởi đầu còn bí mật. Người Pháp tích cực dùng ngoại giao với Trung Hoa để vớt vát quyền hành tại Việt Nam. Người Việt cũng tích cực dùng áp lực của hiện diện quân đội Trung Hoa để bắt bí Pháp.

Cả hai bên đều có “thế”

Hàng tuần lại hàng tuần, người ta thảo luận cân nhắc từng chữ để có thể đi đến một thỏa hiệp. Một đôi khi câu chuyện trở nên tắc nghẽn vì lập trường trái ngược và quyền lợi xung khắc. Nhưng trên tấm thảm xanh, giữa bầu không khí biến động ở Thủ Đô Hà Nội, vận mệnh Việt Nam non trẻ vẫn được tiếp tục bàn luận.

Ngày 16.2.1946, nguyên tắc sơ lược được hai bên đồng thuận cụ Hồ chí Minh bằng lòng đàm phán với đại diện Sainteny trên nguyên tắc Việt Nam Độc Lập trong Liên Hiệp Pháp. Thế nào là Độc Lập và thế nào lại là Độc Lập trong Liên Hiệp Pháp ? Người ta chỉ còn cố gắng tìm cách giải quyết sao cho êm sự Độc Lập “nằm” trong Liên Hiệp Pháp.

Vấn đề điều đình giữa Việt Minh và Pháp vấp phải dư luận phản đối của quốc dân. Ngay trong tổng bộ Việt Minh cũng bất đồng ý kiến, nhất là các nhóm quốc gia càng phản đối dữ dội và gán danh từ “phản quốc” cho Việt Minh đã công răn cắn gà nhà. Mạnh hơn nữa, họ đã cố gắng tổ chức biểu tình đả đảo chính phủ và đòi trao chính quyền cho Cựu Hoàng Bảo Đại.

Cụ Hồ chí Minh cần phải thuyết phục tổng bộ Việt Minh, thuyết phục các đảng phái quốc gia, thắng được tất cả mới mong có cơ thành tựu cuộc điều đình.

Sau một thời gian ngắn ngủi nhưng hết sức gay go, Việt Minh thỏa thuận với các đảng phái nguyên tắc thành lập một chính phủ liên hiệp kháng chiến, trong đó là 10 vị bộ trưởng. Việt Minh và dân chủ đảng giữ bộ tài chính, giáo dục, giao thông công chánh và tư pháp. Việt Nam Quốc Dân Đảng và Cách Mạng Đồng Minh Hội giữ ngoại giao, kinh tế, canh nông và xã hội, còn lại bộ quốc phòng và nội vụ dành cho hai người không đảng phái. Thành lập một quân sự ủy viên hội trong đó có 9 người mục đích chuẩn bị về phương diện quân sự.

Mọi phản ứng, mọi bất mãn đều được dẹp sau khi thỏa thuận nguyên tắc thành lập những tổ chức trên. Việt Minh và Pháp đang hoàng công khai đánh nước cờ thỏa hiệp. Đang từ tư tưởng phản đối hoàn toàn các đảng phái đối lập bỗng nhiên chia nửa phần trách nhiệm về việc ký kết với người Pháp. Thủ đoạn chính trị khôn khéo của Việt Minh thật là vô bờ bến khiến cho đang phản đối hóa ra đồng tình. Đám dân chúng chất phác có hiểu đâu những ngoắt ngoéo bên trong cho nên chỉ một vài “điệu” tuyên truyền của Trần huy Liệu, lòng dân lại hoan hỷ và ủng hộ chí mạng... Nhưng thực ra các đảng phái quốc gia có phải đã mắc mưu lừa bịp không ? Không! Các lãnh tụ phe quốc gia đều thấy rõ sự quay quắt của Việt Minh nên đã cố hết sức tập hợp dân chúng để thúc đẩy phản đối, đòi quyền kiểm soát chính phủ và quân sự ủy viên hội.

Lo sợ không khí phản đối lại bùng nổ mạnh mẽ, Việt Minh tức tốc triệu tập quốc hội và mở rộng theo những nguyên tắc đã thỏa thuận với các đảng phái. Quân sự ủy viên hội gấp rút thành lập để chuẩn bị kháng chiến có Võ nguyên Giáp làm chủ tịch và Vũ Hồng Khanh làm phó. Một ủy ban kiểm soát hoàn toàn trong tay các lãnh tụ Đỏ. Ngoài chủ tịch của ủy ban, cụ Nguyễn Văn Tố mang tiếng là “dân chúng” không đảng phái, nhưng xu hướng thân Việt Minh, còn ủy viên toàn là những Phạm văn Đồng, Hoàng minh Giám, Dương đức Hiền...

Nhìn qua chính phủ cải tổ, hình thức hoàn toàn đoàn kết, nhưng bên trong khác hẳn. Cụ Nguyễn Hải Thần, già yếu, nhu nhược, giữ ghế phó chủ tịch làm vì. Địa vị bộ trưởng của Nguyễn Tường Tam, nào có ngoại giao gì đâu, ngoại giao với Pháp thì đường lối chính, Việt Minh đã vạch sẵn mất rồi, chỉ còn có ngoại giao Trung Hoa thì cái thế “anh em nhà” của Nguyễn ngoại trưởng với Lữ Hán, Tiêu Văn lại là một điều lợi cho Việt Minh quá. Về nội vụ, cụ già Huỳnh Thúc Kháng, chỉ còn dư gân sức ký những “sắc lệnh” đã được thảo sẵn. Riêng bộ quốc phòng của ông Phan Anh thì làm cái nhiệm vụ tức cười nhất là: Kiểm

quân, dưỡng quân và huấn quân, còn việc dụng quân lại hoàn toàn thuộc về Võ nguyên Giáp.

Việc ký kết còn đang giang dở tại Hà Nội thì...

Tình sương ngày 6.3.1946, chiến hạm của quân đội Leclerc đã rập rình qua Lục Đầu Giang tiến vào bến Hải Phòng.

Đại Tá Vũ Hiền, tham mưu trưởng Đệ tam chiến khu ra lệnh Hải Phòng tản cư, bộ đội và hành chính rút lui về Bắc Nội thuộc địa phận Hải Dương chỉ để lại một chi đội đóng tại Hải An.

Đất Cảng đột nhiên có bộ mặt chiến tranh rờn rợn, các đội tự vệ nai nịt chỉnh tề, quần áo, mũ sắt, lựu đạn, súng trường, súng lục, kiếm dài, cây cối chặt để ngổn ngang trong đường phố, tủ chè, sập gụ, bàn, ghế được sắp thành chướng ngại vật. Dân chúng ùn ùn kéo qua Cầu Niệm sang Kiến An. Tại Sáu Kho, quân đội Trung Hoa hoàn toàn chiếm đóng, thiết quân luật.

Ngoài khơi, năm chiếc tàu đổ bộ màu xanh nhạt từ từ tiến vào bến, nghển nghện. Một loạt đại bác, liên thanh reo ầm, tiếng đạn bay rít gió, trọng pháo của Trung Hoa rót trúng chiến hạm Pháp. Liền ngay, đại bác từ tàu chiến khạc đạn trả miếng. Hải Phòng trong khói lửa, nhà đổ, cây gãy, bật lên những tiếng rầm rầm kinh khủng.

Cuộc bắn nhau xảy ra ngắn ngủi, rồi im hẳn. Tàu đổ bộ của Pháp thoái lui ra khơi. Hải Phòng lại chìm đắm trong yên tĩnh nhưng ấp ủ một không khí nặng nề chết chóc.

Hiệp Định Sơ Bộ ra đời!!

– Pháp công nhận Cộng Hòa Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng trong Liên Bang Trung-Ấn và trong Liên Hiệp Pháp.

– Về sự thống nhất Trung-Nam-Bắc, chính phủ Pháp sẽ thừa nhận sau khi tổ chức Trưng Cầu Dân Ý.

– Về phía Việt Nam, chính phủ Cộng Hòa phải sẵn sàng thân mật tiếp đón quân đội Pháp đến thay thế cho quân đội Trung Hoa theo như Hiệp Ước quốc tế đã ký kết.

Hiệp Định Sơ Bộ thỏa thuận cho quân đội Pháp đóng quân tại các địa điểm. Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Kay, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên Phủ, Huế, Tourane.

– Quân đội Pháp sẽ ở lại trên đất Việt Nam 5 năm, hết kỳ hạn, sẽ có quân đội tiếp phòng Việt Nam thay thế.

Sau khi ký Hiệp Định, hai bên chính phủ phải tìm phương pháp để ngưng các cuộc xung đột hiện tại, quân đội mỗi bên ở yên vị trí nhất định ngõ hầu tạo nên không khí hòa hảo chuẩn bị cho một cuộc thương thuyết sẽ tổ chức tại Hà Nội, Sài Gòn hay Ba Lê.

Qua nội dung của Hiệp Định Sơ Bộ 6.3.1946, người ta thấy người Pháp muốn lợi dụng thời gian để âm mưu thôn tính. Còn Việt Nam cũng cốt lợi dụng thời gian để tổ chức kháng chiến. Trên thực tế, Việt Minh phải đối phó với cả Pháp lẫn Trung Hoa. Lực lượng Pháp đang lan tràn trên lãnh thổ. Quân đội Trung Hoa cũng gây rắc rối không kém, nào nạn tiền tệ, nào sinh hoạt đắt đỏ. Việt Minh muốn hoãn xung với Pháp để thanh toán sự hiện diện của Trung Hoa đồng thời lại dựa vào uy thế của quân đội Lữ Hán để bắt chẹt Pháp.

Hiệp Định Sơ Bộ là kết quả tình thế thực trạng của cả hai bên Pháp và Việt.

Thái độ và ý muốn của Việt và Pháp tương phản nhau như mặt trăng và mặt trời. Nhưng cả hai bên đều có nhược điểm bản thân khiến chưa bên nào có thể đánh quỵ ngay được đối phương. Nếu Hiệp Định Sơ Bộ đã giúp Pháp bước đầu để lấn Việt Nam thì Hiệp Định cũng đã giúp Việt Nam tạm ngăn bước tiến của Pháp để chỉnh bị tổ chức.

Hiệp Định đã ký! Phản ứng rầm rĩ nổi lên trong dân chúng. Thanh niên hục hặc, nghiêng răng uất ức, những người yếm thế nhắm mắt, thờ dài.

Tại Hà Nội, sôi sục bất mãn với việc ký kết giữa cụ Hồ và Sainteny. Để dẹp yên bầu không khí đang căng của Thủ Đô, Việt Minh vội vàng tổ chức một cuộc mít tinh chiều ngày 7.3.1946 để “giải thích”.

Trước dân chúng, Võ nguyên Giáp trở tài hùng biện:

“Nước Pháp đã công nhận nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam là một nước Tự Do. Tự do không phải là Tự Trị, tự do hơn tự trị, nhưng chưa phải là Độc Lập. Nếu một khi tự do giữ được, dân ta sẽ tiến tới Độc Lập, độc lập hoàn toàn”.

Tiếp theo, cụ Hồ chí Minh khuyên dân chúng nên bình tĩnh, giữ kỷ luật nhưng lúc nào cũng phải hăng hái và chuẩn bị. Cụ giơ tay thề với quốc dân không bao giờ bán nước.

Việc trần tình giải thích để dẹp lòng công phần bất mãn của dân chúng tạm xong.

Sau khi xảy ra xung đột ở Hải Phòng, Võ nguyên Giáp xuống Cảng dự cuộc điều đình với hai Bộ Tham Mưu Pháp-Hoa mục đích để Pháp dễ dàng đem quân lên bộ.

Quân đội Pháp lục tục lên bến Hải Phòng nào xe 10 bánh nào thiết giáp, chiến xa, súng ống đen sì dưới nắng lạnh nhạt của người dân.

Riêng về phía quân đội Trung Hoa, mấy ông Tướng Tá “con Trời” còn “huých” thêm cho Pháp một đòn nữa: Để yên cho quân đội Pháp đóng xong đầu đũa, quân đội Trung Hoa liền bố trí, xây lô cốt pháo đài khắp các ngã đường, đặt súng ống nhắm vào các vị trí Pháp, bắt chẹt Pháp phải “bồi thường sự thiệt hại” cho quân đội Trung Hoa.

Đến ngày 18.3.46 Tướng Leclerc mới đem được quân lên Hà Nội.

Binh sĩ và đoàn cơ giới Pháp tiến đến Hà Nội giữa hân hoan của Pháp kiều và lãnh đạm thờ ơ của dân chúng Việt.

Sau Hiệp Định Sơ Bộ, Hà Nội như một cái ung thư trong đó các loại vi trùng ra sức ngấm ngấm bành trướng: Việt Minh tăng cường tổ chức phòng ngự, vũ khí, dụng cụ tuôn lên các kho bí mật trên chiến khu, bộ đội, tự vệ ra công luyện tập, những lớp võ bị, quân chính mở liên tiếp để đào tạo cán bộ chỉ huy. Quân đội Trung Hoa ngấm ngấm phá quấy, những vụ xung đột nho nhỏ giữa Pháp và Hoa, giữa Hoa và Việt xảy ra bằng một nhịp đều đều. Các đảng phái quốc gia cũng không kém. cũng mở võ bị lực quân, cũng gửi cán bộ, vũ khí lên chiến khu Vĩnh Yên, Nghĩa Lộ. Còn Pháp thì làm ra mặt, cũng chiếm đóng bừa bãi một vài địa điểm.

Nói chung, tình hình Nam Việt không thay đổi, Bắc Việt càng ngày càng thêm nhiều mâu thuẫn. Việt và Pháp đều cố gắng tiến nhanh đến cuộc thương thuyết mới. Để tiến đến một Hội Nghị chính thức, hai bên thỏa thuận chọn Đà Lạt để trao đổi lập trường.

Ngày 17.4.1946, trong khung cảnh mát mẻ nên thơ ở Cao Nguyên LangBiang, hai đoàn đại biểu Pháp-Việt gặp gỡ.

Đoàn đại biểu Pháp gồm có:

- Max André: Trưởng Đoàn.
- Pierre Messmer: Đồng Lý Văn Phòng Pháp Quốc Hải Ngoại
- Bousquet: Quan cai trị
- D’Arcy: Chánh Văn Phòng Bộ Quân Đội
- Pierre Courou: Chuyên môn về tình hình Việt Nam
- Léon Pignon: Quan cai trị
- Torel: Cố vấn pháp luật
- Clarec: Cố vấn ngoại giao
- Conon: Cố vấn tài chính
- Ner: Cố vấn giáo dục
- Guillanton: Cố vấn kinh tế
- Salan: Tư Lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương

Bên Việt Nam gồm có:

- Nguyễn Tường Tam: Trưởng đoàn bộ trưởng bộ ngoại giao
- Võ nguyên Giáp: Chủ tịch quân sự ủy viên hội
- Vũ trọng Khánh: Chương lý tòa án
- Hoàng Xuân Hãn: Thạc Sĩ Toán, Kỹ Sư cầu cống, tốt nghiệp Trường Bách Khoa.

Vũ văn Hiền: Luật Sư, Chuyên môn kinh tế học
Trịnh văn Bình: Giám đốc nhà Đoan
Nguyễn Mạnh Tường: Tiến Sĩ Văn Khoa và Luật Khoa
Cù huy Cận: Kỹ sư canh nông
Nguyễn văn Huyền: Y sĩ
Dương bạch Mai: Viết báo

Cuộc hội họp thoát đầu đã muôn vàn khó khăn mâu thuẫn. Từ khi ký Hiệp Định Sơ Bộ chưa một việc gì giải quyết nên hôn, kinh tế, chính trị, quân sự, mỗi phương diện, mỗi khó khăn. Nhất là vấn đề nam giải: Chế độ Nam Việt.

Phái đoàn Pháp tuyên bố không đủ thẩm quyền để thảo luận về vấn đề Nam Việt đã được ổn định. Trái lại phái đoàn Việt cực lực phản đối cho rằng luận điệu nói Nam Việt đã dứt chiến tranh là một dối trá không thể tha thứ được.

Trong khi Hội Nghị Đà Lạt “khởi đầu nan” thì ở Sài Gòn, một chính phủ địa phương thành lập, đồng thời cử phái đoàn sang Ba Lê để giao thiệp trực tiếp với chính phủ Pháp.

Tin phái đoàn địa phương Sài Gòn đi Ba Lê đến giữa Hội Nghị Đà Lạt làm tăng thêm bầu không khí khó thở.

Tóm lại, lập trường của phái đoàn Việt Nam:
Theo Hiệp Định Sơ Bộ 6.3.46, Việt Nam sẽ thành lập chính phủ riêng, có nghị viện riêng, hiến pháp riêng, quân đội riêng, tài chính riêng, tổ chức cai trị riêng...

Còn lập trường của phái đoàn Pháp:
Các quốc gia tự do phải đặt dưới quyền một Cao Ủy Phái có Cao Ủy người Pháp. Vị Cao Ủy sẽ điều hòa các hoạt động chính trị quân sự kinh tế văn hóa v.v...Sẽ có một hội đồng các quốc gia liên kết gồm 60 đại biểu (Pháp 10, Cao Mên 10, Ai Lao 10, Nam Việt 10, Trung Việt 10 và Bắc Việt 10).

Về vấn đề Nam Việt, phái đoàn Pháp có vẻ “lơ lửng” thiếu thực tế, thiếu thành thực.
Kết quả, Hội Nghị Đà Lạt chấm dứt trong hoài nghi ngờ vực, bi quan. Mỗi bên phái đoàn trở về với nhận định riêng, thâm ý riêng.

Hội Nghị Đà Lạt đã tiên báo “Bất khả hợp tác” vì lập trường trái ngược của hai bên. Tuy vậy, sau khi Hội Nghị giải tán, chính phủ Việt Nam cũng hết sức thúc đẩy tiến tới một Hội Nghị chính thức.

Về phía Pháp, thật sự muốn trì hoãn hội nghị chính thức, phần vì tình trạng Nội Các còn lúng cùn, phần thì muốn gây một vài “việc đã rồi” trên lãnh thổ Việt Nam để nắm ưu thế khi thương thuyết, thí dụ như chiếm đóng Xứ Mọi Barmêthuot...

Chính phủ Việt Nam, bên trong chuẩn bị kháng chiến, bên ngoài thành lập phái đoàn đi Pháp.
Để tận thu khả năng, tiềm lực nhân dân, Việt Minh thành lập Mặt Trận Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt. Liên Việt gồm đủ mọi giai tầng trong xã hội. Mặt trận Việt Minh với các đoàn thể cứu quốc, dân chủ đảng, Đồng Minh Hội, Quốc Dân Đảng, đảng xã hội (mới thành lập), các thân hào, thân sĩ, các giới nam, phụ, lão, ấu, Công Giáo, Phật Giáo...

Số người lãnh đạo Liên Việt, ngoài cụ Huỳnh Thúc Kháng (thân Việt Minh) làm chủ tịch, còn toàn Cộng Sản: Tôn đức Thắng phó chủ tịch, Cù huy Cận bí thư, Trần huy Liệu, Phạm ngọc Thạch...

Việt Minh cố hòa hoãn, thân thiện với Pháp để đối phó với quân đội Trung Hoa. Loại trừ được quân đội Trung Hoa, có nghĩa là đánh đòn quyết liệt các đảng phái đối lập.

Ngày 28 tháng 5.1946, phái đoàn chính thức khởi hành. Ngoài phái đoàn, Chủ Tịch Hồ chí Minh cũng sang Ba Lê với tính cách riêng. Tháng 7.1946, Hội Nghị họp tại Fontaiebleau gần Thủ Đô của Pháp.

Danh sách các nhân viên hai bên gồm có:

VIỆT NAM

Trưởng đoàn: Phạm văn Đồng, phó chủ tịch thường trực quốc hội.

Phan Anh: Bộ trưởng quốc phòng
Trịnh văn Bình: Thứ trưởng tài chính
Tạ quang Bửu: Thứ trưởng quốc phòng
Hoàng minh Giám: Thứ trưởng ngoại giao
Nguyễn mạnh Hà: Đại biểu quốc hội
Bửu Hội: Giáo Sư Trường Bách Nghệ Đại Học Pháp
Nguyễn văn Huyền: Bộ trưởng bộ giáo dục.
Huỳnh thiện Lộc: Bộ trưởng canh nông
Dương bạch Mai: Đại biểu quốc hội
Chu bá Phượng: Bộ trưởng bộ kinh tế
Đặng phúc Thông: Thứ trưởng giao thông

PHÁP

Trưởng đoàn: Max André Nghị sĩ cố vấn Hạt Scine. Nguyên Giám Đốc Pháp Hoa ngân hàng Hà Nội.
D'Arcy: Nhân viên văn phòng bộ quân đội.
Bayot: Đô Đốc, Tổng Tham Mưu Phó bộ quốc phòng
Baudet: Công chức chuyên môn về Á Châu Vụ và bộ ngoại giao
Bayen: Cố vấn học chính, Cao Ủy Phủ Đông Dương
Bourgoin: Nhân viên văn phòng bộ quốc gia kinh tế tài chính
Bousquet: Nhân viên bộ Pháp quốc hải ngoại
Gayet: Tổng thanh tra thuộc địa
Gouin: Nhân viên Cao Ủy Phủ Đông Dương
Juglas: Nghị sĩ Cộng Hòa Bình Dân
Lezeray: Nghị sĩ Cộng Sản
Messmer: Chánh văn phòng bộ Pháp quốc hải ngoại
Pignon: Cố vấn chính trị của Đô Đốc D'Argenlien
Rivet: Nghị sĩ Xã Hội (không dự)
Raoul Salan: Thiếu Tướng, Tư Lệnh quân đội Pháp miền Bắc Đông Dương.
Torel: Cố vấn pháp luật, nhân viên Cao Ủy Phủ Đông Dương

Nội dung chương trình nghị sự.

- Giải quyết địa vị Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp
- Liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam và ngoại quốc
- Vấn đề Liên Bang Đông Dương
- Vấn đề Thống Nhất Việt Nam

Hội Nghị khởi đầu ngay trong mâu thuẫn. Bầu không khí nặng nề chưa chi đã bao trùm cả hai phái đoàn bằng những bài diễn văn nẩy lửa.

Thông Điệp rồi lại Thông Điệp, nhưng không một cuộc thảo luận nào đạt được kết quả. Người ta chỉ nhận thấy những “đình chỉ” và “Phá liệt”

– Về chính trị: Phái đoàn Pháp không giải quyết nổi đề nghị của phái đoàn Việt Nam, viện cớ không đủ thẩm quyền, cần phải chuyển Nghị Án của Việt Nam lên chính phủ Pháp.

– Về ngoại giao: Việt Nam căn cứ vào quyền tự do và bình đẳng trong Liên Hiệp Pháp, muốn có chính sách riêng, tổ chức riêng. Trái lại phái đoàn Pháp sẽ điều khiển ngoại giao của toàn thể Liên Hiệp Pháp, Việt Nam chỉ đóng vai phụ.

– Ủy ban quân sự họp hai buổi, buổi thứ nhất, Pháp nêu 6 điểm mà Việt Nam gọi là “Tối Hậu Thư”, hôm sau, Việt Nam đưa ra 9 khoản ước mà Pháp gọi là “Không thể chấp nhận được”. Về quân sự đình chỉ thảo luận.

– Về văn hóa: Cũng chẳng có kết quả gì sau khi trao đổi thông điệp.

– Về kinh tế, tài chính: Pháp muốn lồng Việt Nam vào hai trùng: Pháp và Liên Bang Đông Dương, ngược lại, Việt Nam chỉ muốn có quan hệ kinh tế tài chính giữa đôi bên mà không chịu phụ thuộc.

– Về văn đề Liên Bang Đông Dương, hai phái đoàn cũng chẳng thu được kết quả nào, bên thì muốn Liên Bang là một “Hợp Chúng Quốc”, bên thì muốn Liên Bang trong phạm vi kinh tế và tài chính.

Trong khi Hội Nghị đang vấp phải những mâu thuẫn khó hòa giải, báo chí xuất bản tại Ba Lê (23.7.46) đột nhiên tung tin có một “Hội Nghị Liên Bang” sắp sửa họp tại Đà Lạt gồm Đại Biểu Nam Việt, Cao Mên, Lào, miền Nam Trung Việt và miền Cao Nguyên Mọi.

Một quả nổ giữa Hội Nghị Fontainebleau!

Người ta thấy mĩa mai “Hội Nghị Liên Bang” tại miền Nam nước Việt khai mạc giữa lúc Hội Nghị của hai phái đoàn chính phủ trên đất Pháp bàn về hợp nhất 3 Kỳ.

Hội Nghị đầu tiên Việt-Pháp có tính cách quốc tế đã bị phá liệt hồi 10 giờ ngày 1.8.1946 sau khi hai trưởng phái đoàn đã tặng nhau những “lâm ly, thăm thiết”.

Trong khi người ta tưởng sợi giây liên lạc Việt-Pháp đã đứt rồi thì bên trong hai bên phái đoàn vẫn cố gắng tiếp tục cuộc thương thuyết.

Ngày 10.8.46, hai phái đoàn thỏa thuận dự định việc ký kết một Tạm Ước (Modus Vivendi). Qua một vài ngày gay go tưởng chừng tan vỡ lần thứ hai. Tạm Ước đã được đột nhiên ký kết giữa Bộ Trưởng Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại Marius Moutet với chính phủ Chủ Tịch Hồ chí Minh.

Nội dung Bản Tạm Ước quy định:

– Pháp và Việt phải tín nhiệm lẫn nhau ngõ hầu theo đuổi một chính sách hợp tác ôn hòa, thiết lập bầu không khí êm dịu mở đường cho cuộc thương thuyết sẽ họp chậm lắm là đầu năm 1947.

– Việt Nam phải công nhận chính sách quan thuế tiền tệ ở Trung-Ấn, đồng bạc Đông Dương đứng trong khu vực đồng Phạt Lãng.

– Trong khi chờ đợi kết quả một Thỏa Hiệp, việc liên lạc ngoại giao với ngoại quốc tạm thời có một ủy ban chung làm việc để bảo đảm sự hiện diện của Việt Nam ở những nước lân bang.

– Nếu Việt Nam cần đến các nhà chuyên môn thì sẽ nhờ nước Pháp trước tiên, nếu Pháp thiếu số người chuyên môn để thỏa mãn cho sự đòi hỏi của Việt Nam, Việt Nam sẽ nhờ ngoại quốc khác.

– Những người có quốc tịch Pháp ở Việt Nam sẽ được hưởng quyền dân chủ như người Việt và ngược lại những người có quốc tịch Việt Nam trên đất Pháp cũng được hưởng như vậy.

– Mọi hoạt động về khoa học, văn hóa của Pháp sẽ được tự do mở mang trên lãnh thổ Việt Nam, ngược lại cũng vậy.

– Mỗi bên chính phủ đều phải tìm cách chấm dứt sự xung đột hiện tại ở Nam Việt và miền Nam Trung Việt. Tù binh chính trị hay quân sự đều phải được giải phóng.

Sau khi ký kết (14.9.46) cụ Hồ chí Minh đáp tàu Dumont d’Urville về nước (19.9.46)

Tại Hà Nội, giữa hoan hô nhiệt liệt của quốc dân, Chủ Tịch loan báo “tin mừng”.

Đồng thời với cuộc bắt tay thân thiện với Pháp, Việt Minh quay mang ngay chính sách loại trừ các phần tử quốc gia trong chính phủ: Sự cải tổ quốc hội và chính phủ bắt đầu.

Ngày 26.10.46, tại Nhà Hát lớn Hà Nội, quốc hội nhóm họp, người ta thấy khiên diện ngót 50 nghị sĩ của phe đối lập. Trong chính phủ, một số bộ trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội tự ý thoái lui: Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Trương Đình Tri.

Ngày 13 tháng 11 năm 1946, chính phủ “Liên hiệp quốc gia” thay đổi:

Hồ chí Minh: Chủ Tịch kiêm bộ trưởng ngoại giao

Nguyễn Vĩnh Thụy: Cố Vấn Tối Cao (Cựu Hoàng đã đi Trung Hoa từ tháng 3.1946)

Huỳnh Thúc Kháng:	Bộ trưởng nội vụ
Võ nguyên Giáp:	Bộ trưởng quốc phòng
Vũ đình Hòe:	Bộ trưởng tư pháp
Lê văn Hiến:	Bộ trưởng tài chính
Nguyễn văn Huyen:	Bộ trưởng giáo dục
Ngô tấn Nhơn:	Bộ trưởng canh nông
Trần đăng Khoa:	Bộ trưởng giao thông công chính
Nguyễn văn Tạo:	Bộ trưởng lao động
Hoàng tích Tri:	Bộ trưởng y tế
Chu bá Phượng:	Bộ trưởng xã hội
Hoàng minh Giám:	Thứ trưởng ngoại giao
Hoàng hữu Nam:	Thứ trưởng nội vụ
Tạ quang Bửu:	Thứ trưởng quốc phòng
Trần công Trường:	Thứ trưởng tư pháp
Phạm văn Đồng:	Thứ trưởng kinh tế
Trịnh văn Bình:	Thứ trưởng tài chính
Nguyễn khánh Toàn:	Thứ trưởng giáo dục
Cù huy Cận:	Thứ trưởng canh nông
Đặng phúc Thông:	Thứ trưởng giao thông công chính
Nguyễn văn Tố:	Quốc vụ khanh
Bồ xuân Luật:	Quốc vụ khanh

Bên trong chính phủ, còn có Hoàng quốc Việt tức Hạ bá Cang, Nguyễn lương Bằng, Trường Chinh tức Đặng xuân Khu toàn là những lãnh tụ Việt Minh cốt cán cả.

Trong lúc toàn quyền về tay Việt Minh, đáng lẽ theo Tạm Ước, tình hình phải dần dần được yên ổn, trái lại, mỗi ngày mỗi biến cố.

Việc lôi thôi quan thuế tại Hải Phòng. Tự Vệ và các lính gác Pháp tại bến bắn nhau về chuyện bắt bớ chiếc thuyền chở muối. Ngày 8.11.46, Hải Phòng báo động. Ngày 20.11.46 súng ở Cảng nổ ran. Đồ đạc bàn ghế, cây cối lại được một lần nữa chặt vứt tung vãi làm chướng ngại vật, các đội tự vệ áo nâu, mũ trận, đặt súng máy lưng còng khắp các ngã đường, dân chúng lếch thếch kéo nhau tản cư qua Cầu Niệm, qua Bến Dá. Trên đường phố, xe tăng, xe phá ụ hục hặc, ình ình, xe 10 bánh tràn đầy binh lính.

Mặc dầu Herckel và Hoàng hữu Nam cố gắng ký kết ngưng bắn ngày hôm sau (21.11.46) Hải Phòng vẫn phải tiếp nhận Tối Hậu Thư của Đại Tá Pierre Louis Dèbes Chỉ Huy Trưởng Pháp quân miền Duyên Hải. Ngày 23.11.46, Hải Phòng lại chìm đắm trong khói lửa. Chiến hạm Suffren nhả đạn bừa bãi lên đầu người Việt Nam, những mái tranh bùng cháy, những cột khói đen cuộn cuộn ngất trời, sặc mùi máu và thuốc đạn.

Bộ chỉ huy Khu III của Đại Tá Hoàng minh Thảo hạ lệnh đại phá trường bay Cát Bi, những mục tiêu quân sự Pháp. Trong tình thế ấy, người dân Việt chỉ còn một cách bồng bế nhau tản cư, để không biết bao giờ trở lại...

Cơ sở rét run rẩy Hải Phòng lan dần khắp mọi nơi khó bề qua khỏi. Tại Lạng Sơn, cuộc tranh chấp giữa Việt Minh và quân đội của Đại Tá Sizcire cũng chẳng kém. Lạng Sơn, một Thành Phố nhỏ ở sát biên thù đã phải tản cư.

Quân đội Pháp chiếm đóng gần hết Tỉnh. Bên kia bờ sông Kỳ Cùng, bộ đội Việt Nam cũng không ngừng nhả đạn vào Thành Phố.

Thêm vào Lạng Sơn, Hải Phòng, những việc “đổi đáp” bằng lửa đạn liên tiếp xảy ra ở trên đường

Quốc Lộ 1, Bắc Ninh-Nam Định. Trong Nam, Tướng Nguyễn Bình chỉ huy trường tăng cường hành binh.

Hà Nội có lệnh tản cư. Dân chúng phân vân, lo ngại, dùng dằng. Kê ở lại người ra đi tản cư. Từng nhà, người ta chôn bát đĩa, mâm thau, đồ cổ, lọ sành, lọ sứ, người ta chôn vàng bạc của cải, thôi thì từ giàu đến nghèo, dân chúng ai có cái gì có thể chôn thì chôn, có thể cất thì cất, trừ bàn ghế đồ đạc lung củng nặng nề không thể mang, thể dẫu mới chịu.

Đối với chính phủ Hà Nội chuẩn bị chiến tranh là chuyển súng chuyển đạn, chuyển cơ quan, chuyển giấy má, tài liệu, vật liệu lên chiến khu, chuyển bộ đội chính quy ra đóng bao vây Thành Phố, thành lập An Toàn Khu tại vùng Hà Đông để sửa soạn đường thoái đã dự tính trước.

Bộ mặt nội thành, chuẩn bị chiến tranh là ụ đất mọc lên như nấm, là xẻ đường đào hố, là cây cối chặt gãy tứ tung cành lá xum xoe hồng cản đường chặn lối cơ giới địch.

Đối với dân chúng, chiến tranh trong trạng thái tâm lý, từng đoàn, từng đoàn tiến ra các cửa Ô, từng nhóm, từng nhóm bàn tán xôn xao, sợ sệt nhưng khoan khoái. Bà già trẻ con đã đi nhiều, thanh niên trai tráng, kiểm lại súng lại đạn, lau lại dao găm, dao phay, mã tấu, soát lại lựu đạn ‘nội hóa’, lựu đạn chày, diêm tĩnh, quả quyết.

Hà Nội chuẩn bị gấp rút mọi phương diện, mọi vấn đề, chẳng ai bảo ai, chờ ngày chờ giờ, từng phút từng giây.

Những việc khiêu khích, khủng bố, xung đột, ăn miếng trả miếng giữa binh gia pháp và Tự Vệ xảy ra như cơm bữa.

Bầu không khí ngày càng nặng nề, càng căng thẳng, càng hằn học, càng bức bối.

Đế tiếp vào việc ăn miếng trả miếng, ngày 18.12.1946, quân đội Pháp bao vây, khủng bố khu phố Yên Ninh, xả súng vào hàng trăm gia đình vô tội, bắn lính Việt Nam cùng gác tại Nhà Máy Điện, đối lại Tự Vệ nhà đạn vào lính mũ đỏ Pháp.

Cả Pháp cả Việt, ai chả có thiện chí hòa bình, nhưng hành động đôi bên vô tình đều hướng đến chiến tranh.

Biết rằng trước sau rồi cũng phải xảy ra, ngày 19.12.46. Võ nguyên Giáp ra lệnh tấn công. Hà Nội Thủ Đô Việt Nam bùng trong khói lửa. Toàn quốc bắt đầu chuyển theo bước luôn vào chính chiến.

Đến đây chấm dứt công cuộc đối ngoại với Pháp của chính phủ Việt Minh. Những cuộc thương thuyết hòa bình trên tấm thảm xanh được thay thế bằng hội nghị sắt và máu lửa.

Máu người dân Việt tô điểm thêm non sông, bao thanh niên ưu tú Pháp gục ngã: Vì Lý Tưởng ?? Vì Quyền Lợi ??

CHÍNH PHỦ DÂN CHỦ CỘNG HÒA VỚI TRUNG HOA

Hội Nghị Postdam, năm 1945 quyết định sau khi Nhật Bản đầu hàng, quân đội hai nước Trung Hoa và Anh-cát-lợi sẽ đến Đông Dương giải giới quân đội Nhật, lấy vĩ tuyến 16 làm giới hạn đôi bên.

Đại quân Trung Hoa đến Bắc Việt vào hạ tuần tháng 8.1945 dưới quyền chỉ huy của Đại Tướng Lữ Hán gồm có chừng 20 vạn chia làm 2 binh đoàn địa phương quân và hai binh đoàn chính quy quân của Tưởng Thống Chế.

Đoàn quân Trung Hoa sang Bắc Việt, kéo theo cả bầu đoàn thể tử, đôi khi cả những người dân quê ngơ ngẩn, bước thấp bước cao... Sự trà trộn quân với dân khiến cho người Việt Nam không biết đằng nào mà nhận chân giá trị quân đội của Tướng Lữ Hán. Họ chiếm đóng những nơi ở lịch sự, rộng rãi nhất và đã làm cho đời sống dân chúng Việt ngả nghiêng. Nhưng đây chưa phải là vấn đề đáng để cho chính phủ Việt Minh lo lắng. Lo lắng mấu chốt là quân Trung Hoa đã mang theo cả những nhà cách mạng quốc gia, những người yêu nước đã từng lao đao nơi hải ngoại và cũng đã từng được các lãnh tụ Cộng Sản cho nếm vị chua cay, những ‘trận đòn chính trị’.

Song song với cuộc hành quân của quân đội Trung Hoa, các người cách mạng quốc gia tích cực hoạt động. Vũ Quang Phẩm, Hoàng Quốc Chính lãnh đạo các đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng tiến chiếm Hà Giang, Vũ Hồng Khanh cùng cán bộ chiếm đóng Lào Kay đồng thời giúp đỡ Từ Trường Đèo Văn Long đặt nền móng chính trị ở Lai Châu. (Cụ Nguyễn Hải Thần cũng về Hà Nội vài ngày sau Lữ Hán).

Sự có mặt của các đảng phái cách mạng quốc gia là một việc khổ tâm cho Việt Minh, nhất là lực lượng ấy ngày càng tiến triển: Lào Kay, Yên Bái, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Bắc Giang...lần lượt dưới ảnh hưởng của Việt Nam Quốc Dân Đảng và ở miền duyên hải dưới ảnh hưởng của Cách Mạng Đồng Minh Hội.

Mặc dầu Trung Hoa trịnh trọng tuyên bố không hề có dã tâm xâm chiếm Việt Nam, mục đích sự hiện diện của Quân Đội Tưởng Thống Chế chỉ có để giải giới quân đội Nhật đã đầu hàng và giúp đỡ Việt Nam thực hiện nền Độc Lập. Dân Việt Nam chỉ hiểu có thể những các lãnh tụ Cộng Sản hiểu hơn nữa.

Các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam biết chắc chắn rằng một nước Trung Hoa Quốc Dân Đảng không bao giờ có mỹ ý bao dung một nước Việt Nam Đỏ. Những việc xảy ra trên đất Trung Quốc giữa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản là những kinh nghiệm sống. Ngày nay quân đội của Trung Hoa Quốc Dân Đảng đặt chân lên đất Việt, thế tất nhiên quân đội ấy phải ủng hộ Quốc Dân Đảng Việt Nam hoặc một vài đảng phái chính trị khác miễn là những đảng phái ấy đừng Đỏ.

Một mặt chính phủ hô hào thân thiện Việt-Hoa chiều chuộng các Tướng lĩnh Trung Hoa, một mặt điều đình thân thiện với Pháp. Đó là chiến thuật “loại trừ địch thủ”.

Để được vừa lòng Trung Hoa, Việt Minh nhượng bộ dùng thủ đoạn giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương, mở rộng quốc hội, cho những người không cùng màu sắc chính trị được tham dự.

Đồng thời Việt Minh không quên thành lập một phái đoàn sang Trùng Khánh gây tình hữu nghị Việt-Hoa. Phái đoàn do Nghiêm Kế Tổ hướng dẫn, có Nguyễn Công Truyền, Hà Phụ Hương. Nhân dịp này, Cựu Hoàng Bảo Đại cũng cùng đi với tư cách riêng.

Phái đoàn đã thành công trong nhiệm vụ thắt chặt tình giao hảo Việt-Hoa sau một thời gian ngắn ngủi tại Trùng Khánh. Phái đoàn đã được Tưởng Thống Chế tiếp đón nồng hậu tại Dinh Chính Phủ, thiết tiệc tại biệt thự riêng ở Sơn Đông v.v...Nói riêng chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa đối với Trùng Khánh hãy còn mờ mịt, phần vì mới thành lập, thế giới chưa ai công nhận, phần vì Tưởng Thống Chế còn bận đối phó với Mao Trạch Đông, chưa có thời giờ để chăm chú nhìn đến nước Việt Nam bé nhỏ, hơn nữa người Pháp đã trực tiếp giao thiệp với Trùng Khánh trước khi phái đoàn của Việt Nam gặp Tưởng Thống Chế, do đó sự niềm nở của Tưởng Thống Chế thực ra vì có mặt cá nhân Cựu Hoàng và Nghiêm Kế Tổ một đồng chí cách mệnh mà Tưởng Tổng Tài đã từng biết nhiều về thành tích hoạt động.

Khẩu hiệu: “Việt Nam thân thiện” đã giúp Việt Minh dễ dàng trong công việc diệt trừ đảng phái không cùng lý tưởng, dễ dàng ứng phó với Pháp.

Trong khi còn nắm được ưu thế, Trung Hoa tích cực hoạt động trên địa hạt tuyên truyền, các báo chí Côn Minh nhấn mạnh đến “dòng máu” Trung Hoa trong cơ thể người dân Việt, lý do là Trung Hoa đã từng cai trị người Việt trên nghìn năm lịch sử...nào là quân đội Trung Hoa sẽ cố gắng giúp đỡ Việt Nam Độc Lập, nào là Trung Hoa và Việt Nam có những liên hệ tâm lý và văn hóa...

Trên địa hạt quân sự và chính trị, Trung Hoa tiếp vận cho các đảng phái quốc gia, dùng áp lực quân đội để duy trì và tiến triển hoạt động của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội. Tiến thêm nữa, quân đội Lữ Hán tìm cách gây mâu thuẫn với Pháp.

Ngày 1.4.46 nhân cơ hội 2 chiếc xe hơi Pháp và Hoa đụng nhau tại ngã tư Phố Mỹ Quốc, trước cửa nhà Godart cũ, nhưng vì sự mâu thuẫn đã ăn sâu và sự sích mích, cãi cọ liên tiếp xảy ra quân lính hai bên đã không ngăn ngại mà tức khắc nổ súng. Kiêu dân Pháp bị vạ lây. Cuộc vật lộn đẫm máu xảy ra trên hè phố, trước cửa Pháp Hoa ngân hàng, trong tiệm ăn. Tiếng đạn rền nổ liên hồi cho đến chiều, dân chúng Việt Nam mục kích những chiếc xe chở Pháp bị đạn máu chan hòa, những lính Trung Hoa tử thương bên những mô đất ở bờ hồ Hoàn Kiếm.

Sự sích mích cá nhân giữa Pháp và Hoa liên tiếp xảy ra. Trước tình thế ấy, người Việt vẫn duy trì được tinh thần trung lập. Mặc dầu họ bị khích động, nhưng họ vẫn biết tôn trọng kỷ luật, vô hình chung đã phù hợp với chủ trương của Việt Minh, cố tránh sích mích với quân đội Trung Hoa, bình tĩnh đối với Pháp.

Chính sách của Việt Minh đối với Trung Hoa được hoàn toàn kết quả. Sau khi đã cố gắng làm lung lay hệ thống chính trị của Việt Minh, quân đội Trung Hoa thất vọng rút lui vào hạ tuần tháng 6.1946 đúng với thỏa ước Pháp-Hoa.

CHÍNH PHỦ HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC CƯỜNG QUỐC

Chính phủ Hồ chí Minh từ khi thành lập đã hết sức tuyên truyền, chú ý gây thiện cảm với các cường quốc để được công nhận. Một khi đã được các cường quốc công nhận, Việt Minh sẽ thỏa sức tung hoành, ngoài, có thể có ưu thế với Pháp, trong, có thể độc tài, đảng trị.

Đối với Anh-cát-lợi, Việt Minh cố chịu cảnh “cười trong nước mắt”. Trước khi quân đội của Tướng Douglas D. Gracey nhảy dù xuống Nam Việt, ủy ban nhân dân Nam Bộ đã hớn hờ tổ chức những tiệm ăn, tiệm nhảy dành riêng cho tù binh Anh. Những tù binh sau khi được ra khỏi trại giam Nhật Bản đều được tự do ra vào ăn, nhảy linh tinh tại những tiệm dành riêng cho họ. Ở đây lại được uống rượu mạnh không phải trả tiền và được những sinh viên Việt Nam đóng vai bồi hầu bàn. Những anh bồi tân thời ấy có nhiệm vụ xin chữ ký xin cảm tưởng của tù binh sau khi đã tuyên truyền những cái hay, những cái đẹp, những cái quý của dân tộc Việt, một dân tộc trẻ trung, mới dành độc lập có khả năng, có tinh thần. Họ có bốn phen vạch bày những điều mà người Pháp cố tình dấu diếm khiến cho cường quốc năm châu từng hiểu nhầm, cho những kẻ ở Bán Đảo Đông Dương là con cháu của giống Mọi “Răng đen, ăn thịt người”.

Đối với lính hồng Mao, người dân Việt miền Nam đối đãi thật quá tốt, nhưng dần dần thái độ “lạnh lùng” của người Anh đã “lịch sự” ngả về phe Pháp.

Cảm tình Việt dành cho Anh nhạt dần rồi hờn giận.

Riêng chính phủ, tức thời, ra luôn Đạo Luật, Nghị Định cho các Công Ty Anh, Mỹ, Hòa Lan...được tiếp tục doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Thủ tiêu các Nghị Định cũ của Toàn Quyền Đông Dương bắt các tù nhân có quốc tịch Mỹ, Anh...phải khai tài sản ở Đông Dương và đặt tài sản ấy dưới quyền hành chính.

Đối với Hoa Kỳ, Việt Minh cố gắng nuôi dưỡng tình thân thiện đã từng được cụ thể hóa khi Việt Minh còn trong bóng tối. Những nhân viên quân sự, những nhà báo Mỹ đặt chân lên Thủ Đô Việt Nam đều được chính phủ ưu đãi đặc biệt. Hơn thế nữa, trong tuyên ngôn độc lập, chính phủ Hồ chí Minh cố ý làm vui lòng Hoa Kỳ (mặc dầu bên trong có một dụng ý khác nữa) đã nêu câu Châm Ngôn trong lời Tuyên Bố về Nhân Quyền của Tổng Thống Hợp Chúng Quốc, Jefferson. Một Hội Việt-Mỹ được thành lập gây tình thân thiện, trao đổi văn hóa bằng cách mở lớp học, dịch sách báo.

Tất cả cố gắng của Việt Minh đối với Hoa Kỳ cũng không kết quả tốt đẹp. Trước kia Việt Minh đã được Hoa Kỳ tiếp tế quân nhu vũ khí, nhưng đến khi đã thành lập chính phủ, Mỹ dần dần “đánh hơi” thấy mùi “Cộng Sản” trong chính sách Việt Minh. Cho nên mặc dầu cố tình gây thân thiện, Tướng Gallagher vẫn ngoảnh mặt làm ngơ, không những thế còn quay nhìn chăm chú vào cá nhân Cựu Hoàng và giai cấp trí thức Việt Nam trong các đảng cách mạng quốc gia nữa.

Đối với Liên Bang Xô Viết, Việt Minh chỉ nhận được lạnh nhạt hầu như tuyệt đối. Người ta chưa hề thấy Điện Kremlin lên tiếng tỏ cảm tình với Việt Nam, ở Liên Hiệp Quốc, ở các Hội Nghị tại Mạc Tư Khoa. Họ cũng chẳng buồn gửi nhân viên sang Việt Nam nhận xét nữa. Những thức giả đều không hiểu tại sao phân bộ Cộng Sản quốc tế Á Đông lại đến nỗi thờ ơ với chính phủ Hồ chí Minh như vậy.

Nói chung, giữa tình thế cô lập, chính phủ Hồ chí Minh đã hết sức cố gắng trong lập trường đối ngoại nhưng buồn thay chẳng rút được kết quả nào đáng kể.

Pháp ? Sự xung đột ngày càng nhiều, Hiệp Định rồi Tạm Ước chẳng qua chỉ là một vài phút tạm thờ của hai bên.

Trung Hoa ? Hiệp Ước 28.2.46 ký tại Trùng Khánh đã thực tế phô bày lập trường của Tưởng Thống Chế đối với chính phủ Việt.

Anh ? Tướng Gracey đã cố tình giúp Cédile gây rối ren trong Nam Việt.

Mỹ ? Người Mỹ rất thính mũi, họ lui xa Cộng Sản mà họ còn dìm thêm cho nữa.

Còn Nga ? Sự thờ ơ lạnh nhạt của các ông Chúa Đỏ tại Điện Kremlin phải chăng là một chiến thuật, một thủ đoạn ? Việc ấy chỉ có hỏi các ông trùm Cộng Sản Việt Nam mới rõ.

Người ta nhận thấy chính phủ Việt Minh chỉ trông cậy ở thực tài của mình để gây uy tín trong dân chúng, lôi kéo dân chúng ủng hộ mình ngõ hầu thành lập chủ nghĩa vô sản trên giải đất Việt Nam.

LÝ DO THẤT BẠI CỦA CHÁNH PHỦ DÂN CHỦ CỘNG HÒA

TÍNH CHẤT QUỐC TẾ

Tiền thân của chính phủ Hồ chí Minh là ủy ban giải phóng dân tộc thành lập dưới quyền chỉ đạo của tổng bộ Việt Minh. Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội bên ngoài là một hình thức tổng hợp rộng rãi đủ màu sắc chính trị, có một mục đích chung: Tranh đấu cho nền Độc Lập Việt Nam. Chủ trương thành lập mặt trận đã được các lãnh tụ Cộng Sản nêu lên từ năm 1935-1936. Hồi đó, các lãnh tụ Cộng Sản có phái đại diện đến Nam Kinh thảo luận với Vy Chính Nam và Nghiêm Kế Tổ để liên hiệp, nhưng việc đó không thành vì Cộng Sản có nhiều hành động không thành thực, đồng thời lại vội vàng đề nghị công khai thủ tiêu danh từ Việt Nam Quốc Dân Đảng để thay thế bằng nhãn hiệu Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội. Mục đích thủ đoạn đó làm cho quốc dân và thế giới sẽ quên dần một đảng phái đã từng có thành tích oanh liệt để chỉ biết có Việt Minh. Vì thế mãi đến 1941 mặt trận Việt Minh mới ra đời công khai, và tất nhiên là vắng bóng Việt Nam Quốc Dân Đảng. Các cán bộ lãnh đạo cốt cán mặt trận đại đa số là những nhà cách mạng dưới quyền chi phối của Cộng Sản đệ tam quốc tế, phân bộ Á Đông. Cụ Hồ chí Minh, sáng lập viên mặt trận chính là cụ Nguyễn ái Quốc, một cán bộ quan trọng quốc tế Cộng Sản. Tuy nhà lãnh tụ cách mạng, lão thành dày kinh nghiệm ấy đã khôn khéo đổi tên là Hồ chí Minh nhưng cũng không tài nào che mắt nổi các chính khách trên thế giới và các nhà lãnh tụ đảng phái quốc gia Việt Nam.

Riêng tay cụ Hồ đã nhào nặn ra các đảng Cộng Sản ở Đông Dương và số lớn các cán bộ Cộng Sản cao cấp miền Đông Nam Á. Cụ đã có một quá trình tranh đấu vĩ đại cho chủ nghĩa vô sản, đến nay đích thân cụ lại lãnh đạo chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa, hỏi ai là người không nhìn thấy con đường mà chính phủ mới sẽ dìu dắt dân Việt Nam ?

Trước khi dân Việt Nam biết các nhân vật Cộng Sản trong chính phủ Hồ chí Minh thì ở ngoại quốc, người ta đã biết rõ rồi, nhất là ở Ba Lê và Trùng Khánh. Hồ chí Minh, Hồ tùng Mậu, Tôn đức Thắng, Võ nguyên Giáp, Nguyễn lương Bằng, Phạm văn Đồng, Trần đẳng Ninh, Trần tử Bình, Hà bá Cang v.v...hầu hết ra vào các nhà tù như cơm bữa.

Ở trường hợp nào cũng vậy, những người Cộng Sản đều dùng bình phong che đậy âm mưu hoạt động. Việt Minh che đậy lý tưởng quốc tế bằng lý tưởng quốc gia dân tộc, khiêu gợi và lợi dụng lòng yêu nước chân chính của quốc dân, thỏa mãn tâm lý họ. Về hình thức, danh từ “chính phủ liên hiệp” thu gồm mọi xu hướng chính trị. Tại quốc hội, người ta thấy cũng lẫn lộn đủ hạng người: Cộng Sản, quốc gia, dân chúng... Nhưng bên trong bình phong, các lãnh tụ Đỏ nắm chặt quyền chỉ đạo. Trường Chinh, Sao Đỏ và một số “cán bộ om” của Cộng Sản (ít ai biết mặt biết tên) lãnh đạo trong bóng tối, ngoài ra, Nguyễn Xiển, Trần hữu Đức, Trần văn Giàu, chủ tịch Bắc, Trung, Nam đều là đảng viên trung kiên của vô sản.

Trên cao, những ông trùm Cộng Sản giữ quyền lãnh đạo, bên dưới, những ấu trĩ đảng viên hành động. Phần đông những cán bộ cơ sở “ấu trĩ”, được Cộng Sản kết nạp quăng 1944-1945. Tuy “lính mới”, nhưng họ tỏ ra quá hy sinh, bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ gia đình êm ấm, thoát ly đi xung phong, có khi thí mạng vì công tác vì lý tưởng. Đối với họ, công tác đảng là trên hết. Mọi việc trên đời nếu không phải là việc đảng đều không đáng chú ý. Họ sống chết vì cấp trên, vì đảng, không kêu ca, không oán hận.

Bản thân của chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa tỏ ra Đỏ từ đầu đến cuối khiến cho thế giới dân chủ dần dần e ngại, hững hờ, bỏ rơi.

Về sự việc, các cán bộ hành động nhiều khi quá khích. Những thi hành vô tổ chức, hỗn loạn, đã chớp nhoáng xáo lộn nền móng từ ngàn xưa trên đất Việt.

Lãnh thổ Việt Nam từng chịu ảnh hưởng của Đạo Giáo Á Đông, tồn cổ, tồn phong, ngay đến tư tưởng cải lương dân chủ, tự do dân chúng cũng còn chưa thích hiểu, nói chi đến chủ nghĩa Mác-xít, Lê-nin-nít, Sta-lin-nít...

Các cán bộ nam của Cộng Sản Việt Nam đã đem áp dụng một chính sách tàn bạo: Phá đình, phá chùa đả kích tôn giáo, đả kích việc thờ phụng tổ tiên, thần thánh, tịch thu ruộng đất, tịch thu tài sản vô tổ chức. Ai không hưởng ứng tình nghi, ai vắng mặt ở phòng họp, thờ ơ lãnh đạm trước phong trào mới, lừng chừng, sẽ

bị điều tra, theo dõi, bắt bớ hành hạ, giam cầm, đôi khi thác oan.

Chính sách khủng bố của Cộng Sản được thi hành dưới bàn tay đồ tể vô vàn cán bộ xu thời, mù quáng và ác độc. Những hành động quá khích, kết quả thì ít, tai hại thì nhiều. Phương châm đại đoàn kết của Việt Minh tự nó đã biến thành một kế hoạch loại trừ và phản đoàn kết đại quy mô. Đối với các đảng phái yêu nước, Việt Minh hoặc công khai thủ tiêu (giải tán Đại Việt, Thanh Niên Ái Quốc v.v...) hoặc dùng biện pháp quân sự (tiêu diệt Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Vĩnh Yên, Nghĩa Lộ, Đồng Minh Hội ở Tiên Yên, Phục Quốc ở Lạng Sơn, Cao Đài, Hòa Hảo ở Nam Việt) chỉ để phá hình thức hoạt động của họ và cố tình kết án không chịu đếm xỉa đến thiện tâm yêu nước tất nhiên của một đảng chính trị. Ngoài việc áp dụng kế hoạch “đại đoàn kết” như trên với các đảng phái đối lập, những ban trình sát, ám sát, Việt Minh mọc lên như nấm, thi hành những chỉ thị bí mật, đẫm máu, gây hoảng hốt trong tâm can người dân lành, chất phác. Đối với Giáo Hội Gia-Tô, lực lượng mạnh mẽ, có tổ chức chặt chẽ, Việt Minh cũng không tha, khẩu hiệu thì “Lương giáo đoàn kết”, nhưng được thực hiện bằng cấm mở Trường Thần Học của Giáo Hội bằng đồ lỗi cho các Cha Cố đã làm gián điệp cho ngoại bang, ép họ vào tội tàng trữ khí giới bất hợp pháp... Khẩu hiệu “đại đoàn kết” của Việt Minh chính là mầm gây chia rẽ giữa đảng phái, giữa tôn giáo, giữa mọi giai tầng trong xã hội nghèo nàn của Việt Nam. Vịn vào lý thuyết vô sản, hiểu nghĩa giai cấp công nhân lãnh đạo một cách lệch lạc, các cán bộ Việt Minh đã không nề hà, thủ tiêu mạnh và nhanh những người được gọi “là thống trị tư bản” kẻ thù của dân tộc, kẻ thù của các giai cấp cần lao, đa số là trí thức, tinh hoa của đất nước.

Các lãnh tụ Cộng Sản đem áp dụng bao nhiêu thủ đoạn chính trị trong quốc hội, trong chính phủ, nào cải tổ, nào thành lập hội, đoàn mới, tổ chức mới, những hội, đoàn nào, tổ chức nào cũng phải biến thành khí cụ mới, một khi đã thành hình, để Việt Minh lợi dụng.

Mật ngọt chết ruồi!

Thủ đoạn và hành động vô hình hay hữu ý của Việt Minh đã khiến cho những người yêu nước, trong lý tưởng quốc gia không thể nào tin được họ nữa. Mỗi hành động, mỗi lời tuyên bố của Việt Minh đều gặp phản ứng. Sự thế ấy khiến cho ngoài nước, các cường quốc lánh xa, trong nước, dân chúng ngậm đắng, nuốt cay, thở dài mỗi khi nghĩ tới “quốc gia hạnh phúc”!

THÁI ĐỘ CỦA PHÁP

Lịch sử cho biết, Pháp đã chẳng nề hà, quân ngại đem áp lực quân sự để thôn tính thành trì Việt Nam. Thôn tính xong, chiếm đoạt xong rồi mới nói đến thương thuyết “giảng hòa”. Phương pháp ấy là cổ truyền của pháp, hay nói cho đúng, của những nước đi chiếm đất đai hồi thế kỷ thứ 19. Sau khi lập được nền đô hộ, lẽ đương nhiên là dân Việt Nam biến thành dân bị trị. Dân bị trị dĩ nhiên bị khinh rẻ, kìm hãm. Song với địa vị bề trên, người Pháp ở thuộc địa nuôi dưỡng tinh thần trịch thượng đối với dân bản xứ, Thái độ trịch thượng, khinh bỉ, coi rẻ dân bị trị đã theo thời gian ăn sâu vào tâm tủy từng người đi thống trị biến sinh ra một giống người mới: Thực Dân. Ai đã từng sống với người Pháp sinh trưởng ở Việt Nam cũng phải nhận thấy đa số khác hẳn tính tình người Pháp ở chính quốc. Ở họ thiếu một cái gì của Pháp tinh túy, Pháp văn minh. Người dân Việt Nam chất phác chỉ hiểu nước Pháp thuộc địa, vô hình chung đã đánh giá dân Pháp bằng một thiểu số sống trên đất chữ S.

Do sự kém suy xét, kém sừu tầm, kém nhận định, người “Pháp thuộc địa” đã phủ nhận tinh thần dân bản xứ, đã ngộ nhận đức tính của họ, đã đánh giá họ quá thấp. Trái lại, do sự thiên cận của dân ta, đã suy xét thiên lệch và đánh giá người Pháp theo kiểu “cá mè một lứa”, hai điểm tâm lý trên đã kết cấu và làm khó dễ từ cuộc thương thuyết này đến cuộc thương thuyết khác giữa Pháp và Việt Nam.

Năm 1944, pháp triệu tập một Hội Nghị ở Bazzaville bên Phi Châu để đặt nền móng cho chính sách mới tại đất đai Hải Ngoại, ngõ hầu thích hợp với tình thế sau chiến tranh. Không nhiều thì ít, việc ấy cũng là một tiến bộ trong lịch sử thuộc địa. Một tiến bộ bắt nguồn trong tư tưởng đầy xây dựng, đầy thiện chí của những người Pháp dân chủ (tuy nhiên chưa phải là tuyệt đích). Nhân sau cuộc chính biến tại Đông Dương do Nhật Bản gây nên, chính phủ lâm thời De Gaulle liền cấp tốc cho ra đời Bản Tuyên Ngôn đề cập chính sách của Pháp với các dân tộc trên giải đất chữ S. Người ta nghiên cứu một ý niệm mới: Ý niệm

Liên Hiệp Pháp. Pháp dự định tổ chức Đông Dương thành một Liên Bang 5 xứ Bắc, Nam, Trung, Lào, Mên có chính phủ của liên bang, có quốc hội, có đủ mặt đại biểu theo tỷ lệ dân số...nhưng Pháp vẫn không quên đặt một vị toàn quyền Pháp trên chính phủ Liên Bang. Để chuẩn bị cho chính sách ấy, chính phủ Alger đã phong chức Cao Ủy Đông Dương cho Đô Đốc Georges Thierry d'Argenlieu. Đứng trước hoàn cảnh đã chót thất thế ở Đông Dương do Nhật Bản gây nên, Đô Đốc d'Argenlieu cố gắng giao thiệp với Trung Hoa, một nước đàn anh ở Đông Á sát nách Việt Nam. Tiến thêm bước nữa, Đô Đốc thúc đẩy ký kết Hiệp Ước Pháp-Mên, Pháp-Lào (27.8.46 và 28.8.46) lập thành thể bao vây Việt Nam trước khi nói chuyện lại với dân tộc Việt.

Về mặt quân sự, Tổng Hành Dinh F.E.F.E.O (Forces Expéditionnaires Française d'Extrême Orient) của Tướng Blaizot đóng tại Calcutta (Ấn Độ) thiết lập đầu cầu dụng binh. Tướng Leclerc bay sang Tokin vận động cho đoàn quân của ông ta được tiến vào đất Việt.

Rồi mọi việc liên tiếp xảy ra:

Nam Việt, từ những vụ đổ máu ngày 2.9.45 cho đến ngày Tướng Leclerc đặt chân lên đất liền, người Pháp đã hân hoan với bao ưu thế quân sự và chính trị tỉnh lớn tỉnh nhỏ chuyển dần từ tay ủy ban dân sang quân đội Pháp, ủy ban Nam Bộ cuốn khăn gói rút khỏi Thủ Đô Nam Việt, rồi đến số phận các Tỉnh Gia Định, Phú Mỹ, Mỹ Tho, Cần Thơ...chỗ nào cũng lần lượt éo mình dưới gót giày đinh của bộ đội Commando mũ đỏ, với đoàn xe bọc sắt Massu.

Người Pháp áp dụng võ lực không ngừng, nào tiến chiếm Cao Nguyên Mọi, nào nhảy dù xuống Paksane, Pnompenh, Vân Nam, đã sắp đặt tiến quân binh lính và quan cai trị Pháp nhảy dù...

Tất cả những hoạt động về quân sự của Pháp làm hậu thuẫn cho những cuộc "giảng hòa sắp tới".

Chính phủ Pháp, phần thì mắc bận việc của chính quốc, phần thì do những báo cáo thiên lệch, nhận định tình hình Đông Dương không hoàn toàn đúng, vô hình chung đã mặc nhiên công nhận những tư tưởng ngoan cố của một số người Pháp có nhiều quyền lợi trên đất Việt.

Thái độ của chính phủ Pháp đương nhiên làm dân chúng Việt hiểu nhầm lòng thành thật và quảng đại của nước Pháp dân chủ, một cường quốc từng có nền văn hóa sáng lạn, sẵn thiện chí dịu dặt các dân tộc còn hèn yếu, đem ánh sáng văn minh của mình cho thế giới soi chung.

Sẵn mầm mầu thuẫn tâm lý ấy, các lãnh tụ Cộng Sản chỉ việc đào cho sâu, khơi cho rộng để đến nỗi ngày bi đát, ngày đầm máu buồn thảm của hai dân tộc đã xảy ra khủng khiếp, bao hành động bảo thủ vô ý nghĩa của Pháp, của Việt khiến cả đôi bên phải chịu đựng tang tóc, đau thương.

TIỀM LỰC CỦA CHÍNH NGHĨA QUỐC GIA TRONG CHÍNH PHỦ HỒ CHÍ MINH

Sau ngày Anh Hùng Nguyễn Thái Học bị xả thân trên đoạn đầu đài, những đảng phái chính trị mưu đồ phục quốc đa số thất tán lưu vong. Tuy vậy, các nhà cách mạng vẫn tiếp tục hoạt động ở Hải Ngoại với mục đích, nhất định, đem vinh quang cho xứ sở. Ngoài hoạt động của những người Việt Nam theo quốc tế Cộng Sản, các thanh niên yêu nước can đảm đều tìm cách lén sang Trung Hoa, gia nhập cách mạng dưới lãnh đạo của Tư Thương Mại, Vỹ Chính Nam, Lệch Trạch Dân...

Từ năm 1931 đến năm 1945 những đảng phái đua nhau thành lập hoạt động. Rút kinh nghiệm vụ Nguyễn Thái Học các lãnh tụ lợi dụng đủ mọi hình thức, tổ chức hợp pháp, bất hợp pháp.

Ngoài nước, Tổng Bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng công khai thành lập dưới chỉ đạo của Tư Thương Mại, Vỹ Chính Nam, Vũ Bá Biên ở Quảng Châu, ở Vân Nam do Vũ Hồng Khanh lãnh đạo. Sau bạo tàn, hợp Đảng Việt Nam Quốc Dân chính thức chính quyền Trung Hoa Dân Quốc công nhận và ủng hộ (Tháng Giêng năm 1934) Tại Nam Kinh.

Năm 1941 tại Liễu Châu, các lãnh tụ Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Trần Bảo, Trương Trung Phụng, Nông Kinh Dầu thành lập Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội. Nhưng buồn thay, một số lãnh tụ lão thành vì óc địa vị, quân phiệt, đã chia rẽ nhau lại thêm không được lòng Tư Lệnh Đệ Tứ Quân Khu Trương Phát Khuê nên hoạt động của Hội kém bề phát triển, gặp lắm khó khăn, khiến các lãnh tụ Cộng Sản lần bước tung hoành.

Trong nước, những nhóm chính trị ra đời công khai dưới hình thức tôn giáo như Cao Đài (Lê Văn

Trung, Phạm Công Tắc, Tòa Thánh ở Tây Ninh thành lập năm 1926), nhóm Hòa Hảo (Huỳnh Phú Sổ thành lập tại Châu Đốc năm 1939), cùng các Đảng Đại Việt, Phục Quốc...thành lập trong thời Decoux. Mỗi đảng, mỗi nhóm, mỗi xu hướng chính trị riêng biệt.

Có nhiều cơ sở trong dân chúng, biết hướng dẫn tâm lý quần chúng và khéo tuyên truyền, Việt Minh đã đoạt chính quyền quá dễ dàng ngày 19.8.45 để rồi cấp tốc thi hành chính sách riêng “đặc biệt” của họ.

Chính sách cực đoan, khủng bố, những phần tử quốc tế đã đem áp dụng mạnh bằng mọi hình thức.

Đại Việt, Quốc Gia Xã Hội bị đổ tội đã “tư thông với ngoại quốc làm hại an ninh xứ sở và kinh tế quốc gia”, lãnh tụ Cao Đài, Hòa Hảo bị khủng bố, Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Vĩnh Yên, Yên Bái, Lào Kay. Phục Quốc ở Lạng Sơn, Lộc Bình, Đồng Minh Hội ở Móng Cáy, Tiên Yên bị thẳng tay đàn áp.

Ngay giữa Thủ Đô, những trò bắt cóc, ám sát luôn tiếp diễn. Để trừ cái “quốc gia chủ nghĩa”, Việt Minh kiểm soát, giam cầm, thủ tiêu một số trí thức ái quốc có tư tưởng diệt cộng như Bác Sĩ Nguyễn Văn Thinh, Đốc Phủ Tâm (nguyên Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm) Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà. Cả Tạ Thu Thâu, nhà lãnh đạo đệ tứ Cộng Sản cũng bị các đồng chí đệ tam thanh toán (Họ Tạ đã thác oan tại Quảng Ngãi).

Mỗi đoàn thể trong mặt trận Việt Minh đều có một tổ chức trinh sát: Sưu sách, tình báo, đặc vụ, trinh sát mặt trận, trinh sát quân sự...là những ban chuyên môn dò la hành vi dân chúng. Kẻ nào vô tình hoặc hớ hênh thốt ra những câu “vô chính trị” là tức khắc có tên trong sổ đen và bị chú ý theo dõi.

Trước lưới do thám chặt chẽ, rộng rãi, các đảng quốc gia cũng đổi lại bằng bắt cóc, ám sát. Một cuộc vật lộn dao găm, súng ngắn diễn ra kinh khủng. Cả hai địch thủ cũng có nhà tư che mắt dân chúng để thực hiện tra tấn, thủ tiêu đối phương đã bắt cóc được. Những tư thất đó chẳng khác gì loại hắc điểm trong tiểu thuyết kiếm hiệp Trung Hoa. Dân chúng sống chung trong hỗn loạn, không bảo đảm, chẳng biết thế nào là phải, trái nữa.

Nói chung, chính nghĩa quốc gia đã được tượng trưng bằng hai chính sách, đã có những hoạt động điển hình:

– Chính sách “vườn rau áo cá”, sống yên bình, tỏ khí tiết “giữa thời lỗ lã”.

Chính sách đấu tranh, mạnh bạo công khai đối lập. Chính sách anh dũng, tích cực đó do các người ái quốc, có năng lực, có óc tổ chức, ưa hoạt động, áp dụng dưới 2 góc cạnh khác nhau.

Chính khách ngoài Bắc có hoàn cảnh, phần vì sẵn có thực lực và cũng nhân thời thế dựa được thế lực quân đội Trung Hoa, áp đảo Việt Minh trong chính phủ, trong quốc hội, trong tuyên truyền, trong quân sự, khiến cho chính phủ phải cải tổ, quốc hội phải mở rộng, tuyên truyền phải đứng dẫn, quân đội phải chịu chung kiểm soát. Ưu thế của các lãnh tụ quốc gia bên cạnh quân đội Trung Hoa rõ ràng đã làm cho Việt Minh chùn bước.

Chính khách trong Nam, nhờ hoàn cảnh địa phương dựa Pháp để đối phó với Cộng Sản. Nhận thấy mối giao hảo Việt-Pháp không dễ bị lý do nhất thời sụp đổ ngay, hai dân tộc Việt-Pháp cần phải để tương thân tương hỗ trên đường kiến thiết, các vị này đã mạnh bạo, gạt bỏ dư luận, cương quyết giao thiệp với Pháp để chống trả Việt Minh. Nhưng khó khăn thay, hình thức nhất thời đã chẳng vừa lòng dân chúng: Cái tâm lý dân chúng yêu nước bằng bột, kém suy nghĩ sâu xa, đã bắt buộc các nhà ái quốc Bắc chí Nam phải chặt vật, gian truân sống trên dư luận.

Dựa vào Trung Hoa, một lân bang đã từng thống trị Việt Nam trên nghìn năm lịch sử hay dựa vào Pháp, một cường quốc vừa đô hộ nước nhà trên 80 năm, những nhà chính khách quốc gia mới thành công trong sự nghiệp thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Tự Do dưới lá cờ Bảo Đại.

CHÍNH NGHĨA QUỐC GIA

A.- YẾU TỐ TƯỢNG TRƯNG

Từ khi Hoàng Đế Bảo Đại hy sinh ngai vàng mong mưu đồ Tự Do, Dân Chủ cho một Việt Nam Độc Lập mới, quốc dân vui mừng với tư tưởng mới mẻ của vị Anh Quân trẻ tuổi, cảm động sâu xa với hành vi cao cả của Người. Cử động siêu phàm ấy đã phơi bày ra ánh sáng cái quá khứ u ám, nuốt hận dưới thời Pháp thuộc, quá khứ đã khiến cho một vị Hoàng Đế đầy tâm huyết với non sông bị kìm hãm khó bề vùng vẫy.

Chiếu thoái vị của Hoàng Đế Bảo Đại chỉ có giá trị hình thức. Trong tâm can dân chúng, Hoàng Đế Bảo Đại vẫn còn, hình ảnh vị Hoàng Đế thông minh không dễ mỗi chốc đã nhòa được.

Mặc dầu đã khôn ngoan đặt Cựu Hoàng vào địa vị Cố Vấn Tối Cao, mặc dầu trên địa hạt tuyên truyền, Việt Minh cố tình làm quốc dân lãng quên vì vua cũ để có thể dễ dàng xuy tôn các lãnh tụ của họ, Việt Minh cũng chỉ thành công có mỏng manh và nông cạn.

Nếu như dân chúng đã tỏ ý thỏa thuận sự việc thoái vị của một quân vương, họ cũng vẫn tỏ thật tình tin mến con người Hoàng Thân Vĩnh Thụy. Vì nhiều lẽ:

Người dân Việt muốn tự do, độc lập nhưng trong khuôn khổ trật tự của đạo lý Khổng-Mạnh, một đạo lý đã từng ăn sâu vào tâm não người dân hàng chục thế kỷ. Nếu dân Việt Nam hớn hở, đón mừng Việt Minh năm 1945, cũng chỉ vì dưới sự đau khổ cùng cực của chế độ Pháp thuộc, Nhật thuộc, qua những tai nạn kinh khủng đói lụt v.v...Người dân cần một bầu dưỡng khí mạnh và mới. Nhưng đến khi đã thoảng nhận chế độ “kim thời” cũng chỉ mang lại chết chóc, khủng bố trong tinh thần, phân ly trong gia đình, xáo lộn trong xã hội, xảo trá và quỷ quyệt trong hành động, người dân buồn rầu đã quay nhìn lại con người độc nhất tượng trưng lòng yêu nước của toàn dân: Cựu Hoàng Bảo Đại!

Nhưng Cựu Hoàng là Cố Vấn Tối Cao của chính phủ Hồ chí Minh ? Việc ấy người dân không lăm lăm. Họ đã sáng suốt nhận chân tình thế của Cựu Hoàng. Tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Cựu Hoàng đã gặp cảnh ngộ như vậy. Sự thắc mắc của Hoàng Đế đã được quốc dân thông cảm.

Tuy là một nhân viên cao cấp trong chính phủ Hồ chí Minh, Cựu Hoàng đã quá xa với sự kính trọng của các cán bộ cộng sản. Trong thôn xóm yên tĩnh, nghèo nàn, nếu vô tình một bức chân dung cũ kỹ, màng nhện chẳng qua, hình ảnh vị quân vương trẻ tuổi khoác áo Hoàng Bào ẩn dưới một nếp tranh lạnh lẽo, bị người khách lạ nhận thấy, sự chẳng lành sẽ xảy ra tức khắc. Trước hết, người chủ nhân chất phác sẽ bị mời cất ngay bức hình tượng trưng óc đế quốc, lạc hậu, rồi tiếp đến sự “thăm nom” vô hồi của các nhân viên trinh sát với tất cả những lời lẽ khôn ngoan như phản đối, như ôn hòa, như gắt gao, như đe dọa, như tuyên truyền. Những việc tương tự tiếp diễn không ngừng trên khắp giải đất Việt Nam dưới muôn ngàn hình thái. Đôi khi may mắn, khổ chủ được giải thích mềm mỏng để hiểu thế nào “sùng vương” là một tội, một tội phản động đối với chính thể mới, đôi khi, chẳng may địa phương lại do một hung thần coi sóc, khổ chủ sẽ được “săn sóc” hơn, có thể tiến thẳng tới Cải Hối Thất xa xăm, lạnh lẽo của núi rừng. Ở đây, khổ chủ tha hồ mãi mãi suy nghĩ đến việc treo ảnh vô ý thức của mình.

B.- Ý CHÍ QUỐC DÂN

Nếu Cựu Hoàng tượng trưng tinh thần quốc gia thuần túy, cổ truyền thì Cựu Hoàng đã là cái đích để quốc dân tìm tòi, bộc lộ lòng yêu nước. Sự bộc lộ tuy có bị mất mát, lạc lõng, lang bạt trong các xóm quê xanh ngát nhưng không vì thế mà không thể được tập trung, được nung đúc, được tổ chức, được trình bày, nói một cách khác, được công khai đương đầu với tinh thần quốc tế cộng sản.

Ý chí quốc dân cứ thế bước, từ Bắc chí Nam bằng những hoạt động tuy khác nhau về hình thức, cách nhau về thời gian nhưng cùng một mục đích, một lý tưởng: Ủng hộ Cựu Hoàng, người tượng trưng lý tưởng

quốc gia, phản đối chính phủ Việt Nam, tay sai của Kremlin cộng sản.

Ngoài Bắc Việt, sau khi bị thất thế, chậm chân để đến nỗi Việt Minh chiếm đoạt được chính quyền, các đảng phái chính trị quốc gia liền đoàn kết lại thành một khối dưới nhãn hiệu Việt Nam Quốc Dân Đảng, một phần nào dựa vào thế lực quân sự Trung Hoa, thiết lập các trụ sở hoạt động, nhằm hai công tác chính: Chính trị và quân sự.

Về chính trị, từ tháng 6.1945, Việt Nam Quốc Dân Đảng tích cực hoạt động trong nước và đối ngoại có một Hội Nghị giữa Trung Hoa Quốc Dân Đảng với phái đoàn Việt Nam Quốc Dân Đảng do Phan Trâm (Bác Sĩ Nguyễn Tiến Hỷ) lãnh đạo.

Phái đoàn đã được các Bộ Trưởng Trung Hoa như Ngô Thiết Thành, Trần Lập Phu, Trần Thành, Trần Khánh Vân, Trịnh Tiềm, Chu Gia Hoa, Trương Trí Trung, Trương Đạo Phan, Vương Thế Kiệt...niềm nở tiếp đãi tại Trùng Khánh và cho phép phái đoàn Việt Nam đi tham quan mọi nơi như Viện phát hành giấy bạc, trường học, công binh xưởng v.v...

Tháng 9 năm 1945, Việt Nam Quốc Dân Đảng xuất bản báo chí mục đích tố cáo trước dân chúng những Việt Minh, độc tài, vô sản...Sau khi đã vạch rõ cho dân chúng biết sự thật, Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức, dân chúng biểu tình phản đối Việt Minh. Hà Nội mục kích từng đoàn dân chúng đủ các hạng người vác biểu ngữ, tung truyền đơn, xếp hàng trật tự diễn qua. Bờ hồ Hoàn Kiếm, các phố lớn, tới trụ sở của Cố Vấn chính phủ mới, Cựu Hoàng đích thân lãnh đạo việc nước: Dân chúng ủng hộ Cựu Hoàng.

Trong bí mật Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức trinh sát đối đầu với các bộ phận do thám Việt Minh. Rồi các vụ bắt cóc lẫn nhau bắt đầu một cách kinh khủng. Những vụ ám sát giữa người quốc gia và người quốc tế thi nhau tiếp diễn trong bóng tối. Khủng bố đối với khủng bố.

Về quân sự, tháng 9 năm 1945, giữa lúc Việt Minh lung lay ở Thủ Đô Hà Nội, cờ đỏ sao vàng đã tung bay khắp trên lãnh thổ Việt Nam, các lãnh tụ phe quốc gia có huy động lực lượng tuy kém thế nhưng kỹ thuật chiến đấu vững chắc từ hải ngoại kéo về chiếm Tỉnh Hà Giang thuộc xứ Thái: Vũ Quang Phẩm và Hoàng Quốc Chính chỉ huy trận đánh.

Nghiêm Kế Tổ tại Côn Minh liên tục phát triển lực lượng quân sự giữa đám quân nhân lưu vong của Pháp. Đám quân khổ đờ được giác ngộ rất nhiều, đồng lòng cộng tác hoạt động. Sau khi lãnh tụ Vũ Hồng Khanh đốc sức các cán bộ chiếm lĩnh Lao Kay. Việt Nam Quốc Dân Đảng tiến chiếm đánh đất Yên Bái và tăng cường căn cứ địa Vĩnh Yên khá vững chắc.

Mặc khác, Đồng Minh Hội với Việt Tam Quân hăng hái loạn đả với quân đội của Đệ Tứ chiến khu tại vùng Dăm Hà, Tiên Yên, Mong Cáy, Việt Minh cũng không yên vị.

Đồng bào Công Giáo cũng chẳng chịu kém, mặc dầu cụ Hồ chí Minh, người hiểu rõ lực lượng Công Giáo Việt Nam hơn ai hết, đã đích thân tiếp đón Đức Cha Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn, đã khôn khéo tổ chức đoàn thể Công Giáo Cứu Quốc, người Công Giáo yêu nước cũng sớm nhận thấy hai chủ nghĩa vô thần và hữu thần không thể cùng nhau sống, nên đã tích cực thành lập một hệ thống phòng ngừa tự vệ khá mạnh với hàng ngàn thanh niên đứng cảm dưới quyền điều khiển của một số Cha, Cố, hăng hái, trẻ trung. Dân chúng được đọc những khẩu hiệu: Đả đảo cộng sản, Ủng hộ chính phủ liên hiệp, la liệt trên tường với vùng Bùi Chu, Phát Diệm...Hoạt động của những người theo chính nghĩa quốc gia khiến Việt Minh chùn bước:

- Dành 70 ghế nghị sĩ cho phe quốc gia.
- Cải tổ và thành lập chính phủ liên hiệp.
- Các lãnh tụ phe quốc gia kiểm soát Quân Sự Ủy Viên Hội (Vũ Hồng Khanh). Ngoại Giao (Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ). Kinh Tế (Chu bá Phượng)...
- Báo chí tương đối được tự do công khai đã kích Việt Minh, tự do tuyên truyền chủ nghĩa, tự do tuyển mộ thanh niên...
- Giáo Đường được kính trọng, bất khả xâm phạm, giáo dân được nể vì...

Những người cộng sản cũng đã hiểu rõ lòng dân chúng. Dưới mắt chính phủ Hà Nội. Chiến khu Vĩnh Yên, căn cứ Tiên Yên và vùng Giáo Hội Bùi Chu, Phát Diệm là ba cái gai quá nhọn.

Trong Nam Việt, những phần tử chống cộng cũng không thừa phần anh dũng.

Ngay từ phút đầu, trước khi Việt Minh tiến bước các nhóm đảng chính trị như Cao Đài, Hòa Hảo, Việt Nam Độc Lập, Phục Quốc đã hợp nhất để tiếp nhận vô khi ở tay Nhật Bản. Sau khi chót bị Việt Minh thuyết phục để nắm giữ chính quyền, các đảng phái bí mật tập hợp các lực lượng thanh niên làm hậu thuẫn. Tình thế Nam Việt lúc đó kém yên ổn.

Ngày 2.9.45 Việt Minh bắt đầu giữ chính quyền địa phương, ngày 23.9.45 quân đội Pháp đã tấn công.

Thời gian quá ngắn khiến sự đấu tranh giữa phe quốc gia và quốc tế không thể phát triển gay go như ngoài Bắc. Công cuộc tranh đấu cho chính nghĩa quốc gia của các Chính Khách miền Nam kiểu cách khác hẳn ngoài Bắc Việt. Khi một số lãnh tụ như Hồ Văn Ngà, Huỳnh Phú Sổ... bị Việt Minh lần lượt thanh toán, các lực lượng còn lại tự phân tán chống lại bộ đội của Trần văn Giàu, riêng lãnh tụ Bình Xuyên đã treo giải thưởng cho ai lấy được đầu chủ tịch Nam Bộ. Một số các nhà trí thức quốc gia như Bác Sĩ Thịnh, Đốc Phủ Tâm (nguyên Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm) Bác Sĩ Nguyễn Văn Tùng, tuy có bị cộng sản làm khó dễ nhưng may mắn đã thoát khỏi nanh vuốt sắc nhọn để có thể tiếp tục sự nghiệp chống cộng mà ngày nay quốc dân đã mục kích rõ ràng.

Các chính khách Nam Việt biết trước rằng mỗi giây liên lạc Việt-Pháp chưa thể nào có thể cắt đứt hẳn. Nhận định khác người được như vậy, các chính khách đã mạnh bạo quả quyết bắt tay người Pháp giữa phong trào chống Pháp đang lên trong dân chúng. Không e dè, sợ sệt một dư luận vô tình và đầy ác ý có thể tổn hại tới uy tín cá nhân, các chính khách miền Nam đã thành thật và đặc biệt sửa soạn con đường giao hảo Việt-Pháp khác hẳn với lối bắt tay của các lãnh tụ Đỏ tại Đà Lạt và Fontainebleau với Pháp, khác hẳn với lối "thân Pháp" của Việt Minh cộng sản. Đường lối ấy vô tình chung đã phù hợp phần nào với chính sách của Cựu Hoàng, người chủ trương tranh đấu bằng ngoại giao và chính trị để xây dựng nền độc lập tự do.

C.- ĐỨC QUỐC TRƯỞNG HOẠT ĐỘNG

Bôn Tẩu Trung Hoa

Từ ngày thoái vị, Cựu Hoàng sống một cách giản dị giữa Thủ Đô trong một biệt thự xinh xắn. Cử chỉ thoái vị siêu phàm của một Quân Vương đầy tâm huyết với non sông, Cựu Hoàng đã tỏ cho quốc dân rõ lòng nhiệt thành thân mến quốc dân, trong thái độ ủng hộ chính phủ mới (quan niệm chính phủ một cách đứng đắn), trong lối sống thanh đạm hàng ngày.

Thâm tâm của Người tuy muốn yên vui làm công dân một nước dân chủ, độc lập, nhưng buồn thay, tình trạng đất nước khiến Người phải suy nghĩ: Chính phủ Hồ chí Minh thất bại, các cường quốc xa lánh một chính phủ tượng trưng chủ nghĩa vô sản. Dù Việt Minh có thắng lợi trên trường quốc tế chẳng nữa, chẳng lẽ Người lại chịu ngồi im để dân con mất tự do, mất tài sản, mất thuần phong mỹ tục, mất nền văn minh cổ kính, tinh hoa, ngồi im để một lũ vong bản hiện đang non sông cho đế quốc độc tài. Như thế không những Người có lỗi với giang sơn, tổ quốc, có lỗi với chính bản thân Người và lịch sử sẽ còn phê phán Người sau này nữa.

Cựu Hoàng ở Hà Nội. Người đã mục kích mọi hành động của những người mệnh danh là yêu nước, Người đã quá rõ mặt trái của họ, đã thấy những cảnh tượng xung sát đâm máu, những huynh đệ thương tàn, những tranh quyền cố vị, đồng thời Người cũng đã rõ lòng dân, ý chí của dân.

Nước nhà muốn được yên ổn cần phải có một người trong được lòng dân, ngoài có uy tín với các cường quốc.

Người đó không ai ngoài Cựu Hoàng Bảo Đại.

Đối với các cường quốc, việc thoái vị của Hoàng Đế không có nghĩa là Người đã rút lui khỏi trường chính trị. Biết Việt Minh là cộng sản, Pháp vẫn mong được trực tiếp nói chuyện với Người. Hoa Kỳ đã cố ý lánh xa chính phủ Việt Minh, người ta không còn thấy các nhân viên, sĩ quan Mỹ tới dự những cuộc họp công cộng, những cuộc mít tinh, biểu tình nữa. Hoa Kỳ đã quay lại phía Cựu Hoàng, chờ đợi. Chỉ cần Cựu Hoàng ưng thuận là Hoa Kỳ sẵn sàng tích cực giúp đỡ, hăng hái giúp đỡ.

Tháng 3 năm 1946, Nghiêm Kế Tổ, Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp Hồ chí Minh, thân dẫn phái đoàn sang Trung Quốc để tỏ ý thân thiện. Buổi tối, trước hôm đi, trong phiên họp riêng

tại Dinh Chính Phủ (cụ Hồ chí Minh, Cựu Hoàng Bảo Đại, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Công Truyền, Hà Phú Hương) sau khi đã vạch rõ ý nghĩa cuộc đi và nhiệm vụ phái đoàn, cụ Hồ chí Minh quyết định cả Cựu Hoàng cũng sẽ cùng đi và phái đoàn phải cấp bách sửa soạn, khởi hành ngay ngày hôm sau.

Cựu Hoàng và Nghiêm Kế Tổ không tán thành việc đi vội vàng như vậy và phản đối việc Cựu Hoàng đi Trung Hoa với tư cách một nhân viên trong phái đoàn mà chỉ đi với tư cách một vị Quân Vương đi du lịch. Cụ Hồ chí Minh, thái độ biến đổi bất thường và sau một lát suy nghĩ, chỉ đồng ý Cựu Hoàng ở lại và dục phái đoàn vẫn phải đi ngay, quyết định Nghiêm Kế Tổ lãnh đạo phái đoàn (hai đoàn viên là Nguyễn công Truyền, Hà phú Hương, Việt Minh). Đêm hôm đó, sau cuộc hội nghị, Nghiêm Kế Tổ tới Biệt Thự riêng của Cựu Hoàng, rồi cùng sang nhà bên cạnh gặp Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam. Mọi người đều trình bày lợi hại, khuyên Cựu Hoàng nên xuất ngoại với tư cách một vị Hoàng Đế thoái vị đi du lịch. Cựu Hoàng đồng ý ngay.

Sáng hôm sau, Cựu Hoàng cùng Nghiêm Kế Tổ tới Dinh Thủ Tướng từ giã cụ Hồ và đón hai đoàn viên, cụ Hồ chí Minh thấy sự đột ngột thay đổi thái độ của Cựu Hoàng, rất đổi kinh ngạc, nhưng chẳng biết tính sao, đành lặng lẽ bắt tay tiễn biệt...

Chiếc phi cơ của Trung Quốc Hàng Không Công Ty đã chở Cựu Hoàng và phái đoàn bay thẳng tới Côn Minh, để lại trong lòng những người cộng sản nhiều thắc mắc, lo âu.

Người ra đi không tùy tùng thân thuộc, cô đơn (Nam Phương Hoàng Hậu và các Hoàng Tử, Công Chúa vẫn còn long đong ở miền Trung nước Việt) nhưng chí cương quyết của Người không vì gia đình mà chùn, nản. Bởi vì, cùng với gia quyến của Người, quốc dân Việt Nam cũng đang quần quai đau thương: Nam Việt trong khói lửa, máu đào, Bắc, Trung với những vụ ám sát, bắt bớ tra tấn, thủ tiêu, dã man, hung ác, cảnh tượng tàn buồn thảm... Cựu Hoàng cương quyết ra đi. Người ra đi tìm nguồn sống cho dân tộc.

Đất Trung Hoa tiếp đón người công dân yêu nước số một của dân tộc Việt. Vì cuộc ra đi của phái đoàn Nghiêm Kế Tổ xảy ra một cách quá đột ngột, không dùng nghi thức ngoại giao thường lệ giữa hai quốc gia, cho nên nhà đương cục ở Côn Minh không hề hay biết. Phái đoàn tới Côn Minh phải tạm trú ở Khách Sạn Commerce.

Ngay buổi chiều, sau khi Nghiêm Kế Tổ trình Ủy Nhiệm Thư ra mắt tiếp xúc, các nhà đương cục Trung Hoa ở Côn Minh vội vàng tiếp đãi một cách vô cùng trịnh trọng. Họ mời phái đoàn ra ở Biệt Thự riêng nhưng Cựu Hoàng từ chối, tránh phiền phức và tạm ra trú ngụ tại Hoa Viên Lữ Điểm. Ở Côn Minh được ít ngày với ý định đợi tin Ngài Nam Phương cùng gia quyến. Nhưng khi được tin gia quyến Người có ủy ban hành chính Trung Bộ gìn giữ. Người đành cùng phái đoàn quyết định đi Trùng Khánh. Cuộc đi không trống, không kèn, khiến chính phủ Tưởng Giới Thạch không hề hay biết.

Đến Trùng Khánh, lặng lẽ phái đoàn vào trọ tại Khách Sạn Victory Hoise, nhà đương cục Trung Hoa ngay lúc đó được biết tin. Các yếu nhân Trung Hoa khi hay Cựu Hoàng tới Trùng Khánh vội vàng tới tiếp kiến và tỏ ý trách phái đoàn không cho biết trước để chính phủ Trung Hoa có thể tổ chức cuộc đón tiếp trọng thể.

Cựu Hoàng được Tưởng Chủ Tịch tiếp đón ân cần, riêng biệt, ngày ngày đàm luận. Trong thời gian ở Trùng Khánh, Cựu Hoàng đã là Thượng Khách của chính phủ Trung Hoa.

Sau một tháng giời, Cựu Hoàng vẫn ở lại Trùng Khánh. Riêng phái đoàn Nghiêm Kế Tổ trở về nước. Vấn đề đó đã mặc nhiên như vậy. Cựu Hoàng sang Trung Hoa với tư cách cá nhân của một Quốc Vương đi du lịch, không liên lạc gì với phái đoàn ngoại giao, mặc dầu Người đã cùng đi với phái đoàn. Thái độ ân cần đặc biệt của Tưởng Chủ Tịch đã chứng minh chân giá trị, của Cựu Hoàng. Tưởng Chủ Tịch đã tiếp Cựu Hoàng trước khi tiếp phái đoàn, đã đàm luận riêng biệt với Người, đã mời Người đi du lịch Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải (Cựu Hoàng từ chối).

Phái đoàn Nghiêm Kế Tổ trở về nước, từ giã vị Quân Vương đầy tâm huyết, một mình ở lại trên đất khách, tạm xa lánh quốc dân, đem tài sức xoay lại sơn hà (lúc đó Nguyễn Tường Tam suy cữ, một vài bạn cũng từ Việt Nam tới Trùng Khánh tiếp giúp Cựu Hoàng như Lưu Đức Trung, Phạm Văn Bình, Đinh Xuân

Quảng, Bùi Tường Chiêu v.v...

Sau những cuộc tiếp xúc với Tướng Thống Chế và các yếu nhân trong chính phủ Trung Hoa, tháng 6 năm 1946, Cựu Hoàng tới Hồng Kông, mặt ngoài, Người làm như về một khách du lịch Thành Phố Anh-cát-lợi, dự xem một cuộc vui thể thao...bên trong, Người tích cực suy tính một chương trình hoạt động mặc dầu nền tài chính quá eo hẹp đã khiến Người lắm phen thắc mắc.

Tháng 7 năm 1946, các lãnh tụ quốc gia lục tục bỏ Việt Minh xuất ngoại, hòng tính toán lại nước cờ riêng biệt. Nguyễn Tường Tam, trở lại Nam Kinh, Vũ Hồng Khanh, trở lại Vân Nam, Cự Nguyễn Hải Thần đi Quảng Tây...

Dưới sự khủng bố ghê gớm của Tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh miền Nam nước Việt, phần lớn lãnh tụ của các nhóm chính trị Cao Đài, Hòa Hảo... lần lượt rời bỏ Bưng Biền quay về Thành. Những phong trào quốc gia trong và ngoài nước tự tìm nhau kết hợp, đoạn tuyệt với chính phủ Hồ chí Minh và chịu đặt dưới lãnh đạo của Cựu Hoàng Bảo Đại, thành lập mặt trận quốc gia, chống Việt Minh và tranh đấu với Pháp dành Độc Lập cho Tổ Quốc.

Các đảng phái Đồng Minh Hội, Quốc Dân Đảng, Dân Chủ Hội, Xã Hội Đảng, Cao Đài, Hòa Hảo...các yếu nhân từ Nam chí Bắc đã yêu cầu Cựu Hoàng Bảo Đại lãnh đạo phong trào quốc gia chống lại cộng sản, giao thiệp với Pháp ngõ hầu thực hiện thống nhất, tự do cho nước nhà.

Đang sau Cựu Hoàng, một lực lượng quốc gia đang kiến tạo, đầy quả cảm, nhất trí ủng hộ Người. Tương lai Tổ Quốc, toàn thể quốc dân trông chờ Cựu Hoàng Bảo Đại.

Công khai đoạn tuyệt với Việt Minh, Cựu Hoàng đã tuyên bố với báo chí (Union Fracaire): “Nếu tất cả dân chúng Việt Nam đặt tín nhiệm vào tôi, nếu sự hiện diện của tôi có lợi cho cuộc giao thiệp hòa hảo Việt-Pháp, tôi sẽ sung sướng mà trở lại Việt Nam. Tôi không hoạt động cho Việt Minh, không hoạt động cho đảng phái nào cả, tôi chỉ tranh đấu cho Tổ Quốc...”

Lời tuyên bố của ông Trần Văn Tuyên, Đặc Ủy Viên của Cựu Hoàng tại Sài Gòn sau khi ở Hồng Kông về qua Hà Nội và Huế, đã nêu rõ đức tính cao cả, quảng đại và ý chí cương quyết của Người trong lập trường tranh đấu.

Cựu Hoàng Bảo Đại không phải là Cố Vấn Tối Cao của chính phủ Hồ chí Minh nữa, nhưng không vì thế mà gạt bỏ hẳn Việt Minh. Ngài sẽ ân cần thỏa thuận cho Việt Minh tham gia ý kiến trong cuộc thương thuyết với nước Pháp do Người hướng dẫn miễn là Việt Minh phải thành thật và đừng tự coi mình hơn các đảng phái khác.

Nếu chính phủ Hồ chí Minh từ chối sự ưu đãi do Người dành cho, sau cuộc thương thuyết, thực hiện được thống nhất, độc lập cho nước nhà, chính phủ do Người lãnh đạo sẽ coi Việt Minh là giặc và chính phủ của Người có nhiệm vụ phải dẹp yên.

Tinh thần quốc gia của Người còn được nhấn mạnh bằng câu nói: “Nếu mai đây, nước Pháp thương thuyết với Hồ chí Minh thì tất cả những người quốc gia sẽ nhất tề nổi dậy chống cả Pháp lẫn Hồ chí Minh”.

Lập trường của Cựu Hoàng đã rất rõ ràng. Lập trường quốc gia sáng tỏ, đúng ước nguyện quốc dân, được các cường quốc nhiệt liệt hoan nghênh ủng hộ.

Ý chí của Người rất cương quyết. Ý chí có dân làm hậu thuẫn, Người đã nói, đã hành động, điều vui cho quốc dân, điều lành cho giang sơn đất nước.

Trong khi chỉ vì chủ nghĩa vô sản, chính sách dĩ đảng trị quốc, dân tộc Việt Nam chịu quần quai đồng thời dưới gót giày đinh cứng nhọn của quân đội viễn chinh Pháp, dưới làn mưa bom đạn, với chiến thuật tiêu thổ, vườn không nhà trống của Việt Minh, ngày 9 tháng 9 năm 1947, hàng đoàn đại biểu từ đất nước bay sang Hồng Kông yết kiến Cựu Hoàng. Đại Biểu miền Nam có: Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Sâm (Mặt Trận Liên Hiệp Quốc Gia) Nguyễn Phan Long (viết báo) Trần Quang Vinh (Cao Đài) v.v...Đại Biểu miền Trung: Trần Thanh Đạt (nguyên Thượng Thư Bộ Giáo Dục) Trần Văn Lý (Chủ Tịch Hội Đồng Chấp Chính Huế) Cao Văn Chiêu v.v...Đại Diện miền Bắc có: Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long v.v... (thuộc thành phần Hải Ngoại)

Trong khi Cựu Hoàng cùng những Đại Diện các đảng phái, các nhóm chính trị hội họp Hồng Kông tìm đường đi cho xứ sở thì ở nước nhà, khắp chốn, từ nơi núi rừng âm u cho đến nơi đồng chua nước mặn, màu tang tóc đặc dày bao phủ, mùi máu, lửa say nồng khét lẹt. Chiến thuật đại khủng bố của Nguyễn Bình miền Nam Việt đối với kế hoạch “cloclo” của Tướng Valluy ngoài Bắc (Thu Đông 1947).

Việt Minh khủng bố đại quy mô để ngăn cản nhân dân ủng hộ Cựu Hoàng. Pháp cũng tấn công đại quy mô để tỏ cường quyết đối phó với Việt Minh, ở giữa dân chúng dơ đầu chịu báng.

Dân Việt ép mình dưới hai làn mưa đạn. Sự nguy khốn của quốc dân khiến Cựu Hoàng vô cùng chua xót.

Trong lúc các người con ưu tú của quốc gia bao quanh Cựu Hoàng để định đoạt tương lai cho xứ sở, ở trong nước, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân tích cực triệu tập nhân tài làm hậu thuẫn.

Ngày 6.12.47 cuộc gặp gỡ đầu tiên công khai Việt-Pháp giữa Cựu Hoàng và Cao Ủy Bollaert trên chiến hạm Duguay-Trouin tại Vịnh Hạ Long.

Cuộc gặp gỡ để dò xét lập trường, để mở đầu mỗi giây liên lạc đã khiến cho đại diện Pháp phải nhìn nhận thấy lòng cương quyết của Cựu Hoàng trên phương diện Thống Nhất và Độc Lập cho tổ quốc.

Không phải vì thiếu sót lực lượng quân sự mà Cựu Hoàng đã phải mềm, nhún với nước Pháp. Trái lại, Người quả quyết hơn bao giờ hết, trong việc đòi hỏi chân chính của Người: Độc Lập và Thống Nhất.

Ý chí cương quyết ấy đã làm cho đại diện Pháp có lúc phải cau mày suy nghĩ: “Cựu Hoàng đòi hỏi hơn Việt Minh. Cứng rắn hơn Việt Minh!”. Một lần nữa, nước Pháp nhận thấy ý chí người dân Việt mà đại diện của họ là Cựu Hoàng.

Trước thái độ gay go của Đại Diện Pháp, Cựu Hoàng quyết định sang Pháp. Ngày 26.12.47, chiếc phi cơ tối tân Anh-cát-lợi cất cánh rời Hương Cảng đã đem theo vị lãnh tụ thân yêu của dân tộc Việt sang trốn trời Âu. Ngài dừng gót ở Biệt Thự riêng, lâu đài Thorenc tại Cannes. Ở đây, để chính phủ Pháp trực tiếp hiểu rõ lập trường của dân tộc Việt trong cuộc tranh đấu dành Độc Lập Tự Do. Ở đây, để những người Pháp có nguyên nước Pháp, nhận rõ chân giá trị của người Việt Nam: Người Việt Nam mới trong cục diện Thế Giới mới.

Nước Pháp vì quá tự do nên có lắm chính đảng, nào cộng sản, nào Cộng Hòa Bình Dân, Xã Hội, Cấp Tiến, Độc Lập, Liên Hiệp Quốc Dân... Chính phủ và Quốc Hội Pháp là nơi tập họp các chính đảng, là nơi các đảng phái phân chia phần ảnh hưởng. Lắm chính đảng, lắm chính kiến, lắm chủ trương dị đồng, tư tưởng rách rời mỗi phe một mảnh. Tình trạng ấy vô cùng ảnh hưởng đến công cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam, một dân tộc chưa dứt khoát với vòng cương tỏa Pháp-lan-tây.

Tháng 2.1948, Cựu Hoàng trực tiếp gặp gỡ các Chính Khách tại Kinh Thành Ba Lê, thăm dò ý kiến họ. Trước thái độ không dứt khoát, mâu thuẫn nhau của các nhóm chính trị lãnh đạo dân chúng Pháp công cuộc tranh đấu bằng ngoại giao và chính trị của Cựu Hoàng vấp phải bao nhiêu gay go, khó nhọc.

Xung khắc nhau về vấn đề Đông Dương, bất đồng ý kiến trong Quốc Hội giữa các đảng phái chính trị, giữa các bộ trưởng, Cựu Hoàng thấy con đường của Người đi còn lắm chông gai, trắc trở.

Tháng 3 cùng năm ấy, Người quyết định quay trở lại Hồng Kông.

Chọn Hồng Kông! Ngay từ khi còn ở Trùng Khánh, Cựu Hoàng đã sáng suốt nhận thấy, muốn lãnh đạo trực tiếp công việc nước nhà, Người không thể trú ngụ tại Trùng Khánh hay Nam Kinh hay trên một lãnh thổ nào khác biệt, mà đích thân Người phải về Hồng Kông, sát ngay biên giới. Sự hiện diện của Người ở sát cạnh nước nhà sẽ đem lại bao nhiêu dễ dàng cho hoạt động của các chính khách quốc gia, do đó, Người dễ dàng theo dõi cận kề tình hình trong nước, dễ dàng đo dẫn mỗi bước tiến, nói chung và nói riêng.

Thái độ của Pháp đầu năm 1948 đối với Việt Nam thật chẳng tiến bộ chút nào so với năm 1946. Pháp muốn bóp nghẹt Việt Minh, muốn diệt tan quân “kháng chiến”, hy vọng thương thuyết hòa bình với Cựu Hoàng Bảo Đại và những phần tử quốc gia nhưng Pháp vẫn khư khư chưa dám hé răng tuyên bố hai chữ Độc Lập. Chắc Pháp quan niệm rằng một khi tuyên bố Độc Lập là Việt Nam sẽ thẳng cánh mời Pháp kiều cư trú trên giải đất Việt Nam phải sách khăn gói ra tài? Quan niệm như vậy có nghĩa là Việt Nam sẽ mặc nhiên chiếm đồn điền, hầm mỏ và muôn vàn quyền lợi khác, “của mồ hôi” của Pháp trong 80 năm “làm

ăn lương thiện”. Quan niệm như vậy có nghĩa là nền văn hóa Pháp sẽ bị tiêu diệt trên lãnh thổ Việt Nam. Bởi vì xét cho đúng và đến cùng, giàng buộc nhau để làm gì nếu không thể hưởng quyền lợi phi vật chất thì tinh thần ? Trái lại, Cựu Hoàng tượng trưng một quan niệm khác hẳn: Phải dứt khoát, Độc Lập nước nhà, nền độc lập mà cha ông đã chót lờ đánh mất trên 80 năm Thống Nhất lãnh thổ vì non sông bị chia xẻ, xé rách. Quan niệm đó là quan niệm của cả một dân tộc, một quan niệm chính xác và đứng đắn, không thể ai nếu đã có giòng máu Việt Nam chạy trong huyết quản, lương thiện biết yêu nước, vì phạm nó, làm tổn thương nó.

Hai năm đầy chết chóc, tổn của hao người để rồi vẫn đi đến chỗ phải thương thuyết trên nguyên tắc Thống Nhất và Độc Lập, Pháp thật đã rút nhiều kinh nghiệm cũng đau thương.

Dư luận Pháp rêu rao rằng điều kiện của Cựu Hoàng nêu ra nhiều nhất hơn điều kiện của Việt Minh.

Năm 1946, Việt Minh đã đồng ý thỏa thuận hai chữ Tự Do, lòng Việt Nam trong hai khung: Liên Bang Đông Dương và Liên Hiệp Pháp. Đến nay phe Quốc Gia đòi hơn nữa... Họ đòi Độc Lập!...

Dư luận Pháp khó chịu với những câu Độc Lập, Thống Nhất của Cựu Hoàng, khi đã kém thiện chí không chịu nhìn nhận đến vấn đề thời gian: Đã gần hai năm, nhà cửa Việt Nam đã tan nát, gia đình Việt Nam đã bơ vơ, bao cô nhi quả phụ, bao chết chóc đau thương. Sự thể ấy phải đánh giá bằng Thống Nhất và Độc Lập. Cựu Hoàng chỉ chủ trương một việc dĩ nhiên của lịch sử, không đòi hỏi gì quá quắt.

Nếu Pháp bảo Pháp cũng tổn tiền, thiệt máu ở trận giặc Đông Dương, việc đó đúng, nhưng người Pháp phải nhận rằng: Trong hàng ngũ kháng chiến, đại đa số không cộng sản vẫn sẵn lòng nghe theo tiếng gọi của Cựu Hoàng khi nước nhà đã được độc lập, lãnh thổ đã được thống nhất. Quân đội Pháp đã bắn vào đầu cái “đại đa số” quốc gia kháng chiến ấy, thì việc tổn máu của quân viễn chinh Pháp kiêu thuộc địa có nghĩa lý gì đâu.

Lập trường “nhất định” của Pháp và nguyên tắc “cứng cỏi” của Việt Nam chẳng lẽ không có biện pháp nào dung hòa được. Trên thế giới còn biết bao nhiêu rắc rối tơ vò hơn nữa người ta vẫn gỡ được thường hướng chi vấn đề Việt-Pháp, vấn đề gia đình và “nội bộ”, chỉ cần có thiện chí xây dựng, có tin tưởng lẫn nhau.

Giải quyết được Thống Nhất và Độc Lập của Việt Nam tức là Việt-Pháp có thể vui vẻ đề huề trong tình bang giao hữu nghị. Ngược lại, hai dân tộc đã hao người tổn của sẽ hao người tổn của nhiều hơn nữa để rồi cũng phải đi đến một giải pháp thích hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại. Giải pháp thứ hai ai cũng có thể biết rõ sẽ chẳng có lợi gì thêm cho Pháp.

Cuối tháng 4.1948, vài chính khách Nam Việt bay sang Hồng Kông. Việc giải quyết vấn đề thống nhất bắt đầu thành tựu. Trên thực tế, chính phủ Lâm Thời Nam Phần Việt Nam giải tán (chính phủ có tính chất địa phương này thành lập tháng 10.1947 do Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân làm Chủ Tịch gồm toàn nhân vật miền Nam)

Giải tán chính phủ Nam Phần để tiến tới thành lập một chính phủ trung ương toàn quốc. Cựu Hoàng đã thành công một phần trong sự nghiệp tranh đấu của Người giữa những lời than vãn la ó vô duyên của một số người Pháp thuộc địa chưa thức thời và một số ít phần tử có óc phân ly. Nhưng mặc la ó, mặc than vãn, một chính phủ toàn quốc, nghiêm nhiên ra đời. Cuối tháng 5.1948, tại Hồng Kông, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân đệ trình lên Cựu Hoàng danh sách của chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam:

- Thủ Tướng: Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân.
- Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trấn Nam Việt: Trần Văn Hữu
- Quốc Vụ Khanh kiêm Tổng Trấn Bắc Việt: Nghiêm Xuân Thiệu
- Quốc Vụ Khanh kiêm Tổng Trấn Trung Việt: Phan Văn Giáo
- Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp: Nguyễn Khắc Vệ
- Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục: Nguyễn Khoa Toàn
- Bộ Trưởng Bộ Kinh Tài: Nguyễn Văn Vinh
- Bộ Trưởng Bộ Thông Tin Tuyên Truyền: Phan Huy Đán

- Bộ Trưởng Bộ Canh Nông: Trần Thiện Vàng
- Bộ Trưởng Bộ Y Tế: Đặng Hữu Chí
- Bộ Trưởng Bộ Công Chính: Nguyễn Văn Ty
- Thứ Trưởng Dinh Thủ Tướng: Đinh Xuân Quảng
- Thứ Trưởng Bộ Nội Vụ: Đỗ Quang Giai
- Thứ Trưởng Bộ Lao Động: Ngô Quốc Côn
- Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng: Trần Quang Vinh

Thủ Tướng chính phủ mới tuyên bố sẵn sàng ủng hộ và tuân theo Cựu Hoàng để phụng sự xứ sở Việt Nam, đồng thời bên Pháp chính phủ Schuman cũng tỏ ý hoan nghênh việc thành lập chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam. Hành động hòa nhịp đã báo hiệu một tương lai tốt đẹp cho đất nước.

Trong lúc non sông Việt còn đang mịt mù trong khói lửa, Cựu Hoàng đã đem tia sáng cho tương lai mặc dầu ánh sáng còn yếu ớt.

Ngày 5 tháng 6 năm 1948, trên chiến hạm Duguay Trouin ngoài Vịnh Hạ Long, Cựu Hoàng chứng kiến Cao Ủy Bollaert và Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân ký Thỏa Hiệp, một cái “bắt tay xây dựng” đầu tiên của hai dân tộc.

Chữ Độc Lập tôn kính và triu mến đã mất ngót một thế kỷ, dân Việt ngày nay lại được nghe, được đọc, được công khai ấp ủ trong lòng.

Theo Thỏa Hiệp, Pháp công nhận nền Độc Lập của Việt Nam, Việt Nam sẽ tuyên bố gia nhập Liên Hiệp Pháp.

Việt Nam sẽ phải bảo đảm quyền lợi của Pháp trên lãnh thổ Việt Nam và dành cho các kỹ thuật gia Pháp quyền ưu tiên công tác trong công cuộc kiến thiết xứ sở.

Các Đại Diện của chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam và các Đại Diện của chính phủ Cộng Hòa Pháp sẽ được triệu tập để thương thuyết, bàn soạn về vấn đề văn hóa, ngoại giao, quân sự, kinh tài, kỹ thuật.

Trên giấy tờ, nền Độc Lập đã được tạm thời công nhận. Muốn xóa hẳn hai chữ tạm thời, hay nói một cách khác, muốn Độc Lập thực sự, Độc Lập mà từ chính phủ cho đến dân “bạch đình”, mọi người đều trông thấy, nhận thực là thấy, Cựu Hoàng và các người con yêu đất nước còn phải tranh đấu nhiều, tranh đấu nữa.

Sau khi chứng kiến việc ký kết Thỏa Hiệp Hạ Long Cựu Hoàng lại rời sang Âu Châu. Người sang đó để đặt thêm viên đá xây dựng cho nước Việt Nam độc lập vững chắc hơn, hoàn hảo hơn.

Thỏa Hiệp Hạ Long, bước đầu thành công của Cựu Hoàng, là niềm vui cho dân tộc, niềm lành cho những người dân chất phác đầy lòng yêu nước thì nó lại là nỗi thắc mắc cho hai phái người:

Phái Thực Dân Và Phái Cộng Sản.

1.- Thiếu số thực dân Pháp làm quyền lợi ở Việt Nam bao giờ cũng chỉ muốn dân Việt Nam làm nô lệ để họ có quyền quật chết trong hầm mỏ, trong đồn điền cao xu, cà phê bao la rộng rãi, đầy muối khổng lồ và “ghẻ hùm”. Quật chết mới ra tiền, đó là phương châm không thay đổi của lý thuyết thực dân địa. Họ la ó, dóng trống, khua chiêng, quát tháo, đập bàn, đập ghế, đổ tội cho Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân là người nguy hiểm vì đã yêu nước Việt Nam, là người “quốc gia, đáng sợ”, để cảnh cáo chính quốc. Họ phản đối cả Cao Ủy Bollaert là người đã thay mặt chính phủ họ, Họ phản đối Thỏa hiệp Hạ Long đổ tội Thượng Sứ Pháp để vứt bỏ “quyền lợi tối thiêng liêng” của những người Pháp ở Việt Nam.

Tóm lại, họ muốn cái túi tiền của riêng họ càng ngày càng đầy ra bằng đề nghị cũ cắt Nam Việt ra khỏi lãnh thổ Việt Nam với chế độ thuộc địa, cứ lập lại nền Bảo Hộ Bắc, Trung như trước khi có chiến tranh thế giới, dẹp tan bọn “phiến loạn” bằng chiến thuật đánh mau, đánh mạnh... Và lập luận đi lập luận lại, các ông ấy đã chót quên, coi như không ai phải đổ máu trong trận giặc và giá trị của cuộc đổ máu do cần phải được đánh cân bằng. Người dân Việt chết, không chú ý, thanh niên Pháp bị hy sinh cũng thấy kệ, tới thiểu số người Pháp không biết điều, chỉ nghĩ đến phệ bụng, tây riêng. Tiếng kêu của các ông ấy, như tiếng vo vo

của loài muỗi mắc trước ngọn gió mát trong bầu trời trong đẹp.

2.- Người cộng sản Việt Nam đã đoạt được chính quyền mùa Thu năm 1945. Đã ngót hai năm, họ lãnh đạo cuộc kháng chiến. Quần chúng theo họ rất nhiều, vì quần chúng yêu nước mà cộng sản đã dựng bình phong ái quốc che đậy lý tưởng của họ. Quần chúng chưa trưởng thành về chính trị nhưng quần chúng có tinh thần yêu nước rạt rào. Họ đập tan những cái gì là chướng ngại vật trên con đường dành độc lập. Nếu như Phong Trào Cần Vương, phong trào khởi nghĩa, những vụ bạo động...trong 80 năm là những gợn sóng lẫn tẩn, bé bỏng trong quá trình tiềm tiến của cuộc đấu tranh dành độc lập, thì phong trào theo Việt Minh năm 1945 đã là một bộc phát tất nhiên không thể nào kìm hãm được. Lúc sơ khởi công cuộc hoạt động của Cựu Hoàng không khỏi vấp phải phẩm bình của đa số quần chúng nhất là số quần chúng trong ảnh hưởng Việt Minh, nói một cách “địa dư” hơn, nghĩa là số quần chúng ở bên kia “lằn mức”. Đây là một thực trạng không thể nào không công nhận và cũng không thể nào lên án quần chúng khi họ không bao giờ được biết sự thực, không bao giờ có dịp nghe đích ngôn của vị Quốc Trưởng lưu vong đã xa họ trong thời gian, trong không gian và nhất là qua bầu không khí dày đặc của một phương pháp tuyên truyền ghê gớm. Lợi dụng những kết cấu tự nhiên đó, Việt Minh chỉ việc bịt thêm cho kín “lỗ thông hơi” để nung thêm sức kháng chiến của dân tộc, với mục đích quyết thành lập chính quyền vô sản ở Đông Dương.

Từ khi Cựu Hoàng bôn tẩu Trung Hoa, Việt Minh mặc sức tung hoành trong nước không lo sợ một cản trở tinh thần nào. Cụ Hồ gửi điện cho phái đoàn Nghiêm Kế Tổ bảo cứ việc ở Trùng Khánh muốn bao giờ về nước thì về. Giá nói một cách “trắng trợn” thì nghĩa là cụ Hồ bảo những người đã ra đi đừng nên trở lại.

Từ khi Hoàng siêu Hải, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn Thủ Đô, kéo bộ đội rời khỏi Hà Nội, Việt Minh đã áp dụng chiến thuật rút lui để bảo tồn lực lượng. Lực lượng đây, vật chất thì ít nhưng tinh thần thì nhiều. Việt Minh tránh những vụ bị tiêu diệt để quần chúng khỏi hoang mang, để quân đội khỏi mất tinh thần chiến đấu. Sau vụ Hà Nội, hầu hết những tỉnh thành lớn, những trục giao thông quan trọng lần lần lọt vào tay quân đội Pháp. Quân viễn chinh Pháp lập các đồn ải để canh giữ những vùng chiếm được. Từ đồn ải, các chỉ huy Pháp tung quân tảo thanh từng khu vực lẻ, áp dụng chiến thuật “vết dầu loang” hòng tiêu diệt địch, song song với chính sách “tam quang” muốn dân tâm khiếp đảm để bỏ hàng ngũ Việt Minh quay về quy thuận quân đội Pháp. Trận đánh ra Đồng Tháp Mười miền Nam, trận bình định Cao Nguyên Ban Mê Thuột, hay cuộc hành binh LEA chiếm Cao Bằng Bắc Kạn là những tiếng vang lớn làm vững lòng về phía Pháp. Pháp hành quân chớp nhoáng, về phương diện chiến thuật, Pháp thắng thế hoàn toàn, làm chủ động trên chiến trường toàn quốc. Kế hoạch của Pháp dựa vào kỹ thuật, dựa vào khí cụ nặng nề, dựa vào hỏa lực ào ạt và rầm rộ”.

Trái lại, quan niệm của Việt Minh ngược hẳn, Việt Minh dùng nhu chống cương, dùng thủ chống công, áp dụng chiến thuật du kích. Đối với thắng lớn của quân đội Pháp, Việt Minh trả đũa trận La Ngà, trận Tâm Vu, trận Sông Lô...Việt Minh tận dụng khả năng tuyên truyền để phát triển tinh thần nhân dân.

Trường Chinh đã vạch rõ 3 giai đoạn phòng theo 3 giai đoạn của cuộc Trường Kỳ Kháng Chiến của Mao Trạch Đông, đã áp dụng trong cuộc chiến đấu của Hồng Quân Trung Hoa với Quân Đội của Tưởng Thống Chế:

- 1.- Bảo tồn lực lượng.
- 2.- Cầm cự.
- 3.- Tổng phản công.

Cộng sản Việt Nam tuyên truyền cuộc Trường Kỳ Kháng Chiến và huấn luyện chiến lược ấy cho quân đội, cho cán bộ, cho quần chúng chất phác.

Về phương diện quân sự, từ 19 tháng 12 năm 46 đến trận Lô Giang cuối năm 1947, Việt Minh tuyên bố chấm dứt giai đoạn Bảo tồn chủ lực. Trong giai đoạn ấy, Việt Minh đã cố gắng huấn luyện cán bộ, tuyển mộ tân binh, thành lập căn cứ địa.

Biết tin Cựu Hoàng hiện đang hoạt động ở Hương Cảng, tiếp xúc với những lãnh tụ của các nhóm chính trị quốc gia, mưu việc tranh đấu giành lại Thống Nhất và Độc Lập cho đất nước bằng ngoại giao. Chính

phủ Việt Minh vô cùng lo ngại.

Nếu để Cựu Hoàng thành công trong việc điều đình với Pháp, nhất định toàn dân sẽ rời bỏ hàng ngũ kháng chiến quay về với Cựu Hoàng và như vậy, những cố gắng của các lãnh tụ Việt Minh mưu đồ vô sản hóa Việt Nam sẽ bị tiêu ma như công dã tràng.

Với hy vọng làm hành động của Cựu Hoàng trở thành bất hợp pháp, các người lãnh đạo Việt Minh tuyên bố luôn rằng Cựu Hoàng vẫn còn là Cố Vấn Tối Cao của chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa, để nhấn mạnh vai trò “độc quyền điều đình” của chính phủ họ với Pháp.

Một mặt bộ máy tuyên truyền của Việt Minh nào khẩu hiệu, biểu ngữ, truyền đơn, nào hội họp, mít tinh, biểu tình, rầm rộ phản đối, đả đảo bộ ba Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Văn Sâm, những người mà Việt Minh tưởng rằng sẽ đứng ra thành lập một chính phủ quốc gia đương đầu với họ. Việt Minh đã đặt những chuyện xấu xa gán cho các nhà cách mệnh quốc gia, thêm bớt phóng đại ra để gây công phẫn trong dân chúng, hướng dẫn tâm lý họ, hòng làm tê liệt hoạt động của Cựu Hoàng, làm giảm thanh danh, uy tín của các lãnh tụ phe đối lập.

Mặt khác, chính phủ Việt Minh cải tổ. Tác dụng của sự cải tổ này là để đánh lạc hướng nhận định của các chính khách Pháp, để vờ tỏ thái độ khuynh hữu của chính phủ mình, để nước Pháp ngừng dự định thương thuyết với Cựu Hoàng. Sự cải tổ còn có dụng ý làm cho đa số dân chúng chất phác nông cạn lầm tưởng đó là một chính phủ dân chủ tự do, một chính phủ liên hiệp rộng rãi, tượng trưng tinh thần đoàn kết toàn dân.

Người ta thấy:

- Võ nguyên Giáp tách khỏi địa vị một bộ trưởng để nắm giữ chức vụ mới: Tổng tư lệnh quân đội chính quy và dân quân du kích.
- Tạ Quang Bửu, không đảng phái (!) giữ ghế bộ trưởng bộ quốc phòng.
- Phan Kế Toại (Cựu Khâm Sai Bắc Kỳ thời Nhật) giữ ghế bộ trưởng bộ nội vụ (ba tháng sau mới nhận việc).
- Phan Anh giữ bộ kinh tế.
- Hoàng Minh Giám giữ bộ ngoại giao.

Chịu nhần nại. Chính phủ Pháp phái ông Paul Mus gặp gỡ Hoàng minh Giám nhưng quan điểm trái ngược của hai bên đã khiến cuộc hội kiến Giám-Mus hoàn toàn vô ích, không đem lại một kết quả nào.

Cuối năm 1947, Cao Ủy Bollaert đọc một bài diễn văn đặc biệt ở Hà Đông, vạch rõ đường lối cương quyết không chịu “lép vế” của chính phủ Pháp.

Hiếu như vậy, chính phủ Việt Minh, tuyệt vọng về biện pháp ngoại giao, đổ dồn vào chinh bị lực lượng quân sự.

Với khẩu hiệu “ủng hộ bộ đội”, Việt Minh mạnh mẽ tuyên truyền hấp dẫn dân chúng. Tất cả các cơ quan quân, dân, chính phải triệt để áp dụng “cần kiệm liêm chính” mục đích dự trữ tiềm lực trong cuộc chiến tranh lâu dài. Bộ trưởng tài chính Lê văn Hiến phát hành thêm giấy bạc để đủ chi dùng cho quân sự. Công tác tăng gia sản xuất được thi hành với kế hoạch cụ thể.

Dưới bàn tay họ Võ, bộ máy quân sự được cải tổ vĩ đại. Thiết lập các cơ quan đầu não cầu yếu như:

- Cục chính trị dưới quyền Thiếu Tướng Văn tiến Dũng.
- Cục tham mưu dưới quyền Thiếu Tướng Hoàng văn Thái.
- Cục tình báo dưới quyền Đại Tá Trần Hiệu.

Các khu quân sự trong toàn quốc đều do các tướng lĩnh cộng sản chỉ huy.

- Tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh miền Nam Việt.

- Tướng Nguyễn Sơn, Tư lệnh miền Trung Việt
- Tướng Chu Văn Tấn, Tư lệnh miền rừng núi Đông Việt Bắc.
- Tướng Hoàng Sâm, Tư lệnh miền đồng bằng Bắc Việt.
- Đại Tá Bằng Giang, Tư lệnh miền rừng núi Tây Việt Bắc.

Tổ chức không chiến tiến đến có quy củ, phương tiện quân sự được tận dụng để củng cố đường lối chính trị.

Đầu năm 1948, hình thái chiến tranh đã cắt xẻ lãnh thổ Việt Nam rã rời ra từng mảnh, quân đội hai bên đi sát vào hậu tuyến của nhau hình dung một mặt trận xen kẽ sâu và rộng.

Cuộc chiến tranh vô phòng tuyến đã làm nhân dân vô cùng đau khổ. Trong khi hai quân đội rình lẫn nhau để tiêu diệt nhau thì dân chúng bị mắc kẹt ở giữa hai luồng súng đạn. Người dân lành luôn luôn bị mất trâu bò, sản nghiệp khi xóm làng của họ bỗng chốc biến thành bãi chiến trường.

Việt Minh thúc đẩy những đứa con yêu của đất nước nằm gai nếm mật, ngày uống nước sôi, tối phơi sương làm mồi cho muỗi độc, thiếu cơm gạo, thiếu cả thuốc men và cũng tương tự như vậy, những thanh niên ưu tú của nước Pháp Dân Chủ, Văn Minh, ngày ngày ngập lụt trong bùn lầy, len lỏi trong rừng hoang, phơi mưa phơi nắng.

Hai bên quân đội luôn tìm nhau để đưa một bên xuống suối vàng và bên còn lại cũng không kém phần ngoắc ngoải.

Vì Tự Do, Dân Chủ ?

Vì đấu tranh giai cấp

NGƯỜI DÂN TRONG CƠN GIÔNG TỔ

Việt Minh lãnh đạo người dân kháng chiến, tiêu thổ kháng chiến. Chiến thuật Bảo tồn lực lượng được tích cực thi hành bên cạnh chính sách Vườn không, Nhà trống.

Nhà cửa san bằng, đô thị tàn phá, đường xá bị cắt xẻ, cầu cống bị phá hủy, của cải nếu chưa kịp mang đi phải đốt cháy.

Dân pháp nhà dân, dân quăng vút đồ đạc của mình ra đường phố làm chướng ngại vật, dân vót gậy tre, sắn mắc nhọn, dùng kiếm gỗ ra đối phó với súng ống đạn dược.

Già, trẻ, trai, gái vác bị gậy tản cư của ủy ban. Người dân đã tỏ rõ lòng yêu nước vô bờ bến, quyết theo một chính phủ mà họ chắc rằng “quốc gia chân chính”. Họ quyết trung thành với “Già Hồ” mà họ định ninh rằng đó là “Người cha yêu độc nhất của dân tộc Việt Nam”.

“Ở lại là Việt Gian”

Vậy thì không thể ở lại được, người dân Việt không muốn có tư tưởng “ở lại”. Và rồi, như những chiếc lá lìa cành bị trận cuồng phong thổi liên tiếp, người dân ra đi, bên tai văng vẳng tiếng loa gọi tản cư liên miên trên quãng đường vô định.

Trong đầu óc họ, hình ảnh cụ Hồ và lời thề ái quốc tại vườn hoa Ba Đình vẫn phảng phất: Thề không đi lính cho Pháp! Thề không đưa đường chỉ lối cho Pháp! Thề không tiếp tế cho Pháp!...

Người dân chỉ biết thế. Họ có nghĩ đâu đến sự thật trong sân khấu chính trị, hiểu đâu đến tâm tư và bước đường bôn tẩu của Cụ Hồ, biết đâu đến manh tâm của những người định dẫn dắt họ theo một lý tưởng ngoại lai. Người dân Việt chỉ biết cần phải tản cư để giữ trọn lời thề với non sông.

Chiến tranh xảy ra mau lẹ, quá đến nỗi cụ Hồ cũng chẳng đủ thời giờ nghĩ đến dân con. Thôi thì mạnh ai người ấy chạy, gia đình ai người ấy lo. Ngay đến binh sĩ của họ Võ, nhân viên của Hoàng hữu Nam cũng còn lúng ta lúng túng với súng ống đạn dược, máy chữ, tài liệu, sổ cách để “bảo tồn chủ lực” còn nói chỉ đến những người dân chất phác.

Tất cả đều cố gắng lẫn tránh làn đạn nóng của quân đội Pháp. Tất cả đều thất tán, tung khăn xô áo trước những tiếng gầm kinh khủng của đủ loại khí giới giết người.

Trong cơn hỗn loạn tờ mờ, đoàn cơ giới tối tân, từng chiến thắng Berlin còn phân biệt ai là Việt Minh, ai là dân chúng nữa mà chẳng ngang tàng tung ngói bụi trùm khắp đô thị của Việt Nam bé bỏng, ngày đêm

nghe nát xương thịt trong máu lửa đầy chết chóc hoang tàn.

Chiến tranh phô bày một hình thái đặc biệt. Ở miền Nam nước Việt, dân chúng chẳng kịp tản cư và bộ đội Việt Minh tan vỡ ngay trong chớp nhoáng. Việt Minh lẫn vào dân chúng. Từ thành thị đến thôn quê, dân chúng, vẫn bám lấy đất sống của mình.

Chìm đắm giữa biển người, quân đội Pháp bỗng nhiên biến thành một loại “lính sen đầm” đi tìm nã “quân phiến loạn”. Dưới mắt người lính Pháp, Việt Minh thành ra vô hình vô ảnh, Việt Minh dễ dàng hành động, dễ dàng ám sát, bắt cóc. Hành động ấy đem lại sự tức giận cho người lính Tây phương và thường khi những giận dữ đó được trút thẳng lên đầu đám dân vô tội.

Người Pháp chiếm gần hết Nam Bộ nhưng bí mật, đất đai vẫn chia rõ ràng hai khu vực ảnh hưởng.

Người dân ở vùng “tạm chiếm” có cả thẻ căn cước lẫn thẻ công dân. Chỉ lên xe hơi ra cách tỉnh thành ít cây số là có công an Việt Minh hoặc dân quân đón đường hỏi giấy và rồi muốn đi đâu tùy ý. Tiền Đông Dương của người dân mang ra khỏi Sài Gòn qua một trạm gác Việt Minh sẽ được ngay cơ quan đóng dấu “Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc” lên trên rồi lại trả cho người dân.

Ở Nam Bộ, chiến tranh gần như một trò đùa nếu không có những sự tàn sát trong các xóm bị tình nghi.

Trên đất Bắc, chiến tranh có đủ mọi hình mọi vẻ.

Nơi đây, người dân chịu hy sinh tuyệt đối, tất cả chiến công của những đơn vị anh hùng, tất cả hành vi chính trị, khôn khéo của mọi chính khách hợp lại cũng không thể sánh nổi tinh thần hy sinh của người dân.

Trong khi một số người thức thời đã bay đi ngoại quốc, trong khi quân đội Việt Minh còn non yếu đang tản mác cố gắng tránh làn mưa đạn của quân đội Pháp thì riêng người dân, tuy đau khổ, tuy hỗn loạn, tuy vô tổ chức, đã phải đứng mũi chịu sào trước đoàn cơ giới hung hăng. Từng đợt Spitfire, King Cobra khạc đạn 20 ly ròn hơn pháo Tết, bom lửa bay vù vù, trái phá nổ mù mịt đại liên nhả đạn xuất tối ngày, và lưỡi lê tuốt trần, nhọn hoắt đâm máu đào.

Chẳng lẽ chịu chết một cách hèn mọn, người dân vùng dậy ngăn bước tiến của những bánh xe xúc xích, cản bước tiến của những gót giày đinh để được đủ thì giờ cho những người thân yêu chạy loạn.

Thanh niên vùng dậy với mác nhọn với cung tên, với gậy gộc, với dao mòn kiếm rỉ để che trở cho cha mẹ, vợ con đang trào trạt như sóng ngoài đồng lúa giữa cơn bão quần của khói lửa.

Người dân hy sinh hết cả để tản cư. Đằng sau bỏ lại sản nghiệp của cha ông, và xa dần, xa mãi, xa vĩnh viễn những đứa con thân yêu đang cương quyết và lạnh lùng dang hai tay chặn mũi súng đuổi theo cha mẹ chúng.

Những người con yêu quý của dân tộc, những người dân thuần túy giòng máu Việt Nam hoặc chưa chạy kịp hoặc chưa muốn chạy vì mọi lẽ, vô tình đã hứng tất cả những hung bạo của đòn thù. Đây là một sự bi ối nhất trong lịch sử: Trả thù.

Sự trả thù hoàn toàn có tính cách cá nhân và địa phương. Tất cả những kẻ đã từng bị quân đội Phù Tang làm nhục, tất cả những kẻ từng bị Việt Minh làm nhục, giờ đây được thể trút oán hờn lên đầu đám dân vô tội. Bắn từng xâu, đâm chết từng xâu, hiếp hàng đàn con gái...và để rồi mãi mãi, toàn thế giới cũng như dân tộc Việt Nam phải ngậm ngùi trầm lặng trước những năm mồ “nạn nhân chiến tranh” cao ngất giữa Thủ Đô Hà Nội.

Tất cả đã ra đi, tung tóe tản mạn bốn phương. Những người tản cư bắt đầu tập hợp thành muôn vàn tổ sống. Hoặc trên khoảng đất rộng ngã ba đường, hoặc tại những phủ huyện lỵ xưa, hoặc trên các sườn đồi thơ mộng, dân chúng dừng chân, trát vách lợp dăm ba quán hàng tìm kế sinh nhai.

Sự sống trở lại yên tĩnh trong một thời gian ngắn ngủi.

Những “thị trấn” mọc lên như nấm, nho nhỏ, xinh xinh. Người tản cư lại bình tâm, quên chết chóc, sống hồn nhiên với cuộc đời hy vọng, mặc dầu ngày ngày máy bay vẫn đến thám vài ba lượt...đạn dội từng tràng.

Cuộc chiến đấu ngày càng gay go. Những trái bom trút xuống ngày thêm ròn rã.

Lúc đầu, dân chúng còn kinh hoàng vì những loại bom lợn con rơi từ lưng trời, nhưng lâu dần cũng đâm quen. Bom! Đã có hàm trú ẩn. Những kẻ chân yếu tay mềm, muôn thuở tưởng chừng trói gà không nổi mà

nay cũng cuốc, cũng xẻng để đào hố dấu mình. Những kẻ nhát gan, sợ ma sợ quỷ nhất đã thành những kẻ đi đêm mạnh dạn nhất vì họ không sợ ma quỷ bằng sợ những viên đạn hung dữ ban ngày.

Đại đa số dân chúng miền quê xa tiền tuyến đã đủ thời giờ để chuẩn bị, ruộng vẫn cày, mạ vẫn reo. Họ sống ung dung và niềm nở đón tiếp đồng bào tản cư. Thỉnh thoảng một vài mâu thuẫn về phong tục đã đẩy ra nhưng cũng không đáng kể. Người dân thành thị đã mang đến cho người dân đồng quê những cải cách mới lạ về sinh hoạt và ngược lại họ cũng nhận được của đồng bào thôn dã đức tính chuyên cần, giản dị.

Rồi đến làng mạc thôn xóm cũng lần lượt bốc cháy vì bom đạn. Người dân đã chung lưng góp sức dựng lại nhà cửa, băng bó lại vết thương. Toàn dân Việt đã biết đoàn kết để an ủi nhau trong hoạn nạn.

Số dân tản cư ngày mỗi nhiều. Quân đội Pháp càng ngày càng mở rộng mặt trận.

Những người tản cư cũ lại xê dịch đi chút nữa và những người tản cư mới bắt đầu rời bỏ quê hương, cứ như thế mãi. Dân chúng với cuộc đời vô định đã làm mờ dần cho muối độc, cho lam sơn chướng khí, cho bon đạn, cho các trận càn quét...

Hoàn cảnh vật chất đã thay đổi hẳn tâm tình con người. Những cô tiểu thư trước cao quý kiêu ngạo bao nhiêu nay dễ tính, chăm làm bấy nhiêu, bằng lòng gánh nước đỡ mẹ, bằng lòng đeo bị bán hàng rong và đôi khi bằng lòng lấy các anh chàng “mán-xá”.

Những bà đài các ở thành thị vui vẻ khi đặt quang gánh lên vai kiu kịt thúng xôi chè hay trầm tĩnh bên gia tài chỉ còn vụn vụn một quán nước con con.

Nhưng, tất cả sản nghiệp mất đi, chưa đủ, ngày ngày dơ đầu hứng bom và đạn, chưa đủ, ngày ngày lên cơn sốt rét chưa đủ, người dân còn phải hứng một điều đau khổ về tinh thần trên sức chịu đựng: Những vụ bắt bớ liên tiếp với lời xỉ vả “Việt gian”.

Nếu quân đội Pháp có bắt được dân tưởng lầm là Việt Minh mà giết đi chẳng nữa, sự chết đó cũng không đau lòng lắm bằng theo chính phủ mà chính phủ lại xử bắn vì tội... Việt gian.

Thật là cay đắng, mỉa mai và chua xót!!

Những người bắt “Việt gian” thường khi chẳng phải là công an mà cũng chỉ là dân như những người tản cư. Đây là những dân quê giữ nhiệm vụ canh gác làng mạc và nếu mặt trận tràn tới, họ cũng sẽ lại tản cư để rồi cũng có thể bị những người dân vùng khác tình nghi và bắt bớ.

Những cố để bị bắt trên bước đường tản cư vô định của dân chúng thật là thiên hình vạn trạng.

Cô tiểu thư vô tình cầm gương soi trong khi có tiếng động cơ máy bay tận phía chơn trời: Đúng là Việt gian báo hiệu cho không quân Pháp đến bắn phá. Một cái mũ trắng đội trên đầu, một chiếc nón phe phẩy cho mát trên cánh đồng mênh mông, thậm chí một kẻ ngồi “đại tiện” trên góc quả đồi trơ trọi cũng bị nghi là Việt gian báo hiệu cho địch. Rồi một vài nén hương châm cắm vô tình trên phần mộ, rồi tờ giấy bạc của bao thuốc lá thơm ném bâng quơ trên bãi cỏ, Việt gian, Việt gian tất... Một học sinh đem theo trong người chiếc bút chì nhiều màu hay một cụ già mặc chiếc áo sa-tanh cũ trong có mép vài viên tam tài: Đây là cờ của Pháp, đây là những dấu hiệu để Việt gian nhận nhau cho dễ. Một cán bộ tình báo cao cấp của Việt Minh chỉ vì đi chiếc xe đạp sơn xanh trắng đỏ đã đến nỗi bị dân quân địa phương giam 6 ngày trong lô cốt trong khi đang “vi hành” một miền gần trận địa.

Kinh hoàng của người dân trước việc bắt bớ vì lý do “Việt gian” lên đến tột bậc. Hơn thế nữa, người dân còn luôn luôn bị hoảng hốt, tưởng tượng xung quanh mình ai cũng thể là Việt gian, có thể bất cứ lúc nào máy bay Pháp cũng nhờ được Việt gian chỉ dẫn bắn phá nơi mình trú ngụ.

Số nạn nhân “Việt gian” lên đến hàng ngàn, hàng vạn. Giam cầm, đầy ải hoặc thủ tiêu? Chẳng ai biết, chẳng ai hay. Được thế, dân quân du kích, công an hay ủy ban kháng chiến cứ việc bắt bớ thẳng tay, không thương tiếc.

Tâm lý bắt Việt gian và tâm lý sợ Việt gian trong vùng Việt Minh kéo dài từ 1946 mãi đến cuối năm 1948 mới tạm dịu sau khi xảy ra một vụ bắt Việt gian kinh thiên động địa tại Việt Bắc.

Vụ tổng kiểm soát, hay nói bằng một danh từ mới và thích hợp hơn: Vụ “ráp” vĩ đại cả Bắc Việt lẫn Liên Khu IV (nửa nước Việt Nam) đã làm cho hàng ngàn dân chúng chết oan uổng và hờn giận. Không phải riêng dân chúng bị bắt, bị tra tấn, bị thủ tiêu, ngay đến cả trong quân đội, trong đoàn thể trong hàng ngũ

cộng sản, số sĩ quan, nhân viên và đảng viên chịu cực hình cũng nhiều không kém...Bắt bớ và giết tróc liên miên mãi đến khi cụ Hồ chí Minh phải trực tiếp phái đại diện xuống kiểm tra tại các trại giam mới chấm dứt. Nhưng than ôi! Cũng đã hàng ngàn nhân mạng oan khuất xuống suối vàng...

Sự ấu trĩ trong công tác phản gián của Việt Minh, tâm lý giao động và tâm thần hoảng hốt của người dân trước nạn máy bay bắn phá, thả bom đã đem đến sự kiện đẫm máu đào năm 1948.

Người dân Việt Nam đau khổ trước cảnh tiêu thổ kháng chiến hoang tàn, làm bia đỡ đạn trước chính sách Tam Quang của quân đội Pháp, thác oan trong lưỡi sắt trinh sát của Việt Minh, đã tự phân làm hai tâm trạng. Một, nhất quyết hy sinh, nhất quyết theo Việt Minh đến cùng, đã theo thì theo cho chết... Hai chắc lưỡi sách khăn gói quay về. Về để sống trong vùng quân đội Pháp kiểm soát, về để tránh bom đạn, về để tìm lại nhà cửa gia đình, về để sống.

Trong giờ phút mà giá trị người lính là trên cả, trong giờ phút mà những viên đạn vô tình luôn luôn quyết định sống còn của con người, bước đường hồi cư của dân chúng đã phô bày bao thảm cảnh.

Đô thành còn trong tình trạng thiết quân luật, đêm ngày tiếng đạn còn nổ ròn rã.

Kéo nhau quay về, người dân hồi cư phải qua cả chặng gác của Việt Minh lẫn đồn kiểm soát của quân đội Pháp. Nếu Việt Minh bắt được, thanh niên sẽ bị tình nghi là về hàng Pháp. Nếu thanh niên bị gay go ở chặng thứ nhất thì đàn bà con gái cũng khó lòng giữ mình ở những “bốt” kiểm soát chặng hai. Khác một điều là ở đây, thanh niên bị kết tội “Việt Minh”.

Dân hồi cư lũ lượt kéo nhau về Hà Nội. Cũng có nhiều người chẳng phải dân Hà Nội nhưng vì chỉ có Hà Nội là tương đối yên ổn hơn các nơi khác nên họ đua nhau kéo về.

Hà Nội có gì đâu, ảm đạm nặng nề mùi tử khí. Những phố xá sầm uất xưa, nay chỉ còn tro tàn, gạch vụn. Hà Nội tiêu điều tang tóc, hoang tàn, lạnh lẽo đón đám người hồi cư lếch thếch hầy còn bàng hoàng ngơ ngác vì bom đạn.

Trong cơn ly loạn, Hà Nội đã sản sinh ra một loại người mới “Thổ Phi”

Nạn Thổ Phi!...Người ta thổ phi lẫn của nhau, họ đến những ngôi nhà vắng chủ khiêng tủ chè, sập gụ, tháo quạt máy, lấy mang về xếp đây nhà, nào hàng hóa, nào két bạc...đôi khi có những kẻ táo tợn nhận chẳng cả nhà cả cửa của kẻ khác...(Ngày nay một số thổ phi ấy đã biến thành phú ông nghênh ngang ngoài vòng pháp luật)

Người ta chỉ cần cái ăn để sống đã, mọi vấn đề khác hãy xếp lại...Có những bác sĩ, có những giáo sư, có những tiểu thư khuê các đi bán phở, bán cháo, bán xôi...kiếm sống qua ngày đoạn tháng.

Dân số đô thị mỗi ngày một tăng, đồng thời vùng quân Pháp kiểm soát ngày một rộng. Chung quanh đô thị, các hội “Tề” được thành lập thay cho những ủy ban Việt Minh cũ.

Vùng kiểm soát đã có một bề rộng tương đối được tổ chức quy củ.

Ngoài Bắc, Hội Đồng An Dân của Bác Sĩ Trương Đình Tri ra đời. Ở Huế, Hội Đồng Chấp Chánh được thành lập do sáng kiến của Cụ Trần Thanh Đạt, nguyên Lễ Bộ Thượng Thư Triều Đình Huế. Tại Nam Việt, một chính phủ Nam Kỳ Tự Trị đã có từ năm 1946.

Tình hình Nam Việt khác hẳn Bắc và Trung Việt. Từ mùa Xuân năm 1946, chiến dịch “Caur” của Đại Tướng Lelerc đã đem lại an ninh cho phần lớn miền Nam nước Việt. Nền hành chính được chỉnh bị ngay bằng một tổ chức: Hội Đồng Tư Vấn.

Hội Đồng Tư Vấn đề ra chính phủ nước Cộng Hòa Nam Kỳ. Từ Bác Sĩ Nguyễn Văn Thịnh qua tay Bác Sĩ Lê Văn Hoạch, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân. Chính phủ Nam Kỳ đã ký một bản Modus Vivendi với Pháp để mong tiến tới một Nam Kỳ tách ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Một Nam Kỳ tự do, có quân đội, có ngân quỹ, có Nội Các...

Ở miền Trung, Việt Minh còn kiểm soát nhiều Tỉnh trừ Thành Phố Huế, Tourane...Quân đội Việt Minh rút lui theo chiến lược. Không ngại lẽ thiếu người và hẹp đất. Khối Quốc Gia Liên Hiệp do Cụ Trần Thanh Đạt lãnh đạo đã tích cực hoạt động và tổ chức một Hội Đồng Tham Nghị ra mắt đồng bào Huế. Sau một thời gian ngắn, Hội Đồng Chấp Chánh được thành lập do ông Trần Văn Lý phụ trách để giúp đỡ dân chúng trong tình trạng giao thời khó khăn.

Ngoài Bắc Việt, Bác Sĩ Trương Đình Tri, nguyên bộ trưởng bộ y tế hồi chính phủ Việt Minh còn ở Hà Nội được Pháp mời ra để thành lập một tổ chức hành chính lấy tên là Hội Đồng An Dân Bắc Kỳ với nhiệm vụ thu hẹp trong việc “an dân”, giải quyết cho dân chúng mọi vấn đề sinh hoạt hàng ngày.

Trên hành động, các cơ quan địa phương Trung-Nam-Bắc cùng làm một nhiệm vụ an dân, nhưng trên địa hạt tư tưởng, cả ba đã có những điểm dị đồng rõ rệt.

Hội Đồng An Dân miền Bắc có một mong mỏi: Thống nhất ba Kỳ, Việt Nam độc lập tự do trong Liên Hiệp Pháp. Thành lập một chính phủ Trung Ương có một khả năng lái con thuyền quốc gia trong giờ phút gay go nguy hiểm. Đây là một tấm lòng thành thực của những người quốc gia miền Bắc. Chịu sự hướng dẫn của Pháp nhưng tự do và thống nhất, chính sách ấy đã được chính quyền địa phương miền Bắc lễ loai nhấn mạnh. Chủ trương đứng đắn và hợp thời, tiếc thay đất Bắc là nơi ly loạn nhiều nhất cho nên khó bề tập hợp được lực lượng để chủ động bước tiến. Điều thứ hai là người ta thường có thành kiến với dân chúng Bắc Việt, hóm hỉnh, xáo động, nhiều mưu lăm kế. Tất cả những chủ trương thành thực của Bắc Việt đều bị theo dõi bằng cặp mắt đa nghi và phòng bị. Dưới sự nhìn thiên lệch ấy, các chiến sĩ quốc gia ngoài Bắc chỉ còn biết hết sức nhẫn nại và mềm dẻo về mọi đề nghị của mình thuộc phạm vi chính trị.

Trong khi các nhà đương cục Pháp còn tỏ vẻ dè dặt với các người quốc gia miền Bắc thì Việt Minh đã hiểu rõ hơn ai hết hiểu tư tưởng nhất quyết đổi lập của các nhân sĩ quốc gia rõ tiềm lực của các đảng phái quốc gia, Việt Minh đã thi hành một chánh sách khủng bố tàn ác, hung bạo.

Mùa Thu năm 1947, Bác Sĩ Trương Đình Tri bị Việt Minh hạ sát giữa phố hè Hà Nội và tiếp theo đó là vô vàn các cuộc bắt cóc, ám sát bằng tạc đạn, súng lục, dao găm, những vụ bạo động, phá hoại, đốt nhà, phá chợ...Đa số những người bị tình nghi làm việc cho Pháp hoặc đã có thành tích hoạt động trong đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt...đều bị ghi vào sổ đen. Dân các thành phố thuộc vùng “kiểm soát” run lên trong mọi hành động của các ban ám sát Việt Minh chuyên môn thiện nghệ. Ám sát càng nhiều người Pháp càng ra công bắt bớ. Giữa tình trạng khổ cực ấy, các nhà chức trách lâm thời của Bắc Việt vẫn một lòng một dạ trung thành với đường lối chủ thuyết của mình: Ủng hộ một người có uy tín nhấn trong dân chúng để đưa Việt Nam đến Độc Lập và Thống Nhất trong khuôn khổ dân chủ và tự do. Người đó là Cựu Hoàng Bảo Đại.

Khác hơn một chút, những lãnh tụ miền Trung nhìn thẳng vào vị Quân Vương đang phiêu lưu nơi hải ngoại để đặt hoài vọng thiết tha một nền Quân Chủ Lập Hiến cho đất nước tương lai.

Những lãnh tụ này hy vọng với chính thể Quân Chủ Lập Hiến, nước nhà sẽ dễ tiến bước trên đường ngoại giao quốc tế và đối nội để gây uy tín và chóng thu phục lại nhân tâm.

Hoạt động của Hội Đồng Chấp Chính đã gặp nhiều trở lực cũng vì đất đai quá hẹp, dân chúng tản cư chưa về nhiều. Từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào thuộc kiểm soát của Việt Minh, riêng phần lớn miền Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên lại là một khu chiến trường dữ dội bậc nhất nước Việt Nam. Do đó các lãnh tụ miền Trung khó bề phát triển tư tưởng của mình đi sâu vào dân chúng.

Khác biệt tư tưởng miền Trung và Bắc, một số các lãnh tụ miền Nam lại chủ trương: Nam Kỳ của Nam Kỳ

Từ mùng 3 tháng 6 năm 1946, chính phủ của Nam Kỳ Quốc đầu tiên đã thành lập:

- Nguyễn Văn Thinh: Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Nội Vụ.
- Nguyễn Văn Xuân: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng
- Trần Văn Tỷ: Tổng Trưởng Tư Pháp
- Lương Văn Mỹ: Ngoại Giao-Giao Thông Công chính và Viễn Thông.
- Nguyễn Thành Lập: Tổng Trưởng Tài Chính
- Ưng Bảo Toàn: Canh Nông, Thương Mại Kỹ Nghệ.
- Nguyễn Thành Giang: Tổng Trưởng Quốc Gia Giáo Dục
- Khương Hữu Long: Y Tế, Xã Lao
- Nguyễn Văn Tâm: Thứ Trưởng Công An (Toàn Quốc)

- Nguyễn Tấn Cường: Thứ Trưởng Công An Thủ Đô (Sài Gòn)

Đứng về phương diện lịch sử, các vị này đã làm một việc khá trái ngược. Tất cả mọi người Việt Nam, có giòng máu Việt Nam đều phải công nhận dân tộc Việt Nam lập Quốc từ khu vực hạ lưu sông Nhị Hà và theo dòng thời gian, dân tộc đã phát triển đến tận miền cát trắng mồm Cà Mau. Đồng ngôn ngữ, đồng văn hóa, đồng tập quán, mặc dầu phong tục hơi so le một chút do khí hậu và đất đai của hai miền cách biệt, người Việt miền Nam và người Việt miền Bắc vẫn cảm thông với nhau từ hàng thế kỷ. Chỉ vì lý do ở thế kỷ thứ 20 đã đẻ ra một Nam Kỳ thuộc địa khác với Bắc Kỳ và Trung Kỳ Bảo Hộ cho nên hoàn cảnh thuộc địa đã sinh ra tư tưởng lìa chia và phản thống nhất.

Dù sao chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh cũng đã đem lại niềm an ủi cho dân chúng địa phương Nam Việt. Bởi vì “ủy ban nhân dân Nam Bộ” chạy rồi, dân chúng thà chịu “tự trị” con hơn là bị đô hộ lại. Đó là một lý do tư tưởng đã khiến dân chúng Nam Việt hồi cư sống dưới chính thể Nam Kỳ Quốc. Nhưng thành lập để mà thành lập, tâm lý của dân chúng còn luôn luôn tơ tưởng đến Việt Minh, và cũng bởi vì thái độ của Pháp không rõ rệt ngã ngũ cho nên chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh cũng chẳng thi thố được việc gì để có thể củng cố hệ thống Tự Trị khiến cho đến ngày 10 tháng 11 năm 1946, Thủ Tướng Thỉnh đã phải tự kết liễu cuộc đời đền ơn Nam Kỳ Quốc.

Dân chúng miền Nam bất mãn trước cái chết đáng thương của một người đầy thiện chí như Bác Sĩ Thỉnh, đa số chán nản trước lòng “thành thật” của người Pháp nên không ai chịu đứng ra lập Nội Các thay thế. Mãi đến ngày 4 tháng 12 năm 1946, một tân chính phủ mới được ra đời:

- Lê Văn Hoạch: Thủ Tướng
- Trần Văn Mỹ: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Nội Vụ
- Huỳnh Văn Chính: Tổng Trưởng Tư Pháp
- Trần Văn Hữu: Tài Chính
- Nguyễn Văn Tâm: Quốc Phòng
- Lê Văn Định: Canh Nông
- Trần Quang Nhứt: Thương Mại Kỹ Nghệ
- Nguyễn Phú Khai: Thông Tin
- Phan Văn Tiêng: Y Tế
- Trương Vĩnh Khanh: Giáo Dục
- Lương Văn Mỹ: Giao Thương Công Chính
- Võ Đồng Phát: Xã Lao
- Diệp Quang Đồng: Thứ Trưởng tại Dinh Thủ Tướng
- Trần Văn Kiệt: Thứ Trưởng Xã Lao
- Nguyễn Tấn Cường: Thanh Niên Thể Thao

Trong khi ở Bắc và Trung đang bị khó khăn về vấn đề tập hợp lực lượng quốc gia thì vô hình chung, chủ trương thiết lập một Nam Kỳ Quốc đã phù hợp với đường lối “chia để trị” của một nhóm người Pháp chưa thức thời. Theo gương “nước” Nam Kỳ, các “Thái quốc”, “Nùng quốc”, Tây Kỳ quốc” được mọc lên như nấm.

Mặc dầu chỗ đó là một chiến thuật đấu tranh của một số lãnh tụ Nam Việt chỉ nhằm mục tiêu diệt cộng, hoặc cho đó là sơ xuất thuộc về tư tưởng đi chăng nữa, chủ trương không hợp thời ấy đã đem lại công phẩm trong toàn dân. Họ đã đồng thanh phản đối sự kiện đó chứng tỏ toàn dân đều sốt sắn mong mọi Độc Lập, Thống Nhất quốc gia, chán ghét cảnh chia rẽ, thương tàn.

Việt Minh càng dễ bề lợi dụng, nhằm những kẻ hờ chính trị đó để tăng cường uy tín cho chính phủ họ và Cựu Hoàng Bảo Đại đã có dịp bộc lộ lòng yêu nước của Người khi Người tỏ thái độ cương quyết đòi phải thủ tiêu chính phủ Nam Kỳ để thành lập một chính phủ trung ương thống nhất.

Nhưng dù có khác biệt nhau trong phạm vi chính trị, cả ba chính quyền địa phương Trung, Nam, Bắc, ra đời giữa một thời gian gay go nhất, đã bình tĩnh hy sinh chịu đựng búa rìu dư luận do đường lối tuyên truyền của Việt Minh hướng dẫn xuyên tạc.

CHÍNH PHỦ TRUNG ƯƠNG LÂM THỜI VIỆT NAM

Tháng 10 năm 1947, Hội Nghị Nam Kỳ đồng thanh cử Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân đứng ra lập một chính phủ Lâm Thời Nam Phần Việt Nam.

Nội Các Nguyễn Văn Xuân gồm các ông:

- Nguyễn Văn Xuân: Thủ Tướng.
- Trần Văn Hữu: Phó Thủ Tướng

Các Bộ Trưởng:

- Nguyễn Khắc Vê
- Trần Thiện Vang
- Trần Văn Ân
- Phạm Văn Hải
- Phan Văn Tiếng
- Trần Cửu Chấn
- Trần Văn Huê
- Nguyễn Văn Tư
- Trần Văn Kiệt
- Lê Tấn Năm

Chủ trương của chính phủ Lâm Thời Nam Phần rất đơn giản:

- 1.- Xin gia nhập Liên Hiệp Pháp.
- 2.- Việt Nam sẽ có quân đội
- 3.- Việt Nam sẽ có ngân sách.

Từ cái thế “chân vạc” quân bình giữa bộ ba hành chính địa phương: Hội Đồng An Dân miền Bắc, Hội Đồng Chấp Chánh miền Trung và Nam Kỳ tự trị, riêng miền Nam đã đủ khả năng nhào nặn cái cốt đầu tiên và căn bản cho chính phủ sau này.

Đối với “người kháng chiến”, chính phủ Lâm Thời Nam Phần sẵn sàng thân thiện. Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân kêu gọi:

“Tôi muốn nói với anh em một cách thành tâm như vậy: Đồng bào thân yêu, anh em chiến đấu vì một nghĩa vụ rất đáng kính trọng, vì một lý tưởng ái quốc và độc lập Quốc Gia. Trí quả quyết, lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh của anh em làm cho người ta phải yêu mến và khâm phục. Nhưng mà cuộc chiến đấu kéo dài với bao nhiêu tàn phá liên miên, bao nhiêu khổ sở tang chế.

Chính ở chỗ các anh em, các anh em cũng nghe kia mà, và nghe rõ hơn, những lời rên than bốc lên từ đồng bãi, sông rạch, những tiếng kêu nói nổi ão ão và thương sót hiện đang lan tràn khắp xứ. Phải chăng nó đưa anh em đến chỗ suy nghĩ lại mà xem xét lại tình thế ? Cử chỉ của anh em đã ghi rồi trong trang sử nước nhà. Anh em có thể ngừng bắn...”

Không muốn cuộc kháng chiến tai hại kéo dài, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân kêu gọi anh em “ngừng bắn”, nhưng...dưới sự nhìn một chiều của những người bên kia, “làn mức”, vẫn đề lại...đi ngược lại.

Đã không đáp tiếng gọi của chính phủ miền Nam. Việt Minh lại còn nhắm ngay một vài nhược điểm của chính phủ để gây thêm lòng phẫn kích, làm chiến tranh tăng lên một mực dữ dội hơn.

Sở dĩ một số lớn những người kháng chiến chưa chịu quay về vùng “kiểm soát” là vì cá nhân Thiếu

Tướng Nguyễn Văn Xuân chưa đủ tượng trưng lý tưởng quốc gia, và bản thân của chính phủ Lâm Thời Nam Phần còn bộc lộ một ý nệ chưa được thống nhất.

Biết như vậy, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân lảng lạng qua yết kiến Cựu Hoàng Bảo Đại ở Hồng Kông. Thực tế đã cho biết rằng dân tộc Việt Nam muốn Hòa Bình nhưng Hòa Bình không thể trả giá bằng chia rẽ. Cần phải có một chính phủ thống nhất đầy đủ cả ba Phần, đó là điều mong muốn của toàn thể nhân dân.

Hội Nghị đầu tiên triệu tập nhân sĩ ba Kỳ để thống nhất lực lượng họp tại Sài Gòn mùa Xuân năm 1948, lực lượng gây hậu thuẫn cho Cựu Hoàng Bảo Đại.

Sự thành tâm và cố gắng của các người quốc gia đưa đến một kết quả cụ thể: Cựu Hoàng giao cho Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân nhiệm vụ thành lập một chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam. Tháng 5 năm 1948. Chính phủ Trung Ương thành lập xong.

Thượng Sứ Bollaert đã nhấn mạnh: “Chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam có bốn phận tán trợ và khuyến khích một bầu không khí thuận tiện cho công cuộc phục hồi hòa bình”.

Lời tuyên bố của Thượng Sứ Pháp đã nhận rõ chủ trương và ý định của chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam và đã tỏ rõ sự hỗn loạn đang diễn ra trên giải đất Việt Nam, một sự hỗn loạn mà tất cả mọi người đều mong mỗi sớm chấm dứt.

Cần phải có ngay hòa bình trên giải đất đã quá đau khổ này, đó là thiện chí xây dựng của tân chính phủ. Nhà quân sự Nguyễn Văn Xuân đứng ra lĩnh một sứ mạng khó khăn và cao cả, thương thuyết để cứu vãn hòa bình, tổ chức một nền hành chính và chuẩn bị sắp đặt một cuộc tuyển cử nghị sĩ.

Chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam là một tiến bộ của cả hai bên Việt-Pháp.

Bản Tuyên Ngôn ngày 5 tháng 6.1946 của Thiếu Tướng đã nhấn mạnh:

“Muốn cho hai bên trở lại bắt tay Công Sứ Pháp và Việt cần phải tương thân, tương tín, tương thành cũng như cần phải nhìn nhận một cách thành thực những điều kiện mới của sự công tác ấy!...”

Lời tuyên bố đã tỏ rõ cuộc xung đột Việt-Pháp để trong sự thiếu tương thân, tương tín và sự thiếu nhìn nhận một cách thành thực những sự kiện lịch sử đã xảy ra...

Tìm được lý do vì sao sự giao thiệp Pháp-Việt tan vỡ. Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân cố gắng đặt lại vấn đề, chỉ có thành thực với nhau, tin cẩn lẫn nhau mới mong tồn tại sợi giây liên lạc.

Trong khi Cựu Hoàng còn vắng mặt, chính phủ Trung Ương Lâm Thời đã thi hành một chế độ hành chính phân quyền tại ba Phần:

Ngoài Bắc có Tổng Trấn Nghiêm Xuân Thiệu.

Ở Trung có Tổng Trấn Phan Văn Giáo.

Ở Nam có Tổng Trấn Trần Văn Hữu.

Để có thể củng cố và giữ vững chính quyền, Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân đã không quên chú trọng đến vấn đề quân sự.

Từ mùa Đông khóm lửa 1946, sau khi Việt Nam rút lui khỏi các đô thị trên toàn lãnh thổ thì ở mỗi địa phương Trung, Nam, Bắc các người sẵn, có tư tưởng diệt cộng đã tự xây dựng ngay những tổ chức quân sự hợp tác gián tiếp với Pháp chống lại du kích Việt Minh.

Ngoài Bắc, phải nói đến quân lực của vùng đạo giáo Bùi Chu, Phát Diệm. Thoạt tiên, Giáo Khu Bùi Chu còn nằm giữa vùng Việt Minh kiểm soát nhưng các tu sĩ cũng cố gắng thiết lập một hệ thống tự vệ độc lập. Trên hành động, thẳng hoặc có cuộc xung đột nhỏ với quân đội Việt Minh nhưng cả hai bên đều cố gắng nhún nhận để chờ thời cơ thuận tiện tiêu diệt nhau. Về phía Việt Minh, họ còn đang mài miết “đoàn kết” theo một chiến lược rộng lớn về chính trị cho nên dù thù ghét Đội Nghĩa Dũng vùng giáo khu, các tiểu đoàn Việt Minh vẫn không dám làm to chuyện, còn về phía các giáo sĩ cũng phải tránh gây gổ với quân lực Việt Minh vì biết thế của mình chưa phải lúc.

Ngoài lực lượng quân sự tiềm tàng của đạo giới Việt Nam, ở Bắc Việt, đến khi thành lập Tổng, Trấn, Phủ, vấn đề quân lực của địa phương mới có cơ hội chính thức bàn đến. Những đại đội Vệ Binh bắt đầu được thành lập. Đúng với danh nghĩa của nó, các đội Vệ Binh Bắc Việt chỉ làm có nhiệm vụ canh gác, bảo vệ các cơ quan chính quyền mà chưa được tham gia chiến đấu vì lẽ giản dị là chưa đủ lực bản thân về mọi

phương diện trang bị, kỹ thuật, tài chính, hơn nữa, việc hợp tác với Pháp trên phạm vi chiến trường chưa được đặt thành vấn đề.

Ở Trung Việt, khá hơn một chút, ngay từ lúc Hội Đồng Chấp Chánh ra đời, các lãnh tụ miền Trung đã có phương tiện để tổ chức Bảo Vệ Quân dù nhiệm vụ nhứt nhận của tổ chức này chỉ hướng về chuyên lo việc an ninh trong một phạm vi nhỏ hẹp. Tính đến đầu Xuân 1948, số quân đã tăng dần đến khoảng 2000 nhưng đại đa số hoặc là cựu binh sĩ già hoặc mới nhập ngũ nên chưa thể nào tính đến chuyện bình định hoặc hợp tác với quân đội Pháp được.

Rất chú ý đến vấn đề quân sự, Tổng Trấn Trung Việt Phan Văn Giáo đã cố gắng chỉnh bị bộ đội địa phương, do đó Việt Binh Đoàn xuất hiện. Tư tưởng được ổn định thì mọi tổ chức đều có đà để tiến mạnh. Ở Trung Việt, tư tưởng Bảo Hoàng được cố kết và vững chãi, nhờ đó Việt Binh Đoàn đã có ngay một chính nghĩa rõ rệt để phụng sự và do đó Việt Binh Đoàn càng ngày càng phát triển với năm câu nhậ tụng.

- Cương quyết đem an ninh và trật tự cho dân.
- Quyết hy sinh để giữ danh dự cho Vệ Binh Đoàn
- Vì Tổ Quốc, không vì đảng phái
- Trung thành ủng hộ Đức Quốc Trưởng Bảo Đại.

Trong khi Bắc Việt mới chỉ có được loại bộ đội dùng để bảo vệ cơ quan hành chánh địa phương và Trung Việt đang có một bộ đội rất có tương lai tiến triển thì tại Nam Việt đã có những lực lượng quân sự khá mạnh.

Lực lượng quân sự miền Nam mạnh nhưng kém phần thống nhất. Không kể Vệ Binh Cộng Hòa Nam Việt, mấy nhóm Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên mỗi nhóm đều có một tổ chức quân sự rất lợi hại cả về phẩm lẫn lượng không những các đơn vị võ trang của các nhóm chính trị ấy đã thiện chiến, họ còn có ngân quỹ riêng để có thể vượt mọi nỗi khó khăn trong vấn đề trang bị. Dù sức mạnh, sẵn đường lối chống cộng rõ ràng, họ đã thực tế và trực tiếp chiến đấu bên cạnh quân đội Pháp trên khắp chiến trường Nam Việt.

Ngoài các tổ chức quân sự có tính chất địa phương và riêng lẻ ở khắp lãnh thổ Việt Nam như trên đã nói, chính phủ Trung Ương Lâm Thời đã bỏ ra một số tiền là 2.000.000 đồng để thành lập ngay một Đại Đội chính quy, đó là đơn vị đầu tiên của Quân Đội Quốc gia Việt Nam. Tiến thêm một bước nữa, Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân đã mở trường đào tạo sĩ quan chỉ huy để chuẩn bị nhân tài về mặt quân sự.

Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân còn có định kiến quy hợp hết thảy các binh lực Trung, Nam, Bắc như Vệ Binh Bắc Việt, Vệ Binh Cộng Hòa Nam Việt và Vệ Binh Đoàn thành một khối duy nhất lấy tên là Vệ Binh Việt Nam nhưng thật là buồn khi chủ trương thống nhất đó đã gặp nhiều trở lực đáng tiếc.

Ngoài quân sự, vấn đề xã hội đòi hỏi những biện pháp cấp bách. Nào là dân ở thành thị hồi cư bị mất hết sản nghiệp, chỉ còn hai bàn tay trắng, nào là nông dân ở khắp miền quê, nhà cháy, phương tiện sản xuất không còn, tất cả đều đang vất vưởng với Thần Đói, Thần Rét, lại còn nạn bão lụt, trôi nhà trôi cửa, ngập ruộng ngập nương.

Chính phủ đã phải bỏ ra hàng ngàn hàng vạn để trợ cấp cho dân chúng:

- Mua tặng phẩm cho những người cần lao vào dịp Tết
- Trợ cấp cho dân chúng Thừa Thiên, nạn nhân của chiến tranh
- Trợ cấp cho các miền bị bão lụt ở Bắc Việt
- Trợ cấp cho các giáo sĩ để xây dựng Cô Nhi Viện.

Hoạt động của chính phủ mỗi ngày mỗi tăng tiến. Để đủ tiền bù đắp cho các công tác xã hội, chính phủ đã định lại một vài thứ thuế. Đặt ra thuế xa xỉ, đặt ra thuế điền thổ, thuế thổ trạch. Bớt bớt thuế cư trú, một thứ thuế “phản độc lập” đối với dân chúng Việt Nam.

Đánh thuế, chính phủ thật đã làm một việc rất khổ tâm trong thời gian mà toàn thể dân chúng đã mất hết cả sản nghiệp cơ đồ. Vì vậy nên các thứ thuế đặt ra chỉ nhằm vào những túi tiền có thể chịu đựng được.

Ở địa hạt thanh niên, chính phủ cũng rất chú ý. Biết rõ thanh niên là rường cột của quốc gia, biết rõ tiềm lực của đất nước nằm trong giới thanh niên, chính phủ Trung Ương Lâm Thời đã gây mầm bằng cách khuyến khích học sinh luyện tập thể dục, thành lập Trường Quốc Gia Thanh Niên Thể Dục. Phần lớn thanh

niên còn bị phân tán ở vùng Việt Minh, một phần nữa đã xung vào Quân Đội Quốc Gia của các địa phương Trung, Nam, Bắc số còn lại toàn là những học sinh còn ít tuổi vì vậy chính phủ chú trọng đặc biệt đến học sinh còn ít tuổi vì vậy chính phủ chú trọng đặc biệt đến học sinh trong lúc tình thế chưa cho phép một sự tập hợp rộng rãi.

Để đối phó với nạn mù chữ, chính phủ mở mang công tác Bình Dân Học Vụ. Mở Trường Công Nghệ cao cấp và riêng các học sinh những Trường Công, Kỹ Nghệ được đặc hưởng phụ cấp lương thực trong thời gian theo học. Cử chỉ ấy tỏ ra chính phủ đã sẵn sóc đến giai cấp công nhân.

Việt ngữ từ lâu bị quên lãng, ngày nay đã được đề cao. Các trường trung học đều đặt khoa Việt Ngữ lên hàng đầu. Học sinh tiến tới dùng Việt Ngữ để chau dồi văn chương, tư tưởng, toán học, khoa học. Khoa thi đầu tiên cấp bằng Tú Tài Việt Nam được mở tại Huế, Hà Nội, Sài Gòn.

Chính phủ Nguyễn Văn Xuân đã ấn định công việc tổ chức ngành tư pháp mới. Tuy buổi sơ khai chưa được toàn thiện, toàn mỹ nhưng từ đấy, ngành Tư Pháp đã tiến bước song song với tình hình mỗi ngày mỗi sáng sủa.

Trong tất cả các vấn đề lớn, riêng việc xây dựng một hệ thống hành chính đã được chính phủ Lâm Thời hết sức chú trọng và đã chi những món tiền khá lớn. Mỗi địa phương Trung, Nam, Bắc đều nhận được hàng chục triệu để sử dụng.

Những ưu điểm về hoạt động của chính phủ Trung Ương Lâm Thời có nhiều thì những khuyết điểm cũng lại rất đáng phàn nàn.

Trong lúc cần gây thanh thế và hậu thuẫn cho Cựu Hoàng Bào Đại, gây uy tính cho Chánh Nghĩa Quốc Gia, trong lúc cần giành dặt lại lòng dân chúng đang sôi nổi ở vùng Việt Minh thì ở vùng quốc gia lại mọc lên nhiều việc đáng phê bình.

Một là Thuyết Phân Ly của một nhóm người miền Nam, đó là nọc độc dư rớt lại của một nguồn tư tưởng lạc hậu trong tổ chức Nam Kỳ Quốc cũ kỹ. Giữa cao trào thống nhất đang lên mạnh trong dân chúng, Thuyết Phân Ly đã là một luồng gió lạc hậu, tượng trưng một tư tưởng phản dân tộc, phản thống nhất, phải tiến hóa.

Hai là việc xây dựng Trại An Trí ở Trung Việt. Đang lúc chính phủ cần phải tỏ ra khoan hồng, bao dung và tha thứ những sai lầm của đa số chiến sĩ quốc gia theo kháng chiến thì chính quyền Trung Việt đã coi “cá mè một lứa” để xử đối với tất cả những người đã chót theo Việt Minh. Họ chỉ là những người yêu nước, nặng lòng với dân tộc. Họ không phải là cộng sản. Do đó việc mở mang Trại An Trí đã làm lòng dân công phẩm và hoang mang, nghi ngờ. Tình trạng tinh thần ấy khiến Việt Minh dễ lợi dụng làm yếu lực lượng quốc gia mới tập hợp được.

Ngoài Bắc cũng xảy ra vài việc đáng chê trách như việc chính quyền cho phép mở sòng bạc lớn, việc tiền nong không đứng đắn ở ngành kinh tế...

Giữa lúc sự giao thiệp với Pháp còn gay go giữa lúc Cựu Hoàng, người tượng trưng nền Độc Lập và Thống Nhất quốc gia còn phiêu lưu nơi hải ngoại, giữa lúc chính phủ Lâm Thời còn chấp chững trước luận điệu phản tuyên truyền của Việt Minh, các chính quyền địa phương đã vô tình để sơ hở ít nhiều trong khi thi hành nhiệm vụ.

Gạt bỏ hết khuyết điểm nhỏ mọn, chính phủ Trung Ương Lâm Thời Nguyễn Văn Xuân đã thành công phần nào trong việc tập hợp tư tưởng quốc gia đang bị lạc lõng trong khói lửa. Nếu còn nhiều chiến sĩ chưa chịu trở về tham gia hoạt động nhưng chính họ cũng đã lắng tai nghe và đang chăm chú theo dõi, đó là dấu hiệu báo trước của sự thống nhất tư tưởng quốc gia.

Sự thành lập chính phủ Trung Ương Lâm Thời Nguyễn Văn Xuân đã thành công phần nào trong việc tập hợp tư tưởng quốc gia đang bị lạc lõng trong khói lửa. Nếu còn nhiều chiến sĩ chưa chịu trở về tham gia hoạt động nhưng chính họ cũng đã lắng tai nghe và đang chăm chú theo dõi cử chỉ hành động của chính quyền quốc gia. Lắng nghe và theo dõi, đó là dấu hiệu báo trước của sự thống nhất tư tưởng quốc gia.

Sự thành lập chính phủ Trung Ương Lâm Thời là một tiến bộ của phe Quốc Gia Dân Tộc đồng thời cũng là một điềm thất bại thứ nhất chính phủ cụ Hồ trên phương diện đấu tranh chính trị.

CỰU HOÀNG VỚI THỎA HIỆP ÉLYSÉE

Ngày chứng kiến việc ký kết Bản Tuyên Ngôn chung tại Vịnh Hạ Long đã qua. Ngày ấy mới chỉ nêu lên những khởi điểm của mối bang giao Việt-Pháp. Còn cần phải nhiều chặng nữa để có thể phát triển, cụ thể hóa và hợp pháp hóa những hứa hẹn buổi đầu.

Pháp đã kêu gọi dân tộc Việt Nam hãy tin ở lòng thành thực của chính phủ Pháp.

Trong khi ở nước nhà, chính phủ Nguyễn Văn Xuân được thành lập phụ lực vào sứ mạng thương thuyết với nước Pháp, Cựu Hoàng rời bỏ Hồng Kông đi Pháp để đích thân điều đình.

Từ tháng Giêng năm 1949, những cuộc thương thuyết giữa Cựu Hoàng với Hezog trong Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại và Cao Ủy mới Pignon luôn luôn tiếp diễn. Sau hai tháng trời họp mặt, nền móng một cuộc gặp gỡ Vincent Auriol-Bảo Đại đã được nặn hình.

Đúng 12 giờ ngày 8 tháng 3 năm 1949, cuộc gặp gỡ được tổ chức tại Điện Élysée.

Một bên là Cựu Hoàng Bảo Đại, có mặt các ông Trần Văn Hữu, Bửu Lộc, Vĩnh Cẩn, Trần Thanh Đạt, Phạm Văn Bình, Đinh Xuân Quảng, Hoàng Văn Cơ, Nguyễn Hữu Long, Trần Văn Quế, Trần Văn Đôn, Huỳnh Thiệu Tính và một bên là Tổng Thống Vincent Auriol có mặt các ông Queille, Lecourt, Coste Floret, Léon Pignon, Parodi, Jean Porgest.

Hai vị đại diện Việt-Pháp: Bảo Đại và Vincent Auriol long trọng thỏa thuận ký kết một Thỏa Hiệp:

THỎA HIỆP ÉLYSÉE

Hạ bút ký sự mất còn cho Quốc Gia Việt Nam, Cựu Hoàng Bảo Đại đã vinh dự tượng trưng dân tộc Việt trong chuỗi ngày gay gắt.

Thỏa hiệp Auriol-Bảo Đại gồm những mục như sau:

– Thống Nhất Việt Nam

– Ngoại giao

– Quân sự

– Tư pháp

– Kinh tài

– Văn hóa

Công điện 8.3.1949 long trọng tuyên bố sẽ không cản trở việc Nam Việt sát nhập vào Việt Nam. nước Việt Nam gồm một khối Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt.

Ngày 23 tháng 4, một Nghị Án được đề xuất với Pháp: Bỏ 2 Pháp Chế Nam Việt.

Một theo Điều Ước 5.3.1862 dưới triều Vua Tự Đức, đã nhường Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho và Đảo Côn Lôn cho Pháp sau và đó lại nhường nốt Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên.

Một theo Điều Ước 15.3.1874 cũng dưới triều Vua Tự Đức xác nhận cho Pháp làm chủ Lục Tỉnh.

Nhưng còn một biện pháp đề phòng tương lai của Pháp là “sự sát nhập Nam Việt vào Việt Nam sẽ coi như vô giá trị nếu Quốc Gia Việt Nam thay đổi pháp chế trong Liên Hiệp Pháp. (Do đó sau này tại Quốc Hội Pháp, tháng 10 năm 1953, Tướng Aumeran có nêu lại vấn đề Nam Việt).

Ngoài vấn đề sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Việt Nam, ba Tỉnh Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng cũng được chính phủ Pháp trao trả và hủy bỏ pháp chế theo Sắc Lệnh 1888, một Sắc Lệnh dưới triều Vua Đồng Khánh nhường mấy Tỉnh trên cho Pháp.

Với những dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Pháp muốn những dân tộc ấy có pháp chế riêng về phương diện hành chính.

Tóm lại, về phương diện thống nhất nước Việt Nam. Thỏa Hiệp Élysée đã có một tiến bộ.

Về Ngoại giao chính phủ Việt Nam có thể thỏa thuận với chính phủ Pháp đề cử Đại Sứ Việt Nam đi ngoại quốc. Theo Công Điệp giải thích của chính phủ Pháp, Việt Nam có thể có Đại Biểu ở Tòa Thánh La Mã, ở Trung Hoa và Thái Lan. Nếu Trung Hoa chưa có hoàn cảnh thì có thể thay Trung Hoa bằng Ấn Độ.

Muốn đặt Lãnh Sự tại nước nào để bảo vệ quyền lợi của mình, Việt Nam sẽ yêu cầu chính phủ Pháp can thiệp dùm.

Muốn thương nghị và ký kết những điều ước quốc tế quan hệ đến quyền lợi riêng của Việt Nam. chính

phủ Việt Nam được tự do, nhưng trước khi thương nghị, phải thông báo chính phủ Pháp để đem vấn đề ra khảo xét tại Tham Chính Hội Tối Cao Liên Hiệp Pháp. Ngoài ra Việt Nam còn luôn luôn liên lạc với Pháp trong lúc đang thương nghị để Pháp có thể phù trợ đại biểu Việt Nam nếu cần.

Chính phủ Pháp còn cam kết sẽ ủng hộ Việt Nam xin gia nhập Liên Hiệp Quốc khi nào Việt Nam có đủ điều kiện là một nước hội viên.

Điều kiện làm hội viên Liên Hiệp Quốc đã được định rõ trong Điều 4 của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc:

“Có thể là hội viên Liên Hiệp Quốc tất cả những quốc gia khác (ngoài những nước sáng lập) ưa chuộng hòa bình và thừa nhận những nghĩa vụ nói trong Hiến Chương này, và Liên Hiệp Quốc xét ra đủ tư cách và sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ ấy”.

Tóm tắt về ngoại giao, Việt Nam sẽ có đủ quyền hành thường lệ, nền ngoại giao riêng, quyền tiếp nhận và phái đại sứ, quyền thương nghị và ký điều ước, quyền xin gia nhập Liên Hiệp Quốc. Nhưng nội dung các quyền hành thường lệ còn chứa đựng ít nhiều rắc rối thuộc phạm vi kỹ thuật và chính trị. Muốn thập phần hoàn hảo, còn phải đợi điều kiện thời gian giúp sức.

Về Quân Sự: Thỏa Hiệp định rằng Việt Nam sẽ có một quân đội quốc gia với nhiệm vụ:

- Giữ gìn trật tự an ninh trong nước
- Bảo vệ lãnh thổ Việt Nam, có quân đội Liên Hiệp Pháp giúp sức
- Dự vào phòng thủ cương giới toàn khối Liên Hiệp Pháp chống ngoại xâm.

Quân Đội Quốc Gia Việt Nam sẽ có binh lính và sĩ quan Việt Nam (không được tổ chức quân đội Lê Dương như Pháp).

Sĩ Quan Việt Nam sẽ do các Trường Võ Bị Việt Nam đào tạo.

Quân Đội Việt Nam sẽ tổ chức giống quân chế quân đội Pháp. Chiến cụ sẽ đặt mua của Pháp và quân phí Việt Nam sẽ do Quốc Gia Việt Nam chịu.

Sẽ có quân đội Liên Hiệp Pháp đồn trú ở Việt Nam để làm tròn nhiệm vụ phòng thủ Liên Hiệp Pháp. Được tự do đi lại trên lãnh thổ Việt Nam, quân đội Liên Hiệp Pháp sẽ có thể tuyển mộ người Việt Nam vào cơ ngũ.

Thời bình sẽ có một Ủy Ban Quân Sự làm cơ quan thường trực liên lạc giữa hai quân đội Việt Nam và Liên Hiệp Pháp, chung kế hoạch phòng thủ và hợp tác. Ủy ban này sẽ do võ quan tham mưu của cả hai quân đội dự.

Khi có chiến tranh, Ủy Ban sẽ làm cơ sở phát triển và thành lập Bộ Tham Mưu Việt-Pháp dưới quyền điều khiển trực tiếp của một sĩ quan hàng Tướng của Pháp, có Tham Mưu Trưởng người Việt Nam phụ lực. Toàn thể các lực lượng có thể dùng để phòng thủ sẽ hợp chúng lại trong thời kỳ chiến tranh.

Về Tư Pháp, Thỏa Hiệp định cho Việt Nam hai hạng Tòa Án: Tòa Án Việt Nam và Tòa Án Hỗn Hợp.

Tòa Án Hỗn Hợp Việt-Pháp xử:

- 1.- Những vụ kiện về dân sự và thường sự của hai bên nguyên, bị (hoặc một bên, còn bên kia là người Việt Nam) dân Liên Hiệp Pháp, có nghĩa là Pháp và các dân trong Liên Hiệp Pháp ngoài Việt Nam. Ngoại kiều được hưởng đặc quyền tài phán do những điều ước Pháp đã ký kết từ trước.
- 2.- Những vụ truy tố về hình sự, người bị thiệt là hạng người nói trên (bất luận là dân nước nào).
- 3.- Những tội phạm đối với nước Pháp (mặc dầu bị cáo là người Việt hay người nước nào).

Thỏa Hiệp còn theo nguyên tắc “Hỗ Tương”, định cho người Việt Nam có quyền kiện quốc gia Pháp và trái lại, người Pháp cũng có quyền kiện quốc gia Việt Nam. Việc sẽ xử tại Tòa Cai Trị Pháp-Việt và theo luật nước Pháp.

Về Văn Hóa: Trên lãnh thổ Việt Nam sẽ có hai nền giáo dục: Pháp và Việt. Một Học Viện sẽ chung cho hai bên.

Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam sẽ tổ chức một nền giáo dục từ Tiểu đến Đại Học. Tiếng Pháp được ưu đãi và sẽ là tiếng công dụng ngoại giao ở Việt Nam, được dạy ở bậc Tiểu Học và bắt buộc dạy từ Trung Học trở lên.

Pháp sẽ được tự do mở mang các trường công và tư thực có đủ các bậc Tiểu, Trung và Đại Học kể các trường dạy chuyên môn và thực nghiệp. Phải theo luật lệ học chính của Việt Nam nhưng điều kiện tuyển giáo viên Trường Pháp sẽ theo luật Pháp. Học sinh các Trường Pháp học theo chương trình của Pháp và học thêm môn Sử Ký và Văn Hóa Việt Nam.

Người Việt Nam được tự do xin học Trường Pháp và những học sinh ấy bắt buộc phải học thêm môn Việt Ngữ.

Về Đại Học Vực: Hiện nay vì đang ở hoàn cảnh khó khăn cho nên chỉ có dự định lập một Đại Học Viện chung Pháp-Việt (Mên, Lào có thể tham dự).

Văn bằng cấp Trung Học, sẽ được đem đối chiếu hai chương trình giáo khoa Việt-Pháp để định mức tương đương. Văn bằng cấp Đại Học sẽ được cả hai chính phủ Pháp-Việt coi là công thức.

Trường Viễn Đông Bác Cổ thuộc quyền sở hữu của Việt, Pháp, Mên, Lào và không thể chuyển mại được.

Viện Pasteur ở Sài Gòn, Đà Lạt và Nha Trang cũng là của chung của 4 nước nói trên. Riêng ở Hà Nội, Viện Pasteur là của Việt Nam nhưng chính phủ Việt Nam sẽ ký kết hợp đồng với Viện ở Hà Nội giống như hợp đồng đã ký kết với các Viện khác.

Hai chính phủ Pháp-Việt đều có quyền sở hữu, lưu trữ công văn của mình. Các Thư Viện, Cục Túc Mễ, Sở Thiên Văn, Hải Học Viện Nha Trang v.v... sẽ được ấn định bằng khoán thư riêng.

Về Kinh Tài: Dân Liên Hiệp Pháp ở Việt Nam cũng như người Việt Nam ở các xứ trong Liên Hiệp Pháp được tự do doanh nghiệp như người bản quốc theo luật lệ bản quốc.

Người Pháp, người các xứ Liên Hiệp Pháp tại Việt Nam cũng như người Việt Nam ở các xứ Liên Hiệp Pháp và các xứ Liên Hiệp Pháp cũng được hưởng những lợi ích như nhau trong phạm vi tài sản và doanh sở.

Người Pháp sẽ được tự do đầu tư ở Việt Nam trừ những doanh sở liệt vào ngành có quan hệ về Quốc Phòng thì phải có sự thỏa thuận của chính phủ Việt Nam mới được phép mở.

Thỏa Hiệp để Việt Nam có toàn quyền quản trị nền Tài Chính trong nước. Ba quốc gia Việt-Mên-Lào hợp thành một liên hiệp tiền tệ lấy đồng bạc làm đồng tiền duy nhất do một Viện Phát Hành chung cho cả ba nước phát hành.

Đồng bạc sẽ thuộc khối đồng Franc (tiền Pháp) Giá Đồng Bạc và giá đồng Franc không nhất định phải có quan hệ nhưng mỗi khi có sự thay đổi giá đồng bạc hoặc giá đồng Franc thì Pháp phải hỏi ý kiến trước ba nước Việt- Miên-Lào.

Một hội đoái cục được thành lập để quy định cách thức đổi chác tiền bạc nói chung.

Ba nước Việt-Miên-Lào còn hợp thành một Liên Hiệp Quan Thuế. Hàng hóa được chuyên chở tự do qua biên giới của ba nước. Hàng xuất nhập khẩu đều cùng chung một thuế xuất.

Kết luận, ngày 14 tháng 6 ở Sài Gòn, Quốc Trưởng Bảo Đại đã nhận Bản Thỏa Hiệp như giấy khai sinh nước Việt Nam Độc Lập. Thật vậy, “khai sinh” nghĩa là còn non yếu và thiếu thốn. Quốc Trưởng cũng như quốc dân còn phải tận lực nuôi dưỡng nhiều nữa nước Việt Nam mới có thể trưởng thành, cứng mạnh.

Dĩ nhiên, Thỏa Hiệp Élysée chưa làm thỏa hãn được lòng dân Việt Nam mong muốn, chưa mang lại tất cả quyền hành mà một nước Độc Lập phải có, nhưng dù sao trong đó cũng đã chứng tỏ được phần nào thiện trí xây dựng của Pháp và đánh dấu một bước tiến trên đường đi tới Độc Lập thật sự của Việt Nam.

Thỏa Hiệp Élysée đã làm một số chính khách thụ động ở Việt Nam tỏ thái độ nguây nguẩy và bắt bẻ. Nhưng muốn nhìn rõ giá trị của Thỏa Hiệp Auriol-Bảo Đại, không nên đặt nó lên bàn mổ xẻ theo một quan niệm cố định mà phải nhìn qua hoàn cảnh không gian và thời gian, qua các yếu tố chính trị đã cấu tạo ra nó. Theo quan niệm đơn thuần và cứng nhắc để nhận xét Thỏa Hiệp chỉ đi đến hậu quả gây hoang mang trong lúc cần phải bình tĩnh tập hợp mọi sự tư tưởng đứng đắn và chính đáng để hoàn bị nền Độc Lập của Tổ Quốc.

Công cuộc tranh đấu giành Độc Lập chẳng phải là một vấn đề dễ dàng và không thể đòi hỏi ở tài năng của riêng một cá nhân nào đặc biệt.

Thỏa Hiệp Élysée được thành tựu không phải choriêng khả năng chính trị của các người theo chính nghĩa quốc gia và đã đo lường sức kết hợp của những tư tưởng quốc gia trên đất Việt.

Thỏa Hiệp 8 tháng 3 năm 1949 là một tia lửa trong bóng tối âm thầm. Căn cứ ở điểm sáng đó, quốc dân chân chính sẽ cùng sát cánh để phụ lục với Quốc Trưởng tiếp tục xây dựng sự nghiệp tương lai.

NGÀY VỀ

Công cuộc tranh đấu của Cựu Hoàng nơi hải ngoại kết thúc đã đem lại những giác thư ngày 8.3.1949 những giác thư xác định nguyên tắc Thống Nhất và Độc Lập của Việt Nam.

Đã giành dật lại chủ quyền trên giấy tờ, nay đến lúc cần phải bắt tay vào việc thực hiện những nguyên tắc đã ký kết.

Cựu Hoàng quyết định trở về lãnh đạo việc phục hồi lãnh thổ, xây dựng lại non sông.

Ở nước nhà chính phủ Trung Ương Lâm Thời rộn dịp sửa soạn cuộc đón tiếp vị lãnh tụ thân yêu đã bao năm xa vắng.

Truyền đơn, biểu ngữ “Nghênh giá hồi loan” tung bay khắp phố.

Toàn dân hồi hộp mong mỏi, đợi chờ một mới lạ, một thay đổi để chấm dứt tình trạng lơ lửng, nửa trắng, nửa đen.

Tháng 4 năm 1949, Hội Nghị Nam Kỳ Biểu Quyết bãi bỏ quy chế của Nam Phần lập nên do hai Hiệp Ước 1862 và 1874. Nền Thống Nhất đã gần hoàn bị.

Cựu Hoàng phái Hoàng Thân Bửu Lộc về nước để giải thích cho toàn thể quốc dân hiểu rõ ràng ý nghĩa của Thỏa Hiệp Élysée. Ngày về của Cựu Hoàng được quy định: 28.4.1949.

Từ ngày cùng phái đoàn Nghiêm Kế Tổ ra đi, cuối Xuân 1946, đến nay ngày về đầu Hạ 1949, tròn ba năm, Cựu Hoàng đã xa đất nước. Ba năm đầy khói lửa hoang tàn, Việt Nam đã thay bộ mặt.

Ở Pháp về, Cựu Hoàng đến ngay dinh thự đặt tại Cao Nguyên Lang Bian và lặng lẽ bắt đầu công việc thăm dò dân ý. Một số lớn các nhân sĩ từ Nam chí Bắc được mời đến để trình bày quan điểm về thời cuộc, trình bày mong muốn của mọi tầng lớp dân chúng, nguyện vọng của các nhóm, đảng chính trị.

Hai tháng sau, ngày 14 tháng 6, lễ trao đổi Văn Kiện Pháp-Việt cử hành long trọng tại Thủ Đô Nam Việt giữa một bên: Cựu Hoàng Bảo Đại và một bên là Thượng Sứ Léon Pignon.

Buổi lễ đã mang nặng những lời tuyên bố đầy tâm huyết:

“Quốc Dân Việt Nam!

Hôm nay đặt chân lên đất Nam Phần, tôi không thể nén nổi lòng cảm động chứa chan hòa với vui mừng vô hạn.

Lãnh thổ này, giòng Hồng Việt đã dày công khai thác từ bao thế kỷ. Minh Vương, Ninh Vương và Võ Vương đều kế nghiệp tại đây. Và từ đây, Đức Gia Long cùng biết bao anh hùng hiền sĩ xứ Đồng Nai, Gia Định đã khởi nghĩa Cần Vương hưng nghiệp cả, tô vẽ lại non sông từ Sài Gòn qua Thuận Hóa ra Thăng Long rồi tới biên thùy Trung Quốc.

Bầu nhiệt huyết của tiền nhân vẫn còn sôi chảy trong can trường nòi giống. Trong rừng rậm, nơi bùn lầy, biết bao chiến sĩ quyết hy sinh để phấn đấu cho chính nghĩa.

Lãnh thổ của tổ tiên ngày nay đã quy về một khối. Được như vậy là nhờ chí anh dũng của toàn dân và đồng bào các giới, nhờ tình hữu nghị của dân tộc Pháp. Sau bao năm sống riêng biệt, đồng bào Nam Phần đã tỏ ra là người Việt Nam không bao giờ quên nguồn gốc giống nòi. Trong công cuộc xây dựng lại Quốc Gia. Nam Phần đã đặt viên đá đầu tiên và ghi một công nghiệp vẻ vang trong lịch sử.

Công nghiệp ấy chỉ có thể tồn tại và phát triển được nếu dân tộc ta tiến triển trong kỷ luật, trật tự và an ninh. Nhưng ròng rã từ 4 năm nay, chỉ vì nguyện vọng quốc dân chưa đạt được nên nạn chiến tranh kéo dài, tàn phá đất nước.

Còn cảnh nào thâm thảm bằng cảnh hai dân tộc Việt-Pháp xưa nay vẫn tha thiết với hòa bình, yêu chuộng tự do và công lý, mà ngày nay phải dùng đến võ lực, bạo tàn đối phó với nhau.

Để chấm dứt thảm trạng ấy tôi không ngần ngại đảm nhận trách nhiệm tìm phương pháp hòa bình

để giải quyết sự xung đột và làm thỏa mãn những nguyện vọng thiết tha của dân tộc.

Vì cần phải có một lập trường ở Pháp nên tôi phải tạm nhận địa vị xưa nhưng đối với quốc dân, ý định tôi vẫn không thay đổi. Một lần nữa, tôi trình trọng tuyên bố chính thể nước Việt Nam sau này sẽ do quốc dân định đoạt. Quốc dân đã dùng cảm phấn đấu cho nền Độc Lập Tổ Quốc, lẽ dĩ nhiên quốc dân phải là nguồn gốc mọi sự hoạt động của quốc gia, nhưng vì tình hình quốc tế nghiêm trọng và tình thế chính trị hiện tại chưa thuận tiện để đồng bào có thể phát biểu ý kiến rõ ràng sau một cuộc Tổng Tuyển Cử nên tới ngày hôm nay, tôi nhận đứng điều khiển bộ máy quốc gia.

Trước đây nửa giờ đã cử hành lễ trao đổi Văn Kiện với Đại Diện Tối Cao nước Pháp. Như quốc dân đã biết: Cuộc thương thuyết giữa chính phủ Pháp và tôi đã đi tới Thỏa Hiệp ngày 8 tháng 3, Thỏa Hiệp này chỉ là phác họa những nguyên tắc căn bản cho nền bang giao Việt-Pháp trên lập trường Thống Nhất và Độc Lập nước Việt Nam. Thỏa Hiệp ấy đã đánh dấu và là kết quả của tình thế chính trị trong giai đoạn hiện thời. Cũng như các Hiệp Định khác sẽ ký, Thỏa Hiệp 8.3 sẽ do quốc hội Việt Nam sau này chuẩn y.

Quốc Dân Việt Nam!

Theo đúng nguyên tắc Thỏa Hiệp nói trên, sự Thống Nhất lãnh thổ Việt Nam ngày nay đã được thực hiện. Ngày mùng 6 tháng 6 vừa rồi, Quốc Hội Pháp cũng đã biểu quyết long trọng thừa nhận sự sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Việt Nam.

Như vậy thể chế thuộc địa do các Hòa Ước 1862, 1874 tạo nên, đã hoàn toàn thủ tiêu. Nền Độc Lập nước nhà hiện tại và từ nay, nước Việt Nam sẽ tự điều khiển công việc mình trên đường quốc tế cũng như về mặt nội bộ.

Về phương diện quốc tế, nước ta đã có đủ quyền năng của một nước độc lập, quyền ngoại giao riêng, quyền đặt Sứ Quán tại ngoại quốc, quyền tiếp nhận các Sứ Quán ngoại giao, quyền gửi Lãnh Sự đi các nước, quyền điều đình và ký kết những hiệp ước quốc tế cùng là quyền gia nhập tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Để thực hiện các quyền ấy, chính phủ thành lập ngày mai có nhiệm vụ phải hoạt động giành cho nước nhà có một địa vị xứng đáng trong khu vực Đông Nam Á Châu. Các việc cần thực hiện ngay là việc đặt các Lãnh Sự tại ngoại quốc và việc cử các Đại Sứ Việt Nam đến các nước định rõ trong Thỏa Hiệp ngày 8.3.

Chúng ta lại thành tâm mong đợi các nước bạn sớm có đại biểu đến nước ta và mau chóng đến ngày nước Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Sở dĩ chúng ta cố gắng hành động để có một địa vị xứng đáng trên đường quốc tế là vì chúng ta tin tưởng rằng nước Việt Nam có sứ mệnh phải cộng tác với các nước khác để bảo vệ tất cả những phong thể cho loài người, căn cứ vào lòng yêu chuộng hòa bình, tự do cá nhân cũng là sự tôn trọng tinh thần dân chủ.

Về phương diện nội bộ, sự tổ chức quốc gia hợp ý dân là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Danh dự dân tộc thúc giục chúng ta phải hành động sao cho thế giới thấy rõ hình ảnh nước Việt Nam tân tiến, biết trọng kỷ luật, biết yêu công lý.

Trước hết, về mặt hành chính, các cơ quan đặt ra là để làm việc cho dân. Một tổ chức đi ngược nguyên tắc căn bản ấy không thể nào tồn tại được. Vậy cần phải định ngay một quy chế cho công chức toàn quốc. Quy chế ấy sẽ phải tôn trọng những quan niệm thiết yếu và liêm chính, về năng lực cá nhân cũng là việc sử dụng các năng lực ấy cho hợp lý và công bằng.

Một chương trình cải tạo xã hội sẽ được ấn định và thực hiện. Chúng ta phải theo đuổi công cuộc chống nạn mù chữ, mở mang nền giáo dục phổ thông, nâng cao dân trí.

Giới cần lao là gốc của mọi việc canh tân sẽ được chính phủ săn sóc tới, mục đích nâng cao mức sống đồng bào. Những quyền chính trị tốt đẹp đến đâu mặc lòng cũng sẽ mất hết ý nghĩa và không còn ảnh hưởng gì nếu trong nước người dân ăn không đủ no, mặc không đủ ấm.

Bởi thế nên tôi thấy cần gấp phải mở mang kỹ nghệ, khuếch trương thương mại, chấn chỉnh nông

nghiệp, để trên nước Việt Nam mới, mỗi người thợ có một ngôi nhà, mỗi dân cấy có một khu trại. Tôi ước mong những nhà chuyên môn các nước có cảm tình với ta góp sức cùng chúng ta để chóng thực hiện chương trình kiến thiết mà tôi vừa phá họa.

Lẽ dĩ nhiên, những quyền lợi chính đáng của ngoại kiều được bảo vệ và tôn trọng.

Trong phạm vi Đại Gia Đình Việt Nam mới, Nam Phần với tài nguyên trù mật, sáng kiến khả năng với những tập quán cố hữu cần được tôn trọng, sẽ đóng một vai quan hệ trên đường tiến triển sau này.

Nam Kỳ là quê hương của chúng ta, nhưng trước kia đối với tôi thường chỉ được coi như nơi tạm nghỉ cho người khách lạ. Nam Phần ngày nay là máu thịt Việt Nam, là gốc nguồn của sinh lực mới, trung tâm ngành hoạt động quốc gia.

Từ nay tôi mong toàn thể quốc dân cùng tôi cố gắng mỗi người sẽ đem hết tâm trí tài năng ra gánh vác một phần nhiệm vụ, lấy việc thịnh suy nước nhà làm trọng, gác bỏ tư lợi và óc đảng phái chia rẽ.

Dưới mái nhà quốc gia phục hưng duy nhất, dưới mái từ đường Tổ Quốc trùng tu, tôi tha thiết nhắn nhủ toàn thể quốc dân hãy trở về nơi an ninh và hòa mục, để cùng nhau xây dựng một Tổ Quốc xứng đáng mà phụng sự. Bao năm hy sinh của đồng bào là một bảo đảm chắc chắn cho sự thành công.

Tin tưởng vào tương lai nòi giống, cùng nhau chúng ta hợp sức và bắt đầu viết trang sử mới của Tân Quốc Gia Việt Nam.”

Bằng những lời lẽ giản dị, cảm động, Cự Hoành nhấn mạnh để quốc dân hiểu rõ từ nay giang sơn đã thu vào một mối, đồng thời nêu những thắng lợi thu được trong cuộc thương thuyết với nước Pháp, vạch rõ chương trình cải tạo hành chính, xã hội, kinh tế, văn hóa và kêu gọi toàn dân đoàn kết, hợp sức lại xây dựng nước nhà

Sau buổi lễ trao Văn Kiện tại Sài Gòn, Cự Hoành trở lại Đà Lạt nối tiếp công việc thăm dò ý kiến, thành lập Tân Nội Các thay thế cho chính phủ Trung Ương Lâm Thời.

Cự Hoành âm thầm hoạt động, không để ý tới những lời dèm pha, xuyên tạc của bao kẻ đứng ngoài. Một số báo chí Pháp tượng trưng phản ứng của phe thực dân, của phe cộng sản, chê trách Cự Hoành đã lợi dụng tình thế, tham lam đòi hỏi quá nhiều, chỉ trích Cự Hoành là gàn bướng, cố chấp, đặt điều nói xấu cố ý để Cự Hoành mất ảnh hưởng trước quốc dân. Rồi tuyên truyền của Việt Minh, với luận điệu xảo trá quen thuộc, thù dệt và phóng đại những chuyện tưởng tượng quanh Cự Hoành mục đích cũng để làm giảm uy tín và thanh danh của Người.

Nhưng Cự Hoành vẫn lặng lẽ làm việc, chỉ trả lời dư luận bằng những kết quả công việc đã đạt được và sự tiến triển rõ rệt của mọi ngành hoạt động.

Hành động của Cự Hoành đã gây được lòng tin tưởng, mến phục trong dân chúng và khiến cho những đối thủ cũng phải ngạc nhiên, vì nể.

Ngày 2 tháng 7 năm 1949, Cự Hoành thành lập xong Tân Nội Các và giải tán chính phủ Trung Ương Lâm Thời.

Nội Các mới gồm những vị sau đây:

- Cự Hoành Bảo Đại: Quốc Trưởng kiêm Thủ Tướng chính phủ.
- Nguyễn Văn Xuân: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng (Hồi này Thiếu Tướng Xuân đã được chính phủ Pháp thăng lên Trung Tướng).
- Nguyễn Khắc Vê: Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp.
- Nguyễn Phan Long: Tổng Trưởng Ngoại Giao.
- Trần Văn Ân: Tổng Trưởng Kinh Tế Kế Hoạch.
- Trần Văn Ty: Quốc Vụ Khanh.
- Vũ Ngọc Trản: Thứ Trưởng Nội Vụ.
- Phan Huy Đán: Thứ Trưởng Nội Vụ (ở Pháp, không về nhận)
- Dương Tấn Tài: Thứ Trưởng Tài Chính.

- Hoàng Cung: Thứ Trưởng Can Nông, Cứu Tế Xã Hội Lao Động.
- Trần Quang Vinh: Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng.
- Lê Thăng: Thứ Trưởng Ngoại Giao.
- Phan Huy Quát: Thứ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục.
- Trần Văn Cù: Thứ Trưởng Giao Thông Công Chính.
- Nguyễn Tôn Hoàn: Thứ Trưởng Bộ Thanh Niên.
- Nguyễn Hữu Phiêm: Thứ Trưởng Bộ Y Tế.
- Trần Văn Tuyên: Tổng Giám Đốc Thông Tin.
- Đặng Trinh Kỳ: Tổng Thư Ký Chính Phủ.

Ngày 12 tháng 7, Quốc Trưởng ra thăm Huế Kinh Thành cũ, mới ngày nào nhỏ lệ tiễn Quân Vương hôm nay đã nghen ngào tiếp đón cổ nhân. Bốn năm về trước, sông Hương, núi Ngự đã lắng nghe Bản Chiếu Thoái Vị những tướng rồi đây ngôi báu phải được đền bù bằng sự thịnh vượng của Tổ Quốc, nhưng 4 năm khói lửa và tang tóc qua, vị Vương trẻ tuổi lại phải trở về để “tạm nhận địa vị xưa”. Tuy nhiên ý định của Người vẫn không thay đổi. Chính thể của nước Việt Nam sau này sẽ do quốc dân định đoạt.

Ngày 16 tháng 7, trước dân chúng sơ xác của Hà Thành, trước hoang tàn của đất ngàn năm văn vật, Quốc Trưởng tuyên bố những nét đại cương của Chương Trình kiến thiết quốc gia.

Quốc Trưởng đã nói đến cơm áo, đến nhà cửa, đến tất cả những thiếu thốn mà quốc dân đang phải khổ cực chịu đựng. Quốc Trưởng nhấn mạnh:

Chính phủ mà tôi trực tiếp lãnh đạo sẽ gắng công “thực hiện một chương trình cải cách xã hội để kiến thiết một chế độ “hợp lý, công bằng và nhân đạo.”

Muốn cho quốc dân có thể tham gia việc nước bằng cách phát biểu ý kiến rộng rãi, Quốc Trưởng quyết định thiết lập một Hội Đồng Tư Vấn Quốc Gia, một tổ chức gồm các đại biểu dân chúng tham dự.

Mặc dầu vùng quốc gia còn nhỏ bé so với vùng Việt Minh kiểm soát, Quốc Trưởng đã tổ chức lại quy chế các công sở, điều chỉnh lại các cơ quan công quyền.

Dưới Nội Các Bảo Đại, thanh niên được đặc biệt chú trọng. Nào lớp Tu Nghiệp, nào những cơ sở huấn luyện thanh niên, thể thao, thể dục. Một vài tổ chức thể thao cố gắng hoạt động như túc cầu, xe đạp, quần vợt và nhất là bóng bàn, Việt Nam đã có tuyển thủ đi dự ở ngoại quốc.

Chính phủ mở một Huấn Luyện Hành Chính để đào tạo một loạt cán bộ chính quyền mới thích ứng với hoàn cảnh, nhu cầu và đủ năng lực duy trì chính nghĩa quốc gia tại khắp các địa phương.

Về giáo dục, chính phủ ban hành Chương Trình Trung Học mới, giúp đỡ và trợ cấp các sinh viên nghèo, hiếu học và tăng cường công tác chống nạn mù chữ.

Về việc giao thiệp với quốc tế, lần đầu tiên một vị Bộ Trưởng Việt Nam Ngoại Trưởng Nguyễn Phan Long được cử làm Trưởng Đoàn Đại Biểu Việt Nam đi dự Hội Nghị Kinh Tế Đông Nam Á và Viễn Đông (Singapore). Hoàng Thân Bửu Lộc và ông Nguyễn Đắc Khê đi Pháp.

Nội các Bảo Đại đã hết sức hoạt động tuy rằng đó mới chỉ là một Nội Các tượng trưng trong buổi giao thời.

Cả về phương diện quốc gia và quốc tế, Quốc Trưởng còn phải giải quyết những công việc cần thiết khác:

- Quốc Hội Pháp chưa duyệt ý Thỏa Hiệp 8.3.49
- Quyền nội trị của Việt Nam chưa được Pháp hoàn toàn trao trả.

Và nhất là Việt Minh đang cố gắng tăng cường hoạt động trên chiến trường toàn quốc.

Để rảnh tay chú trọng đến các công việc trên, Quốc Trưởng đã chuyển quyền cho Tổng Trưởng Ngoại Giao Nguyễn Phan Long.

Ngày 18 tháng 1 năm 1950, ông Nguyễn Phan Long nhận chức Thủ Tướng để thành lập nội các như sau:

- Nguyễn Phan Long: Thủ Tướng kiêm Ngoại Giao, Nội Vụ.

- Nguyễn Khắc Vê: Bộ Trưởng Tư Pháp.
- Phan Huy Quát: Bộ Trưởng Quốc Phòng.
- Dương Tấn Tài: Bộ Trưởng Tài Chính.
- Vương Quang Nhường: Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục.
- Lê Quang Huy: Bộ Trưởng Công Tác và Kiến Thiết.
- Lê Thăng: Thứ Trưởng Ngoại Giao.
- Trần Văn Chi: Thứ Trưởng Canh Nông.
- Võ Duy Thường: Thứ Trưởng Y Tế.
- Hoàng Cung: Thứ Trưởng Thương Mại-Kỹ Nghệ.
- Lê Văn Ngọc: Thứ Trưởng Xã-Lao
- Nguyễn Tôn Hoàn: Thứ Trưởng Thanh Niên Thể Thao.
- Đinh Xuân Quảng: Thứ Trưởng tại Dinh Thủ Tướng.
- Huỳnh Văn Trọng: Tổng Thư Ký chính phủ.

Nội Các Nguyễn Phan Long được thành lập để thí nghiệm một đường lối chính trị, dò đường đi cho một chính sách đối ngoại cương quyết.

Nội Các Nguyễn Phan Long sẵn sàng chịu đựng mọi phản ứng thử thách.

Ngày 3 tháng 2 năm 1950, Quốc Hội Pháp nhóm họp thông qua Hiệp Ước Élysée.

Quốc Gia Việt Nam từ nay đang hoàng góp phần trong Đại Gia Đình Thế Giới Tự Do. Các nước liên tiếp nhau công nhận sự có mặt một quốc gia Việt Nam.

Những sự kiện đó đã khiến cuộc đấu tranh giữa chính phủ quốc gia và Việt Minh trở nên một cuộc tranh chấp quốc tế.

Được các nước trong Khối Dân Chủ chính thức nhìn nhận, Việt Nam khẩn trương ngay những cuộc giao thiệp với quốc tế.

Chính phủ Nguyễn Phan Long đã phái các Đại Biểu đi dự những Hội Nghị:

- Hội Nghị Y Tế quốc tế ở Genève.
- Hội Nghị quốc tế về Ung Thư
- Lễ Phạt Đản ở Ấn Độ.
- Đấu xảo quốc tế.
- Hội Nghị Thương Mại Kỹ Nghệ E.C.A.F.E
- Hội Nghị Thương Mại ở Ba Lê.

Đối nội, chính phủ Nguyễn Phan Long tiếp tục công việc của Nội Các Bảo Đại.

Về Hành Chính: Mỗi địa phương Trung-Nam-Bắc có một vị Thủ Hiến điều khiển mọi công việc theo đường lối của chính phủ Trung Ương.

Cơ quan Cảnh Sát Công An chính quy được thành lập. Bành trướng phong trào Thanh Niên-Thể Thao. Mở mang các trường đào tạo cán bộ Thanh Niên Trung Cấp, Cán Bộ Phụ Nữ Trung Cấp.

Về Xã Hội: Việc cấp tế nạn nhân chiến tranh cùng việc xây dựng những khu nhà rẻ tiền cho đồng bào nghèo tạm trú được Nội Các Nguyễn Phan Long tích cực thực hiện.

Tháng 3 năm 1950, Việt Minh tăng cường khủng bố để đe dọa và kìm hãm sức tiến triển của chính phủ quốc gia. Việt Minh làm dân chúng sợ sệt bằng cách đặc phái những phần tử quá khích vào các thị thành gây xáo lộn. Đặc biệt nhất là những vụ biểu tình của học sinh. Việc này đã ảnh hưởng rất nhiều đến nhân tâm và an ninh công cộng. Những sự đáng tiếc xảy ra giữa học sinh và các nhà đương cục Cảnh Sát Công An là điểm đau xót đối với phe Quốc Gia và là một thắng lợi cho cộng sản.

Lợi dụng cái đã lộn xộn ấy, Việt Minh càng ra công hoạt động, nào ám sát, nào ném lựu đạn, nào đốt nhà, nào cấm chợ...

Tình thế bắt buộc một sự cải tổ chính phủ.

Quốc Gia Việt Nam trong giai đoạn cần một chính phủ hợp thời hơn.

Dưới Nội Các Nguyễn Phan Long, đáng tiếc đã có những luồng dư luận không thời chỉ chuyên nghĩ công kích, đả phá cá nhân, chê bai hành động bề mặt của chính phủ mà không để ý tới bề sâu.

Ưu điểm thứ nhất: Chính phủ Bảo Đại Nguyễn Phan Long duy trì một đường lối chính trị mạnh. Dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại, Thủ Tướng Nguyễn Phan Long đã tiến bước trong đường lối sớm sửa đổi. Sự mạnh dạn chưa hợp thời vì phần đối tượng ngoài nước bấy giờ còn cứng mạnh hơn và nội bộ phe quốc gia chưa hoàn toàn đoàn kết thành một khối duy nhất.

Những ai nhận xét đứng đắn cũng phải giữ một ý niệm đẹp về Quốc Trưởng Bảo Đại. Người đã khẳng không chịu về nước khi nhận thấy Độc Lập, Thống Nhất chưa được Pháp tích cực nói đến, và về lập trường ngoại giao gay gắt, rắn rỏi của Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng Nguyễn Phan Long.

Nhờ đường lối mạnh ấy, chính phủ sau này dễ dàng trong việc bắt mạch tìm chính sách thích hợp, ngõ hầu tránh được những hiểu lầm đáng tiếc, nhất là đối với ngoại quốc.

Khi nhận thấy thời gian chưa hợp với đường lối chính trị của mình, Quốc Trưởng đã thẳng thắn giải tán Nội Các để tìm người thay thế Thủ Tướng Nguyễn Phan Long. Nhân vật mới sẽ rút kinh nghiệm ở bài học trước và vạch một đường lối mới, mềm dẻo và sát tình thế hơn.

CHÍNH PHỦ TRẦN VĂN HỮU

Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã bán chính thức quốc tế hóa sau khi mỗi bên thế giới dân chủ và cộng sản thừa nhận chính phủ Quốc Gia do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo và chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa của cụ Hồ chí Minh.

Quốc tế đã chính thức công nhận sự có mặt một Quốc Gia Việt Nam. Hai phe Quốc-Cộng ở Việt Nam đều cố gắng trong cuộc chạy đua quyết định sống còn. Dĩ nhiên, Quốc Trưởng Bảo Đại phải lãnh đạo dân tộc Việt Nam để đánh bại việt cộng, để nhân dân Việt Nam khỏi phải chịu đựng một chính thể độc tài, để công cuộc tranh đấu của những người chiến sĩ quốc gia khỏi thất bại, để Hiệp Ước Élysée, một sự cố gắng của chính phủ Pháp khỏi biến thành giấy lộn.

Thế giới dân chủ phải có mặt ở Việt Nam.

Từ chính phủ Trung Ương Lâm Thời Nguyễn Văn Xuân phần lớn dân chúng vẫn ở trong vùng Việt Minh kiểm soát. Vùng Quốc Gia chỉ gồm vón vẹn vài đô thị lớn và những trục giao thông cần thiết cho quân sự. Đã thế, vùng Quốc Gia còn không được an ninh và vì chính sách khủng bố bạo tàn của các cán bộ Việt Minh, còn hỗn loạn vì phương pháp tuyên truyền xảo trá của cộng sản quốc tế đội lốt quốc gia dân tộc. Tháng 3 năm 1950 vùng Sài Gòn, Chợ Lớn còn xảy ra nào đốt nhà, nào tan chợ, nào bãi khóa...tinh thần dân chúng bị căng thẳng, hoang mang vì những cảnh tượng ghê gớm liên tiếp diễn ra ngay giữa các đô thị.

Những người quá khích nhất định phá rối nền trật tự mới tái lập tại vùng Quốc Gia.

Trước tình thế khẩn cấp đó, Quốc Trưởng Việt Nam quả quyết cải tổ Nội Các. Vấn đề nhân sự là một việc rất khó khăn trên khoảng đất mà số nhân tài chống cộng đã bị thủ tiêu từng đợt từ 1945. Tình thế bắt buộc phải thay đổi chính phủ, dù thế nào Quốc Trưởng cũng phải cố gắng thành lập một Nội Các đặc biệt để có thể đối phó với giai đoạn.

Ông Trần Văn Hữu được Quốc Trưởng chú ý và chỉ định.

Ông Trần Văn Hữu, một nhân vật tuy toàn quốc chưa hẳn biết tiếng nhưng riêng địa phương Nam Việt đã rất rõ những hoạt động của ông, một người quốc gia chống cộng hoàn toàn, trên phương diện ý thức cũng như hành động. Trước những biến cố năm 1946, ông có chủ trương thoát ly Nam Việt ra ngoài Quốc Gia Việt Nam. Chủ trương ấy tuy có thể làm yếu cộng sản nhưng không phù hợp với ý thức dân tộc, do đó ông đã sáng suốt từ bỏ ý kiến bất hợp thời ấy để tham gia giữ chức Phó Thủ Tướng chính phủ Lâm Thời Việt Nam.

Được vời ra giữ trọng trách thành lập chính phủ trong lúc nước nhà đang nghiêng ngửa, chính sách của ông là tập trung tất cả những phần tử chống cộng, tập hợp khả năng ít ỏi trong vùng kiểm soát để đặt vững vàng guồng máy hành chính, cải tổ công việc trong các Bộ, kiến tạo một Quân Đội Quốc Gia Việt Nam và đặt đại biểu ngoại giao ở ngoại quốc.

Ngày 6.5.1950, Nội Các Trần Văn Hữu trình diện Đức Quốc Trưởng gồm những vị:

- Trần Văn Hữu: Thủ Tướng Chính Phủ kiêm Ngoại Giao và Quốc Phòng.
- Nguyễn Khắc Vê: Tổng Trưởng Tư Pháp.
- Trần Quang Vinh: Tổng Trưởng Quân Lực.
- Dương Tấn Tài: Tổng Trưởng Tài Chánh.
- Hoàng Cung: Tổng Trưởng Kinh Tế.
- Lê Quang Huy: Tổng Trưởng Giao Thông Công Chính.
- Vương Quang Nhường: Tổng Trưởng Quốc Gia Giáo Dục.
- Đặng Hữu Chí: Tổng Trưởng Y Tế Xã-Lao.
- Trần Văn Tuyên: Bộ Trưởng Dinh Thủ Tướng.
- Đinh Xuân Quảng: Tổng Trưởng Công Vụ.
- Nguyễn Tôn Hoàn: Tổng Trưởng Thanh Niên

Việc lựa chọn nguyên Thủ Hiến Nam Việt làm Thủ Tướng chính phủ đã tạm chấm dứt nhiều nỗi băn khoăn.

Linh sử mạng cao cả đó, Thủ Tướng Trần Văn Hữu đã tỏ một lòng gan góc, một quý thức quyết chiến, một khả năng dồi dào.

Công việc đối phó đầu tiên của chính phủ là vấn đề an ninh nội bộ, an ninh trong vùng kiểm soát. Có an ninh, dân chúng mới đỡ khổ, mới có can đảm làm ăn, xây dựng lại cơ nghiệp hoang tàn. Thiếu an ninh, chính phủ không thể có uy tín trong dân chúng.

Nhiệm vụ đó thật cực kỳ khó khăn. Nhưng Bộ An Ninh đã thành công vĩ đại sau một thời gian ngắn. Đối phó với các ban khủng bố của đối phương, chính phủ thi hành chính sách “tàn bạo đối với tàn bạo”. Thủ đoạn “trả đòn” dần dần thanh toán được cái nạn ném truyền đơn, ném tạc đạn, bắt trộm và đâm trộm. Tinh thần người dân được ổn định mặc dầu đã có một vài việc quá quắt trong vấn đề bắt bớ giam cầm. Nhưng làm thế nào được, một chính sách “được việc” nào chẳng có những điểm thiếu sót ?

Ngành Công An được cải tổ hoàn toàn để phù hợp với công tác an ninh. Được xây dựng trên những phương thức làm việc mới mẻ, hệ thống Công An trong thời gian ngắn đã chạy đều đặn ăn nhịp với sự biến thể của hoạt động Việt Minh. Dân chúng nhận thấy công an, tình báo, tuyên truyền Việt Minh... lần lượt bị săn bắt ráo riết. Được che chở, người dân trở lại bình tâm xây đắp cuộc đời mới. Người hồi cư đã bắt đầu nhiều nhiều, dân số các thị thành tăng lên một cách lạ quan. Khẩu hiệu Bảo Vệ An Ninh đã có kết quả rất mỹ mãn. Dưới mắt người ngoại quốc, sự an ninh là một lời giới thiệu rất hay ho của chính phủ Trần Văn Hữu. Dân chúng và chính quyền đều được thỏa mãn dần dần với sự tiến bộ của tình hình.

Đi đôi với thành tích an ninh, chính phủ Trần Văn Hữu tiến hành rất gấp việc thu hồi chủ quyền nội bộ. Một Hội Nghị mới mẻ được tổ chức. Hội Nghị Pau giữa 4 quốc gia Pháp, Việt, Mên, Lào. Hội Nghị Pau đi vào chi tiết trong việc giải quyết tất cả những thắc mắc về quy chế của các nước Liên Kết: Vấn đề di trú, kế hoạch kinh tế, vấn đề ngoại thương, xuất nhập và tiền tệ. Riêng vấn đề tiền tệ. Việt Nam từ nay có mặt trong một Viện Phát Hành chung ở Đông Dương.

Số lớn các công sở chuyên môn trước khi thuộc quyền Giám Đốc Pháp lần lượt được chuyển sang tay người Việt. Các Công Chức mà Việt Minh đã gạt bỏ vì không hợp với họ dần dần được chính phủ quốc gia nâng đỡ, có chỗ ăn làm nhất định. Chính phủ Trần Văn Hữu đã mang lại yên ấm cho công chức, những bánh xe trong bộ máy chính quyền non trẻ của Việt Nam. Không những họ đủ ăn, đủ mặc, mức sống dĩ nhiên hơn hẳn những người làm việc với Việt Minh, còn có nhiều người được trở nên giàu có do những đặc ân và địa vị ưu đãi trong công sở...

Sau Hiệp Định Pau, chính quyền quốc gia đi dần dần đến chỗ “Việt Nam Hóa”. Người dân đã hơi làm quen với chính phủ quốc gia mà từ lâu họ nghi kỵ, không chú ý hoặc có chú ý nhưng chỉ chê bai, công kích.

Công tác an ninh đã đem lại kết quả đẹp đẽ cho đời sống của dân chúng. Tuy vậy, vấn đề an ninh nói riêng vẫn chỉ là một việc đấu tranh ngăn ngừa kẻ phá hoại lên vào hàng ngũ của chính phủ quốc gia mà chưa phải hẳn là một vấn đề mấu chốt trong cuộc chiến tranh với việt cộng.

Muốn kiến tạo một quốc gia theo ý muốn trong hệ thống dân chủ. Chính phủ phải cấp tốc xây dựng ngay một quân đội đủ để chiến thắng kẻ địch hiện tại, đủ để bảo vệ chính nghĩa, đủ để giữ gìn bờ cõi một khi bị xâm lăng.

Hiện nay công việc ngăn ngừa Việt Minh hoàn toàn ỷ lại vào lực lượng Liên Hiệp Pháp. Tình trạng trên phải sớm được chấm dứt nếu Việt Nam muốn xứng đáng với danh hiệu Độc Lập của mình. Để thực hiện ý định đó, Quốc Trưởng ký một Đạo Dụ Tổng Động Viên và chính phủ Trần Văn Hữu lập tức ban hành những biện pháp cần thiết để thi hành Đạo Dụ.

Lớp thanh niên đầu tiên 60.000 người được gọi ra để theo lớp huấn luyện quân sự 2 tháng. Nền móng của Quân Lực Quốc Gia được đắp xây và Quân Đội Quốc Gia Việt Nam thành hình. Người thanh niên Việt Nam, hôm qua, nạn nhân của một chính thể độc tài, nạn nhân của thời cuộc, hôm nay đã là người lính của quốc gia, hiên ngang trong bộ nhung phục, dưới sắc cờ vàng son. Từ 10 đến 100, từ 100 đến 1000, người lính quốc gia Việt Nam lớn dần với trang bị tối tân của nước bạn viện trợ, sánh vai với người lính viễn chinh đồng cam cộng khổ trên mọi chiến trường. Tuy trong thời kỳ măng sữa, tuy chưa được hết lòng tin phục của người, nhưng bóng dáng người lính quốc gia Việt Nam cũng đã đủ tượng trưng rõ rệt ý thức độc lập của một quốc gia thống nhất dưới vị lãnh tụ thân yêu: Quốc Trưởng Bảo Đại.

Trong bài diễn văn của buổi lễ ký Hiệp Định Quân Sự Quốc Trưởng tuyên bố: “Có những kẻ đã nói đến cốt nhục thương tàn. Tôi muốn những kẻ đó phải giải thích rõ ràng hơn về tính chất tẩm tẩm kịch đang diễn ra trên đất nước Việt Nam. Tất cả những sự tàn phá, tất cả những tang tóc đau thương chồng chất từ 5 năm nay hoàn toàn do một đảng gây nên. Đảng đó bây giờ không còn e dè che đậy là một đảng do người ngoại quốc cầm đầu. Như vậy quân đội quốc gia sẽ không chủ trương một cuộc chiến tranh huynh đệ tương sát mà chỉ chiến đấu để cứu nước khi lâm nguy, chiến đấu để chống với những kẻ cố tâm phá hoại nền độc lập. Những kẻ muốn để một tà thuyết ngoại lai đặt ách đô hộ trên đầu dân chúng nước này sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những tội đại ác của mình trước lịch sử...”

Quan niệm của vị lãnh tụ rất rõ rệt. Người không muốn là một tà thuyết nào bay đến phá hủy những thuần phong mỹ tục truyền thống của Việt Nam. Người không muốn một chính thể chính trị nào phá bỏ cá tính quốc gia của dân tộc Việt Nam để buộc dân tộc Việt Nam vào sợi giây quốc tế không tưởng và Người đã lớn tiếng tố cáo Việt Minh là cộng sản, là phản động làm thụt lùi dân trí Việt Nam. Bởi lẽ đó, quân đội quốc gia Việt Nam cần có mặt để làm một việc phải làm: Tiêu diệt lực lượng tay sai của đệ tam quốc tế ở lãnh thổ Việt Nam.

Chính phủ Trần Văn Hữu được vinh dự đặt viên đá đầu tiên trong việc chính thức thành lập Quân Lực chính quy Việt Nam.

Quân đội được kiến tạo để bảo vệ quốc gia, bảo vệ lý tưởng do Quốc Trưởng hướng dẫn. Dựa vào quan niệm căn bản đó, tất cả những bộ đội địa phương khắp Trung, Nam, Bắc sẽ lần lượt được tập hợp, thống nhất dưới lá cờ vàng ba vạch đỏ.

Từ 1948, Trung Tướng Nguyễn Văn Xuân đã muốn quy hợp Vệ Binh đất Bắc, Vệ Binh Cộng Hòa miền Nam và Việt Binh Đoàn Trung Việt làm một dưới nhãn hiệu duy nhất Vệ Binh Việt Nam nhưng hoàn cảnh và tình thế chưa cho phép. Qua Hiệp Ước Élysée, qua Hội Nghị Quân Sự ở Đà Lạt, Quốc Trưởng đã sắc cử Thủ Hiến Phan Văn Giáo làm Trung Tướng Tổng Thanh Tra Quân Đội Toàn Quốc. Đó là bước đầu để gây một quan niệm thống nhất về quân sự. Những nguyên tắc căn bản về việc tổ chức một Quân Đội Quốc Gia Việt Nam được quyết định giữa Quốc Trưởng và Cao Ủy Pháp Letourneau tháng 11 năm 1950 tại Cao Nguyên Đà Lạt đã giúp chính phủ Trần Văn Hữu khẩn trương phương tiện tổ chức Quân Đội Việt Nam.

Trường Võ Bị Huấn Luyện Sĩ Quan mở ở Đà Lạt. Ở đây, những trang thanh niên tuấn tú được chau rùi cả đạo đức lẫn chuyên môn, ở đây đào tạo các cấp chỉ huy tương lai cho quân đội toàn quốc. Ngoài Trường Sĩ Quan Đà Lạt, ở các nơi khác còn có rất nhiều trường huấn luyện hạ sĩ quan và bổ túc quân sự.

Quân Đội của chính phủ quốc gia tuy chưa hoàn hảo nhưng cũng đã làm對方 nhiều phen kinh khủng. Địch thủ khiếp sợ trước sức chiến đấu mãnh liệt của người lính quốc gia.

Quân Đội chính quy Việt Nam có bốn phận giữ vững nền Độc Lập cần cho hạnh phúc toàn dân tộc, cần

cho nền trật tự chung thế giới. Dưới khẩu hiệu Dân Vi Quý, dành Độc Lập cho xứ sở, xây đắp Hòa Bình cho thế giới dân chủ.

Chính phủ Trần Văn Hữu đã hết sức vun trồng để quân đội quốc gia lớn vùng lên kịp theo sát được quân Liên Hiệp Pháp mục đích tiêu diệt sinh lực thù.

Ngoài việc củng cố nội bộ, xây dựng quân đội, chính phủ Trần Văn Hữu phát triển công tác đối ngoại, gửi rất nhiều phái đoàn đi dự các Hội Nghị quốc tế. Qua những Hội Nghị Pau, Hội Nghị Kinh Tế, Y Học, Lao Động Quốc Tế... Việt Nam còn có mặt tại Hội Nghị quan trọng nhất trong các Hội Nghị quốc tế kể từ sau chiến tranh hoàn cầu lần thứ hai: Hội Nghị Cựu Kim Sơn. Ngồi ngang hàng với các quốc gia trên thế giới, đoàn đại biểu Việt Nam đã phô bày một tâm lý nhiệt thành đối với Đại Gia Đình Quốc Tế, đối với Thế Giới Dân Chủ. Tiếng nói của Việt Nam được các cường quốc chú ý. Quần Đảo Hoàng Sa, Quần Đảo Tây Sa được trả lại Việt Nam, Nhật Bản thỏa thuận bồi thường những sự thiệt hại do chiến tranh gây ra... Đoàn Đại Biểu Việt Nam do chính Thủ Tướng Trần Văn Hữu hướng dẫn đã thành công, mang lại kết quả vật chất và tinh thần cho đất nước. Thắng lợi lớn lao ấy là công của toàn thể nhân dân Việt Nam. Sự tranh đấu mấy năm qua của những chiến sĩ vô danh đã không đến nỗi uổng phí. Việt Nam được ngang hàng với các nước trên thế giới ở Hội Nghị Cựu Kim Sơn, đó là thành tích của những người lính hy sinh ngoài trận tuyến, đó là thành tích của những người dân đã tan vỡ cả sản nghiệp đã tàn mác, lưu lạc khắp rừng xanh, núi đỏ, đã đổ máu, đổ mồ hôi trên đất nước.

Nói về khả năng, chính phủ Trần Văn Hữu còn đánh dấu được một nấc độ trong sự tiến bộ về phương diện tập hợp nhân tài. Điều khó khăn từ trước tới nay vẫn là vấn đề nhân tài giúp nước. Chính phủ Trần Văn Hữu cũng nhận thấy đó là một điều cần phải giải quyết nếu chính phủ muốn làm được những điều ích quốc lợi dân. Với phương pháp vận động khéo léo, với tư cách riêng của Thủ Tướng, một số người có đầu óc đã chẳng ngại nhảy ra tham dự chính quyền.

Chính phủ Trần Văn Hữu tích cực xây đắp tư tưởng chống cộng ở Việt Nam và tích cực trình bày quan điểm đẹp đẽ đó trước thế giới dân chủ. Nhờ lòng nhiệt thành của Thủ Tướng, của chính phủ trong cuộc chiến đấu chống việt cộng, viện trợ của ngoại quốc ngày càng dồi dào. Riêng nước Mỹ đã hết sức chú trọng đến Việt Nam. Các cố vấn Mỹ, các nhà ngoại giao đua nhau sang Việt Nam nghiên cứu. Dựa vào viện trợ Mỹ, Quân Đội Việt Nam sẽ được trang bị tối tân.

Chính phủ Trần Văn Hữu vừa thành lập, tình hình quốc tế đã biến chuyển rất nhanh, ảnh hưởng nhiều đến Việt Nam. Việc thứ nhất là biên cương Việt Nam mở rộng trước Trung Hoa cộng sản, việc thứ hai là cuộc chiến tranh tại Cao Ly. Hai việc lớn đó càng ngày càng chịu ảnh hưởng lên cục diện địa phương Việt Nam. Riêng bóng người Hồng Quân Trung Hoa thấp thoáng ở biên giới đã là một ưu thế mạnh cho địch thủ của phe quốc gia dân tộc... Việt Nam cần phải nhảy sang một bước khác mạnh hơn, quyết liệt hơn trong giai đoạn đấu tranh thực sự gay go với một kẻ địch đang hùng mạnh.

Tháng 6 năm 1952, Thủ Tướng Trần Văn Hữu tuyên bố hết nhiệm vụ.

Trong hai năm tròn, Nội Các Trần Văn Hữu cải tổ hai lượt. Lượt thứ nhất ngày 20 tháng 2.1951 sau Hội Nghị Pau:

- Trần Văn Hữu: Thủ Tướng kiêm Ngoại Giao, Nội Vụ, Quốc Phòng.
- Nguyễn Khắc Vê: Phó Thủ Tướng kiêm Tư Pháp.
- Vương Quang Nhường: Tổng Trưởng Phụ Tá Thủ Tướng Phủ kiêm Quốc Gia Giáo Dục.
- Nguyễn Trung Vinh: Tổng Trưởng Tài Chánh.
- Trần Văn Khá: Tổng Trưởng Kinh Tế.
- Đặng Hữu Chí: Tổng Trưởng Y Tế.
- Dương Tấn Tài: Tổng Trưởng Công Vụ.
- Lê Quang Huy: Tổng Trưởng Giao Thông Công Chính.
- Nguyễn Duy Thanh: Tổng Trưởng Kế Hoạch
- Nguyễn Văn Tâm: Tổng Trưởng An Ninh.

- Hoàng Cung: Tổng Trưởng Xã Hội.
- Trần Văn Tuyên: Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng.
- Nguyễn Hữu Thuần: Bộ Trưởng Ngoại Giao.
- Đinh Xuân Quảng: Bộ Trưởng Ngân Khố
- Phạm Văn Bình: Bộ Trưởng Thanh Niên.
- Nguyễn Trí Độ: Thứ Trưởng Lao Động.
- Nội Các thứ ba ngày 8 tháng 3.1952 sửa đổi như sau:
- Trần Văn Hữu: Thủ Tướng kiêm Quốc Phòng và Tài Chính.
- Vương Quang Như: Tổng Trưởng Tư Pháp.
- Nguyễn Trung Vinh: Tổng Trưởng Ngoại Giao.
- Nguyễn Văn Tâm: Tổng Trưởng Nội Vụ.
- Lê Văn Hoạch: Tổng Trưởng Canh Nông.
- Nguyễn Chánh Hải: Tổng Trưởng Xã Hội Lao Động.
- Nguyễn Thành Giung: Tổng Trưởng Giáo Dục Thanh Niên.
- Lê Quang Huy: Tổng Trưởng Công Chính Viễn Thông.
- Nguyễn Duy Thanh: Tổng Trưởng Kế Hoạch Kiến Thiết.
- Nghiêm Văn Tri: Tổng Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng.
- Phạm Văn Hải: Tổng Trưởng Tài Chánh.
- Nguyễn Trác: Quốc Vụ Khanh.
- Đinh Xuân Quảng: Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng.
- Lý Bình Huê: Bộ Trưởng Thương Mai Kỹ Nghệ.
- Đỗ Văn Hoành: Bộ Trưởng Y Tế.

Nội Các Trần Văn Hữu từ chức. Nhìn tổng quát trong “vấn đề thành công” của chính phủ Trần Văn Hữu, ta thấy hai điểm rõ rệt.

– Điểm kết quả nói chung về hành động và tổ chức

– Điểm kết quả về tinh thần, tư tưởng.

Nói chung về những kết quả tổ chức và hành động. Chính phủ Trần Văn Hữu chưa được nổi bật, lý do đặc biệt nhất vẫn là vấn đề nhân sự. Nhân tài trong vùng quốc gia quãng 1950 rất ít ỏi. Từ 1945, dưới bàn tay Việt Minh, những phần tử có khuynh hướng quốc gia đều lần lượt bị “thủ tiêu” với cái nghĩa rộng rãi của nó:

– Bị xử bắn công khai hay bí mật như Học Giả Phạm Quỳnh, Tuần Phủ Cung Đình Vận, lãnh tụ Tạ Thu Thâu

– Bị đưa đi an trí một số lớn các giáo sĩ, bác sĩ, giáo sư, quan lại cũ

– Bị chi phối hay đồng hóa như Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phan Anh, Chu Bá Phượng...

Số nhân tài trong vùng quốc gia hiện nay đều đã may mắn thoát khỏi nanh vuốt Việt Minh nhờ xự sơ xuất của các cơ quan Việt Minh địa phương hoặc nhờ sự can thiệp của Quân Đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa hoặc nhờ sự can thiệp của quân đội Pháp. Trong số người sót lại, còn cỗi vì thời cuộc, đã tự phân ra làm nhiều loại:

– Các chính trị gia già nua, chầy chắt vì nghịch cảnh trên trường tranh đấu, chán cảnh đời vì sự nghiệp không thành, xoay ra đi gõ đầu trẻ, viết sách báo sống cho qua ngày.

– Các nhân sĩ đa nghi, coi chính trị là một nghề bạc bẽo, họ hoài nghi, mất tự tin, không tin người và không tin cả chính mình nữa, thỉnh thoảng óc hoạt động nổi lên muốn làm một cái gì nhưng vì nghi ngại, nhát sợ, chùn lại sống an thân và chờ thời... vô thời hạn.

Ngoài những chính trị gia nói trên và một số những nhân tài chỉ có thể góp phần hoạt động về chuyên môn, những người khác còn lại hoặc biến thành lái buôn hoặc sống an nhàn trong gia đình, qua ngày đoạn tháng.

Nhân nạn “khan nhân tài” trong vùng quốc gia Việt Nam dùng thêm lối tuyên truyền sâu sắc khiến cho những kẻ có lòng muốn tham gia giúp nước đều luôn luôn sống trong trạng thái tâm lý giao động, lúc muốn ở bên này, lúc muốn ở bên kia, e e, ngại ngại để rút cuộc cứ ngồi ý một chỗ mặc thời gian vô tình trôi...

Chờ thời đây là hoặc là Việt Minh thắng để sẽ cùng tham gia “cách mạng” hoặc chờ tới khi nào đau khổ của quốc dân lên đến cực độ, chờ quốc gia đã Độc Lập, Tự Do hoàn toàn như ý muốn rồi mới “chịu” xuất đầu lộ diện... “Muôn sự khởi đầu nan”, cái khó khăn lúc đầu ấy đã quá dài, dài từ ngày ra đi của Quốc Trưởng Bảo Đại, qua sự tập hợp của chính phủ Trung Ương Lâm Thời Nguyễn Văn Xuân, qua sự thử thách của lá bài Nguyễn Phan Long rồi đến Nội Các Trần Văn Hữu và... sẽ còn kéo dài, cho đến bao giờ Quốc Gia Việt Nam có một chính quyền vững mạnh, một quân đội hùng hậu, không còn chi đáng lo ngại...

Ngoài số nhân tài không sợ thị phi, không sợ cộng sản hăng hái lẫn lộn với lá bài quốc gia, đang hết sức giúp Quốc Trưởng xúc tiến xây dựng một ý thức quốc gia chân chính, một số lớn người khác vì không chịu đựng được chính thể vô sản độc tài của Việt Minh cũng đã lần lượt tìm cách trở về Thành. Muốn sống an ninh, tự do trong vùng quốc gia những người lẫn trốn Việt Minh lại mắc cái bệnh “trùm chăn” không chịu tham gia phát triển sự an ninh chung. Bệnh đó cần phải được chính bản thân những con bệnh tự cố gắng thoát khỏi.

Tuy vấn đề tổ chức và hành động của chính phủ Trần Văn Hữu vấp phải yếu tố nhân tài, kết quả chưa được lạc quan lắm nhưng chính phủ của họ Trần cũng đã thắng lợi lớn trên phương diện tinh thần.

Trước hết chính phủ Trần Văn Hữu đã đặt viên đá chắc chắn và gọn ghẽ trên lâu đài “Chính Nghĩa Quốc Gia”. Một chính phủ đường hoàng đặt dưới sự lãnh đạo tối cao của Quốc Trưởng đã lôi kéo dần dần dân chúng từ vùng Việt Minh về. Nếu một số lưng chừng vẫn còn e dè bước đường tiến của chính phủ quốc gia trong giai đoạn thì đa số dân chúng đã tỏ lòng tin cậy Quốc Trưởng đã bỏ chính phủ cụ Hồ, đã hồi cư để hy vọng một đời sống tự do, an ninh và đầy đủ.

Dân chúng từ chối hoài nghi đã tiến dần đến chỗ có thiện chí công nhận vùng quốc gia có một chính phủ quốc gia. Trái với quan niệm xưa kia: Vùng “tạm chiếm” chỉ có những “Bù nhìn Việt gian” quan niệm tàn ác và tai hại đó đã là một trở lực lớn lao họ những lãnh tụ quốc gia trên bước đường tranh đấu, đã làm mũi lòng người chiến sĩ quốc gia nhưng thật ra quan niệm ấy cũng là một ngọn lửa thử thách trí cương quyết và lòng ái quốc chân chính của từng người.

Thủ Tướng Trần Văn Hữu hết nhiệm vụ nhưng còn lắm chông gai trên bước đường tranh đấu đi đến chính nghĩa, còn làm cản trở, làm đau đớn cả tinh thần lẫn thể xác những người ái quốc. Nhưng đã yêu nước thương nòi thì kể chi đến khó khăn!

Ông Nguyễn Văn Tâm, một người hăng hái, can đảm, đủ nghị lực, đủ đức tính để “chống cộng sản” được Quốc Trưởng tin cậy, chỉ định ra tiếp tục bồi đắp thêm ý thức quốc gia.

NHỮNG BƯỚC TIẾN CỦA VIỆT MINH TỪ XUÂN 1950

Sau trận Việt Bắc Thu-Đông năm 1947, cơ quan lãnh đạo kháng chiến Việt Minh tuyên bố với toàn thể dân chúng trong vùng họ kiểm soát: Giai đoạn đầu trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp đã chấm dứt để bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn cầm cự trong chiến lược trường kỳ.

Cầm cự, theo Việt Minh, là quân đội Pháp không thể nào đẩy lui được họ trên mặt trận toàn quốc. Họ phân tách quân đội Viễn Chinh Pháp đã không thể thành công trong lối đánh mau, đánh chớp nhoáng. Nếu bộ đội hùng mạnh của Pháp có thể đi sâu vào vùng Việt Minh kiểm soát thì ngược lại Vệ Quốc Quân cũng có thể len lỏi vào hậu địch để trả miếng. Họ mệnh danh bộ mặt mới của cuộc chiến tranh là chiến tranh “cài răng lược” hay chiến tranh xen kẽ, ở đó hai quân đội địch thủ sống bên cạnh nhau để bất kỳ tiêu diệt nhau. Lý luận ấy thoát thai ở kinh nghiệm thực tế của mặt trận Việt Bắc. Khi quân đội Pháp xuất toàn lực tiến ngược giòng Lô Giang thì ở đồng bằng các trung đoàn Việt Minh địa phương hăng hái tăng áp lực. Lý luận ấy thoát thai ở chiến trường miền Nam, ở chiến trường toàn quốc nói chung, mà quân lực của Pháp chỉ có hạn, hành động chỗ này, bỏ trống chỗ nọ... và lý luận ấy còn căn cứ ở sự tăng tiến của bộ đội Võ nguyên Giáp cả về mặt vũ khí lẫn tinh thần.

Sau khi đã cố hết sức đả kích hành động của Quốc Trưởng Bảo Đại, xuyên tạc những kết quả tốt đẹp

trên Vịnh Hạ Long tuyên truyền phá hủy Hiệp Định Élysée, lên án Nội Các Trần Văn Hữu, Việt Minh thu cường lực, mài nanh dũa vuốt để tiếp diễn những trận đánh căn bản hồng thắng lợi cuối cùng.

Được các nước trong thế giới cộng sản chính thức công nhận, chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa của cụ Hồ chí Minh không bỏ lỡ cơ hội tuyên truyền và tăng cường luôn sự giao thiệp trong hệ thống cộng sản thế giới len lỏi liên lạc với các đảng cộng sản trong Liên Hiệp Pháp nhất là đảng cộng sản Pháp của Thorez và Duclos. Họ đã giúp đỡ việt cộng không ít trên địa hạt tuyên truyền và gây phong trào phản chiến trong dân chúng Pháp, trong hàng ngũ quân đội Viễn Chinh Pháp.

Bộ máy chính quyền Việt Minh hoàn toàn dưới sự chi phối của đảng cộng sản, từ chính phủ trung ương cho đến các ủy ban xã. Hội đồng chính phủ, dưới mắt dân chúng là một phối hợp của các đảng phái như xã hội, dân chủ, liên việt, tôn giáo, các quan lại cũ, nhưng trên thực tế, đại đa số đều là các đảng viên đảng cộng sản và các người thân cộng cả. Chương trình hoạt động của các bộ trong chính phủ đều nằm trong đường lối của đảng cộng sản vạch ra và kiểm soát sự thi hành.

Tổ chức quốc hội của chính phủ Việt Minh từ 1945 không thay đổi và cũng không họp lần nào thêm cả, các nghị sĩ bị tản cư phân tán, người thì xoay ra buôn bán, người đi dạy học...trừ ban thường trực do Tôn đức Thắng, một đảng viên kỳ cựu cộng sản làm chủ tịch vẫn ở bên cạnh chính phủ. Dân chúng hầu như quên hẳn quốc hội. Vai trò quốc hội lu mờ dần trong trí nhớ và người dân cũng không liên lạc gì với tổ chức đó cả.

Nói giản dị, quốc hội biến mình dưới bộ máy chính quyền, riêng đặc lực cho đảng cộng sản.

Nói đến những bước tiến của chính phủ Việt Minh tức là nói đến đường lối, chủ trương, đến biến đổi, thăng trầm của đảng cộng sản ở Việt Nam.

Chính trị là một điều tối cần thiết. Việt Minh đặt chính trị lên hàng đầu của mọi vấn đề hoạt động.

Để có thể lôi kéo toàn thể dân chúng vào cuộc chiến đấu, Việt Minh tìm một phương thức mới: Đảng cộng sản Đông Dương biến thành đảng lao động Việt Nam.

Tháng 3 năm 1951, đảng lao động Việt Nam ra mắt dân chúng.

Trường Chinh, tổng bí thư của đảng lao động đọc bản tuyên ngôn trước máy truyền thanh nói về đường lối đối nội, đối ngoại của đảng. Đối nội, đảng tự nhận vai trò lãnh đạo tiên phong trong cuộc “Kháng chiến cứu quốc và kiến quốc”. Đảng sẽ thúc đẩy và khai thác tiềm lực của nhân dân trong cuộc chiến tranh chống đế quốc xâm lăng và kiến thiết một nước Việt Nam mới. Đối ngoại, đảng sẽ phát triển tình hữu nghị của dân tộc Việt Nam với dân tộc Cộng Hòa Sô Viết, nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và các nước Dân Chủ Đông Âu...

Để đào tạo những cán bộ thật trung kiên, để loại bớt những phần tử thiếu tinh thần, cộng sản ở Việt Nam nêu lên vấn đề chỉnh đảng. Chỉnh đảng là một việc tối quan trọng, có chỉnh đảng mới hy vọng thắng lợi.

Các lãnh tụ cộng sản giải thích vì sao phải chỉnh đảng. Đây là nguyên văn bản đó:

“Trung ương đảng trong kỳ họp hội nghị lần thứ 3 vừa rồi đã quyết định chỉnh đảng là việc chính mà chúng ta phải làm. Chỉnh đảng là một nhiệm vụ chính trị căn bản của đảng cộng sản hiện nay. Đảng từ ngày thành lập, đã trải qua hơn 20 năm hoạt động gian khổ, đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam tranh đấu giành được nhiều thắng lợi vẻ vang, Đó là điều mà trong đảng không còn ai có thể nghi ngờ. Đó cũng là điều mà đông đảo quần chúng nhân dân thừa nhận và tin tưởng.

Vì đâu đảng đạt được những thành tích như thế ? Ấy là vì đảng có chủ nghĩa Mác-Lênin, có đường lối và chính sách đúng, có Hồ Chủ tịch lãnh đạo, có cơ sở khắp cả nước, có nhiều đảng viên và cán bộ tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân.

Tuy nhiên, vì đảng ta phải tiến hành đấu tranh cách mạng trong hoàn cảnh gian nan, trước cách mạng tháng 8 thì đế quốc và phong kiến khủng bố và bao vây trùng trùng điệp điệp, trong kháng chiến thì liên lạc khó khăn, nhiệm vụ nặng, công tác nhiều, nên cán bộ và đảng viên nói chung chưa giáo dục một cách sâu sắc và có hệ thống, trình độ tư tưởng còn thấp kém, ảnh hưởng không ít đến việc chấp hành nhiệm vụ và chính sách của chính phủ. Do lập trường và quan điểm giai cấp chưa vững, nhiều đảng viên và cán bộ còn thiếu tinh thần đấu tranh triệt để và bền bỉ cho sự nghiệp cách mạng. Trên tư tưởng chưa phân biệt rõ địch,

bạn và ta, chưa nhận rõ chính sách đoàn kết toàn dân của đảng, chưa nắm vững đường lối trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, nhận thức về dân chủ và kỷ luật trong đảng chưa rõ ràng và đúng mức, tinh thần phê bình và tự phê bình chưa được thực sự nâng cao, lề lối làm việc quan liêu mệnh lệnh, xa lìa quần chúng, xa lìa thực tế và bệnh tham ô lãng phí còn khá nặng.

Hiện nay cuộc kháng chiến của ta đang ở giai đoạn cầm cự, giai đoạn chuẩn bị tổng phản công, là giai đoạn gay go, gian khổ, trước toàn thể nhân dân, trước mặt trận hòa bình dân chủ thế giới. Đảng ta nhận một nhiệm vụ lớn lao là lãnh đạo kháng chiến chuyển sang tổng phản công thắng lợi. Nhiệm vụ đó nặng nề và phức tạp. Nếu đảng ta không chuẩn bị mình cho đầy đủ, không trừ bỏ được những khuyết điểm và tư tưởng sai lầm nói trên của cán bộ và đảng viên thì trong thời kỳ sắp tới, việc chấp hành chính sách của đảng ta sẽ khó lòng mở rộng thêm thành tích hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình.

Chính vì thế mà ta cần tiến hành việc chỉnh đảng. Do chỉnh đảng và đảng rèn luyện, chỉnh đốn và tăng cường đội ngũ để giữ vững trường kỳ kháng chiến và chuẩn bị đầy đủ lực lượng, chuẩn bị chuyển sang tổng phản công. Do đó, chỉnh đảng trở thành một nhiệm vụ chính trị căn bản của đảng ta hiện nay và mỗi cán bộ, mỗi đảng viên đều có trách nhiệm tích cực làm cho cuộc chỉnh đảng lần này thành công.

Chỉnh đảng đồng thời cũng là một nhiệm vụ tổ chức căn bản. Năm ngoài, trong đại hội đồng, Hồ Chủ Tịch đã nêu cao nhiệm vụ phải xây dựng một đảng mạnh mẽ. Người nói: Đảng lao động phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để. Chính vì muốn chấp hành nhiệm vụ tổ chức đó mà chúng ta tiến hành việc chỉnh đảng.

Mấy năm gần đây, đảng ta phát triển mạnh, số lượng đảng viên lên đến 70 vạn nhưng chất lượng của số đông nói chung còn kém. Hơn 90% đảng viên thuộc thành phần gốc rễ nông dân và tiểu tư sản, tuy đã vào đảng được đảng giáo dục một phần nào và tự bản thân cũng có ít nhiều cố gắng, nhưng chưa gột sạch ý thức tư tưởng tiểu tư sản. Những sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng nói trên của cán bộ và đảng viên là do ý thức tiểu tư sản đó gây ra. Xây dựng, chủ yếu là xây dựng về mặt tư tưởng. Tư tưởng có đúng thì hành động mới đúng. Tư tưởng có thống nhất thì mới có ý chí thống nhất, kỷ luật thống nhất, toàn đảng thông suốt muôn người như một. Cho nên xây dựng đảng cốt chính là một quá trình giáo dục, đấu tranh và cải tạo tư tưởng. Đó là đường lối Mao Trạch Đông trong vấn đề xây dựng đảng.

Vì chỉnh đốn tư tưởng rồi mới có thể chỉnh đốn các tổ chức quần chúng, nên hiện nay chỉnh đảng đồng thời cũng là một nhiệm vụ tổ chức căn bản cho đảng.

Chỉnh đảng là một chủ trương đúng mức và kịp thời. Nêu cao chỉnh đảng, quyết không phải là coi nhẹ những thành tích vẻ vang của đảng, phủ nhận những ưu điểm của cán bộ và đảng viên. Không coi thường sai lầm khuyết điểm. Đảng ta mới có thể giữ vững và phát huy ưu điểm, làm tròn nhiệm vụ khó khăn nhưng vẻ vang đối với “nhân dân trong nước và lực lượng hòa bình dân chủ thế giới”. Chỉnh đảng là một chủ trương kịp thời. Đối với những sai lầm khuyết điểm không những ta thấy cần phải trừ bỏ mà còn thấy có đủ điều kiện để trừ bỏ được. Vì do đại hội đồng toàn quốc năm ngoài đảng ta chung đúc được 21 năm kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của giai cấp và dân tộc để lấy đó làm cơ sở tư tưởng và lý luận đã tiến hành chỉnh đảng. Chỉnh đảng là một nhiệm vụ rất quan trọng về chính trị và tổ chức...”

Để lọc lấy cái phần cần thiết trong cuộc giai cấp đấu tranh, có những Tỉnh miền Trung Du Bắc Việt sa thải gần phân nửa đảng viên các cấp. Một số lớn đảng viên hoạt động trong cơ quan cũng chịu chung số phận trong đợt thanh trừng đầu tiên. Lý do thanh trừng rất phức tạp, có khi vì những cố xa xôi thuộc về dĩ vãng, có khi vì những lỗi không thể nào tránh khỏi.

Hãy xem một vài để phỏng đoán phương pháp trừng thanh nội bộ của cộng sản Việt Nam.

Một bí thư chi bộ bị đoàn thể đem ra nghiên cứu trường hợp anh đã được kết nạp. Cán bộ ấy thuộc giai cấp Tiểu Tư Sản thành thị, tham gia công tác năm 1945 ngay sau ngày “cách mạng thành công” tháng 8. Đã năm năm nay, anh bỏ gia đình, bỏ họ hàng chạy theo kháng chiến, đã được đoàn thể tín nhiệm, kết nạp ngay từ 1946, ngày nay đã có một địa vị khá trong chính quyền cũng như trong đoàn thể. Hội nghị kiểu thảo đã họp và nghiên cứu tư tưởng anh vì sao đã theo phong trào cách mạng... Vô tình anh thuộc vào loại “cách mạng hoạt đầu”. Đa số các người được kết nạp vào tổ chức cách mạng năm 1945-1946 đều thuộc

vào hàng hoạt đầu, ít thành thực, vì sợ chết, vì ham địa vị, vì theo đóm ăn tàn. Lý luận một chiều ấy đã đưa đến quyết nghị là thải anh cán bộ ra khỏi đến bao giờ tư tưởng anh được “giáo dục lại hoàn toàn”...

Cứ cái đà như thế, đại đa số đảng viên được kết nạp khoảng 1945 đều lo ngay ngáy và sửa soạn hành lý...về vườn. Đó là những cơ thuộc dĩ vãng.

Những lý do sốt dẻo thì vô cùng.

Một đồng chí công nhận hoạt động từ năm 1943 rất tích cực nhưng vì văn hóa kém quá, sáng kiến nghèo nàn nên mãi đến cuối năm 1949 mới bò được lên chức huyện ủy trong đoàn thể. Nói về phương diện tiết kiệm thì “đồng chí huyện ủy” của chúng ta quả là người số một. Ngoài hai bộ cánh nâu, một cái bút máy “cà cộ”, đồng chí mua bán tiêu pha một cái gì có thể gọi là “tốn của nhân dân”, của chính phủ, từ những mẫu giấy con con, từ mẫu các-bon, anh cũng thu và thu vén. Bữa cơm, anh chỉ dùng mấy ngọn rau, vài hột muối hòa với vi-ta-min O (các cán bộ của Việt Minh đặt tên vi-ta-min O cho những trái ớt) còn không, có món gì khác, thậm chí những ngày quốc lễ, kỷ niệm, toàn thể được “đúp-ra-xi-ông” anh cũng tập kiên khổ không gắp qua miếng thịt bò thịt lợn...

Thế rồi, một hôm quân đội Pháp tảo thanh một vùng thuộc huyện anh phụ trách. Dân chúng hốt hoảng chạy xô cả vào một xã. Không biết vì lý do chiến thuật tránh càn quét của huyện ủy có khuyết điểm hay vì hoàn cảnh chiến trường gay go, chỉ biết rằng trận càn quét của quân đội viễn chinh đã vô tình “quét” luôn cả khoảng hai trăm dân chúng vô tội xuống truyền đài...Sau vụ đó, trung ương đảng bộ khai trừ thẳng tay vì huyện ủy của chúng ta vì lý do đã làm trái chủ trương trong thời gian của đảng và chính phủ. Chủ trương trong thời gian ấy là tiết kiệm máu. Làm đổ máu của những hơn hai trăm nhân mạng nhất là những nhân mạng ấy lại không phải là bộ đội, một lỗi không thể tha thứ được nói về phương diện trách nhiệm của một cán bộ đảng. Anh cán bộ bị khai trừ cũng không vừa, đồng chí định thảo đơn kiện trung ương đảng bộ Việt Nam tại phân bộ quốc tế đông phương, nhưng chắc cũng chẳng đi đến đâu nên đồng chí đành còm lưng làm cái công tác gánh thuốc lào kiếm ăn qua cơn thất nghiệp...chính trị tại một vùng đồi núi.

Gay gắt hơn nữa, vấn đề tư tưởng được tích cực chỉnh bị lại bằng cách thu hồi sổ lớn cán bộ trong đảng cũng như ngoài đảng đang hoạt động về nằm co một chỗ, anh nào phúc lớn thì được nằm co tại phòng tiếp tân của trung ương cơ quan mình, anh nào vô phúc thì xách ba lô đi tuốt vào...cải hối thất.

Cả hai thứ “Phòng” và “Trại” đều có mục đích chau dồi tư tưởng mới, lọc bỏ lỗi lầm cũ, nhưng ở Phòng thì còn danh còn nghĩa, chứ đến Trại thì thật là...tù.

Nhưng dù là ở Trại hay ở Phòng, hoặc còn là nhân viên hoạt động cũng đều phải hấp thụ tư tưởng mới, phải ươm tư tưởng mới từ miền Bắc bay qua biên giới, đó là tư tưởng Mao Trạch Đông, một tư tưởng Mác Á Đông Hóa. Dân Việt Nam từng hấp thụ văn hóa Khổng Tử và triết học từ bi của Đạo Phật, rồi gần đây lại Tây triết...tất cả những thứ “Triết” ấy đã được Việt Nam Hóa trên giải đất chữ S, tạo ra một hệ thống tâm lý mềm mỏng đầy tâm tình hòa nhã. Từ năm 1945, ngay lúc cách mạng bùng nổ, điểm tâm lý căn bản ấy của dân tộc đã ngăn trở bao nhiêu là đổ máu. Mặc dầu là cách mạng, sự đổ máu ở Việt Nam cũng không phải đáng nên so với các cuộc cách mạng trên thế giới, so với Ba Lê Công Xã, những vụ Bastille hay so với Pétrograd của Nga-la-tư mấy chục năm về trước. Ngay trong các cơ quan quân, dân, chính của Việt Minh, công tác chỉ huy lãnh đạo hoặc thừa hành vẫn đượm màu thuần túy dân tộc, trong các cơ quan, một tâm lý gia đình vẫn phảng phất, ngoài tình đồng chí, họ còn thương nhau như anh em thân thích...

Mùa Đông năm 1950, khi biên cương mở rộng đón mừng uy thế của Trung Cộng đã đón luôn cả tư tưởng Bác Mao, toàn thể thế giới đã thấy tòa án Trung Cộng liệt tội dâm đảng vào tội phản động hạng nhất nhì, liệt hành vi ăn tiêu xa xỉ vào loại đại hình (dĩ nhiên là dùng tiền túi để ăn tiêu xa xỉ) Toàn thể giới đã rõ Trung Cộng ở tài liệu “Tư tưởng Mao Trạch Đông” một tài liệu thuộc loại sách gối đầu giường của tất cả các đảng viên cộng sản không cứ ở Á Đông mà cả ở Âu Châu nữa Mao Trạch Đông nói: “Kẻ tư bản ví như con hổ mạnh trên núi Cảnh Dương mà chúng ta là vũ sĩ Võ Tòng, nếu Võ Tòng nổi tay không đánh mạnh và đánh cho thật chết thì con hổ cũng sẽ ăn thịt Võ Tòng” Tư bản đây là các nước mang danh nghĩa đế quốc, tư bản đây là những kỹ nghệ gia, thương gia, điền chủ, phú ông và tư bản đây cũng cả là những kẻ vô sản nhưng mang theo mọi tính tình tự cao tự đại, tự ái hay mang theo lòng yêu thương kiểu cổ, kiểu

Khổng Giáo, kiểu Thiên Chúa Giáo, kiểu Tư Sản... Còn chúng ta đây tức là những người đảng viên cộng sản, những người thân cộng sản...

Để làm điển hình cho phong trào trừng thanh nội bộ vụ án Trần Dụ Châu được thành hình. Trần Dụ Châu là cựu Thư Ký Hỏa Xa, đã giác ngộ theo phong trào cách mạng từ năm 1944, qua bao nhiêu thử thách, anh ta đã leo đến bậc thang danh vọng. Có uy tín trong đoàn thể cũng như ở chính quyền, anh đã giữ chức Tổng Giám Đốc một ngành cần thiết trong quân đội, anh đã được chính phủ cấp hàm Đại Tá. Trần Dụ Châu bị bắt chỉ vì đi dự bữa tiệc cưới của một nhân viên cấp Phòng. Tiệc cưới tốn kém vài chục con gà và hàng trăm ngọn nến, có thuốc lá ăng-lê và có cả rượu “Boócđô”...Lúc vào tiệc, một quan khách đã thốt ra những lời đơm mùi “đạo đức cách mạng” phê bình sự xa xỉ trong bữa tiệc, trong lúc toàn thể dân chúng và bộ đội ăn cháo, nằm gai nệm mật...Trần Dụ Châu, phần vì không biết quan khách đó là một nghị sĩ quốc hội, phần ngượng mặt vì những lời phê bình chua cay ngay giữa bữa tiệc, chẳng gì, trách nhiệm tinh thần vẫn là ở cấp phụ trách dù tiệc cưới đặt tại tư gia hay xa cơ quan hàng trăm cây số, nên đã thưởng cho vị quan khách vài cái tát tai nên thân...Bữa tiệc chưa tàn, người ta đã bắt ngay vị Đại Tá Giám Đốc đó để sau dăm hôm khẩu cung và điều tra thấy rằng Đại Tá đã có của riêng hàng trăm đô la Mỹ, hàng chục bộ quần áo ga-ba-đi-nơ hàng kết rượu mùi và hàng tút thuốc lá thơm và hàng tập ảnh...gái. Những tài liệu ấy tố cáo gì ở Đại Tá ? Nó tố cáo tư tưởng tư sản trụy lạc của một đảng viên trung cấp trong cộng sản, hành vi ăn cắp của một nhân viên cao cấp của chính quyền. Nó dán nhãn hiệu “tối phản động” lên thẳng người một vị Giám Đốc, nó dẫn đồng chí đảng viên lên đoạn đầu đài, vụ điển hình số một thuộc loại không tiết kiệm và ăn cắp của nhân dân. Lẽ dĩ nhiên, Trần Dụ Châu cũng lòi theo một số lớn cán bộ xa xỉ và ăn cắp vào Cải Hối Thất để giáo dục lại con người.

Về vấn đề tư tưởng, Trung Cộng đã thổi qua biên giới một luồng gió mới. Luồng gió làm rát mặt những người Việt Nam theo cụ Hồ chí Minh. Không nhận nó không được, đó là một đặc điểm của luồng gió ghê gớm ấy.

Nói đến chính trị, nội các Phạm văn Đồng chủ trương: Dự trữ lực lượng để chờ thời cơ. Muốn vậy, cộng sản phóng đại những thắng lợi của họ trên chiến trường Bắc Việt, đả phá tinh thần sợ Mỹ trong nhân dân, đả kích dữ dội chính phủ quốc gia do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo, nên ý thức căn bản: Vừa đánh giặc vừa bồi dưỡng và tích trữ lực lượng.

Nguyên văn bản báo cáo của Phạm văn Đồng dưới đây để cho mọi người rõ thâm ý của những người cộng sản:

“Những thất bại nặng nề của địch trên chiến trường Bắc Bộ làm địch lo ngại. Điều lo ngại đó đã phản ảnh trong dư luận các giới chính trị phản động ở Pháp và thế giới. Đứng trước tình hình này, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đối phó thế nào ?

Sức của Pháp có hạn, Mỹ lại giao cho Pháp nhiệm vụ quân sự khả năng trong khối gây chiến Tây Âu, thêm vào đó, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam mỗi ngày một lan rộng, lên cao nhất là sau thất bại hòa bình. Thế Pháp quẫn, Pháp luôn luôn chạy theo Mỹ để cầu cứu. Nhưng Mỹ cũng đang gặp khó khăn lớn về mọi mặt ở khắp nơi trên thế giới, sức lực Mỹ cũng có hạn.

Vì lẽ trên thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, một mặt bản thân tiếp tục cố gắng, một mặt tích cực và quyết liệt hơn nữa trong việc dùng nguy quân, nguy quyền trong việc thi hành chính sách dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Để thi hành chính sách ấy, chúng trọng dụng tên đại gian ác Nguyễn Văn Tâm cùng một bọn phản động lưu manh, khốn nạn nhất trong bè lũ tay sai của chúng. Bọn này không từ chối một tội ác nào trong việc bắt lính, để tăng cường nguy quân, cướp của để làm quỹ chiến tranh. Dùng vũ lực bắt lính không có kết quả, chúng dùng lừa phỉnh, mua chuộc. Chúng đặt lăm thứ thuế, nhiều nơi chúng thu ngược lại mấy năm trước (từ 1947) và thu thuế trước mấy năm tới. Đồng bào ta ở vùng tạm bị chiếm sẽ khổ cực thêm dưới gót sắt của địch và nguy. Nhưng sẽ thấy rõ thêm mặt thật Việt gian phản nước của chúng mặc dầu lời nói giả nhân giả nghĩa của chúng, mặc dầu cái trò “độc lập”, “dân chủ”, cải cách” của chúng. Đồng bào sẽ căm thù chúng hơn và đoàn kết kháng chiến này mà chúng ta đã thắng lợi lớn ở vùng sau lưng địch Liên Khu 3,

Trung Du, Bình-Trị-Thiên v.v... Đó là một cuộc thắng lợi lớn trong công tác duy trì và phát triển cuộc đấu tranh ở vùng sau lưng địch.

Địch cố gắng nhiều trong việc chia rẽ dân tộc, hòng phá hoại khối đoàn kết kháng chiến. Chúng dùng mọi thủ đoạn gian ác để dụ dỗ, lôi kéo đồng bào miền núi, đồng bào có đạo, tìm mọi sơ hở của ta để gây khó khăn cho ta. Nhưng chúng ta không để sơ hở. Chúng ta phải củng cố thêm khối đoàn kết toàn dân một cách thiết thực bằng việc làm, thắt chặt đoàn kết thân ái giữa đồng bào lương và đồng bào giáo, đồng bào miền xuôi và đồng bào miền núi.

Chúng tăng cường chiến tranh gián điệp, từ vùng tạm bị chiếm, vùng du kích đến vùng tự do. Để chống cuộc chiến tranh gián điệp này, chúng ta phải tỉnh táo hơn nữa. Phải phát huy lòng yêu nước và tính tích cực của quần chúng, chỉ có tai mắt của quần chúng mới có thể khám phá được tất cả những âm mưu xảo quyệt của kẻ gian làm tay sai cho địch.

Về mặt kinh tế tài chính, chúng vừa cướp vừa phá, nơi nào không cướp được thì phá đốt. Chúng dùng mọi cách để phá mùa màng, trâu bò, nhà cửa, cầu cống, đê đập v.v... điều đáng đặc biệt chú ý là gần đây địch tìm phá công trình thủy lợi của ta, vậy chúng ta phải chăm chú đề phòng mưu mô phá hoại của địch.

Đó là cuộc chiến tranh toàn diện mà địch đang thi hành để làm yếu sức kháng chiến của ta. Tất cả những điều trên chứng tỏ rõ rệt cho toàn thể đồng bào thấy: Địch càng thất bại thì càng tàn bạo hiển độc, cho nên cuộc kháng chiến của chúng ta phải trường kỳ và gian khổ trước khi đi đến thắng lợi cuối cùng.

Vậy chúng ta phải vừa đánh giặc vừa bồi dưỡng và tích trữ lương thực. Phải đánh giặc khắp mọi nơi, về mọi mặt, thu nhặt về mặt quân sự để tiêu diệt sinh lực địch, để địch yếu dần nhưng không quên đánh giặc về mặt chính trị, kinh tế, tài chính đồng thời phải bồi dưỡng và tích trữ lực lượng của ta về mọi mặt quân sự, chính trị, tư tưởng, kinh tế, tài chính.”

Việt Minh tranh thủ quần chúng cả ở vùng quốc gia kiểm soát. Nhiều cán bộ lén lút đi sâu vào vùng quốc gia tổ chức cơ sở, họ gây ảnh hưởng từng cá nhân và tuyên truyền không ngớt những thắng lợi bên ngoài của Việt Minh và vạch những sơ suất đào sâu nhược điểm của nền hành chính địa phương dưới sự lãnh đạo của chính phủ quốc gia.

Tận lực khai thác sức lao động để phục vụ kháng chiến, Việt Minh thi hành khẩu hiệu “Giảm chính và tăng hiệu xuất”

Giảm chính và tăng hiệu xuất!

Tất cả mọi cơ quan quân dân chính đều phải giảm chính.

Giảm chính để tăng cường đơn vị tác chiến, các cơ quan hành chính trong quân đội phải thu hẹp nhân số lại, phá tan hệ thống “bàn giấy” và tham mưu”.

Giảm chính để đỡ hao hụt ngân quỹ chính phủ, các cơ quan chuyên môn nói chung thuộc về chính quyền phải thải bớt nhân viên, thủ tiêu lề lối “tháng lĩnh lương, ngày vớ vẩn”...

Giảm chính để tiết kiệm sức lao động, các đoàn thể nhân dân phải thu hẹp số nhân viên bàn giấy để thừa người làm các công việc khác cần thiết hơn.

Giảm chính phải đi đôi với vấn đề Tăng Hiệu Xuất những người còn lại phải làm cả những việc của những người bị giảm chính nghĩa là làm gấp 2, gấp 5, gấp 10. Không làm được cũng phải cố mà làm, đó là một bốn phần mà đó cũng là một điều bắt buộc.

Số phận những người bị giảm chính ra sao ?

Dăm năm theo đuổi kháng chiến, nay phải vác ba lô từ biệt anh em, từ biệt cơ quan, không một nỗi niềm nào chua cay, bi đát hơn tâm tình họ lúc ấy. Về ư ? Về đâu ? Gia đình nếu gặp được là một chuyện may mắn, nếu không, hoàn cảnh có thể bày ra:

Một, có sức lực thì đầu quân.

Hai, không đầu quân được hay không muốn thì về tăng gia cày cuốc tại những vùng hẻo lánh, người nào may mắn có mẹ nuôi có cơ sở tăng gia sẵn sàng ở miền Đồng Bằng hay Trung Du là một điều phúc.

Ba, đi gõ đầu trẻ ở một thôn xã nào để hàng tháng kiếm gánh thóc nuôi sống thân cô.

Bốn, trở thành công nhân vận tải, có ít tiền dành dụm sắm một cái xe đạp tàng, xếp lên đó hàng tạ muối

và đẩy suốt từ miền xuôi lên miền ngược, qua rừng, qua núi, qua suối, qua khe, dầm mưa dãi nắng, làm mồ cho muối, cho vắt, để sau khi đổi lấy vỏ, lấy củ nâu, lấy nấm, lấy mật, lại xuôi từ đèo heo hút gió xuống tận một phố chợ gần “tề”.

Năm, nếu không muốn hoặc không có dư năng lực và nghị lực làm nổi bốn nghề nói trên, chỉ còn một cách là “dinh”. Dinh là vào Thành “Vào Thành” là một danh từ bi đát, một ý tưởng kinh khủng của những kẻ có lòng đã sống dăm năm với chính phủ cụ Hồ. Vì trong lưới tuyên truyền của Việt Minh, tất cả những kẻ không chịu sống trong vùng “tự do” mà trở về vùng “tạm bị chiếm” đều là các loại phản động, tất cả những cường quốc giúp chính phủ của Quốc Trưởng Bảo Đại đều là quân xâm lăng gớm ghiếc...

Tất cả các giác quan đều hấp thụ một lý luận, tâm lý bị hướng dẫn, những người bị giam chính chẳng khác chi đàn gà có được thả ra cũng vẫn quáng nếu đêm ngày toàn bị nhốt trong tối đen.

Người ta chỉ nghĩ đến về Thành khi nào cái thể của người ta là 9 phần chết 1 phần sống. Về Thành, theo quan niệm của những người bị giam chính là “chết cả thể xác lẫn tinh thần”, là hết, là mặc cho số phận và cho may, cho rủi. Đó là một điểm đặc biệt, một ưu điểm lớn trên mặt trận chiến tranh tâm lý của chính phủ Việt Minh. Người ta đã thấy những cặp vợ chồng cương quyết chia rẽ nhau vì lẽ chồng cam chịu đi công nhân vận tải, vợ quay trở lại Đô Thành và ngược lại, vợ cam chịu sống hiu quạnh với quán nước bên đường, chồng lạnh lùng đi thẳng vào Tề. Những cảnh ấy là kết quả của chính sách giáo dục Việt Minh.

Mùa Thu năm 1950, chính phủ Việt Minh mở trận đánh lớn vào khu Cao-Bắc-Lạng, tình thế quân sự Bắc Việt khẩn trương, phe quốc gia mất vùng biên giới. Thắng lợi của Việt Minh đã làm chấn động dư luận hoàn cầu. Thi đua với chiến dịch biên giới, quân kháng chiến Trung Bộ đánh đắm một chiến hạm của thế giới tự do chở quân sang giúp chính phủ Lý Thừa Vãn...Tất cả đã đánh một dấu phẩy chia giai đoạn cầm cự của Việt Minh ra làm đôi. Chính phủ cụ Hồ tuyên bố phần cuối của giai đoạn 2: Thời Gian Tích Cự Cầm Cự Chuẩn Bị Tổng Phán Công.

Tích cực cầm cự và chuẩn bị...! Tất cả lực lượng Việt Minh đổ dồn vào khẩu hiệu mới mẻ đó. Để lãnh đạo toàn thể dân chúng một cách chắc chắn hơn, hợp thời hơn, tháng 3 năm 1951, mặt trận Việt Minh và Liên Việt tuyên bố sát nhập làm một dưới danh từ Ủy Ban Liên Việt Toàn Quốc. Đó là mặt trận dân tộc thống nhất dưới quyền một chủ tịch cụ Tôn đức Thắng, người cựu lính thủy trong Hải Quân Pháp kiêm trưởng ban thường trực quốc hội.

Giúp việc chủ tịch Tôn đức Thắng có 3 phó chủ tịch:

- Linh Mục Phạm Bá Trực, đại biểu Công Giáo.
- Hoàng quốc Việt, kiêm chủ tịch tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- Bác Sĩ Lê Đình Thám, kiêm chủ tịch ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam.

Ngoài chủ tịch và 3 phó chủ tịch còn thêm 2 ủy viên: Chu văn Tấn. Đại diện dân tộc thiểu số kiêm chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính liên khu Việt Bắc, kiêm chánh án tòa án quân sự toàn quốc và cụ già Thy Sơn, ông lão râu tóc bạc phơ có phong độ một nhà nho thuần túy.

Ủy ban liên việt toàn quốc thu thập hết sức rộng rãi các tầng lớp nhân dân, mục đích chính là vơ vét thật cận kề giai cấp trí thức và quan lại lưng chừng. Đó là một hình thức tổng thu những cá nhân lẻ loi, những xu hướng phát phơ ngoài lề cuộc kháng chiến, thống nhất lại để chịu dưới quyền một đảng: Đảng lao động Việt Nam.

Trong vùng việt cộng, vấn đề kinh tế tài chính hết sức gay go nguy ngập, do đây Việt Minh phải cố gắng phát triển tiềm lực kinh tế của nhân dân. Hệ thống mậu dịch rất nghèo nàn vì Việt Minh dùng mọi phương pháp, thủ đoạn để thủ tiêu quyền tự do mậu dịch.

Theo cộng sản, tự do thương mại có nghĩa là tự do ăn cắp. Từ ngày kháng chiến, một số lớn dân chúng tản cư sống bằng buôn bán. Nhờ buôn bán, số lớn đồng bào đã nuôi sống được gia đình trong những ngày điêu linh khổ sở. Nền thương mại rất lưu động vì phải tránh máy bay, tránh mặt trận. Một phần dân chúng cũng nhờ tản cư đi buôn mà trở nên giàu có. Tuy vậy, hình thức thương mại thật nghèo nàn, ngoài cách mở quán hàng ăn, giải khát, ai biết nghề thì hoặc chữa đồng hồ, hoặc chữa xe đạp, hoặc làm thợ cắt tóc còn toàn là loanh quanh với quán hàng tạp hóa với những thứ hàng “ngoại hóa” lén lút. Còn một hình thức

thương mại tại vùng đồi núi nữa là buôn măng, mộc nhĩ, nấm hương, tre nứa lá, những lâm sản. Muốn buôn những thứ này, dân chúng phải qua ty kinh tế và xông pha vào thâm sơn cùng cốc mới hy vọng có lời có lãi. Hình thức thương mại đã nghèo nàn nhưng chính sách của đảng lao động là muốn “ỷ lao động hóa” con người, ép con người vào công việc tăng gia sản xuất, theo tôn chỉ của đảng, như vậy mới có tiến bộ...

Muốn tiêu diệt dần dần các con buôn, chính phủ bắn một phát đạn thẳng vào túi tiền của những người ưa buôn bán: Đó là thuế công thương nghiệp.

Kinh tế tự do mất đi kinh tế chỉ huy tiến. Ngoài những xưởng giấy, xưởng dệt, xưởng ép dầu của các đoàn thể dân chúng quan quản, kỹ nghệ quốc phòng được mở mang theo mức độ kháng chiến, Việt Minh đã phát triển công việc làm mìn, làm đạn, moóc-ti-ê, làm súng đại bác không giật (SKZ) v.v...

Để điều hòa nền kinh tế chỉ huy, để kịp thời sử dụng hàng hóa và vũ khí, Việt Minh tích cực tổ chức công tác giao thông vận tải. Yếu tố chính của vấn đề vận tải là nhân lực. Trên đường trường xa thăm xuất hiện loại xe đạp buộc thêm vài cây tre, chở lạc, chở trà, chở củ nâu, chở giấy má... Đường xá bắt đầu được sửa chữa để dùng cho từng đoàn Molotova do Trung Cộng viện trợ. Công việc sửa đường và làm cầu cống hoàn toàn do dân chúng tự tạo. Phòng dân công thành lập tại khắp nơi. Lại một lần nữa Việt Minh động viên dân chúng để phục vụ kháng chiến. Hàng đoàn người, già, trẻ, trai, gái, cơm nắm, áo ôm, đêm đêm xẻng cuốc đắp đường, dẫu trong mưa hay trong bão. Sức lao động con người được thúc đẩy dùng đến mức độ cao nhất. Những con đường dài dặc, ngày hôm qua còn lồi lõm, còn bị cắt xẻ do chiến thuật của giai đoạn kháng chiến, ngày hôm nay đã gọn gàng bình thản lượn quanh đồng ruộng, lượn vòng sườn núi không còn dấu vết của chiến tranh.

Đường giao thông vận tải lớn là những mạch máu chính của cuộc chiến tranh tối tân, là yếu tố mấu chốt của vấn đề phân phối nhu cầu. Bởi lẽ đó nên quân đội Võ nguyên Giáp đặt nan đề giao thông chiến là một việc quan trọng. Hình thái chiến tranh đã thay đổi, đường vận tải lớn trước kia chỉ cần thiết riêng cho Bộ Tư Lệnh Pháp ngày nay cũng trở nên vấn đề sinh tử đối với bộ tư lệnh Việt Minh.

Hiếu như vậy, các cán bộ dân công hết sức thúc đẩy dân chúng đắp đường cho nhanh, xẻ núi cho mau và cũng vì vậy Bộ Tư Lệnh Pháp cố tình phá diệt đường xá, bắn giết đám dân công vô tội. Hàng chuỗi bom được đoàn phi cơ chiến thuật rắc dọc khắp nẻo đường, hàng tràng đại bác 20 ly tưới xuống ven đường, bờ ruộng, mỗi bóng người cầm quốc xẻng, mỗi bóng người nhấp nhô là mỗi tràng đạn nổ rầm trời.

Những đám dân công làm trong đêm tối siêng năng và quả quyết. Nếu nói về kết quả việc làm của họ đã đem lại ý nghĩa phản quốc gia theo quan niệm của những người quốc gia thuần túy vì lẽ họ đã mang sức lực ra giúp Việt Minh, thì hỏi về tinh thần làm việc của họ, phải công nhận họ xứng đáng là những người con quý của dân tộc Việt Nam. Dưới đường lối tuyên truyền của Việt Minh, họ chỉ biết đắp đường là yêu nước. Cử chỉ của họ đã lộ rõ tâm tình đối với quốc gia dân tộc, và tất cả những người có ý thức đều phải nghiêng mình trước những sự hy sinh của họ dưới làn mưa đạn của không quân.

Song song với công tác đắp đường, ngành không và ngành thủy cũng được xây dựng. Phòng không quân bắt đầu tuyển mộ đào tạo sĩ quan các loại: Hoa tiêu, cơ khí... Phòng thủy vận tập trung vào những khả năng chuyên môn, tổ chức việc vận tải trên Lô Giang, trên các giòng suối rộng tổ chức thương thuyền vận tải ở bờ bể Trung Việt và tất cả các triền sông chưa bị vùng quốc gia kiểm soát.

Chính sách kinh tế tài chính của Việt Minh gồm mấy điểm lớn:

- Sản xuất tiết kiệm
- Thăng bằng chi thu
- Lũng đoạn kinh tế vùng quốc gia kiểm soát.

Để tránh nạn đói, Việt Minh hô hào dân chúng tăng gia sản xuất. Trước hội nghị cán bộ chính quyền tháng 3 năm 1951, Chủ tịch Hồ chí Minh lên tiếng phát động phong trào sản xuất và tiết kiệm. Sản xuất đi đôi với tiết kiệm, đó là khẩu hiệu chính mà toàn thể dân chúng đều phải thực hiện.

Từ cuối năm 1951, đảng lao động Việt Nam đã tung ra khẩu hiệu “Tự Cấp-Tự Túc”. Những xưởng cán bông, dệt vải, seo giấy mọc lên như nấm.

Giấy: Các cơ quan nói chung từ trên xuống dưới đều phải dùng thứ giấy chế bằng dó, bằng giang.

Bông: Một chương trình trồng bông được đại dân chúng hóa mỗi nhà đều phải tiến tới giống một sào bông. Giá một ký-lô bông được nâng cao hơn giá thóc để khuyến khích. Những cá nhân giống bông nhiều, có kết quả tốt ở những khu đất do họ tự vỡ lấy sẽ được thưởng, hoặc giấy khen, hoặc tuyên dương làm chiến sĩ thi đua, chiến sĩ lao động trên mặt báo...

Mỗi gia đình cũng như mỗi cơ quan, mỗi cơ quan, mỗi đơn vị phải có chương trình sản xuất riêng: Bao nhiêu luống khoai, luống cà chua, luống rau, tăng gia bao nhiêu gia súc, đào bao nhiêu ao, thả bao nhiêu cá v.v... Để ngăn ngừa tâm lý hoang phí khi thu được nhiều kết quả do chính sách mới để ra, đảng lao động Việt Nam đã gắn liền hai chữ Sản Xuất danh từ Tiết Kiệm. Sản xuất nhiều nhưng khi có kết quả không được hoang phí, chính sách ấy có nghĩa là những thứ sản xuất được sẽ để vào kho. Chuẩn bị cho thời gian tổng phản công.

Tiếp theo chính sách sản xuất tiết kiệm, chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa bắt đầu ca tụng một thứ thuế mới: Thuế nông nghiệp. Thuế nông nghiệp là một thứ thuế theo kinh nghiệm của đảng cộng sản Trung Hoa để nuôi Hồng Quân trong sự nghiệp lập các Khu Độc Lập trong khi chiến đấu với chính phủ của Trung Hoa Dân Quốc.

Các cán bộ thuế nông nghiệp giải thích đó là một thứ thuế dân chủ nhất đánh theo năng lực sản xuất của người dân, tính theo tỷ lệ của hoa màu và lấy thóc làm đơn vị của thuế. Thuế nông nghiệp tượng trưng một thứ thuế "xây dựng" một thứ thuế dành ưu thế chính trị cho nông dân, theo quan niệm của cộng sản.

Nhưng thực tế, thuế nông nghiệp cũng chưa thu đủ số dự trù cho ngân sách dù trong khi thừa hành nhiệm vụ, một số cán bộ thuế nông nghiệp đã dùng chính sách áp bức dân chúng.

Việc thu thuế rất nặng làm nhân dân vô cùng ta thán khiến cho Phạm văn Đồng phải sửa đổi ít nhiều để ve vãn lòng dân hòng thu được nhiều hơn nữa.

Trong bản báo cáo tường trình tình hình nông nghiệp họ Phạm đã đề nghị một chủ trương mới trước hội đồng chính phủ như sau:

"Khuyết điểm về thuế nông nghiệp 1951 là ở chỗ điều tra định sản có nơi quá thấp, nguyên nhân là vì một số người phụ trách không chịu thật chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến, cùng nhân dân bàn bạc để điều tra định sản cho đúng.

Điều tra định sản nói chung là thấp, nhưng không phải thấy đều nhau, nghĩa là có người vừa hay là cao một chút cho nên họ kêu nặng và bị nặng thật, hoặc tương đối nặng so với nhiều người khác nhẹ (số người được nhẹ lại thường là người có nhiều ruộng và ruộng tốt). Nhân dân thường nói: "Không sợ đóng thuế, chỉ sợ không công bằng".

Điều tra định sản thường phải làm đi làm lại, làm phiền nhân dân rất nhiều, lại gây trở ngại đến công tác khác như thế là không hợp lý. Nhân dân thường nói: "Làm sao tính cho đúng và đóng một lần".

Một điều cốt yếu trong thuế nông nghiệp là phải đi tới cố định sản lượng, và công bố cho nhân dân để nhân dân yên tâm sản xuất, ra sức tăng năng xuất. Có như thế mới thực sự khuyến khích sản xuất. Nhưng việc cố định sản lượng này trong vụ thuế nông nghiệp 1951, chưa làm được. Chúng ta phải kịp thời học hỏi kinh nghiệm sửa chữa khuyết điểm để hoàn thành nhiệm vụ thuế nông nghiệp 1952.

Căn cứ công tác thuế nông nghiệp 1951, hội đồng chính phủ đã xét lại điều lệ thuế nông nghiệp và quyết định thay đổi mấy điều nhằm mục đích giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân giảm nhẹ sự đóng góp ở vùng căn cứ du kích, quy định việc miễn và giảm thuế đúng mức lúc mùa màng của nhân dân gặp tai nạn bất thường.

Điều đáng nêu nhất là việc nâng khối điểm đánh thuế từ 61 ký-lô lên 71 ký-lô, đồng thời hạ thấp thuế xuất từ 6% xuống 5% như thế để miễn thuế thêm cho một số nông hộ nghèo, đồng thời giảm nhẹ chút ít cho mọi người.

Kinh nghiệm công tác thuế nông nghiệp 1951 chứng tỏ rằng chính sách thuế nông nghiệp của chính phủ đã hợp với sức đóng góp của nhân dân. Nếu điều tra định sản đúng, thì số thu là 20% tổng số thu hoạch của nhân dân do 90% nông hộ đóng thuế.

Để kháng chiến dành độc lập, mưu ích lợi cho nhân dân, chính phủ phải thu thuế nhưng chỉ thu vừa đúng

sức đóng góp của nhân dân. Thực là một trời một vực so với số thuế bằng 50% tổng số thu hoạch mà nhân dân các nước đế quốc cho bọn cầm quyền để chúng áp bức nhân dân và chuẩn bị chiến tranh”.

Mặc dầu cố đánh thuế nông nghiệp, cố tăng gia, cố tiết kiệm, Việt Minh cũng không thu được đủ chi phí cho chiến tranh cho nên Việt Minh cố gắng thực hiện thăng bằng chi thu của nền tài chính Việt Minh hiện tại:

“Thuế nông nghiệp 1951 thu dưới mức. Thuế công thương nghiệp từ đầu năm đến nay cũng thu dưới mức. Thuế công thương nghiệp từ đầu năm đến nay cũng thu dưới mức. Tuy rằng mức ấy còn thấp đối với khả năng thực tế. Cho nên việc thực hiện thăng bằng thu chi, thăng bằng ngân sách mà chính phủ đã quyết định sẽ gặp khó khăn. Vậy chúng ta phải coi trọng và cố gắng nhiều hơn nữa trong công tác này.

Năm 1951, chúng ta chủ trương tăng thu giảm chi, thống nhất quản lý tài chính, giảm dần việc phát hành để chi tiêu, làm như vậy chúng ta nhằm mục đích: Ổn định vật giá, ổn định thị trường, tạo điều kiện phát triển sản xuất, buôn bán phát triển nền kinh tế chung đồng thời phát triển công tác đấu tranh kinh tế với địch và mâu dịch với các nước bạn.

Trong năm 1951, công tác tài chính này đã thu được ít nhiều kết quả, cho đến đầu năm 1952, chúng ta đề ra kế hoạch Sản Xuất và Tiết Kiệm đồng thời chúng ta ra sức Tăng Thu Giảm Chi, tiến tới thực hiện Thăng Bằng Thu Chi, quyết tránh phát hành để chi tiêu, tạo điều kiện thật thuận lợi cho công tác sản xuất và tiết kiệm.

Sáu tháng đã qua, những công tác của chúng ta chưa tiến bộ mấy. Chúng ta thu không đủ số dự trù trong ngân sách về thuế nông nghiệp và thuế công thương nghiệp. Chúng ta chưa nhận thấy đầy đủ sự quan hệ mật thiết giữa công tác thăng bằng thu chi với công tác sản xuất và tiết kiệm. Thậm chí có nơi chỉ lo công tác sau mà sao lãng công tác trước. Như thế khác nào đặt cái cây trước con trâu. Như thế là chưa hiểu, chưa nắm toàn bộ công tác kinh tế tài chính trong đó khó khăn chính hiện nay vẫn là công tác tài chính: Thực hiện thăng bằng thu chi.

Chừng nào chúng ta chưa thực hiện được thăng bằng thu chi nghĩa là còn phải phát hành để chi tiêu thì chúng ta chưa ổn định được vật giá, chưa ổn định thị trường, thì nhân dân chưa mạnh bạo sản xuất và buôn bán, thì việc phát triển kinh tế còn gặp khó khăn. Đó là chưa kể còn phát hành để chi tiêu thì giá sinh hoạt vẫn còn lên mãi, làm thiệt hại đến đời sống của nhân dân, nhất là tầng lớp cần lao, bộ đội, cán bộ, công chức, những người nhờ lương tháng để sống.

Để thực hiện thăng bằng thu chi, để củng cố giá trị đồng bạc của ta, củng cố nền tài chính quốc gia, chỉ trên nền tảng đó, chúng ta mới thực sự cải thiện đời sống nhân dân phát triển nền kinh tế quốc gia”.

Một chiến thuật nữa trong mặt trận kinh tế của Việt Minh là cố làm lũng đoạn nền kinh tế vùng quốc gia kiểm soát. Muốn phá chính sách Bồi Thổ của Quốc Trưởng Bảo Đại, Việt Minh mở rộng vòng đai sắt, để mặc cho những nhân viên bị giảm chính tự do trở về vùng quốc gia kiểm soát, gây nạn thất nghiệp, tung cán bộ công đoàn vào các xí nghiệp, xưởng máy trong vùng quốc gia hoạt động, tranh đấu, bãi công, đòi tăng lương, gây mâu thuẫn, ly gián chủ và thợ, cấp giấy tờ đi lại cho con buôn len lỏi vào liên lạc với một số thương gia háms lợi hoặc Việt Nam hoặc Trung Hoa, chuyên chở lén lút thuốc men, các chất hóa học, máy thu thanh, máy chữ, vật liệu văn phòng... Để triệt lương thực vùng quốc gia, Việt Minh tổ chức bao vây kinh tế, cấm ngặt việc đem ngũ cốc, trâu bò về vùng quốc gia, cấm ngặt việc chuyên chở ngoại hóa và xa xỉ phẩm ra vùng thuộc họ kiểm soát. Ngoài những hoạt động trên, Việt Minh còn tích cực tổ chức bán Công Phiếu Kháng Chiến trong vùng thành thị, bí mật đánh thuế những thuyền bè, xe cộ vận tải qua vùng họ kiểm soát. Những hoạt động này cũng thu được khá nhiều kết quả.

Sau trận đánh thăng vào đầu não Việt Minh năm 1947 (Opération LEA, Lạng Sơn-Cao Bằng-Bắc Kạn-Thái Nguyên-Tuyên Quang), lực lượng quân sự của Việt Minh tuy bị thất tán nhưng chủ lực không bị tiêu diệt. Sau một cuộc hội nghị tranh luận gay go, Việt Minh quyết định chuyển cuộc chiến đấu sang một giai đoạn mới: Giai Đoạn Cầm Cự

Giai đoạn này chủ trương xây dựng lực lượng, phát triển chiến tranh du kích.

Xây dựng lực lượng là tăng cường quân đội chính quy, lấy đơn vị sư đoàn làm chính. Năm 1948-1949,

đại hội chủ lực 308 được thành lập gồm một số trung đoàn thiện chiến. Sư đoàn tinh nhuệ này do Đại Tá Vương thừa Vũ chỉ huy. Là một cán bộ quân sự cao cấp của Việt Minh, Vương thừa Vũ đã từng học ở Trường Võ Bị Hoàng Phố (Trung Hoa), đã chỉ huy bộ đội chiến đấu ở Hà Nội và Khu Bình-Trị-Thiên (Trung Việt) năm 1948.

Cuối 1949, các đại đoàn khác lần lượt được tập hợp như đại đoàn 304 dưới quyền Đại Tá Hoàng minh Thảo, một đại đoàn trưởng trẻ và đầy tương lai của Việt Minh, đại đoàn 312 dưới quyền Đại Tá Lê trọng Tấn, đại đoàn 316 dưới quyền Đại Tá Cao văn Khánh, đại đoàn 320 dưới quyền Thiếu Tướng Văn tiến Dũng, nguyên cục trưởng cục chính trị của bộ tổng tư lệnh quân đội Việt Minh và đại đoàn 351 là đại đoàn pháo binh dưới quyền Thiếu Tướng Trần đại Nghĩa nguyên cục trưởng cục quân giới Việt Minh.

Quân đội chính quy Việt Minh giữ nhiệm vụ vận động chiến. Để phát triển du kích, Việt Minh liên hợp các Khu nhỏ thành các Liên Khu kháng chiến như:

- Liên Khu Việt Bắc gồm Khu 1, Khu 10, Khu 12 cũ (Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang).

- Liên Khu 3 gồm Khu 2 và Khu 11 cũ (Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hòa Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Kiến An, Thái Bình, Quảng Yên, Hòn Gay, Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây).

Liên Khu 4 và Liên Khu 5 là Trung Việt v.v...

Mỗi Liên Khu có một liên khu trưởng chỉ huy và có các trung đoàn gọi là chủ lực khu, dưới có các tỉnh đoàn dân quân du kích.

Nói đến sự tiến bộ trong vùng Việt Minh là phải nói đến phương diện quân sự.

Phương châm “Huấn luyện trọng hơn tác chiến” đề cao việc huấn luyện binh sĩ trong giai đoạn. Nếu tinh thần chiến đấu là điều tối cần trong giai đoạn phòng ngự thì vấn đề kỹ thuật tác chiến lại là một việc hệ trọng trong giai đoạn cầm cự với chiến thuật “vận động chiến là chính và du kích chiến là phụ”.

Các trường quân sự được mở liên tiếp ở khắp nơi:

- Trường trung cấp quân sự huấn luyện các cán bộ tiểu đoàn và trung đoàn do Thiếu Tướng Trần tử Bình và Thiếu Tướng Lê thiết Hùng làm giám đốc, có giáo sư Trung Cộng huấn luyện (học ở bên kia biên giới). Các cán bộ trung cấp được chau dồi về kỹ thuật chỉ huy, nghiên cứu học tập chiến thuật của Đại Tướng Trung Cộng chỉ huy Đệ Bát Lộ Quân Lâm Bưu. Học tập quan niệm chiến tranh của một nước lạc hậu chống quân đội tối tân của một cường quốc, học sử dụng vũ khí mới. Về chính trị, các cán bộ phải học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, phương thức lãnh đạo quân đội chiến đấu, phương pháp vận dụng tinh thần binh sĩ... Tất cả các cán bộ lần lượt thay phiên mà đi học, hết khóa nọ đến khóa kia mỗi khóa chừng 50 cán bộ.

- Trường sơ cấp huấn luyện các cán bộ trung đội và đại đội, đôi khi nhận cả cấp tiểu đội nếu có đủ khả năng và có triển vọng về quân sự.

Ngoài hai loại trường trên, Việt Minh còn mở rất nhiều lớp võ bị địa phương huấn luyện ngay tại các đại đoàn, khu hoặc trung đoàn, tỉnh đoàn

Tất cả mọi lớp huấn luyện đều phải thuộc dưới quyền kiểm soát của quân huấn cục về mặt chuyên môn và tổ chức do cục trưởng Hoàng đạo Thúc, người Anh Cả của Hướng Đạo Việt Nam cũ, điều khiển.

Từ khi Võ nguyên Giáp trực tiếp giữ chức tổng tư lệnh, họ Võ đã thúc đẩy mạnh phong trào thi đua, rèn cán chỉnh quân năm 1949 ví như thời gian chuẩn bị nanh vuốt thu hình rình mồi của con hổ dữ.

Bước sang Thu-Đông 1950, bộ đội Việt Minh đưa nhau áp dụng những điều học được trên chiến trường Cao-Bắc-Lạng đợt 2.

Chiến dịch Cao-Bắc-Lạng là một đòn quyết liệt trong đó bộ đội của họ Võ tập trung gân sức. Tất cả các trung đoàn cứng, các đại đoàn có thành tích đều có mặt trong thời gian chiến dịch.

Ngoài việc thắng lợi, thu hồi khu biên cương trong tay quân đoàn Lê Dương anh dũng của Liên Hiệp Pháp, chiến dịch Cao-Bắc-Lạng để ra những trận Thất Khê, Khâu Luông, để ra những anh hùng trong quân đội Việt Minh như:

Trần Cừ, một thanh niên thuộc giai cấp tiểu tư sản thành thị, một đại đội trưởng trong trận Khâu Luông

đã dùng lưng bịt họng súng khẩu đại liên dùng mảnh của địch thủ để lấy đường xung phong cho bộ đội mình, thân nam nhi bị tung như xác pháo đã đem lại kết quả tiêu diệt được đồn.

La văn Cầu, một nông dân miền núi phụ trách ôm quả bom danh dự mở đầu cho chiến dịch đường số 4 đợt hai. Cử chỉ của La văn Cầu tượng trưng ý thức “vị đảng” bậc nhất trong bộ đội Việt Minh. Nói theo nhận định của những người quốc gia, cử chỉ ấy tố cáo một nấc độ cuồng tín tối cao của người lính cộng sản. Với chức vụ chỉ ngang với cấp Trung Sĩ trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam hiện nay, tiểu đội trưởng La văn Cầu, người thanh niên 19 tuổi đã lĩnh trách nhiệm ôm quả bom tiến trong lửa đạn với mục đích đem đặt tại một mục tiêu đã chỉ định... Một loạt đạn liên thanh tiến gậy cánh tay phải, trái bom chưa kịp đặt tới mục tiêu đã rơi xuống như một trái chín. Lặng lẽ quay trở lại, trong khói lửa, La văn Cầu điềm tĩnh khi gặp một trung đội trưởng đang tay gươm tay súng: “Anh cắt hộ em cánh tay vướng bận lưng lẳng này”, và một nhát kiếm lìa cánh tay vô dụng rơi như một chiếc lá lìa cành. Không đợi băng bó, người tiểu đội trưởng quay nhanh lại nhặt ôm trái bom bằng cánh tay còn lại thẳng tiến tới mục tiêu... Làm xong nhiệm vụ, để mặt trận bùng khói lửa sau quả bom tiên phong.

Những cử chỉ gương mẫu ấy được tuyên dương trước toàn thể quân đội Việt Minh và cũng là cái mốc thi đua trong thời gian lập công vĩ đại.

Muốn quân chủ lực khu tự nó đã có ý thức và kinh nghiệm chiến đấu. Bộ tổng tham mưu quân đội Việt Minh đề cao tổ chức dân quân toàn quốc. Những người “dân lính” ấy không phải là những người thoát ly gia đình, họ vừa làm ăn vừa tổ chức chiến đấu. Luôn luôn họ theo quân chủ lực để học hỏi kinh nghiệm ngoài tuyến tuyến. Trận đánh kết liễu họ lại quay về vừa cày ruộng vừa canh gác làng mạc thôn xóm. Họ là những người lính chính quy tương lai của quân đội Việt Minh.

Việt Minh tổ chức rộng rãi như vậy nên luôn luôn thiếu thốn cán bộ. Do đó khẩu hiệu mới nảy ra: “cán bộ quyết định tất cả”. Nói riêng trong quân lực, cán bộ là vấn đề tối quan trọng trong thời gian: Cán bộ phải chỉ huy những trận đánh bằng điện thoại bằng phương tiện tối tân vì chiến trường rộng rãi. Cán bộ phải biết sử dụng và chỉ huy trên mặt trận gồm đủ loại vũ khí tối tân, đại bác bắn vòng, đại bác bắn thẳng, súng cối nặng, nhẹ, đại liên, trung liên, đại bác không giật (SKZ), Bazooka v.v... Sau trận đánh, dù thua hay dù thắng, cán bộ phải đủ khả năng thu thập kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm phải nắm vững và phải phát triển tinh thần quân đội... nghĩa là đủ cả...

Với tất cả phương pháp nhồi sọ tối tân, Việt Minh đã biến bộ đội lạc hậu năm 1945 thành một quân đội khả dĩ ngang sức với quân đội một nước tối tân, có thể chống đỡ với quân đội Pháp không bị tiêu diệt trong chiến dịch Ondine 1 và 2 ở Hòa Bình, Sơn Tây, chiến dịch Pégase ở Hà Nam, Phủ Lý, chiến dịch Bastille ở Bắc Ninh, Junon ở Phát Diệm và Pomone ở Phú Thọ, Tuyên Quang, hơn nữa, Việt Minh còn dư sức chịu đựng hỏa lực vũ bão của quân đội tối tân Liên Hiệp Pháp trên chiến trường Vĩnh Phúc Yên và Nam Định, Ninh Bình 1960 dưới tài chỉ huy của vô địch tướng quân: Cố Thống Chế De Lattre de Tassigny.

Năm 1951, họ Võ được thêm vây cánh, hai ủy viên trung ương của đảng lao động được cử vào bộ tổng tư lệnh giúp việc dưới quyền Đại Tướng tổng tư lệnh, ba cơ quan chính tổng cục tham mưu, tổng cục chính trị và tổng cục hậu cần do ba nhân vật trực tiếp chỉ huy Trung Tướng Hoàng văn Thái, Nguyễn chí Thanh và Trần đăng Ninh.

Tổng cục trưởng tổng cục chính trị Nguyễn chí Thanh là một nhân vật cừ khôi, đã tham gia hoạt động cộng sản từ năm 16 tuổi, hãy còn trẻ chưa đầy 40 tuổi, từng làm chủ tịch kháng chiến hành chính Liên Khu 5 (Trung Việt). Dưới bàn tay họ Nguyễn, công tác chỉnh huấn trong bộ đội Việt Minh tiến một bước khá dài, về phương diện tác chiến, họ biến thành những người lính thích chết hơn chịu hàng, về phương diện đạo đức họ cảm hóa được lòng dân. Những sự ấm ức của người dân do những hành động áp bức, vô chính trị của loại cán bộ hành chính, kháng chiến gây ra đã nhờ đạo đức của người lính Vệ Quốc thuộc bộ tư Võ-Nguyễn-Hoàng-Trần làm cho êm dịu.

Thực hiện chánh sách “quân dân nhất trí”, người lính Việt Minh chiến đấu ở tuyến tuyến và giúp đỡ dân chúng hậu phương. Trong lúc nghỉ ngơi, họ học hỏi liên tiếp, cấy cày, quét tước, dọn dẹp cho dân

chúng, đào giếng, dựng nhà cho thôn xóm. Cử chỉ lễ độ của họ được nhào luyện thêm trong những lớp văn hóa sơ cấp bộ đội, lớp bổ túc văn hóa bộ đội. Tất cả sự tiến bộ của họ về mặt tinh thần đã là ưu điểm tuyệt đối của Việt Minh.

Để theo sát được sự tổ chức và phát triển quân lực về cả mặt tinh thần lẫn vật chất, tổng cục hậu cần của Trần đăng Ninh tích cực khẩn trương nhiệm vụ cơ quan mình phụ trách. việc mấu chốt là quân khí và quân lương. Trần đăng Ninh có nhiệm vụ trực tiếp giao thiệp với Trung Cộng trong vấn đề tiếp nhận vũ khí, thuốc men và gạo, dầu mỡ. Công nhân vận tải là một điều quan trọng, tuy vậy tổng cục hậu cần cũng đã tiến tới dùng được những phương tiện giao thông tân tiến như các loại xe cơ giới vận tải.

Đồng thời với sự viện trợ của Trung Cộng, kỹ nghệ quốc phòng mà Kỹ Sư Trần đại Nghĩa là một trong những người tiên phong về ngành này, đã ra công thiết lập các xưởng máy chế tạo và cải cách vũ khí hợp thời. Kỹ nghệ quốc phòng tiến một nhịp đều với giai đoạn chiến lược của quân đội Việt Minh.

Hãy nghe câu chuyện nhỏ giữa hai vị Tướng, ta cũng dự đoán được sự nghiên cứu vũ khí trong cơ quan quân giới của Việt Minh gắn liền với chính trị và giai đoạn chiến lược đến mực nào:

– Thiếu Tướng Trần Đại Nghĩa: “Anh có cần những loại vũ khí nặng, thật tối tân, có sức tàn phá ghê gớm hơn hẳn những loại mà quân sĩ của chúng ta đương sử dụng?”

– Tổng tham mưu trưởng: “Trong giai đoạn chúng ta cần loại dao để bổ cau chúng ta đánh dao bổ bưởi để làm gì?”

Bộ tham mưu quân khí Việt Minh đề ra SKZ không phải chỉ do tiêu chuẩn “tìm và phát minh loại vũ khí có sức công phá mạnh” mà chính do điều kiện cần thiết và thích hợp với chiến lược và chiến thuật trong giai đoạn: Tiết kiệm nhân công trong việc sử dụng vũ khí nặng. Ta đã thấy súng SKZ công phá không kém gì đại bác cỡ lớn cần phải đủ điều kiện: Xe cộ để vận tải, đường cái to để chuyên chở, chỗ rộng để đặt ụ súng. Đại bác cỡ lớn càng kênh bao nhiêu thì SKZ bé nhỏ và nhẹ nhàng bấy nhiêu. Vài chú lính bé nhỏ, cuốc bộ đủ chuyên chở được một khẩu SKZ trên bờ ruộng, trên sườn núi, trên khúc đường nhỏ ngoằn ngoèo, trong rừng rú. Rúc trong một bờ rậm cỏn con, SKZ vẫn có thể nhắm đạn dễ dàng, tránh chỗ này, quanh chỗ nọ, không quân đối phương khó lòng theo dõi được.

Sự thực vấn đề vũ khí từ năm 1947 Việt Minh vẫn thiếu thốn. Sang 1948, quân đội Võ nguyên Giáp đã tiến bộ về phương diện này và đã có vũ khí loại:

- Bazooka 60 ly, 75 ly.
- Sten
- Mousqueton 7 ly 7
- Đại liên 20 ly, 12 ly 7, 7 ly 7 (phòng không)
- Đại bác 20 ly, 57 ly.

Mỗi tiểu đoàn chính quy Việt Minh vũ trang như sau:

- 60 Pistolets automatiques
- 200 tiểu liên
- 300 súng trường
- 20 trung liên.
- 8 bích kích pháo
- 3 SKZ
- 6 đại liên
- 3 bazooka.

Tháng Giêng năm 1951, quân lực chính quy của Đại Tướng Việt Minh sử dụng 25.000 vũ khí đủ các loại, bộ đội địa phương sử dụng 10.000, dân quân du kích sử dụng 5.000, nhưng đến tháng Giêng 1952, số lượng vũ khí của bộ đội chính quy đã tăng lên 50.000, địa phương quân 16.000 và dân quân 12.000.

Với cái đà tiến bộ như vậy, quân đội Việt Minh đã tăng tiến một cách rất mau lẹ, không những đủ sử dụng trên khắp chiến trường Việt Nam mà còn đào tạo được vài đợt sĩ quan tưng sang đất Lào và Cao Mên để gây các khu du kích, giúp đỡ “quân đội giải phóng Neo Lạp Issara” và “quân đội giải phóng Khmer

Issarak”’.

Năm 1952, Việt Minh mở trận đánh lớn vào vùng Nghĩa Lộ, chiến dịch này đã giúp họ thu được phần lớn đất đai miền dân tộc thiểu số.

Bước sang giai đoạn Tích Cự Cầm Cự Chuẩn Bị Tổng Phán Công, Việt Minh đặc biệt chú ý đối với việc xây dựng lực lượng dự trữ và bồi dưỡng, Việt Minh sẽ ngã quy trước sức tiến triển của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam cộng với sức mạnh luôn tăng cường của quân đội Liên Hiệp Pháp và sự viện trợ tích cực của Hoa Kỳ.

Nghiên cứu bản nhận định tình hình quân sự của Phạm văn Đồng, ta sẽ thấy rõ đường lối chủ trương của bộ tham mưu Việt Minh trong giai đoạn mới:

“Sau mấy tháng chiến dịch Hòa Bình, tính rõ tổn hại của địch về mọi mặt quân sự, chính trị, chúng ta càng nhận thấy quân và dân ta đã thắng một trận lớn.

Sau khi bị đánh bại ở biên giới, địch bị hãm vào thế bị động, phòng ngự ở Bắc Bộ. Chúng ra sức xây dựng phòng tuyến củng cố hậu phương, chống đỡ các cuộc tiến công liên tiếp của ta, từ Trung Du xuống Đồng Bằng, đồng thời chúng ra sức chuẩn bị giành lại chủ động, tìm chỗ đánh ta, mong thu được một thắng lợi quan trọng để củng cố lại vị trí quân sự của chúng ở Bắc Bộ và gây ảnh hưởng chính trị.

Như thế, cuộc tiến công Hòa Bình của địch là một sự cố gắng có hệ thống, có kế hoạch của chúng từ cuối 1950 đến cuối 1951. Nhưng cuộc tấn công lớn ấy đã thất bại trong sự cố gắng trong kế hoạch giành lại chủ động ở Bắc Bộ.

Trận đại bại ở Hòa Bình chứng tỏ địch đã thua to, không những trên chiến trường Hòa Bình (trên sông Đà, đường số 6 và Hòa Bình) mà còn thua to ở khắp chiến trường Trung Du và Liên Khu 3. Phòng tuyến kiên cố của chúng không ngăn được quân chủ lực ta thâm nhập vào hậu phương chúng để cùng với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân đánh và thắng chúng liên tiếp, làm tan rã từng mảnh nguy quân, mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích, gây một phong trào kháng chiến sôi nổi trong lòng địch.

Cho nên ta đại thắng trận Hòa Bình, không những vì chủ lực ta đánh thắng địch trên mặt trận chính ở chiến trường Hòa Bình mà còn vì chiến tranh du kích phát triển mạnh ở sau lưng địch, ngày đêm uy hiếp địch, gây một mối lo ngại rất lớn cho địch, buộc địch phải rút khỏi Hòa Bình.

Đó là ý nghĩa chính trị, quân sự trên trận Hòa Bình

Địch rút Hòa Bình cốt để chống cuộc chiến tranh du kích đang phát triển sau lưng chúng. Từ đó đến nay, chúng tập trung lực lượng càn quét liên tiếp các vùng du kích và căn cứ du kích của ta ở hữu và tả ngạn sông Hồng Hà, ở Trung Du. Mục đích của địch là: Nếu không tiêu diệt được thì cố gắng dồn ép chủ lực của ta ra khỏi vùng sau lưng chúng, đánh phá lực lượng vũ trang địa phương, cơ sở nhân dân, phá hoại kinh tế, bắt người bắt lính, lập lại nguy quân nguy quyền. Tóm lại chúng cố gắng dồn ép chủ lực của ta ra khỏi vùng sau lưng chúng, đánh phá lực lượng vũ trang địa phương cơ sở nhân dân. Chúng cố gắng củng cố hậu phương của chúng ở Trung Du và Liên Khu 3 để giữ vị trí của chúng ở Bắc Bộ, đồng thời để cướp sức người sức của ở theo chính sách dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Để chống lại những cuộc càn quét ác liệt của địch, quân và dân ta ở sau lưng địch đã chiến đấu vô cùng anh dũng và đã thu được thắng lợi, cơ sở nhân dân được rèn luyện và củng cố, lực lượng vũ trang của địa phương đã lớn mạnh, các vùng du kích, căn cứ du kích nói chung đều giữ được, có nơi bị thu hẹp nhưng cũng có nơi mở rộng, nói chung đều được củng cố vững chắc hơn trước. Đó là những thắng lợi đáng kể, vì chúng ta đã giữ vững và phát triển chiến tranh du kích, chống càn quét thắng lợi trong vùng địch, nơi địch tập trung lực lượng tinh nhuệ của chúng và dùng mọi thủ đoạn tàn ác của cuộc chiến tranh toàn diện: Quân sự, kinh tế, chính trị, gián điệp.

Thắng lợi này là thắng lợi của chiến tranh nhân dân, đặc biệt ở các Tỉnh Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Hải Dương, Bắc Ninh v.v... Thắng lợi của đồng bào lương và giáo trước đây bị địch và nguy tàn sát, nay dũng cảm đứng lên đoàn kết chiến đấu chống địch bảo vệ quê hương, tài sản, tính mệnh, tôn giáo.

Đồng bào ở vùng sau lưng địch, Liên Khu 3 và Trung Du đã xứng đáng với tổ quốc, chính phủ thân ái gọi lời chào đồng bào, hoan nghênh tinh thần yêu nước, kháng chiến của gương đoàn kết kháng chiến đó.

Trên các chiến trường khác, từ Bình-Trị-Thiên qua miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ, quân và dân ta vô cùng phấn khởi với chiến thắng Hòa Bình, đã ra sức hưởng ứng với chiến trường chính, ra sức phát triển chiến tranh du kích, chống càn quét, chống kế hoạch bình định, chống chính sách của địch, dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Ở Bình-Trị-Thiên, đi đôi với phong trào du kích chiến tranh khá rộng, nhiều trận đánh tương đối lớn đã diễn ra tiêu diệt từng tiểu đoàn thiện chiến của địch, mở rộng và củng cố miền du kích và căn cứ du kích gây thêm khó khăn cho địch, gây lòng tin tưởng trong đồng bào.

Ở miền Nam Trung Bộ, chúng ta đã thành công phần nào trong việc phá âm mưu của địch, lợi dụng đồng bào Thượng Du ở Sơn Hạ, trong việc diệt một số vị trí địch, uy hiếp đồng bào vùng tự do. Chiến tranh du kích ở sau lưng địch phát triển nhất là ở cực Nam Trung Bộ.

Ăn nhịp với cuộc kháng chiến toàn quốc, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ mạnh dần lên, mặc dầu địch dùng mọi lực lượng, mọi thủ đoạn tàn ác để càn quét căn cứ địa của ta. Chia rẽ và mê hoặc đồng bào, ra sức bình định vùng tạm chiếm. Chiến tranh du kích phát triển ở nhiều nơi. Từ miền Đông sang miền Tây, chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương hoạt động ngày thêm mạnh, đánh lui mấy cuộc tấn công lớn của địch vào căn cứ của ta, chống càn quét thắng lợi ở nhiều nơi, đánh tiêu diệt ở một số vị trí của địch, thắng mấy trận giao thông chiến khá lớn.

Trong hoàn cảnh rất khó khăn ở Nam Bộ, đó là những thành tích kháng chiến đáng kể.

Tóm lại, nửa đầu năm 1952, cuộc kháng chiến của ta đã thu thắng lợi lớn trên chiến trường Bắc Bộ đồng thời chiến tranh du kích phát triển khắp mọi nơi”.

Xuân năm 1953, Việt Minh vùng đánh sang đất Ai Lao. Hành động ấy chứng tỏ sự lớn mạnh của quân đội Võ nguyên Giáp mặc dầu họ chưa thể tiến được về miền đồng bằng Bắc Việt và chưa làm cỏ được “Cánh Đồng Chum” đất Ai Lao. Trung Châu Bắc Việt và Thủ Đô Ai Lao chưa bị xâm phạm nhưng quân đội chính quy Việt Minh vẫn thắng lợi trong tiêu chuẩn hành binh của họ.

Ngoài những mục đích nói chung của các trận đánh, mỗi cuộc hành quân của Việt Minh đi sâu vào “hậu địch” đều có tính cách gây bấn cho những tổ chức dân quân du kích, thúc đẩy và làm tăng tinh thần của địa phương quân.

Điều tiến bộ của Việt Minh không phải là việc cố đóng ngay được lực lượng chính quy trên đất Lào, mà là sau trận đánh “rút kinh nghiệm ấy”, gây được thanh thế, ảnh hưởng... Quân đội Việt Minh đã rút lui để làm mọc rài rác trên đất Lào vô vàn những ổ du kích, những tổ dân quân địa phương và những tổ chức chính trị. Những ổ vi trùng này sẽ tự nhiên lớn dần và đến ngày nào đó sẽ được mang danh nghĩa quân đội chính quy với vũ khí hoặc là đánh cướp được, hoặc do cục quân giới tiếp vận cho. Bởi kinh nghiệm chiến trường già dặn, bởi sự thông hiểu địa hình, địa vật, những bộ đội chính quy ấy sẽ là những đơn vị vô cùng nguy hiểm mai sau.

Đứng về mặt quân lực, Việt Minh khá tiến bộ mới có thể khởi trận tấn công vào xứ Vạn Tượng, nhưng thực ra việc đó lại tố cáo nhiệm vụ quốc tế và sự lo âu của bộ tham mưu Việt Minh về vấn đề căn cứ địa. Nếu chiến tranh nóng bùng nổ giữa hai phe đối lập trên thế giới bao trùm vùng Đông Nam Á, thì rừng núi vùng Thượng Lào, miền Nam Vân Nam và miền Tây Bắc Việt sẽ là căn cứ địa chính của những lãnh tụ cộng sản hoạt động trong khu vực Bán Đảo Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện và Đông Dương. Nếu không sửa soạn vùng chiến lược sau này, Việt Minh lo sẽ có thể bị tan vỡ hoặc bị bao vây trong căn cứ địa nhỏ bé ở Việt Bắc hiện thời.

Vấn đề Văn Hóa-Xã Hội cũng được chú ý đặc biệt mặc dầu Việt Minh mắc bận nhiều ở tiền tuyến. Đặc biệt thứ nhất là sự hoạt động của Bình Dân Học Vụ. Theo báo cáo của đại hội Bình Dân Học Vụ năm 1952, toàn quốc đã có 14.000.000 người thoát nạn mù chữ. Những người đã qua lớp i, tờ nghĩa là đã đọc và viết được đều được tiếp tục theo các lớp bổ túc căn bản. Lớp bổ túc văn hóa mở ra cho nông dân theo học các buổi tối, khỏi làm mất thì giờ công tác tăng gia sản xuất.

Để thúc đẩy phong trào, ủy ban văn hóa trung ương do văn sĩ Hoài Thanh và thi sĩ Tố Hữu, hai cây bút cộng sản lãnh đạo, xúc tiến thi hành các đội “văn công” chuyên môn đi biểu diễn ca, nhạc kịch, trưng bày

triển lãnh tận cả nông thôn. Người nông dân là quen dần với những đường cong đơn giản của bản đồ Châu Âu, Châu Á, Việt Nam, quen dần với những chấm đen tượng trưng tỉnh thành của đất nước. Ngoài những bài địa dư, sử ký giản yếu đã khêu gợi ý thức của một người dân đối với giang sơn tổ quốc, những lớp bổ túc văn hóa đã dạy cho nông dân có ý thức về phương diện vật lý, vệ sinh. Tự họ đã đào giếng khơi ngòi, tự họ đã đắp đường xẻ rãnh, tự họ đã tiến bộ. Từng đội văn công lưu động khua chiêng đóng trống len lỏi không những tất cả làng mạc miền xuôi mà còn tiến cả vào những vùng đèo heo hút gió, leo qua núi qua khe, có mặt với những dân tộc Lô Lô, Mán sơn đầu, Mèo ở chót vót từng mây...

Một số các trường trung học được mở bên kia biên giới. Cả giáo sư lẫn học sinh đều “du học”. Chương trình giáo dục được thay đổi từng gốc rễ, lấy môn chính trị học làm đầu.

Học sinh, ngay từ tiểu học đã phải học “lao động”. Học sinh phải có một vườn rau riêng, tự lực trồng trọt trong giờ riêng quy định, trong những ngày chủ nhật hoặc thứ năm, học sinh phải tập hợp lũ lượt kéo nhau đi làm “công tác xã hội”. Đó là những việc linh tinh ở địa phương gần nơi học hoặc đào đất, khơi ngòi, xẻ rãnh, hoặc đắp lạch cho nước ở ao khơi tràn ra đường, hoặc tu sửa một nơi dùng làm phòng triển lãm văn hóa v.v... Những công tác xã hội ấy không bao giờ hết được. Có những em nhỏ một loạt chừng 8, 9 tuổi, dưới sự hướng dẫn của ông giáo trẻ phụ trách việc đắp những con đường nhỏ trong thôn xóm những buổi sớm ngày chủ nhật đẹp đẽ và hùng tráng dưới tia nắng nhẹ của mặt trời. Mỗi trẻ vác một cục đất vừa mới sức mình, ông giáo vác tảng đất to hơn, đàn kiến cần cù và vui vẻ ấy đã thu hút được lòng mến của những người khó tính nhất. Những kẻ bướng bỉnh nhất, những anh lười biếng nhất cũng bị lười mai kiêu tinh thần ấy bầy lên, tung lên và xô vào bánh xe lao động. Ngoài những công tác đó, học sinh đoàn còn đi bán công phiếu kháng chiến cho chính phủ, làm giúp các công việc cho các ủy ban hành chính kháng chiến.

Nền văn hóa dưới bàn tay Việt Minh đã có bộ mặt thay đổi. Từ trẻ nhỏ, đã tập dần để hiểu thế nào là sức lao động của con người, đã tập dần tự túc, tự sản xuất, tự kiến tạo và tiết kiệm. Tất cả những sách vở, văn chương đều bị kiểm soát ngặt nghèo và hướng dẫn trong một khuôn khổ. Người ta bắt đầu ca tụng những con người mới trong thời đại Staline, những vĩ nhân của chủ nghĩa vô sản, khoa triết học được xây dựng từ khởi điểm bằng tài liệu lịch sử nhân loại theo duy vật biện chứng pháp. Tất cả học sinh cũng như các nhân viên, cán bộ đều phải học lại hoặc bắt đầu học để hiểu rằng loài người là con cháu của loài khỉ, để hiểu rằng định luật kinh tế thô sơ đã đẻ ra xã hội bộ lạc, phong kiến đã đẻ ra xã hội tư bản và ngày nay, đoạn chót của tư bản, đế quốc, tiềm tàng mâu thuẫn đã tự tiêu diệt nhường chỗ cho một xã hội mới, xã hội cộng sản đang thành hình qua cái cầu chủ nghĩa xã hội. Khoa triết học duy vật biện chứng pháo ép học sinh vất bỏ tất cả mọi tư tưởng khác biệt, Einstein là ngõ ngách lạc hậu, Jean Jacques Rousseau là tự do vô tổ chức, Hegel là duy tâm, tôn giáo là ru ngủ, Barkeley là thầy đồ ngụ biện, cũng như Khổng Mạnh chỉ là những lão đồ gàn... Dưới mắt học sinh chỉ có Marx, Engel, Lenin, Staline và thật mới mẻ Mao Trạch Đông.

Một số các cán bộ cao cấp và sinh viên được gửi đi học các ngành tại Prague, tại Varsovie (Đông Âu) học về nghề hỏa xa, nghề điện, nghề công an, kỹ thuật máy móc, một số được theo học trường Mã-Lê học hiệu ở Trung Cộng...

Trên thượng tầng, những anh linh loại văn hóa: Hoài Thanh, Tố Hữu, Nguyễn đình Thi, Xuân Thủy, loại chuyên môn: Bác Sĩ Tôn Thất Tùng và một số kỹ sư đưa nhau làm trưởng phái đoàn đi ngoại quốc thu thập bước tiến của “nhân loại văn minh”.

Dưới hạ tầng, dân chúng đưa nhau đón tiếp những điều mới lạ. một đặc điểm mạnh dạn nhất là phong trào Nhảy toàn thể dân chúng, nông dân, công nhân, học sinh, nhân viên, các bộ mọi ngành, già trẻ trai gái đều đua nhau nhảy “Ương Ca” một điệu nhảy từ Trung Cộng nhảy sang (và có lẽ nó cũng đã nhảy lung tung từ Nga Sô đến tất cả các nước “Tân dân chủ” trong sợi giây truyền cộng sản)... Vũ khúc Ương Ca bắt nhịp theo các bài hát có nhạc điệu Trung Hoa. Bài hát ca tụng Mao Chủ Tịch là một bài hát được đại chúng hóa không những ở Trung Hoa mà cả ở vùng Việt Minh, đâu đâu cũng thấy:

Đông Phương hồng, Mặt trời lên Trung Hoa chúng ta có ông Mao Trạch Đông...

“Trung Hoa chúng ta có ông Mao Trạch Đông”, câu đó làm người ta nhớ lại những ngày nào, dưới thời

Pháp thuộc, trẻ nhỏ Việt Nam gào trên ghế nhà trường bài Sử Ký nhập trường: “Tổ tiên chúng ta là người Gô loa...(nos ancêtres snt des Gaulois)”.

Những nông dân chất phác, vô học từ hàng thế kỷ nay, bỗng được học văn hóa mới, học nhảy, thay đổi điệu hát cổ truyền trước mắt họ chỉ còn màu đỏ của Nga Sô của Trung Cộng, tai họ chỉ nghe những mẫu chuyện ở “Thành phố Hoa-Đồng”, những thiên “anh hùng ca” từ Bình Nhưỡng bay đến, hòa hợp với các bản nhạc kháng chiến đầm máu của dân tộc Việt Nam họ đã biến dần thành những người cuồng tín, xả thân vì văn hóa mới, vì tư tưởng mới, vì chính phủ, vì đảng...

Hệ thống Dân Y phát triển đều với hệ thống quân y. Phụ nữ tham gia khoa dược học rất nhiều. Từ 1949, bộ y tế đã liên tiếp mở nhiều khoa y tá, cứu thương cho ngành dân y. Mỗi tỉnh lớn đều có một Bác Sĩ phụ trách. Vì thiếu Bác Sĩ, Việt Minh đã phải cố gắng đào tạo những y sĩ trẻ mới.

Nhưng công tác Dân Y tiến bộ rất chậm chạp vì vấn đề bào chế và giao thông. Những xưởng bào chế tuy được hết sức mở mang nhưng vì thiếu máy móc tinh xảo tối tân nên không thể sản xuất đủ cho dân chúng dùng. Do tính cách thủ công nghiệp của phương pháp bào chế nên thường thường các phẩm, lượng của thuốc lúc hơn lúc kém, tùy theo thời gian, theo địa phương, ví dụ: Phòng bào chế tại Liên Khu Việt Bắc. Vì lý do ở miền đồng bằng những dược phẩm cần thiết để bào chế dễ dàng được cung cấp hơn ở vùng đồi núi.

Vấn đề giao thông cũng là một trở lực mạnh. Đứng về địa vị “cung”, lượng của dược phẩm không được phân phát đều cho các phòng bào chế tản mác trong toàn quốc, cho nên có nơi thuốc rẻ có nơi thuốc đắt, dân chúng càng ở xa phòng bào chế càng chịu cảnh ít thuốc và thuốc đắt. Nói về phương diện “cầu” dân chúng tuy được giáo dục qua về ý thức dùng thuốc Âu, Mỹ, nhưng từ những thôn dã xa xôi, họ ngại ngần khi phải đi một vài chục cây số mới mua được vài ống thuốc hoặc tới khám bệnh tại ty y tế thường đóng trong rừng trong núi. Có cố gắng đến được chẳng nữa thì những bệnh cấp cứu cũng đã mất thời gian tính hoặc không còn cách nào để cứu chữa nữa.

Đến 1952, mỗi xã đã có một phòng thuốc công cộng dưới quyền một y tá hàng xã, nhưng thực ra chỉ có hình thức, một là do những khó khăn vì tình trạng thuốc men và giao thông đã nói ở trên hai là do tình trạng tâm lý của dân chúng cũng như tinh thần của các nhân viên chuyên môn phụ trách.

Nói đến tinh thần phục vụ của “nhân viên vệ sinh” phải nhìn đến những yếu tố đã cấu tạo ra nó. Phần lớn các y tá dân y là những người thoát tiên có tư tưởng “leo bên lề cuộc kháng chiến” Họ hưởng danh nghĩa “kháng chiến” (mà họ cho là oai) nhưng lại nhát không dám xông pha nơi trận tuyến, hoặc khả năng kém không dám xung phong đảm nhận những công tác khổ khăn khác. Họ là những người kém tinh thần phục vụ nói chung (tất nhiên dù trong vùng Việt Minh hay trong vùng quốc gia cũng vậy) Với tư tưởng cầu an và phản xã hội ấy, vô hình chung họ lại tham gia vào một công tác cần nhiều đầu óc xã hội nhất. Họ tưởng chắc rằng, với chiếc “sơ-ranh”, vài quận băng, bông, một chai thuốc “méc-kuya-rô-côm” họ sẽ được dân chúng tin tưởng và mến phục, vừa được đi trước với bệnh nhân khi mặt trận lan đến địa phương họ.

Sẵn tư tưởng đáng phàn nàn ấy, phòng chính trị của hệ thống dân y cũng chưa giáo dục được họ cho hoàn hảo nên số những người phụ trách y tế thôn xã đều chỉ nhận được sự thờ ơ của dân chúng. Thâm tâm dân chúng đều ít tin tưởng ở tù thuốc hàng xã vì cơ thuốc cũng như người nghèo nàn cả về hình thức lẫn nội dung tinh thần lẫn vật chất.

Tóm lại, công tác dân y vùng Việt Minh mới chỉ tiến bộ chút ít về mặt hình thức và tương đối đã là một ngành gần “bét” trong vùng Việt Minh so với các ngành hoạt động khác.

Để bù vào “hạ tầng lưng chừng” về mặt dân y, các Bác Sĩ cố gắng học hỏi nghiên cứu về phương diện bào chế và chau dồi chính trị. Bác Sĩ Tôn Thất Tùng chu du Bắc Bình, Thượng Hải, Bác Sĩ Đặng Văn Ngữ bào chế thuốc Pen-ni-ci-lin, Bác Sĩ Nguyễn Văn Thuyết được tặng danh hiệu “chiến sĩ thi đua số 1” Tỉnh Thái Nguyên, thủ đô của Việt Minh.

Quyết tiến vượt mức, Việt Minh cố gắng thúc đẩy phong trào thi đua lập công. Phong trào này được bồi dưỡng bằng cách ca tụng những thành công, những thành tích thắng lợi của từng cá nhân. Trên báo chí, trên

tranh ảnh toàn thi đua ái quốc đến thi đua kiến quốc.

“Ngày ngày thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Người người thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua.

Đó là bài thơ gây phong trào thi đua ái quốc và kiến quốc của tác giả Hồ Chí Minh, tác giả của đảng cộng sản Đông Dương, tác giả của đảng Việt Nam Độc Lập Đồng Minh, của hội nghiên cứu Mác-Lenin ở Việt Nam, tác giả của đảng lao động Việt Nam...

Bài thơ được phổ nhạc. Phong trào thi đua được phát động thật mạnh mẽ hình thức thi đua phổ biến hết sức rộng rãi.

- Những ngày còn thở hít được khí giới là phải thi đua.
- Thi đua trong tất cả mọi ngành quân, dân, chính.
- Gái, trai, già, trẻ, người nào cũng phải thi đua.
- Mình thi đua với người, mình thi đua với chính mình.
- Mình thi đua hôm nay với mình hôm qua.
- Mình bây giờ thi đua với mình lúc nấy.

Cuộc vận động phong trào thi đua được xây dựng trên những yếu tố:

- Tinh thần yêu nước, vì đảng.
- Tâm lý tự ái, hiếu thắng.
- Óc địa vị, chuộng danh.

Theo quan niệm của những người cộng sản ở Việt Nam thì dân chúng phải cấu tạo một ý thức hẳn hoi về thi đua, làm sao cho thi đua lẫn vào cuộc sống hàng ngày, cần thiết đối với con người như khí giới, như hạt thóc, làm sao cho hành động này thi đua với hành động nọ, liên miên không phút nào ngừng. Thi đua phải biến thành tiềm thức, lẫn vào xương vào máu để nhất cử nhất động phải là thi đua. Đó là điểm đặc biệt, theo họ, tiến bộ hơn phong trào Stakhanovitch của Nga Sô, phong trào Ngô-mộng-hảo của Trung Cộng. Những phong trào của ngoại quốc chỉ từng bùng hoặc trong kỹ nghệ, trong nhà máy hoặc trong những đợt kế hoạch kinh tế.

Phong trào thi đua đợt đầu đã đẻ ra nhiều cá nhân gương mẫu. Quân đội chính quy có La Văn Cầu, có Nguyễn quốc Trị, kỹ nghệ quốc phòng có Kỹ Sư Trần đại Nghĩa công nhân Ngô gia Khảm. Đồng ruộng có ông lão Hoàng Hanh. Dân quân du kích có Nguyễn thị Chiêm... Họ toàn là những chiến sĩ thi đua, nhờ thành tích thắng lợi được chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa thưởng các huân chương quân công, huân chương kháng chiến, được báo chí nêu danh: Anh hùng quân đội, anh hùng lao động...

Hết đợt này đến đợt khác, luôn luôn Việt Minh khuấy động tinh thần làm việc của người dân bằng ý thức thi đua. Sự khuấy động với phương pháp hết sức tinh vi, khoa học đã đem lại nhiều kết quả mà kết quả chính là lực lượng chiến đấu ngày một tăng, tinh thần chiến đấu ngày một vững.

Sau bức màn sắt, Việt Minh “nhất mã nhất thương lẫn lộn trong dân chúng, nhào nặn họ thành những tín đồ sùng đạo cộng sản” hơn cả những con chiên sùng đạo nhất trên hoàn cầu.

Thế giới đã từng thấy người lính Nga Sô chiến đấu dữ dội như thế nào để giữ Thành Stalingrad, thế giới đã từng thấy đệ tử của Mao Trạch Đông chiến đấu dữ dội như thế nào khi vượt Hoàng Hà Giang, người lính đỏ bắc Cao Ly chiến đấu dữ dội như thế nào để chống với lực lượng tối tân của Liên Hiệp Quốc thì ngày nay thế giới lại thấy tất cả những tính cuồng chiến ấy hiện ra trong bộ võ phục nhân hiệu “cờ đỏ, ao vàng” ở Việt Nam.

Gắn liền với công tác chính trị, phong trào thi đua của Việt Minh đã biến toàn thể dân chúng trong vùng họ kiểm soát thành một bức thành kháng chiến khổng lồ gây khó khăn vĩ đại cho toàn sức chiến đấu của Liên Quân Việt-Pháp. Đại Tá Nemo, người chỉ huy cuộc hành binh “Claude” ở vùng Duyên Hải Trung Châu Bắc Việt (8.1953 Tiên Lãng, Bắc Việt) đã phải tuyên bố: “Chúng tôi đã trông thấy một em nhỏ chừng

14 tuổi chiến đấu như con sư tử non trong một trận giáp la-cà. Trong cuộc hành binh này, chúng tôi đã bắt được 123 trẻ nhỏ dự chiến như vậy”.

Nhơn thi đua, bé cũng thi đua, Việt Minh thật là quá quắt khi đặt vấn đề khai thác cả tuổi thơ ngây dùng trong cuộc chiến tranh hung bạo.

Chủ trương chính trị đối với quốc tế của Việt Minh là liên kết với Liên Bang Xô Viết với Trung Hoa Đỏ, với các nước Dân Chủ Nhân Dân Đông Âu, với Bắc Cao Ly, liên kết chặt chẽ với các đảng cộng sản khắp thế giới, đặc biệt nhất với đảng cộng sản Pháp và các Xứ ở Bắc Phi Châu thuộc Liên Hiệp Pháp.

Việc giao thiệp với Nga Xô đặt dưới hai hình thức: Chính quyền và dân chúng.

Về chính quyền, Nguyễn lương Bằng một lãnh tụ của Việt Minh được cử làm Đại Sứ Việt Nam ở Mạc-tư-khoa. Nguyễn lương Bằng là một lãnh tụ cộng sản quan trọng, nổi tiếng với đức tính cần cù và tiết kiệm, đã từng giữ chức Giám Đốc Ngân Hàng Quốc Gia của chính phủ Việt Minh. Với tinh thần kỷ luật tuyệt đối, óc vị đảng thân Nga hoàn toàn chính phủ Việt Minh thật đã chọn đúng người với trách nhiệm Đại Sứ ở Nga.

Để nâng cao tình bang giao, để truyền bá tư tưởng thẳng vào dân chúng, Hội Việt-Sô Hữu Nghị thành lập do Tôn đức Thắng, chủ tịch ủy ban liên việt toàn quốc làm hội trưởng.

Nga Xô đã ủng hộ Việt Minh bằng cách dùng Đài TASS tuyên truyền các “hành động anh hùng” trong quân đội họ Võ, trong liên đoàn lao động của Hoàng quốc Việt, dán nhãn hiệu anh hùng của thế giới hòa bình lên La văn Cầu, lên Ngô gia Khảm... Và đồng thời tranh đấu đòi cho đại biểu của chính phủ Hồ chí Minh được gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Khác với giao thiệp Việt-Nga chỉ có tính cách một “ngoại giao báo cáo”, sự giao thiệp với Trung Cộng lại là một “ngoại giao viện trợ” chính thống. Ngoài ông già Thy Sơn, một ủy viên trong ủy ban liên việt toàn quốc với chức hội trưởng Hội Việt-Hoa Hữu Nghị, Việt Minh cử ông Nguyễn văn Hoan làm Đại Sứ Bắc Kinh.

Sát với Trung Cộng, Việt Minh đã đơn đả nhận viện trợ đủ các loại, từ tư tưởng đến phương pháp làm việc, từ tinh thần đến vật chất, cổ vũ chuyên môn, vũ khí, thuốc men, thóc gạo...

Bắt đầu từ trận Cao-Bắc-Lạng, cổ vũ Trung Cộng đủ mọi ngành hoạt động ùn ùn kéo sang Việt Nam. Phòng giao tế trung ương được thành lập để tổ chức tiếp đón.

Phần lớn các cổ vũ đều là cán bộ quân sự của Hồng Quân Trung Hoa. Họ sang đủ cả lễ bộ: Tướng, Tá, Úy cho đến cả mã phu, mỗi Tá, mỗi Tướng có đến bốn năm lính theo hầu, nào thông ngôn, nào bếp, nào giữ ngựa, nào kiêng vông, nào che lọng... Tuy họ đã rất giản dị, sự thật, giản dị hơn các Tướng Tá Quốc Dân Đảng Trung Hoa sang Bắc Việt hồi 1945 nhiều lắm, nhưng người ta vẫn phải buồn cười vì những hành lý ngộ nghĩnh của họ. Hãy ngắm một vị Tướng hoặc Tá trên đường sang Việt Nam: Một con ngựa của “ngài” cưỡi, dưới yên, một tấm chăn bông màu xám xù ra ôm cả lưng lẫn bụng ngựa, lẻo đẻo theo sau là anh mã phu vác lọng che nắng che mưa cho “ngài”, rồi đến ngựa của viên thông ngôn, rồi đến ngựa đồ đạc với đủ thứ: Chậu đồng rửa mặt vàng chóa, ô, dù lung củng, va-ly, hòm xiểng chõng chắt... những nồi niêu bát đĩa.

Từ khi có mặt các cổ vũ Trung Cộng, phương pháp tổ chức và làm việc nói chung đều phải sửa đổi. Các ông cục trưởng đứng đầu một cơ quan trung ương đều mang một tên mới: Thủ Trưởng.

Một lớp ngoại ngữ được mở để các cơ quan phái nhân viên đi học cấp tốc về làm thông ngôn giữa Thủ Trưởng với Cổ Ván chuyên môn. Môn ngoại ngữ dĩ nhiên là tiếng Quan Hỏa gọi là tiếng Phổ Thông.

Ngoài vấn đề chiến lược nói chung do tham mưu hỗn hợp quy định, vấn đề chiến thuật và kỹ thuật cũng phải theo một hướng mới do tư tưởng mới quyết định: Tư tưởng vô sản.

Một tỷ dụ về kỹ thuật bắn đại bác.

Muốn công phá một đồn của Liên Quân Việt-Pháp các cán bộ trong một đơn vị pháo binh đã dùng lối “bắn vòng” để câu trái pháo vào mục tiêu. Một cổ vũ quân sự Trung Cộng không bằng lòng và phê bình pháo binh Việt Nam đầy óc tiểu tư sản. Theo Hồng Quân Trung Hoa phải thực hiện lối bắn của vô sản: Người vô sản phải đem đại bác sát mục tiêu, càng gần càng hay và nhắm mục tiêu qua nòng súng mà nhắm đạn cho thẳng tắp. Lối bắn vòng phí đạn, ít kết quả, do tư tưởng muốn an sinh và nhát sợ của bọn tiểu tư

sản phải loại bỏ.

Một võ khí sắc bén nữa đã theo các cố vấn Trung Cộng sang Việt Nam: Tinh thần phê bình và tự phê bình.

Nói đến chủ nghĩa Mác-Ăng-ghe-n là nói đến phê bình và tự phê bình rồi nhưng thực ra trong vùng Việt Minh, vấn đề ấy cũng mới chỉ bàn bạc trên lý thuyết mặc dầu tác giả quyển “Sửa đổi lối làm việc” X.Y.Z (bí danh của cụ Hồ chí Minh) một cuốn sách gối đầu giường của tất cả các nhân viên và cán bộ quân, dân, chính, đã dạy: “Một ngày không kiểm thảo, không tự phê bình cũng ví như một ngày không rửa mặt”.

Phương pháp kiểm thảo, tự phê bình được các cố vấn Trung Cộng truyền thụ một cách rất thực tế. Trong đơn vị quân sự, tự phê bình và phê bình lẫn lộn, quân phê bình quân, quân phê bình quan, thẳng cánh. Mỗi buổi chiều tối hoặc sau mỗi trận đánh, ngồi trên chiếu kiểm thảo, phê bình, mọi người đều bình đẳng, ai có lỗi tự kê khai để “đoàn thể sửa chữa cho”... Trong lớp học, học sinh phê bình nhau, thầy giáo phê bình học trò, học trò phê bình thầy giáo “Chúng tôi phê bình Thầy trong giờ giảng Thầy dùng nhiều thời giờ để hút thuốc lào quá, việc đó có hại cho việc học hỏi của học sinh và không tiết kiệm thì giờ cho đoàn thể... Phê bình Thầy đến trễ năm phút... Phê bình Thầy giảng bài bằng một tinh thần “tắc trách”...

Dưới đây là một mẫu chuyện kiểm thảo phê bình giữa hai mã phu, một Việt Nam, một Trung Hoa để tượng trưng phương pháp phê bình mới nhập cảng:

Gần bản doanh quân sự có một chuồng ngựa. Chuồng ngựa được ngăn làm đôi từ khi vị cố vấn trung đoàn trưởng Trung Cộng được cử đến cộng tác với vị sĩ quan cao cấp Việt Minh phụ trách cơ quan đó. Sĩ quan Việt Minh có một con ngựa và một mã phu. Cố vấn Trung Cộng cũng có một con ngựa và một người mã phu đồng hương. Hai anh mã phu mỗi người phụ trách một con ngựa của “quan” mình. Hàng ngày người ta nhận thấy kết quả hai công tác hơn kém nhau rõ rệt: Con ngựa của anh mã phu Trung Cộng mỗi ngày được tắm rửa hai lần, ngoài việc được nuôi dưỡng thật đúng phương pháp, còn có những bó cỏ non mướt rũ rửa sạch sẽ để dự trữ, xung quanh chuồng ngựa có xẻ rãnh để thông nước, không một mảnh rác rưởi, không một bãi phân ngựa. Luôn luôn những gánh nước được gánh từ suối lên nào dội, nào cọ... Anh mã phu Trung Cộng đã đem toàn lực ra để ngựa của chủ anh được béo, được sạch, chuồng nuôi ngựa của anh sạch như ở nhà, luôn lau chùi quét dọn. Bên cạnh anh mã phu Việt Nam cũng có tắm cho ngựa, cũng có quét cọ, lau chùi chuồng ngựa nhưng vì kém tích cực, kém cố gắng nên nơi anh phụ trách vẫn rõ ràng là... một chuồng ngựa. Phân, nước tiểu, cỏ rác bừa bãi, bẩn thỉu. Riêng con ngựa của anh chăn nuôi cũng không mỡ màng bằng con ngựa Trung Hoa. Hơn nữa, anh mã phu Việt lại mắc thêm cái tật hay ngủ ngày trên đồng da và tắm lâu trên giòng suối.

Tuy chiều nào cũng có “Hội ý, hội báo” giữa hai anh mã phu Hoa-Việt nhưng vì mới gặp nhau nên chưa có những buổi gay gắt lắm. Một thời gian ngắn trôi qua, sau khi đã nhận đúng những khuyết điểm của “đồng chí Việt Nam”, sau khi có đủ chứng cứ về ngựa, về chuồng, về người, đồng chí Trung Cộng tấn công một buổi chiều sau giờ “chính quyền”:

– Mã phu Trung Cộng: “Sau khi nhận thấy chuồng ngựa kém quét dọn, nhiều rác rưởi, phân, nước tiểu bừa bãi, ngựa kém chăm nom, ít được tắm rửa, hôi hám, cỏ ngựa ăn không chịu rửa kỹ, thóc ngựa ăn vung vãi phí phạm...tôi phê bình đồng chí: Không chăm chỉ, làm việc tắc trách, cần phải sửa đổi lối làm việc”.

– Mã phu Việt Nam (tự ái và bướng bỉnh): “Đồng chí nhận xét sai, mỗi người một hoàn cảnh, ngựa của tôi phải dùng luôn, không thể mỗi lúc một mang ra tắm được. Tôi tự thấy đã làm đủ bốn phận rồi”.

– Mã phu Trung Cộng (yên lặng nghĩ ngợi một lúc): “Có lẽ tôi có khuyết điểm trong sự nhận xét công việc làm của đồng chí, tôi sẽ kiểm thảo lại vấn đề đã nêu ra để chúng ta cùng rút kinh nghiệm”.

Buổi kiểm thảo ngắt quãng để tiếp diễn chiều ngày hôm sau.

– Mã phu Trung Cộng: “Tôi đã hết sức suy nghĩ và thấy rằng những điểm tôi đã nêu ra hôm qua là đúng. Đồng chí cần nhận để sửa đổi khuyết điểm đã mắc. Phải hiểu rằng đoàn thể đã trao cho chúng ta nhiệm vụ coi ngựa. Đó là con ngựa của đoàn thể, đó là tài sản của nhân dân. Ngựa khỏe mạnh và sạch sẽ, sẽ giúp đồng chí trung đoàn trưởng trong khi phục vụ nhân dân. Muốn ngựa khỏe cần phải luôn tắm rửa cho ngựa, cần phải xem xét cẩn thận thóc và cỏ cho ngựa ăn, cần phải...”

– Mã phu Việt Nam: “Tôi thấy đồng chí lý luận nhiều quá. Tôi đã hết sức chu đáo không để ngựa ốm, tôi đã tự xét và thấy không lầm lỗi, nhất định không lầm lỗi, chính đồng chí tỉ mỉ quá trong việc chăm nom không cần thiết lắm làm mất thì giờ học tập riêng của đồng chí”.

Buổi kiểm thảo lại ngắt quãng vì sự ngoan cố của “đồng chí Việt Nam” sau khi anh mã phu Trung Cộng vui vẻ nói:

“Chưa làm đồng chí nhận được khuyết điểm của mình tất nhiên là tôi còn khuyết điểm trong sự nhận xét hoặc giả tôi đã nhận xét sai lệch, hoặc giả tôi có thành kiến với đồng chí, tôi sẽ tự kiểm thảo và chúng ta sẽ thảo luận lại buổi mai.”

Và chiều hôm sau...

– Mã phu Trung Cộng (với nét mặt nghiêm nghị): “Tôi đã tự kiểm thảo và vẫn thấy rằng những nhận xét của tôi rất đúng. Một đồng chí hay ngủ gật trong giờ chính quyền, đồng chí đã không tắm cho ngựa đều đều là hai. Ba, đồng chí không quét dọn chuồng ngựa luôn. Bốn, thóc ngựa ăn vung vãi, Năm, cỏ ngựa ăn không đủ. Tóm lại, đồng chí có khuyết điểm trong công tác của đoàn thể trao cho, tôi đề nghị đồng chí giác ngộ và phục thiện...”

Cứ đều đều như thế mãi, hết chiều lại chiều, anh mã phu Trung Cộng cố sức nhẫn nại tìm cách phê bình bằng những chứng cứ cụ thể cho đến khi anh mã phu người Việt đành phải công nhận lỗi lầm để từ đó trở đi, phải thi đua trong công tác chăn ngựa, phải không được ngủ ngày và phải tham gia học hỏi tay đôi với anh bạn đồng chí ngoại quốc.

Lỗi học do Trung Cộng truyền sang thật lạ lùng biến con người một cách dễ dàng thành những con cừu ngoan ngoãn luôn luôn muốn chịu đựng và phục tùng.

Nếu hơn ngàn năm về trước người Trung Hoa đã dùng Khổng Giáo để tinh thần thẳng người ở Việt Nam thì ngày nay, người Trung Hoa lại mang một vũ khí tinh xảo hơn, sắc bén hơn khiến người dân Việt từ nhẹ dạ ương ngạnh đến ngoan ngoãn, phục tùng.

Từ anh mã phu vô học đến nhà kỹ sư thông thái, từ anh học sinh Trung Học ngây thơ đến nhà giáo già dặn, tác phong giáo dục của cộng sản Trung Hoa đã vượt qua mọi trở lực san phẳng hình thức con người và đồng hóa một điểm quan hệ, tinh thần và tư tưởng.

Đi sâu vào phương pháp học tập của Trung Hoa đỏ, ta thấy người “giáo sư chính trị” dùng lối “tự tu” để dạy học trò.

Theo dõi một khóa trung cấp về cải tạo tư tưởng và chính trị học bên kia biên giới, ta thấy:

Một đợt thanh niên Việt Nam, đa số đã có bằng Trung Học Pháp cũ, bằng Trung Học Chuyên Khoa cả hai phần...tạm ngừng công tác, đeo hành lý ngược qua biên giới, tự trường.

Buổi gặp mặt “Thầy” đầu tiên, học trò được nghe một bài giảng dị:

“Các đồng chí đi đường có được khỏe mạnh không ? Ở đây các đồng chí có thấy điều gì khuyết điểm không ? Các đồng chí tham dự khóa học này thật là một điều may mắn cho tôi, tôi sẽ được các đồng chí vạch rõ các khuyết điểm của tôi để tôi sửa chữa và tôi sẽ có dịp vạch rõ những bệnh về tư tưởng của các đồng chí v.v...”

Lớp học mãi giờ với cái đà đại khái như vậy. Trong một thời gian hai tháng, học sinh được tự do sinh hoạt, tự do suy tưởng theo nội quy của nhà trường. Giáo sư thỉnh thoảng tạt qua thăm nhưng cũng chỉ để hỏi những câu thông thường: “Các đồng chí có thấy dễ chịu không ? Có khỏe mạnh không ? Sự ăn uống có điều gì đáng phàn nàn không ? Vấn đề vệ sinh chung ra sao ?... Những lời nói của tôi nếu phải thì các đồng chí nghe, nếu không phải mong các đồng chí hãy giả lại tôi...”.

Trong thời gian hai tháng đó, các vị giáo sư nhũn nhặn có mặt đã hoàn toàn lấy được cảm tình của học sinh, để rồi, một buổi mai, học trò mỗi người được lĩnh giấy bút làm bản “Tự Văn” thuật lại đời mình bằng một lối văn thật tỉ mỉ, thật soi mói, tự nghiên cứu, tự tra vấn tội trạng mình, tự bắt mạch căn bệnh tư tưởng, tự tra vấn tội trạng mình, tự định mức độ tinh thần mình, tự phân loại những “vết thương”, những bệnh trạng của mình và tự đề ra những phương pháp sửa chữa.

Tiếp vào vấn đề kiểm thảo tư tưởng, các học sinh được học hỏi và nghiên cứu duy vật biện chứng pháp,

quan niệm tân dân chủ, lịch sử đảng cộng sản Liên Xô, tình hình thế giới, chiến cuộc Cao Ly, vấn đề Đức, tính chất cuộc chiến tranh ở Việt Nam v.v...

Chương trình học đã làm cả tinh thần lẫn thể xác của học sinh mệt mỏi rã rời. Rồi đến lượt vị giáo sư Trung Cộng sẽ thân chinh hướng dẫn trong cuộc nhận định căn nguyên cội rễ căn bệnh của “học trò” và “bốc thuốc”...

“Phải học tập, học luôn, học mãi, không ngừng, vì ngừng một phút ta sẽ thua địch một phút”. Đây là lời của tổng tư lệnh Võ nguyên Giáp tuyên bố với toàn thể các cán bộ quân sự trong một buổi họp hoan nghênh sự thắng lợi của Hồng Quân Trung Hoa.

Học chuyên môn và học cải tạo tư tưởng. Cải tạo tư tưởng là vô sản hóa con người là bỏ hết những tính tình cũ là...lột xác.

Phương pháp học tập kiểu Trung Cộng kể trên đã khiến một số học sinh khi về nước sụt đi hàng dăm bảy cân mặc dầu họ được ăn uống sung sướng trong khóa học. Ngoài việc sụt cân còn có học sinh đâm ra ngớ ngẩn hoặc mắc bệnh “lệch lạc giây thần kinh” vì đã phải dùng tới trí óc nhiều quá. Sau khóa học, thường thường họ được nghỉ công tác hàng 5, 6 tháng liền để thuốc thang và tĩnh dưỡng tinh thần. Cần phải nói là trước khi đi học họ phần đông đều thuộc loại thanh niên khỏe mạnh dư lực.

Dưới lối nhìn một chiều và máy móc, người ta chỉ thấy Trung Cộng viện trợ cho Việt Minh hoặc bột mì, hoặc dầu xăng hoặc súng đạn...Sự thực, những thứ viện trợ ấy đều không đáng kể, chẳng khác gì những đồ viện trợ của Hoa Kỳ đã gửi cho Tưởng Thống Chế, có khi còn kém cả về phẩm lẫn lượng. Võ khí ghê gớm nhất mà “Bác Mao” đã gửi giúp “Bác Hồ” là những “đại bác” cải tạo tư tưởng, cải tạo tận gốc, cải tạo thực sự, những phương pháp tranh đấu bản thân thực cạm tầu ráo máng...

Người ta còn nhớ khi Hồng Quân Trung Hoa đánh Nam tiến như vũ bão, không một trở lực, gạt băng tất cả các chướng ngại vật trên đường, bỗng nhiên dừng hẳn lại bên bờ sông Hoàng Hà...không phải vì hết lương thực, không phải vì thiếu chuẩn bị súng ống đạn dược, không phải thiếu phương diện quá giang...mà chỉ dừng lại để “phản tỉnh” để tự tra, tự cứu!

Qua trận Hoàng Hà, người ta lại một lần nữa thấy kết quả phương pháp giáo dục ấy ở trận Hòa Bình năm 1952 và còn có thể có những lần nữa trên khắp lãnh thổ Bán Đảo Đông Dương.

Nếu như ngoại giao Việt-Sô có một tính chất chừa hầu báo cáo và liên hệ ngoại giao Việt-Hoa có tính chất viện trợ lĩnh giáo, thì liên hệ ngoại giao Việt-Hàn có một tính chất ủng hộ và rút kinh nghiệm chiến đấu. Ủng hộ và rút kinh nghiệm. Việt Minh cử Trung Tướng Nguyễn Sơn, người đã từng chỉ huy sư đoàn thiết giáp trong dã chiến quân Trung Cộng, nguyên khu trưởng Liên Khu 4 (Trung Việt) sang chiến đấu cùng với cộng sản Bắc Cao Ly. Việt Minh và Bắc Cao Ly cùng thi đua trong công tác “trừ ngoại xâm”. Giữa mỗi phần của hai dân tộc Việt-Hàn có những cuộc trao đổi cán bộ rút kinh nghiệm. Những “anh hùng” của Việt Minh đều được nêu danh tại Bắc Cao Ly để làm gương mẫu và ngược lại cũng thế.

Tính chất ngoại giao ấy tố cáo rõ rệt sự thuần nhất về tư tưởng và chiến lược của phe cộng sản trong 2 trận chiến tranh nóng Á Đông.

Liên hệ ngoại giao giữa chính phủ Quốc Gia Việt Nam với chính phủ Lý Thừa Vãn nhạt nhẽo bao nhiêu thì trái lại sự ràng buộc giữa Việt Minh và Kinh Nhật Thành chặt chẽ bấy nhiêu. Để tuyên truyền cho Bắc Cao Ly, Việt Minh đã dùng danh từ bù nhìn, tay sai của đế quốc để chỉ Tổng Thống Lý Thừa Vãn và gọi Kim Nhật Thành là vị “Chủ tịch thân mến của dân tộc Hàn”. Việt Minh lên tiếng tố cáo Mỹ đã thả bom vi trùng ở Cao Ly do viện khảo cứu vi trùng học ở Moukden phóng đại, để gây công phẩm trong dân chúng thêm khinh ghét Hoa Kỳ. Nhưng việc đó đã chứng tỏ sự đồng tâm nhất trí của Việt Minh và Bắc Cao Ly. Nếu một ngày mai có bóng người lính Mỹ trên đất Việt, chắc chắn Việt Minh sẽ quay thẳng mũi dùi chiến tranh vào Hoa Kỳ mà hất Liên Quân Việt-Pháp xuống mục tiêu ngoại phụ.

Sợi giây chằng ngoại giao của Việt Minh vươn sang tận các nước Đông Âu và Đông Đức, tuy nhiên chưa được chặt chẽ lắm ngoài việc, trao trả các quốc gia ở Đông Âu những tù binh người Hung, Lỗ, Tiệp...bắt được trong hàng ngũ Liên Hiệp Pháp, trao đổi các tin tức về những kế hoạch kinh tế thực hiện dưới chính thể tân dân chủ hoặc phái du học sinh Việt Nam theo học các trường chuyên môn tại Prague,

Bucarest hay Varsovie. Việt Minh đã có lần được Tiệp Khắc ủng hộ giầy, vải đủ trang bị cho hai sư đoàn.

“Phong trào hòa bình thế giới” do Điện Kremlin nêu lên tất nhiên được các đồng chí Việt Nam nhiệt liệt hưởng ứng. Một phái đoàn đi dự hội nghị Berlin có: Nguyễn đình Thi, Hoài Thanh, Lưu hữu Phước... với một số thiếu nhi. Trong đó còn có cả La văn Cầu “đồng chí chiến sĩ cụt tay” trong chiến trường Cao-Bắc-Lạng mùa Thu năm 1950.

Cầm đầu ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới ở Việt Nam là Bác Sĩ Lê đình Thám. Họ Lê đã làm một việc khá lớn là gây phong trào lấy chữ ký ở Việt Nam để yêu cầu 5 cường quốc Anh-Mỹ-Pháp-Nga-Trung Hoa lập công ước hòa bình. Mỗi đơn vị quân sự dù tĩnh hay dù động cũng phải có một ban đi lấy chữ ký từng người. Mỗi cơ quan chính quyền hay đoàn thể đều phải thành lập một ban. Mỗi địa phương kháng chiến kể cả vùng tề và ngay trong các đô thị do quốc gia kiểm soát Việt Minh cũng cố gắng len lỏi vào lấy chữ ký.

Ngoài việc công khai giao thiệp với các nước trong thế giới công sản, Việt Minh tăng cường liên lạc với các đảng cộng sản thuộc Liên Hiệp Pháp. Nhìn qua những việc xảy ra, ta cũng thấy hoạt động của Việt Minh rất có kết quả. Trước hết là đảng cộng sản Pháp hoặc do đường Đông Âu liên lạc, hoặc do các tù binh được phóng thích, nhất là sau cuộc thăm viếng của Léo Figuières, phó chủ tịch liên đoàn thanh niên thế giới kiêm chủ tịch liên đoàn thanh niên Pháp, Pháp cộng và việt cộng đã tăng cường gây liên lạc. Vụ anh chàng lính thủy Martin không chịu chở binh lính sang Trung Ấn, vụ một phụ nữ Pháp chị Raymondien, 19 tuổi nằm ngang trên đường sắt chặn đoàn xe lửa chở lính sang Đông Dương, phong trào các bà mẹ Pháp đòi con, phong trào đình công, những vụ phá hoại đầu máy xe lửa và quân nhu vũ khí gửi sang Đông Dương...tất cả đã do bàn tay của những người cộng sản Pháp, do sự thâm thụt của những người cộng sản Việt Nam len lút sang Pháp. Đối lại sự tăng cường chiến đấu của việt cộng nhằm thêm mục đích: Ngăn cản công cuộc thành lập quân đội Pháp theo Minh Ước Đại Tây Dương.

Việc phóng thích các tù binh người da đen cũng nằm trong chương trình liên lạc của Việt Minh với các đảng cộng sản Bắc Phi. Công tác huấn luyện và nhồi sọ các tù binh người Bắc Phi được đặc biệt nghiên cứu. Những nhạc điệu mới được phổ biến tuyên truyền mục đích làm cho sợi giây liên lạc giữa “da đen” và “da vàng” được chặt chẽ (Bài hát của người da đen).

Một cơ ngũ Bắc Phi được thành lập toàn người da đen. Người lính “Việt Minh da đen” trong đơn vị “Bắc Phi độc lập” cũng có mẹ nuôi, chị nuôi và khi cũng thành lập gia đình cẩn thận.

Đảng cộng sản Đông Dương là đảng cộng sản mạnh nhất trong toàn khu vực Đông Nam Á. Không những vì lý do có một lãnh tụ hạng quốc tế như cụ Nguyễn ái Quốc (Hồ chí Minh) chỉ đạo mà còn vì cả bộ tham mưu của đảng còn gồm một số người thông minh nhất, hoạt động nhất có người đã từng được xếp ưu hạng trong các trường đào tạo cán bộ chính trị ở Mạc-tư-khoa.

Phong trào cách mệnh hỗn loạn vùng Đông Nam Á cũng do Việt Minh trực tiếp châm ngòi lửa. Sau việc thất bại của lãnh tụ Việt Minh Đào duy Kỳ tại Thái Lan năm 1947, lãnh tụ Trần Văn Giàu đích thân sang Thái hoạt động, đào tạo cán bộ địa phương, tuyên truyền Việt kiều hải ngoại và liên lạc với cộng sản Mã Lai. Ở Miến Điện, Bác Sĩ Luân cũng liên lạc với cộng sản địa phương. Riêng đối với hai quốc gia Cao Miên, Ai Lao, Việt Minh đặt liên hệ mạnh bạo hơn cả.

Từ hình thái chiến đấu lẻ loi của những toán quân Issarak hay Sơn ngọc Thành, năm 1946, Việt Minh tiến tới thành lập khối Liên Minh Việt-Mên-Lào năm 1952.

Trong kỳ họp đại hội thống nhất ủy ban liên việt và mặt trận Việt Minh đã có mặt cả đại biểu Lào, Cao Mên và các đại biểu dân tộc thiểu số.

Khối Liên Minh Việt-Mên-Lào có 3 ủy viên lãnh đạo. Ủy viên thứ nhất là Tôn đức Thắng, đại diện Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Ủy viên thứ hai là Siêu Heng, một ủy viên của ủy ban giải phóng trung ương dân tộc Cao Mên mới (Khmer Issarak) và ủy viên thứ ba là Souphanuvong đương kim chủ tịch mặt trận giải phóng Lào (Neo-Lào Issarak) của nước Lào mới (Pa-thet Lào).

Tất cả đường lối chiến lược, chiến thuật đều do Việt Minh chỉ đạo. Từ 1949, các cán bộ quân sự, chính trị Việt Minh đã bí mật sang đất Lào và Mên không ngớt với mục đích gây cho dân tộc hai nước đó những ổ kháng chiến, chuẩn bị chiến trường và ta đã thấy trận đánh Ai Lao của Việt Minh năm 1953 đã làm chấn

động dư luận đến mức nào. Đó là kết quả đầu tiên do mọi sự chuẩn bị của Việt Minh từ năm 1949.

Một ngày kia, nếu cơ hội thuận tiện cho Việt Minh, nếu tình hình thế giới có lợi cho hoạt động của Việt Minh tại vùng Đông Nam Á, người ta có thể thấy một Liên Bang Trung Ấn xuất hiện, gồm các xứ “Cộng Hòa Nhân Dân Việt Nam”. “Cộng Hòa Nhân Dân Lào và Cộng Hòa Nhân Dân Mên” dưới một chính thể “tân dân chủ”, dưới một đảng lao động liên bang...

Gần đây đài Bắc Kinh tuyên bố một chính phủ Thái được thành lập ở Vân Nam cho tất cả những người Thái vùng Đông Nam Á...Người dân Thái sống ở Miến Điện, ở biên giới Bắc Việt, ở Ai Lao, ở Thái Lan...rồi đây, sự hoạt động của chính phủ ấy thế nào, kết quả ra sao ? Nếu cộng sản thắng lợi, bản đồ vùng Đông Nam Á lại một phen sửa đổi. Tất cả các dự định của cộng sản nói chung, lúc tiềm tàng, lúc đột biến khó ai có thể đoán trước được.

Từ việc lãnh tụ Malenkov kể chân vị “Đại Nguyễn Soái Staline” đến việc xâm lăng Lào của quân đội Võ nguyên Giáp, mọi sự kiện trên thế giới do bàn tay cộng sản địa phương chủ động đều nằm trong kế hoạch chung, đường lối chung phát ra từ các ông trùm cộng sản thế giới. Dưới mắt thế giới tự do những sự kiện ấy đôi khi là lạ lùng và nếu cứ quan tâm đến tất cả mọi sự kiện đó thì thế giới tự do chỉ còn một việc hoặc thụ động hoặc theo đuổi đối phó với những việc đã rồi.

Từ 1946 đến 1953, mặc dầu qua các giai đoạn hung bạo đôi khi tàn ác, vùng Việt Minh vẫn không bị nạn đói đe dọa, không bị các bệnh thời khí hoành hành. Những lãnh tụ Việt Minh tuy đã áp dụng lắm phương pháp vượt khỏi khuôn khổ của tình cảm con người nhưng chính bản thân họ đã tỏ ra hy sinh triệt để, đã phô bày đủ các đức tính cần cù, tiết kiệm, thanh liêm, sự khổ hạnh trong lối sinh hoạt của họ cộng vào quá trình tranh đấu xưa đến nay dưới mắt người dân đã là một đặc điểm để thu hút và cảm hóa lòng người.

Nhờ có dân, Việt Minh mới mạnh. Dân đóng góp thóc lúa cho Việt Minh, dân giữ bí mật cho Việt Minh hoạt động, dân khuân vác, vận tải, dân đưa đường chỉ lối, dân dấu diếm cán bộ cán bộ, dân sửa đường khơi ngòi đắp đê...dân đã làm đủ cả cho Việt Minh. Đây là nguyên tắc căn bản mà các lãnh tụ cộng sản đã nắm rất chắc rất vững vàng.

Nếu Staline đã tự nhận là “cha già của các dân tộc” thì Staline cũng thường nhận rằng mình là con đẻ của các dân tộc. Nếu Mao Trạch Đông lặp đi lặp lại ở Bắc Kinh rằng họ Mao là con của dân chúng thì lãnh tụ Hồ chí Minh cũng thường nói mình do dân chúng đẻ ra. Làm cha mà lại làm con, làm con mà lại thành làm cha, ý tưởng xem ra rắc rối ấy thực đã là một yếu tố tối quan trọng trong vấn đề “thống trị” của các chính phủ cộng sản.

Việt Minh đã nhào nặn được dân chúng vùng họ kiểm soát, điều đó không thể chối cãi được. Nhiệm vụ của những người quốc gia, những người lấy tự do cá nhân làm trọng là phải đem kinh nghiệm bản thân, kinh nghiệm đau đớn khi bị Việt Minh áp bức, kinh nghiệm trong quá trình tranh đấu của mình để dìu dắt và phổ biến trong dân chúng, một dân tộc nghèo nàn, kém đọc kém viết, chất phác như dân tộc Việt Nam hiện nay, một dân tộc mới vùng ra khỏi vòng nô lệ.

Có lỗi được dân chúng khỏi tay mấy lãnh tụ cộng sản mới thắng được cộng sản, vì đấu tranh với Việt Minh không phải là chỉ riêng trừ khử nhóm lãnh tụ tay sai của Nga-Trung mà lại chạm cả vào khối người đã từng ngụp lặn trong lý thuyết cuồng tín ngoại lai ngót chục năm ròng.

Công việc vĩ đại ấy đòi hỏi ở những người quốc gia một cố gắng phi thường, một bình tĩnh tuyệt đối và một hy sinh vô bờ bến. Nhưng người Quốc Gia Việt Nam chiến đấu không lẻ loi, luôn được thế giới tự do giúp đỡ, ủng hộ, nhất là Pháp và Hoa Kỳ, đó là một niềm tin tưởng độc nhất dẫn đến thành công.

CHÍNH PHỦ NGUYỄN VĂN TÂM

Chính phủ Trần Văn Hữu đã xong nhiệm kỳ lịch sử.

Thủ Tướng Trần Văn Hữu đã nhường ghế cho ông Nguyễn Văn Tâm.

Từ chính phủ Trung Ương Lâm Thời Nguyễn Văn Xuân đến Nội Các Trần Văn Hữu, Việt Nam Quốc Gia mới chỉ tiến bộ nhiều trên mặt thể thức. Đến nay cần phải có một chính phủ cương quyết hoạt động để mạnh tiến trên thực trạng.

Nhìn đúng nhịp đi của Quốc Gia Việt Nam, theo sát nhu cầu của tình thế, Quốc Trưởng Bảo Đại đã rất khôn khéo trong việc lựa chọn vị Nguyên Thủ mới. Quốc Trưởng đã chỉ định vị nguyên Tổng Trưởng Thủ Hiến Nguyễn Văn Tâm, người từng được mang danh là “Cọc Cai Lậy”.

Giữ trọng trách điều khiển vận mệnh nước nhà, Tân Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đã đem ngay đến một nguồn sinh lực mới, một niềm tin tưởng mới cho đám dân chúng đang e dè, bỡ ngỡ trước hai đường: Cộng sản, quốc gia. Cho đến tận tháng 6.1952, hoạt động của Việt Minh vẫn còn reo rắc ý tưởng sô sệt trong dân chúng. Nào Cao-Bắc-Lạng, nào Hòa Bình, nào chính phủ Việt Minh, Nga Sô, một cường quốc ghê gớm và đáng sợ. Trong khu quốc gia còn phản phát không khí ám sát, khủng bố. Tất cả những sự lung lay và giao động đã không giúp sức mây may cho lý tưởng quốc gia, trái lại còn làm lỏng lẻo Khối Quốc Gia Dân Chủ ở Việt Nam.

Nhìn rõ được tâm trạng của dân chúng, Tân Thủ Tướng đã ném luôn một trái bom vĩ đại, một lời nói bất hủ: Tôi đánh giặc.

Khẩu hiệu: “Tôi đánh giặc” đã vạch rõ thái độ cương quyết của chính phủ Nguyễn Văn Tâm.

Muốn hưởng chế độ tự do dân chủ phải triệt để ủng hộ chính phủ quốc gia, phải theo chính phủ để cùng gọi đối phương là giặc, và phải đánh giặc. Lừng khừng là chết. Khẩu hiệu của vị Thủ Tướng chính phủ đã làm trỗi dậy hàng vạn con dân trên đường chống cộng.

Khẩu hiệu mạnh và ngắn của Tân Thủ Tướng đã tỏ rõ lập trường của chính phủ Liên Hiệp Quốc Gia, đã làm người Pháp phải nhìn Quốc Gia Việt Nam bằng cái nhìn mới mẻ, đồng thời Hoa Kỳ, cường quốc dân chủ bậc nhất cũng bắt đầu chú trọng nhiều hơn đến Quốc Gia Việt Nam dưới sự dìu dắt của Quốc Trưởng Bảo Đại và Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm.

Trong khi khẩu hiệu “Tôi đánh giặc” ảnh hưởng có lợi rõ rệt đến thái độ của các cường quốc dân chủ Tây phương đối với Quốc Gia Việt Nam thì những “cố gắng vượt bậc” của Việt Minh vẫn chưa đem lại được tín nghiệm của Kremlin.

Cuối năm 1949, sau những cố gắng phi thường của toàn thể cán bộ Việt Minh trong 4 năm chiến tranh ròng dãi, một lãnh tụ Việt Minh đã phải thốt ra câu: “Thế giới chưa tin chúng ta (thế giới cộng sản) nhưng chúng ta cứ làm rồi họ sẽ phải biết đến”.

Hội nghị đệ tam quốc tế (Kominform) họp tại Mạc-tư-khoa lần chót đã phê bình các lãnh tụ cộng sản Việt Nam: Ngoài ưu điểm về quân sự, chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa đã có nhiều khuyết điểm lớn về ngoại giao và kinh tài. Khuyết điểm thứ nhất là sự hoạt động của chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa chưa đem lại hoàn toàn tín nhiệm đối với các nước dân chủ (cộng sản) trong khi đối thủ (phe quốc gia) đã tiến bước mạnh hơn đối với thế giới tư bản. Lời nhận xét trên tố cáo tư tưởng lừng khừng của những người cộng sản Việt Nam, thái độ có vẻ nước đôi giữa hai trái cân Nga-Mỹ. Khuyết điểm thứ hai là chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa để cho dân chúng càng ngày càng lâm vào cảnh đói khổ. Lời nhận xét này tố cáo rõ ràng sự bất lực của Việt Minh trong vòng vây của Liên Quân Việt-Pháp. Đúng như vậy, trước chiến dịch Cao-Bắc-Lạng, chính phủ Việt Minh như ở trong một cái túi: Mặt bể bị hạm đội Pháp bao vây, suốt dọc biên giới giáp Trung Hoa, quân đội Việt-Pháp chặn đóng trên Quốc Lộ số 4, miền Đồng Bằng quân đội Việt-Pháp cũng chiếm đóng và tảo thanh liên miên, mặt Tây-Bắc đồn binh Pháp rải rác theo dọc sông Đà và trên đường số 6. Việt Minh chỉ còn vón vện có khu rừng già nối liền Bắc Thái Nguyên, miền Nam Bắc Kạn và miền Đông Tuyên Quang để tập trung cơ quan chỉ đạo, đầu não của Việt Minh toàn quốc.

Từ 1950 trở đi, sau khi nhận lời phê bình cay chua gay gắt của Kremlin, các lãnh tụ Việt Minh mới tập trung tư tưởng về vấn đề cải tổ bộ máy chiến tranh cả về vật chất lẫn tinh thần. Và cũng từ năm ấy, người ta mới bắt đầu nghe thấy những lời hô “Đồng chí Nguyễn ái Quốc muôn năm” vang lên trong rừng xanh núi đỏ. Việt Minh đã dứt khoát được thái độ của mình.

Trong ba ngày, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đã lập xong danh sách các vị Tổng Trưởng, Bộ Trưởng đệ lên Quốc Trưởng duyệt y.

Chính phủ Nguyễn Văn Tâm đã tập hợp được các phần tử yêu nước, đảng phái và không đảng phái, những người quốc gia thuần túy của dân tộc Việt Nam.

Danh sách các vị Nội Các gồm có:

- Thủ Tướng kiêm Nội Vụ: Nguyễn Văn Tâm.
- Pháo Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bộ Cựu Chiến Binh: Ngô Thúc Định.
- Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Thông Tin: Phan Văn Giáo.
- Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao: Trương Vĩnh Tổng.
- Tổng Trưởng Bộ Canh Nông: Cung Đình Quý.
- Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng: Nghiêm Văn Tri.
- Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp: Lê Tấn Năm.
- Tổng Trưởng Bộ Giao Thông Công Chính: Lê Quang Huy.
- Tổng Trưởng Bộ Tài Chính: Nguyễn Huy Lai.
- Tổng Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục: Nguyễn Thành Giung.
- Tổng Trưởng Bộ Y Tế: Lê Văn Hoạch.
- Tổng Trưởng Bộ Xã Hội Lao Động: Lê Thăng.
- Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên Thể Thao: Vũ Hồng Khanh.
- Bộ Trưởng Bộ Nghiên Cứu Cải Cách: Trần Văn Quế.
- Bộ Trưởng Bộ Chiêu An Bình Định: Hoàng Nam Hùng.

Bắt tay vào công việc, Thủ Tướng đã trình bày rất minh bạch những nét lớn trong chương trình xây dựng:

1.- Mỗi lo đầu tiên của chúng tôi là phát triển Quân Đội Quốc Gia, vì tương lai chúng ta, nằm trong tay quân đội.

Chúng tôi muốn dự một phần mới vào cuộc chiến tranh, nhận cho mình nhiều vùng chiến đấu mới. Thế nên chúng tôi đào luyện gấp các cán bộ nhất là các cán bộ cao cấp và các viên chuyên môn và cũng tăng gia sự tuyển chọn các viên chuyên môn trong các địa hạt khác. Vì hiện nay trong một xứ chiến tranh, không phải chỉ động viên quân đội, mà phải động viên toàn quốc.

Sự động viên ấy chúng tôi muốn nó sẽ là sự động viên của tấm lòng và ý chí. Bởi vì chính phủ phải phụng sự quốc gia, bởi vì cuộc chiến tranh hôm nay đã thành một cuộc chiến tranh của toàn quốc, bởi vì sự bình định chỉ phải là công cuộc của toàn dân. Chính phủ tôi sẽ kết hợp toàn xứ vào mọi cố gắng của mình. Nó sẽ kiếm và sẽ tìm ra hai nguồn hứng của nó trong tinh thần quốc gia đầy can đảm và lý trí, của dũng cảm, của lòng tin tưởng và chí hy sinh của toàn dân Việt Nam.

2.- Một Hội Đồng tuyển cử sẽ giúp dân tộc chúng ta có thể phát biểu được những nguyện vọng thiết tha của họ, từ những nơi đồng quê hẻo lánh, cho họ có thể hướng đạo và kiểm soát hành động của chúng ta là công cuộc của dân. Sự triệu tập một quốc hội lúc chiến tranh trong tình trạng bất an sẽ tỏ cho kẻ trung lập và cho đồng bào đang bị đè nặng dưới sự độc tài cộng sản, dầu là chế độ nhân dân chân chính.

Một Hội Đồng Quốc Gia Lâm Thời, đại diện tất cả địa phương và nghề nghiệp sẽ tổ chức một ngày gần đây, nó sẽ tiêu biểu ý chí thực hiện sự đại diện quốc gia của chúng ta cho đến ngày triệu tập quốc hội.

3.- Chúng tôi sẽ ưu đãi sự tổ chức nghiệp đoàn để giúp dân lao động ở thị thành có được phương thế bình vực quyền lợi và nâng cao mức sống của mình. Nhưng chúng tôi sẽ không quên rằng chỉ có thể thi hành một cuộc phân phát của cải lương thực là khi nào trong nước sức sản xuất được bành trướng và khối tài sản quốc gia được dồi dào, nhờ bởi sự đoàn kết của tất cả mọi người

4.- Chúng tôi sẽ cải cách chế độ điền địa để nâng cao sinh hoạt của nông dân, nhưng chúng tôi sẽ kính trọng quyền lợi hiện hữu của các điền chủ.

5.- Về phương diện cải cách cuộc cai trị, chúng tôi sẽ gặt gao như thế. Sự ban hành một quy chế công vụ sẽ đem lại cho giới công chức một bảo đảm chắc chắn, nhân đó, chính phủ sau khi đã chu đáo đến đời sống của họ, sẽ bắt buộc họ làm việc cho có hiệu quả, với một sự ngay thẳng tuyệt đối và phải có sáng kiến để đi đến chỗ thành công. Một chính phủ am hiểu trách nhiệm và nghĩa vụ của mình phải có một chính sách

cai trị nới rộng quyền hành đối với các cơ quan hành chính địa phương. Như thế các cơ quan địa phương không còn lấy cơ không nhận được chỉ thị của thượng cấp hay là thiếu phương tiện hành động, để che chở cho những sự lỗi lầm của mình. Quan lại sẽ được đánh giá theo giá trị của việc làm của họ, họ sẽ được bình vực trong phạm vi thi hành chức vụ của họ cũng sẽ bị trừng phạt gắt gao về sự bất lực hay trốn tránh phận sự của họ.

Chính phủ Liên Hiệp Nguyễn Văn Tâm là một chính phủ hoạt động. Thủ Tướng chính phủ Liên Hiệp đã nói:

“...Dự một phần mới vào cuộc chiến tranh và nhận cho mình nhiều vùng chiến đấu mới...” Dự một phần mới vào cuộc chiến tranh và nhận cho mình nhiều vùng chiến đấu mới có nghĩa là Quốc Gia Việt Nam sẽ tỏ cho thế giới dân chủ biết lòng đứng đắn cùng tư tưởng chính đáng của mình: Dân tộc Việt Nam sẽ thẳng thắn tự nhận lấy phần trách nhiệm chính trong công cuộc tranh đấu bảo tồn lãnh thổ. Đây là một lời nói chắc và mạnh. Lời nói ấy sẽ phá tan những thành kiến sai lầm của một số người trong nước cũng như ngoài nước vẫn thường không tin ở khả năng chiến đấu của các chiến sĩ quốc gia.

Muốn nhận phần thưởng xứng đáng: Độc Lập, Việt Nam không thể mãi mãi nhờ cậy các nước bạn mà cần phải phát triển bản thân lực lượng.

Bản thân lực lượng là một quân đội khỏe, một nền hành chính lành mạnh trong một đường lối dân chủ thực sự, bảo vệ tự do và quyền lợi cá nhân, tôn trọng nhân phẩm con người.

Trước kia Quân Đội Quốc Gia Việt Nam chỉ làm một nhiệm vụ nhũn nhặn là chiến đấu phụ vào quân đội Liên Hiệp Pháp.

Từ khi ông Nguyễn Văn Tâm lên ghế Thủ Tướng, Quân Đội Quốc Gia dần dần thay đổi hẳn bộ mặt.

Nếu các lãnh tụ Việt Minh thẳng bước đến cộng sản hóa dân tộc Việt Nam bằng cách coi việc chinh đảng và cải tạo tư tưởng là công tác căn bản tối quan trọng của họ thì trái lại, phe quốc gia cần phải đặt công tác quân sự lên hàng đầu trong công cuộc xây dựng nền độc lập Tổ Quốc. Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm nhấn mạnh rằng: “Tương lai chúng ta nằm trong tay quân đội”. Câu nói ấy có giá trị vô cùng trong thời gian và trong hoàn cảnh. Quân Đội “mỗi lo đầu tiên” không những của Thủ Tướng Tâm mà cũng là của tất cả mọi người theo lý tưởng quốc gia trong thời đại. Muốn thắng cộng sản, muốn lý tưởng quốc gia tồn tại, phải mạnh. Khối cộng đồng phòng thủ Tây Âu, việc tái vũ trang Tây Đức, tái vũ trang Nhật Bản hay phát triển Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, tất cả những công cuộc ấy đều nằm trong một quan niệm: Khỏe để đánh bại cộng sản. Không khỏe sẽ mất hết tự do và dân chủ.

Ngày Việt Minh cướp chính quyền (1945) lực lượng thuần túy quốc gia trên toàn lãnh thổ Việt Nam chỉ có hai tổ chức đáng kể: Tổ chức quân sự của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở khu chiến Vĩnh Yên, Yên Bái và nhóm quân sự của Giáo Đạo Bùi Chu, Phát Diệm. Quân đội của Việt Nam Quốc Dân Đảng ra mặt chống Việt Minh để mong cứu vãn tình thế, duy trì một nền chính trị tự do dân chủ còn các chiến sĩ Công Giáo chỉ cầm súng để tự vệ, chỉ chống lại đối phương khi họ uy hiếp trực tiếp đến vùng tôn giáo của mình. Ngoài ra còn một số lác đác và ít ỏi những nhóm người cũng cầm súng chống Việt Minh đóng rải rác ở vùng Tiên Yên, Đầm Hà miền Duyên Hải Bắc Việt hoặc ở miền rừng núi Tây Bắc Việt v.v... Họ chạm súng với Việt Minh nhưng không có một quan niệm rõ rệt trong sự chiến đấu. Quan niệm của những nhóm lẻ tẻ ấy hoàn toàn có tính chất địa phương và cá nhân riêng biệt.

Sau ngày khói lửa bùng lan trên khắp giải đất Việt Nam (19.12.1946), mỗi địa phương Trung, Nam, Bắc dần dần thành tựu và kết hợp những tổ chức quân sự nhưng vẫn mang nhiều tính chất tự vệ hơn là chủ động xông pha tiền tuyến tìm diệt đối phương.

Trong thời gian Quốc Trưởng còn ở nơi Hải Ngoại, cho đến tận thời gian thành lập Nội Các Trần Văn Hữu, những tổ chức quân sự địa phương mọc lên nhan nhản.

Nhờ ở sức mạnh quân đội Pháp trực tiếp đương đầu với lực lượng đối phương, các bộ đội quốc gia có tính chất địa phương tự chau dồi tổ chức và tiến bộ. Từ hành động thiết lập một đại đội chính quy thời chính phủ Trung Ương Lâm Thời Nguyễn Văn Xuân đến sự động viên hàng năm sáu vạn người để xúc tiến việc xây dựng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam dưới Nội Các Trần Văn Hữu, Quân Đội Việt Nam mới chỉ

đáng gọi là tượng trưng hình bóng mặt dầu đã có rất nhiều cuộc chạm sừng ở tiền tuyến với các lực lượng quân sự Việt Minh. Đối với một quốc gia đang tiến mạnh đến độc lập, đối với một chính phủ đang cố giành đặt lại đất đai, những hoạt động của đám quân sĩ nhìn chung chưa song đối với tiến bộ về những thắng lợi chính trị và ngoại giao đã thu hoạch được.

Nhìn rõ sự chênh lệch ấy, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm quyết tâm hướng dẫn Quân Đội Quốc Gia Việt Nam theo kịp với nhịp tiến triển về ngoại giao và chính trị.

Các đơn vị chính quy, từ con số 65.000 (cuối năm 1949) đã vọt lên sắp si 200.000 (1953) và nhất định sẽ còn tăng tiến nữa. (Theo chương trình dự định, đến cuối năm 1954, Quân Đội Quốc Gia sẽ lên tới con số 300.000 người).

Dưới quyền điều khiển của Thiếu Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hinh, lãnh thổ Việt Nam chia ra các Khu Quân Sự:

- Đệ Nhất Quân Khu: Nam Việt.
- Đệ Nhị Quân Khu: Trung Việt.
- Đệ Tam Quân Khu: Bắc Việt.
- Đệ Tứ Quân Khu: Cao Nguyên.

Mỗi Quân Khu có một Chỉ Huy Trưởng cấp Tướng hoặc cấp Tá phụ trách.

Đến cuối năm 1942, Quân Đội Quốc Gia đã có gần 5 Sư Đoàn gồm các Binh Chủng: Nhảy Dù, Thiết Giáp, Pháo Binh, Công Binh, Không Quân, Thủy Quân, ngoài ra lại còn những Vệ Binh Thái, Vệ Binh Nùng, Vệ Binh Nam Việt v.v...

Quân Đội Quốc Gia Việt Nam có truyền thống tư tưởng chống cộng của các chiến sĩ cách mệnh quốc gia đã từng võ trang tranh đấu ngoài Bắc Việt của các chiến sĩ quốc gia với tư tưởng Bảo Hoàng miền Trung Việt, và của các chiến sĩ đạo giáo đã từng hy sinh trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Dựa vào cái cốt tinh thần ấy Quân Đội Quốc Gia phát triển và động viên được đông đảo nhân dân ở các vùng rộng rãi đã thoát khỏi sự chi phối trực tiếp của nền hành chính Việt Minh, những vùng đã tránh được sự chỉ huy trực tiếp của các viên xã đội trưởng hay huyện đội trưởng cộng sản.

Như đã nói, chiến tranh ở Việt Nam có một trạng thái rất đặc biệt. Hàng ngàn thôn xóm thuộc hẳn trong hệ thống chính trị của Việt Minh và hàng ngàn thôn xóm do quân đội Liên Hiệp Pháp bảo vệ đã trực thuộc phạm vi kiểm soát của chính phủ quốc gia. Giữa hai địa phận đó còn lẫn lộn những khu rộng rãi chịu ảnh hưởng của cả hai bên thế lực. Vì thế nên vấn đề động viên của chính phủ quốc gia cũng như của Việt Minh đã là một cuộc tranh chấp dữ dội.

Số thanh niên giữa hai khu vực ảnh hưởng vừa phải chịu thuế cho Việt Minh vừa phải chịu sự kiểm tra của chính phủ quốc gia. Họ không dám đi lính cho Việt Minh vì họ không thể chịu nổi sự quá khổ hạnh của chế độ chính trị một chiều. Nhưng với tâm lý sợ Việt Minh, khi nghe thấy lệnh động viên của chính phủ quốc gia, thoát tiên họ cũng kinh hoàng. Rồi dần dần nhận định rõ chế độ tự do trong khu vực an ninh, họ đã hăng hái gia nhập quân đội. Do đó tổng số Quân Đội Quốc Gia tăng cường một cách mau chóng.

Chống lại tâm lý biến động của đám thanh niên đồng ruộng ấy, các cán bộ và nhân viên trong phòng tuyển mộ của Việt Minh ra sức len lỏi hoạt động, tuyên truyền để cướp lại thanh niên, bổ xung quân số bị hao hụt trên trận địa.

Chính phủ quốc gia, nhờ những phương pháp mới mẻ, đã thu hút một cách dễ dàng những thanh niên lành mạnh để xây dựng Quân Đội Quốc Gia.

Quân số tăng cường bao nhiêu, vấn đề cán bộ chỉ huy càng thêm cấp bách bấy nhiêu.

Đối phó với vấn đề thiếu sĩ quan các Trường Võ Bị ra công đào tạo.

TRƯỜNG LIÊN QUÂN ĐÀ LẠT

Niên khóa 1948-1949: 53 Sĩ Quan tốt nghiệp.

Niên khóa 1949-1950: 120 Sĩ Quan tốt nghiệp.

Niên khóa 1950-1951: 227 Sĩ Quan tốt nghiệp.

Niên khóa 1951-1952: 402 Sĩ Quan tốt nghiệp.

Niên khóa 1952-1953: 541 Sĩ Quan tốt nghiệp.
Các Sinh Viên Sĩ Quan được huấn luyện mỗi tuần:
– 6 buổi học về kỹ thuật tác chiến hoặc động tác cơ bản.
– 5 buổi học về kỹ thuật sử dụng vũ khí, địa hình địa vật, cơ giới, truyền tin...
– 1 buổi học về lý thuyết quân sự.

TRƯỜNG THỦ ĐỨC

Thành lập từ năm 1951, Trường Thủ Đức đã đào tạo được hơn 2000 Sĩ Quan Trừ Bị.
Khóa thứ 4 (11.1953) có thêm 1.200 Sinh Viên.
Chương trình học 6 tháng, chia làm 3 giai đoạn:

- Huấn luyện chung.
- Huấn luyện chuyên môn.
- Thực hành tập sự.

TRƯỜNG BIÊN HÒA

Trường Biên Hòa chuyên đào tạo các Sĩ Quan Chỉ Huy Phụ Lực Quân Nam Việt.
Đã có 2.300 Sĩ Quan tốt nghiệp.

TRƯỜNG QUẢNG YÊN

Trường Quảng Yên chuyên đào tạo Cán Bộ Chỉ Huy cho các đơn vị Khinh Quân.
Trong năm 1953, 2.200 Hạ Sĩ Quan đã tốt nghiệp (Chuẩn Úy, Thượng Sĩ, Trung Sĩ).

Và còn rải rác tại các Trường Quân Sự bên Pháp, 182 Sinh Viên Sĩ Quan Việt Nam đang được bổ túc thêm về: Bộ Binh, Pháo Binh, Công Binh, Không Quân, Thủy Quân v.v...

Vấn đề tuyển mộ Sinh Viên Sĩ Quan được chính phủ phân chia theo một tỷ lệ rất công bằng để tránh sự tiến triển lệch lạc hoặc ngừng trệ trong các ngành hoạt động xã hội, kinh tế:

Tuyển Mộ Sinh Viên Sĩ Quan	1951	1952	1953
Công Chức	18%	42%	57%
Sinh Viên	11%	29%	18%
Học Sinh Trung Học	18%	7%	2%
Tư Chức	52%	16%	16%
Võ Nghệ & Linh Tinh	1%	6%	7%

Sĩ quan trong Quân Đội Quốc Gia Việt Nam là những thanh niên đầy hăng hái, quả cảm đầy lòng yêu nước thương nòi, đã từng có một căn bản văn hóa khá vững chắc để có thể tiến tới nắm vững kỹ thuật của cuộc chiến tranh tối tân.

Chính phủ còn mở mang rất nhiều Trường Võ Bị địa phương chuyên việc huấn luyện Hạ Sĩ Quan và Chuẩn Úy như Trường Võ Bị Trung Chánh ở Nam Việt, Trường An Cựu ở Trung Việt, Trường Ban Mê Thuột ở Cao Nguyên, Trường Bình Động ở Bắc Việt.

Quân Đội Quốc Gia Việt Nam rập theo khuôn mẫu quân đội Pháp. Tổ chức nhằm tiến tới tối tân. Ngoài những đơn vị lục quân, tất cả các Binh Chủng khác cũng đồng thời được nghiên cứu huấn luyện và thiết lập.

Về Không Quân, chính phủ mở mang phi trường huấn luyện ở Nha Trang và gửi nhiều sinh viên đi theo học tại các Phi Trường Marrakech, Fez v.v...

Nhờ những phi cơ kiểu Becchrft một phi đội liên lạc đầu tiên đã được thành lập. Trong các cuộc hành quân, sĩ quan Không Quân Việt Nam đã chỉ huy đoàn phi cơ trinh sát, thám thính trên chiến trường.

Về Thủy Quân, từ tháng chạp 1951. Chính phủ Trần Văn Hữu đã đặt viên đá đầu tiên xây dựng Trung Tâm Huấn Luyện và đến chính phủ Nguyễn Văn Tâm, ngành đó thêm phần tiến triển mạnh mẽ.

Nhờ Thủy Quân Pháp cho mượn chiếc pháo thuyền Digitale, những học sinh có thể học từng đợt chừng 30 người một và mỗi năm từ 250 đến 300 thủy binh.

- Bổ túc Sinh Viên Sĩ Quan.
- Đào tạo Sĩ Quan Hải Quân.
- Huấn luyện thủy binh chuyên môn.

Vì tình thế cấp bách phải cần ngay một số thủy binh để sử dụng những giang thuyền tuần thám trên sông và ven biển, Trung Tâm Huấn Luyện Nha Trang đã tổ chức những buổi học tập sự trên chiếm hạm lớn như Mẫu Hạm Arrorgnon de Brazza...Sau đó các học sinh được qua một kỳ thi để có thể trở nên Chuẩn Úy hoặc Thiếu Úy Thủy Quân.

Ngành Hải Quân rất khó khăn và đòi hỏi nhiều khả năng căn bản của học sinh cho nên, ngoài lối huấn luyện cấp tốc. Chính phủ còn mở thêm những kỳ thi để tuyển sinh viên theo học các Trường Sĩ Quan Hải Quân ở Pháp.

Tương lai Hải Quân Việt Nam có nhiều hứa hẹn tốt đẹp. Chính phủ đang trù tính, thành lập 2 Đoàn Thủy Binh Xung Phong (Dinassaut) một Đội Pháo Thuyền bình trị, tuần thám.

Hiện nay, nhiệm vụ của Hải Quân Việt Nam còn nhỏ hẹp theo hoàn cảnh chiến trường nhưng không vì thế mà kém phát triển để theo kịp với nhịp tiến của các Binh Chủng khác.

Quân Đội Quốc Gia còn có thêm những đơn vị phụ thuộc như:

- Giao thông liên lạc.
- Truyền tin.
- Vận tải.
- Quân y và Nữ phụ tá quân đội v.v...

Các Binh Chủng Pháo Binh, Công Binh, Nhảy Dù đều được tăng cường.

Cũng là lần đầu tiên Việt Nam phát triển tổ chức quân đội nhảy dù. Trên những cơ sở ít ỏi và lẫn lộn trong quân đội Liên Hiệp Pháp, đơn vị Nhảy Dù Việt Nam đã lớn mạnh và dần dần có kinh nghiệm trong các cuộc hành quân liên tiếp, nhất là ở Bắc Việt. Đã có những trận nhảy dù đại quy mô đa số do binh lính Việt Nam tham dự như trận Lạng Sơn, Lào Kay (1953)...

Ngành Quân Y tương đối khá so với khu vực Việt Minh. Nhờ có đủ dụng cụ khoa học, đủ phương tiện tối tân, các Sĩ Quan Quân Y có thể dễ dàng làm trọn nhiệm vụ ở tiền tuyến cũng như ở hậu tuyến. Nhà thương riêng của quân đội được mở mang rộng rãi như nhà thương Võ Tánh ở Hà Nội và nhiều nhà thương chung cho tất cả các quân đội dự chiến trên chiến trường Việt Nam.

Đối với thương binh, chính phủ rất chú trọng săn sóc. Họ là những người đã hiến xương máu một cách cụ thể để đem lại an ninh cho quốc gia và họ đáng được ưu đãi. Không những cá nhân thương binh được nuôi dưỡng tử tế, chính phủ còn nghĩ đến cả gia đình của họ. Chính phủ dành quyền ưu tiên nâng đỡ công ăn việc làm cho vợ con các chiến sĩ đã bỏ mình trên chiến địa. Bộ Quốc Phòng còn thiết lập Trường Thiếu Sinh Quân thu nhận những con cái của các quân nhân để dạy dỗ và huấn luyện những thiếu nhi đó sau này trở nên những người lính hoàn toàn.

Trong khi những thương binh của Quân Đội Quốc Gia được chăm nom chu đáo tại các nhà thương rộng thoáng, vệ sinh thì các an dưỡng đường của cục quân y Việt Minh bẩn thỉu và chui rúc trong các xó rừng sâu thẳm, thiếu thuốc men, thiếu dụng cụ tối tân và thiếu cả cán bộ quân y coi sóc.

Trong khi thương binh vùng quốc gia được nuôi dưỡng và theo dõi đến cả đời sống sau lúc đã rời khỏi dưỡng đường thì thương binh trong vùng Việt Minh phải lê tấm thân tàn phế vất vưởng tìm kế sinh nhai, sống không bảo đảm. Họ phải tìm sinh sống bằng cách gia nhập các trại thương binh, ở đó họ phải xuất tòng ra làm công việc tăng gia sản xuất để tự cung tự cấp hoặc làm các công việc đan rổ, đan rá bán cho dân chúng. Nếu không, họ sẽ bị trả về cho dân chúng và tự dân chúng phải tổ chức giúp đỡ họ trong chuỗi ngày xót lại đầy đau khổ. Những sự săn sóc của Việt Minh đối với họ thật đã không xứng đáng với tinh thần hy sinh của họ trên chiến địa.

Tháng 2 năm 1953 tại Hội Nghị Quân Sự Tối Cao họp tại Đà Lạt, phái đoàn Pháp đã đồng ý sẽ chuyển giao lại bất cứ một khu vực nào cho Quân Đội Việt Nam khi Việt Nam yêu cầu. Bởi vậy, trong mùa Hạ năm 1953, các Phân Khu Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh được giao lại cho Quân Đội Việt Nam đã trưởng

thành và còn thêm nhiều khu vực khác ở Trung Việt và Bắc Việt.

Những đơn vị đặc biệt cũng được dần dần chuyển qua sự chỉ huy của Sĩ Quan Việt Nam như đơn vị Lưu Động tại Na Sản.

Điểm đáng nhấn mạnh hơn cả là sự thành lập các Tiểu Đoàn Khinh Quân Việt Nam.

Kể đến tháng 6 năm 1953, Việt Nam đã có 9 Tiểu Đoàn Kinh Quân đang được huấn luyện. Chính phủ dự định trong năm 1953 phải có 54 Tiểu Đoàn Khinh Quân.

Tiểu Đoàn Khinh Quân là những đơn vị nhẹ có thể dễ dàng theo dõi Việt Minh khắp nơi thôn xóm rừng hoang mà không sợ vướng víu bận rộn vì những vũ khí nặng nề cồng kềnh. Các đơn vị Khinh Quân Việt Nam đã làm cho đối phương phải chú ý, e ngại. Sự thật, riêng Kinh Quân cũng chưa đủ để đối chọi với các binh đoàn mạnh của Việt Minh nhưng sự tiến bộ không ngừng của nó cả về phẩm lẫn lượng đã làm cho Việt Minh phải lo đến số phận tương lai.

Số lượng các đơn vị Khinh Quân có thể một ngày gần đây lên tới hàng 100 Tiểu Đoàn và sẽ được chia đi lưu động chiến đấu khắp nơi trên đất Việt.

Qua một thời gian 6 tháng, đến tháng Giêng năm 1953 chính phủ Nguyễn Văn Tâm cải tổ.

Nội Các mới gồm những vị:

- Nguyễn Văn Tâm: Thủ Tướng chính phủ
- Lê Văn Hoạch: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bộ Thông Tin Tuyên Truyền.
- Nguyễn Huy Lai: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Tài Chính-Kế Hoạch-Kiến Thiết.
- Trương Vĩnh Tổng: Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao.
- Nguyễn Văn Nhung: Tổng Trưởng Bộ Kinh Tế.
- Phan Văn Hy: Tổng Trưởng Bộ Cựu Chiến Binh và Phế Binh.
- Lê Quang Huy: Tổng Trưởng Bộ Giao Thông Công Chính Bưu Điện. Quyền Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng.

Tháng 6 năm 1953 Thủ Tướng ủy nhiệm:

- Bác Sĩ Phan Huy Quát giữ chức Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng.
- Lê Văn Năm: Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp.
- Cung Đình Quỳ: Tổng Trưởng Bộ Canh Nông.
- Nguyễn Thành Giung: Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục.
- Tấn Hàm Nghiệp: Tổng Trưởng Bộ Y Tế.
- Lê Thăng: Tổng Trưởng Bộ Xã Hội Lao Động.
- Lê Quang Hộ: Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.
- Vũ Hồng Khanh: Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên và Thể Thao.
- Đào Đăng Vỹ: Bộ Trưởng Dinh Thủ Tướng.

Nội Các mới thêm sinh lực mới trong công cuộc tiêu trừ cộng sản trên toàn diện.

Trước hết chính phủ tiếp tục tăng cường Quân Lực Quốc Gia.

Chiến đấu bên cạnh quân đội Liên Hiệp Pháp, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam trưởng thành. Trong tất cả mọi cuộc hành quân có người lính Việt Nam tham dự, những vị Tướng, Tá Pháp về hình thức đã phải thành thực khâm phục lòng dũng cảm và sự tiến bộ của người lính Quốc Gia Việt Nam.

Sự tiến triển của Quân Đội Quốc Gia vấp phải hai trở lực khó khăn nhất: Khó khăn về vấn đề chi tiêu quân sự và vấn đề sĩ quan.

Chính phủ Quốc Gia Liên Hiệp đã cố hết sức giành phần lớn ngân quỹ dùng về quân sự. Năm 1951, 15% ngân sách quốc gia được dùng để tổ chức bộ đội. Dự án năm 1952 là 800 triệu đồng nhưng thực sự đã lên đến 1.750.000.000 đồng, 58% ngân sách. Năm 1953, chính phủ dành riêng cho việc tổ chức quốc

phòng số tiền sắp xỉ 3.000.000.000 đồng, 70% ngân sách. Số tiền khổng lồ đó đủ chứng tỏ sự lớn mạnh của toàn thể Quân Đội Quốc Gia trong năm 1953.

Còn vấn đề sĩ quan, một vấn đề không kém phần quan trọng.

Số lượng quân lính nhiều bao nhiêu, sĩ quan và hạ sĩ quan phải nhiều lên bấy nhiêu. Quân Đội càng tăng, đơn vị càng phải lớn và quan trọng. Ngoài những sĩ quan hàng Ủy, chỉ huy các đại đội, cần phải huấn luyện gấp rút số sĩ quan hàng Tá, sĩ quan hàng Tướng và sĩ quan Tham Mưu.

Vấn đề chỉ huy là một việc trọng đại khi phải sử dụng hàng vài sư đoàn trên chiến trường rộng lớn, người chỉ huy trưởng, ngoài đức dũng cảm và trí kiên quyết thường xuyên của một chiến sĩ, lại còn phải là một nhà bác học về khoa quân sự. Nào lục quân, nào không quân, thủy quân, nào pháo binh, trinh sát, giao thông liên lạc, rồi chiến thuật tác chiến, rồi kỹ thuật sử dụng vũ khí, sử dụng binh lính v.v... tất cả tập trung dưới quyết định hết sức nhanh chóng của một người. Do đó sĩ quan cao cấp không thể đào tạo dễ dàng trong một khoảng thời gian ngắn ngủi được. Cần phải có những phần tử thật ưu tú để đảm đương trọng trách trên những chiến trường mỗi ngày mỗi rộng. Vấn đề cấp bách này đã được Bộ Quốc Phòng nghiên cứu cẩn thận trong chính sách huấn luyện các cấp chỉ huy tương lai.

Tháng 6.1953, Quốc Trưởng ký một Đạo Dụ về vấn đề quân dịch, quy định nhiệm vụ của người dân Việt Nam trong thời chiến đối với công việc tham gia quân đội. Tất cả công dân Việt Nam (nam giới) từ 20 tuổi trở lên đều phải qua một thời kỳ quân dịch trừ khi được chính thức công nhận là không có đủ sức khỏe. Quân dịch là một vấn đề phải có trong mọi thời kỳ quân dịch trừ khi được chính thức công nhận là không có đủ sức khỏe. Quân dịch là một vấn đề phải có trong mọi quốc gia tự do, độc lập. Công dân Việt tới 14 tuổi đều phải trình diện tại Hội Đồng Kiểm Tra Trưng Bình để xét sức khỏe.

Mỗi năm lại có sự kiểm tra trưng binh những thanh niên đã được kiểm tra trong vòng năm trước. Hội Đồng Kiểm Tra Trưng Bình có nhiệm vụ kiểm soát lại số kiểm tra, sửa đổi khi có sự sai lầm hay không hợp thời, định đoạt trong mọi trường hợp tranh tụng về những thanh niên và hộ tịch có sự đáng ngờ định đoạt về năng lực thể chất của từng người để thi hành nhiệm vụ, biên dịch, sưu tầm theo huấn lệnh chính phủ, các tài liệu về thống kê hoặc về dân số học nhân loại trắc định pháp hoặc về sức khỏe công cộng. Mỗi tỉnh, mỗi thị xã sẽ có một Hội Đồng Kiểm Tra Trưng Bình.

Đồng thời với công việc Kiểm Tra Trưng Bình toàn quốc, chính phủ đã liên tục đào tạo hàng ngàn hạ sĩ quan trừ bị tại các trung tâm huấn luyện kỹ thuật địa phương và thiết lập Trường Cao Đẳng Võ Bị.

Tháng 10 năm 1953, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng Phan Huy Quát đã cho biết những phương pháp mới mẻ sẽ được áp dụng trong công việc đào tạo sĩ quan như dưới đây:

“Theo các nhà chuyên môn về quân sự thấu hiểu vấn đề hiện tại, nước Việt Nam có thể có đủ sĩ quan có tài năng để đảm nhiệm việc chỉ huy bộ đội trong đủ mọi cấp. Việc khẩn yếu là kiểm tra các phần tử có tài năng và huấn luyện cho họ thành các sĩ quan có đủ năng lực và điều kiện chuyên môn. Điều kiện cốt yếu sẽ không phải là cấp bậc trong quân đội, tuổi nhiều hay ít và học lực nhưng là năng lực chỉ huy.

Nước Việt Nam đang đứng trong một tình trạng khẩn yếu và đặc biệt, vì vậy chính sách huấn luyện cán bộ Quân Đội Quốc Gia cũng phải dùng những phương pháp đặc biệt ngoài những phương pháp thường xuyên.

Các phương pháp thường xuyên vẫn áp dụng từ trước đến nay cũng cần phải được sửa đổi.

Điều đầu tiên là tất cả sĩ quan hiện tòng sự trong các Bộ Tham Mưu, các Nha, các Sở, các phòng giấy và giữ một nhiệm vụ có thể do công chức thường đã quá tuổi động viên thay thế được sẽ hoặc ra chỉ huy bộ đội ở tiền tuyến hoặc đi theo lớp huấn luyện cao cấp hơn.

Điều thứ hai là các lớp huấn luyện sĩ quan cấp Ủy và hạ sĩ quan sẽ dần dần hoàn toàn dạy bằng tiếng Việt.

Từ trước đến nay, chính phủ gọi nhập ngũ các thanh niên có bằng cấp Đại Học, Trung Học hay Cao Đẳng Tiểu Học hay có học lực tương đương.

Nhưng số gọi thanh niên nhập ngũ nhiều hơn gấp bội số thanh niên học sinh nên không bao lâu nữa có lớp dạy quân sự bằng tiếng Pháp sẽ không có học trò nữa. Ngoài ra ta cũng có một số thanh niên có học

lực tương đương, có bằng cấp Trung Học hay Cao Đẳng Tiểu Học nhưng học ở các Trường Trung Học quốc gia hay ở hậu phương nên không có học lực sinh ngữ Pháp đủ để theo các lớp huấn luyện quân sự dạy bằng tiếng Pháp. Vì vậy việc dạy bằng tiếng Việt là một sự cần thiết nếu ta muốn các lớp huấn luyện sĩ quan có nhiều học sinh.

Điều thứ ba của phương pháp thường xuyên là sẽ có các lớp huấn luyện cấp tốc riêng cho các sĩ quan, hạ sĩ quan có năng lực chỉ huy và có kinh nghiệm chiến tranh để có thể không kể tuổi, học lực hoặc cấp bậc trong quân đội, bổ nhiệm tạm thời ngay vào các cấp chỉ huy cao hơn. Nếu trong một thời gian ngắn, các phần tử đó tỏ ra có đủ năng lực để chỉ huy, thì sẽ được bổ nhiệm thực thụ vào cấp chỉ huy tương đương.

Bộ Quốc Phòng mới tổ chức tại Hà Nội một “Trung tâm nghiên cứu quân sự” để huấn luyện các Đại Úy và các sĩ quan cấp Tá. Ngoài ra lại còn đang trù liệu để tổ chức một Trường Cao Đẳng chiến tranh có mục đích huấn luyện các sĩ quan chỉ huy cao cấp các đơn vị quan trọng và các sĩ quan chỉ huy các Bộ Tham Mưu.

Các trường huấn luyện quân sự hiện có hoặc sắp được tổ chức sẽ cố gắng hoạt động để các học sinh được đông đảo hơn và thời hạn huấn luyện được nhanh chóng hơn ngò hầu bộ đội có đủ cán bộ chỉ huy.”

Nói đến phương pháp đặc biệt, ông Tổng Trưởng Quốc Phòng cho biết:

“Cần phải áp dụng các phương pháp đặc biệt để đối phó với tình thế đặc biệt và với nhu cầu đặc biệt và khẩn cấp về các cấp chỉ huy quân đội. Những phương pháp này chỉ sẽ dùng trong tình thế chiến tranh hiện tại.

Phương pháp đặc biệt đầu tiên được trù liệu là việc dùng các công chức hay thường dân đã quá tuổi động viên và có đủ năng lực để thay thế các sĩ quan trong các việc thường xuyên ở các Bộ Tham Mưu, các Nha, Các Sở và các Phòng giấy.

Các nhân viên này sẽ phải được tập sự trong một ít lâu và sẽ thay thế hẳn các sĩ quan hiện dịch và các sĩ quan trừ bị để cho các phần tử này ra tiền tuyến hay theo học các lớp huấn luyện quân sự cao cấp.

Phương pháp thứ hai là kiểm tra các phần tử, vì tình thế chiến tranh hiện tại, có kinh nghiệm về việc chỉ huy quân đội và tỏ ra có năng lực thật sự. Đối với các phần tử này Bộ Quốc Phòng sẽ mở lớp huấn luyện riêng rồi tùy theo năng lực sẽ bổ nhiệm tạm thời ra chỉ huy bộ đội tại mặt trận hay tòng sự tại các Bộ Tham Mưu tác chiến. Nếu các sĩ quan này tỏ ra xứng đáng để chỉ huy một đơn vị nào thì sẽ được bổ nhiệm thực thụ vào cấp bậc đó.

Phương pháp đặc biệt thứ ba là kiểm điểm các hạ sĩ quan có kinh nghiệm chỉ huy và tỏ ra có can đảm và năng lực ở tiền tuyến để bổ nhiệm họ lên cấp sĩ quan với tính cách tạm thời và cũng như tôi đã nói trên, nếu họ tỏ ra xứng đáng với chức vụ mới thì sẽ được thực thụ bổ nhiệm. Phương pháp này sẽ khuyến khích toàn thể các phần tử Quân Đội Quốc Gia và cho họ có dịp để biểu lộ tài năng.

Phương pháp đặc biệt thứ tư là chọn các thanh niên có đủ học lực để huấn luyện họ thăng làm sĩ quan chuyên môn như ngành cơ giới, pháo binh, công binh v.v...

Nói tóm lại chính sách huấn luyện cán bộ quân sự dùng đủ mọi phương pháp kể cả phương pháp cách mạng, mục tiêu cốt để tìm kiếm và huấn luyện trong một thời gian ngắn nhất các sĩ quan đủ các cấp có năng lực và kinh nghiệm để chỉ huy Quân Đội Quốc Gia và để đối phó với mọi biến chuyển của thời thế”.

Từ trước, Quân Đội Quốc Gia mới chỉ được nhào nặn trong những hệ thống làm việc cố định và do những phương pháp cổ điển, cứng nhắc, không hợp với tình thế và hoàn cảnh của Việt Nam. Nếu những phương pháp mới mẻ và hợp thời hiện nay của Bộ Quốc Phòng khai thác được hết khả năng quân sự của tất cả các người hoặc có khiếu về quân sự hoặc kinh nghiệm bản thân trong sự chiến đấu trên chiến trường thì nhất định Quân Đội Quốc Gia Việt Nam sẽ có dịp tiến bộ và tiến một cách vượt bậc.

Nhiệm vụ Quân Đội Quốc Gia rất nặng. Thế giới tự do đã chú mục đến những người lính Việt Nam trên đồng ruộng Việt Nam.

Quân Đội Quốc Gia không còn chiến đấu lẻ biệt để riêng phụng sự cho nước Việt Nam nhỏ bé mà đã có nhiệm vụ tiên phong trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản của toàn thể thế giới tự do dưới sự lãnh đạo chiến lược đại cường quốc dân chủ Hoa Kỳ.

Sức chiến đấu của người lính quốc gia tuy chưa hẳn là cốt cán trong quân lực nói chung trên chiến trường Việt Nam nhưng không vì thế mà kém phần anh dũng.

Trong năm 1953, chính phủ đã tuyên dương công trạng cho biết bao nhiêu anh hùng chiến sĩ hoặc còn sống hoặc đã bỏ mình trên chiến địa. Những chiến sĩ ấy tỏ ra can đảm phi thường khi xông pha ngoài chiến trường.

Đó là những anh hùng quân đội của chính nghĩa quốc gia, những người Binh Nhì như Châu Dum, anh hùng bắn súng máy ở Đèo Hải Vân trong Đệ Nhất Tiểu Đoàn Nhảy Dù Việt Nam, Binh Nhì Đoàn Ngọc Chiêm, Trần Ngọc Dinh, anh hùng trong Đệ Tam Tiểu Đoàn Nhảy Dù vùng Hải Dương Bắc Việt, Hạ Sĩ Phùng Minh Xuân nổi danh trong cuộc hành binh ở Da Ban, Trung Việt, Trung Sĩ Vương Hữu Hào, Trần Quang Vinh, anh hùng của tháp canh TRV-993 Biên Hòa v.v... Tất cả còn nhiều không thể kể xiết, đã ngã trong danh dự.

Dưới danh từ “lực lượng” trong vùng quốc gia, ngoài quân đội chính quy trực thuộc hẳn hoi trong hệ thống nhất định của chính phủ Quốc Gia Liên Hiệp, mỗi địa phương Trung-Nam-Bắc còn có những tổ chức quân sự riêng biệt hoặc hoạt động dưới quyền Thủ Hiến Phủ do ngân sách địa phương đài thọ, hoặc hoạt động dưới sự chỉ đạo của các nhóm tôn giáo, chính trị.

Ở Bắc Việt, không kể Bảo Chính Đoàn nguyên Thủ Hiến Phạm Văn Bình đã khởi xướng việc thành lập quân thứ lưu động và hiện kim Thủ Hiến Nguyễn Hữu Tri còn thành lập và phát triển Địa Phương Quân. Địa Phương Quân là những chiến sĩ áo nâu, chiến sĩ nơi đồng ruộng có nhiệm vụ giữ làng giữ xóm trực tiếp đối đầu với lực lượng du kích của đối phương. Họ là những “du kích thoát ly sinh sản, Việt Minh có hai loại du kích, một là du kích thoát ly sinh sản hai là hạng dân quân du kích tự cung, tự túc. Hạng trên được tập hợp có hệ thống và biên chế rõ rệt được địa phương đài thọ, họ chiến đấu và tiến dần thành bộ đội địa phương, thường gọi là chủ lực địa phương. Trái lại, hạng dưới chỉ là thường dân, khi hết nhiệm vụ sản xuất ở đồng ruộng lại đóng vai canh gác, tuần thám như tài liệu chính trị, tin tức, sách báo...”

Ở Bắc Việt còn có một lực lượng địa phương khá hùng hậu và đầy đủ tinh thần chiến đấu, đó là những lực lượng Công Giáo vùng Bùi Chu-Phát Diệm. Họ tuy không thuộc hạng lính chuyên việc “tấn công địch” nhưng vì vùng Công Giáo là chiến trường gay gắt và dai dẳng nhất Bắc Việt nên vô hình chung họ đã trở thành những người lính chiến kiên nhẫn và mạnh dạn cố thủ giữ quê hương.

Tại miền Trung, Thủ Hiến Phan Văn Giáo thành lập Nghĩa Dũng Đoàn để bảo vệ tài sản và sinh mệnh của dân chúng. Nói đến Nghĩa Dũng Đoàn ở Trung Việt ngày nay tất phải nhớ đến truyền thống khá oanh liệt của Việt Binh Đoàn mà tiền thân là Bảo Vệ Quân do Hội Đồng Chấp Chánh tổ chức ra 7, 8 năm về trước. Tất cả những kinh nghiệm và tinh thần chiến đấu của Việt Binh Đoàn ngày nay Nghĩa Dũng Đoàn tất nhiên mặc hưởng và phát triển trong sứ mạng bình định miền Trung nước Việt.

Nói đến miền Nam, những tổ chức quân sự riêng lẻ thật là dôi dào. Quân đội Bình Xuyên, quân đội Hòa Hảo, quân đội Cao Đài. Những đoàn quân riêng biệt ấy không trực thuộc trong hệ thống Quân Đội Quốc Gia, cũng không trực thuộc dưới quyền Thủ Hiến Phủ Nam Việt. Những nhóm quân sự hùng mạnh đó chịu dưới quyền đặc biệt của các Tướng lĩnh địa phương (Bình Xuyên) hoặc của các lãnh tụ tôn giáo (Cao Đài, Hòa Hảo).

Riêng về vấn đề quân sự, sau hơn một năm hoạt động, chính phủ Nguyễn Văn Tâm đã cố gắng thực hiện công cuộc phát triển Quân Lực Quốc Gia, số lượng mới đây hàng vạn đã lên đến hàng chục vạn. Đó là một thành tích rất đáng kể. Tuy nhiên muốn được thập phần hoàn hảo, cần phải cương quyết vượt qua nhiều nhược điểm và sửa chữa nhiều khuyết điểm như vấn đề chưa thống nhất, đoàn kết được tất cả các lực lượng quân sự dưới hẳn một hệ thống tổ chức nhất định để cùng hành động trong một chiến lược chung, hai là vấn đề tư tưởng phục vụ nhân dân trong quân đội chưa được chỉnh bị khiến cho thường khi có những việc làm tắc trách trong công cuộc bình trị, vấn đề thứ ba là tư tưởng chính trị chưa được hoàn toàn phổ biến, còn cần phải làm thế nào cho quân sĩ quan niệm thật rõ rệt và vững chắc ý nghĩa về sự chiến đấu của họ.

Chừng nào câu nói “Nhận cho mình nhiều vùng chiến đấu mới” được kết quả hoàn toàn cả bề sâu lẫn

bề rộng, chừng đó Quốc Gia Việt Nam mới có thể hãnh diện vì những vượt bậc cố gắng của mình, Quân Đội Việt Nam sẽ kiêu hãnh vì thành tích oanh liệt vẻ vang của mình.

Quân Lực Việt Nam bành trướng, vùng quốc gia sẽ càng ngày càng mở rộng và dân chúng sẽ theo chính phủ quốc gia nhiều hơn nữa. Mất dân chúng, Việt Minh sẽ mất hẳn yếu tố quyết định sự sống còn của họ.

Trong phạm vi Kinh Tế, Nội Các Nguyễn Văn Tâm đã thu hoạch được nhiều kết quả đẹp mặc dầu đang phải chuyên chú đến vấn đề xây dựng Quân Đội Quốc Gia, mặc dầu tình thế còn phô bày một thực trạng đáng lo ngại.

Vì chiến tranh, nhất là chiến tranh du kích và chính sách vườn không nhà trống, nước Việt Nam đã nghèo nay lại xơ xác thêm. Muốn thực hiện một nền kinh tế khả dĩ có thể tự túc, trước hết phải lo giải quyết vấn đề nhân khẩu mà đại đa số là nạn nhân chiến tranh, mất hết sản nghiệp, đang bị nạn đói, rét đe dọa. Chính phủ giải quyết ngay vấn đề đó rồi mới mong tính đến khai thác được sức lao động của nhân dân, phục vụ nền kinh tế quốc gia non yếu.

Đất Bắc là nơi chiến tranh tàn khốc nhất. Theo kế hoạch ngăn chặn nguồn tiếp tế của Việt Minh, Liên Quân Việt-Pháp đã chẳng nề hà phá tan các kho dự trữ lương thực của địch ở khắp nơi, trái lại để tăng cường số lượng dự trữ của mình, Việt Minh đã đánh ập vào các vùng đồng ruộng phì nhiêu cướp thóc lúa trong mùa gặt hái, đồng thời bao vây cấm ngặt việc chuyển gạo vào các thị thành. Do đó, Bắc Việt đã trải qua nhiều lần gạo cao giá. Nhờ khả năng sản xuất gạo ở Nam Việt, nhờ phương tiện giao thông dễ dàng, mau chóng. Tổng Trưởng Kinh Tế Nguyễn Văn Nhung đã ban hành những biện pháp thích ứng, nhờ lòng tận tâm của các đương cục hữu trách, Bắc Việt đã tránh được những cuộc khủng hoảng gạo.

Dưới Nội Các Nguyễn Văn Tâm, vấn đề gạo nuôi sống nhân dân tương đối được thăng bằng, tất cả các ngành kinh tế khác nhờ đó đã tiến triển tuy chưa vượt mức nhưng cũng khá quan trọng.

Về Kinh Tế Nông Nghiệp, chính phủ hết sức giúp đỡ tài chính và hướng dẫn nhà nông tăng gia theo các phương pháp khoa học nên đã có những tiến bộ cụ thể.

Trước hết, trên tư tưởng, chính phủ đã dung hòa được quyền lợi các giai cấp trong đám nông dân: Phú nông, trung nông, tiểu nông và bần cố nông và ngược lại hạng bần cố nông trong khi tiến tới hưởng quyền sở hữu chủ ruộng đất bằng cách tự xuất sức lao động, đã không quá trốn thủ tiêu quyền lợi cố hữu của giai cấp điền chủ.

Trên địa hạt sản xuất, phát triển nông nghiệp, nhất là sản xuất thóc lúa, chính phủ đã đạt được những mục tiêu đáng kể.

Nếu kinh tế nông nghiệp, chia ra nhiều khu vực:

- Canh tác về thóc lúa.
- Thủy nông.
- Trồng trọt thực phẩm.
- Chăn nuôi.
- Khai thác lâm sản.
- Hầm mỏ.
- Ruộng muối.

Thóc lúa được đặt lên hàng đầu trong nền kinh tế nông nghiệp. Đối với đông đảo nhân dân ở Á Đông, hạt thóc đã được gọi là ‘ngọc thực’. Trận chiến tranh giữa Việt Minh và Liên Quân Việt-Pháp đôi khi đã có những chiến dịch mệnh danh là chiến dịch thóc lúa. Đối với Việt Minh, hạt thóc quyết định chiến trường. Trong vùng quốc gia cũng vậy, hạt thóc quyết định tất cả, mọi hoạt động đều phải chịu ảnh hưởng ở vấn đề thóc gạo.

Từ ngày xảy ra chiến tranh, ruộng đất bỏ hoang kể hàng vạn mẫu tây trong toàn quốc. Bộ Canh Nông dưới quyền Tổng Trưởng Cung Đình Quý đã cố gắng thực hiện việc canh tác trên những thửa ruộng hoang. Mỗi năm số diện tích những đồng ruộng được cày cấy lại, được tăng một cách khả quan. Trong năm 1952, tổng số tính theo mẫu tây tăng được 8.710 và cuối năm 1953, tại khắp lãnh thổ Việt Nam, nhà nông đã cày cấy trong khu vực quốc gia năm 1953, lên tới 2.016.850 mẫu tây.

Với những phương pháp tinh xảo và được giúp đỡ thóc giống, phân bón hóa học, nhà nông Việt Nam, đã sản xuất trong năm 1952 trên hai triệu rưỡi tấn gạo trong năm 1953, 2.763.300 tấn gạo.

Sở dĩ tiến bộ được như thế vì quần chúng nông gia sống tương đối yên ổn trong khu vực quốc gia kiểm soát đã tích cực cố gắng đổ mồ hôi trên đồng ruộng và cũng nhờ ở chính phủ đã dành riêng một số tiền cho kế hoạch canh tác.

Từ 713.750 đồng năm 1951 dưới Nội Các Trần Văn Hữu, vốn xuất trong năm 1952 đã lên tới 6.279.000 đồng và năm 1953 cũng 6 triệu đồng.

Chính phủ Nguyễn Văn Tâm còn dành riêng một ngân khoản 10.000.000 trong số tiền viện trợ Mỹ, hợp với 5.000.000 đồng của Sở Quốc Gia Tín Dụng Hợp Tác Canh Nông và Tiểu Công Nghệ dùng trong chương trình vay mượn ngắn hạn cho các tá điền và tiểu điền chủ. Tuy chương trình này mới chỉ áp dụng với nông dân các miền Chợ Lớn, Gia Định, Mỹ Tho, Tân An, Gò Công ở Nam Việt nhưng rồi đây nông dân toàn quốc cũng sẽ phải được hưởng theo.

Nếu trong vùng Việt Minh hạt thóc đã gây bao khổ cực cho đời sống bình nhật của nông dân thì ở vùng quốc gia, dưới chính phủ Nguyễn Văn Tâm và dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng Trưởng Canh Nông Cung Đình Quý, nhà nông đã tạm đủ thóc lúa tự túc, thị thành thoát khỏi nạn khan gạo, một điều đáng lo sợ cho tất cả mọi người.

– Số lượng thóc lúa tăng tiến một phần cũng do công cuộc thủy nông được mở mang.

Gạo Nam Việt nhiều hơn ở Bắc và Trung vì không những ở Nam đồng ruộng nhiều hơn lại còn được hưởng đầy đủ số nước cần thiết cho cây lúa do công cuộc thủy lợi và do mưa gió điều hòa hơn ở Trung Bắc. Tại Bắc Việt, một vài nơi như Thanh Hóa, Sơn Tây, Bắc Giang có những “nông giang” luôn luôn tưới nước mát cho đất màu nhưng phần lớn đồng ruộng những tỉnh ấy đều dưới quyền kiểm soát của Việt Minh.

Chính phủ đã xúc tiến công việc sửa chữa sông đào sửa chữa đê điều trị thủy và tu bổ các cống nước, đập nước tiện cho nông gia sử dụng. Riêng với công việc thủy lợi chính phủ đã phải tiêu tốn hàng chục triệu (năm 1952 hết 12.747.000 đồng và năm 1953 hết 20 triệu đồng).

– Ngành trồng trọt hoa màu khác ngoài thóc lúa của được Bộ Canh Nông rất chú trọng. Tại các vùng đất đai chỉ có thể sản xuất được ngô, khoai, sắn hoặc các thứ thực phẩm như dưa, cà, bí, đỗ, lạc v.v... nông gia được hưởng và sử dụng một ngân khoản riêng dành cho họ. Nhờ sự nâng đỡ đó các nhà nông trồng trọt hoa màu thực phẩm đã sản xuất được nhiều và tăng tiến công việc đồng áng của họ.

– Về chăn nuôi, chính phủ bỏ ra một số tiền là 20 triệu đồng năm 1952 và 22 triệu trong năm 1953. Với tiền giúp đỡ, đồng bào thôn quê tránh được nạn thiếu trâu bò cày cấy và có thể khẩn trương công việc chăn nuôi gia súc.

Nếu dân chúng sống trong vùng Việt Minh bắt buộc phải hạn chế sát sinh trâu bò thì ở vùng quốc gia, dân chúng đã được hưởng thụ đầy đủ những thức ăn cần thiết.

Ngành lâm sản cũng có riêng một ngân khoản quan trọng 122.000.000 đồng trong năm 1952 và 146.500.000 trong 1953.

Số gỗ dùng vào công việc xây dựng mỗi năm hàng hai chục vạn thước khối mặc dầu phần lớn rừng núi vẫn thuộc vùng của Việt Minh đóng giữ.

Củi đun mỗi năm tiêu thụ chừng năm chục vạn tạ và than gỗ có thể sản xuất được hàng vạn tấn.

Công tác sản xuất nhựa thông ở vùng Cao Nguyên cũng được nghiên cứu và cải cách phương pháp lấy nhựa.

Các đồn điền cao su lại được khai thác sau khi đã diệt trừ được những sự len lỏi phá phách của du kích Việt Minh. Số lượng sản xuất mỗi ngày mỗi tăng. Năm 1951, Việt Nam đã sản xuất được 37.278 tấn nhựa cao su năm 1952, số tấn lên đến 45.062.

– Nói đến hầm mỏ, nhất là ở Bắc Việt, các Công Ty đã rất tiến bộ từ khi chính phủ Quốc Gia Liên Hiệp bắt tay vào việc. Đặc biệt nhờ sự săn sóc của Mỹ trong phạm vi máy móc và kỹ thuật khai thác, các công ty mỏ than đã nỗ lực không ngừng phát triển.

Mức sản xuất tăng rất đều. Từ hơn 6 chục vạn tấn than đá năm 1951 đã lên đến 9 chục vạn tấn năm 1952. Những năm tới số lượng sản xuất than đá sẽ phải tăng vượt mức vì lý do an ninh đã gần hoàn toàn trở lại trong khu vực hầm mỏ và nhờ ở sự hỗ trợ của chính phủ Việt Nam, nhờ cố gắng của nhà chuyên môn kỹ thuật.

– Muối là món thực phẩm quan trọng chẳng kém gì thóc gạo nên kỹ thuật sản xuất muối biển được cải tiến. Năm 1952, số lượng sản xuất muối là 143.200 tấn và năm 1953, sẽ có thể hơn nữa, không những đủ dùng trong dân chúng mà còn thừa để xuất cảng.

Vấn đề Công Kỹ Nghệ nói chung vẫn chậm tiến. Kỹ nghệ nặng chưa được xây dựng vì thế phần lớn những nhu cầu cần thiết cho Quốc Phòng phải trông mong vào viện trợ của Hoa Kỳ và Pháp. Tiểu công nghệ như nghề làm dầu nhớt, xà phòng hay việc sản xuất bông, tơ...chưa được khả quan vì lẽ thiếu nhiều nguyên liệu và máy móc cần dùng.

– Về ngành Giao Thông Công Chính, chính phủ đặt một chương trình hoạt động trường kỳ và khoa học. So với ngành giao thông kém cỏi lạc hậu của Việt Minh phương tiện giao thông trong vùng quốc gia đã hơn hẳn, vừa đầy đủ phương tiện, vừa nhanh chóng dễ dàng.

Bộ Giao Thông Công Chính đã tích cực trong công cuộc sửa sang các hải cảng và các đường giao thông mặt thủy như vét bùn ở bến tàu, các kho hàng ở bến, khơi sông v.v...Dân chúng đã có thể dùng đường thủy để thông thương vừa tiện lợi vừa rẻ tiền. Quốc Gia Việt Nam đã có nhiều tàu thủy kiểu LCT như tàu Bạch Đằng Giang, tàu Hàm Tử Quan, tàu Chương Dương Độ.

Việc giao thông trên đường bộ đã gặp nhiều trở lực rất gay go vì chiến thuật phá đường của Việt Minh. Đã có rất nhiều chiến sĩ ngành Công Chính phải bỏ mình trong khi thi hành nhiệm vụ sửa chữa và giữ gìn đường xá. Nhờ những hy sinh đó mà hệ thống giao thông trên bộ được mở mang.

Số xe cộ đi lại trên đường bộ ngày một nhiều hơn trước, nhất là tại các thành phố lớn trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

Những khoản chi tiêu về giao thông công chính đã tăng từ 113 triệu bạc (1951) lên đến 323 triệu bạc năm 1953 đủ chứng tỏ nỗ lực của chính phủ quốc gia về phương diện xây đắp đường giao thông.

Ngoài đường thủy và đường bộ, chính phủ mở mang thêm đường không vận bằng cách gián tiếp quản Công Ty Hàng Không Việt Nam, thỏa thuận cho những tư nhân ngoại quốc và Việt Nam được thành lập các Công Ty Không Vận trên hệ thống giao thông quốc tế.

Để thúc đẩy và phục hưng nền kinh tế trong nước, tháng 6 năm 1953, chính phủ thành lập một Hội Đồng Quốc Gia Kế Hoạch đặt dưới quyền trực tiếp của Thủ Tướng chính phủ hay một vị được Thủ Tướng ủy quyền có sự phụ tá hoặc của Phó Thủ Tướng Tổng Trưởng Tài Chánh Kế Hoạch và Kiến Thiết hoặc một vị được Phó Thủ Tướng ủy quyền.

Hội Đồng Quốc Gia Kế Hoạch gồm những nhân vật như sau:

Hội Viên Chính Thức:

- Quốc Vụ Khanh, Đồng Lý Văn Võ Phòng Đức Quốc Trưởng (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Kinh Tế (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Giao Thông Công Chính Bưu Điện (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Y Tế (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Canh Nông (hay vị đại diện)
- Tổng Trưởng Bộ Xã Lao (hay vị đại diện)
- Thủ Hiến các Phần (hay vị đại diện)

Hội Viên Thường do Thủ Tướng bổ nhiệm:

- 1 Đại diện Canh Nông
- 1 Đại diện Kỹ Nghệ
- 1 Đại diện Thương Mại
- 1 Đại diện Ngân Hàng
- 1 Cố vấn kỹ thuật.

Hội Đồng Quốc Gia Kế Hoạch có nhiệm vụ đề nghị lên chính phủ mọi biện pháp nhằm mục đích tăng gia, điều hòa sản xuất mật dịch trong khuôn khổ chính sách tổng quát của chính phủ là phục hưng kinh tế, nâng cao tình trạng xã hội trong nước và đề nghị những phương pháp để thi hành kế hoạch làm việc.

Sắc lệnh thiết lập Hội Đồng Quốc Gia Kế Hoạch ra đời sau vụ phá giá đồng bạc Đông Dương đã là một điểm báo trước những cố gắng tiến triển tương lai của nền kinh tế quốc gia độc lập.

Vụ phá giá đồng bạc Đông Dương do quyết định độc đoán của chính phủ Pháp (Mayer) đã làm nghiêng ngửa những cố gắng của chính phủ Việt Nam trên mọi phạm vi đến Hiệp Ước 8 tháng 3 năm 1949 ký kết giữa hai nước.

Quyết định bất ngờ ấy làm cho ngân sách Quốc Gia Việt Nam lung lay, khiến toàn thể dân chúng Việt Nam kém tin cậy lòng ngay thẳng của chính phủ Pháp.

Báo chí Việt Nam đồng thanh chỉ trích phê bình, lên án quyết định đó, cho đó là một sự vi phạm nặng nề đến chủ quyền của Việt Nam, một lầm lỗi không thể làm ngơ bỏ qua được.

Giáo Sư Kinh Tế Âu Trường Thạch tại Sài Gòn đã nhấn mạnh việc sụt giá của đồng bạc Đông Dương là một bài học cho toàn thể dân Việt Nam cần ghi nhớ. Nhà Kinh Tế Học nói:

“Phản đối là một việc về hình thức và có ý nghĩa tượng trưng. Nguy cơ căn bản là chúng ta sống trên một nền kinh tế lệ thuộc”.

Đứng hẳn về phương diện chuyên môn, Giáo Sư Âu Trường Thạch vạch rõ những điểm đặc biệt:

“Điều tồi tệ hơn hết là từ Nam chí Bắc có rất nhiều ngân hàng và Phòng Thương Mại của ngoại kiều, người Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam chẳng có lấy một Phòng Thương Mại hay một Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam. Mấy năm nay, dân Việt Nam sống xa hoa xa xỉ trong cảnh phồn thịnh. Sự phồn thịnh ấy chỉ là bề ngoài nhờ ở 200.000 người trong đạo binh Viễn Chinh Pháp cũng như Việt Nam tiếp nhận 200.000 khách du lịch đem tiền đến ăn tiêu trên lãnh thổ của mình. Việt Nam chưa có một nền kinh tế độc lập tiềm tàng khả năng tăng gia sản xuất.”

Kết luận, Giáo Sư họ Âu cho rằng: “Phá giá đồng bạc là bài học cho dân Việt Nam.”

Để tránh sự hỗn loạn, mất thăng bằng trong đời sống của nhân dân, chính phủ đã phải thi hành ngay những biện pháp cần thiết, ấn định giá cả và thể thức kê khai hàng hóa, kiểm soát sự buôn bán, tăng thuế nhập cảng v.v...

Vấn đề ngoại thương cũng được cụ thể hóa bằng các thương ước ký kết với các quốc gia phương Tây như Bỉ, Lục và gần đây với Ý, Tây Đức, Hòa Lan. Đã có sự tiếp xúc giữa các phái đoàn kinh tế của những quốc gia đó với phái đoàn kinh tế của Việt Nam.

Trong Hội Nghị Colombo họp tại Ấn Độ tháng 10 năm 1953 phái đoàn kinh tế Việt Nam do Tổng Trưởng Cung Đình Quý hướng dẫn đã nhận được những hứa hẹn của các quốc gia miền Đông Nam Á. Và cũng là lần đầu tiên một phái đoàn Việt Nam được Thủ Tướng Ấn Độ Nehru đích thân tiếp đón.

Tại miền Nam Cao Nguyên (Hoàng Triều Cương Thổ) dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Quốc Trưởng Bảo Đại và ông Đồng Lý Văn Võ Phòng Quốc Trưởng Nguyễn Đệ, một kế hoạch kinh tế riêng biệt đã được thành hình.

Miền Nam Cao Nguyên là một khu rừng núi rộng lớn gồm đất đai của những Tỉnh như Pleiku, Komtum, vùng Darlac, Lang Bian, Djiring. Có những 5 chục vạn dân thiểu số Sedang, Banhar, Djarais, Rhade, Maa, Sré, Noang v.v...ở rải rác trong rừng và chừng 3 vạn dân Việt sống tập trung ở các Thị Xã Kontum, Pleiku, Banmethuot, Đà Lạt, Djiring, Blao, Dran.

Dân chúng Cao Nguyên từ xưa vẫn sống bằng nông nghiệp tối lạc hậu về nghề săn bắn. Họ thường làm

rẫy để reo hạt hoặc thóc hoặc ngô. Làm rẫy là một lối canh tác đặc biệt của tất cả các dân tộc thiểu số trên Cao Nguyên. Họ chọn và đốt những ngọn đồi có khi rất cao và rất dốc nhưng miễn là đất còn mới chưa ai cày cấy. Sau vài ngày, lửa đốt cháy trụi hết cả cây cỏ chỉ còn lại những gốc cây to. Trên làn tro xám, dân chúng có thể reo vùng, trồng ngô, trồng lúa. Họ chỉ còn có việc canh giữ không cho các muôn thú đến phá hoại và chờ ngày gặt hái. Mỗi rẫy họ trồng trọt có một lần.

Dân thiểu số rất thạo nghề săn bắn, chuyên dùng cung nỏ kiếm thức ăn. Họ sống trong những nơi xa thẳm miền rừng núi, nhà kín mít, tối tăm quanh năm thiếu ánh sáng và ẩm khí, ấy là chưa nói đến ở góc nhà còn xếp lủng củng những lọ đựng hài cốt của tổ tiên.

Vì các dân tộc thiểu số sống ở miền Nam Cao Nguyên còn tối lạc hậu như thế nên kế hoạch kinh tế Nguyễn Huệ đã phải nhằm những mục tiêu cần thiết:

- Nâng cao mức sinh hoạt dân chúng.
- Làm tan biến những kiểu sống quá lạc hậu.
- Nâng cao và điều hòa trình độ văn hóa chung cho các bộ lạc.
- Tập hợp những làng mạc tản mác thành từng khối để dễ dàng hướng dẫn giáo dục, phát triển nông nghiệp, diu dắt dân tộc thiểu số bước kịp đà tiến của dân tộc Việt Nam.

Nói tóm lại, chính phủ đã hết sức cố gắng để mở mang nền kinh tế quốc gia. Nhưng nhìn tổng quát vào chính sách hoạt động, còn khá nhiều điểm cần phải nghiên cứu tu bổ thêm.

Điểm thứ nhất là dân Việt Nam hơn 90% sống nhờ nghề nông. Đáng lẽ kinh tế nông nghiệp phải được chú trọng trên hết và phải được chú trọng trên hết và phải được nâng đỡ nhiều hơn cả thì trái lại, ngân khoản dành cho căn nông trong số tiền chi dụng chung cho kế hoạch phục vụ kinh tế quốc gia rất ít ỏi. Đã thế, phân khoản ấy lại dùng cả cho công cuộc phát triển các đồn điền cao su mà phần lớn đều do các công ty ngoại quốc nắm giữ. Đứng về phương diện tăng gia sản xuất như vậy có thể là lệch hướng. Đứng về phương diện đấu tranh chính trị với Việt Minh, tất nhiên khó đem lại thắng điểm cho biện pháp quốc gia, Việt Minh dễ lợi dụng con số quá thấp kém nói trên để tuyên truyền lung lạc nông dân.

Điểm thứ hai là trong khi các quốc gia trên thế giới hoặc đang nghiên cứu hoặc đã thực hiện công cuộc điện khí hóa thôn quê thì ở Việt Nam ngay tại các thành phố lớn, sự phân chia điện còn kìm cỗi. Thiếu điện lực, dân chúng không còn hy vọng gì nghĩ đến việc mở mang kỹ nghệ, nhất là những nhà máy phát điện ở trong tay các hãng độc quyền nắm giữ.

Chính phủ chưa chú ý đến việc dùng thác nước để đem lại cho dân chúng một nguồn sinh sống tân tiến.

Điểm thứ ba, sự nỗ lực phát triển khai thác tại các hầm mỏ đã tiến bộ trong khi nền kỹ nghệ nặng quốc gia chưa được xây dựng tí gì. Như vậy, kết quả của công việc khai thác chỉ là kết quả của những hành động thuộc loại thương mại, không có một chút ý nghĩa nào về phương diện xây dựng kỹ nghệ quốc gia.

Đối với Việt Nam hiện nay, nỗ lực khai thác hầm mỏ phải đi đôi với nỗ lực mở mang kỹ nghệ và hai việc đó phải liên hệ ràng buộc với nhau, phải cần có những tương quan chặt chẽ.

Bước sang công cuộc Kiến Thiết chính phủ Nguyễn Văn Tâm tiếp tục thi hành chính sách Bồi Thổ của Quốc Trưởng Bảo Đại đề ra từ ngày mới trở về lãnh đạo việc nước.

Chính phủ cho các tư nhân vay tiền làm nhà ở và xây dựng những khu nhà rẻ tiền cho các tiểu công chức và công nhân thuê hoặc tậu hẳn bằng cách trả tiền dài hạn.

Trong năm 1952, tiền dùng để xây dựng nhà cửa do Quỹ Tự Trị của Kiến Ốc Cục cho vay là 8 triệu rưỡi, đã lên đến con số 12 triệu 4 trăm ngàn bạc trong năm 1953.

Chính phủ cũng xuất ra những số tiền lớn (30 triệu) để xây dựng các khu nhà rẻ tiền cho quần chúng lao động có nơi trú ngụ.

Cương quyết đối phó với nạn thiếu nhà ở, chính phủ đã thành lập các làng mới như làng Phước Hiệp, làng Thắng Nhất làng Đông Hoa ở Gia Định, Ô Cấp (Nam Việt), làng Chánh Hòa ở Quảng Bình (Trung Việt) để tập trung số dân hồi cư tỵ nạn.

Ngoài Bắc Việt, Thủ Hiến Nguyễn Hữu Tri thí nghiệm xây dựng Đại Xã Đồng Quan. Công việc tiến hành rất đều đặn, được chú ý cả từ vấn đề giáo dục, thủ công nghiệp đến phương diện đào giếng hợp vệ

sinh, chăn nuôi gia súc. Dân chúng ở Đại Xã được giúp đỡ những vật giống, cá giống, hạt giống v.v...

Những hoạt động của các Sở Cứu Tế Xã Hội thực ra chưa có gì đáng kể ít nhiều việc đi phân phát lương thực vải, chăn, quần áo cho những nơi mới được bình định, tổ chức giúp nạn nhân các vùng bão lụt v.v...

Phần lớn hoạt động xã hội mới chỉ quy tụ trong việc mở mang và thực hiện chương trình Y Tế.

Nói đến hoạt động y tế tức là nói đến những sự cố gắng của tất cả các bác sĩ trong vùng quốc gia, cố gắng trong sự tìm tòi trị bệnh cho dân chúng.

Những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như thổ tả, dịch hạch, đậu mùa rất ít khi xảy ra. Nhờ có bột trừ muỗi, rệp DDT và các thứ thuốc sốt rét mới và mạnh, số bệnh nhân mắc bệnh sốt rét đã rút, có nơi từ 80% xuống 5%.

Bệnh đau mắt hột ở Việt Nam trước kia rất bành trướng. Gần đây nhờ những tổ chức y tế lưu động đến tận các làng mạc để phát thuốc và chữa bệnh ngay tại chỗ, nạn đó đã giảm dần.

Ở Hà Nội nhà thương chữa mắt dưới sự trông nom của Bác Sĩ Phạm Văn Tiến đã giúp đỡ đồng bào thôn quê rất nhiều. Nông dân từ xưa đến nay đại đa số bị đau mắt hột, bị toét mắt, lông quặm và đã có những người bị lòa vì phải sống trong tối tăm, ẩm thấp, thiếu vệ sinh, phải phơi mình suốt ngày làm việc dưới nắng trang trang ngoài đồng ruộng. Nay nhờ sự tận tâm săn sóc của các bác sĩ lành nghề, các nhân viên y tế lưu động, nhiều đồng bào đã thoát được nạn hồng mắt.

Chiến tranh càng dai dẳng số người bị bệnh lao càng nhiều. Ngoại số dân chúng được sống đầy đủ ở thành thị còn đa số dân chúng, nhất là ở vùng tiền tuyến đã sống trong cảnh thiếu ăn thiếu mặc và ngày đêm luôn luôn bị súng đạn khủng bố tinh thần. Do đó bệnh lao được thể hoành hành trong đám người cơ cực ấy. Một ít người may mắn có hoàn cảnh và điều kiện đã lên được các thành phố lớn để theo đuổi thuốc men. Tại những nước tân tiến, các đường đường trị lao thường được thiết lập ở những vùng thoáng rộng, trái lại ở Việt Nam bệnh nhân bắt buộc từ già nơi thoáng khí để đi sâu vào phố phường tỉnh dưỡng. Hoàn cảnh chiến tranh và sự thiếu thốn nói chung của cả dân chúng lẫn chính phủ đã khiến các bác sĩ chuyên môn về lao đành cứ theo đuổi chính sách trị bệnh một cách chua chát trong các đường đường ở giữa đô thị đầy bụi bặm, nhất là ở Bắc Việt.

Chính phủ đã tổ chức những phòng tiêm BCC cho các trẻ em để ngăn ngừa bệnh lao, nhưng chưa được phổ cập nhiều.

Công cuộc ngăn ngừa bệnh hoa liễu rất được chú ý. Bệnh hoa liễu lan tràn nhiều nhất trong khoảng 1947-1948-1949. nhưng từ 1950 đến nay bệnh đó đã lui dần nhờ thuốc Penicilline, Bi-Penicilline nhờ những hoạt động của nhà thương bài trừ hoa liễu và những tổ chức kiểm soát khám bệnh cho gái điếm.

Để chữa bệnh ung thư, hai Viện Ung Thư, một ở Hà Nội có 717 gam radium, một ở Sài Gòn có 345 gam, đã hoạt động ráo riết.

Chống với nạn đầu độc do thuốc phiện gây ra, chính phủ đã dự định bắt đầu từ 1954 sẽ cấm hẳn sự buôn bán ma túy trong dân chúng. Số người nghiện, một ngày kia hy vọng sẽ không còn.

Riêng về bệnh hủi, phần lớn những trại hủi đã bị tàn phá từ 1945. Các bệnh nhân bị phân tán reo rắc căn bệnh nguy hiểm trong dân chúng. Từ 1952, nhờ số tiền của Viện Trợ Mỹ, Bộ Y Tế đã thành lập được ở vùng Nam Cao Nguyên (Kontum) một trại hủi và số người hủi đang được chạy chữa đó đã có tới 5.000.

Trên đây là kể đến những công cuộc ý tế trên thực tại, những công cuộc đã cứu hàng ngàn vạn người dân Việt Nam giữa lúc chiến tranh ra công reo rắc đau thương và bệnh hoạn.

Chương trình y tế nhằm những mục tiêu chính:

- Bài trừ bệnh sốt rét tàn hại dân chúng ở các miền sơn cước.
- Bài trừ bệnh đau mắt hột hoành hành ở các thôn quê.
- Giáo dục vệ sinh ở thôn quê.

Các ngân khoản dành riêng cho Ngành Y Tế:

- Năm 1952: 204.300.000 đồng.
- Năm 1953: 220.000.000 đồng.

Viện trợ kinh tế Mỹ đã góp vào đó mỗi năm chừng 25%.

Hoạt động Y Tế ở Việt Nam lâm vào hai tình trạng:

– Thiếu nhà thương chữa bệnh: Trong một cuộc đi thăm các nhà thương ở Bắc Việt tháng 11 năm 1953, dưới sự hướng dẫn của Bác Sĩ Giám Đốc Y Tế Bắc Việt Lê Văn Khải, những người hăng tâm đến sức khỏe của đồng bào đã buồn ngủ khi nghe lời tuyên bố của Bác Sĩ Phạm Biểu Tâm, Giám Đốc Bệnh Viện Phủ Doãn: “Chúng tôi không thể từ chối một vết thương nào. Người dân nào cũng có quyền được nằm điều trị. Nhưng trong hoàn cảnh thiếu thốn lúc này chúng tôi không thể làm hơn được. Nguyên nhân không phải là thiếu giường, chính là thiếu nhà nằm”. Người ta đã thấy các bệnh nhân ba bốn người nằm chen chúc một giường hoặc phải nằm cả xuống đất, gối ngang trong những căn buồng hẹp, lạnh lẽo.

– Thiếu thầy thuốc chữa bệnh: Chính ông Tổng Trưởng Bộ Y Tế Tân Hàm Nghiệp đã phải nói trong một buổi họp mới của Hội Rotary Club ở Sài Gòn rằng: “Dân chúng Việt Nam bị khốn đốn vì tình trạng thiếu nhà thương và thiếu cả thầy thuốc”.

Vấn đề thầy thuốc ở Việt Nam từ xưa vẫn là một việc nam giải. Chỉ có các nhà giàu mới đủ tiền cho con cái theo đuổi Đại Học nhất là học môn thuốc, những món tiền chi phí cần phải đủ trong 6, 7 năm ròng.

Chính phủ chưa tích cực đề cập vấn đề đào tạo bác sĩ dân y. Lại thêm nhu cầu tối khẩn của quân đội, một số lớn bác sĩ, sinh viên y học đã phải đầu quân, do đó dân chúng đã bị thiệt thòi không ít về phương diện chữa bệnh.

Những công cuộc mà chính phủ đã thực hiện về mặt xã hội hoặc như cứu tế mùa Đông, cấp cứu nạn nhân ở các vùng bị bão lụt, bị cháy chỉ là những việc làm đặc biệt và mặc nhiên phải có trong khi quốc gia bất thần bị thiên tai xảy đến.

Nước Việt Nam đang bị chiến tranh tàn phá, dân Việt Nam sẽ còn phải chịu đựng nhiều đau khổ nữa chưa biết đến bao giờ, tất nhiên muốn triệt để thực hiện chính sách Bồi Thố, chính phủ còn phải để tâm thêm nhiều đến việc nghiên cứu và thi hành mọi phương pháp làm dịu nỗi đau thương đang đầy rẫy trong xã hội Việt Nam.

Với chính phủ Nguyễn Văn Tâm vấn đề giáo dục thanh niên đã thêm nhiều tiến bộ.

Dưới quyết tâm cố gắng của Bộ Trưởng Vũ Hồng Khanh. Số thanh niên sang học hỏi ở ngoại quốc mỗi ngày một nhiều, chính phủ luôn luôn mở những kỳ thi cấp học bổng cho những sinh viên du học.

Trong nước, những trường công bậc Tiểu Học và Trung Học đã được mở mang nhưng vì số học sinh ngày càng nhiều nên nhiều trường tư thực đã được phép dễ dàng thành lập.

Ngoài việc chau dồi văn học, thanh niên Việt Nam như đã trỗi dậy về phương diện thể dục, thể thao.

Những hội thể thao hoạt động rất náo nhiệt, tổ chức các cuộc đua bơi, đua xe đạp, bóng tròn. Nhiều đội bạn ngoại quốc đã tới thăm Việt Nam.

Trong năm 1952, Việt Nam cử đại biểu đi dự Thế Vận Hội Helsinki (Phần Lan). Lần đầu tiên Quốc Gia Việt Nam góp mặt với nền thể thao quốc tế.

Về bóng bàn, những cây vợt vô địch Mai Văn Hòa, Trần Văn Đức. Những thanh niên thể thao này thật đã mang lại hãnh diện cho xứ sở và khiến thanh niên nước nhà thêm tin tưởng vào tương lai.

Phong trào Nhu Đạo cũng bành trướng mạnh mẽ. Thanh niên ưa nói đến môn võ thuật mới mẻ này. Ngoài nước, Giáo Sư Nhu Đạo Phạm Lợi đã tự tạo được một tài năng xuất chúng và được liệt vào hạng Huấn Luyện Viên cao cấp về Nhu Đạo quốc tế. Đó là một danh dự chung cho thanh niên Việt Nam.

Nhờ được nâng đỡ của chính phủ, thể thao và thể dục được bành trướng ở Việt Nam song song với sự tiến bộ văn học.

Bước sang địa hạt tinh thần và tư tưởng của thanh niên, nhất là trong giới học sinh, cần phải xem xét để có thể nêu lên được khuyết điểm và nhược điểm của những giai đoạn giáo dục trước.

Thanh niên trong vùng quốc gia đã bị xáo lộn qua nhiều giai đoạn tinh thần từ đầu 1947.

– Giai đoạn truy lạc.

– Giai đoạn liều lĩnh.

– Giai đoạn học hỏi.

– Giai đoạn đấu tranh.

Giai đoạn truy lạc: Sau biến cố lớn lao xảy đến với toàn thể dân tộc, tất cả những khủng bố từ mọi hướng đã đặt thanh niên vào một trạng thái tinh thần hoang mang, khiếp sợ. Thanh niên trở thành yếm thế và lãnh nhiệm vụ trước thời cuộc, lao mình vào một cuộc điếm đảng hỗn loạn. Họ sống bừa bãi, vô tổ chức, trong thâm tâm như chờ đợi một cuộc biến chuyển tình thế có ảnh hưởng đến bản thân họ.

Giai đoạn liêu lĩnh: Hoàn cảnh chính trị trong vùng quốc gia còn phức tạp nên các nhà đương cục đã sao lãng việc dìu dắt thanh niên theo một hướng lợi ích duy nhất. Nhằm sợ xuất đó, Việt Minh đã nắm đúng thời cơ và bắt mạch đúng tâm trạng thanh niên trong vùng quốc gia để gây một sự hỗn loạn và liêu lĩnh, vụ học sinh Trần Văn Ôn ở Nam Việt, những vụ bãi khóa liên tiếp trong toàn cõi, biểu tình ám sát.

Giai đoạn học hỏi: Một phần do những biện pháp quả quyết và cứng rắn của các cơ quan an ninh quốc gia đã tích cực thi hành đối phó với những kẻ làm rối trật tự, một phần do Việt Minh đã thay đổi chính sách hoạt động trong vùng quốc gia, thanh niên học sinh trở lại mực trầm tĩnh và bình thường

Tự chán chường với thái độ hỗn loạn, vô lý nghĩa và vô kết quả của mình, thanh niên học sinh nói chung quay đầu chăm chú vào việc học. Theo họ chỉ có học là an ninh nhất, lại có lợi cho chính bản thân. Nhưng học rồi để làm gì ? Họ chưa tìm được câu trả lời.

Giai đoạn đấu tranh: Chính phủ Quốc Gia Liên Hiệp đã thực hiện một việc quan trọng. Ổn định tinh thần thanh niên, Thủ Tướng đã vạch cho thanh niên một đường lối rõ rệt: Gia nhập quân đội phục vụ nhân dân đấu tranh với cộng sản. Số lớn các thanh niên có văn bằng phải theo học các lớp sĩ quan, những thanh niên trong hạn tuổi động viên phải nhập ngũ.

Quân ngũ và chiến trường đã giáo dục thanh niên hiểu biết nhiệm vụ của mình.

Số lớn thanh niên trưởng thành đã phải động viên còn lại trên ghế nhà trường học sinh trẻ tuổi. Họ là những người hăng hái nhất, phần đông chưa hề có ý niệm gì về chính trị, mới lớn lên trong vùng quốc gia kiểm soát. Hiểu rõ tư tưởng tinh khiết, thuần túy trong đám người trẻ tuổi ấy, chính phủ đã luôn theo dõi nâng đỡ và dìu dắt họ.

Tiếp với tổ chức Đại Hội Thanh Niên ở Nam Việt do Bộ Thanh Niên của Vũ Hồng Khanh tổ chức, Nha Học Chính và Nha Thanh Niên ngoài Bắc Việt cũng tổ chức ngày Đại Hội Thanh Niên Học Sinh ở Hà Nội với mục đích phát động phong trào học tập “và tái vũ trang tinh thần thanh niên”.

Ngay khi Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm mới lên nắm chính quyền cũng đã nhìn về phía thanh niên và hiểu rõ rằng tương lai quốc gia là ở thanh niên.

Tháng 7 năm 1952, khi Tân Thủ Tướng ra kinh lý Bắc Việt, ngót một nghìn thanh niên, đại biểu các giới, đã tự động tập hợp tại Dinh Thủ Tướng để trình bày nguyện vọng phụng sự quốc gia của thanh niên và mong đợi sự hiểu biết nâng đỡ dìu dắt của chính phủ. Nhân dịp tiếp xúc đó, Thủ Tướng đã tuyên bố: “Để thanh niên lạc lõng là lỗi tại những nhà lãnh đạo đã không biết cách dìu dắt họ đi vào con đường chính”.

Phụ nữ trong vùng quốc gia cũng đã tiến bộ nhiều. Phụ nữ đã ganh đua với nam thanh niên về phương diện học tập. Nhiều nữ sinh viên đã đi du học ngoại quốc. Phụ nữ đã tham gia hoạt động trong mọi ngành: Chính trị, quân đội, xã hội v.v...

Có những Hội như Phụ Nữ Toàn Quốc, Phụ Nữ Tương Tế, Bảo Trợ Phụ Nữ đã mạnh mẽ tranh đấu dành quyền lợi cho phái nữ.

Phụ nữ đã phụng sự chiến trường bằng cách tham gia Ngành Nữ Phụ Tá Quân Đội.

Chính phủ đã thành lập trường đào tạo cán bộ thể dục riêng cho phụ nữ (Do Bộ Thanh Niên phụ trách)

Nhiều phụ nữ trẻ đã thành thạo trong các nghề nghiệp có thể tự túc, tránh khỏi cảnh sống bám nhờ gia đình.

Nói chung thanh niên và phụ nữ Việt Nam đã tiến nhưng còn cần phải cố gắng thêm nữa để diệt trừ đầu óc chia rẽ, lưng chừng vương sót lại và phải bỏ hẳn tính thích xa hoa, ăn chơi phù phiếm để chuyên tâm nghĩ tới việc phụng sự quốc gia, dân tộc.

Trên phạm vi Chính Trị, chính phủ Liên Hiệp Nguyễn Văn Tâm đã liên kết được, nếu không nhiều về bề sâu cũng đã lạc quan về bề rộng, những nhóm chính trị và những nhân tài chuyên môn.

Dưới mục tiêu tranh đấu cho Chính Nghĩa Quốc Gia, Quốc Trưởng và chính phủ đã hướng dẫn các đảng phái hoạt động trong vòng kỷ luật với một ý thức xây dựng.

Tuy sống ở trong vùng tương đối được tự do để nảy nở, một số các đoàn thể chính trị cũng đã đi dần đến chỗ rã rời hoặc không hành động gì cả chỉ còn lại một vài phái đảng có ít nhiều lực lượng và một vài nhóm tôn giáo chính trị.

Trong số lãnh tụ của các nhóm đảng trên đã có nhiều người tham gia hoạt động trong chính phủ.

Hai tôn giáo lớn nhất của Quốc Gia Việt Nam là Đạo Phật và Đạo Thiên Chúa cũng có những đại biểu trên trường chính trị, nhất là Công Giáo. Sở dĩ những đại biểu Công Giáo tích cực hoạt động vì, nếu cộng sản Việt Minh thắng lợi, họ sẽ diệt trừ thẳng tay mọi tư tưởng hữu thần mà Công Giáo là đại diện số một. Trên địa hạt hoạt động, Việt Minh đã tấn công thẳng vào vùng giáo đạo Bùi Chu càng ngày càng dữ dội. Tất cả những vụ bắt bớ Cha Cố ở Trung Cộng, những vụ giam hãm, đầy ải Cha Cố ở khu Việt Minh và sự tăng áp lực ở khu giáo đạo của quân đội Võ nguyên Giáp đã khiến những người lãnh tụ Công Giáo Việt Nam phải chuẩn bị đề phòng và tích cực tranh đấu. Các chiến sĩ đạo giáo trong khi cầm súng bảo vệ Thánh Đường đã biến thành những người lính Quốc Gia dũng cảm.

Năm 1953, có vài biến cố lớn lao đã ảnh hưởng đến cục diện chính trị ở Việt Nam:

- Việt Minh tiến đánh xứ Lào.
- Vụ phá giá đồng bạc Đông Dương của chính phủ Pháp.
- Việc ký kết đình chiến ở Cao Ly.
- Hành động đặc biệt của Mên Hoàng Sihanouk.

Vụ tấn công xứ Lào của Việt Minh đầu Hạ năm 1953 khiến toàn thể thế giới phải chăm chú theo dõi. Tước bỏ những vấn đề hoàn toàn có tính chất quân sự của trận đánh xứ Lào, Việt Minh đã thực hiện xong một kế hoạch trên phạm vi chính trị là đi theo quân đội Việt Minh có những cán bộ chính trị trong chính phủ Pathet Lào. Những cán bộ chính trị ấy sẽ là mầm mống làm lung lay nước Vạn Tượng của Quốc Vương Ai Lao Siravang Vong.

Vụ phá giá đồng bạc Đông Dương trong tháng 5 đã khiến cho Việt Nam ít tin tưởng ở thái độ của nước Pháp. Quyết định độc đoán của chính phủ Mayer ảnh hưởng nhiều đến đời sống của dân Việt Nam và là một trong những bó đuốc dẫn đường cho đường lối chính trị mới.

Việc thứ ba có ảnh hưởng đến đường lối chính trị ở Việt Nam là thỏa hiệp ngừng bắn tại Cao Ly ngày 27 tháng 7.1953. Từ khi có cuộc nghiên cứu thảo luận đình chiến ở Bàn Môn Điểm, rất nhiều người trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã nghĩ lại một cuộc thương thuyết có thể sẽ được tiếp theo để mang đến hòa bình ở Việt Nam. Cuối tháng 6 năm dương lịch, chính phủ Laniel đã bộc lộ một tư tưởng muốn hòa bình trong bài diễn văn nói về chính sách của Pháp đối với Việt Nam: “Cuộc đổ máu ấy (ở Đông Dương) cần phải được nỗ lực chấm dứt nếu có thể làm được như vậy. Chính phủ tôi luôn luôn nghiên cứu tới “sự có thể” dù bằng phương tiện thương thuyết sau khi Cao Ly đình chiến hay là bằng mọi thương thuyết thỏa hiệp với các chính phủ các Quốc Gia Liên Kết”. Một mặt hy vọng làn gió hòa bình ở Cao Ly có thể thổi lan sang Việt Nam, mặt khác lo sợ những áp lực quân sự cộng sản rảnh tay ở Cao Ly sẽ lại quay sang biên giới Bắc Việt uy hiếp vùng Đông Nam Á. Do đó, đối với mong muốn trên, người ta đã hy vọng đem vấn đề Việt Nam ra hội nghị chính trị thứ hai, một hội nghị “tường tượng” có thể sau hội nghị chính trị Cao Ly (sẽ họp). Đối với lo sợ áp lực mới ở vùng Đông Nam Á, thế giới tự do đã tỏ ý cảnh cáo trước rằng: “Những hành vi xâm lược đối với Việt Nam hay là một nước nào vùng Đông Nam Á sẽ bị coi là phá hoại Hiệp Ước Đình Chiến Cao Ly”. Nhưng dù cảnh cáo cộng sản mong muốn hay thương thuyết hòa bình, chính phủ Pháp cũng phải có một chính sách mới ở Việt Nam.

Ảnh hưởng thứ 4 là hành động của Mên Hoàng Sihanouk ngày 14 tháng 6. Mên Hoàng bắt thần sang lánh bên đất Thái Lan tỏ thái độ đe dọa Pháp nếu Pháp không thực tâm trao trả lại chủ quyền Quốc Gia Cao Mên.

Hành động đột biến của Mên Hoàng, trên phương diện ngoại giao dẫu có kém lịch sự nhưng trên phương diện chính trị ít nhất bề ngoài cũng đã làm Pháp phải sửng sốt và điểm lại thái độ của mình.

Pháp đã đến lúc phải hoàn bị nền độc lập của các Quốc Gia Liên Kết. Những Thỏa Ước 1949-1950 đã trở nên lạc hậu không hợp với tình thế mới.

Giữa lúc nhốn nháo về chính trị tại các Quốc Gia Liên Kết, chính phủ Pháp với Tân Thủ Tướng Laniel đã họp phiên đầu tiên ngày 1.7.1953 tại Điện Élysée và trao đổi quan điểm về vấn đề Đông Dương. Một loạt biện pháp được đem ra thảo luận.

Thứ Nhất: Hoàn bị nền Độc Lập cho các Quốc Gia Liên Kết về phương diện chính trị, kinh tế, tư pháp và có thể cả về phương diện quân sự. Sự hoàn bị đó không thể trở ngại đến việc các Quốc Gia Liên Kết nằm trong hệ thống của Liên Hiệp Pháp, của khối đồng Phật Lăng, nó cũng sẽ không trở ngại gì đến những cấp bách cần thiết trong phạm vi chiến lược. Biện pháp thứ hai là bổ khuyết những thiếu sót bên ngoài của Đông Dương với nền Độc Lập.

Chính sách mới của Pháp sẽ nhằm một đường lối tiếp tục công cuộc của Pháp đã thực hiện ở Đông Dương.

Mùng 3 tháng 7, Nội Các Laniel cho ra đời một Bản Tuyên Ngôn như sau:

“Chính phủ Cộng Hòa Pháp họp Hội Đồng Tổng Trưởng đã xét đến các mối giao dịch giữa nước Pháp với các Quốc Gia Liên Kết Đông Dương, chính phủ Pháp cho rằng đã đến lúc nên ứng hợp các thỏa hiệp mà các nước này đã ký kết với nước Pháp, vào các địa vị mà với sự ủng hộ hoàn toàn của nước Pháp, họ đã đạt được trong đại gia đình các dân tộc tự do.

Với một lòng tôn kính phong tục riêng của các nước và các quyền tự do của con người nước Pháp, trong một cuộc hợp tác lâu ngót thế kỷ nay, đã đưa các dân tộc Mên, Lào, Việt đến chỗ mở mang mỹ mãn của cá tính và duy trì thống nhất quốc gia của họ.

Với các thỏa hiệp đã ký kết, nước Pháp đã công nhận nền độc lập của họ và các nước này đã thỏa thuận liên kết với nước Pháp trong khối Liên Hiệp Pháp.

Ngày nay chính phủ Cộng Hòa Pháp muốn có một lời tuyên bố long trọng. Trong thời gian bốn năm vừa qua sau khi ký kết các thỏa ước, tình đồng ngũ tương thân tương trợ đã hiện ra rõ ràng hơn giữa các Quân Đội Quốc Gia này mỗi ngày tham dự một phần quan trọng hơn vào công cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Trong cũng thời gian ấy, các cơ cấu cai trị của ba nước đã đủ sức để cùng nhau đảm đương được các trách vụ của mọi quốc gia tâm thức, mà sự giao thiệp quốc tế của các chính phủ họ cũng đã lan ra số lớn các nước hợp thành tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Trong trường hợp này, nước Pháp xét đã đến lúc nên hoàn thành nền độc lập và chủ quyền quốc gia của các nước liên kết Đông Dương bằng cách lo liệu với sự đồng ý của mọi chính phủ ba nước nói đây, việc chuyển giao các quyền hành mà nước Pháp còn giữ lại vì chính sự lợi ích cho các nước liên kết trong những trường hợp hiểm nghèo do chiến tranh gây ra.

Chính phủ Pháp đã định mời riêng mỗi chính phủ của ba nước hãy thỏa ý với mình về việc thanh toán các vấn đề mà mỗi chính phủ ấy sẽ xét thấy cần phải nên ra về các phương diện kinh tế, tài chính, tư pháp, quân sự và chính trị, sao cho các quyền lợi chính đáng của đôi bên đều được tôn trọng và bảo toàn.

Chính phủ Cộng Hòa Pháp ước ao rằng một thỏa hiệp về các điểm khác nhau này sẽ xiết chặt thêm tình thân hữu giằng buộc nước Pháp với các Quốc Gia Liên Kết trong Khối Liên Hiệp Pháp”.

Chính phủ Pháp đã không quên nhấn mạnh đến cuộc sống thâm niên chung đặng giữa Pháp và ba Quốc Gia Việt, Mên, Lào, một cuộc sống mà nước Pháp đã hết sức hy sinh để tôn trọng phong tục riêng của từng xứ sở, tôn trọng quyền tự do của con người, trong sự nghiệp hướng dẫn các dân tộc ở Đông Dương. Nay vì nhận thấy quân đội của các quốc gia liên kết khả dĩ đã bành trướng quan trọng, nhận thấy nền hành chính và các ngành khác cũng đã thiết lập đầy đủ vững chắc nên chính phủ Pháp đã quyết định thắt chặt tình hữu nghị Pháp-Việt, Mên-Lào bằng cách mới riêng từng chính phủ của ba nước để “giải quyết một cách thỏa đáng” những vấn đề kinh tế, tài chính, tư pháp, quân sự và chính trị. Nói tóm lại, chính phủ Pháp muốn hoàn bị nền Độc Lập của các Quốc Gia Liên Kết.

Bản Tuyên Cáo của chính phủ Pháp đã được long trọng công bố và thế giới đã hoan nghênh ca ngợi.

Hoa Kỳ tuyên bố sẽ ủng hộ Pháp trong những cố gắng của chính phủ Pháp nếu Pháp theo đúng hướng đi mới mà Pháp đã vạch ra, Hoa Kỳ tin chắc rằng sự liên minh mới mẻ sẽ không thỏa mãn nguyện vọng của các dân tộc đang khao khát Độc Lập mà lại còn làm cho nước Pháp và các lực lượng đang chống cộng mạnh thêm. Các nước Ấn Độ, Diến Điện, Nam Cao, Anh...tuy còn hơi dè dặt nhưng cũng đã tỏ thiện cảm với đường lối mới của chính phủ Pháp ở Đông Dương.

Để giải thích rõ hơn nữa, Phó Thủ Tướng Pháp, ông Reynaud đã tuyên bố tại Dunkerque:

“Hành động đầu tiên của chính phủ Joseph Laniel làm hả lòng những người đối lập với chủ nghĩa bất động. Đó là một hành động táo bạo phù hợp cả với những cổ truyền của Pháp và những thực tại của tình hình ở Đông Dương. Thật vậy, khó mà để cho một dân tộc chủ tâm chiến đấu nếu không được phần khởi bởi một sự thần bí.

Người ta không thể nào chiến đấu chống cộng sản nếu người ta xung đột với lý tưởng của những người quốc gia. Lời tuyên bố của chính phủ đã được tất cả thế giới tự do tán đồng. Lời tuyên bố đó đã được mạnh thêm bởi những hành động như sự bổ nhiệm một vị Đại Sứ làm Tổng Ủy Viên ở Đông Dương.

Sẽ có những hành động khác tiếp theo, nhưng vấn đề chiến tranh ở Đông Dương phải được giải quyết vì thế, nó liên quan đến tất cả các quốc gia tự do. Nó sẽ được đặt ra cho các bạn đồng minh của chúng ta”.

Sau Bản Tuyên Cáo 3.7.53 của chính phủ Pháp, các chính phủ Quốc Gia Việt, Mên, Lào đã tỏ thái độ. Hoàng Thân Souvanna Phouma, Thủ Tướng Ai Lao tuyên bố ngày 6 tháng 7:

“Chính phủ Hoàng Gia Lào hoan hỉ về lời tuyên bố của chính phủ Pháp nhận rõ một cách rành mạch lập trường mới của Pháp trong việc liên lạc với các Quốc Gia Liên Kết. Chính phủ Hoàng Gia Lào đặc biệt tán thành quyết định cổ xúy những cuộc thương thảo tay đôi để giải quyết các vấn đề chính trị, quân sự, tài chính kinh tế và tư pháp hãy còn bỏ dở.

Khi được biết Bản Tuyên Cáo của Pháp, Thủ Tướng Lào, hiện đang công cán ở Ba Lê, đã quyết định triệu tới Pháp những người cộng sự chính để mở cuộc tiếp xúc nhanh chóng với các đại diện chính phủ Pháp.

“Tình thân thiện Pháp-Lào lúc nào cũng tin tưởng và quý mến nước Pháp. Chúng tôi hy vọng rằng những cuộc bang giao sau này đặt dưới những luật lệ ngoại giao sẽ là kết quả của sự xiết chặt những giây liên lạc tự do thỏa thuận với nhau, những liên lạc trong khối Liên Hiệp Pháp”.

Với Cao Mên, Bản Tuyên Cáo của Pháp ra đời giữa lúc Quốc Vương Sihanouk vừa rời khỏi Battambang cùng văn võ tùy tùng về Siem-Réap, chuẩn bị một thái độ mới đối với Pháp.

Cao Mên đang cương quyết yêu sách Pháp và tỏ rõ lập trường cứng rắn của mình trong việc đòi hoàn bị nền Độc Lập.

Đồng thời với việc đích thân khai mạc Hội Nghị thảo luận kế hoạch động viên toàn quốc, Mên Hoàng đã thận trọng trong sự tiếp đón Bản Thông Điệp mừng 3 tháng 7. Theo Thủ Tướng Cao Mên Penn Outh thì mặc dầu bức Thông Điệp đã làm dễ dàng cuộc thương thuyết Pháp-Mên nhưng cũng chưa thể làm thỏa mãn hoàn toàn những nguyện vọng của Cao Mên được. Theo Cao Mên Quốc Vương Sihanouk, chỉ cần có hai chữ minh bạch và giản dị: Độc Lập.

Đối với Việt Nam, sau khi nghiên cứu Thông Điệp 3 tháng 7, Quốc Trưởng và chính phủ nhận thấy chính phủ Pháp đã bộc lộ một thiện chí xây dựng và nguyện vọng sâu xa nhất của dân tộc Việt Nam do đó sẽ có thể được thỏa mãn. Chẳng nào sự thực hiện nền Độc Lập do việc chuyển giao tất cả những quyền hành mà Pháp còn giữ chừng đó Quốc Gia Việt Nam sẽ tìm thấy những sáng kiến mới để tự do thắt chặt mối giây liên lạc Pháp-Việt.

Văn kiện ngày 3 tháng 7 đã là một văn kiện quan trọng nhất từ năm 1949 trong chính sách của Pháp ở Đông Dương. Bài văn kiện đã chứa đựng một hình thức mới mẻ, ấn định sự liên hệ giữa Pháp và Việt, Mên, Lào bằng những quy ước tay đôi. Như vậy, mỗi giao thiệp sẽ có thể, tùy theo nhu cầu tình thế hay cần thiết trong hoàn cảnh, trong thời gian, không gian, mà được quy định. Hơn nữa, chính phủ Pháp đã khôn khéo áp dụng một cách thức mới để trao văn kiện. Thông Điệp mừng 3 tháng 7 được chính phủ Pháp chuyển thẳng tới tay các Đại Diện Việt, Mên, Lào tại Ba Lê. Đó là một hình thức ngoại giao, bằng chứng

đầu tiên của Pháp muốn cam kết chắc chắn nền Độc Lập của Việt Nam và của Cao Mên, Ai Lao.

Cùng với thời gian công bố Bản Tuyên Cáo, chính phủ Pháp đã chọn ông Maurice Dejean, Đại Sứ Pháp ở Nhật Bản làm Tổng Ủy Viên liên lạc với ba Quốc Gia Liên Kết.

Ngoài hai hành động kể trên báo hiệu thái độ mới mẻ của Pháp trong cuộc bang giao với ba Quốc Gia Liên Kết ở Đông Dương, ông Gautier, Cao Ủy Pháp ở Việt Nam đã nhấn mạnh thêm:

“Lập trường của chính phủ Pháp được ấn định sau khi đã xem xét đầy đủ cuộc biến chuyển ấy biểu lộ trong việc thiết lập hoàn thành tất cả các cơ quan công quyền của một nước tân tiến cùng với việc thành lập một Quân Đội Quốc Gia, Quân Đội này từ nhiều tháng nay đã đảm nhiệm một gánh nặng ngày càng quan trọng hơn cuộc chiến đấu chung.

Cuộc biến chuyển này đã được nhìn nhận. Trên lập trường quốc tế, nước Việt Nam đã có địa vị và làm cho người ta nghe tiếng nói của mình trong phần nhiều các tổ chức quốc tế. Vậy là rõ rệt các Hiệp Định Pháp-Việt đã quá thời và phải có một giải pháp mới, chính phủ Pháp vừa cam kết thực hiện giải pháp ấy.

Để cho lời cam kết ấy được toàn lực và phát biểu được mọi ảnh hưởng của nó, chính phủ Pháp đã thông báo lập trường của mình cho chính phủ Việt Nam một cách long trọng.

Vậy Bản Tuyên Ngôn ngày 3 tháng 7 vừa qua là một hành động đưa tới sự canh tân các liên lạc Việt-Pháp.

Trước hết, chính phủ Pháp đã quả quyết ý muốn thi hành việc chuyển giao những thẩm quyền mà nước Pháp hãy còn nắm giữ, để cho nền Độc Lập của Việt Nam được kiện toàn.

Kế đó, căn cứ trên sự liên kết buộc chặt nước Pháp với nước Việt trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp, chính phủ Cộng Hòa Pháp thỉnh cầu chính phủ Việt Nam thỏa hiệp với mình về những mối quan hệ tương lai Việt-Pháp.

Những mối quan hệ này do nơi Bản Hiệp Ước mới mà hai chính phủ sẽ thương thuyết với nhau trên một lập trường hoàn toàn bình đẳng”.

Ngày 28 tháng 7, khi tới Sài Gòn, Tổng Ủy Viên Pháp ở Đông Dương, Ông Maurice Dejean đã tuyên bố rõ ràng về nhiệm vụ của ông là:

“Việc hoàn bị nền độc lập của các Quốc Gia Liên Kết theo như Bản Tuyên Ngôn lịch sử mà chính phủ Pháp đã long trọng công bố ngày 3 tháng 7.1953. Tôi sẽ lập tức cùng các chính phủ Việt, Mên, Lào và các vị Cao Ủy, nghiên cứu những biện pháp cần áp dụng để việc chuyển giao những thẩm quyền còn ở trong tay nước Pháp tiến hành một cách nhanh chóng thích hợp với các nhà chuyên môn và để cho nền Độc Lập Cao Mên, Ai Lao và Việt Nam được hoàn toàn đầy đủ.

Sau hết nhiệm vụ của tôi là cùng với các vị Quốc Trưởng và các chính phủ của các vị đó nghiên cứu và thảo luận về hình thức và nội dung những thỏa hiệp mới để ấn định, trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp, mối bang giao giữa nước Pháp và ba nước độc lập Cao Mên, Ai Lao và Việt Nam. Nói một cách khác, nhiệm vụ đó là sửa soạn, bằng cách trao đổi quan điểm, những cuộc thương thuyết theo Bản Tuyên Cáo của chính phủ Pháp ngày 3.7.53. Trong những cuộc thương thuyết đó, các nước sẽ tham dự trên lập trường hoàn toàn tự do và bình đẳng tuyệt đối, để cùng nhau đặt nền tảng cho một sự liên kết trường cửu giữa nước Pháp và mọi Quốc Gia Việt, Mên, Lào.

Về phía Pháp, chính phủ Cộng Hòa đã tỏ ra lập trường trong Thông Điệp ngày 3.7.53. Lập trường đó được các người đại diện chính phủ Pháp ở Đông Dương và Việt Nam trực tiếp giải thích rõ ràng trước dân chúng Việt Nam.

Về phía Việt Nam, không khí hưởng ứng rất sôi nổi. Báo chí ngày nào cũng nhắc tới việc chuẩn bị tổng tuyển cử vào quốc hội. Chính phủ luôn luôn họp để nghiên cứu Bản Giác Thư, nghiên cứu tình hình chính trị. Trong hai ngày 19 và 20 tháng 7, Quốc Trưởng đã từ Banmêthuôt tới Sài Gòn hội đàm cùng Thủ Tướng chính phủ và các vị Tổng Trưởng để cùng nhận định nghiên cứu về Thông Điệp của chính phủ Pháp.

Ngày 1 tháng 8, Quốc Trưởng từ giã Việt Nam đi Pháp. Trước khi lên đường tiếp xúc với chính khách Pháp để chuẩn bị cuộc thương thuyết Pháp-Việt, Quốc Trưởng Bảo Đại đã hiệu triệu quốc dân, tuyên bố về lý do cuộc hành trình:

“Đồng bào thân mến!

Trước khi lên đường sang Pháp tôi cần phải tuyên bố cùng quốc dân, những lý do cuộc hành trình của tôi.

Năm 1948, thế theo lời yêu cầu các nhà đại diện chính đảng của đồng bào, tôi đã nhận làm phát ngôn nhân cho dân tộc. Khi đó, vì tình thế trong nước chưa ổn định, nên tôi không thể trưng cầu dân ý được hết thấy các gia đình tinh thần và các chính đảng toàn quốc.

Sự tiến triển trên đường dân chủ hóa của các cơ quan chính quyền quốc gia, trong khoản mấy năm nay, khiến nên bây giờ tôi có thể bổ khuyết được chuyện ấy. Bởi vậy trong mấy tuần lễ vừa rồi, tôi đã mở một cuộc thăm dò rộng rãi về phương diện chính trị. Để hướng dẫn hành động của tôi, tôi đã hỏi ý kiến hết thấy những người khả dĩ phát biểu được nguyện vọng của dân chúng. Và đây, tôi đã thu góp được tài liệu đầy đủ và nhờ sự thống nhất ý chí biểu quyết mạnh mẽ của đồng bào, tôi có thể nhân danh dân tộc Việt Nam mà lên tiếng. Tôi sẽ tỏ bày cùng người Pháp sự cố gắng, những nỗi khó khăn, những sự hy sinh của chúng ta, tôi sẽ làm cho người Pháp biết: Quân Đội Quốc Gia Việt Nam thành lập với một tin tưởng cao siêu nhường nào. Lực lượng do gốc tích ở đất nước, cội rễ ở dân tộc và do đức tính cổ truyền của chúng ta đào tạo, ngày nay đang dự bị đảm nhận những chức vụ cực kỳ khó khăn, đó là một điểm tôi cũng cần làm cho người Pháp nhận định.

Ngoài ra, tôi cũng sẽ tỏ rằng, chúng ta đã hiểu những nỗi khó khăn của nước đại cường quốc thân hữu của chúng ta.

Để đáp lại lời mời ngày 3.7.53 của chính phủ Pháp, tôi sẽ giải bày những nguyện vọng của dân tộc Việt Nam mà đòi hỏi độc lập hoàn toàn và đồng thời cũng mong ước tự do gia nhập trong khối Liên Hiệp Pháp do mấy quốc gia chủ quyền đầy đủ và thân hữu kết liên với nhau.

Nhưng điều cốt yếu là đồng bào hãy tin chắc rằng sẽ không có quyết định nào mà đồng bào không dự phần. Từ hơn bốn năm nay, tôi hằng vẫn theo đuổi mục đích làm cho toàn dân ngày một tham gia vào công việc điều khiển việc nước. Thì giờ này đây, là giờ phút định đoạt vận mệnh quốc gia, định đoạn nền độc lập, hòa bình và an ninh của xứ sở, là giờ phút liên can tới danh dự tổ quốc và cuộc sống còn của nhân dân, có lẽ nào tôi lại không để đồng bào hoàn toàn hưởng quyền lợi căn bản thiêng liêng và bất khả xâm phạm là quyền chọn lựa số phận mình. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi, tôi xin nhắc nhủ quốc dân hãy xiết chặt lại hàng ngũ vì còn nhiều công cuộc cần phải được quốc dân chú ý và gắng công.

Trong các hội đồng và các hội nghị chân chính dân chủ của nước nhà hiện thời, các tầng lớp chính trị ưu tú hãy tự đào tạo cho mình. Các sĩ quan hãy gắng công rèn luyện Quân Đội Quốc Gia, để gây thêm lực lượng cho Quân Đội đó là nguồn hy vọng của đất nước.

Hết thấy đồng bào bất cứ ở địa vị nào hãy góp phần vào công cuộc khuếch trương những tài sản của nước nhà. Do đó, do sự gắng sức của mọi người, sức mạnh của quốc gia sẽ nảy nở và ta sẽ đạt được hòa bình trong khi ta chăm lo hướng dẫn vận mệnh tổ quốc.

Tôi tuyên bố cùng đồng bào, sự tin tưởng của tôi vào tương lai và đồng bào tin rằng ý nghĩ của tôi sẽ không xa đồng bào bao giờ”.

Chương trình viễn du của Quốc Trưởng kỳ này được sửa soạn kỹ càng với sự tham gia ý kiến của tất cả mọi người, khả dĩ có thể phát biểu được những mong muốn chính đáng của dân chúng Việt Nam. Quốc Trưởng đã đầy đủ tài liệu để có thể nhân danh dân tộc Việt Nam trình bày tất cả những hy sinh, cố gắng của dân tộc Việt.

Ở Pháp, Quốc Trưởng đã tiếp xúc với Bộ Trưởng Jacquet và ngày 27 tháng 8, đã hội đàm với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol để trao đổi quan điểm về các vấn đề đã nêu lên giữa hai nước do Bản Tuyên Ngôn Pháp ngày 3 tháng 7.1953.

Quốc Trưởng Việt Nam nhắc tới việc Việt Nam sẽ tự do gia nhập Liên Hiệp Pháp và đối lại, ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Bidault, nhân danh chính phủ Pháp, cũng cam kết rằng dù thế nào mặc lòng chính phủ

Pháp không có thể làm gì trước nếu không có cuộc thăm dò ý kiến của các quốc gia liên kết ở Đông Dương và nếu không có sự thỏa thuận của các nước đó.

Trong khi ở Pháp, Quốc Trưởng Bảo Đại chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ mới của dân tộc giao phó thì ở Việt Nam, chính phủ và dân chúng tích cực gây hậu thuẫn và cơ sở cho những cuộc thương thuyết sắp tới giữa Pháp và Việt.

Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm nhân danh chính phủ Việt Nam yêu cầu nhà cầm quyền Pháp chuyển giao nốt ngay những cơ sở còn ở trong tay người Pháp. Theo Việt Nam, đó là một sự kiện rất hợp lý sau khi Bản Giác Thư ngày 3 tháng 7 ra đời.

Những yêu cầu của chính phủ Việt Nam gồm 4 bản danh sách.

Yêu cầu thứ nhất là chuyển giao một cách nhanh chóng những cơ sở:

- Hàng không dân sự.
- Cơ sở hạ tầng về phi cơ.
- Sở Khí Tượng.
- Các đèn pha ngoài biển và hải tiêu.
- Thương Cảng Sài Gòn.
- Ban kiểm soát các cơ sở phát điện lực do chính phủ nhượng lại.
- Cảnh Vệ Thương Cảng Sài Gòn.
- Tất cả các Sở An Ninh, trừ các Sở An Ninh Quân Sự và của đoàn quân viễn chinh.

Yêu cầu thứ hai là chuyển giao những thẩm quyền còn do các nhà chức trách Pháp thi hành:

- Sở trưng dụng nhà cửa.
- Ty nguyên liệu lông và dầu mỡ.
- Ban kiểm soát kinh thác con đường Hỏa Xa Vân Nam.

Yêu cầu thứ ba là trao trả hẳn cho Việt Nam những cơ sở Pháp-Việt còn chia đôi thẩm quyền:

- Ban kiểm tra lý lịch về tư pháp.
- Ban cảnh binh hành chính và di trú ngoại kiều (Sở Tân Đốc)
- – Ty coi về kiểm soát kỹ thuật.
- – Nha cảnh binh tư pháp hỗn hợp.
- – Tất cả các sở thuộc về các tòa án hỗn hợp.
- – Ty trang bị và phân phối điện lực.
- – Ban điều hành giao thông Bộ và Thủy.

Bản danh sách thứ tư yêu cầu sửa đổi lại những thỏa hiệp trước nghĩa là hầu hết những thỏa hiệp minh xác sự giao thiệp Pháp-Việt, nhất là thỏa hiệp ngày 9.3.1949 và các quy ước áp dụng những thỏa hiệp đó về vấn đề ngoại giao, tư pháp, văn hóa và đại học v.v...

Nội Các Nguyễn Văn Tâm muốn nhằm mục đích gạt bỏ phần trở ngại trước không Việt-Pháp mở cuộc đàm phán chính thức. Phần trở ngại đó là những sự hạn chế đã làm cho Quốc Gia Việt Nam như chịu đựng một ‘cộng đồng chủ quyền’.

Hội Đồng Nội Các còn gửi một bản kiến nghị tỏ lòng tận tâm, tín nhiệm vào Quốc Trưởng trong công cuộc thực hiện các nguyện vọng quốc gia.

Ngoài những bức điện văn của các cơ quan chính quyền, dân chúng ở khắp ba phần đều tổ chức những cuộc mít tin, biểu tình rất rầm rộ tỏ ý hoàn toàn ủng hộ Quốc Trưởng trong cuộc đàm phán tương lai.

Ngày 11.8 ở Huế, các đại biểu của những toàn thể tôn giáo, chính trị, thanh niên, phụ nữ đã tụ họp đồng hăng chục vạn để xác nhận sự ủng hộ của dân chúng Trung Việt.

Ở Bắc Việt, ngày 4 tháng 9, một cuộc biểu tình đông đảo cũng được tổ chức, do các đoàn thể hướng dẫn, dân chúng nhậm nhiệm hàng chục vạn người đã hội họp tại công trường Nhà Hát Lớn Hà Nội. Máy phóng thanh đặt khắp ngã đường để dân chúng có thể dễ dàng nghe những diễn giả đại diện các giới phát biểu ý kiến.

Ở Nam Việt, các ông Phạm Công Tắc, đại diện Cao Đài, Lê Văn Viễn đại diện Bình Xuyên, Lương Trọng Tường đại diện Hòa Hảo gửi điện sang Cao Ủy Phủ Việt Nam tại Ba Lê tỏ lòng tin cậy và triệt để ủng hộ Quốc Trưởng.

Ngày 4 tháng 9, một Hội Nghị Đoàn Kết được triệu tập tại Nam Việt do một số người nhân danh đại diện tôn giáo và nhân sĩ như Giám Mục Ngô Đình Thục, Hòa Thượng Tuệ Tăng, Giáo Chủ Huỳnh Công Bộ, Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Y Sĩ Nguyễn Xuân Chữ. Các nhà đại diện trên đây đã tung ra một Bản Hiệu Triệu dân chúng kêu gọi tiến tới thành lập một Khối Đoàn Kết Quốc Gia.

Một phong trào Liên Hiệp Ái Quốc cũng được nêu lên và thiết lập dưới quyền chủ tọa của Giáo Chủ Phạm Công Tắc. Cuộc hội họp diễn ra trong khu vực Bình Xuyên và công bố một Bản Tuyên Ngôn của phong trào đại ý nói các chiến sĩ quốc gia ở Việt Nam đã tốn bao xương máu mà vẫn chưa thực hiện được nền Độc Lập cho nước nhà. Các chiến sĩ quốc gia luôn luôn bị những mưu mô chia rẽ, phá hoại, ngày nay, nhờ hoàn cảnh thuận tiện đã cố gắng hợp nhất, kiến tạo một phong trào đoàn kết sâu rộng mục đích dễ dàng tranh đấu cho nền Độc Lập Tổ Quốc.

Về mặt chính quyền, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm rời Sài Gòn ngày 3 tháng 9 đi Pháp. Thủ Tướng sang yết kiến Quốc Trưởng để thảo luận về vấn đề xây dựng thành phần các đại biểu tương lai đi dự cuộc đàm phán với Pháp. Thủ Tướng đã gặp nhiều chính khách Pháp như ông Reynaud, Phó Thủ Tướng. Ông Laniel, Thủ Tướng. Ông Letournau, nguyên Tổng Trưởng Bộ Liên Quốc, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm quay trở lại Việt Nam sau một tuần lễ ở Pháp, mang theo những huấn lệnh mới của Quốc Trưởng Bảo Đại.

Quốc Trưởng có một mong muốn rất rõ rệt Quốc Trưởng muốn dân chúng phải được tham gia ý kiến, gom góp sáng kiến vào cuộc đàm phán có ảnh hưởng đến vận mệnh của quốc gia và của toàn thể dân tộc.

Quốc Trưởng còn muốn tỏ cho mọi người hiểu rằng hoạt động của chính phủ và các người lãnh đạo chính phủ quốc gia phải bắt nguồn từ những mong muốn của dân chúng.

Quốc hội Việt Nam chưa thành lập được và vì lẽ đó, Quốc Trưởng đã nghĩ tới cách thu thập ý chí, nguyện vọng, sáng kiến của quốc dân bằng triệu tập một Đại Hội Nghị Toàn Quốc. Tham dự Đại Hội sẽ có đủ mọi các nhóm, đảng chính trị, tôn giáo, đại biểu các nghề nghiệp, dân chúng.

Quốc Trưởng đã ký một Sắc Lệnh ngày 10 tháng 9 về việc thiết lập một Hội Nghị Toàn Quốc, nội dung như sau:

Khoản nhất: Nay thiết lập một Hội Nghị Toàn Quốc để quốc dân tỏ bày ý định tiếp theo Bản Tuyên Ngôn của chính phủ Pháp ngày mồng 3 tháng 7 năm 1953.

Khoản hai: Hội Nghị Toàn Quốc gồm có 200 nhân viên tuyển lựa trong các đoàn thể chính trị, tôn giáo, kinh tế, chuyên nghiệp và trong các Hội Nghị và Hội Đồng Dân Cử.

Số các nhân viên được tuyển lựa tùy theo tổng số nhân viên các đoàn thể, hội nghị và hội đồng chỉ định trên đây.

Trong trường hợp không thể ấn định tổng số nhân viên của mỗi đoàn thể, sự tuyển lựa số đại biểu sẽ do Ủy Ban Tổ Chức Hội Nghị Toàn Quốc ấn định chiếu theo khoản thế 8.

Khoản Ba: Lĩnh trách nhiệm phát biểu một cách hết sức rộng rãi dư luận toàn dân, trong tình trạng hiện tại. Hội Nghị Toàn Quốc sẽ tỏ bày ý kiến về những vấn đề sau đây:

1.- Định rõ phạm vi và giới hạn chủ quyền quốc gia để được công nhận trong cuộc thương thuyết với nước Pháp.

2.- Định rõ những thể thức của sự liên kết giữa nước Việt Nam và Pháp.

Ngoài ra, Hội Nghị Toàn Quốc sẽ đệ trình Quốc Trưởng một danh sách hai mươi nhân sĩ trong số ấy Quốc Trưởng sẽ tuyển lựa những đại biểu được ủy nhiệm thương thuyết với nước Pháp.

Khoản tư: Hội Nghị Toàn Quốc sẽ nhóm họp trong hai ngày và giải tán ngay sau thời hạn ấy.

Khoản năm: Hội Nghị Toàn Quốc họp tại Sài Gòn.

Khoản sáu: Chủ Tịch và Ban Chấp Hành Hội Nghị Toàn Quốc sẽ được bầu cử trong số những nhân viên của Hội Nghị bằng cách bỏ phiếu kín và theo đa số tuyệt đối.

Hội Nghị Toàn Quốc có trọn quyền ấn định nội dung quy trình.

Khoản bảy: Ngày triệu tập Hội Nghị Toàn Quốc sẽ do Nghị Định Thủ Tướng chính phủ và các Tổng Trưởng hữu trách sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết, như về phương diện trật tự, để Hội Nghị Toàn Quốc tự do thi hành nhiệm vụ ấn định ở khoản thứ ba.

Khoản 8: Để triệu tập Hội Nghị Toàn Quốc theo các điều kiện ấn định ở những khoản trên, nay thiết lập một Ủy Ban Tổ Chức Hội Nghị Toàn Quốc.

Ủy Ban này sẽ gồm có chín nhân viên tuyển lựa trong những nhân sĩ có tư cách đại diện hơn hết cho các đoàn thể, hội nghị và hội đồng chỉ định ở khoản thứ hai.

Ủy Ban ấy sẽ liên lạc với chính phủ để tổ chức Hội Nghị Toàn Quốc và chính phủ sẽ giúp Ủy Ban thi hành nhiệm vụ trong phạm vi những sắc lệnh và nghị định hiện hành.

Ủy Ban Tổ Chức sẽ giải tán ngay sau khi Hội Nghị Toàn Quốc đã bầu Ban Chấp Hành chỉ định ở khoản thứ sáu.

Ngày 15 tháng 9, Quốc Trưởng ủy nhiệm Cao Ủy Bửu Lộc lĩnh sứ mạng về Việt Nam để triệu tập và khai mạc Hội Nghị Toàn Quốc.

Hoàng Thân Bửu Lộc về nước với lời Hiệu Triệu của Quốc Trưởng:

“Đồng bào thân mến!

Ngày 31 tháng 7 dương lịch vừa qua, trước khi lên đường sang Pháp, tôi đã nói để đồng bào biết rằng tôi sẽ giải thích cùng dân tộc Pháp và chính phủ Pháp, những nguyện vọng của dân tộc Việt Nam: Đòi hỏi độc lập hoàn toàn và đồng thời cũng mong ước tự do gia nhập trong khối Liên Hiệp Pháp, gồm những quốc gia chủ quyền đầy đủ và thân hữu liên kết với nhau.

Hôm nay chủ định của tôi là tin để đồng bào biết rằng: Dân tộc và chính phủ Pháp đã nhận định lập trường do tôi tuyên bố trên đây.

Tôi đã nhận thấy ở Pháp, một sự hiểu biết thành thực và nhiều bằng chứng của một tình thân hữu, mà từ lâu chúng ta vốn biết rằng có thể chắc chắn tin cậy.

Ngay từ bây giờ chính phủ Pháp quả quyết thi hành những điều cam kết trong Bản Tuyên Ngôn long trọng về nền Độc Lập Việt Nam ngày 3 tháng 7 vừa rồi. Nước Pháp hết lòng mong mỏi Tổ Quốc chúng ta toàn thắng trong cuộc chiến đấu hiện tại. Nước Pháp muốn giúp chúng ta, để chúng ta dành lại quyền tự do và chiếm lấy, trong đại gia đình các quốc gia tự do, một địa vị xứng đáng, với nền quá khứ vinh quang của dân tộc, xứng đáng với hy sinh cao cả của con dân đất nước, một địa vị mà chúng ta có quyền được hưởng vì lòng tha thiết đối với những lý tưởng văn minh.

Cứ tình thế nói trên, tôi đã có thể ngay từ bây giờ, thế theo lời mời của chính phủ Pháp, bắt đầu mở với các nhà cầm quyền Pháp những cuộc thương thảo mà tôi biết chắc rằng sẽ đưa đến một bản hiệp ước, ký kết trên một nền tảng hoàn toàn bình đẳng về quyền lợi và chủ quyền.

Nhưng cũng hôm 31 tháng 7 vừa đây, tôi đã tuyên bố rằng sẽ không có một quyết định nào mà đồng bào không dự phần. Bởi vậy, tôi muốn rằng quốc dân Việt Nam phải được hỏi ý kiến như lời tôi đã hứa.

Tôi đã thực hiện lời hứa hẹn này, trong khi tôi tỏ cho chính phủ Pháp biết rằng, trước khi mở đầu cho mọi cuộc thương thuyết, tôi muốn triệu tập một cuộc Hội Nghị Toàn Quốc, có nhiệm vụ bày tỏ những nguyện vọng của toàn dân và đề cử những phát ngôn nhân của nước Việt Nam trong các cuộc đàm phán ở Ba Lê.

Cuộc Hội Nghị Toàn Quốc đó sẽ gồm những đoàn thể chính trị và tinh thần của Quốc Gia Việt Nam dưới chính thể hợp pháp. Những đoàn thể này tiêu biểu cho các tầng lớp nhân dân, gồm những người có thiện chí và chân chính lo cho tiền đồ Tổ Quốc.

Tất cả đồng bào sẽ có quyền lên tiếng trong cuộc hội nghị đó. Giờ này đây, tôi thấy kêu gọi và thúc dục những ai từ trước đến nay, vì không muốn ấn định thái độ, nên đã từ chối không chịu tham dự công cuộc

chung. Ngày nay, họ không thể viện lễ gì mà do dự hoặc nghi ngờ được nữa. Sự tham dự của mọi người trong lúc này sẽ chứng tỏ ý chí của toàn thể quốc dân.

Vốn tôn trọng những quyền tự do, căn bản của nền dân chủ, tôi sẽ để các vị đại diện của đồng bào toàn quyền chuyển đạt cho tôi ý chí đó của dân chúng. Các vị đại diện của đồng bào sẽ có nhiệm vụ thiết lập danh sách những người xứng đáng và đủ năng lực hơn hết, trong số đó tôi sẽ cử những vị đại biểu Quốc Gia, mà rồi đây sẽ lãnh nhiệm vụ thương thuyết với nước Pháp. Do đó, chính là một Quốc Gia ủy nhiệm mà các vị đại diện của đồng bào sẽ nhận lãnh.

Tin tưởng ở lòng ái quốc của đồng bào, riêng tôi, tôi đã quyết đứng ra ngoài cuộc trưng cầu dân ý này. Những đại diện hữu quyền của tôi sẽ loan báo Bản Hiệu Triệu này với quốc dân.

Trong khi vững lòng chờ đợi đồng bào trả lời, tôi sẽ mang hết cố gắng thực hiện trong cuộc cần thiết nhất thuộc nhiệm vụ của tôi tức là sự thành lập Quân Đội Quốc Gia, tượng trưng cho nền thống nhất và độc lập tổ quốc, và cũng đồng thời bảo đảm cho nền hòa bình xứ sở, mục đích tối cao của chúng ta.

Đối với thế giới đang quan sát chúng ta, dân tộc ta sẽ tỏ rõ tinh thần dân chủ của mình, nhờ tinh thần ấy mà ý chí dành độc lập, tự do liên kết với nước Pháp, trở nên hợp lý. Thế giới sẽ cân nhắc và sẽ nhận định nơi nào là địa hạt của tinh thần Quốc Gia chân chính, nảy nở và tốt tươi trên nền tảng tự do.

Hỡi đồng bào thân mến, nhiệm vụ chứng minh tinh thần của dân tộc với thế giới nay ở trong tay đồng bào. Với đức tính tôn trọng kỷ luật công dân, với sự lựa chọn sáng suốt của đồng bào, tôi chắc đồng bào sẽ chẳng phụ lòng tin tưởng của tôi”.

Hoàng Thân Bửu Lộc, sau khi đặt chân lên Sài Gòn, Huế, Hà Nội, đã gặp gỡ, nhận định, tiếp xúc, hội đàm với nhiều yếu nhân trong chính quyền, trong các đoàn thể, các nhóm chính trị tôn giáo, giải bày với nhân dân quyền hạn của Ủy Ban Tổ Chức Hội Nghị, nhiệm vụ và thời hạn của Hội Nghị Toàn Quốc.

Thành phần Hội Nghị được chia theo tỷ lệ các Hội Đồng Dân Cử, các nhóm chính trị, tôn giáo, kinh tế, văn hóa với mục đích làm phấn khởi tinh thần thống nhất của toàn dân.

Số ghế ở Hội Nghị chia ra như sau:

- Hội viên hàng xã: 50 ghế.
- Hội viên hàng tỉnh: 19 ghế.
- Đoàn thể chính trị: 25 ghế.<
- Cao Đài: 17 ghế.
- Công Giáo: 15 ghế.
- Hòa Hảo: 15 ghế.
- Bình Xuyên: 9 ghế.
- Nghiệp đoàn: 8 ghế.
- Công nhân: 6 ghế.
- Thương mại: 6 ghế.
- Phật Giáo: 5 ghế.
- Sơn cước: 5 ghế.
- Kỹ nghệ: 4 ghế.
- Văn hóa: 3 ghế.
- Báo giới: 3 ghế.

Và 3 ghế dành thêm cho đồng bào hải ngoại:

- Pháp: 1 ghế.
- Xiêm: 1 ghế.
- Mên: 1 ghế.

Hội Nghị đã bầu một Chủ Tịch Đoàn và một Ban Tổng Thư ký.

Chủ Tịch Đoàn:

- Trần Trọng Kim: 153 phiếu.

- Đặng Văn Sung: 136 phiếu.
- Nguyễn Hữu Thuận: 117 phiếu.
- Vũ Ngọc Trản: 109 phiếu.
- Lê Thiện Phước: 108 phiếu.
- Phan Hà: 102 phiếu.

Ban Tổng Thư Ký:

- Trần Văn Ân: Tổng Thư Ký
- Trần Văn Tuyên: Phó
- Thanh Nam: Phó
- Nguyễn Duy Quang: Phó
- Lê Thành Trường: Phó
- Nguyễn Phú Đốc: Phó.

Tại Tòa Thị Chính Sài Gòn, Hội Nghị Toàn Quốc đã khi mạc ngày 12 tháng 10 và thành lập ra ba Tiểu Ban.

1.- Tiểu Ban Nghiên Cứu vấn đề Độc Lập:

- Nguyễn Phan Long: Chủ Tịch.
- Phan Khắc Sửu: Phó Chủ Tịch.
- Đỗ Mạnh Quát: Phúc Trình Viên.
- Phan Huy Đức: Thư Ký.
- Đỗ Đình Quế: Hội Viên.
- Nguyễn Hữu Dương: Hội Viên.
- Phan Huy Anh: Hội Viên.
- Nguyễn Bình Tuyên: Hội Viên.
- Trần Ngọc Ban: Hội Viên.
- Trương Ngọc Nhu: Hội Viên.
- Trịnh Thế: Hội Viên.
- Lê Đình Cự: Hội Viên.

2.- Tiểu Ban nghiên cứu vấn đề liên kết với Pháp:

- Trần Văn Quế: Chủ Tịch.
- Đỗ Đình Đạo: Phó Chủ Tịch kiêm Phúc Trình Viên.
- Nguyễn Hữu Pha: Thư Ký.
- Nguyễn Công Triệu: Nhân Viên.
- Vĩnh Cơ: Nhân Viên.
- Vũ Văn Dung: Nhân Viên.
- Lê Đình Duyên: Nhân Viên.
- Bùi Quang Tời: Nhân Viên.
- Vũ Ngọc Tiến. Nhân Viên.
- Phan Khoan: Nhân Viên.
- Mai Ngọc Thiệu. Nhân Viên.

3.- Tiểu Ban nghiên cứu nhiệm vụ của phái đoàn thương thuyết:

- Phạm Hữu Chương: Chủ Tịch.
- Chế Công Triệu: Phúc Trình Viên.
- Phạm Văn Thụ: Nhân Viên.
- Nguyễn Văn Mai: Nhân Viên.
- Nguyễn Nhân Ứng: Nhân Viên.
- Bùi Xuân Tuy: Nhân Viên.
- Hồ Văn Hải: Nhân Viên.
- Đỗ Cường Duy: Nhân Viên.
- Lưu Đức Trung: Nhân Viên.
- Ứng Thi: Nhân Viên.
- Phạm Thế Tường: Nhân Viên.
- Vũ Văn Huyền: Nhân Viên.
- Thái Văn Châu: Nhân Viên.

Hội Nghị Toàn Quốc làm trong một bầu không khí rất hăng hái, sôi nổi và bế mạc, ngày 17 tháng 10 bằng một Bản Kiến Nghị Tổng Quát đệ lên Quốc Trưởng.

“Hội Nghị Toàn Quốc đặt tín nhiệm hoàn toàn vào Đức Quốc Trưởng trong công việc điều đình sắp tới để hoàn thành nền Độc Lập nước Việt Nam và kiến thiết cùng nước Pháp một khối liên minh căn bản trên sự tự do thỏa thuận đôi bên, trên sự tôn trọng chủ quyền và sự hỗ tương quyền lợi và nhiệm vụ của hai dân tộc.

Hội Nghị Toàn Quốc ngỏ lời cảm ơn nước Pháp và nước Mỹ đã ủng hộ và viện trợ Việt Nam để củng cố nền Độc Lập”.

Sau mấy ngày hội họp tranh luận, các đại biểu của Hội Nghị đã bỏ phiếu chấp nhận 3 bản quyết nghị như sau:

1.- Quyết Nghị về vấn đề Độc Lập.

Xét rằng chỉ độc lập hoàn toàn mới làm thỏa mãn nguyện vọng tối thiêng liêng từ ngàn xưa của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Xét rằng độc lập hoàn toàn là điều kiện phải có trước tiên để đặt nền tảng bang giao Việt-Pháp trên lập trường hai nước, độc lập như nhau.

Xét rằng độc lập hoàn toàn là điều kiện duy nhất chấm dứt chiến tranh hiện tại và văn hồi hòa bình ở Việt Nam.

Toàn thể Hội Nghị Toàn Quốc đại diện các tầng lớp dân chúng Việt Nam.

Quyết Nghị:

Việt Nam phải là một nước hoàn toàn độc lập nghĩa là phải đầy đủ chủ quyền đối nội và đối ngoại như bất cứ một quốc gia độc lập nào khác trên thế giới theo quốc tế công pháp.

Thủ tiêu tất cả hiệp ước ký kết giữa Pháp với Việt Nam từ xưa đến nay và chế độ Hoàng Triều Cương Thổ.

2.- Quyết Nghị về vấn đề liên kết:

Xét vì trong giai đoạn lịch sử hiện tại, các nước đều có khuynh hướng liên kết chặt chẽ với nhau để duy trì độc lập và tự do cùng nhau xây dựng hòa bình thế giới.

Xét vì cuộc liên kết giữa các dân tộc chỉ có thể bền vững và có ích nếu hai nước cộng tác trên lập trường hoàn toàn tự do bình đẳng và tôn trọng quyền lợi lẫn nhau.

Xét vì Tổ Chức Liên Hiệp Pháp xây dựng trên Hiến Pháp nước Pháp năm 1946 trái hẳn với chủ quyền một quốc gia độc lập.

Xét vì quyền lợi thứ nhất của một dân tộc là tự mình quyết định những việc có liên quan với dân tộc mình.

Quyết Nghị:

Nước Việt Nam độc lập không gia nhập Liên Hiệp Pháp dưới hình thức hiện tại.

Sau khi thảo hồi tất cả các chủ quyền mà nước Pháp còn giữ lại, sau khi thanh toán xong việc phát hành Đông Dương tức Ngân Hàng Đông Dương cũ, nước Việt Nam sẽ ký với Pháp những Hiệp Ước liên minh trên lập trường bình đẳng tùy theo nhu cầu của Việt Nam và Pháp trong những thời hạn và trường hợp ấn định rõ ràng.

Hết thấy mọi sáng kiến, thương thảo, đề nghị quốc tế có liên quan với Việt Nam đều phải do chính phủ Quốc Gia Việt Nam dưới quyền lãnh đạo của Đức Quốc Trưởng định đoạt.

Tất cả các Hiệp Ước trên đây sẽ do quốc hội Việt Nam do cuộc phổ thông đầu phiếu bầu lên duyệt y mới được thi hành.

3.- Quyết Nghị về vấn đề cử người đi thương thuyết:

Hội Nghị quyết định để tùy Đức Quốc Trưởng lựa chọn, trong số 211 đại biểu dự Hội Nghị hoặc cả trong số các nhân vật ngoài Hội Nghị Toàn Quốc, những đại biểu tham dự phái đoàn đi thương thuyết với Pháp .

Kết quả công việc Hội Nghị của Toàn Quốc đã làm Quốc Trưởng và nhân viên Việt Nam hài lòng.

Hội Nghị đã bày tỏ được nguyện vọng tha thiết của dân chúng Việt Nam mong mỗi một nền độc lập hoàn toàn.

Hội Nghị đã nêu rõ được mong muốn của nhân dân Việt Nam trong một xây dựng một tình thân giao tự do, một sự liên hiệp Việt-Pháp trên lập trường bình đẳng và cương quyết xóa bỏ những vết tích của một chế độ bất hợp thời.

Hội Nghị đã tỏ lòng tín nhiệm hoàn toàn vào Quốc Trưởng Bảo Đại trong cuộc thương thuyết sắp tới với nước Pháp.

Giá trị tuyệt đối của Hội Nghị Toàn Quốc là ở lòng sốt sắng, nhiệt thành, bộc lộ một tinh thần quốc gia mạnh mẽ của các đại biểu.

Một số người, nhất là người ngoại quốc đã nhắc nhiều tới hình thức và phương pháp làm việc của Hội Nghị để phê bình chỉ trích một cách gay gắt.

Phần vì muốn chia rẽ xuyên tạc, phần vì nhận xét quá nông nổi, vội vàng, chỉ chú trọng đến từ chương, họ đã không để ý tới nội dung, không chịu tìm hiểu những ý nghĩa sâu xa và thành thực về những quyết nghị của Đại Hội.

Một số dư luận ở Pháp đã tỏ vẻ không ưa lẽ lối bầu cử trong Hội Nghị. Họ chỉ trích kiểu bầu Chủ Tịch Đoàn là một kiểu của cộng sản.

Do thời gian làm việc quá cấp tốc ảnh hưởng tới các hành văn không được khôn khéo của một bản quyết nghị và cũng do sự truyền tin quá hấp tấp của một số phóng viên các báo, cho nên Hội Nghị Toàn Quốc vô tình đã gây ra một thắc mắc lớn cho Pháp trong ít ngày.

Nguyên ngày 15.10, Đại Hội đã quyết nghị về vấn đề liên kết với Pháp trong có câu: “Nước Việt Nam độc lập không gia nhập Liên Hiệp Pháp”. Sự thiên hạ có thể hiểu nhầm tinh thần Bản Kiến Nghị, ngay hôm sau, Đại Hội đã bỏ phiếu thuận sửa đổi và chú thích thêm vào câu trên mấy chữ “dưới hình thức hiện tại” để được rõ nghĩa nhưng cũng gây cho giới chính trị Pháp một mối xúc cảm mạnh.

Vì thế, ngày 21 tháng 10, Hội Đồng Tổng Trưởng Pháp đã phải họp dưới quyền chủ tọa của Tổng Thống Auriel để bàn về Việt Nam. Chính phủ Pháp đã chuyển tới cho Đại Sứ Việt Nam, Hoàng Thân Bửu Lộc một bức thông điệp nhắc lại lập trường của Pháp về vấn đề Liên Hiệp Pháp và yêu cầu Quốc Trưởng và chính phủ Việt Nam cho biết rõ lập trường của Việt Nam.

Ngày 26 tháng 10, trước khi lên máy bay về nước, Quốc Trưởng Bảo Đại tuyên bố:

“Mặc dầu có sự hiểu lầm nhất thời, tình hữu nghị cổ truyền Pháp-Việt vẫn nguyên vẹn. Riêng tôi, tôi tin rằng tình hữu nghị này sẽ bành trướng một cách êm đẹp trên căn bản bình đẳng trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp.

Điều đó đã là và sẽ vẫn là nguyên tắc căn bản trong chính sách của Việt Nam đối với Pháp”.

Lời tuyên bố của Quốc Trưởng đã làm dịu hẳn dư luận Pháp.

Đường lối của Quốc Trưởng rất rõ rệt.

Việt Nam cần phải được độc lập hoàn toàn, dân Việt Nam chỉ muốn thương thuyết với Pháp trên lập trường tự do và bình đẳng. Nền độc lập Việt Nam đã tiến triển chậm chạp từ cuộc thương thuyết tại Vịnh Hạ Long nay đến chỗ bội tiến của nó và được đánh dấu bằng Bản Tuyên Cáo long trọng ngày 3 tháng 7.1953 của chính phủ Pháp.

Hội Nghị Toàn Quốc đã bộc lộ ý chí giản dị và minh bạch của dân tộc Việt Nam. Toàn dân đã ủy nhiệm Quốc Trưởng để cố gắng cụ thể ý chí của mình trong cuộc đàm phán với Pháp và hoàn toàn siết chặt hàng ngũ làm hậu thuẫn.

Những người quen dùng chữ trong các văn kiện ngoại giao hoặc với mục đích ru ngủ, hoặc với mục đích lừa lọc dân chúng, đã nhần mặt khi nhìn cách hành văn trong Bản Kiến Nghị của Đại Hội Toàn Quốc. Thực ra, dân tộc Việt Nam, khi đến tuổi trưởng thành về chính trị đã chỉ tỏ ra luôn luôn thành thực và không hề muốn lắt léo trình bày văn kiện lịch sử. Dân Việt Nam rất mong mọi người thâm hiểu những ý nghĩ sâu xa và chính đảng đã phô bày một cách thường xuyên trong mọi vấn đề.

Nhân dân Việt Nam lúc nào cũng muốn kết bạn với nhân dân Pháp, cũng như với nhân dân của các nước khác trên thế giới, một lập trường hoàn toàn bình đẳng. Nhưng nếu cơ quan Liên Hiệp Pháp lại do những ý thức lạc hậu và ngoan cố hướng dẫn với mục đích gò buộc dân tộc Việt Nam thì không những dân tộc Việt Nam tất phải vùng dậy tranh đấu mà chính nhân dân Pháp cũng sẽ phải bất bình, sẽ ủng hộ giúp đỡ Việt Nam để thủ tiêu mọi sự bất công đã lỗi thời.

Quốc Trưởng Việt Nam cũng đã nhấn mạnh rằng:

“Nếu Liên Hiệp Pháp là một chính thể thuộc địa trá hình thì nó không thể nào tồn tại được. Mỗi giây ràng buộc các phần tử của đế quốc thuộc địa cũ thể nào cũng phải cởi ra, và với Việt Nam thì các giây ấy phải cắt đứt hẳn. Nếu ai cố tâm đi ngược lại với trào lưu lịch sử thì đấy chẳng qua chỉ là một nước cờ thủ thế và chẳng chóng thì chầy sẽ phải thất bại”.

Nhân dân Việt Nam và cả nhân dân Pháp cũng cùng một ý nghĩ như vị Quốc Trưởng Việt Nam.

Ngày 28 tháng 10, Quốc Trưởng Bảo Đại đã về đến Sài Gòn và một Bản Hiệu Triệu được công bố cho toàn thể nhân dân Việt Nam:

“Đồng bào thân mến,

Sau ba tháng trời vắng mặt, tôi trở về nước nhà cốt để hội kiến cùng đồng bào trước ngày khởi cuộc thương thảo Việt-Pháp.

Tuy xa xứ sở, tôi vẫn không khỏi nóng lòng muốn được thăm viếng các chiến sĩ thân mến của Quân Đội Quốc Gia và của Liên Hiệp Pháp đang chiến đấu anh dũng để bảo vệ nền độc lập nước nhà, ở khắp các mặt trận từ Nam chí Bắc, tôi cũng nóng lòng muốn được an ủi các đồng bào Trung-Việt vừa mới bị đau khổ bởi thiên tai bất ngờ.

Lúc tôi quyết định trở về thì một phần dư luận báo chí và một số chính đảng Pháp xôn xao vì các kiến nghị của Hội Nghị Toàn Quốc, khiến chính phủ Pháp phải gửi một bức Thông Điệp yêu cầu “chính phủ Việt Nam xác định ý muốn của mình đối với tổ chức Liên Hiệp Pháp”.

Luận điệu của một vài tờ báo Pháp, trong khi đăng tin tức về bức thông điệp ấy, đã làm sai lạc chủ ý của chính phủ Pháp. Vì theo nguyên văn bức thông điệp này, thì chính phủ Pháp bao giờ cũng mong muốn giữ mối tình thân hữu giữa hai nước Pháp-Việt.

Bởi vậy trong khi chờ chính phủ và quốc dân phúc đáp bức thông điệp ấy, tôi căn cứ vào tinh thần cộng tác thân mật đã bồi đắp trên sự hy sinh của hai dân tộc từ bấy lâu nay mà giải thích cho chính phủ Pháp thấy rõ ý nghĩa Bản Kiến Nghị của Hội Nghị Toàn Quốc ngày 17 tháng 10.

Bản Kiến Nghị này, thực ra, chỉ có ý nghĩa là muốn đặt cuộc bang giao Việt-Pháp trên một cơ sở pháp lý bình đẳng thích hợp với những nguyện vọng quốc dân Việt Nam mà chính nước Pháp đã hứa

hện quả quyết sẽ làm cho được thỏa mãn hoàn toàn.

Tôi đã chỉ ra chỉ thị cho Cao Ủy Việt Nam tại Pháp Quốc, để giải thích cùng chính phủ Pháp.

Vì thế, hiện nay sự hiểu lầm có thể gọi là đã tiêu tan. Hơn nữa, phiên họp Hội Đồng Tối Cao Liên Hiệp Pháp khai mạc trong khoảng tháng 11 sắp tới, sẽ tỏ rõ rằng sự hợp tác chặt chẽ từ trước tới nay vẫn tiếp tục.

Công việc thu xếp ổn thỏa, nên hôm nay, đáp lại lòng tin tưởng của toàn thể Nghị Sĩ Hội Nghị Toàn Quốc, tôi trở về nước để cử các vị đại diện lãnh trọng trách thương thuyết với nước Pháp.

Tin tưởng vào lòng yêu nước nồng nhiệt và tinh thần công dân đã biểu lộ trong dịp Hội Nghị Toàn Quốc, tôi chắc rằng sau khi Hội Nghị đã biểu quyết những kiến nghị kia, thì chúng ta sẽ đủ người có thiện chí sốt sắng cùng tôi thương thảo với Pháp để ký kết một hiệp ước bình đẳng và công bằng mà vẫn không sao nhãng những điều kiện thực tế bảo đảm cho nền độc lập thực sự cho nước nhà.

Như vậy, với tình giao hữu và sự giúp đỡ của nước Pháp, đại cuộc của chúng ta sẽ thành tựu và dân tộc Việt Nam sẽ được mãn nguyện.

Đồng bào thân mến,

Những ngày sắp tới quan trọng đặc biệt đối với công cuộc kiến quốc. Chẳng cần phải nhắc lại, đồng bào cũng hiểu rằng nếu không có một sự sắp đặt chu đáo và một chí cương quyết bền bỉ, thì không bao giờ nêu được sự nghiệp lớn lao. Trái lại cương quyết và sáng suốt là những yếu tố thành công.

Bởi vậy, một lần nữa, tôi yêu cầu đồng bào xiết chặt hàng ngũ và tận tâm phụ lực vào các cố gắng của tôi.

Chủ quyền đất nước và quyền tự do cá nhân của chúng ta, sẽ được bảo vệ đầy đủ hay không là tùy nơi nhiệt tâm ủng hộ của quốc dân đồng bào đối với các vị đại biểu lãnh trách nhiệm khó khăn đi đàm phán để hoàn thành nền độc lập.

Mặc dầu chúng ta còn phải gặp nhiều trở ngại, tôi nhắn gửi quốc dân đồng bào lời kêu gọi này với một niềm tin tưởng vì tiền đồ nước Việt Nam liên quan mật thiết đến tương lai của hết thảy các quốc gia cùng một lý tưởng tự quyền, công bằng và bác ái.

Vinh dự tổ quốc chúng ta ở đó.

Trong đại gia đình các nước dân chủ, tổ hợp trên nguyên tắc bình đẳng, nước Việt Nam tự do liên kết với nước Pháp, thể theo ý niệm Liên Hiệp Pháp, phải có địa vị thích nghi đầy đủ mới thi hành được nhiệm vụ mà thế giới tự do đã ủy thác cho”.

Quốc Trưởng Việt Nam về nước để tiếp xúc và lựa chọn những nhân viên đi dự cuộc đàm phán Pháp-Việt.

Quốc Trưởng về nước đúng lúc cuộc bầu cử Hội Đồng hàng tỉnh vừa kết thúc với kết quả mỹ mãn.

Cuộc tuyển cử hàng tỉnh ngày 25 tháng 10 là một thực hiện đẹp đẽ, một thành công nhằm mục đích dân chủ hóa Quốc Gia Việt Nam trong chương trình chính trị của Quốc Trưởng và chính phủ.

Để đánh dấu một giai đoạn trên đường tiến tới dân chủ thực sự, Quốc Trưởng không ngần ngại vì những lý do hòa bình chưa tái tạo, độc lập chưa hoàn bị, đã nhất định xúc tiến xây dựng chủ quyền với sự tham dự của quốc dân.

Quốc Trưởng về nước vừa đúng dịp qua thăm Việt Nam của Phó Tổng Thống Mỹ Richard Nixon rồi tiếp đến ông Tổng Trưởng Pháp Marc Jaquet, phụ trách việc liên lạc với ba quốc gia liên kết cũng tới Việt Nam, trung tuần tháng 11.

Ông Tổng Trưởng Marc Jaquet, sau khi tiếp xúc với nhân dân Việt Nam qua những cuộc hội đàm với nhiều yếu nhân chính trị trong khu vực quốc gia đã phải xác nhận rằng tất cả các khuynh hướng chính trị Việt Nam đều tỏ lòng tin tưởng vào Quốc Trưởng Bảo Đại.

Đó là sự thật, vì tất cả những người Việt Nam ghét cộng sản đều nghe theo lời Hiệu Triệu của Quốc Trưởng để xiết chặt hàng ngũ ủng hộ Quốc Trưởng trong công cuộc tranh đấu giành hoàn toàn Độc Lập và

dân chủ hóa Tổ Quốc Việt Nam.

Ngày 23 tháng 11, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đáp phi cơ đi Pháp cùng với ông Tổng Trưởng Marc Jacquet và phái đoàn Lào. Thủ Tướng Việt Nam đi dự khóa họp của Thượng Hội Đồng Liên Hiệp Pháp. Nhân viên phái đoàn Việt Nam cùng đi với Thủ Tướng gồm các ông: Trương Vĩnh Tống, Tổng Trưởng Ngoại Giao. Phan Huy Quát, Tổng Trưởng Quốc Phòng. Lê Tấn Nấm, Tổng Trưởng Tư Pháp. Nguyễn Văn Nhung, Tổng Trưởng Kinh Tế. Nguyễn Thành Giung, Tổng Trưởng Giáo Dục. Nguyễn Huy Lai, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Tài Chính Kế Hoạch Kiến Thiết. Bửu Kinh, Huỳnh Văn Chia.

Sứ mạng của phái đoàn Nguyễn Văn Tâm trong việc đi dự đàm phán Pháp-Việt định đoạt mỗi bang giao giữa hai nước. Mỗi bang giao tương lai ấy phải thân mật, bình đẳng và chặt chẽ theo đúng nguyện vọng của nhân dân Việt Nam cũng như mong muốn của nhân dân Pháp.

NƯỚC PHÁP VỚI QUỐC GIA VIỆT NAM

Sau ngày tan vỡ 19 tháng Chạp năm 1946, ông Moutet Bộ Trưởng Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại vội vã sang Đông Dương mong cứu vãn lại Hòa Bình. Nhưng trong bầu không khí chiến tranh sắc mùi khói súng. Ông Moutet đã tỏ một thái độ rõ rệt và quyết định:

“...Cuộc tấn công ngày 19.42 xét theo tinh thần, kiểu cách và sự chuẩn bị của nó đã khiến chúng ta phải dùng biện pháp quân sự. Khi nào quân đội đem lại được an ninh, lúc ấy mới sẽ có thể nghiên cứu lại vấn đề chính trị...”

Những lời kêu gọi đàm phán của cụ Hồ chí Minh theo ông Moutet chỉ là một luận điệu để tuyên truyền:

“...Chắc chắn rằng những kẻ đang cầm quyền thực sự trong chính phủ Việt Nam không hề muốn một cuộc đàm phán...”

Nước Pháp mong muốn có hòa bình vì chính bản thân đã phải chịu đựng bao tàn phá khốc liệt do Hitler và đồng lõa gây ra, đã hiểu rõ nỗi đau khổ của chiến tranh và hiện đang còn phải kiến thiết tu sửa lại quốc gia Pháp.

Với các lãnh thổ hải ngoại, Pháp đã vạch một chính sách “Nói rộng quyền hành” từ Hội Nghị Brazzaville ở Phi Châu (1944). Năm 1945-1946, Pháp muốn “cho” Việt Nam rộng quyền tự chủ nhưng dân Việt, nhớ trình độ hiểu biết chính trị đã khá vững, lại muốn “song hành” ngay với Pháp. Trạng thái tâm lý của kẻ bề trên và của kẻ mới nhớn tương phản mạnh mẽ dựa tình thế đến chỗ ngờ vực lẫn nhau. Chiến dịch Gaur của Đại Tướng Pháp ở miền Nam nước Việt, những hành động khiêu khích ở Hà Nội vô tình đã làm đa số người Việt mất tin tưởng vào thiện chí của Pháp. Ngược lại, những hành động “vô chính phủ” của các đội tự vệ, những công trình phòng ngự những đồn ăn miếng trả miếng của quân đội Việt Minh cũng khiến người Pháp ở Việt Nam phải khó chịu, bức tức, nghi ngờ.

Bầu không khí căng thẳng chứa đầy nghi ngờ phản nộ, căm hờn, uất ức của cả hai bên đã phải bùng nổ không thể tránh để đưa đến một trận chiến tranh đau đớn kéo dài cho đến nay vẫn chưa tìm được lối thoát.

Chính phủ Pháp thừa hiểu rằng cụ Hồ chí Minh và Việt Minh chỉ là những người lính xung phong của Điện Kremlin trong chương trình thôn tính thế giới. Vì thế cuộc chiến đấu chống Việt Minh càng được chính phủ Pháp coi như là một bốn phần thiêng liêng của mình tuy chưa hẳn có một đường lối rõ rệt, một chính sách dứt khoát đối với Việt Nam, một lãnh thổ hải ngoại mà Pháp đã từng đô hộ ngót một thế kỷ.

Trong giai đoạn đầu tiên của trận chiến tranh ở Việt Nam, Pháp đã gặp phải nhiều khó khăn:

– Chống nhau với chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa mà đại đa số dân chúng vẫn đang quan niệm là một chính phủ độc nhất của Quốc Gia Việt Nam.

– Cá nhân cụ Hồ chí Minh đang được hầu hết dân chúng tin tưởng, mến phục.

Pháp đã vấp phải phản ứng mạnh ở khắp mọi nơi như du luận Hoa Kỳ lớn tiếng kết án Pháp là “Một nước Tây phương độc nhất muốn dùng võ lực để giữ gìn thuộc địa ở Á Châu” rồi Thủ Tướng Ấn Độ Nehru, Thủ Tướng Điện Biên Aung San v.v...nhất tề tuyên bố ủng hộ chính phủ cụ Hồ và phản đối Pháp. Một Hội Nghị Liên Á (tháng 3 năm 1947) được tổ chức ở Ấn Độ có mặt đại diện của Việt Minh, trong đó các nước Á Châu đều lên tiếng phản đối hành động của Pháp tại Việt Nam.

Ngay trong lòng nước Pháp, phản ứng cũng sôi nổi:

- Dân chúng Pháp phản đối chiến tranh ở Việt Nam.
- Binh sĩ Pháp cũng không ưa phải đổ máu vô ích.

Đối với cuộc xung đột ở Việt Nam, các đảng phái Pháp đã tỏ một thái độ rất tương phản. Đảng cộng sản, dĩ nhiên, muốn chính phủ điều đình với cụ Hồ chí Minh, đảng Xã Hội muốn đàm phán, trái lại Cộng Hòa Bình Dân và Cộng Hòa Tả đảng nhất định không chịu nói chuyện lại với Việt Minh sau vụ “bội phản” 19.12.1946.

Nội Các Xã Hội Léon Blum muốn chỉ định Đại Tướng Leclerc giữ chức Cao Ủy Đông Dương nhưng tất cả các đảng phái khác chỉ thỏa thuận để chức Cao Ủy cho một chính khách vì vậy đến thời Nội Các Ramadier, chính phủ Pháp đã cử ông Emile Ballaert sang làm Cao Ủy ở Đông Dương (6.3.1947).

Việc đó chứng tỏ rằng nước Pháp ưa chuộng hòa bình đã nhận thấy chỉ nên và chỉ có thể giải quyết vấn đề Việt Nam bằng giải pháp chính trị.

Trước khi chính phủ Pháp quyết định cử ông Ballaert làm Cao Ủy, Đô Đốc D’Argenlieu đã đo lường các chính khách Việt Nam đối lập với Việt Minh và nhất là thăm dò ý kiến Cựu Hoàng Bảo Đại (ở Hồng Kông). Trong khi chờ đợi một quyết định dứt khoát, Pháp đã trực tiếp giao thiệp với một số chính khách Nam Việt trong việc thành lập một “chính phủ Nam Kỳ”.

Chính phủ Pháp cũng thừa rõ hành động trên chỉ có tính cách tạm thời nhưng vì thực trạng ở Việt Nam quá hỗn độn đến mức độ mà chính phủ Pháp không còn biết làm cách nào để giải quyết thu xếp ổn thỏa. Thủ Tướng Ramadier đã tuyên bố rất mơ hồ ở Quốc Hội (18.3.47) về đường lối của Pháp ở Việt Nam:

“...Không có thống trị, không phải lệ thuộc mà là hợp tác. Như vậy có nghĩa là chúng ta tôn trọng nền Độc Lập của các dân tộc. Lời mở đầu hiến Pháp của chúng ta đã chỉ rõ như vậy...”

Ông Ramadier đã nhắc tới “Độc lập trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp” và cam kết sẽ thực hiện việc thống nhất lãnh thổ Việt Nam nếu dân tộc Việt Nam muốn thế.

Nhưng muốn có hòa bình phải ngừng chiến và thương thuyết. Thương thuyết với ai chính đáng nhất ? Đó là một vấn đề mà chính phủ Pháp chưa đủ thời gian nhận xét để dám nói một cách quả quyết.

Đầu tháng 4.1947, Cao Ủy Bollaert đến Sài Gòn. Một thực trạng mới phô bày trước mắt vị Cao Ủy Pháp: Hoạt động của các người Quốc Gia Việt Nam:

- Mặt trận Liên Hiệp Quốc Gia Việt Nam của các ông Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam thành lập ở Hồng Kông tháng 2.1947.
- Nhóm tôn giáo chính trị Cao Đài.
- Nhóm Hòa Hảo.
- Nhóm thanh niên quốc gia.
- Dân Chủ Đảng của Cựu Khâm Sai Nguyễn Văn Sâm.
- Khối Quốc Gia của Cụ Trần Thanh Đạt (Trung Việt)
- Khối Liên Hiệp Quốc Gia của ông Nghiêm Xuân Thiệu (Bắc Việt).

Tất cả các nhóm chính trị xu hướng quốc gia đã cùng nhau trao đổi ý kiến và đồng thanh quyết nghị ủng hộ Cựu Hoàng Bảo Đại.

Với sự kiện mới mẻ đó, chính phủ Pháp đã có thể có một lối thoát, ngã về phía Cựu Hoàng Bảo Đại. Để chấm dứt cuộc điều đình với Việt Minh, những người Pháp có trách nhiệm trực tiếp ở Đông Dương đã đề ra những điều kiện hắc búa:

- Phải thả ngay các tù binh Pháp.
- Phải ngừng bắn, ngừng khủng bố, ngừng tuyên truyền.
- Phải trao trả 50% vũ khí cho quân đội Pháp.
- Phải để quân đội Pháp được tự do đi lại trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

Dĩ nhiên đó là những điều kiện “không thể nhận” mà Pháp đã đặt trước chính phủ cụ Hồ.

Trong nội bộ của Pháp hồi ấy cũng rất lúng túng, nào Madagascar biến động, nào Algérie đòi cải cách, nào Maroc với Mặt Trận Liên Ả Rập...

Chính phủ Pháp mỗi ngày một nghiêng về phía hữu, nào sự bất hòa giữa Thủ Tướng Ramadier với phe

cộng sản, nào tổ chức Liên Hiệp Quân Dân Pháp của Tướng De Gaulle thành lập (13.4.47)

Tình hình chính trị của Pháp ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam và kết thúc bằng thái độ quả quyết trong diễn văn của Cao Ủy Bollaert đọc tại Hà Nội ngày 15 tháng 3.1947. Cao Ủy Bollaert tỏ cho mọi người biết ý định của Pháp là không muốn và không thể điều đình với Việt Minh nữa vì lẽ cụ Hồ và chính phủ lưu vong của cụ không phải là đại diện chính đáng của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng lạc quan về chiến thắng quân sự của ông Paul Coste Floret, Bộ Trưởng Bộ Chiến Tranh Pháp trong cuộc viếng thăm Việt Nam (26.4.-3.5.1947) cũng như lập trường cứng rắn của Cao Ủy Bollaert tại Hà Đông đã là những nhát kéo cuối cùng cắt đứt sợi giây mỏng manh giữa Pháp với Việt Minh trong giai đoạn.

Tư tưởng lìa xa chính phủ Việt Minh của Pháp được hoàn bị thêm bằng lời tuyên bố của Cựu Hoàng Bảo Đại (Báo Union Française, 5.7.47):

“...Nếu nhân dân Việt Nam tín nhiệm tôi, nếu sự hữu diện của tôi có thể giúp ích cho sự liên lạc tốt đẹp tốt đẹp giữa dân tộc tôi và Pháp, tôi sẽ sung sướng mà trở lại Việt Nam...”

Cựu Hoàng Bảo Đại đã bắt đầu lên tiếng, chính phủ thiên hữu của Pháp càng thấy không còn nghĩa lý gì nữa nếu lại bắt tay với Việt Minh cộng sản giữa lúc.

– Mâu thuẫn Hoa Kỳ-Nga Sô càng ngày càng tăng.

– Quốc Quân Trung Hoa đang thắng lợi, đánh đuổi Hồng Quân Trung Hoa ra khỏi Diêm An, thủ đô của cộng sản.

Chính phủ Ramadier nhất quyết nói chuyện với những người Quốc Gia Việt Nam mà Cựu Hoàng Bảo Đại đã đại diện rất rõ rệt. Muốn vậy phải phá tan tiềm lực quân sự của Việt Minh.

Giải pháp vũ lực, một yếu tố số một và tối cần thiết.

BIỆN PHÁP QUÂN SỰ

Sở dĩ chính phủ Pháp chắc chắn biện pháp quân sự sẽ đem lại kết quả ở Việt Nam vì nhiều lẽ.

– Một, các Tướng Tá Pháp coi thường khả năng quân sự của Việt Minh. Những nhận xét và suy luận của Pháp đã đúng khi Việt Minh chỉ có một số ít trung đoàn “xanh xao, không giày, không mũ”, những loại quân du kích mới thành lập trong dãy rừng già vùng Bắc Việt, thiếu vũ khí, thiếu huấn luyện và chỉ có dăm ba Tướng lĩnh “nội hóa” tầm thường.

– Hai, chính phủ Pháp tin chắc ở tài vô địch truyền thống của đạo binh thuộc địa (Troupes Coloniales). Lẽ đó cũng đúng khi lần trang sử oanh liệt của đội quân bách thắng đó.

Lịch sử đoàn quân ấy là tất cả những thắng lợi đã đem lại vinh quang cho nước Pháp, đã khiến Pháp trở nên một đại cường quốc qua bao thế kỷ.

Từ hồi Trung Cổ, tiền thân của quân đội thuộc địa Pháp (1096) là đạo quân “Viễn chinh thứ nhất” của những Tướng Godefroy de Bouillon (Quận Công ở Basse Lorraine), Raymond de St. Gilles (Bá Tước ở Toulouse). Trong khoảng vài trăm năm (1096 đến 1303) đoàn viễn chinh thứ nhất mệnh danh là “Đoàn quân chiếm đóng hải ngoại” (T.O.E.-Troupes d’Occupation Etrangère) đã đi từ Chypre đến Palestine, từ Syric đến Ai Cập, phục vụ một trận chiến tranh thần thánh (1ère Croisade) và thành lập đế quốc đầu tiên.

Tất cả những người lính thủy của vùng Dieppe, vùng Saint Malo, tất cả những người lính trong các cuộc viễn chinh qua thời đại do các Tướng lĩnh Jacques Coeur, Moatcalm, Lally, Tollendal, Dupleis chỉ huy đều đã là những chiến sĩ của đoàn quân “chiếm đóng” rải rác từ Ấn Độ đến Louisianne, từ Gia Nã Đại cực Bắc đến xứ Brésil cực Nam Tân Lục Địa.

Lịch sử đoàn quân thuộc địa Pháp chính thức bắt đầu từ 1622, khi đế quốc Pháp thành lập được hạm đội chính quy đầu tiên (Compagnie de la Mer), gồm trên dưới trăm người. Đến năm 1626, hạm đội đó phát triển (Régiment de la Marine, Rgt. de Richelieu, Rgt. de Vaisscaux, Royal Marine, Légion St. Dominique, Rgt. de Pondichery v.v...) đã giúp các Tướng Flacourt chiếm Fort Dauphin ở Ấn Độ (1642), François Marin chiếm Pondichery (Ấn Độ, 1683), La Bourdonnais chiếm Mahé (Ấn Độ, 1726), Dumas chiếm Karikal (Ấn Độ, 1739), Montcalm chiếm Gia Nã Đại (đến 1763 Pháp phải nhường Gia Nã Đại cho Anh-cát-lợi theo Hòa Ước Paris).

Với đà oanh liệt của các Tướng lĩnh tiền bối, thế kỷ thứ 19 đã là thời đại mà đông đảo binh sĩ của Tướng Choisel trong đội “Hoàng Gia Thủy Binh Lục Chiến” và “Pháo Binh Hải Quân” (Corps Royaux de L’Infanterie de Marine et de l’Artillerie de Marine) gây nhiều thành tích vẻ vang cho nước Pháp. Nào chiếm Alger (1830) nào chiếm Madagascar (1840), Océanie (1842). Năm 1854, Faidherbe chiến xứ Sénégal rồi Francis Garnier và Doudart de Lagrée đánh Đông Dương, hoàn bị thêm sự nghiệp lẫy lừng của đoàn quân thuộc địa vĩ đại.

Sau khi các Tướng Gallieni và Lyautey đã bình trị Đông Dương (1893), hệ thống quân đội Pháp chính thức bắt đầu có những binh chủng “Lục quân thuộc địa” và “Pháo binh thuộc địa” (I.C.-Infanterie Coloniale, A.C.-Artillerie Coloniale).

Trong đám binh sĩ dưới nhãn hiệu “thuộc địa” đã nảy nở ra một tâm lý kiêu hùng vì đối tượng của họ chỉ là những dân chúng bản xứ lạc hậu với vũ khí thô sơ.

Binh đoàn thuộc địa phần lớn đã chủ động trên mọi chiến trường. Họ là những bộ đội chuyên “tấn công” chứ không chuyên “phòng thủ tự vệ”.

Hồi 1940-1945. Việt Minh thường tuyên truyền mỉa mai sự “chạy dài” của quân đội thuộc địa Pháp trước quân đội Phù Tang. Điều đó có đúng không? Hãy nên công bằng điểm qua thực trạng tinh thần và vũ khí quân đội Pháp ở Đông Dương hồi đó.

Trước hết biến cố 1939-1940 đã làm cho toàn quân Pháp tan rã ở chính quốc, phần rút sang Anh, phần rút sang Phi Châu. Lẻ loi đánh quân ở Đông Dương bị lực lượng của quân đội Thiên Hoàng vây chặt.

Năm 1945, lực lượng Pháp ở Bắc Việt chỉ có:

- Một Trung đoàn bộ binh thuộc địa (9-e R.I.C.)
- Một Trung đoàn bộ binh Lê Dương (5-e R.E.I.)
- Một Trung đoàn bộ binh thuộc địa dã chiến (19-e R.M.I.C.)
- Bốn Tiểu đoàn pháo thủ thuộc trung đoàn pháo binh thuộc địa thứ 4 (4-e R.A.C.)

Tại Trung Việt và Ai Lao:

- Hai Trung đoàn bộ binh thuộc địa dã chiến (10-e 16-e R.M.I.C.)
- Một Tiểu đoàn pháo thủ.

Tại Nam Việt:

- Một Trung đoàn bộ binh thuộc địa (II-e R.I.C.)
- Một Trung đoàn Pháo binh thuộc địa (5-e R.A.C.)

Tại Cao Mên:

- Một Trung đoàn pháo thủ Bắc Phi Châu (R.T.A)
- Một Trung đoàn pháo binh thuộc địa (5-e R.A.C.)
- Một Trung đoàn pháo thủ thuộc địa (R.T.C.)

Về vũ khí, Pháp chẳng có gì đáng kể có thể cầm cự với Nhật:

- Thủy quân có chiếc tuần dương hạm kiểu cổ Lamotte Picquet, trọng tải 10.000 tấn.
- Không quân, trong khi Nhật có hàng trăm khu trục cơ kiểu Zero bay nhanh 4-5 trăm cây số một giờ thì Pháp chỉ nghèo nàn có được vài cái Moranes và Potez 63, Potez 25, Potez 542 (thường gọi là máy bay bà già), 3 oanh tạc cơ kiểu cổ Farman và vài thủy phi cơ Loire 130 với tốc lực 180 cây số một giờ.
- Lục quân, ngoài mười chiếc chiến xa tối cổ F.T và S.M. White chế tạo từ 1918 (thường dùng trong các cuộc diễn binh Pháp chỉ có một số rất ít tiểu liên, trung liên F.M.24, M.Reibel đại diện Oerlikon, một ít khẩu đại liên 13,2 và vài khẩu đại bác cũ rích nòng 25, 37, 75.

Với lực lượng còm cõi như trên với tinh thần bạc nhược vì những biến cố chính trị xảy ra từ 1939 đến tháng 3.1945, quân đội thuộc địa Pháp đã như rắn không đầu thì làm sao có thể chống lại được với đoàn quân dữ như hổ báo của Thống Chế Terauchi Tổng Chỉ Huy quân đội Nhật miền Đông Nam Á.

Nhưng quân đội Pháp ở Đông Dương cũng không đến nỗi hổ danh quá đáng như lời xuyên tạc của Việt Minh, khi đã gây được ít nhiều thành tích:

1940: Tiểu đoàn Pháp của Thiếu Tá Lecoq chống giữ Na Sầm và đã liều chết cố thủ ở Đồn Samrong

Kandal Đèo Chi Ma (Lạng Sơn).

– Xung đột với Thái Lan và đại thắng trong cuộc hành binh Kochang khi Thái Lan xâm phạm vào lãnh thổ Đông Dương. (Sau Pháp phải nhường cho Thái Lan những Tỉnh Battambang và Sixophon (Cao Mên), Bassac và Paklay (Ai Lao) vì áp lực quân đội Nhật Bản) (1941).

1945: Vì nhất định không chịu ngừng bắn với quân đội Nhật, Tướng Lomenier và Đại Tá Robert phải chịu xử bắn và quân đội của các Tướng đó bị bắt làm tù binh.

– Dưới áp lực ghê gớm của quân đội Tsushihashi, Tổng Tư Lệnh Nhật ở Đông Dương, Tướng Sabattier và Alessandri muốn bảo tồn lực lượng phải thu thập quân đội ở Tây Sơn rút sang Trung Hoa trong khi ở Khu Quân Sự thứ 2 (Cao Bằng), Thiếu Tá Baudenou rút quân ẩn vào rừng rậm.

Lịch trình tiến hóa của quân đội thuộc địa Pháp rất oai hùng đã đem lại cho người lính thuộc địa một tuyến thống kiêu hùng bất khuất.

Năm 1946, quân đội thuộc địa của Tướng Alessandri và của Trung Tá Quilichini về chiếm đóng lại xứ Thái, miền Tây Bắc Việt. Cũng năm ấy, ngày 18 tháng 3, tại Thủ Đô Hà Nội, 3 Tiểu Đoàn với một đơn vị pháo binh bị giam hãm từ lâu đã được kiêu hãnh trình diện trong cuộc duyệt binh cùng Sư Đoàn Thiết Giáp thứ 2 (2e Division Blindée) và sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 (9e D.I.C.) dưới mắt vị anh hùng giải phóng Pessan, Paris, Strasbourg và Berchtesgaden: Đại Tướng Leclerc.

Năm 1946, lực lượng quân đội Pháp ở Đông Dương đã rất hùng mạnh cả về tinh thần lẫn vũ khí.

Sư đoàn thiết giáp thứ 2 (2eD.B.) với những đội cơ giới dũng mãnh, đầy đủ:

Nào xe díp (Jeep), xe chỉ huy (command car), xe hướng đạo (Scoit car), xe vận tải 10 bánh (G.M.C), xe vận tải nhẹ (Dodge 4×4-6×6), nào chiến xa Sherman, nào xe thiết giáp (A, moured Car, Half track, Auto mitrailleuses), xe lội nước (Amphibie, Alligator, Grabe), xe phá ụ (Bull dozer, Angle dozer)...

Sư đoàn bộ binh thuộc địa thứ 9 (9e D.I.C.) có 4 trung đoàn trang bị vũ khí tối tân với hỏa lực ghê gớm. Mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn. Vũ khí của một tiểu đoàn đại khái như sau:

- 624 súng trường (Remington US-Carbins)
- 133 tiểu liên (Pistolets Mitrailleuses)
- 36 súng ngắn tự động (Pistolets automutiques)
- 41 trung liên (F.M. Bean)
- 4 Bích kích pháo nòng 81 (Mortiers 81)
- 8 Bích kích pháo nòng 60 (Mortiers 60)
- 8 đại liên 12,7 và 13,2 (Mitrailleuses 12,7-13,2)
- 36 súng phóng lựu đạn (Lance grenades).

Đó là chưa kể các ồ Bazockas, Rocket gun...

Trong khi ấy thì các tiểu đoàn kiểu mẫu (về mặt vũ khí) của Việt Minh chỉ có những loại súng trường kiểu cũ (fusils indochinois, mousquetons, súng trường Nhật), một ít tiểu liên Sten của Mỹ thả dù cho hồi đầu năm 1945, vài khẩu trung liên (Cào cào Nhật, Hotchkiss kiểu cổ), lựu đạn nội hóa, bom ba càng. Pháo binh nặng thì có vài “cỗ” nòng 75 đã mất cả kim hỏa (percutcur), mỗi khi bắn phải lấy búa định nện vào kíp đạn.

Sự quá chênh lệch về lực lượng và vũ khí đã được Pháp đến ý tưởng muốn dùng biện pháp quân sự trong vấn đề Việt Nam.

Dựa vào những kinh nghiệm cổ truyền, những thành tích thắng lợi của mọi cuộc hành binh thôn tính các đất đai hải ngoại công cuộc bình định của Pháp ở Việt Nam cũng chia làm 3 giai đoạn:

1.- Giai đoạn thứ nhất: Mở những trận đánh mau đánh mạnh xuyên thẳng vào trung tâm phòng ngự của đối phương, phân tán và tiêu diệt chủ lực quân của đối thủ.

Trong giai đoạn này, các chỉ huy quân sự Pháp được toàn quyền hành động ngoài phạm vi quân sự, đơn độc trên khu vực chiến trường của mình.

Nhằm những cơ quan đầu não đóng ở vùng Đồng Tháp Mười (Nam Việt), Bình-Trị-Thiên (Trung Việt), Cao Bằng, Bắc Kạn (Bắc Việt), lực quân Pháp sẽ luôn luôn tấn công như vũ bão đồng thời với những cuộc

oanh tạc liên tiếp dữ dội làm tê liệt địch.

Dập theo chiến thuật “chớp nhoáng” của quân đội Đức, binh sĩ Pháp sẽ gây được kinh hoàng, khiếp sợ khắp mọi nơi, bắt buộc quân đội chính quy Việt Minh phải luôn luôn tìm cách lẩn tránh và dân chúng hậu phương phải nơm nớp sống trong tình trạng bất an.

2.- Giai đoạn thứ hai: Sau khi đã chiếm đóng được một vùng nào, quân đội Pháp sẽ quyền hành chính cho một tổ chức An Dân do người địa phương chịu trách nhiệm. Tổ chức hành chánh này tượng trưng sợi dây liên lạc giữa dân chúng trong vùng kiểm soát với các nhà đương cục quân sự Pháp. Hoạt động của các tổ chức An Dân không ngoài phạm vi hành chính, xã hội.

3.- Giai đoạn thứ ba: Áp dụng chiến thuật “vết dầu loang”.

Khi tình hình đã tạm ổn định trong khu vực chiếm đóng, quân đội Pháp sẽ từ các căn cứ điểm đó đánh tung ra những vùng lân cận với lối hành binh mau lẹ (như trong giai đoạn thứ nhất).

Rồi đến những cuộc tấn công càn quét (opération de nettoyage de police) nhằm mục đích diệt trừ những hoạt động du kích quấy rối, lùng bắt những phần tử đối phương xâm nhập, tuyên truyền phá hoại.

Khu vực bình trị sẽ dần dần mỗi ngày một mở rộng và dân chúng hồi cư ngày thêm đông dần vì lý do nếu họ ở ngoài khu vực kiểm soát của quân đội Pháp, họ sẽ bị nguy hiểm bởi các cuộc oanh tạc của không quân hay những trận tảo thanh thường xuyên của lực quân.

Sẽ tiến tới tổ chức các đội tự vệ với nhiệm vụ canh gác, bảo an, giữ trật tự trong thôn xóm của họ.

Tổ chức những “Hội Tề” để kiểm soát dân chúng từng làng, báo cáo tình hình lên vị chỉ huy quân sự Pháp và cơ quan hành chính cấp trên.

Dựa vào chiến lược bình định rất khoa học và chu đáo kể trên, quân đội Pháp vững tâm phóng ra những chiến dịch tấn công chớp nhoáng để đánh quỵ một đối phương mà cả lực lượng lẫn vũ khí đều không đáng kể.

Với một số vũ khí lạc hậu, thô sơ Việt Minh đã trông vào đâu để chống lại quân đội Pháp ?

Việt Minh tin tưởng vào thứ vũ khí quan trọng nhất: Lý luận duy vật biện chứng của Mã Khắc Tư và lịch trình tiến hóa của cách mạng.

Việt Minh tin tưởng ở đức tính kiên nhẫn và kiên mẫu của một số cán bộ trung kiên cao cấp. Nhờ họ, đông đảo dân chúng sẽ chịu phục tùng tập hợp dưới cờ kháng chiến.

Việt Minh tin tưởng tin tưởng ở khả năng và thủ đoạn chính trị của mình có thể nhào nặn và biến dân chúng thành những chiến sĩ dũng cảm và cuồng tín.

Những điều tin tưởng trên đã cho phép Việt Minh áp dụng đường lối chiến tranh của cộng sản Trung Hoa: Trường Kỳ Kháng Chiến với 3 giai đoạn.

Về phương diện quân sự cũng như hành chính, đất đai Việt Nam đã bị bộ tổng tư lệnh Việt Minh chia thành nhiều khu vực: Những khu kháng chiến.

Ngoài số dân quân, tự vệ của mỗi khu kháng chiến Việt Minh chỉ có được một vài trung đoàn chính quy thạo lối du kích chiến. Những trung đoàn “mạnh” đó phần đông đều có mặt ở Việt Bắc hồi đầu năm 1947.

Bộ Tổng Tư Lệnh quân đội viễn chinh Pháp cũng chia Việt Nam thành 3 mặt trận Bắc, Trung, Nam và mỗi mặt trận ủy nhiệm một vị Tướng chỉ huy:

- Mặt trận Bắc: T.F.I.N. (Troupes Françaises en Indochine du Nord).
- Mặt trận Trung: T.F.C.A. (Troupes Françaises Centre Annam).
- Mặt trận Nam: T.F.I.S. (Troupes Françaises en Indochine du Sud).

Mỗi mặt trận lại chia ra nhiều khu quân sự nhỏ (Zone, Secteur, Sous Secteur, Quartier, Sous Quartier).

HÀNH BINH CHỚP NHOÁNG

1.- Trận tấn công rầm rộ lên núi rừng Việt Bắc: Cuộc hành binh LEA (Opération LEA) Thu-Đông năm 1947 của Đại Tướng Valluy.

Từ sớm ngày 7 tháng 10.1947, quân đội Pháp đã chia làm hai mặt tiến lên Việt Bắc:

– Một đoàn xuất phát từ Trung Tâm Hà Nội, theo triền Nhị Hà lên chiếm Tỉnh lỵ Sơn Tây, rồi tiến thẳng lên Trung Hà, Hưng Hóa, Phủ Lâm Thao, Phủ Đoan Hùng

– Một đoàn tiến từ Căn Cứ Lạng Sơn thẳng tiến ngược đường số 4 (Đông Bắc Việt) đánh chiếm Thất Khê, Đông Khê

Giữa gọng kìm của hai binh đoàn ấy (Beaulfre Communal), quân đội Pháp nhảy dù bất thần theo kế hoạch “Cloclo” lên nhiều địa điểm của Việt Minh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Chợ Chu, Thái Nguyên, Tuyên Quang v.v

Để phối hợp và làm chủ chiến trường Bộ Tư Lệnh Pháp lập thêm hành lang Đông Tây chạy suốt từ Lạng Sơn qua Hà Nội lên Lào Kay.

Từ căn cứ Hòa Bình, quân đội Pháp tiến lên xứ Thái qua Nghĩa Lộ (đã chiếm đóng từ tháng 9.1947), lên Yên Bái (20 tháng 10), đến Lai Châu, Phong Thổ, ChaPa (21 tháng 10), chiếm Lao Kay (30 tháng 10).

Từ Hải Dương, Hải Phòng, Pháp tiến đánh vùng Đông Triều, Phả Lại, Lục Nam, Yên Thế Thượng đến tận vùng mỏ Na Lương (căn cứ địa của Cụ Đền Thám trước) và vùng Bắc Sơn (quê hương của đoàn du kích Chu Văn Tấn).

Đồng thời, suốt dọc miền duyên hải Bắc Việt, quân đội Pháp đã làm chủ được tình thế, từ Hải Phòng qua Quảng Yên, Hòn Gay, Cẩm Phả mine, Cẩm Phả Port, Mông Dương, Khe Tù, Tiên Yên, rừng Ba Ché, Đàm Hà, Hà Cối đến Mong Cay giáp giới Trung Hoa.

Cuộc hành binh Việt Bắc của Pháp đã song hành với giai đoạn chiến lược thứ nhất của Việt Minh, giai đoạn bảo tồn lực lượng (lẩn tránh, rút lui) cho nên quân đội Pháp đã tiến binh quá dễ dàng và nhẹ nhàng như vào chỗ không người.

Sức kháng cự quá yếu ớt của Việt Minh càng khiến Pháp chắc chắn tin tưởng ở suy luận của mình, chóng chầy Việt Minh sẽ phải mệt nhọc tan rã và đầu hàng trước sức tấn công ghê gớm của quân đội Pháp. Do đó Pháp coi thường thêm Việt Minh, coi thường khả năng chính trị, tiềm lực quân sự cùng đức tính kiên khổ của họ.

Với cuộc hành binh LEA vĩ đại, Pháp chưa tiêu diệt được chủ lực quân của Việt Minh như ý muốn và Việt Minh cũng không dặt dẹo xuất trận để Pháp có thể dễ dàng áp đảo, vì vậy kết quả chỉ mang lại:

– Chiếm đóng được một số lớn Thị Xã Cao Bằng, Bắc Kạn (Đông Bắc), Lào Kay, Lai Châu (Tây Bắc) v.v

– Làm xáo lộn các vị trí cơ quan kháng chiến hành chính của Việt Minh ở Khu 1, Khu 10 và Khu 12.

Về phần các cơ sở trung ương thì ngoài bộ tài chính của Lê văn Hiến vì không chạy kịp đã bị mất một số lớn tiền và một vài công chức trong bộ, ngoài cái chết của nhà bác học Nguyễn văn Tố ở Bắc Kạn (Bộ trưởng không bộ nào trong chính phủ Việt Minh) quân đội Pháp chưa thể nào vào sâu được tận căn cứ địa số 1 và số 2 của Việt Minh trong những khu rừng vùng Quảng Nạp, Tân Trào, Chiêm Hóa để có thể uy hiếp được những cơ quan đầu não của chính phủ cụ Hồ.

– Phá vỡ được một số kho dự trữ của Việt Minh. Nhưng những kho đó không đáng giá chút nào vì sự thực, gia tài của quân đội Việt Minh hồi đó chưa có gì đáng kể.

– Tiêu diệt được một phần lực lượng đối phương mà đa số chỉ là những dân quân du kích mới chấp chững cả về nghề binh lẫn nghề chính trị.

2.- Những trận tấn công liên tiếp trong năm 1948 ở Bắc Việt:

– Trận Đông Triều, Quảng Yên, quân đội Pháp tiến sâu vào vùng Lỗ Sơn, Trại Sơn, trung tâm điểm của trung đoàn 50 Việt Minh và do những trận oanh tạc, số lớn các chỉ huy của trung đoàn đó, kể cả trung đoàn trưởng Mạnh Hùng đã tử thương trong các hang đá của dãy núi 99 ngọn miền mỏ than Bắc Việt.

– Trận Kiến An, làm tan rã trung đoàn “Ngọ Cụt” (trung đoàn Hải Kiến-41) và trung đoàn trưởng cũng tử thương tại trận tiền.

– Trận Hải Dương, đã phá trung đoàn 58 khiến cho viên chỉ huy thất trận (Tướng Nam Long, trung đoàn trưởng trung đoàn Hải Hưng) phải về Việt Bắc “học lại” chiến lược và chiến thuật của quân đội cách mạng.

Phá vỡ vòng vây của Tướng Thổ Hoàng Sâm chằng quanh Hà Nội. Quân đội Pháp tiến qua bến đò Mai Lĩnh, vượt Trúc Sơn Xuân Mai đánh thẳng vào chiếm Hòa Bình và một ngả quặt sang đánh phía Sơn Tây (pérations Ondine I-II).

Từ các Trung Tâm Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng (đường số 5) đã mở đầu cho lối đánh mìn của Việt Minh.

3.- Sau khi đã củng cố vững trãi hệ thống phòng thủ và hệ thống giao thông liên lạc, quân đội Pháp lại tiếp tục mở các cuộc hành trình đột ngột (Opérations Pégase-Diane) để đặt thêm một số căn cứ địa của quân đội Hoàng Sâm (Liên Khu 3) và ở Liên Khu 1 với những trận:

- Hành binh Bastille giải phóng liên Thị Xã Bắc Ninh, Bắc Giang, tháng 7 năm 1949.
- Hành binh chiếm liên Thị Xã Vĩnh Phúc Yên, tháng 8 năm 1949.
- Hành binh Junon Bourricot đánh Bùi Chu-Phát Diệm của cả Hải, Lục, Không Quân Pháp kết hợp (tháng 10.1949) đã xua đuổi quân Việt Minh ra khỏi vùng giáo đạo.
- Những cuộc hành binh Tonneau I-II...những cuộc hành binh đánh quây tròn khu Hưng Yên, Thái Bình (tháng 12.1949), đánh khu Chợ Cháy (Xuân 1950) và tiến đánh dọc đường số 18 (R.C. 18 Đáp Cầu-Phả Lại), được hình dung trong câu hát:

“Phen này Pháp đánh chữ O

Thử xem Vệ Tumor nó bò đi đâu ?”

Trong khi ở Bắc Việt, quân đội của Tướng Koch chiếm đất đai, mở đường giao thông thì ở Trung, Tướng Lebris (Chỉ huy T.F.C.A) cũng kiểm soát được khúc Quảng Trị-Thừa Thiên-Quảng Nam và tương đối khá bình định được miền Phan Thiết, Phan Rang, Khánh Hòa, Ninh Hòa, bảo vệ đường số 9 (R.F.9) và đồng thời mở những trận tấn công đánh Bình-Trị-Thiên miền Khu 4.

Ở Nam Việt, quân đội của Tướng Boyer de la Tour du Moulin thu dồn được lực lượng Việt Minh vào 3 khu nhất định:

- Khu Đồng Tháp Mười.
- Tây Bắc Thủ Dầu Một.
- Bãi Cà Mau.

Và kiểm soát chặt chẽ được những đường giao thông thủy bộ cần thiết:

- Đường Sài Gòn-Pnom Pênh.
- Đường Rạch Giá-Long Xuyên.
- Đường Vĩnh Long-Trà Vinh.
- Đường Long Xuyên- Sa Đéc.
- Đường Sóc Trăng-Bạc Liêu.
- Rạch Nicolai
- Rạch Long Xuyên-Rạch Giá v.v

Sau các cuộc tiến binh chớp nhoáng chiếm đất đai và mở đường giao thông quan trọng, quân đội Pháp áp dụng một chiến thuật mới: Chiến thuật “bừa, cào”.

Từ các căn cứ đã chiếm đóng, các đơn vị Pháp xuất phát theo lối “răng-cào” đánh ào ạt ngang ngang, dọc dọc để nhổ sạch rễ Việt Minh và xông xuôi lại trở về căn cứ.

Đó là tất cả những cuộc hành binh nho nhỏ, chuyển to nhất là hai trận “cào” lên tận Phủ Đồn, Tuyên Quang trên Lô Giang hồi đầu Xuân 1949 và khoảng giữa mùa Hạ cũng năm 1949 (Opération Pomone).

Thực ra “rễ Việt Minh” hãy còn chằng chịt, nhỏ lẫn tẩn và lẫn vào trong lòng dân chúng, những cuộc càn quét khó có thể thu được kết quả như đã dự định.

Nhờ các trận tảo thanh, “vết dầu” chiếm đóng càng ngày càng lan rộng. Vết dầu lan đến đâu, đồn canh quân sự (Postes) và “đồn canh chính trị” (Hội Tề) mọc đến đấy và cứ như vậy, quân đội Pháp đã kiểm soát được nhiều vùng rộng lớn.

Sau cuộc kinh lý các mặt trận ở Đông Dương của Đại Tướng Revers, Tham Mưu Trưởng Lục Quân Pháp (tháng 6.1949), Đại Tướng Carpentier được cử giữ chức Tổng Tư Lệnh Quân Lực Pháp ở Viễn Đông

thay Đại Tướng Blaisot (tháng 9.1949), đồng thời tại Bắc Việt, mặt trận chính của chiến địa Việt Nam, Tướng Alessandri cũng được ủy nhiệm giữ chức Cao Ủy kiêm Tư Lệnh Quân Đội thay thế Tướng Koch.

Đại Tướng Carpentier, tân Tổng Tư Lệnh Quân Đội Pháp ở Viễn Đông, người đã từng chỉ huy chiến trường Tunisie (1942) từng chiến thắng Thành Rome (Ý), từng làm Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn Thứ Nhất (1e Armée), từng dự cuộc đổ bộ lên St. Tropez, đã đến Việt Nam với một ý niệm:

“...Noi gương các Tướng Gallieni và Lyautey để thực hiện an ninh nhưng phải kính nể phong tục tình cảm, tín ngưỡng và của cải của dân chúng trên giải đất Đông Dương...”

Ý niệm ấy đã vạch rõ một chính sách mới mẻ trong các cuộc hành binh nói chung trên toàn cõi Đông Dương.

Từ mấy năm qua, binh lính Pháp đã phải chịu đựng giao chiến với một địch thủ rất khó chịu, chuyên môn đánh úp, đánh trộm, đánh lén, du kích, phục kích, đột kích, dọ kích, xung kích...hàng bao nhiêu thứ “kích” đã lên tinh thần quân lính Pháp luôn phải cảnh giác vì bất cứ lúc nào cũng phải đề phòng, chuẩn bị nghe ngóng. Binh sĩ tối tân Pháp chỉ quen trận địa chiến, vận động chiến, những lối “chiến” dàn mặt, đường hoàng, thế mà sang đến Việt Nam lại phải đương đầu với một địch quân “không thể thấy không thể tóm” nên binh lính Pháp, dưới khí trời oi bức, thường trút hết nỗi giận dữ, bức tức, cáu kỉnh lên tất cả những thứ gì họ gặp được trong các cuộc hành binh, kể cả người, loại vật, và đồ vật. Những hành động vô chính trị ấy vô tình đã giúp Việt Minh thêm lợi khí tuyên truyền thu hút dân chúng.

Đại Tướng Carpentier đã sáng suốt nhận rõ tình trạng đó và hạ lệnh cho quân lính phải tôn trọng dân chúng, tôn trọng phong tục, tín ngưỡng, của cải lẫn tính mệnh của họ.

Dưới quyền chỉ huy của Tướng Alessandri, mặt trận Bắc Việt (T.F.I.N) được đổi thành “vùng hành binh” (Z.O.T.-Zone Opérationnelle du Tonkin) và một chiến lược mới được áp dụng: Thời chiến dịch.

Tổng kết từ cuộc hành binh LEA trên chiến trường Việt Bắc đến cuối năm 1949. Bộ Tổng Tư Lệnh Pháp ở Đông Dương đã thu hoạch được nhiều kết quả cụ thể:

- Mở rộng phạm vi ở khắp ba phần Bắc, Trung, Nam.
- Xây nền móng cho việc kết hợp những lực lượng chiến đấu Pháp-Việt-Mên-Lào (ở Việt Nam, những nhóm quân sự bắt đầu thành hình ở từng địa phương mặc dầu chưa chính thức là Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, như Bảo Chính Đoàn miền Bắc, Việt Binh Đoàn miền Trung, Vệ Binh miền Nam...)
- Đặt nguyên tắc thống nhất hành động giữa Hải, Lục, Không Quân Pháp trên chiến trường Đông Dương mà từ trước chưa thực hành được.

Cuối năm 1949 một sự kiện mới đảo lộn tình hình thế giới: Thắng lợi của quân Trung Cộng trước Quân Đội Quốc Dân Đảng.

Bị thất trận, một nhóm Quốc Dân Trung Hoa phải chạy dạt sang biên giới Bắc Việt. Lợi dụng cơ hội may mắn đó để gây xích mích với Pháp, Bắc Kinh vội lên án (24.12.1949) quân đội Pháp đã giúp đỡ Quân Đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa trái với quốc tế cộng Pháp và như vậy là Pháp tỏ ra gây hấn với Trung Cộng.

Thật nguy hiểm!

Pháp phải chuẩn bị đề phòng tới việc cộng quân Trung Hoa có thể giả vờ mượn cớ đuổi Quốc Quân để tràn qua biên giới Việt Nam, đồng thời đề ra những biện pháp đối phó với đám tàn quân Quốc Dân Đảng.

Tất cả những nhóm Quân Đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa đặt chân lên địa phận Việt Nam phải nhận hai điều kiện:

- Chịu để quân đội Pháp tước khí giới.
- Chịu để Bộ Tư Lệnh Pháp tập trung họ vào những khu vực nhất định.

Bộ Tư Lệnh Pháp cương quyết từ chối mọi cuộc hợp tác với nhóm tàn quân Quốc Gia Trung Hoa (quân của Tướng Bạch Sùng Hy) đồng thời chuyển dần họ vào Đảo Phú Quốc và các đồn điền cao su tại Nam Việt.

Nếu ở Việt Nam, cuộc xung đột chỉ xảy ra giữa đoàn quân viễn chinh hùng mạnh của Pháp với một nhóm quân “phiến loạn” thực sự thì chiến lược Gallieni-Lyautey có thể gọi là thập phần hoàn hảo, nhưng

dần dần tình hình thế giới biến chuyển phân chia nhân loại thành hai khối rõ ràng, đồng thời áp lực của quân đội cộng sản Trung Hoa lại tăng cường, án ngữ suốt giải biên thủy Bắc Việt đã bắt buộc người ta phải lo lắng và bắt đầu thay đổi hẳn nhận định cùng quan niệm về trận chiến tranh ở Việt Nam.

Quan niệm đó được bộc lộ trong kế hoạch thay đổi chiến lược của Đại Tướng Tham Mưu Trưởng Revers sau cuộc công cán ở Đông Dương. Thu hồi quân đội ở những vị trí lẻ loi vô ích trên Việt Bắc về tập trung phòng ngự tại khu Đồng Bằng Bắc Việt.

Sau khi thế giới cộng sản và thế giới tự do mỗi bên công nhận một chính phủ tại Việt Nam, quân đội Pháp vô hình chung đã biến thành những người lính phải chiến đấu với toàn khối cộng sản và ngược lại, quân đội của Tướng Võ nguyên Giáp cũng biến thành lính tiền phong của đạo binh cộng sản quốc tế chống với phe dân chủ, tự do.

Giữa năm 1950, một biến cố quan trọng nữa lại xảy ra: Chiến tranh ở Cao Ly.

Chiến sự ở Đông Dương do đó phải lùi xuống hàng thứ, tuy nhiên tình trạng Đông Dương đã bước vào một giai đoạn mới.

Cuộc chiến tranh ở Đông Dương mặc dầu không được chính thức “quốc tế hóa” nhưng bên trong “bức rèm” đã lấp ló bóng các cường quốc của hai phe đối lập trực tiếp nhúng tay vào.

Về phía Pháp: Một phái đoàn được thành lập để thảo luận với một phái đoàn Mỹ tại Sài Gòn ngày 17 tháng 7.1950.

Phái đoàn Mỹ từ Thủ Đô Phi Luật Tân (Manille) tới gồm có:

- Fohn Melby, Trưởng phái đoàn.
- Tướng Graves B. Erskine. Tham Mưu, Chỉ Huy Đệ Nhất Sư Đoàn Thủy Binh Lục Chiến Hoa Kỳ.
- Glen H. Graigh, đại diện Cơ Quan Quản Trị và Hợp Tác Kinh Tế (E.C.A.-Economic Cooperation and Administraten).
- Donald Heath, Đặc Sứ Hoa Kỳ ở Đông Dương.
- Gullioa và một số chuyên viên quân sự.

Phái đoàn Pháp có các ông:

- Léon Pignon, Cao Ủy Pháp ở Đông Dương.
- Tướng Carpentier, Tổng Chỉ Huy Quân Đội Pháp tại Đông Dương.
- Tướng Harteman, Tư Lệnh Không Quân Pháp ở Lục Quân Pháp ở Viễn Đông.
- Tướng Landouzy, Tham Mưu Trưởng Trường Lục Quân Pháp ở Đông Dương.
- Đô Đốc Ortolì, Chỉ Huy Hải Quân Pháp ở Viễn Đông và một số chuyên viên ngoại giao, chính trị, quân sự

Về phía Việt Minh: Trung Cộng đã gửi một phái đoàn cố vấn sang bộ tư lệnh quân đội Việt Minh.

Đại Tướng Trung Cộng Trần Canh, một trong Ngũ Hồ Tướng của Mao Trạch Đông (Trần Nghị, Lâm Bưu, Bành Đức Hoài, Diệp Kiếm Anh, Trần Canh) đã có mặt ở Việt Nam trong chiến dịch Hoàng văn Thụ (trận đường số 4 đợt 2 năm 1950).

PHẢN ỨNG CỦA VÕ NGUYÊN GIÁP

Đối phó với những cuộc hành binh chớp nhoáng, những cuộc oanh tạc dữ dội không ngừng, những trận càn quét liên tiếp của quân đội Pháp, Tướng Võ nguyên Giáp đã làm gì ?

Sự thực, bộ tổng tư lệnh Việt Minh, về phương diện chiến lược đã không được tự ý hành động mà phải dập mẫu theo khuôn khổ nhận định của tổng bộ Việt Minh mà đại diện là Trường Chinh đã vạch ra trong tài liệu kháng chiến ba giai đoạn.

Trong thời gian Bảo Tồn Lực Lượng, Tướng tham mưu trưởng Hoàng văn Thái của bộ tổng tham mưu quân đội Việt Minh đã giải thích nôm na rắc rối rằng:

“Tuy phải chạy nhưng phải đánh, đánh để chạy và chạy để đánh”.

Hành động luẩn quẩn “chạy, đánh, đánh, chạy” đó đã được cụ thể hóa trên khắp chiến trường toàn quốc:

- Trận giao thông chiến đầu tiên dữ dội nhất ở Đèo Bông Lau (Đông Khê) trên đường số 4 ngày

30.10.1947. Trung đoàn Việt Minh Cao-Bắc-Lạng đã ghi một điểm đen cho đoàn quân Lê Dương và thân binh Nùng của Pháp ở biên giới Bắc Việt.

Cũng trên đường số 4 (ngày 22.12.1947) một trận phục kích ngang đường làm một số binh lính Bắc Phi Châu bị thiệt mạng.

– Trận La Ngà, 1.3.1948. Một trận phục kích lớn trên đường giao thông nối liền Sài Gòn-Đà Lạt đã phá hủy được của quân đội Pháp miền Nam ngót 100 xe vận tải và trong số binh sĩ tử trận có Trung Tá Gabriel Brunet de Sairigné, chỉ huy bán Lữ Đoàn Lê Dương thứ 13 (13e D.B.L.E)

Những trận giao thông chiến đẫm máu trên khúc đường số 3 (Cao Bằng-Bắc Kạn) hàng trăm lính Lê Dương tử trận.

– Những trận phục kích ở Đèo Hải Vân (Trung Việt).

– Những trận công đồn dọ chiến ở Phủ Thông Hóa giữa đường Cao Bằng-Bắc Kạn hồi tháng 7 năm 1948, do Tướng Thiết Hùng đích thân chỉ huy trận địa.

Biết chắc chắn rằng quân đội Pháp chỉ quen xuất trận với đoàn cơ giới công kênh, bộ tham mưu Việt Minh liền nghiên cứu phương pháp đánh mìn. Mục tiêu chính nhằm Quốc Lộ số 5 (Hà Nội-Hải Phòng) đường mạch máu tối cần thiếu cho sống còn Bắc Việt.

Quanh đường Hải Phòng-Hà Nội, những đội đánh mìn mọc lên nhan nhản và đã nảy ra những anh tài thiện nghệ đánh mìn nổi tiếng như Sáu Đậu, một ông già 60 tuổi (Mỗi khi đi đánh mìn, ông lão lại mang theo cả nậm rượu và mấy bìa đậu phụ để nhấm).

Trong các đội đánh mìn, ghê gớm nhất có đại đội mìn của Huyện Kim Thành (Hải Dương).

Suốt khoảng 1947-1948, những xe hơi vận tải và xe lửa chạy Hà Nội-Hải Phòng đã phải chịu bao tai nạn khủng khiếp, thiệt hại cả người lẫn của do những trái mìn chôn dấu dọc đường.

Kỹ thuật trá hình mìn được Việt Minh nghiên cứu rất kỹ càng, tỷ mỉ.

Mỗi khi chôn mìn xong, họ lại khôn khéo phủ lại lượt đất cũ và lăn nhẹ hẩn một lớp lẩn ô tô lên trên để các tài xế tưởng nhầm, yên trí đã có xe trước đi qua rồi, vững tâm chạy theo vết xe...đó. Có lúc Việt Minh chôn mìn ở giữa đường, có lúc lại chôn sát hai bên rìa đường cộng với kỹ thuật dấu mìn biến hóa thiên hình vạn trạng khiến quân đội Pháp luôn luôn nghi hoặc không biết thực hư, hư thực ra sao.

Để đối phó với những đội mìn của Việt Minh, quân đội Pháp đã sử dụng những máy dò mìn tinh xảo (Détecteur de mine). Do đó, cách đánh mìn của Việt Minh lại càng tân tiến hơn nữa.

Những máy dò mìn tối tân của Pháp tuy rất có ích trên các chiến trường Âu Châu vì lẽ ở đó có hàng cánh đồng rải rác toàn mìn (Champs de mines) rất dễ dàng cho công việc tìm kiếm, phá hủy, nhưng trái lại ở Việt Nam, những đội dò mìn có thể phải phí công đi lẩn hàng hai mươi cây số chẳng thấy gì, có khi chỉ gặp toàn mìn giả đánh lừa, chán nản, mệt mỏi quay về, để đoàn xe đi tới cây số thứ hai mươi mốt lại chạm phải mìn như thường lệ.

Trong khi quân huấn cục của bộ quốc phòng Việt Minh ra công huấn luyện sĩ quan giao thông chiến thì quân giới cục cố công chế tạo những kiểu mìn mới mẻ khiến cho máy dò mìn của Pháp gần hóa ra vô dụng.

Để chống với những cuộc táo thanh, cần quét thôn xóm của quân đội Pháp, Việt Minh chế tạo loại “mìn muối” nhỏ xíu cài lung tung khắp nơi: Bờ ruộng, lũy tre, cổng làng, bậc cửa, chuồng gà, chuồng lợn...

Loại mìn nhỏ đó rất nguy hiểm đã bắt buộc quân đội Pháp phải dè dặt, thận trọng từng bước mỗi khi tiến binh vào một địa điểm nào.

Trên khắp chiến trường toàn quốc, Việt Minh dùng chiến thuật “tỉa ngầm”, thỉnh thoảng tấn công một hai đồn lẻ, hể chắc chắn mười phần thắng lợi cả mười mới chịu ra quân.

Chính sách đánh tiêu hao của bộ đội Việt Minh đã gây cho quân đội Pháp nhiều nỗi bức dọc, căm tức.

Khổ nhất là những binh lính phải đóng giữ lại các đồn lẻ trên các trục giao thông trọng yếu. Sống lẻ loi buồn thảm trên cả đỉnh đồi chơ vơ, sườn núi hiu quạnh, xung quanh chỉ có rừng, có suối, có khe, đi hàng chục cây số chẳng một bóng người. Lương thực và dụng cụ cần thiết hoặc tin tức, thư từ mỗi tuần lễ một lần, có khi nửa tháng, do đoàn xe (convoi) chuyển tới. Gặp khi nghẽn đường, lại phải phi cơ thả dù tiếp tế.

Đã như vậy, đêm đêm lại bị du kích Việt Minh đến “tấn công” bằng vài quả lựu đạn ném vu vơ, bắn

vài băng đạn rời rạc cốt để quân đội trong đồn không thể ngủ yên tĩnh. Cách vài trận “tấn công vờ” lại một trận tấn công dữ dội thực sự làm quân đội giữ đồn lúc nào cũng phải chuẩn bị đề phòng cẩn mật không thể coi thường những tiếng nổ ban đêm. Đến sáng lại phải bắt đầu những cuộc tuần tiểu (patrouilles) quanh vùng, sục sạo khắp kẽ đá, bụi cây, đi đến đâu cũng chỉ thấy vườn không nhà trống hoặc một vài cụ già ngẩn ngơ, lẩm cẩm, một vài mục đàn bà ngẩn ngơ, ừ cạc chẳng biết chuyện gì. Sự thế đó đã khiến binh lính Pháp có đạo phải gọi đối phương là “Ma Việt Minh”. Một giai thoại trong khói lửa và nước mắt của chiến trường Việt Nam.

Cứ đà sống như thế, quân đội giữ đồn phải chịu đựng đều đều trong 6 tháng có khi một năm rồi mới được đổi về đô thị, với bộ mặt hốc hác vì thiếu ngủ, làn da xanh xao vì phải ăn toàn đồ hộp thiếu chất tươi hoặc thân mình gầy xòm vì những cơn sốt rét rừng, kiệt lực.

Ngoài những trận đánh tĩa nhỏ nhất ở khắp nơi, bộ tổng tư lệnh Việt Minh đã tập trung những binh đoàn thiện chiến nhất, dựa vào áp lực của Trung Cộng bên kia biên giới, mở một chiến dịch vĩ đại, chiến dịch đường số 4, mùa Thu năm 1950, tạo thành một giai đoạn mới trong chiến cuộc ở Đông Dương.

TRẬN CAO BẰNG-LẠNG SƠN (1950)

Trên miền rừng rậm của Biên Thùy Bắc Việt, đường “thuộc địa số 4” dài hơn 200 cây số được xẻ núi san đồi hoàn thành hồi đầu thế kỷ (1911), chạy từ Cao Bằng qua Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm đến Lạng Sơn rồi lại từ đó qua Lộc Bình, Đình Lập tới vùng Tiên Yên, Khe Tù miền Duyên Hải phía Đông Bắc Việt.

Trong chiến dịch LEA của quân đội Pháp Thu Đông năm 1947, đường số 4 được binh gia Pháp luôn luôn sử dụng để chuyển vận binh sĩ từ Lạng Sơn lên Cao Bằng.

Hàng đoàn cơ giới đã nối đuôi nhau tiến một cách khá dễ dàng tuy cũng gặp nhiều quãng xẻ đường ngăn trở.

Những trận giao thông chiến khốc liệt trên đường số 4 khởi điểm từ cuộc phục kích đầu tiên của Việt Minh đánh toàn bằng mìn (trận Đèo Bông Lau, Pont Bascou, ngày 30.10.47) khiến quân đội Pháp thiệt nhiều xe vận tải.

Rồi liên tiếp tới những trận phục kích ngày 22 tháng 12.1947, ngày 1.1.1948, ngày 28.1.1948 về sau đó luôn luôn Việt Minh phá hoại, đánh mìn.

Trong hai năm ròng, đường số 4 đã được mệnh danh là “con đường chết” vì địa thế không những đã quá hiểm trở, một bên núi cao, một bên vực sâu, lại còn luôn luôn xảy ra những trận phục kích giáp la-cà kinh hồn.

Nhưng nhờ được những đội xe thiết giáp bảo trợ mạnh mẽ, nhờ những đồn binh đóng rải rác suốt dọc đường hộ vệ đặc lực nên các đoàn xe vận tải của Pháp tương đối vẫn đi lại được đều đều.

Bằng một thời gian đến đầu năm 1949, Việt Minh lại chú trọng đến đường số 4 và cướp phá các đoàn xe vận tải vũ khí lương thực của quân đội Pháp.

Rồi tới chiến dịch Hoàng văn Thụ đợt 1 (tháng 9.1949) quân đội Pháp đã phải trả một giá đắt trong trận này, ngót một trăm xe bị phá hủy, thiệt hại nhiều binh sĩ và vũ khí.

Bộ tư lệnh Việt Minh cố sức ngăn chặn đường số 4 để có thể cô lập được quân đội Pháp ở Cao Bằng.

Bộ Tham Mưu Pháp ở Bắc Việt quyết định (sau trận tháng 9.1949) không dùng đường số 4 để tiếp tế cho Cao Bằng nữa và thành lập một cầu hàng không thay thế.

Bộ tham mưu Việt Minh đã thắng keo đầu trong chiến dịch. Ấn núp trong núi rừng âm u rậm rạp, Việt Minh gần như đã làm chủ quãng đường từ Cao Bằng đến Lạng Sơn.

Chiến dịch Hoàng văn Thụ đợt hai, tức chiến dịch Cao-Bắc-Lạng mở đầu bằng việc chiếm đóng Đông Khê, (16.9.1950).

Các trung đoàn mạnh nhất của Việt Minh như trung đoàn thủ đô, trung đoàn sông Lô v.v...đều có mặt trong chiến dịch.

Lần đầu tiên Việt Minh dàn một trận đánh to và mạnh. Mặt trận dài trên 100 cây số.

Phụ họa với chiến dịch Đông Bắc, Việt Minh mở chiến dịch Lê hồng Phong ở vùng Tam Đảo, Quốc Lộ số 2 để tiêu hao và kìm giữ binh lực Pháp ở mặt trận Tây-Bắc Hà Nội.

Phía biên thùy miền Tây-Bắc, quân đội Việt Minh tăng áp lực uy hiếp Lao Kay.

Nhiều cuộc xung chiến dữ dội đã xảy ra với Việt Minh trong cuộc thoái binh của Pháp ở Cao Bằng, Lạng Sơn.

Đồng thời ở mặt trận Tây Bắc Việt, quân đội Pháp phải bỏ cả Lao Kay, Hòa Bình, Vụ Bản, đường hàng tỉnh số 12 (R.P.12)

Thắng lợi quá dễ dàng của chiến dịch LEA Thu Đông năm 1947 của Đại Tướng Valluy đã chẳng còn gì sau chiến dịch Hoàng văn Thụ đợt hai năm 1950 của Đại Tướng Việt Minh Võ nguyên Giáp.

Trận rút lui Cao Bằng đã khiến Pháp thiệt hại vừa tử trận vừa bị tù binh 4.000 binh lính, 354 hạ sĩ quan và 98 sĩ quan (trong đó có hai Đại Tá Lepage và Charton), chưa kể số quân sĩ bị thương. Phần lớn số binh lính kể trên đều thuộc đạo quân Lê Dương của Pháp, một binh chủng từng đã có quá trình oanh liệt: 120 năm chiến đấu (thành lập năm 1831), dự trận 250 lần, từ Nam Mỹ qua Phi Châu trước khi có mặt tại núi rừng Bắc Việt.

Trận đánh lớn ở đường số 4 đã làm cho cán cân lực lượng giữa Pháp và Việt Minh thành ngang bằng và trong phạm vi chiến lược quân đội Pháp đã để mất thế chủ động nói chung trên chiến trường toàn lãnh thổ Việt Nam.

Ảnh hưởng nguy hại đó làm hoang mang tinh thần.

Tại Thủ Đô Hà Nội, người ta tấp nập chuẩn bị thiên đô, Pháp kiêu đua nhau bán nhà cửa, đồ đạc và cả người Việt giàu có cũng rục rịch rời vào Nam...bởi vì, theo họ, Việt Minh có thể sắp tổng tấn công đánh vào Hà Nội.

Thất bại của Pháp ở chiến trường Việt Bắc đã do nhiều nguyên cơ.

1.- Không có một chủ trương chính trị dứt khoát.

Bộ Tổng Tư Lệnh Pháp từ lâu đã phải lưỡng lự trước hai đường lối:

– Hành binh theo chính sách bình định.

– Hành binh theo tính chất một trận chiến tranh.

Thái độ lưỡng lự đó phát sinh do chủ trương chính trị không dứt khoát của chính phủ Pháp.

2.- Không có một kế hoạch phòng ngự co dãn sát hoàn cảnh.

Từ hồi Tướng Revers sang kinh lý Việt Nam, vị Tham Mưu Trưởng Lục Quân Pháp đã nhận thấy nhiều lỗ hổng và nhược điểm trong hệ thống đóng quân của binh đội Pháp. Một kế hoạch cải tổ đã được phác họa. Về phương diện quân sự, Tướng Revers đã sáng suốt chủ trương rút quân ở biên giới Bắc Việt về tập trung ở những cứ điểm bao quanh khu tam giác Lạng Sơn-Hà Nội-Nam Định để bảo vệ miền Trung Du và Đồng Bằng Bắc Việt. Nhưng chẳng may kế hoạch Revers bị tiết lộ để đối phương biết được.

Kế hoạch của Đại Tướng Carpentier cũng nhằm bỏ khúc đường số 4 từ Cao Bằng và Lạng Sơn. Để chống giữ mặt biên thùy Đông Bắc, Đại Tướng Carpentier đã thiết lập trên khúc đường số 4 còn lại, từ Lạng Sơn đến Tiên Yên (95 cây số), một hành lang phòng ngự lờm chờm những pháo đài bằng xi măng cách nhau từng quãng ngắn (Tours de guet-Équipement défensif de la R.C.4.). Nhưng nói chung kế hoạch của Đại Tướng Carpentier chưa được chú ý thi hành vì chính phủ Pháp còn do dự, lo ngại kế hoạch Carpentier đã giống kế hoạch Revers (vừa bị tiết lộ). Nếu kế hoạch Carpentier được thi hành triệt để, quân đội Pháp có thể tránh được trận bại với con số tử thương đau hận.

3.- Sự chậm trễ trong cuộc rút quân ở Cao Bằng.

Vài ngày trước khi rời bỏ Cao Bằng, phi cơ thám tính đã nhận xét không thấy dấu tích hành động của Việt Minh trên đường số 4. Và lệnh rút lui bắt đầu. Những đoàn quân của Đại Tá Charton, vì vướng nhiều hành lý nặng nề vô ích lại thêm có một số thương binh nên đi rất chậm.

Trong khi đó, Việt Minh đã đủ thời gian sửa soạn chuẩn bị trận phục kích, thừa thì giờ tiêu diệt đoàn quân của Đại Tá Lepage từ Thất Khê lên đón, xong xuôi lại vừa đúng lúc đoàn quân Charton về tới nơi. Trận huyết chiến kết quả thảm khốc thế nào, ta đã biết.

Trước áp lực hung dữ của quân đội Việt Minh, trước sự thất trận nhanh chóng của hai đạo quân Lê Dương và của Tiểu Đoàn Nhảy Dù (3e B.C.C.P.) tới trợ cứu, Đại Tá Constant, chỉ huy khu biên giới với

vã ra lệnh cho quân đội tự phá hủy và rút lui ở Đồng Đăng, Lạng Sơn, Lộc Bình.

May mắn, Đại Tướng Juin đã kịp thời tới Bắc Việt để ngăn chặn đúng lúc những cuộc rút lui khác đồng thời hàn gắn lại tinh thần quân đội, những người vừa trải qua cơn ác mộng.

Thủ Đô Hà Nội nhờ đó đã đỡ hẳn phần bị uy hiếp.

Trước tình thế nghiêng ngửa ở Bắc Việt, chính phủ Pháp vội cấp tốc thay thế cấp Pignon-Carpentier bằng vị Lão Tướng đại tài Jean Marie Gabriel de Lattre de Tassigny (17.12.1950).

Đại Tướng De Lattre de Tassigny là người đầu tiên và độc nhất được chính phủ Pháp tín nhiệm trao trọn quyền chỉ huy quân sự và chính trị ở Đông Dương.

Đại Tướng De Lattre đã là vị Tướng trẻ nhất của quân đội Pháp hồi 1939, là vị Tướng đầu tiên của quân đội Đồng Minh đã tiến binh đến bờ sông Rhin trong trận Hoàn Cầu Đại Chiến Thứ Hai năm 1944, là vị Chỉ Huy Trưởng của Quân Đoàn Thứ Nhất (1ere Armée) trong quân đội Pháp, đến nay giữ chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội kiêm Tổng Cao Ủy Pháp ở Đông Dương.

Đại Tướng De Lattre đã chặn đứng hẳn thắng lợi của quân đội Việt Minh đang được tiến triển và gây lại tin tưởng hoàn toàn cho quân đội Pháp.

Trước hết Đại Tướng Tổng Tư Lệnh phát triển tổ chức Binh Đoàn Lưu Động (G.M-Groceement Mobile), một binh chủng do Tướng Alexandri thành lập đầu tiên (11.1950) ở Bắc Việt và được các Tướng Salan, Boyer de la Tour du Moulin (Chỉ Huy Z.O.T.-26.11.50) hoàn bị thêm.

Binh Đoàn Lưu Động sẽ áp dụng một chiến thuật quân sự mới chống trả với lối hành binh nhẹ nhõm của quân đội Việt Minh.

Thứ hai, thiết lập hàng rào chiến lũy bê tông quanh khu vực Hà Nội, Hải Phòng, trên các đường giao thông lớn, mục đích ngăn cả sự thâm nhập của Việt Minh vào Đồng Bằng Bắc Việt.

Đó là những pháo đài rất kiên cố bằng xi măng cốt sắt, xây nửa nổi, nửa chìm dưới mặt đất, có hỏa lực bắn chum rất mạnh, dễ dàng ứng cứu lẫn nhau khi bị tấn công và đủ sức san bằng đối phương nếu họ dự định vượt qua.

Thứ ba, thiết lập một “hành lang trắng” (No Man’s land) ngăn Việt Bắc với Đồng Bằng Bắc Việt.

Trong phạm vi vài cây số bề rộng, tất cả những cây cối, lũy tre đều chặt trụi, mục đích để binh lính từ những đồn canh có thể dễ dàng nhận xét mọi hành động của Việt Minh nếu họ muốn lần mò vào vùng quốc gia kiểm soát.

ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ CỦA PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT NAM 1947-1951

Chính phủ Pháp quyết định thương thuyết với Cựu Hoàng Bảo Đại.

Các đầu ngày 21 tháng 11.1947, Thủ Tướng Ramadier phải nhường chỗ cho ông Schuman và ở Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại. Ông Coste Floste thay ông Moute. Cao Ủy Bollaert cũng đã đi đến một kết quả cụ thể đầu tiên đánh dấu việc liên minh Việt-Pháp, ký kết Hạ Long ngày 5 tháng 6.1948.

Các chính đảng ở Pháp rất xung đột ý kiến đối với việc ký kết ở Hạ Long.

– Đảng cộng sản phản đối và công kích Thỏa Hiệp, nhất định cho rằng Thỏa Hiệp không thể mang lại được hòa bình ở Việt Nam. Muốn hòa bình, chính phủ phải điều đình với cụ Hồ chí Minh.

– Đảng Xã Hội (S.F.I.O.) lưỡng lự, không dứt khoát thái độ, vừa không muốn thương thuyết với Việt Minh, vừa không muốn bỏ rơi cụ Hồ.

– Đảng Liên Hiệp Quốc Dân (R.P.F.) đồng ý việc thương thuyết với Cựu Hoàng Bảo Đại và tỏ ý muốn Cựu Hoàng chờ đợi khi nào đảng đó lên trực tiếp lãnh đạo chính quyền ở Pháp rồi hãy nói chuyện.

– Đảng Cộng Hòa Bình Dân (M.R.P) với các ông Schuman, Bidault, Coste Floret giữ chức Thủ Tướng, Ngoại Giao, Pháp Ngoại, rất tán thành mọi đàm phán với Cựu Hoàng nhưng chỉ muốn Cựu Hoàng đồng ý tất cả những điều khoản do Pháp đề ra.

– Riêng phe cực hữu muốn hoàn toàn dùng võ lực theo phương pháp bình trị của Gallieni thuở trước, đặt lại mọi quyền hành mà nước Pháp đã mất từ sau ngày Nhật Bản lật đổ hệ thống cai trị ở Đông Dương.

Ngày 19 tháng 8.1948, Quốc Hội Pháp chấp thuận nguyên tắc căn bản Thỏa Hiệp Hạ Long với 347 phiếu thuận (180 phiếu chống).

Người ta nhận thấy gần hai phần ba số Nghị Sĩ tại Quốc Hội Pháp đã nghiêng về giải pháp thương thuyết với phe Quốc Gia ở Việt Nam do Cựu Hoàng Bảo Đại làm đại diện.

Cao Ủy Bollaert hết nhiệm kỳ.

Tân Thủ Tướng André Maric cử ông Léon Pignon sang thay, (10.1948, Thượng Sứ Pignon, nguyên Cố Vấn chính trị của Đô Đốc D'Argenlieu, một trong những người đã tỏ ra chống Việt Minh nhất).

Lợi dụng thế chủ động chiến trường do quân đội Pháp cố tạo ra mọi điều kiện thuận tiện trên phạm vi chính trị để giải quyết vấn đề Việt Nam.

Ngày 8 tháng 3.1949, sau nhiều cuộc trao đổi quan điểm ở Lâu Đài Thorene, ở Paris, Hiệp Ước Élysée ra đời.

Những Giác Thư trao đổi giữa Tổng Thống Vincent Auriol và Cựu Hoàng Bảo Đại đã xác định và chi tiết hóa bản ký kết ở Hạ Long những giá trị của Hiệp Ước vẫn còn trong phạm vi hình thức, vẫn chưa làm ngừng cuộc đổ máu và vẫn chưa hẳn làm thỏa mãn nhiều người Quốc Gia Việt Nam tuy Bản Hiệp Ước cũng đã làm khó chịu những người thuộc phe cực hữu của Pháp.

Thực ra muốn làm vừa lòng tất cả các chính đảng Pháp cũng khó, vì nội tình chính trị của Pháp rất lung củng từ sau ngày giải phóng Paris.

Nội Các Pháp đã phải thay đổi tới 9-10 lần, kể đến tháng 3 năm 1949:

– Nội Các De Gaulle 5.9.45-9.9.45.

– Nội Các F. Gouin 26.1.46-11.6.46.

– Nội Các G. Bidault 23.6.46-28.11.46.

– Nội Các L. Blum 16.12.46-16.1.47 (Nội Các đầu tiên nền Đệ Tứ Cộng Hòa).

– Nội Các Ramadier đến 22.10.47.

– Nội Các Ramadier (lần thứ hai) đến 19.11.47.

– Nội Các Schuman đến 19.7.48.

– Nội Các A. Marie đến 28.8.48.

– Nội Các H. Queuille bắt đầu từ tháng 9.1948.

Trong khi chính phủ Pháp cần tiền để phục hưng quốc gia thì chiến trường Việt Nam đã thu hút của ngân sách Pháp mất mỗi ngày hơn một tỷ Phạt Lãng, chưa kể dòng máu của thanh niên Pháp từng giờ phải tiêu hao trên đất Việt.

Cuộc giao thiệp Pháp-Việt chính thức đánh dấu bằng Hiệp Ước Élysée vừa được ít tháng thì một sự kiện mới đã xảy ra làm lay chuyển thế quân bình thế giới: Chính phủ nhân dân Trung Hoa của Mao Trạch Đông thành lập ở Bắc Kinh.

Tháng 12.1949, một bức điện văn của Mao Trạch Đông, Chủ tịch Tân Trung Hoa đã đem đến chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa của cụ Hồ chí Minh một thế mạnh.

Nội dung bức điện văn như sau:

“...Trung Hoa và Việt Nam là hai nước cùng chiến đấu chống đế quốc. Sự thắng lợi của hai dân tộc trong cuộc tranh đấu giành tự do chắc chắn sẽ làm cho tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta mỗi ngày thêm mật thiết.

Tôi cầu mong và chúc hai dân tộc Trung Hoa và Việt Nam chặt chẽ liên kết lâu dài...”.

Giây liên hệ giữa Trung Cộng với Việt Minh đã khiến chính phủ Pháp phải lo nghĩ đến tương lai của Việt Nam, một quốc gia mà Pháp đang tốn hơi sức bù đắp xây dựng.

Ngày 1 tháng...1950, chính phủ Việt Minh lại có thế mạnh hơn nữa khi vị chúa đỏ hoàn cầu, Staline, Chủ tịch cường quốc Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Sô Viết, tuyên bố công nhận chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa do cụ Hồ chí Minh lãnh đạo. Rồi một loạt các nước tân dân chủ Đông Âu, Ba Lan, Hung-gia-lợi, Lỗ, Bảo, Thiệp Khắc và Bắc Cao Ly cũng đồng thanh công nhận chính phủ của cụ Hồ (4.2.1950).

Để cân cân được ngang bằng, các cường quốc tự do Hoa Kỳ, Anh-cát-lợi rồi tiếp đến Bỉ, Lục-xâm-bảo, Ý, Úc và nhiều nước ở Nam Mỹ cũng tuyên bố công nhận chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Nước Pháp trên phương diện tinh thần, đã bắt đầu không chiến đấu một mình.

“...Trước cuồng vọng đang đe dọa, xâm lăng hoàn cầu, hiện nay mới chỉ có mỗi một quân đội chiến đấu, quân đội Pháp ở Đông Dương.

Lời nói của Đại Tướng De Gaulle ngày 12.2.1950 tại Paris đã giải thích rõ ràng ý nghĩa mới mẻ trận đánh ở Việt Nam của quân đội Pháp.

Đối với Quốc Gia Việt Nam, chính phủ Pháp chỉ còn có việc thi hành và thực hiện mọi điều khoản đã ký kết trong Hiệp Ước mừng 8 tháng 3 năm 1949.

Quốc Gia Việt Nam Độc Lập sẽ có quân đội riêng, sẽ tự giải quyết lấy tương lai của mình...

Nhưng, chính phủ Pháp lại một phen nữa khủng hoảng (Như thường lệ). Các Bộ Trưởng thuộc nhóm Xã Hội đồng từ chức Nội Các Bidault lại cải tổ (2.1950) được thêm bốn tháng thì đổ hần.

Vấn đề Việt Nam, một vấn đề khá trong đại đối với Pháp do đó cứ bị chập chững và rút lại, đến tháng 6.1950, “câu chuyện” Việt Nam thỉnh thoảng bị kém hẳn sự chú ý vì một cuộc chiến tranh mới, ghê gớm hơn, có ảnh hưởng trực tiếp tới vận mệnh thế giới đã bùng nổ: Chiến tranh Cao Ly.

Chiến cuộc Cao Ly tuy mới bắt đầu nhưng ý nghĩa và tính cách rõ ràng có những đặc điểm của một trận chiến tranh quốc tế đã làm cả hoàn cầu phải rung động.

Nền chính trị ở Pháp cũng bị ảnh hưởng lây, đã lung củng lại lung củng thêm.

Một Nội Các mới thành lập, Thủ Tướng H. Queuille ra giữ quyền chính lần thứ hai (7.1950). Nội Các Queuille đã đặt thêm một Bộ rất mới để giao thiệp riêng với các quốc gia Việt, Mên, Lào. Bộ Quốc Gia Liên Kết, do ông Paul Reynaud trông giữ.

Nhưng nhiều rắc rối bên trong và bên ngoài đã khiến Nội Các Queuille mới thành lập được ba ngày lại đổ nhào lộn theo cả ông Bộ Trưởng Paul Reynaud khỏi ghế Quốc Gia Liên Kết.

Ngày 11 tháng 7, Nội Các R. Pleven ra trình diện. Ông Pleven, một đảng viên của nhóm Dân Xã kháng chiến (U.D.S.R.) Thủ Tướng chính phủ thứ 8 của nền Đệ Tứ Cộng Hòa thứ 12 của nước Pháp sau ngày được giải phóng.

Nội Các Plven được Quốc Hội chuẩn y thêm một ngân sách phụ cho chiến trường Đông Dương 9.500.000.000 Phậ Lãng.

Một chính khách mới được chỉ định phụ trách Bộ Quốc Gia Liên Kết, ông Letourneau, đảng viên của khối Cộng Hòa Bình Dân, đồng chí của các ông Schuman, Bidault, Coste Floret, những người đã từng tỏ ý hoàn toàn tán thành việc thuận để Bộ Tư Lệnh Pháp ở Đông Dương có thể tăng cường thêm nỗ lực, thu hồi thêm đất đai và ảnh hưởng cho vùng Quốc Gia kiểm soát. Nhưng 15 ngày sau khi Quốc Hội Pháp ưng thuận số ngân khản phụ đó, trận Cao-Bắc-Lạng của Việt Minh đã khoét ngay một lỗ hổng lớn trên chiến trường Bắc Việt, đảo lộn thế quân sự ở Đông Dương khiến chính phủ Pháp phải cấp tốc cử ngay một vị chỉ huy mới sang cứu vãn tình thế: Đại Tướng De Lattre de Tassigny.

Qua những năm 1947-1950, các chính trị gia của Pháp chỉ mới giải quyết được nền Độc Lập Việt Nam trên hình thức giấy tờ.

Từ ký kết Hạ Long đến Hiệp Ước Élysée lúc nào chính sách của Pháp đối với Việt Nam cũng vẫn mơ hồ, không dứt khoát khiến cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam chỉ có thể tiến rất chậm chạp trong phạm vi quyết định của chính phủ Pháp.

Thái độ chờ thời của một số những người Quốc Gia và thái độ lạnh nhạt của dân chúng Việt Nam tỏ ra chính phủ Pháp chưa đem lại được điều gì thực tế và mới mẻ trên lãnh thổ Việt Nam.

Bước sang năm 1951, những cấp bách chiến trường đã bắt buộc Pháp vẫn phải nghĩ nhiều điều biện pháp quân sự vì không thể nào nói chuyện chính trị xuyên trong cái đà chiến thắng của Việt Minh sau Thu Đông Cao-Bắc-Lạng.

TỪ TRẬN VĨNH YÊN ĐẾN TRẬN ĐÁNH XỨ LÀO

Sau chiến dịch Hoàng văn Thụ và Lê hồng Phong (1950), mượn đà thắng lợi, Tướng Võ nguyên Giáp tiếp tục hạ lệnh tiến quân:

- Uy hiếp Việt Trì, tấn công vùng Phong Thổ.
- Tấn công vùng Bắc Phủ Lạng Thương, Tiên Yên và Mong Cay.

Mục Đích: Chọc thủng hành lang Đông Tây của quân đội Pháp, lấy bàn đạp tiến vào đồng bằng, làm rối loạn hệ thống giao thông vùng Chũ Phủ Lạng Giang.

Hà Nội hoang mang, xôn xao lo lắng. Nhưng Đại Tướng De Lattre đã sang tới nơi và quả quyết: “...Chúng ta nhất định sẽ không nhường thêm một tấc đất, hơn nữa chúng ta sẽ lấy lại đất...”

Với những lời tuyên bố mạnh mẽ, cứng cỏi, Đại Tướng De Lattre đã gây được tin tưởng trong lòng mọi người, nâng cao tinh thần quân sĩ từng bị lung lay trước sức tiến quân rầm rộ của đối phương.

Ngày cuối tháng Chạp 1950, cuộc hành binh Bécassine đã quét quân đội Võ nguyên Giáp ra khỏi vùng giữa sông Đáy sông Chảy, đẩy lui áp lực địch trên đường số 3, số 2 và giải nguy cho Thị Trấn Việt Trì.

Mùa chiến dịch lại bắt đầu.

Trong khi ở Sài Gòn, (9.1.1951) Đại Tướng De Lattre tiếp đón các nhân vật Anh qua thăm Đông Dương, Đại Tướng Harding, Tổng Chỉ Huy quân đội Anh ở Viễn Đông và ông Esler Dening của Viễn Đông Vụ Bộ Ngoại Giao Anh, thời ở Bắc Việt, 40 tiểu đoàn thiện chiến của Việt Minh dưới quyền điều khiển trực tiếp của Tướng tổng tham mưu trưởng Hoàng văn Thái, dàn thành trận thế uy hiếp mặt trận Trung Du.

Trận thế “vận động trận địa chiến” dài trên 140 cây số, suốt Lục Nam đến Việt Trì (13.1.1951) qua các Tỉnh Bắc Giang-Bắc Ninh-Phúc Yên-Vĩnh Yên.

Lần đầu tiên bộ tổng tham mưu Việt Minh thí nghiệm lối đánh mới, dàn trận công khai giữa đồng bằng, áp dụng chiến thuật “bế người” ồ ạt tấn công, tiến quân theo từng “đợt sóng” đằng sau có trọng pháo yểm hộ.

Chiến thuật “hy sinh người” đó đã được quân đội Bắc Cao Ly-Trung Cộng thực hành liên tiếp trên chiến trường Cao Ly.

Quân đội Việt Minh, dựa lưng vào chân rặng núi Tam Đảo, tung ra trận đánh “lúa gạo” ở vùng Tam Dương, Đồi Cọ hy vọng uy hiếp mặt Tây-Bắc Hà Nội.

Nhưng các Binh Đoàn Lưu Động của Đại Tướng De Lattre đã sẵn sàng.

Những trận xung kích ác liệt bắt đầu.

Quân đội hai bên giáp la-cà, lẫn lộn vào nhau, huyết chiến.

Hậu tuyến của quân đội Việt Minh liên miên bị những đoàn phi cơ thay nhau đến oanh tạc. Hàng chuỗi bom ‘‘xăng đặc’’ (napalm) thả xuống bể người đang cuộn cuộn.

Hết đợt nọ tới đợt kia, làn sóng Việt Minh không kể tới bom đạn liền chết tràn vào trận tuyến Pháp. Nhưng ở đó họ đã chạm phải vách đá kháng cự quá kiên cố của quân đội Pháp nên phải rút lui, rã rời ra từng mảng.

Đến lượt quân đội Pháp trỗi dậy phản công và đẩy dồn quân đội của Tướng Võ nguyên Giáp về chân núi Tam Đảo.

Trận thử lửa Vĩnh Yên đã làm Việt Minh tan mộng ‘‘Tổng phản công’’ và phải nhận định lại khả năng quân sự của mình. Rút kinh nghiệm. Chiến tranh ở rừng núi là một vấn đề chiến tranh ở đồng bằng lại là một vấn đề khác!

Thắng lợi của quân đội Pháp ở Vĩnh Yên đã cứu vãn được tình thế. Quân lính Pháp nức lòng phấn khởi, thêm mến phục tài năng của vị chỉ huy vô địch: Đại Tướng De Lattre.

Lợi dụng thời gian yên tĩnh. Đại Tướng De Lattre gấp rút hoàn bị việc xây dựng hệ thống pháo lũy bê tông và thành lập thêm một số Sư Đoàn Dã Chiến (DML-Division de marche Indochinoise). Mỗi sư đoàn dã chiến gồm nhiều binh đoàn lưu động (Groupe des groupements mobiles).

Sau ít ngày nghỉ ngơi để hàn gắp lại vết thương quân đội Việt Minh lại bày một keo khác.

Lần này Việt Minh cẩn thận hơn, nép mình vào khu núi non hiểm trở miền rừng mỏ để tránh nạn oanh tạc, khởi những trận tấn công uy hiếp đường Liên Tỉnh Đông Triều-Phả Lại (RP.18 ngày 24.3.1951)

Ngày 29.3.1951, một số trung đoàn của mặt trận Trung Du (Trung đoàn Bắc-Bắc, trung đoàn Hồng Quảng, trung đoàn Chũ) nổ súng vào vùng Mạo Khê Mỏ.

Đại Tá Sizaire, người đã từng chỉ huy Trung Đoàn bộ binh thuộc địa thứ 21 (21e R.I.C. Lạng Sơn năm 1947) được lệnh thành lập cấp tốc một binh đoàn lưu động tới giải vây Đông Triều và Mạo Khê.

Sau hai đợt tấn công mãnh liệt của Việt Minh (29 và 30.3.1951), Mạo Khê vẫn vững vàng tuy bị thiệt hại.

Qua trận Mạo Khê Mỏ, các tiểu đoàn Việt Minh lại phân công nhau áp đảo những đồn Hoàng Xá-Bến Tầm Hà Chiểu (4 và 5.4.1951).

Sau 12 ngày chiến trận, vùng Đông Triều lại im tiếng súng.

Thế quân bình giữa hai bên quân đội đã tỏ ra rõ rệt tương đương.

Bài học Đông Triều đem kinh nghiệm lần thứ hai cho nghề ‘‘vận động chiến’’ mới chập chững của quân đội họ Võ.

Rồi lại tới trận thứ ba nhằm đánh Tỉnh lỵ Ninh Bình bên bờ sông Đáy. (30.5.1951)

Ăn núp trong dãy núi đá vôi, Việt Minh khởi trận tấn công chiếm Ninh Bình, một trận đánh khốc liệt đã đem lại tang tóc cho gia đình Đại Tướng De Lattre: Trung Úy Bernard de Lattre bị tử trận sau khi đã kháng cự một cách anh dũng.

Ninh Bình trong tám ngày dưới bóng cờ Việt Minh đã được quân đội tiếp viện Pháp phản công chiếm lại (8.6.1951).

Ngày 14.6, Việt Minh quật sang áp đảo Đồn Yên Cư Hạ gây thêm sự thiệt hại cho quân đội Pháp và đó cũng là trận cuối cùng chấm dứt chiến dịch mùa Xuân của Việt Minh.

Đại Tướng De Lattre mới chân ướt chân ráo sang Việt Nam đã phải đương đầu ngay với ba trận đánh phủ đầu của Võ nguyên Giáp (Vĩnh Yên-Đông Triều-Ninh Bình) và trong số binh sĩ tử trận, Đại Tướng cũng đã phải góp phần máu: Trung Úy Bernard de Lattre.

Nhưng, dưới tài điều khiển của Đại Tướng, quân đội Pháp không những đã bẻ gãy được hai cánh tay khổng lồ của Việt Minh định vươn về Đồng Bằng Bắc Việt (Vĩnh Yên-Đông Triều), và phá tan mưu mô của địch ở đồng lúa Ninh Bình mà còn đủ sức trả đòn lại quân đội Việt Minh trên chiến trường toàn quốc:

– Trận đánh Méduse tại vùng “đầu rắn” (Tête de vipere-Ninh Giang) giải phóng được 600 làng và 300.000 dân quê 1-3 tháng 5.1951.

– Trận Reptile tiếp liền theo (9.5.1951) phá tan lực lượng địa phương quân Việt Minh vùng Kẻ Sặt.

– Những trận Citron-Mandarine bình định lại khu Thái Bình.

– Trận đánh Chợ Cháy (Hà Đông) hồi tháng 6.

– Cuộc hành binh Aquarium (tháng 4.1951) tổng càn quét khu Đồng Tháp Mười (Việt Nam).

Ngoài những trận đánh có tính cách càn quét và tiêu diệt lực lượng du kích của Việt Minh kể trên, quân đội Pháp còn lấy lại được một vùng giữa Cần Thơ-Rạch Giá (Nam Việt) rộng tới 200.000 mẫu tây với chừng 100.000 dân chúng.

Ngược lại ngoài chiến trường chính ở Bắc Việt, Việt Minh cũng phát triển ở các chiến trường phụ trên khắp lãnh thổ để gây thanh thế:

– Nam Việt: Trung đoàn của đất Đồng Nai đánh úp vùng Thủ Dầu Một-Sa Đéc (do quân đội Hòa Hảo chống giữ).

– Trung Việt: Sư đoàn 325 tăng cường hoạt động ở khu Đèo Hải Vân. Phía Nam Trung Việt. Việt Minh đánh chiếm Đèo An Khê, Cao Nguyên Cheo Reo, phá tan sức chiến đấu của bộ đội Pháp ở Kontum đồng thời tập trung quân ở giữa ranh giới Trung-Nam.

Khấy động mặt trận Cao Mên, quân đội Issarak-Việt Minh tấn công vùng đất đỏ, đốt phá đồn điền cao su và uy hiếp đường mạch máu chính của Quốc Gia Cao Mên: Soatrieng-Battambang.

Sau chiến dịch “Thóc Lúa” (Vĩnh Yên-Ninh Bình) của Việt Minh, hai bên quân đội thi nhau mở những trận đánh nho nhỏ để tiêu diệt sinh lực đối thủ cướp lại đất đai và dân chúng.

Rồi tới trận Hòa Bình.

Để tỏ cho Việt Minh biết quân đội Pháp vẫn giữ phần chủ động chiến trường, Đại Tướng De Lattre mở một cuộc hành binh vĩ đại đột ngột tiến vào khu vực Hòa Bình (9.11.1951).

Từ cơ sở chỉ huy đóng ở Ngã Ba Thá (một đồn trên sông Đáy cuối địa phận Huyện Thanh Oai) Tướng De Linares trực tiếp điều khiển cuộc tiến quân.

Trận Hòa Bình mở đầu bằng cuộc tấn công khu Chợ Bến (Mỹ Đức) với sự tham dự của nhiều binh đoàn lưu động.

– Một binh đoàn thiết giáp cùng với đội xung phong Pháp-Việt do Đại Tá Castries chỉ huy đánh phía Bắc Chợ Bến.

– Phía Tây, bên kia bờ sông Đáy, một binh đoàn do Đại Tá Dodelier chỉ huy.

– Chính giữa, thẳng vào Chợ Bến, Đại Tá Clément dẫn đầu một binh đoàn lưu động tiến vào liên lạc với một Tiểu Đoàn Nhảy Dù từ không trung tỏa xuống và được đoàn quân áo đen xung phong của Vandenberg trợ sức.

– Phía Nam Chợ Bến, Tiểu Đoàn Mường của Đại Tá Vanuxem uy hiếp Dục Khê (Chùa Hương) đã khiến trung đoàn 64 của Liên Khu 3 phải rút lui vào dãy núi đá vôi.

Trận Hòa Bình được soạn rất kỹ lưỡng và bất ngờ đã làm quân đội Việt Minh không kịp thời gian chuẩn bị kháng cự và phải vội vã chạy tản mác vào rừng núi lẫn trốn.

Sau trận đánh mào đầu ở Chợ Bến hoàn toàn thắng lợi, trận đánh chiếm Tỉnh lỵ Hòa Bình chính thức bắt đầu ngày 13 tháng 11.1951.

16 Tiểu Đoàn Pháp-Việt tấn công tiến chiếm chớp nhoáng dưới quyền đích thân điều khiển của Đại Tướng Salan trên chiến địa cùng với một số Tướng Tá cao cấp:

– Tướng Allard phụ trách việc giao thông, chuyển vận quân đội, vũ khí.

– Tướng Leblanc phụ trách việc chiến giữ Trung Hà.

– Đại Tá De la Bollardiére trông coi mặt Nam Tỉnh Hòa Bình cùng với Tiểu Đoàn Mường của Đại Tá Vanuxem.

– Đại Tá Clément phụ trách việc giao thông liên lạc giữa các mặt trận.

Với một quân lực hùng hậu như trên, quân đội Pháp đã thôn tính Hòa Bình một cách quá dễ dàng. Bộ Tư

Lệnh Pháp hy vọng rằng việc chiếm đóng Hòa Bình sẽ bắt buộc quân đội Việt Minh phải tới giáp chiến và Hòa Bình sẽ trở nên ngọn đèn đố kỵ “thiên thân” Việt Minh quàng tới.

Về phía quân đội Pháp, cuộc chiếm đóng Hòa Bình gây được nhiều thắng lợi:

- Trên phương diện quân sự, làm chủ được chiến trường, xây pháo lũy kiên cố rồi dõ dạc tới để tiêu diệt.

- Trên phương diện chính trị, gây lại niềm tin tưởng cho dân Mường.

- Trên phương diện kinh tế, chặn được đường giao thông quan trọng của Việt Minh qua đường số 6 tiếp vận cho Khu 4.

Không thể để mất một căn cứ quan trọng đã giữ từ sau Thu Đông 1950, quân đội Việt Minh nhất quyết giáp chiến.

Đầu tháng Chạp, những đơn vị của các sư đoàn 304, 308, 312 xuất hiện bao vây kín khu lòng chảo Hòa Bình và khu Chợ Bến, rồi những trận kịch chiến ghê hồn tiếp diễn:

- Xóm Suôi, Tu Vũ, Ba Vì, La Phù, Đá Chông, Yên, Cư, Xóm Phèo, Đồng Bến, Đèo Kẽm, Thị Xã Hòa Bình...

Tất cả đã là những chiến trường đẫm máu, một bên cố thủ, một bên công phá, bất phân thắng bại.

Lợi dụng lúc quân đội Pháp phần lớn đang chiến đấu ở Hòa Bình, Việt Minh tung các đơn vị của hai sư đoàn 320 và 316 đi sâu vào hậu tuyến quân đội Pháp xâm nhập miền Đồng Bằng do Quân Đội Việt Nam trông giữ.

Nhận rõ ảnh hưởng tai hại gây nên do sự len lõi xâm nhập đồng bằng của các đơn vị Việt Minh, Đại Tướng Salan ra lệnh rút khỏi Hòa Bình (tháng 2.1952) để cứu gỡ miền đồng ruộng Bắc Việt.

Bỏ Hòa Bình, Việt Minh sẽ dễ dàng chuyển vận vũ khí quân nhu vào Liên Khu 4 để tăng cường sư đoàn 325 của họ. Tuy nhiên như vậy nhưng quân đội Pháp vẫn phải quay về để đối phó cấp tốc ngay với một hiểm họa đang phô bày trước mắt, những đơn vị của hai sư đoàn 320, 316 đang tung hoành quấy rối tại khắp vùng Đồng Bằng.

Chiến cuộc Hòa Bình đã kết thúc sau hơn ba tháng trời đầy rẫy những trận xung đột nảy lửa, gây thiệt hại nặng nề cho cả hai bên quân đội.

Nhưng trận Hòa Bình mới diễn tới nửa chừng, toàn thể quân đội Liên Hiệp Pháp đã phải chịu một tang chung đau đớn. Sự vắng mặt vĩnh viễn của Đại Tướng De Lattre de Tassigny. Đích thân chỉ huy mặt trận Hòa Bình được ít ngày. Đại Tướng trở về Pháp và mất ngày 11 tháng 1 năm 1952.

Sau những trận thử lửa cuối cùng trên đường số 6 và Hòa Bình (cuối năm 1951) quân đội Việt Minh đã nghiên cứu lại đường lối chiến thuật. Nhận thấy trận địa chiến và vận động chiến đối chiếu với lực lượng quá mạnh của quân đội Pháp chỉ mang lại thiệt hại và hy sinh vô ích, Việt Minh quay về với lối đánh du kích đã lành nghề của họ.

Hai sư đoàn 320 và 316 có nhiệm vụ đi sâu vào đồng bằng Bắc Việt, tổ chức các cơ sở kháng chiến địa phương, dìu dắt đám dân quân du kích, huấn luyện tác chiến cho tân binh để chuẩn bị giai đoạn chiến lược đồng thời quấy rối, công phá những vị trí phòng ngự lẻ loi của quân đội Pháp-Việt.

Hoạt động dử dội, liên tiếp của du kích Việt Minh đã biến vùng Đồng Bằng Bắc Việt trở nên mục tiêu quan trọng số một cho Bộ Tổng Tham Mưu Pháp.

Từ tháng 7 năm 1951, thanh niên Việt Nam đã bắt đầu từng lớp một ra đầu quân (Dự Động Viên tháng 7 của Quốc Trưởng Bảo Đại) nhờ đó Quân Đội Quốc Gia Việt Nam đã lớn mạnh và được đảm đương nhiệm vụ chống giữ hậu tuyến trong khi quân đội Pháp tiến chiếm Hòa Bình.

Nhưng tân quân của Quốc Gia Việt Nam chưa phải là đối thủ đáng gờm của quân đội Việt Minh cho nên lợi dụng lúc những binh đoàn thiện chiến của Tướng Salan và De Linares còn đang mắc bận ở Hòa Bình, các đơn vị của sư đoàn 320 lần lượt kéo nha vào vùng đồng ruộng Thái Bình đồng thời các đơn vị của sư đoàn 316 cũng từ mạn Vĩnh Phúc tuôn xuống.

Binh đội Pháp từ Hòa Bình rút về chưa kịp nghỉ ngơi đã phải tham dự ngay những cuộc hành quân tảo thanh xua đuổi quân du kích Việt Minh ra khỏi Đồng Bằng.

Từ trung tuần tháng 2.1952, Đại Tướng De Linares, Tư Lệnh Bắc Việt đã liên tiếp mở những trận cán quét:

- Trận Grachin (15.2.1952) giữa khi sông Hóa và sông Trà Lý, chặn đánh sư đoàn 320.
- Trận Sable (19.2.1952) miền Nam Vĩnh-Phúc Yên cùng một lúc với trận Bissextille tại Kẽ Sắt dưới quyền điều khiển của Tướng Cogny để ngăn sư đoàn 316.

Giữa hai đầu “Crachin” và “Sable Bissextille” cuộc hành quân Poisson cán quét khu vực Bần-Yên-Nhân gây thiệt hại lớn cho những đội địa phương quân Việt Minh miền ruộng nước.

– Trận Amphibie (11.3.1952) mở đầu cho cuộc hành binh lớn: Trận Mercure (26.3.52) đại phá vùng ven bể Thái Bình. Đại Tá Vanuxem chỉ huy toán quân Mường, phối hợp với Tiểu Đoàn Dã Chiến (Bataillon de marche du 1er chasseur) đội công binh tiên tuyến (Genie d’Assaut) và pháo binh, không quân, thủy quân chiến đóng cửa bể Diêm Hồ (vùng Thụy Anh, Diêm Điền thuộc Thái Bình), phá tan những đơn vị của sư đoàn 320, thiệt hại nhất là trung đoàn 48. Trong một vùng rộng trên 200 cây số vuông, quân đội Pháp ra sức “nhặt nhạnh” đám quân chính quy Việt Minh vừa mới len lỏi đến.

– Trận Amphibie Mercure vừa kết liễu, cuộc hành binh Doromadaire lại tiếp theo ở vùng Thanh Miện, Phủ Cù (28.4.52) thuộc Hải Dương-Hưng Yên.

Thế mà từ đầu tháng Giêng cho đến tận tháng 6 năm 1952, quân đội Pháp cũng không kém phần hoạt động.

Mặt trận miền Nam, trong khoảng từ tháng Giêng tới tháng 2.1952, đã liên tiếp có những cuộc hành binh “Gió Lốc” (Tourbillon I-II-III-VI) dưới quyền điều khiển của Tướng Baillit (phụ tá Tướng Bondis, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Pháp ở Nam Việt). Quân đội Pháp đã xục xạo khắp khu Đồng Tháp Mười, dọc đường Mỹ Tho-Sa Đéc...bằng 6-7 tiểu đoàn cộng với 3 đoàn Thủy Binh xung phong (Dinassau) có chiến xa lội nước Crabe và tàu đổ bộ nhỏ trợ chiến (LCT-Landing Craft Infantry)...

– Trận Brigade (tháng 3.1952) bao vây và tiêu hao lực lượng đoàn binh của Đại Tá Trình Minh Thế (Cao Đài ly khai) tại miền Nam Tỉnh Tây Ninh.

– Trận Barnabé (13.6.1952) cán quét vùng Suối Kỳ (Tây Bắc Tỉnh Tây Ninh).

Tình hình Nam Việt được tương đối yên ổn hơn vì trong đó quân lực Việt Minh không mạnh như ngoài Bắc.

Mặt trận miền Trung, quân đội Pháp cũng phải luôn luôn tuần tiễu và mở những cuộc hành binh để áp đảo binh lực đối phương.

– Trận Cybèle (14.2.1952) cán quét khu vực Đồng Hới.

– Trận Carême (24.2.1952) vĩ đại hơn, có cả chiến đấu hạm Gracieuse tham dự. Dưới quyền điều khiển của Đại Tá Moissenet (Tư Lệnh Lục Quân khu Bắc Trung Việt-Zone Mord FTCV) cuộc hành binh này đã đẩy lui được quân đội Việt Minh vào sâu trong rừng núi và giải phóng khu vực Cầu Hai (Quảng Nam), Dang Key, PlaidJama (Darlac)...

– Cái “đỉnh” nhọn nhất và khó chịu nhất ở mặt trận miền Trung mà quân đội Pháp của Tướng Leblanc cần phải nhổ là sư đoàn Bình-Trị-Thiên (sư đoàn 325)

Sư đoàn 325 gồm những phần tử tinh nhuệ đã từng chiến đấu ở khu Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên từ năm 1947.

Ở trong một vùng phải chiến đấu dữ dội và dai dẳng nhất, có phần hơn cả ở Trung Du Bắc Việt, sư đoàn 325 đã trưởng thành trong khói lửa và mạnh hơn nữa từ khi Việt Minh được thông thương dễ dàng suốt từ Trung ra Bắc. Nhờ những chuyển tiếp vận quân nhu, vũ khí, sư đoàn 325 đã trở nên một sư đoàn trang bị tối tân không kém những sư đoàn có tiếng của các Đại Tá Hoàng minh Thảo (304) và Vương thừa Vũ (303).

Tháng 3 năm 1952, quân đội Pháp có Quân Đội Việt Nam trợ lực đã mở một cuộc tảo thanh quét Đèo Mỹ Lợi ở Phú Vang, tìm đuổi trung đoàn 101 thuộc sư đoàn 325.

– Trận quy mô đầu tiên đánh trung đoàn 101 là cuộc hành binh Quadrille trong tháng 7 tại Đông-Nam Kinh Thành Huế.

– Trận Sauterelle (tháng 8.1952) nối tiếp và dữ dội hơn đã khiến những tiểu đoàn 333, 319, 436, 328 của trung đoàn 101 (sư đoàn 325) bị một vỏ nặng nề.

Tóm lại, trên chiến trường toàn quốc, từ sau cuộc lui quân Cao-Bắc-Lạng, quân đội Pháp không những đã ngăn chặn được những cuộc tấn công như nước lũ của Việt Minh định tiến vào khu vực do chính phủ Quốc Gia kiểm soát mà còn tảo thanh và diệt trừ được những đơn vị chính quy và dân quân du kích hoạt động trong phạm vi lãnh thổ đã bình trị.

Đó là kết quả của tất cả mọi cố gắng hy sinh của quân đội Liên Hiệp Pháp và do tài năng điều khiển sáng suốt của cố Thống Chế de Lattre de Tassigny.

Sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa Không Quân, Thủy Quân với Lục Quân đã giúp ích rất lớn trong mọi cuộc hành binh hoặc phòng thủ.

KHÔNG QUÂN

Với những phi đội Junker, Dakota, B-26, Bearcat, Hellcat, Privatcers, Không Quân Pháp đã reo rắc kinh khủng liên tiếp cho quân lính Việt Minh, gây một trạng thái tâm lý bất an, bắt buộc họ luôn luôn phải ẩn núp trốn tránh.

Nhờ không quân, những Binh Đoàn Nhảy Dù (G.L.A.P-Groupement léger Aero porte) đã dễ dàng thi hành nhiệm vụ tấn công phối hợp.

Nhờ không quân, những đồn canh lẻ loi đã được ứng cứu đặc lực mỗi khi bị tấn công và những binh đoàn chiến đất cũng được hộ vệ, yểm trợ ráo riết mỗi khi phải chạm súng với đối phương.

THỦY QUÂN

Từ 1950, Bộ Tham Mưu Quân Đội Pháp ở Đông Dương đã có một binh chủng trợ lực trên chiến trường: Sư đoàn Thủy Quân Viễn Đông (D.N.E.O-Division Navale d'Extrême-Orient) dưới quyền chỉ huy của Phó Đô Đốc Rebuffel.

Đó là một đơn vị thủy quân đặc biệt tổ chức ngoài hệ thống Hải Quân.

Lực lượng của đơn vị thủy quân đó có chiếc chiến đấu hạm Savorgnan de Brazza, tàu chỉ huy, và vài chục chiếc tàu chiến nhỏ đủ các loại (Croiseur, Escorieur, Patrouilleur, Tender Aviation) với 3 đội Thủy Binh xung phong (Dinassau-Division navale d'Assaut).

Đơn vị thủy quân này đã phá hoại được của Việt Minh ở ven bờ biển (1951) hàng 6.000 thuyền vận tải súng ống, lương thực, bắt tù hàng ngàn “thủy binh” Việt Minh và vài trăm vụ buôn lậu khí giới, thuốc men...

Riêng chiến đấu hạm Savorgnan de Brazza cũng đã gây được nhiều thành tích. Trọng tải 2.500 tấn, dài 103 thước tây, rộng 12 thước, 3.810 mã lực, chiếc Savongnan de Brazza có một hỏa lực khá mạnh:

- 3 đại bác nòng 138 ly.
- 4 đại bác liên thanh “Bofor” nòng 20 ly
- 2 ống phóng lựu đạn
- 4 bách kích pháo.

Dưới tàu có 9 sĩ quan, 136 hạ sĩ, thợ máy và lính thủy điều khiển súng.

Chiến đấu hạm Savorgnan de Brazza xuất trận từ tháng 2 năm 1946 tham dự chiến đấu ở Hải Phòng và ở Hạ Long, Cát Bà. Đầu năm 1947, dự trận chiếm Tourane. Xuân 1951, dự trận Mao Khê, Đông Triều, yểm hộ cho các dân ven sông Đá Bạc vùng Bến Tắm và ở đường hàng tỉnh số 18 (Bắc Việt).

Ngoài mọi hoạt động của đơn vị thủy quân nói trên, chiến trường Đông Dương còn được sự tham dự của chiếc Hàng Không Mẫu Hạm Arromanches.

Trong khoảng cuối năm 1951 và đầu năm 1952, mẫu hạm Arromanches, với một đội 20 khu trục cơ Hellicats và một đội 12 phóng pháo cơ Helldivers, đã ra công phá hủy đường số 3, nhất là khúc Bắc Cạn-Thái Nguyên, bỏ bom hạng nặng xuống những vùng Chợ Mới, Dốc Đu, Giáng Tiên, Bờ Đậu, Mơ Bạch v.v...

Mẫu hạm Arromanches đã dự trận sông Đà (trận Hòa Bình-11.1.52) và trận Catapulte đánh vùng Hà Tĩnh-Đô Lương.

Tổng cộng nỗ lực của mẫu hạm Arromanches trong thời gian kể trên:

– Phi cơ xuất trận 1.270 lần.

– Thả 700 tấn bom.

– Bắn 800 phát hỏa tiễn (roquettes) không kể hàng chục vạn phát đại liên tước trên vùng Việt Minh.

Ngoài những thành tích trên chiến địa, cố Thống Chế De Lattre còn thu hoạch được một thắng lợi khác:

Việc phát triển tổ chức Quân Đội Việt Nam.

Công cuộc đó ngày một thêm tiến bộ, Quân Đội Việt Nam sẽ lớn mạnh và một ngày kia có thể sẽ thay thế được quân đội Liên Hiệp Pháp trên khắp chiến trường.

PHÁO LŨY NÀ SẮN (11.1952)

Với tất cả những cuộc hành binh càn quét mãnh liệt như Crachin, Sable, Bissextille, Poisson, Amphibie, Mercure, Polo, Turco, Kangourou, Antilopes v.v...trong khoảng Xuân-Hạ năm 1952 ở vùng Đồng Bằng Bắc Việt, với tất cả những trận ném bom dữ dội tàn phá Quốc Lộ số 1, số 2, số 3, số 4, Lạng Sơn, Chợ Mới, Chợ Chu v.v...của lực lượng không quân, thủy quân, Bộ Tham Mưu Quân Đội Pháp ở Bắc Việt đã bắt buộc quân đội Việt Minh phải tạm thời bỏ ý định xâm nhập miền đồng lúa.

Bộ tham mưu Việt Minh chuyển mục tiêu và nhóm ngó xứ Thái.

Theo quan niệm chiến lược của những người cộng sản Việt Nam, vùng xứ Thái ở Bắc Việt cùng với vùng Thượng Lào sẽ là căn cứ địa tốt nhất của quân chủ lực cộng sản trên chiến trường Đông Dương.

Cuộc hành binh đánh xứ Thái của Việt Minh đã thi hành một nhiệm vụ Đông Dương.

Cuộc hành binh đánh xứ Thái của Việt Minh đã thi hành một nhiệm vụ thuộc về chiến lược.

Địa thế xứ Thái rất rộng lớn, đầy rẫy núi non hiểm trở, rừng hoang rậm rạp với vài thị trấn lẻ loi như Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sơn La.

Dân chúng trong vùng phần lớn là người thiểu số: Thái trắng, Thái đen, Thái đỏ (gọi theo màu quần áo mặc), Mèo, Nhắng v.v...

Người Việt chỉ có một số rất nhỏ buôn bán ở các tỉnh lỵ.

Từ đầu tháng 10 năm 1952, quân đội Việt Minh đã tập trung lực lượng trong những vùng Phú Thọ, Yên Bái và ở phía Bắc Trung Việt: Thanh Hóa.

Bộ tham mưu quân đội Việt Minh hoàn toàn đã áp dụng đúng những nguyên tắc chiến thuật của ông Trùm Mao Trạch Đông trong mọi cuộc hành quân tập trung sức mạnh ào ạt, rầm rộ tiến đánh.

– Ở hậu tuyến, địa phương quân phân phối lưu động tuần phòng canh gác.

Bỏ mặc phần lớn của sư đoàn 320 và đám dân quân du kích quần thảo nhau với quân đội Pháp ở Đồng Bằng, bỏ mặc hậu tuyến của mình cho bộ đội địa phương non nớt chống giữ, các sư đoàn thiện chiến của Võ nguyên Giáp tập trung mũi dùi chọc thủng thẳng vào xứ Thái.

Bắt đầu ngày 11 tháng 10.1952, bộ đội Việt Minh tấn công rải rác quanh co cho đến ngày 14, bất thành lần cùng một lúc, cả ba sư đoàn 308, 312, 316 đồng loạt nổ súng vào các Đồn Tú Lễ, Nghĩa Lộ, Văn Uyên, làm lay chuyển sức chống giữ của quân đội Pháp. Đồng thời trung đoàn 148 của cơ quan kháng chiến Liên Tỉnh Sơn La-Lai Châu đánh ngược lên tấn công uy hiếp Phong Thổ-Quỳnh Nhai ngăn cản cuộc lui quân về Lai Châu của các Đồn đóng ở đó.

Từ phía tả ngạn sông Hồng Hà. Sư đoàn sắt 308 vượt sông bao vây Nghĩa Lộ.

Đồn Nghĩa Lộ được bố trí rất vững vàng, chia làm hai nấc: Đồn trên và Đồn dưới. Quân đội ở Đồn trên có thể kiểm soát được một vùng rộng lớn, yểm hộ cho các Đồn nhỏ bao bọc chung quanh do đó Nghĩa Lộ có thể ví như “Đồn mẹ” của cả một khu vực.

Nhưng, nói chung, Đồn Nghĩa Lộ rất khó chống giữ vì đã nằm trong một khu vực lòng chảo.

Quân đội trong Đồn, với một đại bác 105 ly, nhiều bách kích pháo và đại liên, với sự cộng tác của các đội phi cơ Helleats, Helldivers, Privatcers của hải quân và không quân, đã đẩy lui được nhiều đợt tấn công kinh hồn của sư đoàn 308.

Phối hợp với cuộc bao vây Nghĩa Lộ, các đơn vị của sư đoàn 321, 316 ào ạt công phá Sầm Nứa, Kho Nhoi và chiếm đóng vùng Mường Hét, Mường Hun (18.10.52) trên bờ sông Mã.

Trước sức tấn công quá mãnh liệt, ba tiểu đoàn Pháp-Thái đành phải rút lui để sư đoàn 308 chiến được Nghĩa Lộ.

Thắng lợi của quân đội Việt Minh đã làm lung lay cả hệ thống phòng thủ xứ Thái của quân đội Pháp, đã uy hiếp trực tiếp con đường giao thông tối cần thiết: Đường Liên Tỉnh số 41 nối liền Thị Xã Lai Châu và Sơn La.

Những trận truy kích bắt đầu.

Quân đội Việt Minh săn đuổi ráo riết đám quân Pháp-Thái đã rút lui khỏi Nghĩa Lộ. Những trận hỗn chiến kinh khủng tiếp diễn ở Luân Châu, Tuần Giao, ở khu Vạn Yên.

Bộ tham mưu Việt Minh không bận tâm đến những thua thiệt tại Đồng Bằng do các trận hành binh táo thanh Amphibie Mercure (Thái Bình) quyết tâm tập trung lực lượng dồn đánh xứ Thái khiến Bộ Tham Mưu Pháp phải thi hành một kế hoạch mới: Thu dồn mọi lực lượng ở Nghĩa Lộ, Sơn La và các đồn lẻ vào một pháo lũy mới thành lập tại trường bay Nà Sản.

Quân đội Pháp theo kế hoạch “đim thu hình” cấp tốc đắp xây hệ thống phòng ngự chung quanh Nà Sản để có thể chịu đựng và ngăn chặn cuộc tiến quân của quân đội Việt Minh.

Nà Sản là một thung lũng có 24 ngọn đồi bao bọc chung quanh và có nhiều đặc điểm quân sự:

- Vị trí trọng yếu giữa các đường tiến binh từ mặt Đông và Bắc qua mặt Tây-Nam xứ Thái. Quân đội chiếm đóng Nà Sản có thể dễ dàng uy hiếp cạnh sườn quân đội địch.

- Căn cứ chiến lược trên đường liên Tỉnh số 41.

- Bãi Nà Sản có thể dùng làm sân bay cho những loại phi cơ vận tải hạng lớn.

- Những ngọn đồi bao bọc Nà Sản trở nên những bức thành thiên tạo gây nhiều trở lực cho mọi cuộc tấn công của đối phương.

- Bộ Tham Mưu Pháp có thể dễ dàng thành lập một cầu hàng không từ Hà Nội tới Nà Sản để chuyển vận lương thực, quân nhu, vũ khí cho đạo binh chống giữ hoặc mang quân tới ứng cứu rất nhanh chóng.

Hơn nữa, chiếm đóng Nà Sản, quân đội Pháp có thể bất thần đổi thế phòng ngự ra thế tấn công nếu xét hoàn cảnh thuận tiện. Như vậy căn cứ Nà Sản sẽ luôn luôn là một mối lo ngại cho quân địch.

Nói chung, quân đội Pháp ngoài việc đã bảo tồn được chủ lực, không bị thất tán trước hỏa lực mạnh gấp bội của địch thủ mà lại còn khiến địch phải luôn luôn chuẩn bị đề phòng ngay trong kế hoạch tiến binh, lo sợ những trận phản công bất ngờ có thể xuất phát từ căn cứ Nà Sản.

Về phía Việt Minh, sau chiến thắng Nghĩa Lộ quân đội của Tướng Võ nguyên Giáp đã lưỡng lự ít ngày trước khi vùng sang đánh Thị Trấn Điện Biên Phủ.

Không thể đối chọi với lực lượng đối phương quá mạnh, quân đội giữ Điện Biên Phủ được lệnh rút lui về hợp tác với quân đội chống giữ Nà Sản.

Thôn tính xong Điện Biên Phủ, kho thóc gạo miền biên giới xứ Lào, quân đội Việt Minh mon men tới gần chiến lũy Nà Sản, hy vọng lấy số đông ào ạt áp đảo được đạo binh phòng ngự.

Trong sáu tuần lễ, quân đội Pháp chống giữ Nà Sản đã chịu đựng những cuộc tấn công liên tiếp của địch, hết đợt nọ đến đợt kia. Ba trận xung phong ác liệt nhất của Việt Minh liên trong mấy đêm đã phải tan vỡ trước hàng rào giây thép gai và chiến lũy bê tông kiên cố của Nà Sản.

Dũng cảm của quân đội Pháp đã thắng được hy sinh cuồng tín của Việt Minh.

Trận đánh xứ Thái chấm dứt.

Kiểm điểm lại, về phương diện chiến lược, Việt Minh đã thắng thêm một keo nữa sau trận Cao-Bắc-Lạng (1950)

Một vùng đất đai rộng lớn đã lọt vào hệ thống chính trị và quân sự của Việt Minh.

Những khả năng tiềm tàng của vùng dân tộc thiểu số sẽ lại bị Việt Minh khai thác để phục vụ cuộc chiến đấu vì đảng của họ.

Trên phương diện chính trị, quân đội Pháp đã để mất ít nhiều ảnh hưởng đối với các dân tộc thiểu số miền Tây-Bắc Bắc Việt mặc dầu các vị đại diện Thái vẫn tỏ ý chí cương quyết hợp tác với Liên Quân Việt-Pháp để chiến đấu đến khi toàn thắng (Hội Đồng Thái tháng Giêng 1953).

Quân đội Pháp một mặt cố thủ ở Nà Sản, một mặt phản công Việt Minh tại vùng Nam Định với những trận đánh Artois Normandie và nhất là cuộc hành binh Bretagne đã khiến Việt Minh phải thua thiệt nặng nề.

Trận đánh Nghĩa Lộ của Việt Minh tại xứ Thái cũng được sự yểm hộ của quân đội họ tại các miền Quảng Yên (Duyên Hải Bắc Việt), và Cao Nguyên ở Nam Trung Việt.

Trận xứ Thái chấm dứt ngày 6 tháng 2 năm 1953 để tuần tự bước sang một chiến dịch mới, một chiến dịch đã làm cả thế giới phải chú ý đến chiến sự Đông Dương: Trận đánh xứ Lào.

TRẬN ĐÁNH XỨ LÀO (3.1953)

Trận đánh xứ Lào đã được bộ tư lệnh Việt Minh chuẩn bị ráo riết từ năm 1950 bằng cách phái nhiều cán bộ quân sự chính trị sang gây lực lượng cho đạo quân thứ năm và nhất là từ khi mặt trận Liên Minh Dân Tộc Việt-Mên-Lào được thành lập (Việt Minh-Pathét Lào-Khmer Issarak).

Công cuộc chuẩn bị càng rõ rệt hơn trong trận đánh xứ Thái và chiếm đóng Điện Biên Phủ, một đồn tiền tuyến sát biên giới Lào.

Bộ tư lệnh Việt Minh cải tổ và tăng cường pháo lực, thành lập thêm một trung đoàn pháo binh nặng với những cỗ trọng pháo 105 ly thuộc quyền điều khiển của sư đoàn pháo binh 351. Mỗi trung đoàn bộ binh được phụ lực thêm một tiểu đoàn phòng không gồm 18 khẩu đại liên 12,7 và 13,2 v.v...

Ở Bắc Trung Việt, sư đoàn 304 của Đại Tá Hoàng minh Thảo cũng đã tập trung quân lực, sẵn sàng chờ lệnh.

Về phía Pháp, Bộ Tổng Chỉ Huy cũng đã đoán biết được phần nào ý định táo bạo của quân đội Võ nguyên Giáp từ ba, bốn tháng trước.

Ngày 17 tháng 3.1952, quân đội Pháp mở trận tấn công vào Hòa Bình để thăm dò động tĩnh và tiếp theo là cuộc hành binh Hautes Alpes đánh vào địa phận Bắc Thanh Hóa, đe dọa căn cứ địa của sư đoàn 304.

Bộ Tư Lệnh Pháp tung ra cuộc hành binh Hautes Alpes cốt để trì hoãn cuộc tiến binh sang Lào của Việt Minh và lợi dụng thời gian đó, chuyển vận quân đội bằng phi cơ sang Cánh Đồng Chum (Plaine des Jarres) thành lập một trung tâm kháng chiến, che chở Thành Phố Vientiane (20.3.52).

Bộ tham mưu Việt Minh nhất quyết mở cuộc xâm chiếm đất Lào.

Hơn 40.000 quân sĩ thiện chiến của Việt Minh, qua một thời gian nghỉ ngơi sau trận xứ Thái đã lao mình vào trận đánh, tiến quân bằng nhiều ngã vào đất Lào.

– Sư đoàn 316 và một phần sư đoàn 305 tràn qua đồng lũng Nậm Hou tiến về Thủ Đô Luang Prabang, nơi có cung điện của Quốc Vương Ai Lao.

– Cánh quân của hai trung đoàn chủ lực địa phương 148, 136 kéo sang uy hiếp những Đồn Mường đóng rải rác ở tuyến xứ Lào mạn Đông Bắc.

– Sư đoàn 112 tràn qua Sầm Nứa thẳng tiến uy hiếp khu vực Cánh Đồng Chum.

– Sư đoàn 304 chèo đèo vượt suối chiếm đóng Nồng Hét, tiến đánh dọc đường “Hoàng Hậu Astrid”, một đường trọng yếu và hiểm trở thẳng từ phía Bắc Trung Việt tới trung tâm xứ Lào.

Đồng thời Võ nguyên Giáp phái 4 trung đoàn tới kìm giữ quân lực của Pháp trong pháo lũy Nà Sản và chặn con đường Liên Tỉnh số 41 (Sơn La-Lai Châu).

Quân đội Việt Minh lại tăng cường hoạt động trên khắp chiến trường Đông Dương để buộc quân đội Pháp phải luôn luôn chuẩn bị đối phó.

Ở Đồng Bằng Bắc Việt, các trung đoàn chủ lực của Liên Khu 3 bất thần xâm nhập đánh phá Tỉnh Kiến An và quấy rối trong Tỉnh Nam Định.

Ở Trung Việt, Nam Việt, Cao Mên, Việt Minh phát triển chiến tranh mìn ngăn cản đường giao thông của quân đội Pháp-Việt và Pháp-Mên.

Trong khi đó, tình hình quân sự ở Lào ngày thêm nguy ngập.

Quân đội Việt Minh đã tiến sát gần tới Thủ Đô Luang Prabang.

Các đồn điền ở phía Bắc Thủ Đô như Mường Ngôi, Mường Khoa lần lượt rơi vào tay quân đội Việt Minh sau những trận công hãm và tấn công đẫm máu.

Trong khu rừng rậm hoang vu của đất Lào đã xảy ra những cuộc săn đuổi luẩn quẩn, ráo riết và kịch liệt

giữa quân đội Pháp và quân đội Việt Minh.

Khó khăn chính của quân đội Pháp ở Ai Lao là sự thiếu đường giao thông chuyển vận. Trong mọi cuộc hành binh khác, quân đội Pháp dễ dàng thắng điểm quân đội Việt Minh phần lớn nhờ việc sử dụng được phương tiện giao thông nhanh chóng. Trái lại trung tâm kháng chiến ở Lào không thể nào liên lạc với các căn cứ quân sự Pháp ở Việt Nam bằng đường bộ. Bộ Tư Lệnh Pháp bắt buộc phải thành lập một cầu hàng không giữa Hà Nội và Cánh Đồng Chum để cứu vãn tình thế.

Nhiều tiểu đoàn Lê Dương và Bắc Phi Châu do đường hàng không đã tới Thủ Đô Luang Prabang đã hợp sức với quân đội Lào chống giữ Kinh Thành.

Một hàng rào giây thép gai và một hệ thống phòng ngự được thành lập cấp tốc bao tròn lấy Thành Phố Luang Prabang, sẵn sàng chờ đợi quân đội Việt Minh.

Ở Cánh Đồng Chum, một cảnh tượng Nà Sản thứ hai đã xuất hiện. Hàng chục tiểu đoàn Pháp-Việt cùng với trên một vạn binh sĩ Lào ra sức xây dựng pháo lũy, quyết sống chết gìn giữ trung tâm Ai Lao.

Quân đội Việt Minh vẫn tiến đều đều, theo sau có hàng vạn dân công chuyển vận lương thực, đạn dược.

Nhưng trận Ai Lao đang làm rầm rộ dư luận thế giới và khiến những người quan tâm đến thời cục phải hồi hộp lo âu thì bỗng nhiên quân đội Việt Minh ngừng tiến và lặng lẽ rút lui (9.5.1953) sau khi đã tiến đến sát châu thành Luang Prabang.

Từ Cánh Đồng Chum và Luang Prabang, quân đội Pháp lập tức phản công chiếm lại Xiêng Khuang, những đường Mường Ngòi, Mường Khoa, vùng Tho Thom, Ban Ban và truy kích quân đội Việt Minh, đuổi họ đến vùng đồi núi quê hương của dân tộc Mèo (PakSungSop).

Cuộc hành binh ma chơi của Việt Minh đã hiện, biến một cách lạ lùng, nhưng đứng riêng về mặt quân sự, người ta đã nhận thấy các lãnh tụ Việt Minh tỏ ra rất tiến bộ trong kỹ thuật chỉ huy chiến trường.

Bộ tổng tư lệnh Việt Minh đã đủ can đảm tổ chức một cuộc hành binh “Viễn chinh” xa căn cứ địa hàng trăm cây số. Từ kỹ thuật chỉ huy một vài trung đoàn trên một mặt trận nhỏ họ đã tiến đến đủ sức chỉ huy, phối hợp, điều động hàng 4, 5 sư đoàn gồm 4, 5 vạn binh sĩ đủ các binh chủng: Bộ binh, pháo binh, công binh và thêm hàng vạn dân công để chuyển vận lương thực.

Chủ lực quân của Việt Minh đã rút khỏi đất Lào nhưng một vài đại đội đã lẫn lút ở lại để gây mầm du kích, tăng cường tổ chức và huấn luyện tác chiến cho những đội quân Neo Lao Issare mới thành lập.

Về mặt tuyên truyền, Việt Minh đã đạt được phần nào kết quả trong việc hư trương thanh thế cho “chính phủ lưu vong” Phathet Lào của Souphanuvong.

Cuộc hành binh đánh Lào của Việt Minh không những chỉ riêng Pháp với các quốc gia liên kết phải lo ngại mà cả chính phủ Thái Lan cũng không yên tâm, đã cấp tốc chuyển quân lên gìn giữ biên thùy và một mặt sửa soạn nhờ Liên Hiệp Quốc can thiệp hộ.

Từ Thu-Đông năm 1950, bộ tư lệnh Việt Minh tương đối đã giữ được phần chủ động về phương diện chiến lược trên chiến trường toàn quốc. Nào đánh Vĩnh Yên, Đông Triều, Ninh Bình, Nghĩa Lộ và đánh Ai Lao.

Tất cả những cuộc tấn công của quân đội Pháp đều chỉ nằm trong hệ thống hành binh phòng ngự.

Đầu tháng 5.1953, Đại Tướng Salan, Tổng Chỉ Huy Quân Đội Pháp ở Đông Dương, người đã có công nhất và ở lâu nhất trên chiến trường Đông Dương, hết nhiệm kỳ được đổi về Pháp.

Chính phủ Pháp cử Đại Tướng Navarre sang thay thế.

Người ta còn nhớ tới những lời tuyên bố thành thực của cố Thống Chế De Lattre de Tassigny khi mới đặt chân đến Thủ Đô Sài Gòn hồi tháng Chạp năm 1950:

“...Tôi sẽ tôn trọng nền Độc Lập mà nước Pháp đã đem lại cho các Quốc Gia Liên Kết.

Tôi tin cậy vào sự phát triển và tiến bộ của quân đội các nước Liên Kết nhất là quân đội măng trẻ của Việt Nam.

Tôi sẽ nỗ lực cố gắng tái tạo Hòa Bình trên lãnh thổ của các Quốc Gia Liên Kết, cố tâm xây đắp một nền an ninh lâu bền trong nội bộ và gây một liên hệ mật thiết với các nước láng giềng...”

Nhưng sự nghiệp chưa hoàn bị thì Thống Chế đã từ trần. Thống Chế mất giữa lúc trận đánh ở Hòa Bình

đang lâm vào một giai đoạn dữ dội nhất, dưới quyền điều khiển của Đại Tướng R. Salan.

Nền Độc Lập của Việt Nam dù đã được bao cường quốc long trọng thừa nhận, các hiệp ước, thỏa ước, dù đã ký kết xong xuôi, bao cuộc hội nghị quan trọng đã khai mạc mà vấn đề Việt Nam vẫn bị lơ lửng chưa được giải quyết dứt khoát.

Vì đâu ? Vì tình trạng nội bộ Pháp vẫn là vai trò chính trên chiến trường Việt Nam. Quân Đội Quốc Gia Việt Nam chưa thể một mình đủ sức chống đáng nhiệm vụ chống giữ cộng sản.

Quân đội Pháp bó chân ở Đông Dương, chính phủ Pháp bị lúng túng trong kế hoạch tăng cường quân đội phòng thủ chính quốc, lại thêm phải gửi quân đội gia nhập Khối Liên Minh Bắc Đại Tây Dương.

Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương (1950) đã giao kết thành lập một tổ chức quân đội hỗn hợp gồm các quốc gia: Hoa Kỳ, Anh, Gia Nã Đại, Ái-nhĩ-lan, Pháp, Bỉ, Lục-xâm-bảo, Ý, Hòa Lan, Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha v.v...

Người ta lại còn dự định thành lập Khối Cộng Đồng Phòng Thủ Âu Châu để có thể tự vệ một cách đặc lực hơn nữa chống họa xâm lăng cộng sản.

Tình hình quốc tế từ khi xảy ra chiến tranh Cao Ly lại hết sức căng thẳng. Hết chiến tranh lạnh đến chiến tranh nóng, từ chiến tranh trong bóng tối đến chiến tranh tâm lý, rồi người ta tố cáo nhau sử dụng chiến tranh vi trùng, rồi người ta đe dọa nhau bằng chiến tranh nguyên tử, khinh khí...

Viễn tượng ghê gớm của ngàn ấy thứ chiến tranh bắt buộc mọi quốc gia đều phải lo chuẩn bị đề phòng giữ mình và riêng nước Pháp cũng mong giải quyết chóng vánh chuyện Việt Nam để có thể rảnh tay đối phó với thời cuộc biến chuyển bất thần.

Đầu tháng 4 năm 1952, Hội Đồng Nội Các Pháp quyết định ủy nhiệm ông Letourneau, Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Liên Kết sang Đông Dương lãnh đạo Cao Ủy Phủ tạm thay thế nhiệm vụ của cố Thống Chế De Lattre.

Ông Letourneau tuyên bố sẽ thực hiện những hứa hẹn của nước Pháp trên giải đất Việt Nam và sẽ chú ý hợp tác với tất cả những ai thành thực cộng sự trong trận “chiến đấu chung” chống “kẻ thù chung”.

Một tháng sau Nội Các Trần Văn Hữu nhường chỗ cho Nội Các Nguyễn Văn Tâm.

Nhưng trong khi đó, ở chính nước Pháp, mỗi đảng phái vẫn khư khư giữ lập trường riêng của mình về cách thức giải quyết vấn đề Việt Nam. Không may cho số phận Việt Nam, những lập trường đó lại tương phản nhau kịch liệt.

– Đảng cộng sản nhất định đòi:

Hồi hương ngay quân đội viễn chinh.

Trả Việt Nam cho cụ Hồ chí Minh.

– Đảng Xã Hội lưỡng lự nước đôi:

Không chiếm đóng, không rời bỏ.

Mở cuộc thương thuyết giữa Quốc Trưởng Bảo Đại với cụ Hồ chí Minh.

Đàm phán với các cường quốc và cả với Trung Cộng để giải quyết vấn đề Việt Nam.

– Đảng Cấp Tiến bi quan:

Khó lòng mà thương thuyết được với Việt Minh.

Khó lòng mà rời bỏ Đông Dương.

– Đảng Liên Hiệp Quốc Dân Pháp:

Thương thuyết với Việt Nam là đầu hàng.

Muốn tránh khỏi một “Munich” ở Á Đông chỉ có một giải pháp: Liên minh thành lập một mặt trận ở Đông Nam Á.

– Đảng Cộng Hòa Bình Dân:

Chính phủ Pháp phải cố gắng làm mở rộng phạm vi cuộc thương thuyết ở hòa hội Bàn Môn Điểm (Cao Ly) để có thể có một thanh toán chung ở Thái Bình Dương.

Nếu không, phải tính tới một Hiệp Ước phòng thủ Thái Bình Dương, rút quân đội về, chú trọng Âu Châu hơn là Á Châu...

Những lập trường “Mặt Trăng-Mặt Trời” của các đảng phái Pháp đã ảnh hưởng nặng nề tới những quyết định của chính phủ Pháp.

Do đó, cuộc bang giao Việt-Pháp đã tiến hành quá chậm chạp mặc dầu có nhiều động cơ thúc đẩy chính phủ Pháp phải thực hiện mau chóng nền Độc Lập của Việt Nam:

- Việc thế giới cộng sản công nhận chính phủ Việt Minh.
 - Chiến cuộc Cao Ly và viễn tượng một trận chiến tranh thế giới lần thứ ba.
 - Quân đội Võ nguyên Giáp giữ vai chủ động trên chiến trường ở Đông Dương.
 - Công sản thành lập một chính phủ Thái Độc Lập ở Tỉnh Vân Nam, một lo ngại mới cho số phận những người Thái ở Việt Nam, Ai Lao, Thái Lan, Diến Điện.
 - Quốc Vương Sihanouk phản đối sự chậm chạp trong việc trao trả mọi quyền hành cho Cao Mên v.v...
- Chiến tranh ở Đông Dương đã gây thang tóc cho bao gia đình Pháp rất nhiều.
- Hàng vạn binh sĩ và hàng ngàn sĩ quan Pháp đã bỏ mình nơi chiến địa, trong đó có những Tướng Tá cao cấp như:

- Các Tướng R. Marchand, B. Chanson, Harteman.
- Các Đại Tá: Dessert, Dèbes, Guffles, Destremau, De Sairigné, De La Baume, Edon, Erulin, Blanckaert v.v...

Từng ấy xương máu hy sinh chưa hàn gắp đủ lỗ hổng chính trị ở Đông Dương thì tháng 5.1953, Thủ Tướng Mayer lại tung ra một quyết định như sét đánh làm lung lay thương tổn tình giao hảo Việt-Pháp: Quyết định phá giá đồng bạc Đông Dương.

Sự thực, đồng bạc Đông Dương với giá 17 Phật Lăng (theo giá Hối Đoái Cục trước ngày 9.5.1953) đã gây ra nhiều vụ buôn lậu khổng lồ, tổ chức rất khoa học, thu lợi được hàng trăm triệu:

- Trước hết người ta mua Mỹ kim ở Pháp (Giá chợ đen 400 Phật Lăng 1 Mỹ kim) rồi tìm cách sang Đông Dương bán lại (Giá chợ đen 1 Mỹ kim là 50 đồng Đông Dương tức là 850 Phật Lăng). Như thế mỗi Mỹ kim lại được 350 Phật Lăng.

Nếu không bán Mỹ kim ở Đông Dương, người ta đem sang bán ở Hồng Kông với giá một Mỹ kim ăn 12 đô la Hồng Kông (12 đô la Hồng Kông đổi được 52 đồng bạc Đông Dương).

- Một cách khác con buôn dùng Phật Lăng mua tiền Đông Dương với giá rẻ ở thị trường ngoại quốc (8,50 Phật Lăng là 1 đồng Đông Dương) rồi đem tiền đó về Đông Dương tìm cách chuyển ngân theo giá Hối Đoái Cục, sang Pháp. Như vậy, 8,5 Phật Lăng từ Pháp ra đi trong vòng một tháng lúc về đã biến thành 17 Phật Lăng.

Cách tổ chức cho đồng tiền “du lịch” hay nói đúng hơn “phiêu lưu mạo hiểm” vòng quanh như thế đã giúp phần nào cho cộng sản (Trung Cộng và Việt Nam) những chỉ tệ cần thiết để mua ngoại quốc, đã làm giàu riêng cho một số con buôn, đồng thời làm lũng đoạn nền tài chính ốm yếu dở của Pháp.

Để chấm dứt tình trạng chênh lệch nguy hại đó, Thủ Tướng R. Mayer đã quyết định phá giá đồng bạc không cần hỏi qua ý kiến những chính phủ của các Quốc Gia Liên Kết, không đếm xỉa đến hàng chục triệu con người mà đời sống bị lệ thuộc chặt chẽ vào giá trị lỏng lẻo của đồng bạc ở xứ họ.

Quyết định một chiều của vụ phá giá đồng bạc thực ra không có lợi cho Pháp.

- Hai trước tiên là dân chúng ở Đông Dương đâm ra nghi ngờ lòng thành thực của chính phủ Pháp. Từ hành động kinh tế đến hành động chính trị.

Chỉ cần có một khả năng nhận xét trung bình, người dân cũng cảm thấy rõ mức độ lệ thuộc về tài chính của các Quốc Gia Liên Kết đối với nước Pháp.

Một chính khác Pháp đã sáng suốt nhận định rằng: “Yếu tố chính trị thứ nhất để gây lại Hòa Bình là phải thắng được sự nghi ngờ của người Việt Nam đối với Pháp...”

Quyết nghị của Thủ Tướng Mayer đã trái ngược hẳn với tinh thần câu nói đó và làm phỉ phạm bao nỗ lực của các chính khách Pháp-Việt đang cố gắng tạo một tâm lý tín nhiệm trong dân chúng Việt Nam.

- Hai thứ nhì là đối phương dùng quyết định phá giá đồng bạc làm lợi khí tuyên truyền tăng mức độ cuồng tín cho quân đội họ và dễ dàng chọc thêm những lỗ hổng mới trong hàng ngũ quốc gia của các chính

phủ Liên Kết.

Người ta đã giải thích rằng những vụ buôn lậu đồng bạc chỉ riêng lợi cho Việt Minh, giúp họ thành công trong việc vũ trang các sư đoàn mới thành lập.

Người ta đã quên không tính đến hàng chục triệu dân chúng đang sống điều đứng trong vùng Việt Minh, đang phải nai lưng đóng góp sức lao động để tăng gia sản xuất. Người dân đã phải nhịn ăn, nhịn mặc, vùi đầu sản xuất ra gạo, ra đường, ra thuốc phiện, góp mồ hôi, máu và nước mắt để đổi lấy quân nhu vũ khí trang bị cho quân đội Việt Minh.

Sức lao động của con người mới là chỉ tột chính và chắc chắn nhất cho Việt Minh.

Người ta nêu những bằng chứng tỏ ra Việt Minh đã đặt nhiều phái đoàn ở Vọng Các (Thái Lan), ở Hồng Kông, ở Áo Môn để thu Mỹ kim, mua khí giới. Điều đó đúng, nhưng chưa phải đây là những hoạt động quyết định được vấn đề trang bị của quân đội Võ nguyên Giáp.

Sự thực đã chứng tỏ rõ ràng như sau:

Từ 1947 đến cuối năm 1949, ngoại thương cục mới chỉ do một cán bộ trung cấp không tên tuổi phụ trách và phạm vi hoạt động còn nhỏ hẹp. Trong giai đoạn chiến lược ấy (giai đoạn phòng ngự) bộ đội Việt Minh mới chỉ thạo bắn súng trường, thạo đánh mìn và “vũ khí trắng” (mã tấu, mác búp da v.v...)

Sau trận Tô Vũ năm 1948, rút kinh nghiệm về khả năng sử dụng trọng pháo của bộ đội, Việt Minh bắt đầu mở nhiều cuộc luyện quân (phong trào luyện quân lập công 1948-1949) để tiến tới sử dụng được vũ khí tối tân.

Cuối năm 1949, khi Mao Trạch Đông đã thành công trên lục địa Trung Hoa, bộ tư lệnh Việt Minh được cải tổ và thêm ngay một tổng cục quan trọng, mới mẻ: Tổng cục hậu cần dưới quyền điều khiển của Trần Đăng Ninh, một lãnh tụ cộng sản.

Nhiệm vụ khẩn yếu của tổng hậu cần là tổ chức ngay một cục vận tải giao phó cho Nguyễn văn Thiệu, cán bộ khu ủy cộng sản phụ trách.

Cục vận tải chuyên việc tiếp nhận và chuyển vận những quân nhu vũ khí do Mao Trạch Đông viện trợ.

Tính chất quan trọng của ngoại thương cục mất dần, chỉ còn giữ một nhiệm vụ phụ trong công tác trang bị toàn quân.

Bộ đội Việt Minh khi đến tuổi trưởng thành đã may mắn gặp dịp đại thắng của quân đội Trung Cộng bên kia biên giới, và cũng nhờ đó, được vũ trang đầy đủ.

Chỉ tột Mỹ kim do những vụ buôn lậu đồng bạc Đông Dương cung cấp, chỉ giúp được một phần nhỏ trong vấn đề trang bị quân đội của Việt Minh.

Tóm lại, quyết định phá giá đồng bạc của Thủ Tướng R. Mayer là một việc làm hơi nông cạn, không khôn khéo, chỉ nhìn theo góc cạnh thuần túy về tài chánh (riêng cho nước Pháp) mà quên lãng mục tiêu chung: Xây dựng tòa nhà Liên Hiệp Pháp.

GIẢI ĐOẠN MỚI

Bấy năm qua, bấy năm đã lôi cuốn biết bao nhiêu tiền và máu, tất cả những nỗ lực, cố gắng của chính phủ Pháp đã vượt bậc mà chưa một viễn tượng hòa bình nào le lói ở chân trời Việt Nam.

Về quân sự, nước Pháp không thể thua trên chiến trường Việt Nam nhưng cũng không thể nắm chắc phần thắng. Cộng sản Việt Nam ngày nay không phải chỉ là những toán du kích quân lén lút những nhóm người chiến đấu đơn độc lẻ loi, mà là một tổ chức quy mô vững mạnh, có hàng sư đoàn chính quy quân tình nguyện có nhiều căn địa rộng lớn và có liên lạc mật thiết với toàn bộ thế giới cộng sản.

Về chính trị, nước Pháp đã noi theo một đường lối từ mấy lâu nay: Từ hình thái Bảo Hộ đến liên kết tương hỗ, từ Bộ Thuộc Địa, Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại đến Bộ Quốc Gia Liên Kết, cố gắng biến hóa người dân “Bản xứ thuộc địa” nâng họ thành “công dân” trong Khối Liên Hiệp Pháp.

Nhưng trên thực tế, người dân Việt Nam hình như vẫn chưa cảm thấy một thay đổi nào đáng kể, chưa nhận thấy điểm bực phát mặc nhiên của tình thế và thời gian.

Nói đến Liên Hiệp Pháp, người ta chưa có một hiểu biết rõ ràng và ngay cả những người hữu trách cũng chưa xác định được minh bạch (hay chưa muốn xác định ?) quan niệm về Pháp Lý công dân tình của Liên Hiệp Pháp.

Tình trạng ấy đã kéo dài hết năm này qua năm khác, tốn giấy mực, tốn thời giờ, hại người, hại của.

Bấy năm qua, biết bao biến chuyển dồn dập đã thúc đẩy chính phủ Pháp phải khêu một điểm sáng mới trong cuộc giao thiệp Pháp-Việt-Mên-Lào: Bản Tuyên Ngôn ngày 3 tháng 7.1953.

Bản Tuyên Ngôn đó là khởi điểm cho một cuộc đàm phán tương lai với mục đích hoàn tất nền Độc Lập của Việt Nam của các Quốc Gia Liên Kết, xác định sự liên lạc, đặt nền tảng cho một hợp tác lâu bền giữa Pháp và Việt.

Chính phủ Pháp muốn dân chúng Việt Nam thành thực hợp tác với Pháp trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung của toàn thể những người tự do tư sản.

Để đạt mong ước đó, chính phủ Pháp long trọng tỏ rõ chính sách và ý chí muốn trả Độc Lập hoàn toàn cho các nước Liên Kết và cũng đồng thời tìm kế hoạch quân sự mới để hy vọng chấm dứt chiến tranh.

Lập trường của chính phủ Pháp tóm tắt:

Một Cuộc Liên Minh Mới.

Đặt trên căn bản bình đẳng và hỗ tương. Pháp và các nước ở Đông Dương sẽ bắt tay kiến tạo một căn nhà mới, xây dựng và phát triển một tình hữu nghị vững bền.

Một Bước Tiến Thắng Và Mau.

Con đường Liên Hiệp Pháp sẽ không còn bị che lấp bởi những khóm bụi quanh co, cây cành trở ngại. Đường đi tương lai sẽ thẳng tắp, ai cũng có thể nhìn rõ và chính phủ Pháp sẽ đem hết tâm lực thúc đẩy cuộc tiến triển đã phát khởi, bước nhanh đến một Liên Hiệp Pháp hoàn toàn bình đẳng, tự do.

Trao Trả Nhưng Không Bỏ Mặc.

Nước Pháp muốn có một ý nghĩa phân minh về trận chiến tranh ở Việt Nam, một trận chiến tranh rắc rối đến nỗi người ta thật khó mà giải nghĩa cho đúng đắn.

Mắc vào chiến cuộc ở Việt Nam nước Pháp không thể bỏ mặc hoặc cứ cố bám riết. Nước Pháp có thể trao trả Việt Nam cho chính phủ Việt Nam, một cuộc trao trả mà nước Pháp chỉ còn tồn tại những quan hệ tinh thần.

Một Nền Tảng Bang Giao Tương Hỗ, Cộng Đồng Quyền Lợi.

Khi Việt Nam đã độc lập hoàn toàn, mỗi bang giao Việt-Pháp sẽ đặt trên nền tảng tương thân, tương hỗ. Chính phủ Pháp sẽ theo những kế ước để thực hiện nhiệm vụ của mình ở Đông Dương. Kế ước ? Đó là sự tiếp tục công cuộc giúp đỡ tối cần thiết cho Việt Nam bằng mọi phương tiện sẵn có của Pháp.

Luật cung cầu và tất cả những sự lựa chọn cung cầu cân xứng sẽ được đặt ra, tiến tới điều hòa và cộng đồng quyền lợi của các nước hội viên Liên Hiệp Pháp.

MỘT LIÊN HIỆP PHÁP MỀM DẸO VÀ LINH ĐỘNG

Về quân sự chính phủ Pháp mong muốn các nước Liên Kết dành địa vị Tổng Tư Lệnh cho một vị Tướng Pháp cũng như Tây Âu dành địa vị đó cho một Đại Tướng Hoa Kỳ.

Đó là vấn đề cốt cán, nếu không thì “không thể có Liên Hiệp Pháp”.

Giữa thời đại liên minh, các lực lượng dồn xu hướng tất nhiên tự tìm nhau kết hợp để tồn tại. Như vậy, các nước hội viên trong Liên Hiệp Pháp phải liên kết với nhau, phải “dung hòa một cách tin tưởng và bền vững các chính sách ngoại giao”. Nói cách khác, trong Liên Hiệp Pháp, chính sách ngoại giao chỉ có một.

Về kinh tế, Pháp mong muốn những quyền lợi nhường nhau phải đủ để “quân bình” sự hấp dẫn của thị trường ngoại quốc.

Tiếng Pháp, một thứ tiếng, theo Pháp, đã từng làm “lợi khí cho cấp ưu tú của các Quốc Gia Liên Kết để học hỏi về chính trị và giải phóng quốc gia” phải được một địa vị ưu đãi ở các cấp Trung Học...

Nói chung, vấn đề Đông Dương theo chính phủ Pháp sau ngày 3 tháng 7 là “không phải thanh toán mà chỉ sửa đổi lại các quy chế, hùn vốn thêm và phân phối lại trách nhiệm”.

Tình thế khách quan và chủ quan đã bó buộc chính phủ Pháp phải tỏ ra lập trường mình, phải thành thực và mau chóng hoàn bị nền Độc Lập của các quốc gia trên Bán Đảo Đông Dương.

Cuộc chiến nóng tại Cao Ly đến ngày tàn, chẳng lẽ còn riêng nước Pháp phải chịu đổ máu mãi ở vùng Đông Nam Á ?

Hành động bỏ nước ra đi của Mên Hoàng Shihanouk, những thúc dục của chính phủ Việt Nam, trận đánh xứ Lào của Việt Minh tháng 4.1953, tất cả là những yếu tố phát sinh nhanh chóng ra Bản Tuyên Ngôn 3 tháng 7.

Vấn đề Việt Nam, quanh co khúc khuỷu, tổng hợp trên hai phương diện chính trị và quân sự, trước kia thuộc quyền cố Thống Chế De Lattre de Tassigny nay lại ủy nhiệm cho hai người Đại Sứ M. Dejcan và Đại Tướng Navarre.

Chính phủ Pháp phải đứng trước hai việc ảnh hưởng lẫn lộn như bóng với hình:

– Đàm phán, trao trả Việt Nam Độc Lập để chính phủ Quốc Gia Việt Nam đủ khả năng và phương tiện lao mình vào cuộc chiến đấu chống việt cộng.

Đó là nhiệm vụ chính của ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Liên Kết, của Đại Sứ Dejcan, một nhiệm vụ thực ra chẳng rắc rối khó khăn tí nào nếu mọi người đều tín nhiệm nhau và đều ngay thẳng.

Hành động quân sự, tấn công đánh đuổi Việt Minh để giúp chính nghĩa quốc gia để đặng phát triển khỏi bị lý tưởng quốc tế xâm phạm, đè nén. Đó là bốn phận Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đại Tướng Navarre, vị Tướng ít tuyên bố, nhũn nhặn, sắc cạnh.

Trong khi cuộc chờ đợi đàm phán, chờ đợi hành động dứt khoát về chính trị, biện pháp quân sự được phát triển mạnh mẽ.

Đặt chân đến chiến trường Việt Nam, Tân Tổng Tư Lệnh quân đội viễn chinh đã nhận rõ chân tình trạng:

– Vấn đề uy tín của Pháp: “Từ hai năm nay, nhìn vào bản đồ quân sự, phải nhận rằng chúng ta đã lùi rõ rệt, những vết đỏ đánh dấu cuộc tiến của Việt Minh đã lan rộng ở Trung Châu, ở xứ Lào hay xứ Thái, chỗ nào họ cũng len lỏi được vào rất nhiều trù một vài vùng quanh những pháo lũy cố thủ. Tại Trung Việt, đối phương cũng kiểm soát được nhiều vùng và đã có những sự len lỏi về phía sông Cửu Long...Toàn thể không cho ta lạc quan lắm...”

– Nhận xét của Đại Tướng Navarre đã chứng minh khả năng của Việt Minh, quyền chủ động của họ trên chiến trường nói chung. Việt Minh có thể khởi thế công ở bất cứ chỗ nào, thời gian nào và đổi lại, quân đội Pháp phần lớn phải ở trong thế phòng ngự, thụ động về chiến lược.

– Đã lúng túng trong sự kém thế, quân đội viễn chinh lại còn bị thiếu cả cán bộ.

Biết rõ giá trị quan trọng thường xuyên của các cấp chỉ huy, Việt Minh huấn luyện cho bộ đội họ khi xung trận chỉ nhằm cấp chỉ huy đối phương mà khai hỏa trước tiên. Chính sách nguy hiểm ấy đã làm cho

quân đội Pháp bị một lỗ hổng trong hàng ngũ cán bộ. Trước khi mỗi tiểu đoàn có thể có 28 sĩ quan, 110 hạ sĩ quan người Pháp, ngày nay những con số đó chỉ còn là những con số mong mỏi.

Khủng hoảng về nhân số gây ra khủng hoảng tinh thần.

Thường khi có những cán bộ phải đóng dai dẳng ở những đồn lẻ xa xăm không được thay thế đúng kỳ hạn. Tình trạng đó làm tinh thần họ sút kém, uể oải, chểnh mảng, và đây là tất cả của lý do thất bại, của mất Đồn trước tinh thần xung phong cuồng nhiệt hung hãm của đối phương.

– Điểm thứ ba là giá trị quan trọng về kinh tế, chính trị, chiến lược của đồng bằng Bắc Việt.

Kinh Tế: Đồng Bằng Bắc Việt là một vựa lúa, giàu người, giàu của. Để lọt vựa lúa đó vào tay Việt Minh tức là giúp họ thêm phương tiện kéo dài cuộc chiến tranh trường kỳ tàn khốc. Từ 1947, quân đội Võ nguyên Giáp chỉ trông cậy vào sức sản xuất nghèo nàn của nông dân Việt Bắc, của miền đất sỏi Trung Du và Thượng Du. Đến 1950, tuy nhờ thêm được gạo Trung Cộng tiếp tế, Vệ Quốc Quân vẫn phải ngày hai bữa cơm mắm muối trắng, chẳng hơn được chút nào. Nay nếu cướp được Đồng Bằng Bắc Việt, Việt Minh sẽ có ngay tại chỗ một kho lương thực đầy “gạo trắng, cá tươi”, họ sẽ thêm hơi thêm sức để gây thêm nguy hại.

Chính Trị: Nói đến Đồng Bằng Bắc Việt là phải nói đến Thủ Đô Hà Nội, Cố Đô của các triều vua chúa, là Thăng Long Thành, là nơi phát sinh ra lịch sử của Tổ Quốc Việt Nam.

Hà Nội, bên bờ sông Nhị Hà, nằm giữa Đồng Bằng Bắc Việt có một giá trị về tinh thần cũng như về chính trị rất quan trọng đối với Quốc Gia Việt Nam, cũng như Ba Lê đối với nước Pháp.

Về phương diện chiến lược, nếu việt cộng chiếm được Đồng Bằng Bắc Việt, trước hết căn cứ địa của họ sẽ liền được với miền Bắc Trung Việt vào tận Kinh Thành Huế, điểm thứ nhì, cả vùng Bắc Ai Lao sẽ mất theo, hợp với Bắc Việt thành một căn cứ địa tròn chĩnh, chắc chắn, đủ ưu điểm để phục vụ một trận chiến tranh rộng lớn, uy hiếp Miến Điện, Thái Lan...điểm thứ ba, hải phận quan trọng của miền Bắc Đông Dương sẽ lọt vào tay việt cộng. Sự chuyên chở tiện lợi, rẻ tiền bằng đường thủy sẽ giúp Việt Minh thêm nhiều vũ khí và việc mất hải phận miền Bắc sẽ nguy hại trực tiếp đến hải phận miền Nam.

Nói tóm lại, nếu quân đội Pháp không giữ được Đồng Bằng Bắc Việt là đã vô tình tạo một viên trái phá để bắn vỡ vùng Đông Nam Á sau này.

Muốn dành lại quyền chủ động đã mất qua tay Việt Minh từ Thu-Đông 1950, Đại Tướng Navarre chuẩn bị áp dụng một kế hoạch mới:

A.- Quật khởi và giữ vững tinh thần quân đội.

Nếu chiến trường Việt Nam từ vài năm nay không làm tổn hại được giá trị truyền thống vững chắc của đoàn quân viễn chinh thì ít nhất cũng đã làm chút ít oai hùng và khiến một số binh sĩ phải uể oải, chán nản. Tình trạng tâm lý đó không thể nào tránh khỏi trước lối đánh trường kỳ du kích chiến trong rừng rữ, trong bùn lầy, quân đội viễn chinh phải uể oải vì hai lý do căn bản:

– Chiến trường Việt Nam tượng trưng một lối đánh đặc biệt, chuyên dùng mưu kế thâm sâu và ác độc khác hẳn luật lệ nguyên tắc nói chung của mọi chiến lược cổ điển hay tối tân. Từ lối đánh mìn, giao thông chiến đến những đơn vị bạch binh sử dụng mã tấu, mác “búp da”, từ đơn vị “độn thổ, độn thủy” đến lối đánh “bàn chông” v.v...tất cả đều do những mưu mẹo hiểm độc kiểu Á Đông mà xuất hiện. Quân đội Pháp gần như phải đánh nhau với bóng, ít khi tìm thấy đúng địch thủ của mình.

– Lý do thứ hai thuộc phạm vi chính trị. Tất cả các cuộc cãi vã trên báo chí, sách truyện, tất cả những mâu thuẫn về ý kiến của các chính trị gia Pháp trong vấn đề Việt Nam đã lung củng, dài dặc, rườm rà hình như không bao giờ có thể chấm dứt quanh tằm thâm xanh...

Để giữ vững tin thần và những đức tính tốt đẹp của binh sĩ, kế hoạch mới nhằm những nhiệm vụ chủ quan:

– Xác định ý nghĩa của mọi cuộc hành binh của mọi kết quả đã thu lượm được. Làm như vậy, từng binh sĩ sẽ có một nhận định tổng quát về tác dụng và hành động của mình trên chiến trường, trong cuộc hành binh. Họ sẽ tự ước lượng giá trị những cố gắng của chính họ. Do đó, binh sĩ tự tăng phần hoạt động, vui vẻ hăng hái ở tuyến tuyến. Họ sẽ hiểu rằng những cố gắng cá nhân có thể quyết định phần lớn tương lai cuộc

chiến tranh, tương lai hòa bình, tương lai của chính bản thân họ.

– Phân nhiệm dứt khoát. Sự lộn xộn trong vấn đề chỉ huy thường không đem lại trách nhiệm hẳn hoi rõ rệt cho cán bộ. Đó là một khuyết điểm do nạn thiếu cán bộ đề ra. Muốn thanh toán nạn “vớ vẩn” cán bộ quân sự, kế hoạch mới nhằm việc đòi hỏi thêm ở chính quốc một nghìn sĩ quan ngoài việc thực hiện tại chỗ chương trình phân nhiệm thật rõ rệt.

– Nhiệm vụ chủ quan thứ ba là vấn đề lực lượng dự trữ. Lực lượng dự trữ đòi hỏi thêm một ngân khoản mới. Nhờ viện trợ Mỹ, việc đó có thể dễ dàng thực hiện.

Quân đội viễn chinh còn được thêm sự phụ lực của quân đội ba Quốc Gia Liên Kết (Nói riêng Quân Đội Việt Nam với con số 200.000 người trong năm 1953 và tương lai 1954 có thể có 300.000, nếu được huấn luyện kỹ càng sẽ có thể dần dần thay thế quân đội Pháp).

B.- Giành đặt lại quyền chủ động chiến trường.

Thời gian đã làm mất phần giá trị của hệ thống pháo đài bê tông bao quanh Đồng Bằng Bắc Việt. Nếu các chiến lũy xây dựng từ thời cổ Thống Chế De Lattre có tác dụng ngăn cản đợt sóng xung phong của bộ đội Võ nguyên Giáp thì ngược lại cũng đã khiến quân đội Pháp phải tập trung, mất tính chất lưu động lan lẹ trong phạm vi chiến thuật.

Kế hoạch của Đại Tướng Navarre chủ trương:

– Không một đồn vô ích: Một đồn binh, một pháo lũy, chỉ lợi ích khi nào tự nó có một giá trị chủ động chiến trường, tự nó lăn mình vào cuộc chiến đấu. Nếu chỉ giữ riêng vị trí thụ động và tinh thần ngăn ngừa phòng ngự thì đồn đó không góp được phần kết quả của mình trong chính sách mới nhằm giành lại thể chủ động toàn diện.

– Không một mục tiêu cho bộ đội Việt Minh: Tất cả những đồn lẻ loi kém tác dụng cần thiết đều triệt bỏ để thu hẹp mục tiêu tấn công của Việt Minh và thanh toán được những chuyển giao thông chuyển vận giữa các đồn, tránh được nạn phục kích, giao thông chiến của đối phương.

– Không thụ động trong pháo lũy: Quân đội sẽ tiến ra khỏi pháo lũy, đi sâu vào đất địch, tìm địch và đánh địch ở căn cứ họ. Từ việc chiếm lại quyền của động chiến thuật tiến đến giữ quyền chủ động chiến lược, bắt buộc đối phương phải hoạch định lại kế hoạch của họ.

– Không hành binh cố định trong phạm vi thời gian: Từ trước, mọi cuộc xuất binh đều dựa theo thời gian cố định, tiến quân lúc mờ sáng để nghỉ chân khi trời xẩm tối. Ngày là của quân đội viễn chinh, đêm là du kích đối phương. Không bên nào bàn luận với bên nào mà thời gian như đã được thỏa thuận quy định như vậy.

Kế hoạch mới nhằm mục đích tấn công hoặc phản công trên khắp chiến trường, tiến quân liên tiếp vào căn cứ Việt Minh không để cho họ kịp sửa soạn hay chuẩn bị ứng đối.

Kế hoạch của Đại Tướng Navarre còn gắn liền hoạt động quân sự với tiến triển chính trị: Nền Độc Lập của các nước Liên Kết.

Nền Độc Lập Việt Nam bảo đảm vấn đề phát triển Quân Đội Quốc Gia và chỉ có Quân Đội Quốc Gia Việt Nam mới có đủ yếu tố chính trị cần thiết trong trận chiến tranh chống việt cộng. Đó là một điển tượng quan căn bản mà Đại Tướng Navarre đã chú ý nhấn mạnh:

“Trận chiến tranh Đông Dương không phải là một trận chiến tranh Tây phương mà người ta cần điều khiển với những tiếp liệu khổng lồ về chiến cụ và tiền bạc. Nó cũng không phải là trận chiến tranh thực dân. Đó chỉ là một trận nội chiến có tính cách quốc gia. Vậy trận chiến tranh ấy chỉ có thể thắng được bởi dân tộc Việt Nam chứ không phải bởi một ai khác”.

Lời giải thích trên đây của Trung Tướng Chassin nguyên Tư Lệnh Không Quân Viễn Đông mới chỉ đúng một phần nào về phương diện lý thuyết nhưng thực ra điều đó chưa được toàn thể dân chúng Việt Nam nhận thấy rõ rệt khi hãy còn “cảm giác” sống trong nền “Độc Lập thiếu thốn”. Chừng nào “cảm giác” đó còn tồn tại, chừng đó nhiệm vụ quân sự của đoàn quân viễn chinh còn nặng nề và vẫn “cảm” thấy phải đơn thương độc mã đối phó với quân đội Việt Minh.

Lỗi đó tất nhiên riêng ở những người làm chính trị, những người lãnh đạo đường lối chính trị Pháp sống

trong nền Đệ Tứ Cộng Hòa.

CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG VỚI BA THẮNG LỢI

Tháng 7.1953 mở đầu hai cuộc hành binh lớn của “Thời Navarre”, hai cuộc hành binh quật khởi bắt buộc quân đội Võ nguyên Giáp phải tăng thêm ý thức chuẩn bị và không được khinh địch, đó là trận Hirondelle tại vùng Ai Nam Quan và trận Camargue trên chiến khu Quảng Trị.

Trận Hirondelle bắt đầu sớm ngày 18 tháng 7 dưới quyền điều khiển trực tiếp của Thiếu Tướng Gilles, 5.000 quân với sự chỉ huy của Đại Tá Ducourneau bất thần rơi từ không trung xuống các động chứa đầy vũ khí bên giòng sông Kỳ Cùng, nơi cách đây hơn hai năm, quân đội Pháp đã từng làm chủ.

Để bảo vệ đường về cho bộ đội nhảy dù ở Lạng Sơn, binh sĩ Liên Hiệp Pháp một mặt nhảy dù xuống Lộc Bình cách Lạng Sơn 27 cây số trên khúc đường số 4 Lạng Sơn-Khe Tù, một mặt tiến quân từ Hải Phòng đến Tiên Yên đón tiếp.

Cuộc hành binh chớp nhoáng đã đem lại ngạc nhiên cho Việt Minh vì họ chắc đã khinh thường lực lượng quân Pháp từ sau Thu-Đông 1950.

Trận Hirondelle nêu rõ:

- Quân đội Pháp đã cụ thể hóa được nhanh chóng kế hoạch Navarre áp dụng chiến thuật lưu động trong cuộc tấn công chủ động vào hậu địch. Nửa vạn quân bất tình linh đánh phá hậu tuyến địch và rút lui một cách cực kỳ nhanh chóng (Rút khỏi Lạng Sơn ngay đêm 17).

- Trận đánh xứ Lạng còn có một giá trị về thời gian vô cùng quan trọng. Thế giới tự do đột nhiên nhìn vào trận Lạng Sơn, phấn khởi và tin tưởng. Đó là một hành động thực tế thức tỉnh lại lòng tin của mọi người đang bị tinh thần chiến bại ám ảnh.

- Ngoài những kết quả về phương diện quân nhu vũ khí (Việt Minh mất 18.000 lít ét-săng, 250 lốp xe vận tải 6 xe vận tải, 57 động cơ xe hơi, 8 chiếc máy làm dụng cụ, 1 máy phát điện, một ổ điện thoại, 1.000 thước khối đạn dược, 1.000 súng liên thanh các cỡ...) trận Lạng Sơn còn đem lại cho binh sĩ Pháp chí phấn khởi chiến thắng, thêm tự tin ở năng lực của mình.

Trận đánh lớn thứ hai phát động ngày 29.7.53.

Cuộc hành binh Camargue cách cuộc hành binh Hirondelle 11 ngày, xảy ra trên “Dãy phố buồn thiu” miền Nam Quảng Trị.

“Dãy phố buồn thiu” là căn cứ địa của một số tiểu đoàn thuộc sư đoàn 325, sư đoàn giữ Bình-Trị-Thiên, khu hắc búa nhất trên chiến trường Việt Nam. Một năm trước, tháng 7 và 8.1952, những cuộc hành binh Quadrille, Sauterelle đã từng làm mưa gió trên khu Mỹ Lợi, Phú Vang, gây tổn thất nặng cho trung đoàn 101 (thuộc sư đoàn 352).

Trước khi khởi trận Camargue, không quân Pháp đã luôn luôn đánh phá các cuộc chuyển dịch khả nghi trong khu vực, trái với tính chất tuyệt đối bí mật của trận nhảy dù Lạng Sơn, quân đội Việt Minh ở “Dãy phố buồn thiu” đã được báo hiệu trước bằng những trận oanh tạc của nhóm không quân chiến thuật miền Trung Việt. Những phi đội khu trục oanh tạc cơ B-26 và Bearcat liên tiếp tước bom xuống khu Tam Giác, một dải làng mạc chạy dài từ Tây-Bắc sang Đông-Nam miền Nam Quảng Trị, dựa vào cồn cát đối diện với biển xanh, nơi trung đoàn 95 đã phải thay thế cho trung đoàn 101.

Sáng ngày 29 tháng 7, từng đợt phi cơ xuất phát từ căn cứ Bắc Việt chở hàng ngàn quân nhảy dù dưới quyền Đại Tá Grandremy rầm rộ bay đến khu vực hành binh. Rồi từ mặt bể, binh sĩ ào ạt đổ bộ lên phía Bắc, vùng An Hội. Từ căn cứ Huế, những xe lội nước, xe thiết giáp tiến quân bao vây chặn vùng Tây. Khu Tam Giác bị vây tròn, chặt chẽ.

Trung Tướng G. Leblanc, Tư Lệnh Lục Quân Trung Việt, người điều khiển hơn một vạn quân trong trận Camargue đã thu được những kết quả gì ?

Trước hết: “2 tiểu đoàn Việt Minh bị thất tán và bị tiêu diệt một phần”, “Tất cả các căn cứ Việt Minh trong khu vực Tam Giác của dãy phố buồn thiu, mỗi hăm dọa cho Quốc Lộ số 1 và Thành Phố Huế, đã bị phá hủy...”

Thế là trong vòng nửa tháng, hai cuộc hành binh chủ động đã phát hiện cách xa nhau hằng trăm, sáu trăm

cây số, nhanh và mạnh. Quân đội Việt Minh bị đánh bất ngờ chỉ còn kịp chạy và để lại hàng kho vũ khí.

Chiến tranh Đông Dương đã tiến vào một bước ngoặt mới, hy vọng cho quân đội Pháp.

Vừa lúc Hoa Kỳ ký kết ngưng bắn ở Cao Ly và có dư luận xôn xao rằng như vậy là Mỹ “đầu hàng” cộng sản, thì ở Việt Nam, Đại Tướng Navarre cố gắng dùng những miếng đòn táo bạo: Hai “trái đấm” dương Đông kích Tây mục đích buộc Đại Tướng Việt Minh phải thay đổi chiến thuật của mình.

Trận Camargue đã chứng tỏ khả năng liên hợp những tiểu đoàn miền Bắc Việt với những đơn vị miền Trung Việt. Phương tiện và phương pháp di chuyển nhanh chóng của quân đội Pháp đã được khôi phục sẽ làm cho Việt Minh phải chú trọng nhiều về phòng thủ, tự vệ, bỏ lỡ mọi cơ hội tấn công trong những mùa chiến dịch của họ.

Mùa chiến dịch!

Danh từ quân sự ấy phát sinh từ 1947 sau cuộc hành binh LEA trên chiến khu Việt Bắc, đã ẩn ý nghĩa dài rộng của cuộc chiến tranh trên phạm vi chiến lược.

Nguyên tắc “không nên hành binh vào mùa Hạ” do Tướng Lyautey nêu lên hàng bao chục năm về trước vẫn thường được các Tướng lĩnh Pháp noi theo ở Bắc Việt.

Từ 1947, cứ đến Thu-Đông là Việt Minh phải sửa soạn, chuẩn bị chờ đợi những cuộc tiến quân của bộ đội Pháp. Để ngăn ngừa những cuộc hành binh trong mùa Thu-Đông khô ráo, Việt Minh cố gắng mở những trận đánh chặn đầu và từ Thu Đông 1950, sau trận ác liệt Cao Bằng, Lạng Sơn, “quyền” mở chiến dịch trong “mùa” đã chuyển qua tay bộ tư lệnh Việt Minh.

Hai năm rưỡi trôi qua...Ngày nay Đại Tướng Navarre quyết ý lấy lại quyền chủ động. Những cuộc hành binh mới đều tiềm tàng một tính chất “muôn thuở” trong chiến cuộc Đông Dương: Ngăn ngừa đối phương, chặn họ trước mùa chiến dịch.

MỘT CUỘC RÚT QUÂN CHIẾN THẮNG

Quân đội Pháp bất thần rút khỏi Nà Sản, một pháo lũy được xây dựng sau cuộc lui quân ở xứ Thái hồi cuối tháng 10 năm 1952. Rồi bỏ Nà Sản, một “thắng lợi rút lui” theo chiến thuật “con dím thu hình”.

Pháo lũy Nà Sản tuy đã gây nhiều thiệt hại cho Việt Minh nhưng Nà Sản đã không ngăn nổi Việt Minh trên đường tiến quân sang Lào. Nà Sản chưa cắt đứt hoặc làm xáo lộn được hậu quân của Việt Minh. Nà Sản chưa làm phân tán được các lực lượng đối phương trong xứ Thái...Hơn nữa Nà Sản cách quá xa Đồng Bằng Bắc Việt, cách xa căn cứ địa của Liên Quân Việt-Pháp nên đã gây vô cùng tốn kém về phương diện tiếp tế, chuyển vận.

Rút lui Nà Sản, một cuộc rút lui quy mô lành lặn chưa từng thấy. Ngàn rưỡi tấn vũ khí, chiến cụ, ngót 2000 dân chúng và hàng ngàn binh sĩ.

Từ 9 tháng 8, mặc dầu thời tiết xấu, một số lớn các phi cơ vận tải Dakota và Bristol đã bí mật chuyển dần quân dân và dụng cụ vũ khí từ pháo lũy Nà Sản về Hà Nội. Cuộc rút lui bằng đường hàng không do sáng kiến của Trung Tướng Cogny Tư Lệnh miền Bắc Việt, “trận rút lui” còn nguy hiểm gấp bội phần trận Hirondelle (Lạng Sơn).

Cuộc rút lui được áp dụng theo nhiều chiến thuật nghi binh:

– Hành quân quanh điểm tựa. Trong vùng ngoại vi phòng thủ Nà Sản, từ điểm dựa nọ đến điểm dựa kia, một hai đơn vị chia nhau hành quân và canh gác trong khi các binh sĩ ở các đồn xa nhất lục tục kéo về sân bay.

– Tấn công phòng ngự. Trung Tướng Cogny điều động binh sĩ và thả một tiểu đoàn quân nhảy dù xuống Nà Sản mục đích đánh lừa Việt Minh khiến họ lầm tưởng quân đội Pháp sửa soạn tấn công xứ Thái. Lực lượng Việt Minh quanh đây sẽ luôn luôn trong tình trạng báo động.

– Tập hợp giữa hệ thống phòng thủ. Từng toán nhỏ binh sĩ trên đường về sân bay tập hợp ở giữa hệ thống phòng thủ theo chính sách của “kẻ chạy đi còn quay trở lại” khiến Việt Minh có thể suy luận lầm lẫn lối lui của địch thủ.

– Từ những đồn tập hợp quân nói trên, binh sĩ bí mật rút lui dần.

– Phút báo hiệu sau chót, những binh sĩ trừ một đơn vị ở lại phòng giữ “khắc cuối cùng của Nà Sản”,

từ từ về sân bay lên những chuyến phi cơ sau rốt.

Trưa ngày 12 tháng 8, đơn vị cuối cùng của pháo lũy Nà Sản, một Tiểu Đoàn Thái dưới quyền Đại Úy Archambault, Thiếu Úy Marcowiak đã về tới Phi Trường Bạch Mai, hoàn tất một cuộc thành công vĩ đại: Rút lui không phí một viên đạn và không bị một vết thương truy kích.

Cuộc lui quân kỳ diệu ở Nà Sản đã giúp Bộ Tư Lệnh Pháp thu hồi được lực lượng cần thiết để tăng cường các đơn vị lưu động, sử dụng trong những cuộc hành binh tương lai.

“...Ba cuộc hành binh để tỏ cho địch cũng như cho toàn thế giới biết rằng các lực lượng Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương lại làm chủ động...”

Đó là lời tuyên bố của Đại Tướng Navarre trong một bức thư gửi các lực lượng chiến đấu.

Ba cuộc hành binh:

– Hirondelle 18.7.1953 đối phương bị đánh vào hệ thống tiếp tế mà không gây được một phản ứng nào quan trọng.

– Camrgue 29.7.1953 “Dây phố buồn thiu” đã bị quân đội Pháp tảo thanh, kiểm soát và quân đội Việt Minh ở vùng đó đã phải thất tán.

Nà Sản 9.8.1953 các Tiểu Đoàn của Liên Hiệp Pháp đã rút khỏi đồn cố thủ một cách yên ổn bằng không vận.

Tuy là những cuộc hành binh khác nhau về hình thức nhưng vẫn đồng một tính chất, chủ động hoàn toàn.

“...Tôi biết rằng tại các nơi tập trung của Việt Minh, họ đang sửa soạn cuộc phản công và cuộc phục thù.

Tôi biết rằng chiến dịch mùa Thu này gay go lắm.

Cũng chỉ vì muốn dự phòng chiến dịch đó mà Bộ Tư Lệnh đã tấn công trước các lực lượng Việt Minh để ngăn ngừa không cho họ tổ chức...”

Đó là lời kết luận của Đại Tướng Navarre về tính chất của những cuộc hành binh mới mẻ.

ĐỒNG BẰNG BẮC VIỆT

Đồng Bằng Bắc Việt là nơi hai bên quân đội đối thủ luôn luôn rình mò tìm kiếm nhau, nhằm những chỗ chông chênh sơ hở của nhau để đánh úp bất ngờ.

Muốn chấm dứt trò chơi “ú tim” đó, Bộ Tư Lệnh Pháp mở một loạt những trận đánh lớn cùng chung một tính chất tảo thanh, diễn ra ngay sau ba cuộc hành binh Lạng Sơn-Quảng Trị và Nà Sản:

– Trận Tarentaise, vùng Bùi Chu, dưới quyền điều khiển của Đại Tá Galibert. Trận Tarentaise khởi xuất ngày 5 tháng 8.1953, đã đem lại kết quả tiêu diệt được phần lớn tổ chức hành chính kháng chiến của địch trong vùng. Bộ Tư Lệnh Pháp đã chuyển giao lại quyền chỉ huy khu Bùi Chu cho Đại Tá Phạm Văn Đồng với các Tiểu Đoàn Khinh Quân, ngày 1.9.53, sau khi đánh bật Việt Minh ra khỏi địa phận.

– Trận Claude, vùng Tiên Lãng (Kiến An).

Tiên Lãng là một Huyện, một “hòn đảo” ở đất liền xung quanh có sông nước bao bọc. Biển cả ở phía Nam, sông Văn Cừ chảy phía Đông, sông Thái Bình ở phía Tây và con kênh Khuôn Ngàn phía Bắc với khu vực “đầu rắn độc” (Tête de vipère, Ninh Giang).

Tiên Lãng rộng khoảng 120 cây số vuông với dân cư chừng 70.000 người là một vùng chuyên trồng thuốc lá, rất giàu có Việt Minh đã khai thác được ở đây, nhân lực, tiền bạc và đặc biệt sử dụng được địa hình địa vật để tạo nên những làng kháng chiến kiểu mẫu.

Cuộc hành binh Claude dưới quyền Đại Tá Nemo, Tư Lệnh Duyên Hải, khởi xuất ngày 28.8 và chấm dứt ngày 18.9.1953.

Thanh toán căn cứ vững chắc của Việt Minh miền bể thiết lập từ tháng 9 năm 1952, mỗi hy vọng của Đại Tá Nemo, là chấm dứt các cuộc phục kích giao thông chiến trên đường số 10, chấm dứt các cuộc đột kích vào đô thị lân cận mà hai vụ mới nhất là trận phá kho đạn Kiến An và trận phá kho ét-săng Hải Phòng.

Đối phó với Việt Minh vùng Tiên Lãng, với các chiến thuật “độn thổ, độn thủy”, du kích chiến, mìn chiến, chống với những chiến đấu viên cuồng tín “muốn chết hơn là muốn hàng”, chống với những chiến đấu viên tí hon 12-13 tuổi, quân đội Liên Hiệp Pháp thật cũng đã phải lao đao khó nhọc mới đạt được kết

quả đầu tiên mong muốn. Chiếm lại lãnh thổ.

– Cuộc hành binh Flandre tại Tri Lễ (Hà Nội-Hà Đông) dưới quyền Đại Tá Vanuxem với mục đích tảo thanh một căn cứ địa của ủy ban kháng chiến hành chính Lưỡng Hà không đem lại được kết quả khả quan lắm.

– Cuộc hành binh Brochet, một trận tảo thanh lớn nhất trên Đồng Bằng Bắc Việt.

Giữa vùng ruộng lầy thuộc Hưng Yên, Việt Minh đã thiết lập được một căn cứ địa rất vững chắc và từ địa điểm đó Việt Minh luôn luôn mở những cuộc đột kích, phục kích, ẩn hiện chập chờn như ma trời.

Một số lớn thôn xóm sau lũy tre xanh giữa khu đồng chiêm bùn lợ được Việt Minh biến thành những ổ kháng chiến kiên cố, có hàng rào bảo vệ phòng thủ gồm những hầm trú ẩn, canh gác xây bằng bê tông, rồi nhà nọ thông sang nhà kia, xóm này liền qua xóm khác do những giao thông hào đào ngầm dưới đất lại có cả những đường hầm chạy dài xa ra ngoài đồng ruộng, bờ ao để dễ dàng tháo lui hay xuất hiện.

Tất cả mỗi cơ cấu phòng ngự lại được bao bọc bởi hệ thống “Ba không” (Không nghe, không biết, không thấy).

Phát khởi ngày 23 tháng 9, cuộc hành binh Brochet đã sử dụng một quân số rất lớn đánh vào phía Bắc Hưng Yên cả phá sào huyệt của trung đoàn 42, trung đoàn thiện chiến số một của Việt Minh trong vùng Đồng Bằng Bắc Việt.

Nói đến trung đoàn 42, phải nhắc tới tiền thân của đơn vị chính quy ấy: Trung đoàn 41 và ít nhiều phần tử của trung đoàn 58 trên bờ sông Luộc, những cuộc giao tranh nảy lửa, đẫm máu của đơn vị 41 và 58 với Trung Đoàn Pháo Binh thuộc địa thứ IV (IV.R.A.C.M), với Trung Đoàn Bộ Binh thuộc địa thứ 23 (23e R.I.C.) dưới thời Tư Lệnh Dèbes năm 1947, trên đường số 5, số 10, trên giòng sông Luộc.

Đối với địa hình địa vật nguy hiểm của vùng Bãi Sậy Hưng Yên, đối với quá trình chiến đấu mãnh liệt quả cảm của trung đoàn 42, một trung đoàn có tương lai tiến tới sư đoàn (như sư đoàn Bình-Trị-Thiên tiền thân cũng chỉ là một trung đoàn của ba Tỉnh Quảng Bình-Quảng Trị-Thừa Thiên, và như sư đoàn 316, tiền thân là trung đoàn Sông Lô), Trung Tướng Cogny quyết tâm thanh toán dứt khoát món nợ dây dưa từ những trận Citron, Manderine, Nice 1, Nice 2 v.v...

Tấn công trung đoàn 42, một việc khó khăn ghê gớm vì đối phương ẩn hiện xuất quỷ nhập thần, lẩn tránh như lươn trạch, không thể mỗi lúc dễ dàng áp đảo.

Dùng mẹo đối mẹo, Tướng Cogny áp dụng chiến thuật “điệu hổ ly sơn” cố gắng dụ bộ đội Việt Minh phải nhaoi mình ra khỏi nơi ẩn nấp của họ.

Thoạt tiên, một số các cuộc hành binh nho nhỏ, lẻ loi và sơ hở, tiếp diễn lung tung quanh khu vực Hưng Yên, Hải Dương. Đó là những “miếng mồi” có vẻ ngon lành khiến quân đội Việt Minh thi nhau nỗ lực, vô tình để lộ mục tiêu toan diện.

Sau một cuộc suy luận tính toán kỹ càng về hỏa lực rải rác của Việt Minh, Tướng Cogny đã nắm được chớp, đâu là quân lực chính và phụ đồng thời phác họa được hệ thống dàn quân của trung đoàn 42 trong vùng để rồi, bất thành lình, ngày 23.9.53, 24.000 quân Pháp-Việt nhảy số thẳng vào tận hang cộp dũ, bắt buộc đối phương phải nhận giao chiến.

Từng thước đất trong khu vực gồm 3-4 trăm làng thuộc Hưng Yên bị cày xới lên như ruộng nương trước ngày gieo mạ.

Tuy phải chịu đựng nào mìn, nào bẫy, nào bàn chông, nào những viên đạn lẻ tẻ, bí mật, quân đội Pháp-Việt cũng đã khiến trung đoàn thiện chiến của Việt Minh phải sức mẻ nặng nề, thiệt hại kể hàng ngàn người.

Ngoài những trận tảo thanh lớn ở miền Đồng Bằng Bắc Việt, quân đội Liên Hiệp Pháp còn mở nhiều cuộc hành binh khác trên khắp lãnh thổ Đông Dương như:

Trận Savoie giữa vùng sông Bé và Hậu Giang. Nào phi đội Grunman Goose, nào phi đội Bearcat, nào thủy đội Dinassaut, Hải-Lục-Không Quân Pháp đã tấn công Việt Minh miền Nam nước Việt, gây được tổn thất khá nặng nề trong hàng ngũ đối phương.

– Trận Bearn, thượng tuần tháng 9, của Tướng Cardet bên Ai Lao.

Từ tháng 5.1953, giữa các vùng Ban Ban-Nòng Hét, dựa vào giải Hoàng Sơn, Việt Minh đã kiến tạo

được nhiều ồ kháng chiến quan trọng. Cuộc hành binh Bearh của Liên Quân Pháp-Việt-Lào đã lấy lại được kiểm soát trên một khu vực rộng lớn, xua đuổi các đơn vị địa phương quân của đối phương ra khỏi biên giới Trung Việt-Ai Lao và giải phóng dân chúng thoát ảnh hưởng của cộng sản.

– Cuộc hành binh Dampierre với kết quả thu lại hai Thị Trấn Pakseng và Mường Sung (Ai Lao).

Trận Dampierre do nhiều lực lượng bộ binh quan trọng tham dự đã phải tiến hành một cách cực kỳ khốn khổ trong vùng địa thế hiểm trở bên bờ Cửu Long Giang.

Trận đánh đã diệt trừ được nạn hăm dọa thường trực của đại đội 98 Việt Minh bao quanh Thủ Đô Luang Prabang.

Tóm lại, từ khi Đại Tướng Navarre giữ quyền Tổng Tư Lệnh, trong 3 tháng liền, một loạt tấn công giành chủ động đã được thực hiện trên khắp chiến trường Đông Dương.

Ý tưởng lạc quan đó, Đại Tướng Navarre đã nêu lên rõ ràng trong bức thư thứ hai, ngày 20.9.1953, gửi cho toàn thể binh sĩ dưới quyền.

PHẢI CHIẾM LẤY QUYỀN CHỦ ĐỘNG

“Ngày hôm nay tôi có thể cho các bạn biết rõ một ý kiến. Về phương diện quân số và dụng cụ, tôi đã được thêm những tăng viện để tôi thành lập nhiều toán lưu động mới nữa và tăng thêm các khả năng của tôi về việc chuyên chở bằng không vận và thủ vận. Rồi đây có thể sẽ có nhiều cuộc hành quân bộ quan trọng bằng đường sông và đường biển hoặc bằng đường hàng không. Về phương diện tài chính, tôi sẽ có các phương tiện để duy dưỡng đoàn quân viễn chinh và phát triển các quân đội liên kết một cách khả quan.

Chỉ mấy tháng nữa sẽ thấy rõ tương lai.

Từ nay đến ngày ấy, chúng ta sắp phải vượt qua một giai đoạn mà lúc này tôi nói với các bạn.

Chúng ta sắp bước vào thời kỳ của những cuộc hành binh lớn. Tôi nói cho các bạn biết rõ ý tôi muốn. Những cuộc hành binh đó phải được điều khiển như thế nào và ban cho các bạn ở tất cả mọi cấp bậc “khẩu hiệu” của tôi.

Về chiến dịch mùa Thu năm 1950, Thống Chế De Lattre đã ban cho các bạn câu châm ngôn của Thống Chế để làm khẩu hiệu. Câu châm ngôn đó là “Không cam chịu”. Năm nay, 1953, trước khi một chiến dịch mới bắt đầu, tôi cũng cảm hứng về khẩu hiệu của Thống Chế mà ban cho các bạn một khẩu hiệu, cũng như Thống Chế, tôi bảo với các bạn phải ra tay trước, phải hành động nhanh hơn đối phương, phải điều khiển chiến trận.

Khẩu hiệu đó là: Quyền chủ động.

Cũng như mọi năm, chắc chắn là đối phương đợi hết mùa mưa để phóng ra những cuộc hành binh lớn. Họ trông mong vào ảnh hưởng của một đòn ồ ạt và đột ngột như thường lệ để nắm và giữ vững lấy quyền chủ động.

Ở cấp bậc nào chúng ta cũng phải chống lại đòn đó. Ở cấp bậc tôi, tôi sẽ nắm lấy quyền chủ động bằng cách phóng ra những cuộc hành binh lớn vào lúc và vào nơi mà tôi sẽ lựa chọn.

Ở cấp bậc phụ trách một lãnh thổ, một khu, một tiểu khu, các bạn sẽ nắm lấy quyền chủ động bằng những cuộc hành binh điều động tất cả các lực lượng trừ bị địa phương, thi hành điều động tất cả các lực lượng trừ bị địa phương, thi hành theo cùng một nguyên tắc nhưng mau chóng và kịp thời hơn bởi vì những cuộc hành binh đó sẽ được phóng ra theo các tin tức, tài liệu mà ta có thể lợi dụng ngay được liền đó.

Ở cấp bậc trung, khi nào hành động của các bạn được, liền liền không một lúc nào ngưng, hình thức hành động đó được luôn luôn thay đổi, toàn có tính cách tấn công cho đến khi Việt Minh cảm thấy thật sự là bị săn đuổi, khi mà trong lúc giáp chiến các bạn đã biết đả kích đối phương bằng chuyển dịch bằng hành binh của các bạn hơn là bằng hỏa lực các trọng pháo của các bạn, ấy là các bạn đã nắm quyền chủ động rồi đó.

Nắm lấy quyền chủ động, tương đối rất dễ. Nhưng muốn giữ được nó thì phải luôn luôn cố gắng vì đối phương sẽ huy động hết mọi phương tiện của họ, tìm hết mọi mưu kế để đoạt lại nó khỏi tay chúng ta.

Tôi không cho rằng ở địa vị tôi, tôi sẽ không có lúc nào phải cam chịu quyền chủ động của đối phương. Tôi tin chắc rằng có lúc tôi sẽ phải chịu những miếng đòn của họ, sẽ phải chống đỡ những hành động của

họ, phải bồi đắp nhiều chỗ khuyết. Nhưng lúc nào tôi cũng tìm cách và càng mau chóng càng hay, phóng ra những cuộc trả đòn khiến cho tôi lại điều khiển được chiến cuộc.

Ngay ở cấp bậc các bạn, thường thường các bạn cũng sẽ phải “chịu đựng” đối phương. Đối phương sẽ cướp mất của các bạn nhiều đồn, sẽ phục kích các bạn nhiều trận, sẽ tấn công các đoàn vận tải của các bạn, sẽ phá hủy các đường giao thông của các bạn. Chúng sẽ tìm cách phân tán sự hoạt động của các bạn cho đến khi nào trong đầu óc các bạn chỉ còn có một tư tưởng: Phải đỡ đòn. Các bạn sẽ phải lâm vào thế thủ. Nhưng dù có gặp những trường hợp đó, nhất là trong trường hợp đó, các bạn cũng vẫn phải giữ vững thế công, vì đó là phương sách duy nhất để nắm lấy quyền chủ động.

Những phương thức ấy thật giản dị, tôi muốn nói: Thật là đúng với nguyên tắc, nhưng nhắc lại những phương thức ấy không phải là vô ích.

Nếu trong khi chiến đấu, các bạn được lệnh phải giữ vững thì các bạn phải giữ vững nhưng chỉ giữ với một phần các phương tiện của các bạn mà thôi. Phần đó sẽ dùng hỏa lực kìm đối phương tại chỗ trong hệ thống bố trí, phần đó là khối bất động.

Bao nhiêu phương tiện của các bạn còn lại phải giữ tính cách lưu động và tập trung sẵn sàng đánh vào nhược điểm của đối phương, sẵn sàng phản công hoặc vào sườn chúng hoặc vào hậu vệ trực tiếp của chúng.

Lực lượng trừ bị lưu động đó, ở cấp bậc nào, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn v.v...cũng đều phải có và xuất hiện bằng những hành động ác liệt, những cuộc di chuyển mau lẹ.

Như vậy các bạn sẽ phải vừa đánh, vừa lui để chịu đựng một cuộc va chạm cực mạnh mà không bị tan rã (lấy mềm trị cứng). Trong trường hợp đó, các bạn sẽ áp dụng những phương pháp như trên. Ngay cả trong lúc rút về, các bạn vẫn cứ giữ thế công. Một phần các phương tiện chiến đấu của các bạn vừa đánh vừa lui nhưng phần còn lại sẽ hoạt động, hành động trong sự chuyển dịch tiến thoái của mình, đánh những đòn thật lẹ và thật mạnh, nó sẽ chặn đứng được đà tiến của đối phương và làm đảo lộn được sự bố trí tấn công đối phương. Họ sẽ mất nhuệ khí và mất cái thế lợi hại của họ. Lúc Đó là lúc có thể phản công được họ và đánh bại được họ.

Bất cứ lúc nào và bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng cần phải hoạt động. Ở Đông Dương, người ta đánh giá một đơn vị theo tinh thần lưu động của nó. Tính cách ấy chứng tỏ rằng đơn vị ấy đã thiện chiến (theo ý nghĩa đầy đủ của danh từ này) nghĩa là đã rũ sạch những hành lý không cần thiết, chỉ giữ lại cái gì cần để có đủ sức mạnh thôi.

Điều kiện thứ nhì để giữ vững vai chủ động là phải hành động trong sự vững chắc. Một đơn vị trong bất cứ trường hợp nào cũng phải đề phòng.

Lúc đóng binh, ngoài những phương pháp tĩnh động thông dụng, một đơn vị còn cần phải tỏ ra có óc suy tính cho những toán tuần thám nhẹ và mai phục gần hay xa chỗ đóng binh tùy theo địa thế, phải tìm ra những mưu chước mới mẻ.

Khi đóng binh, đề phòng tức là lập lại cách bố trí tiền phong, trắc vệ và hậu tập, mà phải làm sao cho hợp với tính cách riêng biệt của trận chiến tranh này. Ở đây cũng vậy, cần phải biết suy tính.

Nói tóm lại, muốn chiếm và giữ vai chủ động cần phải có gan dạ, biết suy tính, có ý chí.

Có gan dạ để bỏ những thói quen cũ rích, những cách dàn binh quen thuộc (người ta cho là đã đem dùng có hiệu quả rồi) mà nếu đem ra dùng lâu thì sẽ bị tai hại.

Biết suy tính để thay thế những cách bố trí cũ bằng những phương thức mới giúp cho ta bắt trọn quân địch và sẽ được thắng lợi.

Và có ý chí để cố gắng mãi mãi.

Sau hết xin các bạn đừng quên rằng sáng kiến là một đức tính của người Pháp”.

Đại Tướng Navarre, khi phác họa kế hoạch, đã không quên vạch rõ từ những nét lớn đến những nét nhỏ chi tiết trong nghệ thuật trong nghệ thuật dùng binh, từ chiến thuật cần phải áp dụng ở cấp Tướng đến chiến thuật cần phải theo ở cấp hạ sĩ trong các tiểu khu, lúc công lúc thủ...tất cả để đạt mục tiêu chiến lược giành lại quyền chủ động.

Ngày 3 tháng 10.1953, một trận nhảy dù đánh úp vô cùng táo bạo của 46 binh sĩ Mèo, Thái xuống Cốc Lếu-Lào Kay đã phá sập được chiếc cầu chiến lược của Việt Minh dùng trong việc chuyên chở quân nhu vũ khí do Trung Cộng tiếp viện.

Mặc dầu đơn vị nhảy dù Mèo, Thái chỉ chiếm đóng được ở Cốc Lếu có 3 tiếng đồng hồ, trận đánh úp đó cũng đã chứng tỏ rằng hậu tuyến của quân đội họ Võ còn mỏng manh, vẫn thường có mặt những ổ du kích quan trọng của dân tộc Mèo, Thái...

Với Đại Tướng Navarre, cựu chỉ huy du kích quân của nước Pháp, Việt Minh bắt đầu thấy mất độc quyền về phương diện chuyên môn sở trường của họ: Du kích chiến và tình báo chiến.

TỪ TRẬN MOUETTE ĐẾN PHÁO LŨY ĐIỆN BIÊN PHỦ

Cuộc tấn công mãnh liệt của Hải-Lục-Không Quân Pháp sau trận Hòa Bình: Hành binh Mouette đánh Thanh Hóa, đã là một hành động cụ thể và quyết liệt sau những lời tuyên bố giải thích đầy hứa hẹn của Đại Tướng Navarre về quyền chủ động chiến trường.

Thanh Hóa một vùng gạo trắng nước trong, một địa điểm vô cùng trọng yếu của bộ tư lệnh Việt Minh Liên Khu 4.

Trong một khoảng 255.000 mẫu tây đất rộng, dân chúng ở Thanh Hóa, với số lượng gần 1.000.000 người đã chia làm ba loại:

- Giáo dân miền Duyên Hải.
- Dân thiểu số miền rừng núi Thượng Thanh.
- Dân tiểu thương, nông gia (chừng nửa triệu) sống ở khu vực trung tâm tỉnh.

Mùa Đông năm 1948, những đơn vị Liên Hiệp Pháp đã một lần đổ bộ lên vùng Cầu Giát (cách Thanh Hóa 70 cây số về phía Nam). Trận Cầu Giát đã làm tinh đội bộ Việt Minh Thanh Hóa phải chịu đựng nhiều tổn thất.

Mùa Đông năm 1949, một đầu cầu của Liên Quân Pháp-Việt được thiết lập phía cực Nam Giáo Khu Phát Diệm. Phản ứng của bộ tư lệnh Liên Khu 4 là việc cấp tốc phái hai tiểu đoàn chủ lực khu ra chặn giữ danh giới Thanh Hóa đối diện với vùng Phát Diệm.

Để chuẩn bị đề phòng, bộ tư lệnh Liên Khu 4 đã phát triển tăng cường canh gác suốt dọc duyên hải và miền ruộng muối Quỳnh Lưu.

Muốn toàn thiện hệ thống phòng ngự miền Duyên Hải, Việt Minh tổ chức một cơ quan đặc vụ chuyên môn thu thập tin tức về các sự đi lại của những chiến hạm Pháp ngoài khơi và ngăn ngừa phản động lực của những làng theo Gia-Tô-Giáo.

Ngoài công an đặc vụ còn có dân quân, du kích quân và các đơn vị địa phương quân luôn luôn hoạt động kiểm soát chặt chẽ.

Việt Minh bỏ lỏng bờ biển (không có các tiểu đoàn thiện chiến và pháo binh đóng giữ), một là để tránh thiệt hại có thể gây nên do pháo lực của chiến hạm Pháp, hai là có ý muốn giữ Liên Quân Pháp-Việt vào sâu trong đất liền rồi mới nói chuyện sau.

Thanh Hóa của Liên Khu 4 với hàng vạn quân chính quy thuộc những sư đoàn tinh nhuệ 304, 320 với hàng vạn địa phương quân chủ lực tỉnh, chủ lực huyện v.v... đã chịu đựng trận tấn công vĩ đại của quân đội Pháp: Hành binh Mouette.

Nào Hải Quân của Đô Đốc Querville rập rình đổ bộ ngoài khơi Thanh Hóa (hành quân Pélican). Nào Lục Quân của Tướng Gilles xuất phát từ Đồng Bằng Bắc Việt tiến vào Bỉm Sơn, Yên Xá, vào dãy núi đá vôi bên giòng sông Đáy...Nào Không Quân của Tướng Dechaux yểm hộ, tiếp tế dẫn đường...Tất cả đều dưới quyền điều khiển trực tiếp của Trung Tướng Cogny, một vị Tướng đã có nhiều thành tích oanh liệt.

Sau 23 ngày hành binh, từ 15 tháng 10 đến 8 tháng 11.1953, Liên Quân Pháp-Việt đã đạt được những kết quả gì ?

Đây là bản nhận định của những nhà chỉ huy quân sự Pháp:

“Cuộc hành binh Mouette không hề nhằm mục đích chiếm đóng vĩnh viễn đất đai. Vùng Phủ Nho Quan không có lợi gì cho chúng ta cả. Việc chiếm đóng Thanh Hóa chưa được đề cập tuy rằng nó quan trọng

hiển nhiên nhưng sau này việc chiếm đóng ấy vẫn có thể tính đến. Chúng ta đã dùng thủy quân đánh nghi binh vào miền Duyên Hải Thanh Hóa để đánh lừa Việt Minh, quả nhiên Việt Minh đã bị lừa và ta đã đạt được mục đích.

Mục tiêu chính của cuộc hành quân Mouette là làm ngăn trở mọi kế hoạch của đối phương bằng cách ta nắm quyền chủ động khởi tác chính lúc Việt Minh sắp sửa ra tay tấn công. Mục tiêu này đã thực hiện được.

Ngày 15 tháng 10 là ngày tấn công, sư đoàn 320 đã sẵn sàng ở điểm khởi cứ. Thế rồi họ phải bỏ cuộc tấn công mà lui về thế thủ. Điểm khởi cứ của họ bị rối loạn, sư đoàn 320 bị tổn thất lớn lao và lâu lắm họ mới có thể có sức tấn công được. Nên nhớ là tất cả kế hoạch của Việt Minh đều trông cậy ở cuộc tấn công của sư đoàn 320 là hàng ngũ tiên phong cho sức tấn công của họ.

Mục đích thứ hai của hành binh Mouette là ngăn chặn Việt Minh không cho tiếp tế vào phía Nam, mục tiêu này cũng đã đạt được vì các đường giao thông bị cắt đứt ở Lai Các đã buộc đối phương phải sửa soạn một con đường khác để tiếp tế Thanh Hóa và Trung Việt. Con đường này phải tuần lễ nữa mới làm xong.

Mục tiêu thứ ba là gây thật nhiều tổn thất cho toán quân đối phương uy hiếp cả mặt Nam-Trung-Châu. Về phương diện này, ta chỉ đạt được một phần kết quả. Sư đoàn 304 không chịu ra mặt. Nhưng sư đoàn 320 sau khi không chịu ra mặt đã tấn công nhiều lần. Những trận đánh này rất kịch liệt, có khi giáp la-cà, nhưng đều có lợi cho chúng ta.

Việt Minh tổn thất cả thấy 1141 người bị giết, 179 bị bắt tù binh, tịch thu 450 vũ khí tự động, bách kích pháo, đại bác 75, đại bác 57... Theo lời khai của tù binh và không quân Liên Hiệp Pháp, Việt Minh có thể tổn thất tổng số đến 1.500 người. Chúng ta không biết rõ số các binh sĩ Việt Minh bị thương nhưng theo mức xuất tỷ lệ thông thường thì cứ một tử sĩ là có ba thương binh, vậy số thương binh Việt Minh có thể ước ít nhất vào khoảng 4.000 người.

Số tổn thất về phía chúng ta tuy khá quan trọng song so với đối phương thì rất ít ỏi.

Trận Mouette mở đầu một chiến thuật phản công mới, đã hoàn toàn có kết quả. Tiếp diễn trong những hoàn cảnh đã định đoạt từ trước và đã mang lại những kết quả mà Bộ Tư Lệnh trù đợi. Trong số 2 sư đoàn Việt Minh mà chúng ta dòm ngó đó, thì một không chịu ra mặt, một đã bị thiệt hại nặng nề. Cả hai sư đoàn đã bị đứng ngoài vòng chiến trong một thời gian khá lâu còn một sư đoàn thì bị chúng ta cầm chân ở Thanh Hóa.

Về phía hậu tuyến của chúng ta, tình hình gần hoàn toàn yên tĩnh. Được thế là nhờ một phần lớn các trận tảo thanh trước đây.

Đối phương lại một lần nữa phải đổi lại hết kế hoạch, bây giờ ta đã gần đến trung tuần tháng 11 mà Việt Minh vẫn chưa khởi công. Năm ngoái mới cuối tháng 9 họ đã bắt đầu tấn công và độ khoảng 8 tháng 10 họ đã đạt được những kết quả hăn hoi nhờ được cuộc chiếm đóng Nghĩa Lộ.

Do cuộc hành binh Mouette này, người ta nhận thấy những hậu tuyến, những đường giao thông cũng như những điểm khởi cứ của Việt Minh đều không phải là bất khả xâm phạm. Chiến thuật đột kích tấn công của chúng ta khởi từ những căn cứ vững chắc đã khiến đối phương phải xuất trận. Còn như trước kia trận Hòa Bình và Nà Sản cũng như trận tấn công thứ nhất của quân đội lưu động chúng ta trong giai đoạn đầu tiên của cuộc hành binh Mouette lại làm cho họ nhất định không chịu xuất trận.

Tuy vậy những kết quả vừa kể không có nghĩa là chúng ta từ nay sẽ bớt phần khó khăn. Đối phương sẽ huy động tất cả để báo thù. Trừ sư đoàn 320, các lực lượng khác của Việt Minh đều gần nguyên vẹn. Chiến sự Thu-Đông sắp gay go lắm nhưng chúng ta rất vững lòng tin tưởng. Chúng ta đã bắt đầu một các tốt đẹp và thời gian hiện đang có lợi cho chúng ta”.

Sau hành binh Mouette lại tiếp đến trận Castor, “ván bài thứ hai” của Đại Tướng Navarre tái chiếm Điện Biên Phủ, một thị trấn cách Tỉnh lỵ Lai Châu độ 100 cây số về phía Nam và cách Hà Nội 300 cây số về phía Tây.

Điện Biên Phủ, vùng lòng chảo đầy ngô và lúa lốc thuộc xứ Thái trước đây đã phải rút lui trước những cuộc tấn công đe dọa của Việt Minh (tháng 4.1953).

Ngày 20 tháng 11.1953, Tướng Cogny, Tư Lệnh Bắc Việt lại mở một cuộc hành binh to lớn, với hàng

mấy ngàn binh sĩ nhảy dù chiếm lại Điện Biên Phủ.

Là một cuộc hành binh táo bạo, trận Castor đã được chia ta thành từng chặng:

– Chặng thứ nhất hành động bất thần của hàng ngàn quân nhảy dù để kiểm soát và làm chủ chiến trường trong khu vực lòng chảo của Thị Trấn.

– Chặng thứ hai, thiết lập một trung tâm hấp dẫn về phương diện chính trị và binh trị thay thế cho Thị Trấn Lai Châu bị đe dọa. (cuộc hành quân Pollux rút bộ đội từ Lai Châu về Điện Biên Phủ ngày 9.12.53).

Trận Castor được tiếp tục bằng nỗ lực chuyển Điện Biên Phủ thành một pháo lũy cố thủ mạnh mẽ, một thủ đô mới của xứ Thái.

Nhìn chung trên chiến trường toàn diện, những cuộc hành binh mới đã nhằm mục đích gì ?

Trước hết ai cũng nhận thấy quân đội Liên Hiệp Pháp đang cố gắng theo đuổi mục đích chính: Giành quyền chủ động đã mất từ lâu.

Giành quyền chủ động! Kế hoạch nhằm mục đích đó tiến từ Hirondeille-Camargue-Nà Sản đến Mouette, Castor...Liên Quân Pháp-Việt đã nắm được quyền chủ động về chiến thuật.

Nhưng sự thật, trận Mouette và Castor ngoài ra còn ẩn mục đích gì khác?

Trước hết, về mặt chiến lược, Liên Quân Pháp-Việt muốn ngăn cản Việt Minh không cho họ tiếp tục mở chiến dịch Ai Lao. Mất Ai Lao, vùng Đông Nam Á sẽ bị lung lay. Ý định thôn tính Ai Lao của Việt Minh đã được báo hiệu bằng trận đánh bỏ dờ nửa chừng hồi tháng 4 năm 1953.

Muốn gìn giữ Ai Lao, Đại Tướng Navarre đã áp dụng một kế hoạch gồm hai trận lớn:

– Trận thứ nhất, Mouette, một hành động, hai mục đích: Một là để ngăn chặn những sư đoàn 304, 325 tái diễn cuộc tiến quân trên đường Hoàng Hậu Astrid tràn sang Lào. Như vậy trận Mouette đã có tính chất của cuộc hành binh Hautes Alpes hồi đầu mùa Hạ 1952 và có thể nói là Mouette giống hệt trận Hautes Alpes nhưng to lớn hơn. Hai là phá kế hoạch xâm nhập Đồng Bằng Bắc Việt của các sư đoàn 320, 316. Như vậy, trận Mouette đã có tính chất của những cuộc hành binh táo thanh Amphibie, Mercure hồi tháng 3 và 4 năm 1952 tại vùng ven biển Thái Bình, Nam Định...

Trận thứ hai, Castor, cùng một hành động hai mục đích. Một là việc thiết lập một trung tâm hấp dẫn chính trị và quân sự mới trong xứ Thái (như đã nói ở trên). Như vậy trận Castor đã có tính chất một cuộc hành binh chiếm đất. Hai là tạo thành một bức bình phong cố thủ, hy vọng ngăn chặn đường tiến quân của Việt Minh sang phía Thượng Lào.

Cuộc hành binh Ardèche của Đại Tá Boucher de Crèva Coeur đã táo thanh và đẩy lui việt cộng từ Luang Prabang lên phía Bắc, dồn họ đến chân tường "Castor" ở biên giới Việt-Lào. Như vậy, trận Castor rõ ràng đã nằm trong khuôn khổ của chiến thuật táo thanh lớn trong xứ Lào (Ardèche càn quét miền Bắc Lào và Jura, cùng một thời gian, càn quét miền Trung Lào).

Tóm lại, những cuộc hành binh lớn dù sao vẫn còn do thể chủ động chiến lược của Việt Minh mà phát khởi. Thế chủ động nói chung chưa được ngang bằng, hãy còn ngã về phía Việt Minh. Liên Quân Pháp-Việt còn phải cố gắng nhiều.

Trong khi chủ lực quân đội tham dự những trận đánh lớn thì những đơn vị địa phương Pháp-Việt cũng mở nhiều trận táo thanh có kết quả như trận Auvergne, Querey ở Nam Việt, trận Văn Cốc (tháng 11) và trận Gerfaut (hạ tuần tháng 12) ở khu vực Thái Bình-Bắc Việt.

Chiến tranh Đông Dương đang ở trong một giai đoạn khốc liệt. Cả hai bên đã cùng sử dụng hàng vạn người đủ vũ khí tối tân trong những trận đánh dữ dội kinh hồn.

Lên tiếng trong cuộc tranh luận về vấn đề Đông Dương tại Hội Đồng Cộng Hòa ngày 13 tháng 11 năm 1953, Thủ Tướng Pháp J. Laniel đã nhấn mạnh:

"Bản Tuyên Ngôn 3 tháng 7, kế hoạch Navarre, những sự xáo động trong nền chính trị Việt Nam đánh dấu một giai đoạn trong cuộc chiến tranh Đông Dương.

Nước Pháp phải bước vào giai đoạn này mà không có gì lo ngại, trong tay nắm đủ tất cả các phương tiện của mình và với một sự tin tưởng chắc chắn về chính nghĩa của mình...

...Cuộc hành binh Mouette là một cuộc hành binh có kết quả.

Đó là một điều có thật và tại sao lại không nói rõ được sự thật ấy ? Nếu cuộc hành binh này thất bại thì người ta đã phải nghe biết bao nhiêu lời bình luận. Nhưng trái lại phải chăng đây là một cách tốt đẹp hơn hết để dừng kính ý đối với những người đã hy sinh, là không im lặng về giá trị của sự hy sinh của các người ấy ?

Từ 15 tháng 10 cho đến những ngày đầu tháng 1, cuộc hành binh đã làm cho sư đoàn Việt Minh thiệt hại nặng nề về người và về vũ khí.

Kế hoạch của đối phương đã bị đảo lộn. Sư đoàn 320 đã phải gọi những tiểu đoàn của họ về trong khi tiểu đoàn này đang len lỏi. Các căn cứ, những kho dự trữ của đối phương đã bị phá hủy một phần. Đối phương đã phải tái lập trực tiếp tế khác bằng những đơn vị khác.

Chúng ta có thể biết điều ấy mà khỏi cần phải biết rõ về số người bị thương và những sự thiệt hại nặng nề mà chúng ta biết đã gây nên cho đối phương bằng pháo binh và không quân.

Chúng ta dễ hiểu tỷ lệ giữa số thiệt hại của Việt Minh và của chúng ta vì giá trị của các chiến sĩ chúng ta và giá trị những khí cụ của chúng ta. Đó là vì Nghị Viện chưa bao giờ từ chối, những ngân khoản cần thiết để tiếp tục nỗ lực quân sự của Pháp ở Đông Dương và ưu thế của chúng ta cũng đã được tăng gia nhờ phần đóng góp quan trọng của Mỹ khiến cho tinh thần của các chiến sĩ chúng ta đã được bảo vệ và nâng cao cho đến ngày hôm nay.

Tôi có bốn phen nhắc lại một cách hết sức rõ ràng và cương quyết rằng chính phủ Pháp không coi vấn đề Đông Dương như là tất nhiên phải có một giải pháp quân sự. Cũng như người Mỹ ở Cao Ly, lúc lâm sự chúng ta sẽ không buộc đối phương phải đầu hàng rồi mới thương thuyết với họ. Cũng như nước Mỹ, nước Pháp không theo đuổi chiến tranh chỉ vì mục đích chiến tranh, và nếu có thể có một giải pháp vinh dự trong khuôn khổ địa phương hoặc quốc tế thì tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng cũng như người Mỹ ở Cao Ly, Pháp sẽ hoan hỷ tiếp đón một giải pháp ngoại giao cho chiến cuộc này.

Từ khi tôi tuyên bố công khai những lời ấy trên diễn đàn Quốc Hội ngày 27 tháng 10 vừa qua, ông Hồ chí Minh cũng như chính phủ Trung Cộng đều không hề trả lời gì cả.

Tuy nhiên, tỷ dụ xứ Cao Ly mà tôi đã dẫn ra hai lần chứng tỏ rằng chính phủ Pháp không hề tuyên bố một cách khinh xuất, và cũng như ở Cao Ly, chỉ cần đối phương thay đổi tâm trạng để cho những ý định của chúng ta thực hiện được.

Chính vào dịp tổ chức việc thương thuyết ở Cao Ly mà ông John Foster Dulles đã chủ trương việc tìm cách giải quyết ôn hòa vấn đề Đông Dương.

Chúng tôi cũng hy vọng như vậy. Chúng tôi cũng mong ước theo thể thức ấy. Tôi yêu cầu tất cả những người nỗ lực khuyến khích thực hiện hòa bình lập tức dừng lăm nữa. Bây giờ chỉ còn phải thuyết phục ông Hồ chí Minh. Nhưng không nên giải thích sai ý muốn hòa bình của tôi vừa phát biểu.

Tại Ba Lê có vài người nói và viết như là họ sẽ được ông Hồ chí Minh nghe lời, như là họ không nhận định những điều hy vọng mà những lời ấy đem lại cho đối phương sự tự do chỉ có Pháp mà thôi.

Bởi vậy tôi ngỏ lời kêu gọi khẩn khoản những người thường dùng những lời nói ấy nhất là trên mặt báo hay tại các hội nghị chính trị, bởi vì các người ấy giúp cho đối phương của chúng ta được thấy rõ một gương mẫu về tâm trạng của chúng ta, việc ấy rút cục giúp cho cuộc tranh chấp kéo dài mãi.

Trong lúc này, chúng ta đừng lăm tưởng trong cuộc chiến tranh này, những lợi khí của cuộc chiến tranh và những cuộc thương thuyết chỉ là một. Chúng ta càng mạnh mẽ càng có thể đương đầu mà không nao núng và những hy vọng giải quyết cuộc chiến tranh bằng đường lối ngoại giao sẽ trở nên lớn lao hơn.

Vì đó chúng ta có thể tán thành triệt để phần đóng góp thêm của Hoa Kỳ cho Đông Dương. Số tiền 135 tỷ phụ thêm này gồm hai ý nghĩa tượng trưng: Sự đồng ý của Tây phương về ý nghĩa của một cuộc chiến tranh đã bị các giới Anh Mỹ hiểu lầm và sự duy trì một mặt trận phòng thủ chung cho những quyền lợi của thế giới tự do.

Nguyên do chính làm cho đối phương mất tinh thần chính là việc Đồng Minh cũng quyết tâm không để cho cộng sản mặc sức lăm chủ miền xung yếu về mặt chiến lược ở Đông Nam Á.

Tôi quả quyết rằng đối phương hoàn toàn mất tinh thần và điều này làm tôi hoan hỷ.

Những nước bạn Việt-Mên-Lào chẳng nên giải thích một cách sai lầm ý chí hòa bình của chúng ta.

Đối với những nước này, một cử chỉ bỏ rơi của Pháp sẽ gây những kết quả bi thảm mà hiện nay không ai nhận lãnh trách nhiệm.

Nếu chính phủ Pháp phải chấp thuận một sự hòa hoãn để nghiên cứu một giải pháp hòa bình thì thế nào cũng phải có sự tham gia của các quốc gia liên kết mà chúng ta đã khiến cho 33 nước tự do nhìn nhận nền Độc Lập của các Quốc Gia ấy.

Nếu Đông Dương lọt vào tay Trung Hoa cộng sản, việc ấy sẽ gây nên sự xụp đổ của Thái Lan, làm tăng gia những trận đánh du kích ở Mã Lai, Tân Gia Ba bị hăm dọa. Ấn Độ và các nước Á Rập sẽ tới lượt phải lung lay rồi cả thế giới tự do sẽ bị dồn vào những căn cứ sau chốt ở Úc Đại Lợi và Suez.

Đó là ý nghĩa cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương vì thế giới tự do. Chính phủ đề nghị với các ông theo một chính sách duy nhất có thể dung hòa phẩm giá của nước Pháp, sự tôn trọng những điều đã cam kết và sự cần thiết phải bảo đảm những gánh nặng trên nền tài chính và quân đội của chúng ta.

Nhưng, chính sách này phải là một điều có tính cách liên tục. Chính sách ấy ràng buộc các nước liên kết với chúng ta cũng như ràng buộc chính chúng ta.

Mỗi một phần tử phải nhìn thấy với nỗ lực của xứ lân cận, phần thưởng cho nỗ lực của chính mình. Chúng ta phải làm sao cho những nước Liên Kết với chúng ta được bảo đảm về một quyết định khích thích không có thể sửa chữa lại được.

Chúng ta phải rộng rãi ban nền Độc Lập mà chúng ta đã hứa. Chúng ta phải tỏ ra tha thiết với nền Độc Lập này cũng như những nước liên kết với chúng ta, vì nền độc lập ấy cần thiết cho chúng ta cũng như cho những nước liên kết, nhưng chúng ta có lý mà mong chờ những nước này nỗ lực ít nhất cũng như chúng ta.

Nếu trong những tháng tới, Việt-Miên Lào không tận lực lao mình vào một cuộc chiến tranh, ngày nay là cuộc chiến tranh của chính nước đó không biết làm cho quân đội của mình có một giá trị chiến đấu, nếu những nước đó không muốn tự cung cấp tài chính cho quân đội của mình, nếu vì một sự lỗi lầm mà tôi không chịu tin là có, những âm mưu bí mật hoặc hành động mị dân công khai làm cho những nỗ lực chung không đưa đến kết quả gì, thì lúc đó nước Pháp sẽ tự xét là không phải ràng buộc với những nghĩa vụ của mình nữa. Chính phủ sẽ rút ra những kết luận thích đáng và sẽ duyệt lại hết thấy chính sách của mình”.

Hai chữ Hòa Bình đã thấy được nhắc tới sau 7 năm trời đầy máu, lửa và nước mắt, 7 năm trời đầy tang tóc và chia ly, 7 năm tượng trưng cho giải pháp quân sự của cả hai bên đối thủ.

Đến nay, chiến tranh bước sang một giai đoạn mới, ác liệt hơn, dữ dội hơn và gần như tổng lực, nhưng để...có thể tiến đến một giải pháp Hòa Bình!

Dù sao, người Pháp cũng như người Việt vẫn đang phải tiếp tục đổ máu và còn phải đổ máu nhiều hơn nữa trong năm tới.

NHỮNG SỰ KIỆN CUỐI CÙNG 1953

Trước khi nói đến phản ứng quân sự của Việt Minh để đối phó với những trái đấm tấn công liên tiếp của Liên Quân Pháp-Việt, cần phải kể qua những hành động thuộc phạm vi tư tưởng trong vùng Việt Minh năm 1953.

Những hành động chính trị ấy, đối với Việt Minh, đã là thứ vũ khí sắc bén, quan trọng và lợi hại hơn cả S.K.Z. hay đại bác Bofor.

Chính những vũ khí “tư tưởng” đã giúp Việt Minh thêm sức mạnh trên hai mặt trận chính trị và quân sự.

Vậy “vũ khí 1953” của Việt Minh là vũ khí nào ?

Thứ nhất là phong trào chỉnh huấn.

Thứ nhì là phong trào tố khổ.

Phong Trào Chỉnh Huấn: Vấn đề chỉnh huấn sự thực đã xuất hiện từ năm 1950 trong tất cả các cơ quan và đơn vị bộ đội. Chỉnh huấn là suy nghĩ về tất cả những lỗi lầm cũ, mới của mình “tham thiên nhập định” xong, chép lên giấy, đề ra biện pháp sửa chữa, nói một cách nôm na tức là “từ nay xin chữa” hết lỗi xưa để theo một cuộc sống mới.

Đối với mọi tầng lớp nhân dân, công tác chỉnh huấn áp dụng rất giản dị và Việt Minh đã dễ dàng thành công trong chính sách nhào nặn con người trở nên cuồng tín.

Riêng có tầng lớp trí thức là một bộ phận cứng đầu nhất, bướng bỉnh nhất, một lớp người đã bị “văn hóa tư sản” nhào nặn lâu năm, 1953, lớp người đó bắt đầu đến lượt phải khởi hành trên đường chỉnh huấn.

Kết quả thu được đã đánh dấu một thắng lợi vĩ đại trên phương diện tư tưởng ở vùng Việt Minh.

Nếu trí thức, lớp người “ngoan cố” nhất mà cũng “đã ngả” thì ôi thôi, những kẻ chất phác hơn họ, những công nhân thành thực, những nông dân hiền lành, những tiểu thương mềm mỏng...tất cả có lẽ bị Việt Minh hoàn toàn lung lạc và chinh phục.

Chỉnh huấn, đối với Việt Minh, một công tác vô cùng hệ trọng, có thể ví như cuộc chuẩn bị vũ khí trước lúc tấn công, một loại vũ khí tinh thần để điều khiển vũ khí gang thép.

Vì chỉnh huấn quan trọng nên đích thân cụ Hồ chí Minh đã viết một bức thư gửi các lớp chỉnh huấn hồi tháng 6 năm 1953 như sau:

“Thân ái gửi lớp chỉnh huấn,

Nhân dịp mở đầu chỉnh huấn, Bác có mấy lời giúp các cô các chú nghiên cứu:

Vì sao phải chỉnh huấn.

Vì cán bộ ta lập trường chưa vững chắc, tư tưởng chưa thông suốt. Do đó mà mắc nhiều khuyết điểm như:

– Chưa hiểu rõ đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ, chưa nắm được vững chính sách trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh.

– Chưa phân biệt rõ ràng ai là thù, ai là bạn (trên thế giới, trong nước và trong bản thân mình).

– Vì vậy mắc nhiều bệnh, chủ nghĩa cá nhân, đặt lợi ích riêng của mình, của gia đình mình lên trên, lên trước lợi ích chung của dân tộc. Đó là bệnh chính, bệnh mẹ, do đó mà sinh ra nhiều chứng bệnh khác, như:

Tự tư tự lợi, sợ khó, sợ khổ.

Không yên tâm công tác. Ham danh vị danh tiếng.

Lãng phí, tham ô, quan liêu mệnh lệnh v.v...

Chỉnh huấn phải thế nào ?

Chỉnh huấn là cốt để giúp cán bộ nâng cao tư tưởng cách mạng, củng cố lập trường, rửa gột khuyết

điểm, phát triển ưu điểm. Muốn có kết quả ấy thì phải:

– Mở rộng dân chủ, thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình.

– Chống thái độ rụt rè, nể nả giữa cấp dưới và cấp trên, giữa công nông và trí thức, giữa cán bộ ngoài đảng và trong đảng.

Nhiệm vụ của mỗi người:

Cán bộ phụ trách các cơ quan phải thật thà lãnh đạo việc chỉnh huấn.

Những người dự lớp chỉnh huấn thì phải quyết tâm học tập, quyết tâm cải tạo, giúp nhau học tập, giúp nhau cải tạo.

Các cô các chú đều là những cán bộ kháng chiến, cán bộ cách mạng, đều là những cán bộ có thể tiến bộ và có tương lai vẻ vang. Mong các cô các chú cố gắng học tập, để tiến bộ mãi, để toàn tâm toàn lực phụng sự kháng chiến, phụng sự nhân dân, để làm tròn nhiệm vụ (nhất là nhiệm vụ phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất), để trở nên những cán bộ gương mẫu.

Chúc các cô các chú mạnh khỏe và chỉnh huấn thành công.

Chào thân ái và quyết thắng.

Hồ chí Minh”

Trên thực tế, chỉnh huấn đã làm cho những kẻ cứng đầu cứng cổ nhất phải nhún nhận hòa mình với chủ nghĩa ĐỎ.

Những Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Xuân Diệu, Nguyễn Xuân Khoát, Tô Ngọc Văn, Tú Mỡ, Nguyễn Cao Luyện v.v... đã mềm đến mức độ nào ?

Để có thể đánh giá và ước đoán trình độ ”mềm” của dân chúng vùng Việt Minh trong lò lửa ”Đỏ”, chúng ta hãy nghe Nguyễn Tuân tự kiểm thảo.

Nguyễn Tuân, ai cũng biết là tác giả của ”Vang, Bóng Một Thời”, của ”Tùy Bút” của ”Quê Hương” v.v... một cây bút lỗi lạc, nổi tiếng ngạo mạn. có một giọng văn đầy khinh bạc cuộc đời.

Giờ đây Nguyễn Tuân ”tự lột xác”.

Sau khi tự kể rõ thân thế của mình, là con một ông Tú Tài chữ Hán khoa thi cuối cùng, chịu ảnh hưởng nặng của tư tưởng phong kiến suy tàn do cha truyền cho, tự thấy mình là người xấu số đến chậm, bất đắc chí, Nguyễn Tuân tìm đến nghệ thuật, trông cậy vào văn chương làm con đường độc nhất để gửi vào đây nỗi niềm tâm sự của những người lạc phách muốn xuất chúng.

Chịu ảnh hưởng của những chuyện phù phiếm ”tiêu giao tuế nguyệt” do cha thường kể lại, tiêm nhiễm tư tưởng giang hồ chơi ngông của Tản Đà, cách sống cầu kỳ của Tản Đà, Nguyễn Tuân đã đem cái ”thèm khát cá nhân” về thú ăn chơi giang hồ đặt nó thành một mối bận khoăn của thời đại rồi do đó đã tự cho mình là một kẻ khôn ngoan tìm được một biện pháp giải quyết những thắc mắc trong đời sống.

Nguyễn Tuân tự tố cáo rằng mình đã hoài nghi tất cả và sợ thực tế, chỉ dám tin vào một chủ nghĩa: Hành lạc. Hành lạc là đáng kể, hành lạc được bao nhiêu rồi ghi lại tất cả những cảm xúc cảm giác ấy tức là có lãi trong đời sống, tức là không chịu lỗ vốn với định mệnh. Ngoài bấy nhiêu điều ra, mọi cái đều là hư ảo cả.

Nguyễn Tuân nói:

”Người nghệ sĩ của phái nghệ thuật vì nghệ thuật ở trong tôi càng tin tưởng con đường hành lạc vô trách nhiệm đó là một con đường đúng nhất cho mình thoát ly khỏi những ràng buộc hệ lụy của cuộc sống mà muốn thế nào đi nữa mình ở trong đó chỉ là một nạn nhân vĩnh viễn. Trong sáng tác tôi khoe khoang những điều tôi đã tìm hưởng được. Khi viết những cái đó ra, trong thâm tâm tôi không còn biết đến ai, viết cho ai, viết để làm gì. Tôi viết ra để giải quyết cho tôi, để tự trả lời cho tôi. Tôi muốn hưởng lạc đến cùng độ, mỗi ngày càng đi sâu vào những truy lạc sa hoa, dục vọng. Đi sâu mãi vào mà vẫn thấy mênh mông ? ...”

Nguyễn Tuân thời chiến dịch đã lên án Nguyễn Tuân của ”Vang Bóng Một Thời” một cách gay gắt, thẳng tay:

”Trong Vang bóng một thời, tôi đã đứng về phía bọn phong kiến ăn bám bóc lột thống trị nông dân lao

động và đưa ra một cái nhân sinh quan phải tiến bộ của bọn quan lại địa chủ tiêu giao hưởng lạc, bất lực trước nhiệm vụ lịch sử.

...Nhân vật “Vang bóng một thời” của tôi tiêu biểu đầy đủ cho tư tưởng phong kiến địa chủ quan liêu. Tôi không có ruộng đất, tôi không trực tiếp bóc lột nông dân lao động, nhưng sáng tác của tôi đã đề cao lề lối sống, đề cao uy thế chính trị của địa chủ quan lại. Tôi đã đem tất cả những gì là đẹp nhất trong ngôn ngữ, chắt gạn những cái gì là vàng son nhất để tô điểm cho bọn bóc lột áp bức...”

Truyện dài “Quê Hương” in năm 1943 là một tội lỗi nữa về sáng tác cũ. Cái mà tôi định ca ngợi ở đây vẫn không ngoài cái tư tưởng tiêu giao của phong kiến. Căn bản của nó vẫn là cái tư tưởng hưởng lạc nhưng ở một khía cạnh khác, trong một khung cảnh khác...

Tôi sang một tập truyện khác tiêu biểu cho cái cá nhân chủ nghĩa đến cao độ của tôi. Tập “Nguyễn” in sau ngày tổng khởi nghĩa. Nguyễn là nhân vật duy nhất của tập truyện. Tôi tự suy tôn qua mọi hành vi ích kỷ tàn nhẫn kiêu bạc của Nguyễn. Nguyễn cho sống là để thể nghiệm cái cá nhân mình vào con đường phiêu lưu của chủ nghĩa siêu nhân Nietzsche, vào con đường cá nhân phiến loạn và hành động không lý do của Gide, Nguyễn cho cuộc đời nghệ sĩ là đứng trên cái thiện ác của sự sống hàng ngày. Tôi tự truyền thần cái tôi thối nát và phá hoại đó vào tập “Nguyễn”, tự cho mình là một người hùng dám phủ nhận và đập phá cái trật tự xã hội bấy giờ, tự dối mình cho là tâm hồn mình vẫn thanh cao mặc dầu thân thể tẩm vào bùn nhơ của rượu, thuốc phiện, dâm ô...”

Khi đã tự mình vạch hết những lỗi lầm cũ, Nguyễn Tuân, con người xưa kia kiêu bạc bao nhiêu, nay đã chẳng nề hà lớn tiếng tuyên bố:

“Nhờ ánh sáng chủ nghĩa Mác Lê của đảng mở mắt cho thấy rõ ý nghĩa và phương hướng của nghệ thuật chân chính sau mười ba năm, in cuốn sách đầu tiên, nay tôi nhận rõ giá trị của sự nghiệp văn chương cũ của tôi chỉ là một mớ sai lầm và tội lỗi. Cái mà tôi vẫn tự phụ là sự nghiệp đó chỉ là những tội lỗi mà nhân dân khoan hồng đã tha thứ cho để tôi chuộc tội từ nay bằng những sáng tác phục vụ được cho lợi ích cách mạng...”

Và Nguyễn Tuân hứa hẹn:

“...Tôi quyết tâm từ nay sáng tác vì lợi ích của dân cày. Tôi phấn khởi đứng về phía bản cổ nông mà thận trọng và cố gắng thể hiện cái tâm hồn sáng lên của dân cày có đảng lãnh đạo. Tôi tin tưởng những biến chuyển mới ở nông thôn từ đây sẽ thổi vào tâm hồn và sáng tác của tôi những luồng sinh khí mới”.

Hết Nguyễn Tuân đến lượt Thế Lữ, nhà thơ tài hoa với những bài có huyền tượng thần tiên (Tiếng Sáo Thiên Thai, Vẻ Đẹp Thoáng Qua...) có hình ảnh và nhân vật ngây thơ của núi rừng (Cô Mán, Trèo Lên Trên Đỉnh), có vài nét vẽ tâm sự người kỹ nữ kiểu xưa (Bên Sông Đưa Khách), có vài lời về chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật (Lựa Tiếng Đàn, Lời Nàng Mỹ Thuật, Cây Đàn Muôn Điệu...) và có chút ít cảm tình đối với cuộc đời phiêu lãng của người hoạt động chính trị (Con Người Vớ Vẩn, Tiếng Gọi Bên Sông).

Nhà Thơ Thế Lữ đã phải kêu lên trước những tội lỗi của mình:

“...Riêng mặt hoạt động văn nghệ, sai lầm của tôi biểu hiện nặng nhất ở:

– Quan hệ với Tự Lực Văn Đoàn.

– Quan hệ với Nguyễn Tường Tam.

– Nhận thức không đúng về “sự nghiệp” văn thơ của tôi từ cách mạng tháng 8 trở về trước.

Qua lớp chinh đảng, ánh sáng của chủ nghĩa Mác-ăng-ghen, Lê-nin, Stalin, chân lý của tư tưởng vô sản đã chỉ cho tôi biết hướng đúng mà suy nghĩ và do đó về hoạt động văn nghệ trước kia, tôi phá được những tầng khói ám dầy đặc và nhìn được bộ mặt thực của Tự Lực Văn Đoàn, của Nguyễn Tường Tam và của “sự nghiệp” văn thơ của tôi.

Tự Lực Văn Đoàn:

1.- Chủ trương của Tự Lực Văn Đoàn không những không tiến bộ mà còn phản tiến bộ. Nó không có công mà có tội với nhân dân. Sau thất bại cách mạng tư sản, nhân dân càng bị áp bức và mê muội, Tự Lực Văn Đoàn tung ra khẩu hiệu “yêu đời”, “vui vẻ trẻ trung” và nêu nhân hiệu “cải cách” để lôi kéo tầng lớp thanh niên tiểu tư sản đang hoang mang trước thời cục. Văn, thơ, tiểu thuyết của nó đề cao những tư

tưởng phi vô sản, đưa thanh niên vào đường lãng mạn, buông thả tự do cá nhân thoát ly đấu tranh, trốn tránh thực tế...

2.- Thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết của tôi là thứ thơ văn xa thực tế, đi từ mơ màng, huyền diệu đến chán nản, trụy lạc, ngược đời. Nó sản xuất ra do cái quan niệm hưởng lạc văn nghệ, tóm lại ở hai điểm này:

a.- Ghi những cảm xúc lạ về hình sắc thanh âm, trước hết để cho mình hưởng lạc, rồi để cho người đời ai đồng điệu thì cùng hưởng lạc.

b.- Đối với cuộc đời, mình chỉ là người bộ hành đi qua (cái tên Thế Lữ cũng ngụ ý đó), thấy hay thấy lạ thì ghé vào chơi, sống từng lúc say đắm, chán rồi lại đi nữa..."

Rồi Thế Lữ của năm 1953 kết luận:

"Cùng với Hồn Bướm Mơ Tiên, Đời Mưa Gió, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng...văn thơ của tôi đã góp phần vào cái ưu thế độc tôn của Tự Lực Văn Đoàn và tăng thêm liều thuốc độc hại vào đầu óc thanh niên từ 32 đến 45. Ảnh hưởng đến nay vẫn chưa hết hẳn. Bản thân tôi, say mê và hư danh một thời, tự mình nhiễm nặng những bệnh tật gở lạ của văn chương đến đôi khi bại mình gieo rắc ra xung quanh, tôi bị tù hãm bao lâu trong những sai lầm tự kiêu, tự mãn và hưởng lạc".

Thế Lữ ngày nay nhận thấy:

"Qua lần học tập cải tạo tư tưởng ở lớp chính đảng này, tôi đã biết tìm sự thật và nhận ra sự thật. Sự thật mãnh liệt vì đã gây một cuộc nhào đổ căn bản trong bản thân tôi. Đó là sự nhào đổ của tất cả những cái xấu xa, cái mục nát trong tư tưởng cũ của tôi từ trước tới nay. Nó kéo sụp xuống luôn thể cái lâu đài hàng mã là cái danh vọng sự nghiệp văn thơ cũ của tôi.

Không những không hề tiếc rẻ mà trái lại tôi rất sung sướng. Con người tôi được hoàn toàn giải phóng, để tiến vào cuộc sống sáng sủa, lành mạnh, đem khả năng ra phục vụ chính nghĩa cách mạng phục vụ đảng, phục vụ nhân dân".

Nguyễn Tuân xong, Thế Lữ xong, búa liềm cộng sản hái tới nhà thơ Xuân Diệu. "mới nhất trong các nhà thơ mới" nhà thi sĩ chuyên môn: "Run với gió, mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây", hoặc:

Em sợ lắm.

Gió băng tràn mọi nẻo,

Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da...

Sau khi thi sĩ Xuân Diệu lý luận tự si và mình đã để ra những vấn hèn yếu:

...Thi sĩ chỉ là một cây kim bé nhỏ

Mà vạn vật là muôn đá nam châm

hoặc đầy giọng bi quan:

...Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua

và:

Tắt nắng đi cho màu đừng nhạt mất...

Xuân Diệu đã vỗ ngực mà thề rằng: "Bây giờ thì phải dứt!"

Dứt thế nào ? Chúng ta hãy nhận xét Xuân Diệu mới qua bài thơ làm sau kỳ chỉnh huấn:

Trước Đây Bốn Tháng

Trước đây bốn tháng, đến Trường

Hồn tôi nghiêng ngả, trí thường hoang mang,

Đường đi quên ánh sáng vinh quang

Bạn thù lẫn lộn, trái ngang cảm tình

Kéo dài tâm trạng lênh đênh

Sống mà lảm lúc như mình bỏ đi.

Hôm nay hết học kỳ chỉnh đảng

Thấy bốn phương trời ánh sáng ủa vào

Bước đầu tuy chưa là bao

Nhưng nghe đã rộng, đã cao vô ngần!

Mẹ xưa chăm cháo, chăm cơm
Đảng nay nuôi nấng còn hơn mẹ hiền
Bệnh từ đời cũ liên miên
Đảng trong thức ngủ chần liên sớm hôm
Mẹ nào hiểu hết nỗi con
Đảng thông suốt cả nguồn cơn nỗi niềm
Chẳng hề ung nhọt, xét xem
Căm thù với bệnh, hòa êm với người
Khuyên ta tin tưởng không rời
Và tin tưởng ở cuộc đời của ta.
Cứu người, đảng vẫn thiết tha
Một lòng sửa chữa cho ta tốt lành
Lòng đảng tựa núi xanh hùng vĩ
Tôi xin theo chung thủy đến cùng
Đào sâu suy nghĩ, cảm thông
Mới hay đảng ở trong lòng mà ra,
Ta có đảng, đảng có ta
Dưới cờ một phút chẳng xa, phăng rời
Ở đâu nước mắt mờ hôi
Ở đâu người bóc lột người mà ăn
Ở đâu còn giặc thực dân
Còn phường áp bức còn thân tôi đòi
Đảng còn tranh đấu không thôi
Ta còn theo đảng suốt đời tiến lên!

Những nhà thơ, văn Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Xuân Diệu hay Nguyễn Xuân Sanh đã biến thành những tín đồ của chủ nghĩa vô sản và đều hoạt động trong những cơ quan hệ trọng của Việt Minh. Về cá nhân, đó là một việc không đáng kể, nhưng nếu suy luận kỹ tất phải nhận thấy rằng đó là một kết quả của Việt Minh trên bước đường nhuộm đỏ dân tộc.

Không những chỉ riêng văn sĩ, thi sĩ, mà cả đến họa sĩ, nhạc sĩ, kiến trúc sư v.v...cũng đều biến thay phẩm chất:

– Họa Sĩ tên tuổi Tô Ngọc Vân, sau khi kể lẽ tâm sự “một người bị đầu độc” đã hăn học đập phá những họa phẩm của và hăng hái nói rằng:

“Đảng đã cho tôi thấy rõ bản chất tử thù của tư tưởng tư sản đế quốc. Biết rõ nó, tôi không cần phải chạy hay trốn. Khỏe mạnh gạt nó ra, đường hoàng mau bước theo Công Nông trên đường tiến bộ rực rỡ trước mặt”.

– Nhà hội họa Nguyễn Văn Ty tự tố cáo mình đã bị ảnh hưởng nghệ thuật êm đềm, dịu dàng của nhà danh họa phục hưng Ý-đại-lợi, Botticelli, đã vay mượn thêm một ít lý luận của mấy nhà nghệ sĩ lãng mạn và tượng trưng Rodin, Gauguin...và đến nay, sau chỉnh huấn, đã chuyển hướng:

“Tôi tin tưởng và yêu mến hội họa cách mạng của Trung Quốc, yêu mến văn nghệ Liên Xô, yêu mến những điệu múa Triều Tiên vì tất cả những biểu hiệu văn nghệ đó đã giải phóng cho con người, đang đem lại chân giá trị cho con người”.

– Nhạc Sư Nguyễn Xuân Khoát tự phê bình:

“...Thái độ lừng chừng đứng giữa của tôi hiện rõ trong bài “Thằng Bờm có cái quạt mo” trong đó tôi đã cười cả thằng Bờm lẫn phú ông. Hay ở bài “Thằng Nhài, thằng Nha” tôi cười cả anh em ủng hộ thương binh lẫn anh em thương binh. Và còn rõ ràng là nhút nhát sợ chết ở bài “Con cò đi ăn đêm”, và luẩn quẩn loanh quanh không có lối thoát ở bài “Con voi”. Trong bài “Tiếng chuông nhà thờ” tuy có căm thù có yêu thương tin tưởng nhưng còn đứng ngoài mà tin tưởng

Đây là chưa kể những sáng tác như “Mẫu thời gian”, “Trầm hương đình” hay vài lối hát ả đào, chứng tỏ thêm tôi đã đồng lõa và ca tụng lối bóc lột xa hoa hưởng lạc của bọn phong kiến, và cũng chưa kể đến thái độ cộng tác của tôi là luôn luôn tránh việc vất vả mệt nhọc, khó khăn, trái hẳn với thái độ cộng tác của người cách mạng.

– Nhạc Sĩ Lê Yên, tác giả của những bài Bể Bàng, Vườn Xuân, Một Ngày Vui, Nghệ Sĩ Hành Khúc, Đoàn Kỵ Binh Việt Nam v.v...tự chỉ trích rằng trước đây đã cố ý làm những bản nhạc thật khó để tỏ ra mình giỏi, chỉ cốt thỏa mãn đầu óc hiếu danh của mình và đến nay chợt nhận thấy:

“...Càng phục vụ được nhân dân càng được nhân dân thích hát, tác phẩm mới có giá trị. Đảng giáo dục tôi phải đặt việc phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến lên trên hết. Từ đó tôi mới để tâm sáng tác ít bài ngắn để phục vụ kịp thời. Đảng còn dạy tôi phải quần chúng hóa sinh hoạt để cải tạo tư tưởng. Nhưng nhận thức của tôi còn kém, tôi chưa toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, về tác phong tôi vẫn xa quần chúng lao động, hoặc có gần thì cũng hời hợt hình thức. Vì vậy tôi chưa coi trọng việc học tập chính sách, chưa thực tâm học hỏi anh em nông dân, coi nhẹ công tác tổ chức, vận động, chỉ chú ý nhiều vào sáng tác để có danh vị...”

Tôi tự nguyện quyết tâm và tin tưởng như Hồ Chủ Tịch đã dạy, tuyệt đối trung thành với đảng, với nhân dân, vượt mọi khó khăn để cải tạo và để phục vụ quần chúng lao động”

– Nguyễn Cao Luyện, Hoàng Như Tiếp, hai Kiến Trúc Sư quen tên, sau khi đã vạch những “lỗi lầm” của mình hồi trước, lỗi lầm vì đã trực tiếp tham gia đôn đốc công việc xây dựng khu “Nhà Ánh Sáng” (1937), đồng thanh nói:

“...Chúng tôi càng tin tưởng ở kháng chiến, tin tưởng con đường gian khổ nhưng anh dũng của cách mạng là con đường duy nhất để dân tộc tự xây dựng lấy sự nghiệp vinh quang và bền vững của mình. Và chỉ có phục vụ nhân dân trong sự nghiệp vĩ đại ấy mà các ngành chuyên môn, trong đó có Kiến Trúc, mới phục vụ đúng và phục vụ được...”

– Ngoài ra còn phải kể thêm nhà thơ trào phúng Tú Mỡ, chuyện hài hước, châm biếm, từ mấy năm nay cũng được xếp hàng đầu trong việc phục vụ mọi chính sách của đảng cộng sản. Tú Mỡ vừa được thưởng giải nhất Văn Nghệ với tập Toàn Bộ Thơ Ca Kháng Chiến (25 vạn đồng và một bức ảnh Staline). Các nhà văn Phan Khôi, Thế Lữ lĩnh giải nhì, ba với những tập Toàn Bộ Các Bản Dịch về văn và kịch ngoại quốc. Nhà văn Ngô Tất Tố cũng lĩnh một giải thưởng về dịch hai tác phẩm: Trời Hừng và Trước Lửa Chiến Đấu...

Nói tóm lại, mục đích chính của Phong Trào Chinh Huấn là gì ?

Ngoài mục đích cải tạo tư tưởng con người, vô sản hóa dân tộc, công tác chinh huấn còn nhằm tiêu diệt những đối tượng cách mạng:

– Đối tượng thứ nhất là giai cấp địa chủ bóc lột kẻ thù của bản cổ nông, trung nông, cần phải tiêu trừ.

– Đối tượng thứ hai là các nước tự do trên thế giới, trực tiếp là Pháp, Mỹ mà họ gọi là đế quốc xâm lăng tư bản thống trị, cần phải đánh đuổi.

Phong Trào Chinh Huấn 1953 lại ăn nhịp thời gian với một công tác mới:

Phong Trào Tố Khố, một phong trào thanh trừng thẳng tay, nhắm tâm, tàn ác đối với những địa chủ, phú nông sống trong vùng Việt Minh kiểm soát.

Tố Khố là thế nào ?

Tố khố là dân chúng bối móc, vạch ra tất cả các tội ác (ai mà chẳng có tội ác) của những địa chủ, phú nông. Tố khố có mục đích phát động quần chúng nông dân, Việt Minh phải đề cao giai cấp bản cổ nông, phải xu mỵ, ve vãn họ vì hiện nay nông dân chiếm đa số trong các ngành hoạt động, trong các đơn vị bộ đội chính quy hoặc địa phương hoặc dân quân du kích. Hơn nữa nông dân còn lại phải đóng thuế nông nghiệp nặng nề để nuôi bộ đội và cán bộ Việt Minh, nhất nhất cái gì cũng do nông dân đóng góp: Tiền của, sức lực, xương máu...

Nếu trước kia Lénine và Staline quan niệm rằng thợ thuyền là chủ lực quân và nông dân chỉ là đồng minh quân thì nay Mao Trạch Đông đã đổi lại: Nông dân mới là chủ lực quân của cách mạng.

Với chiến lược mới, Mao Trạch Đông đã thành công trên lục địa Trung Hoa và khiến các lãnh tụ Đỏ ở Moscou phải nể vì.

Theo kinh nghiệm của nhà lãnh tụ Đỏ Trung Hoa, Việt Minh cũng áp dụng chiến lược cách mạng kiểu Á Đông mới mẻ.

Để phát động quần chúng được kết quả, Việt Minh nêu lên những phương châm chủ yếu:

- Phát động tinh thần tự giác, tự nguyện.
- Phát động lòng căm thù và dũng khí.

Mục đích lôi cuốn nông dân vùng dậy đấu tranh đánh đổ phú nông, địa chủ, dành ưu thế chính trị cho quần chúng nông lao động nơi đồng ruộng.

Về đối tượng đấu tranh của nông dân, Việt Minh đã phân chia thành từng hạng để đối đãi trừ khử:

– Việt gian phản động (!) (tức là phần lớn những người theo chính nghĩa quốc gia và hoạt động chống cộng) và “cường hào gian ác” (tức là những người có tội ác đối với nông dân) sẽ bị thẳng tay trừng trị.

– Những địa chủ từ trước tới nay vẫn tuân theo pháp luật thì dù có một vài khuyết điểm cũng được châm chước.

– Những địa chủ “thân sĩ tiến bộ” hăng hái hoạt động theo chính sách của đảng sẽ được “đoàn kết bảo vệ”.

– Những “thanh niên trí thức trong gia đình địa chủ” nếu không có tội ác, không trực tiếp bóc lột, sẽ được cải tạo.

Và Việt Minh cũng “chú trọng” tới các tầng lớp nhân dân khác:

1.- Phú nông nào bóc lột tô tức cũng phải giảm. Nhưng phú nông không phải là đối tượng đấu tranh của phát động quần chúng. Chính sách của đảng và chính phủ hiện nay là liên hiệp phú nông, bảo tồn kinh tế phú nông.

Nếu họ có ruộng đất phát canh thu tô và cho vay nợ lãi thì phải giảm tô, giảm tức. Nhưng ngoài ra vẫn được tự do thuê mướn nhân công, tăng gia sản xuất.

2.- Phát động quần chúng trước hết phải dựa vào quần chúng nông, chú trọng đến quyền lợi quần chúng nông. Nhưng “Quần chúng, trung nông là một nhà”, phải đoàn kết chặt chẽ với trung nông không được quên quyền lợi của trung nông, làm trung nông có lợi cho phát động quần chúng và phần khởi đầu tranh, tích cực tăng gia sản xuất.

3.- Ở nông thôn, còn có những người không phải là địa chủ hoặc phú nông, nhưng có một ít ruộng đất phát canh thu tô. Đó là những gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, chiến sĩ, những người già cả, tàn tật, mồ côi góa bụa, những công nhân, viên chức cán bộ, tiểu thương, tiểu chủ v.v... hoặc vì hoàn cảnh kháng chiến, hoặc vì thiếu sức lao động, hoặc vì bận công việc khác, không thể tự cày cấy được, phải cho phát canh số ít ruộng đất của mình. Những người đó không phải là địa chủ không phải là đối tượng đấu tranh của nông dân. Giảm tô như thế nào, từng chủ ruộng và tá điền thương lượng với nhau, có khi không phải giảm, thí dụ đối với gia đình, liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, chiến sĩ nghèo.

4.- Phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất, không những không xâm phạm đến công thương nghiệp, mà còn có lợi cho công nghiệp, tiểu công nghệ và thương nghiệp. Vì nông dân là số người tiêu thụ đông đảo nhất. Nông dân đời sống khá thì sẽ mua nhiều hàng, công thương nghiệp sẽ phát triển.

Đối với những nhà công thương nghiệp kiêm địa chủ hay địa chủ kiêm công thương nghiệp, thì chỉ đụng đến phần bóc lột phong kiến của họ, nghĩa là họ phải giảm tô, giảm tức. Nhưng việc giảm tức đây không áp dụng với những món nợ về công thương nghiệp. Các nhà công thương nghiệp vẫn được tự do thuê mướn nhân công.

5.- Phát động quần chúng lại có lợi cho những người trí thức, những nhà văn hóa. Vì “nông dân bụng no thì lo học” văn hóa nhân dân sẽ có điều kiện phát triển.

6.- Đối với những thân sĩ, địa chủ yêu nước và tiến bộ, sẽ có dịp tỏ rõ thái độ của mình đối với tổ quốc, với nhân dân.

7.- Đối với những chủ ruộng hiện ở trong vùng tạm chiếm nếu họ không phải là trung nông, thì ruộng

của họ sẽ đem tạm giao cho nông dân cày cấy, không thu tô. Đợi khi chủ ruộng trở về, và nếu xét trong thời gian đi vắng, không làm gì hại kháng chiến, hại nhân dân, thì sẽ được trả lại.

Nếu cha mẹ, vợ con chủ ruộng còn ở nhà, thì khi tạm giao có thể để lại cho những người ấy một phần để họ tự cày cấy mà sinh sống.

8.- Nông dân bị bắt đi ngụy binh cũng được chia ruộng công và ruộng tịch thu của thực dân Pháp và Việt gian phản động, chia theo lối “treo dò”, có khẩu phần, nhưng tạm giao cho nông dân nghèo cày cấy, không thu tô, đợi khi ngụy binh đó trở về, nếu không có tội, sẽ giao lại cho họ cày cấy.

Tóm lại, Việt Minh muốn xúi dục nông dân đánh ngã phú nông địa chủ. Việt Minh khôn khéo lẫn mình sau bình phong dân chúng, thúc đẩy dân chúng tự sát hại lẫn nhau, gây công phẩm, căm thù trong đám nông dân chất phác để chống với giai cấp địa chủ, phú hào, đối tượng của chủ nghĩa vô sản.

Việt Minh tổ chức những buổi Tố Khổ để nông dân kết tội địa chủ, và nếu địa chủ nào không có tội, Việt Minh sẽ giúp họ tạo ra tội rồi lãnh đạo nông dân thi hành biện pháp trừng trị.

Trên lý thuyết, Việt Minh khôn ngoan tỏ ra mình chủ trương dung hòa quyền lợi của các tầng lớp, kể cả tầng lớp phú nông, địa chủ, thương gia, trí thức, nhưng trên thực tế, biết bao cảnh tượng thương tâm, biến mạng máu đã xảy đến với những tầng lớp người chót mang tiếng là được “bảo vệ” đó ?

Việt Minh giải thích sở dĩ như vậy là vì một số cán bộ lãnh đạo phong trào còn ấu trĩ, chưa nắm vững đường lối (!) hoặc vì địa phương cần phải “hy sinh” một số người để làm “điển hình”, cần phải “đánh ngã” một vài kẻ (dù có tội hay không) để làm gương cho những người khác.

Hy sinh một vài cá nhân để thu được lòng đại đa số một phương châm mà Việt Minh vẫn nêu lên từ lâu.

Cải tạo, sửa chữa tư tưởng. Chính Huấn hay Tố Khổ v.v... chỉ là những phong trào được Việt Minh đề ra, để dễ dàng kích thích xô đẩy dân lành chất phác theo đúng một chương trình đã vạch sẵn: Chương trình cộng sản hóa Việt Nam, mộng lớn của những người lãnh đạo Việt Minh.

THƯƠNG THUYẾT NGỪNG CHIẾN

Cuối tháng 11.1953, Việt Minh tung ra một đòn gió để dò xét phản ứng của các giới chính trị Pháp, Quốc gia Việt Nam và Quốc Tế, về vấn đề thương thuyết ngưng chiến ở Việt Nam. Đó là lời tuyên bố của cụ Hồ chí Minh, sau bao năm im tiếng, với tờ báo Thụy Điển Expressen.

Nhật báo Expressen, ngày 29.11.1953, viết rằng: Theo đề nghị của thông tin viên báo đó ở Ba Lê là San Loefgren, báo đó đã đánh điện gửi tới Chủ tịch chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa 5 câu hỏi qua sự trung gian của phái đoàn Việt Nam tại Bắc Kinh.

Dưới đây là nội dung của những câu hỏi và trả lời:

Hỏi: Cuộc tranh luận mới đây tại Quốc Hội Pháp đã tỏ rõ ý của một số lớn chính khách Pháp muốn đi tới sự giải quyết cuộc xung đột Đông Dương bằng phương tiện đàm phán với chính phủ Ngài. Người ta có thể hy vọng rằng ý muốn đó ý muốn còn mạnh hơn nữa trong toàn thể dân tộc Pháp sẽ được Ngài và chính phủ Ngài tiếp đón một cách có cảm tình không ?

Đáp: Chính phủ Pháp bắt buộc dân tộc Việt Nam có chiến tranh. Dân tộc Việt Nam bắt buộc phải cầm khí giới mà chiến đấu và từ 7 năm nay, chiến đấu một cách anh dũng để bảo vệ nền Độc Lập của Quốc Gia và ý muốn được sống hòa bình. Nếu các nhà thực dân Pháp tiếp tục trận chiến tranh xâm lăng của họ, dân tộc Việt Nam quyết định theo đuổi một trận chiến tranh ái quốc cho tới khi toàn thắng.

Và nếu chính phủ Pháp, được nhiều kinh nghiệm qua những bài học của những năm chiến tranh, muốn nhận một cuộc đình chiến thì chính phủ và nhân dân nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sẵn sàng thảo luận đề nghị của Pháp.

Hỏi: Hiện nay có thể đình chiến hoặc hoãn chiến được không ? Với những điều kiện nào ?

Đáp: Chính phủ Pháp phải đình chỉ các cuộc xung đột. Như thế cuộc đình chiến sẽ là một thực tại. Căn bản của một cuộc đình chiến như vậy là chính phủ Pháp phải tôn trọng thực sự nền Độc Lập của Việt Nam.

Hỏi: Ngài có bằng lòng nhận sự giúp đỡ, nếu có, của một quốc gia trung lập để xúc tiến việc gặp

gỡ giữa hai phe đối lập không ? Thụy Điển có thể sẽ đảm nhiệm được sứ mạng đó không ?

Đáp: Nếu các quốc gia trung lập muốn rằng trận chiến tranh ở Việt Nam chấm dứt và tìm cách gây ra những cuộc đàm phán, thì những sáng kiến đó sẽ được tiếp nhận một cách có cảm tình, nhưng những cuộc thương thuyết về một cuộc đình chiến phải là một vấn đề chính để giải quyết giữa chính phủ Pháp và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Hỏi: Trong trường hợp đó, Ngài có chấp thuận một hội nghị để Ngài có thể chấm dứt những cuộc xung đột đang tiếp diễn không ?

Đáp: Chiến tranh đã đem lại cho dân tộc chúng tôi nhiều sự thử thách. Dân tộc Pháp cũng đã đau đớn nhiều. Chính đó là lý do mà dân tộc Pháp tranh đấu để phản đối trận chiến tranh ở Việt Nam. Lúc nòi tôi cũng có rất nhiều cảm tình và lòng khâm phục đối với dân tộc Pháp và các chiến sĩ Pháp chiến đấu cho hòa bình.

Ngày nay, không phải chỉ riêng nền độc lập của Việt Nam là đối tượng của những vụ xâm lăng gay cấn, nền độc lập của Pháp cũng bị đe dọa một cách trầm trọng. Một phần để quốc Mỹ thúc đẩy các thực dân Pháp tiếp tục và bành trướng chiến tranh để chiếm lại Việt Nam hầu làm nước Pháp càng ngày càng suy nhược và thay thế Pháp ở Việt Nam.

Phần khác, để quốc Mỹ bắt buộc Pháp phải ký một Minh Ước Phòng Thủ Âu Châu gồm có sự thừa nhận nền quân phiệt của Đức.

Cuộc chiến đấu mà dân tộc Pháp theo đuổi cho độc lập, dân chủ và hòa bình và để chấm dứt trận chiến tranh ở Việt Nam là một trong những yếu tố chính để giải quyết vấn đề Việt Nam.

(Việt Nam Thông Tấn Xã ngày 30.11.53)

Giữa lúc thế giới đang xôn xao vì chiến lược “Tần công hòa bình” của phe cộng sản, lời tuyên bố “theo đường vòng” của cụ Hồ chí Minh đã khiến dư luận phải bàn tán đặc biệt chú trọng.

Trước hết, ý kiến của ông Marc Jacquet, Bộ Trưởng Pháp phụ trách liên lạc với các Quốc Gia Liên Kết:

“...Nếu tin đó là tin chính thức và do chính ở ông Hồ chí Minh thì đó là một tin có một tính cách quan trọng quốc tế.

Những tin đó hình như chỉ để đem nhập cảng, nếu tôi có thể nói được như vậy. Những câu trả lời đến đây về tuyên truyền nhưng nó có một ảnh hưởng to tát nhất là khi người ta nghĩ đến Hội Nghị Bermudes nay mai, và tới Hội Nghị sắp tới của Tứ Cường.

Lập trường của Pháp đã được Thủ Tướng Laniel trình bày. Chúng tôi không từ chối mở một cuộc đàm phán nếu có dịp. Dĩ nhiên chúng tôi không thể nào coi cuộc phỏng vấn này là một khởi điểm. Nhưng nếu ông Hồ chí Minh muốn tuyên bố một điều chính thức như vậy, ông ta không thiếu gì phương tiện để làm, nhất là qua sự trung gian của Đại Sứ Quán Thụy Điển tại Bắc Kinh.

Điều đáng chú ý trong những câu trả lời đó là sự liên tưởng đến những cuộc đàm phán có thể được trực tiếp mở ra giữa Việt Minh và Pháp.

Thế có nghĩa là ông Hồ chí Minh, bất cứ ở trường hợp nào đều không muốn điều đình với chính phủ Bảo Đại. Về phần Pháp thì trái lại, người ta nhận rõ ràng không có một biện pháp nào được thi hành nếu không có sự thỏa thuận của các Quốc Gia Liên Kết Việt Nam, Ai Lao và Cao Mên...”

Ngay sau khi nhận được tin do nhật báo Exrressen nêu lên, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đã định rõ lập trường của chính phủ Quốc Gia Việt Nam và tỏ ý ngạc nhiên khi cụ Hồ chí Minh làm như không biết có chính phủ Việt Nam do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo mà chủ quyền đã được trên ba chục nước công nhận:

“...Cũng như tôi đã tuyên bố nhiều lần, chính phủ của Đức Bảo Đại muốn chấm dứt một trận chiến tranh mà chính phủ bắt buộc phải theo đuổi từ 7 năm nay và chỉ reo rắc những sự đổ nát cho Việt Nam. Chính phủ quốc gia có thể dự tính những cuộc đàm phán một cuộc đình chiến nhưng với sự dè dặt là phải có những sự bảo đảm chắc chắn nhất trước đã để một mặt tránh sự tái diễn vụ tàn sát ngày 19 tháng Chạp 1946, và mặt khác, Việt Minh không được lợi dụng được sự hoãn chiến này để tăng cường tiềm lực quân

sự của họ, đã bị những cuộc tấn công Pháp-Việt mở đây làm thiệt hại nhiều.

Chính phủ quốc gia tha thiết mong mọi hòa bình nhưng lại có bốn phận để bảo đảm an ninh của những người quốc gia tới xin che chở...”

Lời tuyên bố hòa bình của cụ Hồ chí Minh đã mang lại kết quả là làm xúc động các giới chính trị tại Pháp.

Nào ông Max André, Nghị Sĩ Liên Hiệp Pháp, cựu Trưởng Phái Đoàn Pháp tại Hội Nghị Fontainebleau, hoài nghi:

1.- Ông Hồ chí Minh muốn hiểu nền Độc Lập của Việt Nam như thế nào. Theo ông ta thì nó phải được chính phủ Pháp tôn trọng. Ông ta có muốn chúng ta thừa nhận sự ưng thuận của Việt Minh với Mosscou và Bắc Kinh không ? Đó chính là ý nghĩa của chữ Độc Lập theo thuật ngữ của cộng sản quốc tế.

2.- Việt Minh có sẵn sàng đưa ra những bảo đảm cho các đối phương Việt Nam của ông ta không ? Hoặc ông có sẽ tỏ ra, theo danh từ ông ta thường dùng hồi năm 1946, rằng những kẻ phản bội với những tất cả cái gì chẳng lành gây ra bởi danh từ đó thốt ở cửa miệng nhà lãnh tụ độc tài không ?

Đến lượt ông Chủ Tịch Ủy Ban Ngoại Giao Quốc Hội Pháp tỏ ý hy vọng:

Hôm nay tôi chỉ muốn nhấn rõ ràng những lời lẽ của ông Hồ chí Minh ở trên cùng một phương diện với việc Nga Sô chấp thuận một hội nghị tay tư. Có lẽ đó là một sự khởi đầu cho một cuộc giảm bớt tình hình căng thẳng giữa Đông-Tây. Nó đòi hỏi cả sự săn sóc lẫn niềm hy vọng.

Ông Letourneau, nguyên Bộ Trưởng phụ trách các Quốc Gia Liên Kết, tuyên bố dè dặt:

Những điều mà người ta được biết trong lời tuyên bố của ông Hồ chí Minh thì không ngoài cái lối thông thường tuyên truyền của Nga...

Hết chính khách này đến chính khách nọ lên tiếng, hết báo này đến báo kia bình luận để đến nỗi ông J. Moch cựu Tổng Trưởng phải sốt ruột:

“Chúng ta không nên phạm vào cái lỗi tiếp tục lý luận sang đầu năm 1954 với tinh thần hồi năm 1950. Chúng ta hãy lợi dụng cho Hòa Bình và cho sự tài giản binh bị, sự tiến triển hình như đang được thành hình.”

Ở Hoa Thịnh Đốn, các giới có thẩm quyền cũng chú trọng đến lời tuyên bố của cụ Hồ chí Minh vì các điểm:

- Lời tuyên bố nhằm trước ngày mở Hội Nghị Bermudes, một hội nghị giữa Tổng Thống Mỹ, Thủ Tướng Anh và Thủ Tướng Pháp. Cụ Hồ chí Minh muốn gây ảnh hưởng đối với các người Pháp chủ trương bỏ chiến cuộc.

- Cụ Hồ chí Minh đã hợp tác với phong trào do một số người Pháp cầm đầu chống Khối Cộng Đồng Phòng Thủ Âu Châu.

Các giới chính trị ở Luân Đôn không chú ý tới mấy và chỉ nhận định suông rằng:

- Lời tuyên bố đó chắc có mục đích làm bối rối chính phủ Pháp trước khi Hội Nghị Bermudes.

- Đó là kết quả của những cuộc thắng trận mới đây của quân đội Pháp ở Đông Dương.

Về phía dân chúng Việt Nam, vô tình hay hữu ý, dư luận không tỏ ý xôn xao lắm trước quá lâu dài, vì đã có biết bao nhiêu là lý luận, biết bao nhiêu là lời tuyên bố mà rút cục, trên thực tế, người dân chỉ nhận thấy chiến tranh càng ngày càng thêm dữ dội, thêm chết chóc, thêm đau khổ.

Người dân Việt Nam đã gần như tuyệt vọng, không còn đủ sức để tin tưởng những lời tuyên bố đường mật ve vãn Hòa Bình.

Qua một thời gian lặng tiếng từ sau trận đánh xứ Lào mùa Hạ 1953, sau lời tuyên bố Hòa Bình của cụ Hồ chí Minh và nhất là sau những trận tấn công vũ bão liên tiếp của Liên Quân Việt-Pháp, bộ đội Việt Minh đã chuyển mình trong thượng tuần tháng Chạp 1953, phóng ra nhiều cuộc xung phong táo bạo vào Đồng Bằng Bắc Việt:

- Đồn Cao Xá của vùng giáo dân thuộc Hưng Yên bị tấn công cực kỳ dữ dội. Hai bên đánh giáp la-cà, đã dùng đến cả mã tấu và cựa xé nhau như một bày thú dữ. (2.12.53)

- Đồn Gia Lộc, một đồn lũy hệ trọng trên đường số 5, gần Hải Dương, bị đánh úp và thiệt hại nặng nề.

(6.12.53)

– Đồn Thọ Trường, cách Thành Phố Hải Dương 15 cây số về phía Nam, cách Đồn Gia Lộc 10 cây số, cũng chịu đựng một cuộc đả kích mãnh liệt.

Những trận tấn công phá hoại và ba đồn lũy đó đến là hành động của các phần tử thuộc trung đoàn 42, trung đoàn tinh nhuệ nhất của Việt Minh miền Đồng Bằng Bắc Việt.

Rồi những trận mìn chiến lại tái diễn trên các trục giao thông chính.

Từ ngày 24 tháng Chạp, Việt Minh tăng cường hoạt động trên đường số 11 (Trung Lào) gây ít nhiều tổn thất cho quân đội Pháp-Lào.

Việt Minh lại đánh Ai Lao!

Bộ Tư Lệnh Pháp loan báo quân đội Pháp-Lào đã rút lui bỏ Thakkehet theo kế hoạch đã định:

“Cuộc rút lui Thakkehet là để thu thập quân đội”.

Chính phủ Thái Lan cũng lo ngại và phải phái quân đội đến bảo vệ 9 Tỉnh phía Bắc và Tây-Bắc giáp giới sông Cửu Long để đề phòng trường hợp quân đội Việt Minh xâm phạm biên thùy.

Quân đội Pháp bỏ Thakkehet để lập căn cứ Seno.

Seno, một ngã tư đường, cách Thị Trấn Savannakhet 30 cây số về phía Đông, đột nhiên biến thành một địa điểm được bố trí ráo riết.

Seno biến thành một căn cứ lực, không quân trọng yếu của cả vùng mông mênh thuộc trung lưu sông Cửa Long.

Tướng Franchi, Tư Lệnh khu vực đó giải thích:

“Seno không phải là một chiến lũy có tính cách phòng thủ như Nà Sản. Nó sẽ là một trung tâm có thể lan rộng đi mọi nơi, một căn cứ vừa tấn công vừa phản công như Điện Biên Phủ. Nó sẽ là nơi xuất phát của các cánh quân có nhiệm vụ đánh lui kẻ xâm lăng và phục hồi hòa bình ở Ai Lao...”

Chiến dịch mùa Đông của Việt Minh đã thực sự bắt đầu!

Kiểm điểm qua chiến lược và chiến thuật của họ, ta thấy:

– Căn cứ theo các hiện tượng chiến trường, hiện nay Bộ Tổng Tham Mưu của Võ nguyên Giáp vẫn có vẻ chỉ đang áp dụng, chiến thuật cũ.

Sự thực, tất cả các cuộc hành binh, chuyển quân của Việt Minh, bề ngoài tuy rầm rộ nhưng bề trong như chỉ mang một tính chất thường xuyên trong giai đoạn chiến lược, tính chất tiêu hao địch thủ.

– Việt Minh uy hiếp Thị Trấn Lai Châu để làm gì nếu không để đạt được mục đích muốn Đại Tướng Navarre thiết lập căn cứ Seno ?

Và rồi đây còn có thể mọc lên trên khắp lãnh thổ Đông Dương những căn cứ tương tự của Liên Quân Pháp-Việt, Mên-Lào.

Đạt được mục đích ấy Việt Minh hưởng lợi gì ?

– Mọi căn cứ kiểu Seno đã tiêu hao của quân đội Pháp-Việt, Mên-Lào, nào vũ khí nào sức lực tiền bạc. Cầu hàng không Hà Nội-Nà Sản trước kia tốn phí bao nhiêu thì chắc chắn cầu hàng không Hà Nội-Điện Biên Phủ, Sài Gòn-Seno, Hà Nội-X...Sài Gòn-Z...v.v...cũng tốn phí bấy nhiêu và có khi hơn nữa.

Nếu tính chất của các căn cứ mới đã khác với tính chất thụ động của căn cứ Nà Sản cũ thì tính chất đó cũng chưa phải là lý do chính đáng để bù đắp được sự tổn phí trong công việc thiết lập và tiếp vận cho các căn cứ đó.

– Nếu quân đội Pháp-Việt, Pháp-Lào v.v...phải thiết lập thêm nhiều Seno khác thì lực lượng sẽ lại bị rải khắp nơi, mất tính chất quy tụ, do đó Việt Minh dễ dàng thực hiện kế hoạch tiêu hao địch thủ.

– Đối với Việt Minh, có thể họ không cần quan niệm một cách cố định (ít nhất trong thời gian hiện tại) rằng đâu là chiến trường chính và đâu là chiến trường phụ. Họ đợi khi nào lực lượng Liên Hiệp Pháp đã phải chia sẻ khắp nơi rồi mới nhắm một địa phương nào Liên Hiệp Pháp mỏng manh nhất để đánh một đòn quyết định ở nơi đó.

Người ta thường nói Đồng Bằng Bắc Việt quan trọng nhưng Việt Bắc, Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Trung Nam Việt cũng có thể biến thành quan trọng nếu nhận xét theo đủ các góc cạnh về phương diện chiến

lược, chiến thuật quân sự.

Chỉ lý luận một cách giản đơn người ta cũng sẽ thấy: Nếu mất Bắc Ai Lao vào tay Việt Minh, khối cộng sản sẽ dễ dàng uy hiếp miền Nam, nếu mất Trung Lào thì Đông Dương sẽ bị ngăn đôi và tất nhiên là Bắc Lào sẽ bị cô lập và trở nên dễ dàng bị thanh toán, nếu mất v.v...Kết luận, trên lãnh thổ Đông Dương, đâu đâu cũng có thể trở nên quan trọng nếu một khi Việt Minh làm chủ được địa phương đó.

Nếu Việt Minh thấy Seno yếu, họ sẽ tung toàn lực thôn tính Trung-Lào, hoặc thấy Điện Biên Phủ yếu, họ sẽ tung toàn lực ra giải quyết biên giới Ai Lao-Việt Bắc, hoặc thấy Đồng Bằng Bắc Việt yếu, họ sẽ tung toàn lực để quét sạch địch thủ khỏi nơi đây và từ kết quả về chiến thuật, Việt Minh sẽ chuyển biến sang kết quả về chiến lược để cai thế của họ càng ngày càng trở nên vững chắc.

Một báo Pháp (J.E.O. số 1568, ngày 1.1.54) trình bày rằng chiến tranh ở Đông Dương đã tới “một giai đoạn thực sự, trên một mặt trận hơn 1000 cây số một thứ chiến tranh rất nặng nhọc, khó khăn” Báo đó nói mặt trận gay go ở Điện Biên Phủ, mặt trận “trà trộn” ở Seno (Trung Lào) hai sư đoàn sắt ở mặt trận Đồng Bằng Bắc Việt cùng với 60.000 du kích quân địa phương đang chuẩn bị một trận có thể gọi là lớn nhất, rồi mặt trận Nam Trung Việt với một sư đoàn Việt Minh xuất phát từ căn cứ Lưỡng Quảng (Quảng Nam-Quảng Ngãi), rồi mặt trận du kích ở khắp Đông Dương...

Trên thực trạng báo đó thật đã nhận định đúng một phần nào.

Mà thực trạng đó hiện nay mới chỉ là khởi đầu cho một tình trạng ghê gớm hơn, nguy hại hơn và khốc liệt hơn, một tình trạng nguy hiểm với hàng chục mặt trận quanh quẩn nhau trên toàn lãnh thổ.

Tình trạng đó có thể sẽ xảy ra trong năm tới.

Trong khi Đại Tướng Navarre và Đại Tướng Việt Minh cùng “thuận” dắt nhau lên võ đài thực sự ở Đông Dương thì trên “thượng tầng kiến thiết” của cả Pháp lẫn Việt Nam đã có một cuộc thay đổi lãnh tụ:

Pháp bầu Tổng Thống mới.

Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm từ chức nhường chỗ cho Hoàng Thân Bửu Lộc.

Ngày 18 tháng 12.1953, các Nghị Sĩ của Hội Đồng Cộng Hòa và Quốc Hội Pháp hội họp tại Điện Versailles để bầu Tân Tổng Thống.

Qua một tuần lễ đầu phiếu gay go khiến nhiều người phải sốt ruột, nước Pháp đã có một vị Tổng Thống thứ hai của nền Đệ Tứ Cộng Hòa, Tổng Thống René Coty.

Ngay sau khi trúng cử, Tân Tổng Thống đã tuyên bố:

“Lòng luyện ái của tôi trước hết dành cho những người Pháp ở xa nước nhà, cho những dân tộc Hải Ngoại và những công dân của các nước Liên Kết.

Về phần tôi, là Chủ Tịch Liên Hiệp Pháp thì ý nghĩa của vị Tổng Thống Cộng Hòa phải luôn luôn dành cho khối đó...”

Ở Việt Nam, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đệ đơn từ chức và được Quốc Trưởng chấp thuận ngày 17.12.53.

Thế là sau 18 tháng cầm quyền chính, con người của câu “Tôi đánh giặc” đã tạm lui trước tình hình chính trị, nhường chỗ cho người mới, một người trong Hoàng phái: Hoàng Thân Bửu Lộc.

Ngày 12.1.1954, danh sách thành phần chính phủ mới được công bố:

- Hoàng Thân Bửu Lộc: Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Nội Vụ.
- Nguyễn Trung Vinh: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Căn Nông và Cải Cách điền địa.
- Nguyễn Đệ: Quốc Vụ Tổng Trưởng.
- Nguyễn Đắc Khê: Tổng Trưởng tại Dinh Thủ Tướng phụ trách việc Dân Chủ Hóa Quốc Gia.
- Phan Huy Quát: Tổng Trưởng Quốc Phòng.
- Nguyễn Quốc Định: Tổng Trưởng Ngoại Giao.
- Dương Tấn Tài: Tổng Trưởng Tài Chính.
- Nguyễn Văn Ty: Tổng Trưởng Kinh Tế Quốc Gia và Kế Hoạch.

- Nguyễn Văn Đạm: Tổng Trưởng Tư Pháp.
- Lê Thăng: Tổng Trưởng Thông Tin.
- Lê Quang Huy: Tổng Trưởng Công Chính và Vận Tải.
- Tân Hàm Nghiệp: Tổng Trưởng Y Tế-Cựu Chiến Binh và Nạn Nhân Chiến Tranh.
- Phạm Văn Huyền: Tổng Trưởng Xã Lao
- Đinh Xuân Quảng: Tổng Trưởng Phụ Tá Bộ Nội Vụ.
- Vũ Quốc Thúc: Bộ Trưởng tạm quyền chức Tổng Trưởng Quốc Gia Giáo Dục.

Khác với những chính phủ trước. Nội Các mới gồm toàn những nhận vật thượng lưu trí thức và phần đông không đảng phái.

Trong buổi lễ chuyển giao công việc, Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đã ân cần nói với vị Thủ Tướng mới:

“Sau 18 tháng cố gắng và nhằn nại tôi lấy làm sung sướng được trao lại những trách nhiệm nặng nề cho Ngài”.

Và tóm tắt những kết quả đã thu lượm được:

– Về phương diện kinh tế: “Chúng tôi đã giữ vững giá gạo ở mức thường và mùa màng tốt sắp tới trong năm này chúng ta nhiều hứa hẹn”.

– Về phương diện tài chính: “Chúng ta đã có thể nâng phần góp quân sự của chúng ta từ 800.000.000 bạc hồi 1952 lên 2.900.000.000 trong năm 1953 và hy vọng đưa lên 3 tỷ rưỡi trong năm 1954...”

– Về phương diện quân sự: “Tuyển mộ được gia tốc, thành lập được 50 tiểu đoàn trong bảy tháng cuối năm 1953.

Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm kết luận:

“...Việc tiến xa hơn nữa là về phần Ngài”

Dân chúng Việt Nam cũng mong mỗi chính phủ mới sẽ tiến xa hơn nữa và đặt hết tin tưởng, hy vọng vào những việc làm tương lai của chính phủ mới.

Chính Nghĩa Quốc Gia!

Từ khi Quốc Trưởng Bảo Đại trở về lãnh đạo nước nhà mọi xu hướng chính trị thuần túy quốc gia đã được tập hợp dưới lá cờ chính nghĩa.

Chính phủ Quốc Gia Việt Nam thoát thai trong khói lửa và đã lớn trong khói lửa.

Dựa vào uy tín Quốc Trưởng, vì hậu duệ của triều Nguyễn, tất cả các chính phủ Quốc Gia, từ Nguyễn Văn Xuân đến Nguyễn Văn Tâm, đã dễ dàng thành công trên sự nghiê

Lý tưởng Quốc Gia tự ngày xưa, thế kỷ qua thế kỷ, vẫn dồi dào đầy ắp trong tiềm thức của dân chúng Việt Nam và đã là yếu tố chính, yếu tố căn bản, nòng cốt trong mọi hành động cứu tổ quốc giang sơn của giòng giống Lạc Hồng.

Từ 1950, thế giới đã công nhận Việt Nam là một quốc gia Độc Lập. Tất cả mọi người Việt Nam, hoặc ở trong nước hoặc sống rải rác ở khắp nơi trên trái đất, ít nhất cũng đã được hưởng nền Độc Lập đó trên phạm vi tinh thần.

Muốn mở rộng nền Độc Lập, muốn được thỏa mãn hoàn toàn, muốn hưởng thụ quyền lợi như công dân Hồng Mao của Anh-cát-lợi, tất nhiên dân tộc Việt Nam phải tự mình cố gắng, tự mình đấu tranh, phát triển nền Độc Lập hiện hữu.

Đó là một nguyên tắc nhất định. Nền Độc Lập của quốc gia không thể do ai “bán cho” mà phải chính tự mình nỗ lực tranh thủ lấy.

Đối với những người Việt Nam theo cộng sản, để đấu tranh với họ, ta chẳng nên chỉ nặng lời đả kích, nguyên rủa họ là “phi quốc gia”, là “vong bản”.

Vì sao ?

Vì những người cộng sản chỉ đã quan niệm hai chữ “quốc gia” theo một chiều khác.

Người cộng sản suy luận theo Duy Vật, họ chắc chắn cá nhân chỉ tồn tại khi nào đoàn thể cường mạnh. Muốn đoàn thể cường mạnh, cá nhân không thể chỉ nghĩ đến lợi ích riêng tư nếu lợi ích riêng tư đó không hòa hợp với lợi ích đoàn thể. Hy sinh lợi ích nhỏ của cá nhân đi để lợi ích cho đoàn thể. Đoàn thể tiến bộ thì mặc nhiên cá nhân nằm trong đoàn thể cũng sẽ tiến bộ. Bởi vì đoàn thể là gì nếu không phải là tất cả cá nhân tập hợp lại.

Trên trái đất, mỗi quốc gia đối với tất cả các quốc gia khác cũng như một cá nhân sống giữa tập thể, mỗi dân tộc đối với tất cả các dân tộc khác cũng như một cá nhân sống giữa tập thể.

Nếu tập thể vô tổ chức, mọi cá nhân sẽ sống riêng biệt với quyền lợi riêng biệt và đó là nguyên do chính đưa đến xung đột, đưa đến chiến tranh, một thứ chiến tranh muôn thuở vì quyền lợi.

Chiến tranh ngàn xưa đã từng làm mất hẳn sức sống của một vài dân tộc và gần tiêu diệt một vài dân tộc trên trái đất.

Chiến tranh ngày nay làm suy nhược dân tộc kìm sức sống của quốc gia trên toàn diện trong một thời gian. Những tiến bộ về khoa học do chiến tranh phát xuất không thể bù đắp được những tiêu biến khả năng, sinh lực do chiến tranh gây nên.

Muốn khởi ròi vào tình trạng nói trên, tập thể xã hội phải được tổ chức và do đó đoàn thể có mặt, hiện hình.

Người cộng sản quan niệm đoàn thể là một hệ thống thông suốt, đồng tình, đồng chất, đủ khả năng thu góp các hy sinh của cá nhân để thực hiện được nhiệm vụ xuôi chiều, phân phát quyền lợi cho cá nhân trong vòng trật tự.

Làm được như vậy, cộng sản chắc chắn sẽ không còn xung đột, không còn chiến tranh, và do đó mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi cá nhân sẽ vươn được sức sống trong phạm vi trật tự, không xâm phạm nhau, không tiêu diệt nhau nữa.

Thực hiện được công cuộc ấy người cộng sản sẽ mãn nguyện rằng mình đã là một người quốc gia chân

chính.

Trong tiềm thức những cán bộ kỳ cựu của cộng sản đã khắc sâu quan niệm yêu quốc gia dân tộc theo suy luận của họ, suy luận mà họ cho là đúng, quan niệm mà họ cho là độc nhất chân chính.

Tự điểm căn bản ấy, những lãnh tụ cộng sản giải thích và huấn luyện truyền thụ cho đảng viên để rồi các đảng viên lại đi hấp dẫn và lãnh đạo quần chúng theo đúng đường lối đã suy luận vạch ra.

Quần chúng (nói theo giọng cộng sản) một khi giác ngộ, lòng yêu nước chân chính (lòng yêu nước bao giờ cũng tiềm tàng thường trực, đột nhiên được khiêu gợi và hướng dẫn) sẽ trở nên nhiệt thành.

Sự nhiệt thành của quần chúng được nuôi dưỡng, gìn giữ liên tục qua thời gian sẽ trở nên cuồng tín, gần như rồ dại trước mọi vi phạm bất cứ tự đâu đến.

Vì đã quan niệm cố định như vậy, cộng sản không hề biết nhận và không bao giờ nhận rằng hành động của họ là “phi quốc gia”, là “vong bản”.

Không đủ kích thích cộng là “phi quốc gia” phải chăng vô hình chung đã thỏa thuận công nhận tư tưởng hành vi của họ ?

Không phải!

Bởi vì thời gian qua chứng tỏ rằng nếu chỉ đủ kích thích cộng sản theo đường lối quá giản dị và ngây thơ ấy sẽ ít thu lượm được kết quả mong muốn.

Những người Nga chẳng đã không tiếc lời nguyên rủa đảng cộng sản Bolchevik để rồi đảng đó vẫn thành công trên đất Nga với việc thành lập một Liên Bang rộng lớn từ bờ Hắc Hải đến cực Đông sa mạc tuyết miền Tây Bá Lợi Á ?

Những chính khách tự do của các quốc gia trên thế giới chẳng đã từng nguyên rủa cộng sản là ngoại lai, vong bản, phản quốc ? Nhưng chính trong lòng những nước đó, các đảng cộng sản địa phương đã chẳng vẫn len lỏi hoạt động, công khai hoặc bí mật phát triển để chờ ngày nào đó, một sự kiện sẽ đem lại nỗi kinh ngạc, bàng hoàng ?

Những người quốc gia tự do ở các tiểu quốc bên bờ sông Danube chẳng đã phỉ báng các đảng viên của những lãnh tụ Đỏ như: Zapotocky (Tiệp Khắc), Rakosi (Hung-gia-lợi) Gheoghiu De J (Lỗ), Bierut (Ba Lan), Tschervenkofit (Bao), Pietro Nenni, P.Togliatti (Ý), Otto Grotewohl, W. Pieck, W. Ulbricht (Đông Đức), v.v...nhưng cũng không ngăn được họ thành lập các chính phủ Dân Chủ Nhân Dân theo ý họ.

Nghiên cứu những lý do thất bại trên, ta thấy rõ ràng: Ở nơi nào, chính quyền quốc gia hoặc thối nát không thu phục được nhân tâm, hoặc vụng về không tạo được một bản thân lực lượng vững chắc, đều đã vô tình giúp sức cộng sản bành trướng hoặc chiếm phần thắng lợi.

Những người quốc gia ở Việt Nam phải chú trọng tới những kinh nghiệm đau đớn đó để tránh khỏi vết xe đổ cũ.

Chúng ta hiện đang sống giữa thời kỳ mà tình hình quốc tế không lấy gì làm lạc quan cho lắm.

Nào chiến tranh lạnh, chiến tranh nóng, nào chiến tranh trong bóng tối, nào chiến tranh tâm lý, chiến tranh cân não, tinh thần, rồi người ta đe nhau bằng bom nguyên tử, rồi người ta dọa nhau bằng bom khinh khí, vi trùng.

Sự thật ở trên trái đất đã không phải có một mà hiện nay đã chia thành hai: Độc Lập hai kiểu, Tự Do hai kiểu, Quốc Gia hai kiểu, Dân Chủ hai kiểu, Hòa Bình cũng hai kiểu v.v...một kiểu của thế giới cộng sản và một kiểu của thế giới tự do.

Trước tình thế nghiêm trọng như vậy, đã đứng về phe thế giới tự do, những chiến sĩ Quốc Gia Việt Nam đứng đắn, tin tưởng ở khả năng tạo tác của mình, phải tỏ rõ lòng nhiệt thành phục vụ dân chúng, phục vụ dân tộc bằng những hành động cụ thể mới mong dành được phần thắng lợi trong công cuộc đấu tranh với cộng sản.

Có khả năng tạo tác, dựa trên nền tảng ái quốc chân chính, nhiệt thành, người chiến sĩ quốc gia nhất định sẽ phục vụ được dân tộc và kết tộc và kết quả sẽ không thể kém phe việt cộng.

Nếu nghi vấn rằng: Thế mấy năm qua, những người quốc gia vẫn thiếu khả năng tạo tác hoặc đã thiếu lòng nhiệt thành hay sao ?

Không phải thế!

Từ trước đến nay, nếu vẫn còn một số người chưa chịu tham gia hoạt động thì số người ấy cũng không phải là tài năng độc nhất của dân tộc Việt. Trong chính quyền, từ Nội Các này đến Nội Các khác, ngoài chính quyền, từ năm này sang năm khác, vẫn có thừa các chiến sĩ đủ khả năng thường trực.

Lòng nhiệt thành cao quý của những chiến sĩ ấy đã làm tan biến mọi nghi ngờ.

Nhưng thành thực mà nhận xét, lòng nhiệt thành từ trước đến nay, chưa được sử dụng đúng nhịp của thời gian và khả năng tạo tác chưa hoàn toàn đúng hướng.

Sự sai khớp ấy đã khiến thế giới chưa thẳng thắn mạnh dạn giúp đỡ Việt Nam và cũng do đó, các chiến sĩ quốc gia chưa nắm được đủ phương tiện, tinh thần cũng như vật chất, để mạnh tiến trên đường phụng sự.

Công việc nắn lại khớp sai dĩ nhiên thuộc về phần chính phủ nhưng cũng là công việc của tất cả mọi người quốc gia tự nhận là thành thật với tiền đồ tổ quốc.

Có nhiều dư luận mới, dân chủ hóa chính quyền, cải tổ nền hành chính, tiếp tục cải cách điền địa, thành lập Quốc Hội v.v...tất cả đều là những ý kiến rất hợp thời trong khung cảnh tổ chức quốc gia.

Nhìn vào thành phần chính phủ Bửu Lộc, dân chúng Việt Nam rất tin tưởng:

– Tin tưởng ở tài năng học thức của các vị lãnh đạo. Những cấp bằng Thạc Sĩ, Tiến Sĩ, Bác Sĩ...bảo đảm một hiểu biết chắc chắn về chuyên môn.

Tất cả những nhân viên trong chính phủ Bửu Lộc sẽ là những vị Bác Sĩ đủ tài nắn lại các khúc xương sai khớp của bộ máy chính quyền.

– Tin tưởng vào đức tính vô tư của những con người trung lập trong chính phủ Bửu Lộc.

Với tổ chức thuần nhất trí thức người ta hy vọng chính phủ Bửu Lộc sẽ dễ dàng kết hợp được các đảng phái làm hậu thuẫn trong mọi hoạt động, hoặc đàm phán đối ngoại, hoặc kiến thiết, đấu tranh đối nội.

Nhưng phải chăng tất cả mọi người đứng ngoài chính phủ sẽ chỉ ỷ lại vào những vị Bác Sĩ đó mà thờ ơ với vận mệnh nước nhà ?

Nhất định không !

Toàn thể chúng ta, kẻ ít người nhiều đều phải nhiệt thành gom góp phần hiểu biết, xây dựng v.v...

Giờ đây những người quốc gia muốn đề nghị gì với chính phủ để có thể duy trì thẳng lợi chính nghĩa ?

Kế hoạch tổ chức chẳng ?

Kế hoạch cải tổ toàn thể hệ thống công tác chẳng ?

Đề nghị giai cấp hóa chính phủ ? Dân chủ hóa chính phủ ? Quân đội hóa chính phủ ?

Những việc phải đến, sẽ đến, chúng ta không thể nhảy qua thời gian và rồi đây, những nhà lãnh đạo với tài năng chuyên môn chắc cũng không cam chịu thất sủng, chậm chân trong bước tiến.

Chúng ta chỉ muốn đề nghị cùng chính phủ quốc gia một chính sách hoạt động gồm hai phương châm chủ yếu.

Chính sách: Phải Dứt Khoát.

Căn cứ vào tinh thần và tư tưởng của nhân dân đang sống trong vùng quốc gia chúng ta nêu lên **phương châm thứ nhất**: Thanh Toán Trà Trộn.

Công cuộc Thanh Toán Trà Trộn nhằm 4 mục tiêu:

– Quốc Gia

– Cơ Quan

– Cá Nhân

– Tư Tưởng

Mục Tiêu Thứ Nhất: Trên địa hạt tâm lý, dân chúng Việt Nam hiện nay hằng nhận thấy rằng mối liên hệ của Quốc Gia Việt Nam với Quốc Gia Pháp chưa được rõ ràng dứt khoát.

Đã từng có những bài diễn văn nghiên cứu tỷ mỉ rành rọt trong lời văn, long trọng trong buổi đọc, thú vị cho người nghe, hào hứng cho kẻ diễn, nhưng...nhưng sự thực hiện (giá trị chính của diễn văn) lại như ỉn, như hiện, quanh co lắt léo...

Lý do vì sao ?

Có dư luận nói vì tình hình chính trị của nước Pháp.

Có dư luận nói vì tình hình thế giới ảnh hưởng đến Việt Nam cho nên mọi việc không thể tiếp nhận nhanh được.

Có dư luận nói sở dĩ chưa dứt khoát là vì chiến thuật tác chiến của Việt Minh lên bổng xuống trầm như đợt sóng.

Lại có dư luận nói vì Quân Đội Quốc Gia Việt Nam chưa đủ mạnh để tham gia toàn diện chiến trường, những nhà kỹ thuật Việt Nam chưa đủ tài năng già dặn để chỉ huy chính trị, chỉ huy kinh tế v.v...

Tất cả đều đúng, không nhiều thì ít.

Từ năm ba năm nay, nền Độc Lập của Việt Nam vẫn còn trong tình trạng trà trộn, từ thượng tầng kiến thiết đến hạ tầng cơ sở, từ thái độ đến hành động, dân chúng đã nhận rõ được hình thái dưới con mắt vô cùng tế nhị.

Nói như vậy có phải là để trách oán chính phủ Pháp còn có ẩn ý gì đối với nền Độc Lập của Việt Nam không ? Những người nóng nảy, kiêu ngạo, cố chấp có thể bảo rằng chúng ta quả đã trách oán nước Pháp, một nước có ân tình thâm thủy với Việt Nam, nhưng chúng ta nói đây, hướng về những người Pháp đầy thiện chí xây dựng, đứng đắn và hiểu thời.

Thật vậy, nền Độc Lập của Việt Nam vẫn nằm trong tình trạng trà trộn, chưa dứt khoát trên thực tế.

Chúng ta mong rằng, sở dĩ có tình trạng đó, không phải vì chính phủ Pháp áp dụng ẩn ý của mình nhưng vì những thủ tục lễ nghi phiền toái, những giấy tờ nhiều kê, phức tạp, những quan hệ vãn vơ vô trách nhiệm, những kỹ thuật sai lầm trong khi áp dụng nguyên tắc đã vạch ra.

Nhiệm vụ của chính phủ trước tiên là phải chấm dứt tình trạng cũ.

Quốc dân mong chờ và tin tưởng ở những vị trí lãnh đạo đủ thiện chí, đủ nhiệt thành và nhất là đủ tài năng.

Mục Tiêu Thứ Hai: Thanh toán trà trộn giữa cơ quan với cơ quan.

Sự trà trộn của cơ quan Pháp với cơ quan Việt Nam, phải được giải quyết nhanh chóng, nhất là về phương diện hình thức để thức động tâm lý dân chúng.

Việc này liên hệ đến mục tiêu thứ nhất vừa kể trên và có thể chính phủ sẽ thực hiện được dễ dàng.

Thanh toán sự trà trộn giữa những cơ quan có ích và cơ quan vô ích.

Cơ quan vô ích là những cơ quan thành lập với mục đích tượng trưng, che đậy một tác dụng hay một thủ đoạn chính trị riêng để phục vụ cho một cá nhân hay một nhóm người.

Sự tồn tại hoặc phát hiện của những cơ quan vô dụng như trên sẽ làm thương tổn đến chính phủ về hai phương diện: Phương diện uy tín và phương diện tài chính.

Mục Tiêu Thứ Ba: Hạn chế sự trà trộn giữa cá nhân với cá nhân.

Phân loại rõ ràng và cố gắng áp dụng “Công bình linh động” trong các ngành hoạt động.

Từ bỏ chính sách để những kẻ làm nhiều hưởng ít, làm ít hưởng nhiều đến nỗi xảy ra khích bác nhau, mâu thuẫn nhau, do đó địch sẽ lợi dụng được.

Từ bỏ chính sách để người kém chỉ huy người tài. Lỗi làm việc ngược chiều này đem lại tinh thần bất mãn và tiêu cực.

Từ bỏ cố tật hình thức và luật lệ “Sống lâu lên lão làng” để sử dụng được khả năng của những người trẻ tuổi hợp thời hơn. Như vậy, tức là chính phủ chú ý đến lợi ích quốc gia dân tộc hơn lợi ích của lớp người lỗi thời theo luật đào thải thiên nhiên (Tất nhiên chính phủ phải có biện pháp thanh toán cho hợp lý và nhân đạo).

Từ bỏ mọi nguyên tắc cố định khiến cho kẻ kém dựa vào đấy để lẫn lộn với những người có thiện chí làm việc.

Công Bình Linh Động có phải áp dụng theo một phương châm cách mạng (“Làm việc theo sức khỏe. Hưởng thụ theo tài năng”) ?

Không hẳn thế!

Công Bình Linh Động chỉ dung hòa quyền lợi mà không cách mạng quyền lợi. Công việc tế nhị này sẽ

làm phần khởi những tài năng non trẻ đầy thiện chí, tránh được vàng thau lẫn lộn, tăng thêm uy tín cho chính phủ.

Mục Tiêu Thứ Tư: Dứt khoát trong tư tưởng.

Hiện nay dân chúng Việt Nam có những người đã quyết tâm phục vụ chính nghĩa quốc gia. Chính phủ cần chú ý khai thác cho được khả năng họ.

Những người lừng chừng hiện nay chiếm đa số ở Việt Nam:

- Lừng chừng không tham gia chính phủ.
- Lừng chừng trong khi hoạt động cho chính quyền quốc gia.
- Lừng chừng trong quân ngũ.
- Lừng chừng, thờ ơ trước thời cuộc, lãnh đạm trước mọi biến chuyển, mặc thời gian trôi v.v...

Chính phủ đã không khai thác được sáng kiến và khả năng của họ. Họ lãnh đạm, tắc trách cho qua ngày, hoàn toàn gạt trách nhiệm chiến tranh cho một nhóm người mặc dầu họ đã cảm thấy rằng chính nghĩa không những đang nuôi sống họ mà có lẽ còn đang xếp đặt cho họ một đời sống tự do, phong phú. Tư tưởng giao động lừng chừng của họ do hai yếu tố khách quan: Một tương quan lực lượng quốc gia-cộng sản còn chênh lệch, hai liên hệ Pháp-Việt chưa dứt khoát hẳn hoi.

Chính phủ nên chú ý thanh toán vấn đề tư tưởng để họ được ngã ngũ phụng sự chính nghĩa.

Thanh toán không phải là loại trừ ra khỏi hàng ngũ mà là tiêu diệt tư tưởng ngược chiều còn dư lại trong đầu óc, làm phát triển tư tưởng đúng đắn để mọi cá nhân sẽ trở nên quả quyết và mạnh dạn phục vụ chính nghĩa.

Có phải chăng chúng ta bắt chước cộng sản mà muốn nên lên một công tác ‘‘Chỉnh Huấn’’ không ?

Không phải. Bởi vì phong trào chỉnh huấn phải do một kết quả qua chuỗi thời gian và hoạt động có liên hệ dính líu đến kỳ chín mồm trong tâm lý con người, nó tự nhiên bộc lộ, chỉ cần khe khẽ thúc đẩy thôi.

Chính phủ phải có phương pháp tuyên truyền thích hợp và ráo riết. Chính phủ phải thi hành gương mẫu ở mọi phương diện.

Địa hạt tuyên truyền rất rộng rãi, không phải chỉ thu hẹp trong vài việc thông tin, giải thích, sách báo, chiếu bóng v.v... là đủ.

Tuyên truyền kết quả nhất là thực hiện được những ước nguyện của dân là nâng cao được mức sống của dân, là tạo được bầu không khí tự do thực sự cho dân dễ dàng sinh tồn, nảy nở...

Nói tóm lại, chính phủ phải thức tỉnh lòng tín nhiệm của nhân dân để nhân dân ủng hộ chính nghĩa một cách cụ thể hơn, phải làm cho người dân hiểu rằng họ hoạt động cho chính nghĩa tức là họ hoạt động cho chính đời sống riêng của họ.

Với những người còn rụt rè, e ngại, lẽ dĩ nhiên chính phủ khó mà thúc đẩy sự hăng hái đến mức độ mong muốn nhưng không phải vì vậy mà không thể tiến tới đả phá tư tưởng rụt rè của họ. Kinh nghiệm chiến tranh từ 1946 đã cho biết trước mọi nguy cơ đến tính mạng, những người nhút nhát nhất có thể trở nên vô cùng can đảm, trước mọi nguy cơ sinh kế những người e lệ nhất có thể trở nên liêu lĩnh, ranh mãnh, quả quyết. Với tài năng tháo vát của chính phủ, chúng ta ước mong sẽ thừa dư kế hoạch để kiến tạo và nhào nặn một tâm lý thuần nhất trong dân chúng.

Từng nhóm hoặc từng người nhiệt thành phụng sự riêng lẻ chưa đủ, cần phải phát huy được sáng kiến của quảng đại nhân dân, nếu không làm được như vậy, sự thất bại sẽ đều chẳng chóng thì chầy.

Phương Châm Thứ Hai: Phát Triển Chủ Lực Quân Quốc Gia:

Những Lenin, Stalin đã phân loại và phát triển chủ lực quân cách mạng. Chủ lực quân cách mạng của Lenin, Stalin là đội công nhân tiên phong, loại người đông đảo trong một quốc gia kỹ nghệ hóa. Những Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh cũng đã phát triển được chủ lực quân cách mạng. Chủ lực quân của Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh là nông dân, lớp lao công đồng ruộng đông đảo trong các quốc gia chuyên sống về nông nghiệp lạc hậu.

Về phía chúng ta, phát triển Chủ Lực Quân Quốc Gia phải có nghĩa là đoàn kết, thống nhất qua giai cấp, tập hợp tất cả những lớp người, vì lý do khác, không bằng lòng sống dưới chế độ độc tài vô sản.

Trên nguyên tắc, chúng ta có thể thực hiện được việc đó không ?

Rất có thể được vì những điểm sau đây:

- Hiện tượng hoạt động của một lực lượng thứ ba trên thế giới.
- Hiện tượng phóng khoáng của chủ nghĩa dân chủ Hoa Kỳ.
- Hiện tượng tồn tại của nền Vương chế Anh-cát-lợi.
- Hiện tượng tồn tại của chủ nghĩa tự do Pháp.

Nếu trong phe cộng sản họ lý luận rằng những hiện tượng ấy sẽ không thể tồn tại thì họ cũng không thể nào chối rằng hiện nay không có những hiện tượng đó. Hơn nữa, người ta biết rằng những hiện tượng đó vẫn nảy nở ngay giữa lúc chủ nghĩa xã hội đang thắng lợi ở Nga Sô.

Malenkov cũng như Stalin đã chẳng từng tuyên bố rằng chủ nghĩa xã hội (cộng sản) có thể chung sống với chủ nghĩa tư bản ?

Nhiều người đã cho câu nói đó chỉ là một chiến thuật trong chiến lược đấu tranh chính trị, nhưng người ta phải nhận thấy rằng Nga Sô đã cảm thấy sức sống của những người tự do trong thế giới, một sức sống vẫn vươn lên mà chưa hề tàn héo.

Những hiện tượng trên đã khiến cho người Quốc Gia Việt Nam tin tưởng rằng tư tưởng nhân loại luôn luôn khoáng đạt, đã tự nó phát sinh một cách thăng bằng. Chúng ta quan niệm tư tưởng đây là con đẻ của mọi sự kiện khách quan đã từng đem đến cho nhân loại tất cả nỗi niềm cay đắng hay vui thú, đã từng du nhân loại đến hoàn cảnh nguy kịch, bạo động an toàn...

Người cộng sản vẫn thường nói một cách tự cao rằng hành động của họ cốt đạt đến mục đích hòa bình nhân loại nhưng thực ra, trên thực tế, những hành động cũ đã đưa đến chiến tranh. Bởi vì chính cộng sản đã lãnh đạo và thúc đẩy đấu tranh giai cấp, đề cao một giai cấp để quyết tiêu diệt các giai tầng khác tính chất. Muốn dành quyền sống tự do, những người không cộng sản bắt buộc phải chống lại. Do đó, chiến tranh.

Có lẽ phe cộng đã thấy rõ như vậy, nên ngày nay đã thay đổi đường lối?

Người Quốc Gia Việt Nam cần phải lợi dụng ngay sự hòa hoãn tư tưởng hiện nay trên thế giới để đặt vấn đề tại địa phương nhà.

Vấn đề đó là: Gây lực lượng bản thân.

Nước Việt Nam cần phải có một Chủ Lực Quân Quốc Gia vững trãi.

Chủ Lực Quân Quốc Gia là gì ?

- Là sự thống nhất các đảng phái thuần túy Quốc Gia.
- Là sự tập hợp tất cả những người đã tỏ thái độ dứt khoát trước thời cuộc.
- Là tuyên truyền giác ngộ chính nghĩa cho quần chúng.

Chủ Lực Quân Quốc Gia không phải là một giai cấp riêng biệt mà là sự tập hợp qua các giai cấp của tất cả những người đã quyết tâm phục vụ chủ nghĩa quốc gia.

Mọi tầng lớp xã hội sẽ góp phần nhiều của mình để phụng sự chính nghĩa.

Cấu tạo Chủ Lực Quân có phải là chúng ta đã quyết chiến với việt cộng không ?

Đúng!

Nhưng, quyết chiến không nhất thiết là phải tổ chức đạo quân ra trận tiền. Chiến tranh mấy năm nay đã đem đến cho gia đình Việt Nam bao đau thương tang tóc.

Chóng, chày, cuộc chiến tranh sẽ phải ngừng và máu người Việt Nam sẽ thôi không phải chảy.

Như vậy Chủ Lực Quân Quốc Gia có nghĩa là một cơ cấu võ trang bằng chính nghĩa, bằng lý tưởng Quốc Gia... Một ngày gần đây, khi chiến tranh hoặc hoãn hay không hoãn trên đất Việt, đạo quân ấy sẽ gồm những người lính tiên phong hướng dẫn làm nòng cốt cho trận đấu tranh Chính Trị và Kinh Tế. Nếu việt cộng quả quyết rằng đường lối của họ đúng, nếu họ quả quyết rằng họ sẽ mang lại cơm áo, sung sướng cho nhân dân, Chủ Lực Quân Quốc Gia sẽ đi tiên phong trong công cuộc thi đua với họ.

Nếu chúng ta phát triển được đức hạnh, nếu chúng ta duy trì được Tự Do và Dân Chủ đúng mức, dung hòa được quyền lợi nhân dân, nếu chúng ta kiến tạo và phát huy được nền kinh tế quốc gia, văn minh hóa được đời sống vật chất và tinh thần dân chúng, chắc chắn chúng ta sẽ được dân chúng mến phục và ủng hộ.

Nắm được dân chúng tức là xua đuổi được chủ nghĩa cộng sản.

Muốn thực hiện được nhiệm vụ vĩ đại ấy và để khỏi là những người thua cuộc cuối cùng, chúng ta phải chuẩn bị ngay một thực lực chắc chắn.

Thực hiện được Chính Sách Dứt Khoát.

Theo sát được phương châm Thanh Toán Trà Trộn.

Cấu tạo được Chủ Lực Quân Quốc Gia vững mạnh, tức là chính phủ quốc gia đã ném được trái cân ngang bằng với trái cân cộng sản ở Việt Nam và đó là kết quả căn bản đầu tiên quyết định thắng lợi cuối cùng.

HOA KỲ VỚI VIỆT NAM

Việt Nam là một trong ba quốc gia nằm trên Bán Đảo Đông Dương, một vị trí chiến lược trong vùng Đông Nam Á.

Đông Nam Á bao gồm các nước Ấn Độ, Đại Hôi, Tích Lan, Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Nam Dương, Phi Luật Tân và Việt, Mên, Lào. Dân số tổng cộng trên năm trăm rưỡi triệu. 49% dân số toàn Châu Á.

Trước kia, hầu hết các nước ở Đông Nam Á đều bị các đế quốc biến thành thuộc địa hoặc bán thuộc địa. Trong trận Chiến Tranh Thế Giới Thứ Hai, nhân dân vùng Đông Nam Á đã hợp tác với Đồng Minh chống cường quyền Phát-xít Nhật Bản. Sau chiến tranh, nhân dân vùng Đông Nam Á giác ngộ và vùng dậy tranh đấu giành độc lập như Ấn Độ với Anh-cát-lợi, Nam Dương với Hòa Lan, Đông Dương với Pháp, Phi Luật Tân với Hoa Kỳ... Tất cả đều được thắng lợi, riêng ở Việt Nam, cho đến nay, chiến tranh vẫn còn chưa chấm dứt.

Sở dĩ như vậy vì từ khi chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa của cụ Hồ chí Minh bị nhận rõ chân tướng là một chính phủ cộng sản trá hình, các nước tự do trên thế giới đã không ngần ngại bỏ rơi một cách phũ phàng và ủng hộ những hoạt động của Cựu Hoàng Bảo Đại, người chiến sĩ quốc gia số một của dân tộc Việt Nam.

Nếu cộng sản chi phối được Đông Dương, họ sẽ có thể chi phối được toàn vùng Đông Nam Á, gây họa cho thế giới tự do nhất là cho Hoa Kỳ.

Về phương diện kinh tế, sau khi Hoa Kỳ đã mất thị trường trên lục địa Trung Hoa. Hoa Kỳ càng không thể để cho thị trường Đông Nam Á lọt vào tay cộng sản. Đông Nam Á, một vùng giàu của, giàu người, lắm nguyên liệu và thóc lúa, một nguồn sống cần thiết vô tận không những riêng cho nhân dân còn lạc hậu ở Đông Nam Á mà cho cả các cường quốc tự do, kể cả Hoa Kỳ.

Về phương diện quân sự, nếu mất Việt Nam, cả vùng Đông Nam Á sẽ bị mất theo và sẽ ảnh hưởng vô cùng tới vận mệnh của toàn thế giới tự do. Đông Nam Á quan trọng sống còn cho thế giới tự do vì Đông Nam Á nối liền Trung Đông, Cận Đông với Thái Bình Dương chứa đựng nhiều trạm liên lạc giữa Châu Á với Châu Úc. Đông Nam Á có Hải Cảng Tân Gia Ba thuộc Mã Lai là trung tâm của các đường giao thông tối quan trọng nối liền Đại Tây Dương sang Nhật Bản hải. Đông Nam Á có những quốc gia ở biên thù tiếp giáp khu vực Liên Bang Xô Viết như một phần biên cương Ấn Độ, tiếp giáp với Trung Cộng như biên cương Việt Nam, Miến Điện và Ấn Độ. Thế giới dân chủ muốn ngăn cản Liên Xô bành trướng tất phải cố gắng giữ vững Đông Nam Á, mặt Nam của khu vực cộng sản thế giới.

Về phương diện tinh thần và lý tưởng, Hoa Kỳ không thể khoanh tay để nhân dân vùng Đông Nam Á chịu áp bức dưới chế độ độc tài cộng sản, Hoa Kỳ có bốn phận phải giúp đỡ nhân dân vùng Đông Nam Á bảo tồn nền nếp cổ truyền, bảo tồn thuần phong mỹ tục, bảo tồn phẩm cách, tự do của con người.

Trong chính sách chung đối với những tiểu nhược quốc vùng Đông Nam Á, một mặt Hoa Kỳ cố gắng chuẩn bị các địa điểm quân sự để ngăn ngừa một trận chiến tranh bất thần với lực lượng cộng sản thế giới, một mặt Hoa Kỳ tích cực viện trợ giúp đỡ những chính phủ quốc gia để những chính phủ đó dần dần sẽ trở nên vững chắc trên nền tảng kinh tế.

Được giúp đỡ của Hoa Kỳ, những chính phủ quốc gia có thể tiến nhanh đến chỗ áp dụng triệt để mọi nguyên tắc dân chủ, nâng cao mức sống cho nhân dân một cách thật công bằng và trong sạch trên khắp phương diện. Được như vậy, nhân dân sẽ ủng hộ chính phủ chân chính của tổ quốc họ và do đó có thể cầm cự mãnh liệt chống lại kẻ thù chung, độc tài và phát-xít.

Tất cả những lý do trên đã thúc đẩy Hoa Kỳ cố gắng dìu dắt Việt Nam trên đường tự do dân chủ ngõ hầu Việt Nam có thể tự mình đứng vững trước làn sóng đỏ đang tràn lan trên thế giới.

Đối với ba quốc gia Việt, Mên, Lào, Hoa Kỳ có những đường lối chính:

- Giúp đỡ các nước liên kết làm sao để dân chúng có thể hoàn toàn ủng hộ chính phủ quốc gia của họ.
- Góp phần chống Việt Minh cộng sản bằng giúp đỡ kinh tế cho các chính phủ quốc gia.

Làm tăng sức sản xuất nhất về nông nghiệp.

- Viện trợ những nhu cầu cần thiết.

Mùa Xuân năm 1950, nhiều yếu nhân Hoa Kỳ sang thăm Việt Nam, đã đặt nền móng cho cuộc viện trợ lâu dài.

Ngày 24 tháng Giêng, Đại Sứ đặc biệt của Hoa Kỳ Philipp Jessup cùng ông Gibbison, cựu Sứ Thần Hoa Kỳ đến Sài Gòn tuyên bố:

“...Yếu tố tối cần thiết quy định sự viện trợ trong phạm vi khả năng kinh tế của Hoa Kỳ cho các quốc gia ở Á Châu là mức độ mà nhân dân ở các nơi đó tỏ ra ủng hộ chính phủ đã chọn lọc của họ để chống bọn cộng sản giết người...”

Ngày 9 tháng 2, Sứ Thần Hoa Kỳ Edmond Gullion đến Việt Nam và ngày 7 tháng 3, ông Robert A. Griffin bắt đầu ghi chú tại Sài Gòn những nhu cầu về kinh tế của ba Quốc Gia Liên Kết.

Ngày 6 tháng 4, ông Kenneth P. Landon, giám đốc cơ quan Đông Nam Á Vụ Hoa Kỳ đến Đà Lạt hội đàm cùng Quốc Trưởng Bảo Đại.

Tháng 7 năm 1950, Đặc Sứ Donald Heath, đại diện Hoa Kỳ ở Đông Dương đặt chân tới Việt Nam, chính thức mở đầu công cuộc viện trợ cho các Quốc Gia Liên Kết.

- Viện trợ kinh tế và kỹ thuật.

- Viện trợ quân sự.

Ngày 16 tháng 6.1950, quân nhu vũ khí chuyển đầu tiên trong chương trình viện trợ quân sự rời Hoa Kỳ sang Việt Nam gồm có 8 phi cơ Dakota và một số xe cộ, vũ khí.

Ngày 7 tháng 8.1950, cũng chuyển đầu tiên tượng trưng khu vực viện trợ kinh tế, Việt Nam nhận được một số thuốc men:

- 150.000.000 đơn chất pénicilline.
- 140 ký lô thuốc sốt rét nivaquine.
- 180 chiếc ống tiêm.

1.- Viện Trợ Kinh Tế Và Kỹ Thuật:

Hoa Kỳ cam kết viện trợ cho Việt Nam dưới hai hình thức, sau khi chính phủ Việt Nam và các nhà đại diện Hoa Kỳ ở Việt Nam đã ký một bản hiệp ước (Hiệp Ước Song Phương tháng 9.1051)

- Viện trợ trực tiếp bằng hàng hóa, dụng cụ, trang bị.
- Viện trợ thương mại, Hoa Kỳ sẽ giúp các nhà nhập cảng Việt Nam những chỉ tệ bằng Mỹ kim cần thiết cho việc mua hàng hóa.

Từ năm 1951 đến cuối tháng 6 năm 1953, trong chương trình viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ cho ba Quốc Gia Liên Kết đã ghi con số khổng lồ là 70.330.000 Mỹ kim, chia ra như sau:

- Xã Hội: 1.200.100 Mỹ kim.
- Y Tế: 7.049.500 Mỹ kim.
- Canh Nông, Lâm, Ngư Nghiệp: 4.554.800 Mỹ kim.
- Giao Thông Công Chính: 9.840.700 Mỹ kim.
- Giáo Dục: 344.000 Mỹ kim.
- Công Kỹ Nghệ: 9.000 Mỹ kim.
- Hành Chính, Thông Tin: 1.486.300 Mỹ kim.
- Thương Mại: 45.782.500 Mỹ kim.

Riêng Quốc Gia Việt Nam được hưởng 76,7% (562.630.000 đồng Đông Dương) trong tổng số tiền viện trợ Kinh Tế. (Cao Mên 15,3%: 112.000 đồng Đông Dương và Ai Lao 8%: 58.000.000 đồng Đông

Dương).

Số tiền 562.630.000 đồng đã được dùng trong chương trình hoạt động kinh tế Mỹ ở Việt Nam trong khoảng ba năm:

Năm 1951

- Hoạt động về kiến thiết xã hội: 5.767.000.
- Hoạt động về y tế: 12.807.000.
- Nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp: 22.817.000.
- Giao thông vận tải, công chính: 79.135.000.
- Công, kỹ nghệ: 5.551.000.
- Giáo dục: 8.153.000.
- Hành chính: 12.462.000.

Tổng cộng năm 1951 là: 146.792.000.

Năm 1952

- Hoạt động về kiến thiết xã hội: 26.345.000.
- Hoạt động về y tế: 42.531.000.
- Nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp: 23.291.000.
- Giao thông vận tải, công chính: 84.020.000.
- Công, kỹ nghệ: 133.000.
- Giáo dục: 6.285.000.
- Hành chính: 25.674.000.

Tổng cộng năm 1952 là: 208.279.000.

Năm 1953

- Hoạt động về kiến thiết xã hội: 26.386.000.
- Hoạt động về y tế: 40.192.000.
- Nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp: 28.027.000.
- Giao thông vận tải, công chính: 65.157.000.
- Công, kỹ nghệ: 120.000.
- Giáo dục: 7.585.000.
- Hành chính: 20.092.000.

Tổng cộng năm 1953 là: 207.559.000.

Sau Hiệp Ước Song Phương, cơ quan Kinh Tế và Kỹ Thuật được thành lập (S.T.E.M-Special Technieal Economic Mission to Cambodia, Laos anf Vietnam) để trực tiếp giúp đỡ ba Quốc Gia Liên Kết.

Bộ phận S.T.E.M chịu dưới quyền cơ quan An Ninh Hỗ Tương (Mutual Security Ageney) trước kia là cơ quan Quản Trị và Hợp Tác Kinh Tế (E.C.A-Economie Cooperation and Administration) và cơ quan này trực thuộc Ngoại Nghiệp Cục ở Mỹ (F.O.A-Foreign Operation Agency).

Trong 3 năm, nhờ số tiền của Mỹ Quốc viện trợ, Quốc Gia Việt Nam đã thực hiện được trên địa hạt xã hội, kiến thiết:

- Phát cho dân chúng nạn nhân chiến tranh hàng 5 vạn chiếc, gần 2 vạn bộ quần áo, hơn 1 vạn chăn mền, hàng triệu thước vải trắng, vải ka ki.

Thực phẩm phân phát như sữa hộp, sữa bột kể hàng chục tấn, đồ hộp hàng trăm tấn và cả máy khâu, chỉ khâu, kim khâu v.v...

- Nạn nhân bị bão ở Trung Việt tháng 10 năm 1952 cũng nhờ tiền viện trợ Mỹ để xây dựng lại cơ

nghiệp, nhà cửa và được phân phát thóc gạo, thực phẩm.

– Nhiều làng mới được thành lập để giúp nhân dân tỵ nạn chiến tranh. Phần đông những người này đã mất hết cả gia sản, làng xóm quê quán của họ hoặc đã bị tàn phá trở trụi hoặc đang là trận địa. Nhờ được Mỹ Quốc viện trợ Kinh Tế và Kỹ Thuật đã trừ tính rất nhiều kế hoạch và đã thực hiện được nhiều việc:

– Viện trợ những thứ thuốc sát trùng như Pénicilline, Auréomyeine, Terramycine, những loại Sulfa, thuốc bệnh lao bột D.D.T. v.v...

– Viện trợ nhiều xe nhà thương (Hospital Equipment) và vô vàn những dụng cụ như máy quang tuyến, kìm kéo, bông, băng...

Trừ bệnh sốt rét rừng, mỗi tháng có tới 16 vạn bệnh nhân được chạy chữa và 45 vạn nhà cửa được bơm thuốc D.D.T. Nhờ vậy, số người bị sốt rét mỗi ngày một rút bớt.

– Thiết lập hàng ngàn sơ sở y tế và hoàn thành nhiều giếng nước hợp vệ sinh để dân chúng được dùng nước trong sạch.

– Khám và ngăn ngừa bệnh thời khí, dịch hạch, chấy rận, hoa liễu, đau mắt hột. Bệnh hoa liễu đã thấy thừa thớt ở Việt Nam và số bệnh nhân đau mắt hột cũng đã giảm rất nhiều.

– Thiết lập và mở mang các đường đường, huấn luyện và chỉ bảo phương pháp gìn giữ vệ sinh ngăn ngừa bệnh tật ở thôn quê.

Về phương diện canh nông, Mỹ Quốc đã giúp Việt Nam tiến bộ trong ba khu vực:

- Nông nghiệp.
- Lâm nghiệp.
- Ngư nghiệp.

Nông Nghiệp:

– Phân bón và những máy móc dụng cụ canh tác do lỗi viện trợ trực tiếp đã giúp nhà nông Việt Nam tăng số lượng sản xuất. Hàng vạn tấn phân bón hóa học cho trên 20 mẫu tây ruộng và sức sản xuất do đó tăng được từ 25 đến 30%.

– Trâu bò dùng trong việc canh tác được tiêm thuốc ngăn ngừa bệnh dịch.

– Năm vạn mẫu Tây ruộng được hưởng nước điều hòa do những công cuộc thủy lợi. Đập dẫn nước khu nông giang Sơn Tây (Bắc Việt) bị phá hủy từ ngày chiến tranh được cơ quan An Ninh Hồ Tương sửa chữa và xây đắp thêm năm 1951.

– Một Hợp Tác Xã sản xuất thuốc lá (Tháp Chàm Trung Việt), 4 nhà máy xay lúa và 1 Hợp Tác Xã máy xay (Cái Răng Nam Việt) đã được thành lập.

– Nhiều cơ sở được thiết lập với mục đích huấn luyện phương pháp canh tác khoa học. Chừng 1.153.000 quyển sách nhỏ giảng về canh tác đã phân phát cho nông gia, cộng thêm 50.000 tập nói về phương pháp bón xới và 500 bản đồ chỉ dẫn học hỏi. Nhiều sinh viên được đi học về kỹ thuật canh tác tại Mỹ Quốc.

Lâm Nghiệp:

Những máy kéo gỗ tời tân được gửi sang để ngả cây và kéo cây.

– Nhiều nhà máy cưa được thiết lập.

Ngư Nghiệp:

– Viện trợ một số tàu nhỏ dùng trong việc đánh cá và che chở dân chài lưới khỏi bị Việt Minh làm khó dễ.

– Tổ chức huấn luyện kỹ thuật đánh cá giúp được hàng vạn gia đình chài lưới trở nên sung túc.

– Viện trợ những giống cá mới lạ, để nuôi và sinh sản mau chóng (Tỉ dụ cá Tilapia mang ở Thái Lan sang).

Về phương diện giao thông, vận tải, Hoa Kỳ gửi sang Việt Nam nhiều thứ xe kéo, xe trục, nhựa đường và nhiều dụng cụ nguyên liệu để kiến thiết đường xá, cầu cống. Thường xuyên mỗi năm Việt Nam nhập

cảng tới 30.000 tấn nhựa đường.

- Nhiều cầu cống đã và đang được sửa chữa như ở Huế trên đường Sài Gòn-Ô Cấp (Nam Việt)

Ngót một nghìn cây số đường đi ở vùng ngoại ô thành phố được hoàn thành tiêu thụ mất 90.000 tấn nhựa đường, 19 tấn đá nghiền, phải sử dụng hàng trăm thứ xe kéo, xe lăn đường với nhiều dụng cụ như máy bơm, thuốc nổ, máy phát điện...

- Nhiều hải cảng và sân bay được mở rộng. Thêm nhiều dụng cụ và máy móc để đặt điện thoại nối liền giây nói nhiều tỉnh. Thêm nhiều tàu nhỏ đi lại trên các giòng sông giúp sự giao thông được điều hòa và hàng hóa khỏi bị bế tắc.

Trên địa hạt Công, Kỹ Nghệ:

- Mở mang việc khai thác than đá ở Bắc Việt.

- Mở mang kỹ nghệ sản xuất xi măng ở Bắc Việt.

- Thêm phương tiện và dụng cụ cho nghề dệt, nghề chế tạo các đồ dùng bằng cao su, nghề sơn, nghề diêm...

Trên địa hạt Giáo Dục:

- Mở những lớp Bình Dân Học Vụ cho những người chưa biết đọc biết viết khắp Trung, Nam, Bắc.

- Mở những trường dạy nghề nghiệp ở Hà Nội, Sài Gòn, Biên Hòa, Gia Định, Thủ Dầu Một. Học sinh có thể học những nghề: Kiến Trúc, Hội Họa, Điêu Khắc...

- Trường chuyên nghiệp dạy về Hàng Hải, Kỹ Nghệ ở Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội.

Trên địa hạt Hành Chính và Thông Tin:

- Thiết lập các Phòng Thông Tin, trưng bày tranh ảnh sách báo.

- Sở Thông Tin về khắp vùng quê, chiếu phim, ca nhạc.

- Giúp đỡ máy móc dụng cụ về ấn loát, quay phim, giúp máy phóng thanh, xe hơi.

Trong tổng số tiền viện trợ Kinh Tế Mỹ (70.330.000 Mỹ kim), ngân khoản dành riêng để mua hàng hóa nhập cảng là: 45.782.000 Mỹ kim. Từ 1951 đến tháng 6.1953 đã có 58% của ngân khoản đó được tiêu dùng (26.380.000 Mỹ kim). Số còn lại được ghi trên kế ước và hàng hóa sẽ dần dần được chuyển tới ba Quốc Gia Liên Kết.

Về niên khóa 1954, mục tiêu của chương trình nhập cảng (16.000.000 Mỹ kim) là cung cấp thêm số Mỹ kim cho Đông Dương để mua hàng hóa cần thiết. Do đó nạn khan ngoại tệ sẽ đỡ dần. Có ngoại tệ, các thương gia Việt Nam có thể gửi mua hàng hóa ở Hoa Kỳ hoặc ở các nước khác nếu giá hàng rẻ hơn ở Hoa Kỳ.

Đặt dưới quyền quản trị của một tổ chức tư với tên là Ủy Ban Nhập Cảng Lâm Thời, chương trình nhập cảng mới sẽ là một cố gắng chung của cả Pháp-Việt-Mên-Lào, nhằm mục tiêu tăng cường tài chính để mua các hàng hóa, vật liệu cần thiết cho các Quốc Gia Liên Kết.

Những hàng hóa, vật liệu đó là dầu hỏa, dầu chạy máy, bông, xe hơi, máy móc kỹ nghệ, dụng cụ nông nghiệp, phi cơ, những bộ phận máy tháo rời, tàu thủy dụng cụ làm mỏ và những toa tàu hạng nặng để cơ khí hóa việc khai thác hầm mỏ...

Nói tóm lại, nhờ viện trợ của Hoa Kỳ, chính phủ Quốc Gia Việt Nam tương đối đã gây lại được mức điều hòa trong đời sống quá lệch lạc của dân chúng nạn nhân chiến tranh. Và cũng nhờ đó chính phủ đã có thể dễ dàng tiếp tục phát triển mở mang nền kinh tế quốc gia ngõ hầu đủ sức chịu đựng trong cuộc chiến đấu chống cộng sản.

2.- Viện Trợ Quân Sự:

Riêng một mình nước Pháp không thể nào chịu đựng nổi mãi cuộc chiến tranh trường kỳ ở Đông Phương. Số quân lính, vũ khí và chi phí chiến trường của Pháp ở Đông Dương chỉ có hạn. Tuy Hoa Kỳ đã dành cho ba Quốc Gia Liên Kết một ngân khoản là 30.500.000 Mỹ kim riêng viện trợ về quân sự năm 1953 nhưng sự thực số tiền đó chả là bao trong khi chiến tranh dữ dội ở Đông Dương cần thiết mỗi ngày tới 3.000.000 Mỹ kim.

Chiến sự giảm bớt ở Triều Tiên (tháng 6.1953) thì áp lực quân sự của Việt Minh lại có vẻ tăng lên và

cộng sản thế giới chú mục vào khu Thái Lan-Miến Điện. Trận đánh Ai Lao của quân đội Việt Minh đã thúc đẩy Hoa Kỳ phải để ý hơn nữa đến vấn đề viện trợ quân sự cho Đông Dương.

Từ tháng 6 năm 1953, rất nhiều chính khách và Tướng lĩnh Hoa Kỳ sang thăm Việt Nam.

Thống Đốc Adlai Stevenson, ứng cử viên Tổng Thống của Đảng Dân Chủ Mỹ đã công nhận chiến tranh Đông Dương là “một trận lôi cuốn máu và tiền”.

Ngày 20 tháng 6, một phái đoàn quân sự Mỹ do Trung Tướng Fohn Daniel điều khiển đã từ Phi Luật Tân tới Sài Gòn.

Phái đoàn gồm có Thiếu Tướng Russel với 4 sĩ quan Tham Mưu Lục Quân Tướng Carty với 3 sĩ quan Tham Mưu Không Quân, Đại Tá Dillon với 2 sĩ quan Tham Mưu Thủy Quân Lục Chiến và ông Philip W. Bonsal, Trưởng Phòng Đông Nam Á trong Bộ Ngoại Giao Mỹ.

Thành phần quan trọng trong phái đoàn đã chứng tỏ Hoa Kỳ rất chú ý đến tình hình quân sự ở Đông Dương.

Mục đích của phái đoàn quân sự Mỹ là thảo luận với Đại Tướng Tổng Tư Lệnh Navarre Trung Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hinh về cuộc viện trợ dụng cụ và chiến phí cho Quân Lực Pháp-Việt, đồng thời quan sát chiến trường Đông Dương.

Trước kia Hoa Kỳ chỉ viện trợ theo một phương pháp nhỏ giọt và quá ít ỏi, như vậy đã không giúp ích được mấy cho chiến trường.

Trong khoảng thời gian từ 1951 đến mùa Thu năm 1953, Hoa Kỳ đã viện trợ cho quân đội Pháp và quân đội các Quốc Gia Liên Kết:

- 170.000.000 viên đạn.
- 16.000 xe vận tải và rờ-móc
- 850 xe thiết giáp.
- 350 phi cơ (phóng pháo và khu trục)
- 250 phi cơ (dành cho Hải Quân)
- 10.500 máy truyền thanh.
- 9.000 vũ khí tự động, cùng nhiều vật liệu về y tế, dụng cụ công binh và đồ trang bị.

Nhưng từ khi Đại Tướng Navarre sang giữ chức Tổng Tư Lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương và quyết định thay đổi chính sách quân sự trên phạm vi chiến lược và chiến thuật, kế hoạch mới đã đòi hỏi thêm nhiều sự chú ý của Hoa Kỳ về phương pháp và số lượng của cuộc viện trợ.

Hoa Kỳ cũng hiểu tình thế mới và tháng 7.1953 Ngoại Trưởng Mỹ Foster Dulles đã nhấn mạnh trong buổi họp với một nhóm Nghị Sĩ ở Hoa Thịnh Đốn về vấn đề Đông Dương:

“Tình hình hiện tại ở Đông Dương, chúng ta (Mỹ) phải coi nó như là một hiểm họa quan trọng nhất đương đề chầu lên thế giới tự do.

Tại miền đó, trách nhiệm chính là ở Pháp, hiện giờ quân đội Pháp đang chiến đấu và chịu đựng một phần lớn gánh nặng tài chính của các nỗ lực quân sự”.

Những nhu cầu tối cần thiết về quân sự ở Đông Dương cũng đã được Ngoại Trưởng Pháp Bidault nêu rõ trong tháng 7 ở Nữu Ước khi họp Hội Nghị ba Ngoại Trưởng tam cường Tây phương:

“Pháp không thể cứ theo đuổi tình trạng này mãi mãi không biết đến bao giờ. Gánh nặng của Pháp phải được giảm bớt và Pháp cần phải được Hoa Kỳ giúp đỡ”.

Nói đến tổn phí về chiến tranh ở Đông Dương, Ngoại Trưởng Pháp đã cho Ngoại Trưởng Hoa Kỳ rõ ràng ngoài những dụng cụ không thể ước lượng được, nước Pháp đã chi phí gần 500 tỷ Phạt Lãng cho ngân sách chiến tranh ở Đông Dương và đó là con số tối đa mà nền tài chính Pháp không tài nào làm hơn được nữa.

Ngày 27 tháng 7.1953, một sự kiện tối quan trọng được loan báo: Ngừng bắn ở chiến trường Cao Ly.

Việc ngừng bắn ở Cao Ly đã khiến Hoa Kỳ lo ngại tới việc “chí nguyện quân Trung Cộng” có thể xuất hiện ở Việt Nam. Riêng chiến đấu với Việt Minh, Liên Quân Việt-Pháp cũng đã còn phải dằng dai ngót chục năm trời mà chưa thu được thắng lợi nếu nay thêm Trung Cộng, Quân Đội Mỹ không thể không trực

tiếp tham gia một trận chiến tranh Cao Ly thứ hai ở Đông Dương, nếu Mỹ không muốn để cả vùng Đông Nam Á lọt vào tay cộng sản.

Trong kỳ họp Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ về vấn đề viện trợ cho ngoại quốc, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield ở Cao Ly, Trung Cộng sẽ rảnh tay để tiếp tục tăng cường viện trợ cho Việt Minh, can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương, ông Mansfield nói:

“Cuộc viện trợ mà chúng ta bằng lòng chịu ở phần đất đó trên thế giới là để cho cuộc phòng thủ riêng của chúng ta cũng như cho cuộc phòng thủ của thế giới tự do. Nếu tôi tin được vào những tin tức mới đây ở Đông Dương thì giữa các nhà cầm quyền Mỹ-Pháp và chính phủ Việt Nam có một sự đồng quan điểm về những khả năng lớn lao của một cuộc đăc thắng quân sự trong vòng hai năm nữa với điều kiện là chúng ta không làm chậm trễ những vụ gửi dụng cụ chiến tranh sang Đông Dương”

Sau Bản Tuyên Ngôn 3.7.1953 của chính phủ Pháp, Hoa Kỳ đã hài lòng về thái độ của Pháp đối với ba Quốc Gia Liên Kết mặc dầu sự hài lòng ấy cũng còn phải đợi những hành động tương lai của Pháp khi thấy nước này còn áp dụng một chính sách theo những ý thức lạc hậu đối với ba Quốc Gia Liên Kết. Nhưng từ sau Bản Tuyên Ngôn 3 tháng 7 và nhất là sau khi ký kết ngừng bắn ở Cao Ly, Hoa Kỳ đã tỏ ra tích cực giúp Pháp hơn vì đã nhận rõ số phận bản thân Hoa Kỳ cũng như của thế giới tự do giờ đây bị lệ thuộc vào trận chiến tranh trên lãnh thổ Việt-Mên-Lào.

Ngày 30 tháng 7, Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ đã thảo luận về con số Mỹ kim thêm vào chương trình viện trợ quân sự cho những quân đội chống cộng sản ở Đông Dương.

Vấn đề viện trợ quân sự Mỹ cho quân lực chống cộng ở Đông Dương và vị trí quan trọng của vùng này đã được Tổng Thống Eisenhower nhấn mạnh trong Bản Phúc Trình về chương trình An Ninh Hồ Tương của Mỹ Quốc gửi Quốc Hội Hoa Kỳ trung tuần tháng 8.1953. Dưới mắt Tổng Thống Mỹ, Việt Nam và Cao Mên, Ai Lao là một cửa ngõ mở sang những vùng rất giàu nguyên liệu miền Nam Á Châu và cuộc phòng thủ Việt-Mên-Lào là mối thắc mắc lớn cho thế giới tự do:

“... Vì rằng Pháp không đủ sức đối phó với những điều cam kết cả ở Âu Châu lẫn Á Châu nếu không có một sự giúp đỡ ở ngoài, Hoa Kỳ phải cung cấp cho các lực lượng chống cộng ở Đông Dương những đồ trang bị và vũ khí mà những lực lượng đó cần dùng. Cuộc viện trợ quân sự cho các lực lượng võ trang Liên Hiệp Pháp và các Quốc Gia Liên Kết đã được tiếp tục trên một căn bản nhiều quyền ưu tiên trong Đề Nhất Lục Cá Nguyệt 1953. Nhịp gửi hàng tháng đã được tăng lên gấp bội so với năm ngoái. Những vụ gửi dụng cụ này và những ảnh hưởng của nó trong các cuộc hành binh đã góp một phần lớn trong việc cải thiện tình hình quân sự nguy ngập ở Đông Dương và đã ngăn cản được cộng sản xâm chiếm tất cả vùng Đông Nam Á.

Tuy nhiên cuộc chiến thắng chưa có thể có ngay được.

Nước Pháp đã phải chịu những sự thiệt hại nặng nề về sĩ quan và binh lính, chính phủ Pháp đã tiêu phí mỗi năm hơn 1.000.000.000 Mỹ kim để theo đuổi chiến dịch khó khăn và gay go đó, nhưng không thể nào đảm đương được tổng số phí khoản về trận chiến tranh mà không có hại cho sự góp phần quân sự với các lực lượng ở Âu Châu. Hiện nay người ta đã chú trọng tới sự thành lập những đạo quân quốc gia của các nước Việt-Mên-Lào. Trong cuộc chiến đấu để ngăn cản các lực lượng cộng sản tràn ngập Đông Dương cuộc viện trợ cho các lực lượng Liên Hiệp Pháp bằng người, bằng đồ trang bị và trong địa hạt huấn luyện tỏ ra rất cần thiết để lập những đạo quân quốc gia ấy.

Tuy nhiên khi cần đến, các lực lượng Đông Dương phải đủ sức để gánh vác một phần lớn hơn trong việc bảo vệ dân chúng chống các cuộc tấn công của cộng sản. Khi nào các lực lượng địa phương trở nên mạnh mẽ, Pháp có thể chuyển dần từ Đông Dương về Âu Châu những sĩ quan và binh lính thiện chiến cần thiết để thành lập những lực lượng của tổ chức Bắc Đại Tây Dương.

Nay mặc dầu có cuộc viện trợ cụ thể của Pháp và của Hoa Kỳ, các Quốc Gia Việt, Miên, Lào cũng bị bắt buộc phải lấy số tối đa trong số dự trữ của mình cho mọi nỗ lực quân sự.

Riêng nước Việt Nam đã dành 70% ngân sách cho các lực lượng võ trang của nước đó...”

Hoa Kỳ coi trận chiến tranh ở Đông Dương là một đe dọa lớn lao cho hòa bình và để tâm nghiên cứu

viện trợ thêm về quân sự. Đồng thời với những cuộc thảo luận gấp rút ở Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ quanh vấn đề viện trợ quân sự cho các chính phủ ở Đông Dương, Bộ Ngoại Giao Mỹ đã lên tiếng cảnh cáo Trung Cộng mục đích ngăn ngừa một cuộc can thiệp trực tiếp có thể có của cộng sản trên chiến trường Đông Dương.

Trên phương diện quân sự, Việt Nam đã nằm trong một chính sách mới mẻ của Hoa Kỳ. Chính sách mới ấy nảy ra một tháng sau ngày 22 tháng 8.1953, ngày mà người kế vị Stalin, Malenkov lạnh lùng tuyên bố với thế giới rằng Liên Bang Xô Viết cũng có bom khinh khí. Ngày 22 tháng 9, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ quyết nghị:

1.- Chiến lược quân sự: Hợp Chúng Quốc phải tích cực tấn công trong phòng ngự hơn là thụ động phòng thủ.

2.- Chiến lược tâm lý: “Chiến dịch trắng”.

Nguyên tắc của “Chiến dịch trắng” là thẳng thắn thúc đẩy dư luận dân chúng Hoa Kỳ và vạch rõ cho họ biết những sự thật có thể xảy đến trong thời đại nguyên tử, huấn luyện cho họ quen những phương pháp phòng thủ bằng cách thi hành liên tiếp những buổi báo động thử.

Về quân sự, Hoa Kỳ cố gắng gấp rút sản xuất hai loại phi cơ tối tân ghê gớm để đề phòng:

– Loại phóng pháo cơ phản lực B-52 dùng để chở bom nguyên tử, có thể bay rất nhanh đến bất luận một căn cứ nào trên thế giới, thi hành xong nhiệm vụ, rồi lại trở về căn cứ.

– Loại khu trục cơ phản lực F-100 với tốc độ và hỏa lực vượt bậc.

Kỳ họp thứ hai của ba Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, Úc và Tân Tây Lan tại Hoa Thịnh Đốn (9.9.53) đã ghi chú hiểm họa cộng sản ở Đông Dương. Các Quốc Gia Úc và Tân Tây Lan đã rất để ý đến tình hình Đông Dương và tìm cách cung cấp thêm dụng cụ.

Ngày 10 tháng 9, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Mỹ đã chấp thuận một ngân khoản 385.000.000 Mỹ kim để góp phần đặc biệt của Hoa Kỳ vào kế hoạch tăng nỗ lực quân sự Pháp-Việt ở Đông Dương.

Theo lời ông Tổng Trưởng phụ trách việc liên lạc với ba Quốc Gia Liên Kết, số viện trợ Mỹ này sẽ không có mục đích để kéo dài chiến tranh mà để chấm dứt nó. Sự tăng thêm 385 triệu Mỹ kim vào chiến phí Đông Dương sẽ làm tăng tiến Quân Lực Việt-Mên-Lào và giúp Pháp được rảnh tay chú ý tới các việc quan trọng khác.

Quyết nghị ghi chú hiểm họa cộng sản ở Đông Dương của Hội Nghị ba Ngoại Trưởng Hoa Kỳ-Úc-Tân Tây Lan cùng quyết nghị của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ về 385 triệu Mỹ kim viện trợ đã phù hợp với lời tuyên bố của Ngoại Trưởng Mỹ Foster Dulles ở Saint Louis trước Đại Hội của Hiệp Hội Lao Động A.F.L.:

“...Ở Đông Dương, một trận chiến tranh khác đương tiếp tục và mỗi hiểm họa khi nhận thấy sức kháng cự có thể bị tan rã trước các lực lượng xâm lăng của cộng sản hiện vẫn có. Nếu sức kháng cự tan rã, do ở đó có lẽ nó sẽ là một đe dọa cho quyền lợi trọng yếu của chúng ta ở Tây Thái Bình Dương.

Rất nhiều người ở Đông Dương cũng đã từng tin tưởng từ lâu rằng họ đã phải lựa chọn giữa chủ nghĩa thuộc địa và chủ nghĩa cộng sản. Một sự lựa chọn như vậy không bao giờ làm cho người ta hết sức hăng hái hoặc có nhiều thiện chí để hy sinh và liều chết, đích tối cao của sự hy sinh.

Hiện giờ, Pháp đã cho biết rõ rệt ý định của mình qua Bản Tuyên Ngôn ngày 3 tháng 7, thỏa thuận dành cho các Quốc Gia Liên Kết ở Đông Dương một nền độc lập hoàn toàn, theo như các nước đó đã muốn.

Pháp và các Quốc Gia Liên Kết hiện đương xét đến Bản Tuyên Ngôn đó và chắc chắn là họ sẽ hoạt động với tất cả thiện chí.

Như vậy, tính cách của trận chiến tranh sẽ biến chuyển.

Theo đúng với lương tâm, Hoa Kỳ có thể góp sức rõ rệt bằng tiền và bằng dụng cụ để đi tới một kết luận khả quan cho cuộc xung đột này, nó bắt đầu thuộc đúng kiểu chiến tranh độc lập trong khi tính cách xâm lăng của chiến tranh cộng sản cũng bắt đầu bị phơi bày ra”.

Ngày 30 tháng 9, chính phủ Hoa Kỳ đã chính thức chuẩn y ngân khoản 385 triệu Mỹ kim viện trợ quân sự cho chính phủ Pháp để sử dụng trong các cuộc hành binh chống Việt Minh ở Đông Dương. Bộ Ngoại

Giao Pháp đã công bố một bản thông cáo về việc viện trợ đó:

“Các lực lượng vũ trang của Pháp và của các Quốc Gia Liên Kết đã tham dự từ 8 năm nay một cuộc chiến đấu gay go để ngăn chặn cộng sản tràn vào Đông Nam Á. Những nỗ lực anh dũng của các lực lượng đó để bảo vệ nền độc lập của các Quốc Gia Việt-Mên-Lào đang được thế giới tự do khâm phục và giúp đỡ.

Chính phủ Hoa Kỳ nhận thấy nỗ lực của Khối Liên Hiệp Pháp đã viện trợ chính phủ Pháp và các Quốc Gia Liên Kết dưới những hình thức khác nhau để góp phần vào việc chấm dứt một cách nhanh chóng nhất và đặc thắng cuộc chiến đấu dài dằng dặc này.

Với Bản Tuyên Ngôn ngày 3.7.53, chính phủ Pháp đã quyết định hoàn thành nền độc lập của ba Quốc Gia Liên Kết Đông Dương bằng những cuộc thương thuyết với các chính phủ đó.

Một thỏa ước vừa được ký kết giữa hai chính phủ Pháp và Hoa Kỳ theo đó chính phủ Hoa Kỳ đã đặt dưới quyền sử dụng của Pháp trước ngày 31.12.54 một ngân khoản phụ nhiều nhất là 385 triệu đô la để đài thọ những kế hoạch mà chính phủ Pháp đã quan niệm hầu bành trướng những cuộc hành quân chống Việt Minh.

Số tiền này phải được coi như là thêm vào những số tiền mà chính phủ Hoa Kỳ đã dành để viện trợ về quân sự và kinh tế cho Pháp và các Quốc Gia Liên Kết.

Chính phủ Pháp đã quyết định mang hết nỗ lực của mình để làm tan rã và tiêu diệt những lực lượng chính quy của địch ở Đông Dương. Với mục đích đó, chính phủ Pháp có ý định hoàn thành những kế hoạch tăng cường các lực lượng vũ trang của các Quốc Gia Liên Kết, hợp tác với Việt-Miên-Lào và tạm thời thích ứng phần quan trọng của các quân số riêng của mình vào những điều kiện cần thiết để bảo đảm thắng lợi cho những kế hoạch quân sự hiện tại.

Sự viện trợ thêm này của Hoa Kỳ nhằm việc cho phép đạt tới những mục tiêu đó một cách nhanh chóng và có hiệu quả hơn hết.

Việc tăng cường sự nỗ lực của Pháp ở Đông Dương sẽ không phương hại tới căn bản những kế hoạch hay chương trình của chính phủ Pháp về lực lượng Bắc Đại Tây Dương của Pháp và cũng không phương hại gì một cách vĩnh viễn”

Việt Nam, vị trí trọng yếu trong mặt trận kháng chiến chống cộng, đã kích thích nhiều lãnh tụ Hoa Kỳ phải qua thăm.

Ngày 11 tháng 9.1953, Thượng Nghị Sĩ Knowland Chủ Tịch đa số Cộng Hòa tại Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ từ Hương Cảng tới Việt Nam. Sau vài ngày xem xét, nhận định. Thượng Nghị Sĩ đã tuyên bố trước khi rời Việt Nam đi Thái Lan rằng:

“...Căn cứ vào những điều tôi được thấy, tôi hy vọng rằng những lực lượng của ba tân quốc gia độc lập này có thể được tăng cường nhanh chóng chừng nào hay chừng ấy, được trang bị và huấn luyện cả về phương diện viện trợ hợp lệ cho lực lượng quân sự của chính họ cũng như cho những lực lượng cộng tác với họ trong công cuộc phòng thủ chung.

Tôi còn hy vọng rằng những kỹ nghệ phục hưng như những công xưởng sửa xe hơi hoặc những loại máy móc khác sẽ được thực hiện ở Việt Nam, Ai Lao và Cao Mên, không những để giúp cho vấn đề chuyên chở mà còn để khi cuộc chiến đấu dành tự do đã thắng lợi và quốc gia đã được thống nhất thì dân chúng địa phương đã được huấn luyện trong công việc này sẽ có đủ khả năng để củng cố nền kinh tế quốc gia và đồng thời khiến cho nền kinh tế được dồi dào.

Tôi cần phải kết luận rằng tôi rất tin tưởng tự do, vào khả năng quân sự, vào sự phát triển tương lai về kinh tế và sự trưởng thành của dân tộc tự do Việt-Mên-Lào.

Tôi không những chỉ muốn thấy họ duy trì tự do của họ bên ngoài bức màn sắt để tự giải thoát nhưng bởi vì tôi tin rằng bất cứ những quốc gia nào để mất tự do vào tay cộng sản họ cũng làm nguy hại đến tự do của các dân tộc khác trên thế giới”.

Tuy Thượng Nghị Sĩ Knowland vẫn tuyên bố rằng ông lấy tư cách riêng tới thăm Đông Dương và chuyến đi của ông qua vùng Đông Nam Á không có tính cách chính thức nhưng với địa vị lãnh tụ nhóm đa

số Cộng Hòa tại Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ, lời nói và ý nghĩ của ông không phải là xuông và kém tính cách quyết định.

Ông Knowland đã phải nhận thấy rằng người lính Quốc Gia Việt Nam sẽ cũng thiện chiến và cũng không kém bất cứ người lính nào khác trên thế giới nếu họ được vũ trang đầy đủ, được huấn luyện và chỉ huy một cách khéo léo.

Tiếp theo cuộc thăm viếng của Thượng Nghị Sĩ Cộng Hòa Knowland, đầu tháng 11.1953, Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon cũng đặt chân tới Việt Nam.

Cuộc kinh lý của Phó Tổng Thống Hoa Kỳ bao gồm những xứ: Hạ-uy-di, Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi, Nam Dương, Tân Gia Ba, Thái Lan, Việt Nam, Cao Mên, Ai Lao, Đài Loan, Nam Cao Ly, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Tích Lan, Ấn Độ, Bắc Phi, quần đảo Acores.

Theo Phó Tổng Thống Hoa Kỳ, cuộc tuần du này sẽ tỏ cho quốc gia ở Á Châu rõ rằng nước Mỹ coi Á Châu cũng quan trọng như Âu Châu.

Khi ở Việt Nam, Phó Tổng Thống Nixon đã nhấn mạnh:

“Mọi sự xảy ra ở Việt Nam đều có một ảnh hưởng lớn lao đến tương lai của cả Đông Nam Á. Nếu cộng sản thắng thế thì tự do sẽ tận số. Để chống sự đó, các bạn đã chiến đấu và chúng tôi đã tình nguyện và hăng diện giúp các bạn.

Những người biết tương trợ nhau thì chắc chắn là sẽ thắng thế trong những nguồn đen tối nhất, chúng ta chắc chắn sẽ có đủ lực để thắng vì chính nghĩa của chúng ta hợp lẽ và công bằng. Chúng ta đứng về phía công lý của nghĩa độc lập, còn về phía bên kia, họ chỉ có sự nô lệ”.

Cuộc viếng thăm của vị đại diện cường quốc dân chủ Hoa Kỳ đã là một sự kiện rất quan trọng, một bảo đảm chắc chắn về thái độ và sự ủng hộ của Hoa Kỳ. Sự viếng thăm ấy là kết quả của những tiến triển sâu xa và rộng rãi của Hoa Kỳ trong vai trò lãnh đạo phòng thủ thế giới tự do chống độc tài cộng sản.

Trung tuần tháng 11.1953, một số nhân vật quan trọng nữa của Hoa Kỳ cũng ghé thăm Việt Nam.

– Tướng O’Daniel, Tổng Tư Lệnh Lục Quân Hoa Kỳ vùng Thái Bình Dương, lưu lại Việt Nam một tuần lễ rồi rời Sài Gòn ngày 15 tháng 11.

– Ngày 17 tháng 11, Đô Đốc Felix B. Stump, Tư Lệnh Hải Quân Hoa Kỳ vùng Thái Bình Dương, Phó Đô Đốc Phillips, Thượng Nghị Sĩ Alexander Smith, Đại Tá Hải Quân Frankel, Rivero, Trung Tá Hải Quân Gage, Lederer...

Những vị Tướng lĩnh Lục và Hải Quân Hoa Kỳ đi thăm các căn cứ quân sự, các phi trường, hải cảng ở Việt Nam tuy không ngoài khuôn khổ của những cuộc tiếp xúc thường xuyên giữa các Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đồng Minh trong vùng Thái Bình Dương nhưng cũng đã chứng tỏ rằng sau Bản Tuyên Ngôn của Pháp ngày 3 tháng 7, sau ký kết đình chiến ở Cao Ly, Hoa Kỳ thật đã ra mặt thẳng thắn bên vực bằng quân sự các quốc gia tự do miền Đông Nam Á. Số tiền viện trợ 385 triệu Mỹ kim mới chỉ là mào đầu cho một cuộc Liên Quân Mỹ-Pháp-Việt-Mên-Lào.

Lập trường của Hoa Kỳ trong cuộc viện trợ rất rõ rệt, như lời tuyên bố của Đặc Sứ Donald Heath ở Sài Gòn hồi đầu tháng 10.1953:

“...Tôi cho rằng điều sau đây cũng xác đáng khi nói về chính sách của chúng tôi đối với ba quốc gia tự do Việt-Mên-Lào và nỗ lực quân sự và tài chánh vô biên của ba nước cùng chung với Pháp để bảo tồn nền độc lập mới tranh thủ được và những viễn ảnh tương lai tự do phát triển của họ.

Vũ khí và viện trợ kinh tế do Hoa Kỳ cung cấp phụ thêm vào phần gánh vác tài chính vô cùng quan trọng hơn của Pháp, đó là chưa nói tới những sự hy sinh của con dân nước Pháp, đó là chưa nói tới những hy sinh của con dân nước Pháp trên chiến trường.

Chúng tôi sẵn lòng cung cấp sự viện trợ đó để bảo vệ nền độc lập của ba quốc gia. Hoa Kỳ không đòi hỏi những đặc quyền để đền bù lại và cũng không ăy gì khi cung cấp sự viện trợ đó. Mục tiêu của chúng tôi là ủng hộ các cố gắng chung của những lực lượng Liên Hiệp Pháp và những lực lượng Việt-Mên-Lào nếu bảo đảm cho họ các phương tiện cần thiết để chiến thắng kẻ thù chung là Việt Minh, không phải gì khác hơn là đạo quân xung phong của trục cộng sản Bắc Kinh-Mốt-cu.

Tôi tin chắc rằng kẻ thù cộng sản, chỉ tìm cách gây mầm chia rẽ và bất hòa giữa các quốc gia trong thế giới tự do, một lần nữa sẽ vấp phải một sự thống nhất cố gắng của ba Quốc Gia Liên Kết và nước Pháp.

Tôi hiểu rõ những nỗi lo ngại và khó khăn mà dân tộc Việt Nam mới thu được chủ quyền phải đương đầu và phải chịu đựng một cách nhẫn nại. Dầu sao cũng có một niềm an ủi vô tận. Lịch sử dạy chúng ta rằng các dân tộc mạnh đứng trước một tai họa lớn lao càng được rèn luyện mạnh mẽ thêm bởi những nỗi đau của chính mình.

Trong ba năm trời lưu trú tại đây, tôi đã tìm hiểu được sẵn có của dân tộc Việt Nam và tôi tin chắc rằng, sau khi ra khỏi cuộc chiến tranh dai dẳng và đau thương này, nước Việt Nam chắc chắn sẽ là một quốc gia mạnh mẽ hơn và tự tin ở mình hơn...”

Nhận rõ lập trường đứng đắn và mục tiêu không vụ lợi của Hoa Kỳ trong công cuộc viện trợ. Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm, trong bức thư ngày 11.10.54 gửi Đặc Sứ Donald Heath, đã thay mặt chính phủ Việt Nam và nhân danh tất cả các chiến sĩ Quốc Gia Việt Nam, tỏ lòng hoan nghênh và cảm ơn nồng hậu chính phủ Hoa Kỳ.

Nếu dưới mắt những người Quốc Gia Việt Nam, viện trợ Mỹ là một hành động quý báu để giúp nước nhà giành lại tự do, dân chủ thì đối với Việt Minh, viện trợ của Hoa Kỳ lại là một hành động mà họ không tiếc lời nguyền rủa.

Trong một bản tài liệu giải thích cho các đảng viên cộng sản, Việt Minh đã kết án Mỹ Quốc như sau:

“...Ngay sau Đại Chiến Thứ Hai, nhất là từ lúc chúng (Hoa Kỳ) bị bật khỏi Trung Quốc và đã nằm trong tay nền kinh tế chiến tranh ở Nhật, đế quốc Mỹ càng chú ý đến Đông Nam Á nơi đông dân, giàu của (nguyên liệu và thóc lúa), nông nghiệp lạc hậu. Một mặt chúng dùng mọi cách để trực tiếp đầu cơ, bán hàng, khai thác nguyên liệu v.v...ở các nước Đông Nam Á, mặt khác, chúng thúc đẩy và ủng hộ bè lũ tài phiệt Nhật, tay sai của chúng, mở rộng việc xâm lược kinh tế Đông Nam Á, dần dần đánh lui thế lực kinh tế của Anh, Pháp, Hà Lan ở các nước đó. Ngoài ra trong con mắt Đế Quốc Mỹ Đông Nam Á còn là một nguồn nhân lực vô tận, cần thiết cho việc gây chiến tranh xâm lược Châu Á và Thái Bình Dương.

Để thực hiện dã tâm gây chiến tranh đó. Đế quốc Mỹ mưu mô gì ở Đông Nam Á ?

Chúng cấu kết và giúp đỡ đế quốc Anh, Pháp, Hà Lan hòng dập tắt ngọn lửa đấu tranh giải phóng đang hừng hực khắp Đông Nam Á. Chúng xây dựng nhiều căn cứ quân sự, đồng thời tìm cách dần dần chen lấn bọn Anh, Pháp, Hà Lan để giành quyền bá chủ ở Đông Nam Á về mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa và lôi kéo các nước Đông Nam Á vào cuộc chiến tranh thế giới mới.

Đế quốc Mỹ đã cùng bè lũ bù nhìn Quyrinô thẳng tay đàn áp phong trào giải phóng Phi Luật Tân. Chúng “viện trợ” vũ khí và tiền của cho thực dân Anh, Pháp để kéo dài chiến tranh xâm lược ở Việt-Mên-Lào, đẩy mạnh việc khủng bố phong trào Mã Lai. Chúng tìm đủ cách mua chuộc bọn phản động Ấn Độ, Nam Dương, Xiêm, Diến v.v...Hội Nghị Tân Gia Ba tháng 5. 1951, Hội Nghị Hoa Thịnh Đốn đầu năm nay (1952) những cuộc gặp gỡ gần đây giữa bọn Tướng Tá Mỹ, Anh, Pháp ở Đông Nam Á hoặc giữa Mỹ với bè lũ tay sai của chúng ở Hawaii chứng tỏ bọn chúng ngày càng đi sâu vào mưu mô cấu kết với nhau để chống lại nhân dân các nước Đông Nam Á.

Nêu cao chiêu bài “chống cộng”, mượn cớ “phòng thủ chung” nhưng thực tế cốt để chuẩn bị xâm lược Trung Quốc, phá hoại hòa bình Châu Á và Thái Bình Dương. Đế quốc Mỹ đã bắt bù nhìn Phi Luật Tân nhường cho chúng 21 căn cứ quân sự, đã xây dựng nhiều căn cứ và đắp đường giao thông quân sự dọc biên giới: Xiêm-Trung Quốc, Xiêm-Diến, Xiêm-Miên, Xiêm-Lào, sửa sang sân bay Băng Cốc ở Xiêm thành sân bay lớn nhất Đông Nam Á, mở rộng sân bay Răng Gun ở Diến Điện, lập thêm sân bay ở Nam Dương, gấp rút huấn luyện và trang bị vũ khí tối tân cho 18 Tiểu Đoàn Xiêm, tiếp tế vũ khí đạn dược cho tàn quân Quốc Dân Đảng quấy rối biên giới Diến Điện-Trung Quốc và đặt nhiều cơ quan gián điệp ở Phi Luật Tân, Việt Nam, Diến Điện, Ấn Độ v.v...

Chúng trâng tráo tự xưng là “bạn tốt” (!) của nhân dân Đông Nam Á, nỏ mồm “công kích” chế độ thực dân mà Anh, Pháp cố duy trì ở Việt-Mên-Lào và Mã Lai, gióng trống khua chiêng quảng cáo âm ỹ cho lý tưởng “tự do” của Mỹ và điểm 4 của chương trình Tờ-ru-man vênh mặt “bênh vực” cho cái mà chúng

gọi là “chủ nghĩa dân tộc Châu Á”. Chúng làm ra vẻ quan tâm đến đời sống của nhân dân Đông Nam Á, tuyên bố sẵn sàng “viện trợ” nhân dân Đông Nam Á về nông cụ, thuốc men v.v... Nhưng nhân dân Đông Nam Á thừa hiểu đó chỉ là những trò bịp. Sự thật thì đế quốc Mỹ đang cố kìm hãm nhân dân Đông Nam Á trong tình trạng lạc hậu để tha hồ bán hàng, đầu tư, bóc lột, vơ vét nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chiến tranh ở Mỹ và Nhật. Đồng thời chúng mưu dùng nhân dân Đông Nam Á làm bia đỡ đạn cho chúng. Chúng tuyên truyền văn hóa nô dịch, tăng bóc đời sống đời trụ và dâm ô để đầu độc tinh thần nam nữ thanh niên.

Bọn đế quốc Anh, Pháp, Hà Lan cũng biết đế quốc Mỹ đang tìm cách và cũng đã bắt đầu hất cẳng mình để đoạt quyền bá chủ ở Đông Nam Á. Nhưng vì cố đã mắc vào tròng Mỹ và hoảng sợ trước phong trào đấu tranh ngày càng lên mạnh của nhân dân Đông Nam Á nên chúng phải bám lấy đế quốc Mỹ để cố duy trì phần nào địa vị của chúng ở Đông Nam Á. Chúng phải bấm bụng nhận những điều kiện thắt cổ của Mỹ về việc “viện trợ”. Ở Việt Nam, Pháp phải để cho Mỹ khai thác những khoáng sản quý như Thiếc, Than, Đá phốt phát v.v... ở Nam Dương, công ty độc quyền Mỹ chiếm của Anh và Hà Lan hơn 100 giếng dầu và hàng chục nhà máy lọc dầu. Hơn một triệu mẫu cao su ở Nam Dương và Tân Chi Nê lọt vào tay Mỹ, Hà Lan phải bấm bụng bán rẻ lại cho chúng nhiều khu mỏ chì, thiếc và rất nhiều vườn canh-ki-na và cà phê. Mỹ đoạt quyền lợi của Anh ở Xiêm về các ngành mậu dịch, xuất cảng và nắm lấy độc quyền khai thác cao su và thiếc. Chúng khống chế thị trường cao su và thiếc ở Mã Lai và lấy dần vào quyền khai thác dầu hỏa và cao su của Anh ở Ấn Độ.

Những trở ngại lớn trên con đường xâm lược của Mỹ:

Trên con đường xâm lược Đông Nam Á cũng như ở nhiều nơi khác trên thế giới, đế quốc Mỹ đang gặp nhiều trở ngại đó sẽ ngày càng lớn. Bọn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Anh-Pháp-Hà Lan v.v... về căn bản thì nhất trí với nhau để khủng bố và nô dịch nhân dân Đông Nam Á, nhưng những mâu thuẫn trong nội bộ chúng càng ngày càng gay go. Đế quốc Anh đang cố lôi kéo bọn phản động các nước Đông Nam Á vào khối “thịnh vượng chung” của Anh, ra sức chống lại sự cạnh tranh của Mỹ-Nhật trên thị trường Đông Nam Á và gần đây, vận động Úc và Tân Tây Lan phản đối Mỹ về việc dự định cho Nhật chính thức tham dự khối xâm lược Thái Bình Dương. Thực dân Pháp thì tỏ ý bất mãn về chính sách “viện trợ” nhỏ giọt của Mỹ, mặt khác lại muốn được quyền sử dụng “viện trợ” Mỹ để nắm chắc bọn bù nhìn Việt-Mên-Lào, nhưng Mỹ vẫn duy trì chính sách đó, đồng thời lại chỉ “viện trợ” cho Pháp một phần, còn một phần thì “viện trợ” thẳng cho bọn bù nhìn...”

Luận điệu hần học của Việt Minh, sự thực chỉ nằm trong chương trình chung gây tâm lý “chống Mỹ” của cộng sản quốc tế. Dù hành động của Mỹ tốt đẹp thế nào, dưới mắt nhìn thiên lệch của những người cộng sản cũng biến thành xấu xa, vụ lợi cả.

Nhưng thực tế đã chứng tỏ rằng viện trợ của Hoa Kỳ đã theo đúng chánh sách đúng đắn và tinh thần tương hỗ không vụ lợi, như lời nói của Đặc Sứ Denald Heath ngày 23.12.50 tại Sài Gòn trong ngày ký kết Hiệp Ước quân sự giữa Pháp và Việt-Mên-Lào:

“...Cuộc viện trợ của Hoa Kỳ không đòi hỏi một chút quyền hành nào về việc sử dụng các căn cứ quân sự hay việc kiểm soát tài nguyên hoặc kinh tế, không đòi hỏi một chút quyền lãnh đạo chỉ huy trên lãnh thổ hoặc trong chiến dịch và cũng không có cả một đòi hỏi đặc biệt nào...”

Sự thật, dân tộc Hoa Kỳ, dân tộc Việt Nam cũng như các dân tộc ham chuộng tự do khác trên thế giới chỉ muốn hòa bình, hòa bình tự do và dân chủ.

AI LAO

Ai Lao là nước thứ nhì trong Khối các Quốc Gia Liên Kết và cũng chịu chung ảnh hưởng của trận chiến tranh khốc liệt đang tàn phá Bán Đảo Đông Dương.

Với diện tích rộng 231.000 cây số vuông, Ai Lao chỉ có được một tổng số dân chúng gần hai triệu người, kể cả những nhóm dân tộc thiểu số (hơn 30 nhóm) ở rải rác khắp miền đồi núi như dân Thái, Khơ, Mèo, Lu Yaa v.v...

Cương giới Ai Lao, phía Bắc giáp Diến Điện, Trung Hoa và miền Bắc Việt Nam, phía Nam Giáp Cao

Mên, phía Đông giáp miền Trung Việt Nam và phía Tây là con sông Cửu Long (Mékong), biên thù thiên nhiên ngăn cách Ai Lao với Thái Lan.

Ai Lao sản xuất được nhiều gỗ quý, cánh kiến trắng để dùng chế nước hoa, xà phòng thơm và có nhiều thung lũng trồng toàn thuốc phiện.

Đất đai Ai Lao chưa hề bị khai thác, các nguyên liệu quý giá còn ẩn mình nguyên vẹn dưới chân những khu rừng núi hoang đại mệnh mông.

Vì dân số quá ít ỏi và hiếu tĩnh nên xưa kia Ai Lao thường bị các nước lân bang thêm thường nhòm ngó, nhất là Thái Lan họ chỉ vượt qua sông Mékong là đe dọa ngay được Kinh Thành Luang Prabang, nơi chứa đựng nhiều bạc vàng châu báu.

Năm 1778, Ai Lao bị một Tướng Xiêm, Chao Mahak Rassad Souk, kéo quân vượt qua Mékong tàn phá Kinh Thành và cướp mất tượng Phật bằng ngọc xanh.

Không chịu được cảnh áp bức, nhà ái quốc Lào Chao Anon cùng dân chúng nổi dậy đuổi quân xâm lăng, và dân Lào dầm mình trong khói lửa (1828).

Rồi lại đến lượt quân Vân Nam vượt biên giới (1873) tràn đánh Thát Luồng. Quân chiếm đóng đi tới đâu đều để lại cảnh tượng hãi hùng, người bị phanh thây, xé xác, cung điện đền chùa đổ nát tan hoang. Kinh Thành Thát Luồng cũng chung số phận bị dày xéo. Những ngôi chùa đẹp nhất nước Lào (Vat Phra Leo, Vat Phra Vat) bị đốt phá tro bụi điêu tàn.

Thời Trung Cổ, nước Lào gọi là Lan Xang vẫn do một dòng họ kế tiếp nhau trị vì.

Đầu thế kỷ thứ 17 (1711-1713) nước Lan Xang tách ra làm đôi, đứng đầu có hai vị vua cùng chung một dòng họ cũ. Vua Oun Kham ở Luang Prabang và Vua Kham Souk ở Champassak.

Năm 1807, phái bộ Auguste Pavie đặt chân lên đất Lào và chuẩn bị việc xâm chiếm.

Năm 1893, một Hiệp Ước Pháp-Lào được ký kết và từ đó Lào cũng như Cao Mên, Việt Nam, phải ép mình vào khuôn khổ xứ Đông Pháp, chịu quyền cai trị của Phủ Toàn Quyền Pháp.

Nước Ai Lao được hợp nhất và Hoàng Tử Sisavang Vong lên ngôi vua (Vua Sisavang Vong là con Hoàng Tử Nhouy và là cháu Vua Kham Souk).

Tổ chức chính quyền của Lào mới chỉ nằm vòn vẹn trong một Hội Đồng tỷ hon gọi là Hosanam Luang có vài công chức cao cấp với địa vị Giám Đốc.

Rồi chiến tranh Thế Giới Lần Thứ Hai bùng nổ.

Dựa uy lực quân đội Nhật Bản, Thái Lan gây hấn với “xứ Đông Pháp” (1940-1941) và đòi Lào phải hoàn lại mấy Tỉnh thuộc hữu ngạn sông Mékong.

Chịu nhún nhường vì yếu thế, Pháp phải “trả” cho Thái Lan hai Tỉnh Bassac và Paklay của Lào.

Đền bù lại sự mất đất, Pháp nới thêm quyền hành cho Lào (Hiệp Ước Bảo Hộ chính thức giữa Pétain-Sisavang Vong ngày 29.8.1941).

Tổ chức Hosanam Luang mở rộng thành Nội Các, gồm một vị Thủ Tướng với bốn bộ:

- Bộ Nội Vụ và Quốc Phòng.
- Bộ Tài Chính Hoàng Gia và Giáo Dục Xã Hội.
- Bộ Kinh Tế và Công Chính.
- Bộ Tư Pháp và Bộ Lễ.

Ngày 9 tháng 3 năm 1954, quân đội Nhật trở mặt lật đổ chính quyền Pháp. Việc đó đã lôi cuốn theo cả xứ Lào vào ảnh hưởng của mọi biến chuyển chung ở Đông Dương.

Trước binh lực hùng mạnh của Nhật Bản, quân đội Pháp đồn trú ở Lào bị tan vỡ.

- Số quân đội đóng ở Bắc Lào chạy sang Trung Hoa thoát khỏi bàn tay Nhật.
- Ở Trung Lào, một số công chức trốn được vào rừng.
- Riêng ở Nam Lào, đại đội đầu tiên và độc nhất của quân đội Lào, thành lập tại Đồng Hến từ ngày xảy ra chuyện xung đột với Thái Lan, đã bảo tồn được lực lượng vì đóng lẫn xa quân đội Nhật. Đại Đội đó (1cre Cie des Chasseurs Laotiens) đã kết nạp thêm và tăng quân số được gấp đôi để luôn luôn phục kích, du kích quân đội Nhật.

Ngày 8 tháng 4 năm 1945, Nhật Bản yêu cầu Quốc Vương Sisavang Vong tuyên bố Ai Lao Độc Lập và “tình nguyện” gia nhập Khối Đại Đông Á do Nhật Bản đứng đầu. Một chính phủ được nhào nặn do bàn tay Nhật Bản.

Bốn tháng sau (8.1945) quân đội Phù Tang đầu hàng Đồng Minh không điều kiện.

Chính phủ Pháp vội ủy nhiệm Đại Tá Imfeld làm Cao Ủy ở Lào (28.8.45) Đại Tá Imfeld cùng quân đội vẫn ẩn núp trong rừng núi Bắc Lào từ sau ngày 9.3.1945.

Chính phủ Pháp-Lào lục tục từ các nơi đổ về thành thị:

- Bộ đội du kích Pháp-Lào về Vientiane (5.9.45).
- Bộ đội du kích của Hoàng Thân Boun Oum về Paksé (14.9.45).

An ninh chưa kịp tái hiện thì quân đội thuộc Sư Đoàn 93 của Thống Chế Tưởng Giới Thạch đã đặt chân lên Thủ Đô đất Lào (15.9.45) do sự thỏa thuận của Đồng Minh để giải giáp quân đội Nhật.

Trong thời gian có mặt quân đội Trung Hoa, nội tình Lào lại thêm lăm chuyệnh rắc rối:

– Quân Đội Trung Hoa áp dụng chính sách tuyên truyền bài Pháp làm một số người trở nên có ác cảm với Pháp.

- Thành Phố Vientiane vì quá lộn sộn nên dân chúng phải lũ lượt tản cư.
- Quốc Vương Ai Lao bị mất quyền và bị giữ.
- Đại Tá Tư Lệnh (kiêm Cao Ủy Pháp) Imfeld bị tước khí giới ở Luang Prabang.
- Một chính phủ mới thành lập ở Vientiane do Hoàng Thân Pethsarath lãnh đạo.
- Phong trào Lào Issara (Lào Tự Do Độc Lập) liên lạc với Việt Minh, mạnh mẽ hoạt động, gây cơ sở tổ chức.

Nhưng sau khi quân đội Trung Hoa rút khỏi Ai Lao tình thế lại biến đổi.

Tháng Giêng năm 1946, Phủ Cao Ủy Pháp tới đóng Paksé (Hạ Lào) rồi quân đội Pháp tiến binh dần dần chiếm lại từng thị trấn.

- Ngày 17 tháng 3.1946, quân đội Pháp chiếm đóng Savanakhet.
- Ngày 21.3.46, trong khi tiến đánh Tỉnh Thakkkhet quân đội Pháp phải giao chiến kịch liệt với quân đội Lào-Việt Minh và đuổi xa được họ.
- Ngày 25.4.46, chiếm lại Vientiane.
- Ngày 13.5.46, chiếm lại Luang Prabang.
- Ngày 4.6.46, chiếm lại Sầm Nứa.
- Ngày 21.6.46, chiếm lại Phong Saly trên miền biên thùý sát Diến Điện.

Trong Bản Tạm Ước ký kết với Quốc Vương Sisavang Vong, tháng 8.1946, Pháp công nhận Lào là quốc gia tự trị, thống nhất.

Do áp lực của Pháp, chính phủ Thái Lan đã phải trả lại cho Quốc Vương Ai Lao hai nhượng địa bắt bí được hồi 1941. Quân đội Lào-Issara-Việt Minh cũng bị đánh đuổi thất tán và các lãnh tụ của phong trào phải lánh sang Bangkok.

Qua một giai đoạn đầy rối ren, lũng củng, ai Lao bắt đầu được bước sang thời tạm ổn định.

Dân tộc Lào nói chung, phần đông chỉ thích an phận bình dị, yên tĩnh và không muốn thấy xảy ra những xáo lộn, đụng chạm tới đời sống thanh nhàn, phẳng lặng của họ.

Nhưng những biến cố dồn dập đến với Việt Nam từ 1945 đã lôi kéo lây cả nước Vạn Tượng vào vòng luẩn quẩn.

Sở dĩ như vậy vì trên mọi phạm vi chính trị, địa dư, kinh tài, quân sự, Ai Lao đã phải có những liên hệ ràng buộc chặt chẽ với Việt Nam.

Về phương diện chính trị, không kể tới những đụng chạm lịch sử cũ kỹ giữa các triều vua Việt Nam-Vạn Tượng thời trước, mỗi liên hệ Ai Lao-Việt Nam cũng như Cao Mên-Việt Nam đã bắt nguồn mạnh mẽ từ khi cả ba nước cùng phải chịu chung sống dưới một chế độ cai trị của Phủ Toàn Quyền Pháp.

Và từ ngày chinh chiến, những tai họa xảy đến với Việt Nam cũng bao trùm cả Ai Lao:

- Quân đội Phù Tang chiếm đóng với chiêu bài Đại Đông Á.

– Bánh vẽ Độc Lập Nhật Bản với bom đạn Đồng Minh, Quân đội Trung Hoa đồn trú để tước khí giới quân đội Nhật Bản.

– Phong trào Việt Minh rồi phong trào Lào Issara xuất hiện.

Về phương diện địa dư quân sự, cả Pháp lẫn Việt Minh đều rõ rằng đất Lào là một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng.

Nếu Pháp giữ được Ai Lao, Việt Minh sẽ khó có thể mặc sức vùng vẫy tung hoành vì luôn luôn có một mũi dùi vướng ở cạnh sườn.

Ngược lại, nếu Việt Minh chiếm được xứ Lào, không những riêng số phận Đông Dương sẽ nguy khốn mà cả vùng Đông Nam Á phì nhiêu sẽ bị đe dọa nặng nề.

Sau Tạm Ước ký kết (cuối 1946) giữa Đông Cung Thái Tử Savang Vong với các nhà cầm quyền Pháp, một Hội Nghị Lập Hiến được thành lập.

Ngày 11.5.1947, Bản Hiến Pháp của Quốc Gia Lào được Vua Sisavang Vong thông qua và công bố cho toàn dân.

Những điểm chính trong Bản Hiến Pháp Lào đại khái như sau:

“Đang lúc Khối Liên Hiệp Pháp được xây dựng trên một nền tảng mới, hiểu rõ địa vị nước nhà qua những bảo đảm của lịch sử, tin chắc rằng tương lai Quốc Gia chỉ có thể vững bền do sự phối hợp của tất cả các đất đai trong nước, Quốc Gia Lào long trọng tuyên bố lãnh thổ Lào từ nay hoàn toàn thống nhất.

Dân chúng Lào đều tỏ lòng trung thuận với nền Quân Chủ, tỏ ý ham chuộng những nguyên tắc dân chủ và đồng thanh xuy tôn lên ngôi Quốc Vương Ai Lao, Đức Vua Sisavang Vong.

Lào sẽ thành một quốc gia tự trị trong Khối Liên Hiệp Pháp.”

Bản Hiến Pháp Lào còn quy định quyền hành của Quốc Vương, vạch rõ quyền công dân và bốn phận công dân, giao phó quyền lập pháp cho một Quốc Hội dân cử và quyền hành pháp cho một chính phủ đã được Quốc Hội đó chấp thuận.

Thế là từ chính thể quân chủ chuyên chế, Quốc Gia Ai Lao đã chuyển một cách nhẹ nhàng sang chính thể quân chủ lập hiến.

Sau một thời gian cầm quyền chính lâu dài, từ 24.12.1947 đến 2.3.1949, chính phủ Hoàng Thân Souvannarath từ chức nhường chỗ cho Hoàng Thân Boun Oum với Nội Các mới.

Nội Các Boun Oum tiếp tục việc thương thuyết với các đại diện của Pháp ở Đông Dương và kết quả là ngày 19.7.49 tại Paris, Tổng Thống Vincent Auriol đã ký kết với Quốc Vương Sisavang Vong một Hiệp Ước tương tự như Bản Hiệp Ước Élysée của Pháp với Việt Nam.

Ngày 23.1.1950, hai phái đoàn Pháp, Lào với những ông Pignon, Schneider, Boun Oum, Thao Nhouy, Phay v.v...lại đi tới thêm một tòa thuận: Pháp sẽ giúp đỡ Lào đủ vật liệu, kỹ thuật để nâng cao nền kinh tế quốc gia, cải tổ phương pháp hành chính trong nước để Lào có thể trở nên hùng mạnh.

Lãnh tụ phe đối lập Phya Khammao tuyên bố giải tán đảng Lào Issara vì nước nhà đã độc lập và ủng hộ chính phủ do Quốc Vương Sisavang Vong lãnh đạo.

Những người Lào thân Việt Minh vội tổ chức một mặt trận mới với tên Neo Lao Issara và một chính phủ lưu vong Lào được thành lập ở miền Bắc Việt Nam để tiếp tục chiến đấu chống lại quân đội Pháp và Quốc Vương Ai Lao: Chính phủ Sophanuvong của nước Pathét Lào (Quốc Gia Lào).

Ngày 17.2.1950, Nội Các của Hoàng Thân Boun Oum từ chức nhường chỗ cho một chính phủ Liên Hiệp Pháp mạnh mẽ hơn.

Từ Hiệp Ước Auriol-Sisavang Vong Tháng 9.1949 đến Hiệp Ước Auriol Sisavang Vong tháng 10.1953.

Ngày 23 tháng 2.1950 một vị Cao Ủy Pháp mới được cử sang Ai Lao: Cao Ủy Miguel de Pereyra.

Cao Ủy Pháp đến Vientiane vừa kịp để dự lễ Nội Các mới thành lập ra mắt quốc Vương. (24.2.50)

Thành phần Nội Các gồm có:

- Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng: Phouy Sananikone.

- Bộ Trưởng Bộ Tài Chính: Phao Panya.
- Bộ Trưởng Bộ Kinh Tế: Thao Lenam.
- Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ-Bộ Lễ, Thanh Niên: Voravong.
- Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp kiêm Y Tế: Phya Khammao.
- Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao kiêm Giáo Dục và Thông Tin: Quthong Souvannavong.
- Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Công Chính kiêm Bộ Kế Hoạch: Souvanna Phouma.

Chính phủ mới đã tỏ rõ tính cách một chính phủ Quốc Gia Liên Hiệp. Người ta nhận thấy ngoài những Bộ Trưởng vẫn ở cạnh Quốc Vương từ lâu còn có những Bộ Trưởng mới: Ông Outhong Souvannavong, một người đối lập với những chính phủ trước và các ông Souvanna Phouma, Phya Khammao, lãnh tụ của đảng Lào Issara.

Ở Quốc Hội, Hoàng Thân Pheul Panya, Phó Chủ Tịch đã được bầu lên làm Chủ Tịch thay Hoàng Thân Phouy Sananikone (lên ghế Thủ Tướng chính phủ).

Ngày 13.4.1950, một buổi lễ được long trọng cử hành tại Thành Phố Vientiane để đánh dấu ngày nước Pháp trao trả lại quyền hành cho chính phủ Ai Lao. Mười bản văn kiện chuyển giao cơ quan đã được ký kết giữa Cao Ủy Pháp với Thủ Tướng Lào.

Các cơ quan được chuyển giao:

- Thông tin tuyên truyền báo chí.
- Xã hội cứu tế.
- Thanh tra lao động.
- Cảnh sát công an.
- Kiểm soát giá cả.
- Thống kê.
- Công chính.
- Hầm mỏ.
- Giáo dục.
- Thủy lâm.

Những công thự của Pháp ở những Tỉnh Paksé, Thakket và Saravane cũng được giao trả lại cho các nhà cầm quyền Lào.

Đại diện địa phương của Pháp chỉ còn lại hai nơi, một ở Luang Prabang, một ở Savannakhet.

Qua lễ chuyển giao quyền hành tiếp ngay đến ngày Tết tương bình nhất của dân tộc Lào: Tết Nguyên Đán (14.4.50) theo lịch Nhà Phật.

Nhưng trong khi đó những người Lào thân Việt Minh cũng không ngừng hoạt động. Chính phủ lưu vong của Souphanouvong đã gia nhập mặt trận liên dân tộc Việt-Mên-Lào do Việt Minh lãnh đạo.

Để đối phó với những hoạt động du kích đang phát triển của nhóm Lào Việt Minh (Neo Lao Issara), chính phủ Ai Lao một mặt cấp tốc xây dựng quân đội, một mặt đề nghị với Pháp trực tiếp giúp đỡ về quân sự.

Vì bản tính dân tộc Lào không hiếu chiến nên từ xưa nghề binh vẫn không được coi trọng. Trước năm 1941, ở Lào chỉ có một vài cơ lính đồng canh gác, tuần phòng (Như kiểu lính Khố Xanh (1940-1941) người Pháp vội thành lập thêm một Đại Đội mới (1ere Cie Chasseurs Laotiens) ở Đồng Hến, cách Savannakhet 65 cây số. Một đơn vị khác toàn quân tình nguyện cũng được kết hợp ở Tỉnh Vientiane, và sau ngày Nhật Bản đảo chính, những toán quân đó rút vào rừng hoạt động du kích chống lại quân đội Nhật.

Được thêm những đơn vị nhảy dù của Pháp từ Calcutta tới giúp sức, quân đội du kích mỗi ngày thêm lớn mạnh. Lúc Nhật Bản đầu hàng, quân số du kích Pháp-Lào đã lên tới 8 Tiểu Đoàn.

Cuối năm 1949, sau Hiệp Ước ký kết với Pháp, chính phủ Lào quyết định thành lập Quân Đội Quốc Gia.

Tiểu Đoàn Bộ Binh thứ nhất bắt đầu được mộ và huấn luyện hồi tháng 7 năm 1950 ở Chinaimo (cách

Vientiane 6 cây số). Cuối năm 1950, Tiểu Đoàn đó được phân phối đi đóng ở các đồn bao quanh Thành Phố Vientiane, đồng thời một Tiểu Đoàn Bộ Binh thứ hai cũng được thành hình ở Hạ Lào.

Quân số Lào tiến triển theo thời gian.

Năm 1951 thêm:

- Hai Tiểu Đoàn Bộ Binh bảo vệ Luang Prabang.

- Một Tiểu Đoàn quân nhảy dù.

- 25 đội Lưu Động dưới quyền chỉ huy của các Châu khuông (Châu Trưởng hay Tỉnh Trưởng) với nhiệm vụ bình định trong vùng.

Năm 1952 thêm:

- Hai Tiểu Đoàn Bộ Binh.

- Các Đại Đội công binh và vận tải.

- Một đơn vị giang thuyền tuần thám.

- 10 đội lưu động.

Khởi đầu từ cuối 1949 với độ hơn một ngàn binh sĩ, Quân Đội Quốc Gia Lào trong ba năm đã tăng được gấp mười lần. Tính đến mùa Thu năm 1952, số lượng đã lên tới 12.000.

Và còn phải kể thêm 10.000 binh sĩ Lào đang tiếp tục chiến đấu trong hàng ngũ quân đội Pháp.

Để đủ số cán bộ chỉ huy, một trung tâm huấn luyện sĩ quan đã được mở cửa ở Đồng Hến (1950).

Khóa “Tổ Quốc Lào năm 1951 khóa “Thiếu Úy Bon Akham” năm 1952 đã đào tạo được chừng 150 sĩ quan.

Những sinh viên sĩ quan đó, sau một năm chịu huấn luyện, được mãn khóa với chức Chuẩn Úy. Sau đó lại phải thực hành thêm 6 tháng nữa trong đơn vị bộ đội rồi mới được chính thức lên ngạch sĩ quan.

Trong 30 đại đội bộ binh đã có 15 đại đội được dưới sự chỉ huy của sĩ quan Lào. Những cán bộ chỉ huy Trung Đội (Section) trong Quân Đội Quốc Gia hoàn toàn đã do người Lào đảm nhiệm lấy.

Một Trường Hạ Sĩ Quan được thành lập ở Chinaimo. Học sinh quân chịu huấn luyện trong 5 tháng.

Cuối 1952, ba khóa hạ sĩ quan đã tốt nghiệp (có chừng 120 Trung Sĩ).

Quân Đội Quốc Gia Lào ngày một tăng cường đã góp sức chiến đấu cạnh quân đội Pháp để diệt trừ những ổ phục kích Lào-Việt Minh.

Những cuộc chạm súng ngày càng thêm nhiều, ngày càng tăng phần gay go, ác liệt.

Hoa Kỳ cũng rất chú ý tới tình hình Ai Lao, đã dành riêng cho Ai Lao một ngân khoản viện trợ kinh tế và quân sự để kiến thiết xứ sở, tăng cường quân lực.

Trong những tháng cuối 1950 và đầu 1951, Hoàng Thân Outhong Souvannavong, Bộ Trưởng Ngoại Giao kiêm Thông Tin và Giáo Dục đã lãnh đạo phái đoàn Ai Lao sang Pháp để dự Hội Nghị Liên Quốc Pháp-Mên-Việt-Lào (Hội Nghị Pau).

Kết quả là về phương diện tài chính, đồng bạc của Ai Lao cũng như đồng bạc Việt Nam, Cao Mên đều nằm trong một Viện Phát Hành chung và lệ thuộc đồng Phật Lăng (Và tất nhiên cũng chịu chung ảnh hưởng của vụ phá giá đồng bạc Đông Dương năm 1953 do chính phủ Mayer quyết định).

Tình hình Ai Lao qua nhiều năm tương đối yên tĩnh bỗng trở nên nghiêm trọng. Sau việc thành lập một chính phủ Thái của Trung Cộng ở Hải Nam gián tiếp đe dọa Lào tiếp luôn đến việc Việt Minh trực tiếp trận đánh xâm chiếm Bắc Lào hồi đầu mùa Hạ 1953. Nước Ai Lao nhỏ bé, may mắn hay không may mắn, đã được toàn thể thế giới phải chú trọng để ý.

Những biến cố chính trị và quân sự ở Đông Dương đã ảnh hưởng sâu sắc tới vận mệnh Ai Lao và do đó phát sinh một cách dễ dàng mau chóng cuộc gặp gỡ giữa Tổng Thống Vincent Auriol với Quốc Vương Sissavang Vong, tháng 10 năm 1953.

Lễ ký kết các Bản Phụ Ước Pháp-Lào đã diễn ra tại Phủ Thủ Tướng Pháp.

Phía Pháp có sự hiện diện của Tổng Thống Vincent Auriol, Thủ Tướng J. Laniel, Phó Thủ Tướng P. Reynaud, Bộ Trưởng Ngoại Giao G. Bidault, Bộ Trưởng Quốc Phòng R. Pleven, Bộ Trưởng phụ trách các Quốc Gia Liên Kết Marc Jacquet, Tổng Thư Ký Hội Đồng Liên Hiệp Pháp Mecheri, Đại Tướng Không

Quân Bodet phụ tá của Tổng Tư Lệnh H. Navarre.

Phía Lào có mặt Quốc Vương Sisavang Vong, Hoàng Tử Savang Vathana, Thủ Tướng Souvanna Phouma, Ngoại Trưởng Nhouy Abhay, Đại Biểu Hoàng Gia Hoàng Thân Khammao, Bộ Trưởng Tài Chính Thao Katay, Bí Thư Quốc Vương Hoàng Thân Thong Soik.

Nói đúng Bản Hiệp Ước “Thân thiện và liên kết giữa nước Cộng Hòa Pháp và Quốc Gia Ai Lao” như sau:

“Ông Vincent Auriol, Tổng Thống Cộng Hòa Pháp kiêm Chủ Tịch Liên Pháp và Quốc Vương Sisavang Vong, Vua nước Ai Lao.

– Nhận thấy rằng nước Pháp đã giữ trọn các lời đã hứa để bảo đảm cho Ai Lao chủ quyền hoàn toàn và nền độc lập hoàn toàn, được xác nhận bởi Bản Tuyên Cáo ngày 3 tháng 7 năm 1953.

– Cùng chung một ý muốn duy trì và củng cố những giây liên lạc thân hữu có truyền kết chặt hai nước, được củng cố bởi sự gia nhập của Vương Quốc Ai Lao vào Liên Hiệp Pháp.

– Đã thỏa thuận với nhau như dưới đây:

Điều 1: Nước Cộng Hòa Pháp thừa nhận và tuyên bố rằng Vương Quốc Ai Lao là một quốc gia hoàn toàn độc lập và có chủ quyền. Bởi vậy cho nên thay thế cho nước Cộng Hòa Pháp trong tất cả các quyền hành và trách vụ đó ở tất cả các hiệp ước quốc tế hoặc quy ước đặc biệt đã ký kết bởi nước Cộng Hòa Pháp nhân danh Vương Quốc Ai Lao hoặc Đông Dương trước khi có quy ước này.

Điều 2: Vương Quốc Ai Lao lại xác nhận tự do gia nhập Liên Hiệp Pháp, một tổ chức liên kết của các dân tộc độc lập, có chủ quyền, tự do và bình đẳng về quyền hành và bốn phận, ở đó tất cả các nước hội viên góp chung với nhau những phương tiện của mình để bảo đảm cuộc phòng thủ chung của toàn thể Khối Liên Hiệp. Vương Quốc Ai Lao lại xác nhận quyết định dự vào Thượng Hội Đồng, nơi phụ trách sự phối hợp các phương tiện đó và sự điều khiển chung Khối Liên Hiệp dưới quyền chủ tọa của Chủ Tịch Liên Hiệp Pháp.

Điều 3: Nước Pháp cam kết bênh vực và ủng hộ chủ quyền và nền độc lập của Ai Lao trước các tưng đình quốc tế.

Điều 4: Nước Pháp và Ai Lao cam kết tham dự chung tất cả các cuộc thương thuyết có thể xảy ra có mục đích sửa đổi những quy ước hiện ràng buộc các Quốc Gia Liên Kết với nhau.

Điều 5: Mỗi bên cam kết trên lãnh thổ chính của mình, bảo đảm cho những kiều dân của bên kia sự đối đãi giống như sự đối đãi đã dành cho những người dân ở chính nước mình.

Điều 6: Đôi bên, trong trường hợp mà các Hiệp Ước đang quy định các liên lạc kinh tế giữa hai nước phải sửa đổi, cam đoan với nhau sẽ dành cho nhau những quyền lợi, nhất là dưới hình thức ưu đãi về thuế xuất.

Điều 7: Những quy ước riêng biệt ấn định những thể thức về liên kết giữa nước Cộng Hòa Pháp và Vương Quốc Ai Lao. hiệp ước và những quy ước riêng biệt thủ tiêu và thay thế tất cả những văn kiện cùng tính chất được ký kết trước đây giữa hai quốc gia.

Hiệp Ước này và những quy ước riêng biệt, trừ những quy định trái lẽ cho những quy định này, sẽ có hiệu lực vào ngày ký kết. Các văn kiện phê chuẩn Hiệp Ước này sẽ được trao đổi khi được các cơ quan Lập Hiến Pháp và Lào chuẩn y”.

Hiệp Ước ngày 22 tháng 10 năm 1953 đã đánh dấu một giai đoạn trong lịch sử bang giao Pháp-Lào. Nó xiết chặt thêm những giây liên lạc đã có từ hơn nửa thế kỷ giữa hai nước.

Thủ Tướng Ai Lao Souvanna Phouma hân hoan tuyên bố:

“...Chúng tôi còn cần phải có sự giúp đỡ của Pháp để phát triển tài sản của chúng tôi và trang bị nước chúng tôi. Đó là những công cuộc cần thiết cho tất cả các quốc gia tân tiến.

Chúng tôi sẽ khó mà đạt được mục đích đó bằng những phương tiện riêng của chúng tôi vì Ai Lao, về phương diện kinh tế rất yếu ớt trước năm 1945, lại bị suy nhược thêm từ khi chiến tranh lan đến biên thùy. Một vài thành phố của chúng tôi bị phá hủy. Phần lớn các đường giao thông của tôi không được săn sóc.

Vậy cần phải hàn gắn những vết thương của chúng tôi do chiến tranh gây ra, mở mang nước chúng tôi và

đồng thời phải bảo vệ nền độc lập.

Nhiệm vụ thật là nặng nề cho một quốc gia mới trưởng thành đã phải động viên triệt để tất cả những sinh lực của mình để chiến đấu cạnh các đồng minh chống một kẻ thù từ ngoài tới muốn bắt phải theo một lý tưởng trái với những tập quán của mình.

Bởi vậy tôi yêu cầu nước Pháp tiếp tục giúp đỡ để cho Ai Lao giữ được địa vị trong Liên Hiệp Pháp và thế giới”.

Về phía Pháp, Tổng Thống Vincent Auriol cũng đọc một bài diễn văn phân tách giá trị Hiệp Ước và trong đó còn ẩn thêm nhiều ý nghĩa xa xôi, bóng gió.

“...Nó làm hồi sinh mà không làm đứt đoạn những giây liên lạc kết chặt Vương Quốc Ai Lao và nước Cộng Hòa Pháp trong một cuộc liên kết tự do và thân thiện.

Những ai vì nhẹ dạ, vì có óc kèn cựa và vô ơn, hiểu nhầm Pháp và Liên Hiệp Pháp sẽ nhận được sự cải chính của các sự kiện vì không những Liên Hiệp Pháp không phải là một sự kiện trở ngại cho nền độc lập quốc gia nhưng nó có mục đích bảo đảm và bảo vệ nền độc lập đó.

Thật là vô sỉ những ai trong lúc này quên những công ơn của Liên Hiệp Pháp và không biết họ dễ thiếu cái gì để tự vệ khi mà không có Liên Hiệp Pháp ?”

Bài diễn văn của Tổng Thống Pháp được đánh dấu bằng việc trao trả Quốc Vương Ai Lao chiếc Ấn của Quốc Vương Luang Prabang mà từ 1887, lãnh tụ Thái Đèo Văn Tri chiếm được đã đem biếu Auguste Pavie (sau Auguste Pavie lại tặng Bộ Ngoại Giao Pháp).

Tháng 11.1957, dưới sự hướng dẫn của Thủ Tướng Souvanna Phouma, phái đoàn Ai Lao lên đường đi Ba Lê dự khóa họp của Hội Đồng Liên Hiệp Pháp.

Phái đoàn Lào gồm những vị: Phoui Sananikone Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Nội Vụ, Quốc Phòng. Outhong Souvannavong, Tổng Trưởng Y Tế, Hoàng Thân Khammao. Đại diện tối cao của Ai Lao, Chao Say Kham, Tỉnh Trưởng Xieng Khouang.

Quốc Vương Ai Lao đã thành công về chính trị nhưng xứ sở Ai Lao, một lần nữa, đã lại biến thành chiến trường quan trọng. Nào những cuộc hành binh Mouette, Castor sát cạnh biên giới, nào những cuộc tảo thanh Jura, Ardeche, Dampierre, Bearn v.v..., rồi tiếp đến những trận long trời lở đất ở quanh khu vực Séno, Thakphet...

Thế giới lại một lần nữa hồi hộp trông chờ kết quả của chiến trường Ai Lao, kết quả có ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh của toàn cõi Đông Nam Á và của thế giới tự do.

CAO MÊN

Với cảnh Chùa Đế Thiên Đế Thích, Chùa Vàng, Chùa Bạc với biển hồ Tonlé Sap, xứ Cao Mên, tanh nồng mùi cá, Quốc Gia của dân tộc Khmer khỏe, giàu đã từng qua một thời văn minh từng bừng dưới vòm trời Đông Nam Á.

Giáp Thái Lan, Hạ Lào, Việt Nam và biển cả, Cao Miên nằm tròn chặn trong Bán Đảo Đông Dương đã bỗng trầm cùng với Việt Nam trong cơn sóng gió.

Từ sự liên lạc của Quốc Vương Ang Dương với phái bộ Pháp tại Singapour năm 1854 đến Hiệp Ước Bảo Hộ 1863 ký kết giữa Mên Hoàng Norodom và các Đô Đốc Pháp, (Đô Đốc Charner tiếp xúc với Norodom từ tháng 3.1861 và tháng 6.1864, Đô Đốc Doudart de Lagrée dâng Norodom ấn tín Quốc Vương). Dân tộc Khmer bắt đầu yên định cuộc đời giống như hai dân tộc bạn: Việt Nam và Ai Lao.

Hoàng Đế ngày nay là cháu Mên Hoàng Norodom, tượng trưng cả 2 họ dòng dõi của những triều vua thời Đế Thiên Đế Thích, dòng Norodom và dòng Sisowath, Quốc Vương Cao Mên ngày nay (lên ngôi năm 1941, 20 tuổi) có một tên dài dặc: Prean Bat Samdach Préah Norodom Sihanouk Varman Reach Harivong Uphato Suheat Visothipong Akamohaboras Rat Nikarodor Moharesecheathireach Baromaneat Préah Chan Anacbak Kampuchea.

Biến cố năm 1845 giúp Quốc Vương Sihanouk thoát ly hệ thống Bảo Hộ để tuyên bố một Cao Mên độc lập và khi Việt Minh bùng lên ở Việt Nam lại đã lôi cả dân tộc Khmer trộn lẫn với phong trào cách mệnh giải phóng. Chính phủ Khmer độc lập đầu tiên do lãnh tụ Sơn Ngọc Thành lãnh đạo (1945). Lợi dụng chức

vị cao cấp trong chính phủ, Thủ Tướng Sơn Ngọc Thành lãnh đạo tuyên truyền chống Pháp. Lãnh tụ Sơn Ngọc Thành đã từng phải trốn tránh Pháp (1942) ở Thái Lan và trở lại Cao Mên 1945 sau khi đã đi Tokyo.

Tuyên truyền chống người Pháp, võ trang cho đám thuyền thợ và “cu ly” đất đỏ (đồn điền cao su) Sơn Ngọc Thành đã chuẩn bị một sự hợp tác chặt chẽ với “ủy ban nhân dân Nam Bộ” sau ngày Việt Minh cướp chính quyền ở Việt Nam.

Khi quân đội của Tướng Leclerc xâm nhập trung tâm Cao Mên (10.1945) Thủ Tướng Sơn Ngọc Thành bị bắt và kết án 20 năm khổ sai, đầy sang Vence rồi Poitiers (Pháp).

Trong chuỗi ngày mất Thủ Tướng, Miên Hoàng Sihonouk đã tiếp nhận Đại Tá Huard làm Thượng Sú Pháp, đồng thời ủy nhiệm Hoàng Thân Monireth thành lập Nội Các (15.10.45). Tức khắc, xứ Cao Mên bị phân chia ảnh hưởng:

Một, Nội Các Monireth tuyên bố cuộc tái hợp cần thiết giữa Cao Mên và Pháp.

Hai, một số lãnh tụ cách mạng phe cánh của Sơn Ngọc Thành “xuất ngoại” về phía biên giới Nam Việt (Sóc Trăng) liên kết với Việt Minh, thành lập tiểu tổ kháng chiến đầu tiên dưới tên: Khmer Issarak.

Mùa Xuân năm 1946, chính phủ Pháp ký với chính phủ Monireth tạm ước Modus Vivendi. Dựa vào đó xứ Cao Mên hy vọng cải cách hệ thống chính trị cũ rích để sửa soạn tiến bước theo dân chủ.

Tháng 9 năm 1946 Đảng Dân Chủ lần bước và chiếm quyền điều khiển chính phủ. Nội Các mới dưới sự lãnh đạo của Thủ Tướng Youtevong (đảng viên dân chủ). Đòi lại của Thái Lan vùng đất đai bị nhượng từ tháng 7.1941 (vùng Battambang). Nhưng, xứ Cao Mên mới không yên ổn và luôn luôn biến động. Quân giải phóng Khmer Issarak nhất định chống lại chính phủ của Mên Hoàng. Trong mạn rừng miền Tây Nam sát vùng biển cả, cố gắng tổ chức cơ sở kháng chiến theo kiểu Việt Minh. Họ đột kích, phục kích, đón đường cướp súng ống của quân đội Pháp.

Tháng 7.1947 Thủ Tướng Youtevong từ trần. Watchayavong lên thay (27.7.47) đã tổ chức cuộc bầu cử hội đồng lập pháp (21.12.47).

Năm 1948, tình hình xứ Cao Mên trở nên hỗn loạn. Trong khu vực Kandal miền Nam, quân kháng chiến Khmer Issarak đã hợp tác mật thiết với Việt Minh. Tổ chức quân sự quy mô phát triển: “Liên Quân Mên-Việt”. Thành phần chỉ huy quân đội này là một số người Việt Nam và Cao Mên nguyên tù chính trị ở Côn Đảo (được thả ra sau ngày Nhật-Pháp 9.3.45). Từ những căn cứ địa loáng thoáng trong rừng sâu “Liên Quân Mên-Việt” phóng ra những trận đột kích phục kích giao thông chiến trên các Quốc Lộ Cao Mên, trên những nhánh sông có thuyền bè vận chuyển ngăn cản đường giao thông tiếp tế từ mọi hướng về Nam Vang, Thủ Đô chính trị dân tộc Khmer.

Tình hình mỗi ngày một quan trọng khiến Nội Các Watchayavong lại đổ (7.48). Ông Chean Vam được đứng ra lập Nội Các mới nhưng chưa được bao lâu ông Penn Nouth lại thế chân (8.48). Đầu tháng 2.49 Penn Nouth phải nhường ghế Thủ Tướng Yem Sambaur để thành lập chính phủ Liên Hiệp. Sự lung củng mâu thuẫn luôn luôn xảy ra trong nội bộ khiến cho Yem Sambaur giải tán Nội Các cũ (15.9.49) và thành lập Nội Các khác (30.9.49). Tân Nội Các có nhiệm vụ tổ chức cuộc đàm phán với Pháp gồm có những nhân vật như sau:

Yem Sambaur, Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Nội Vụ và Quốc Phòng. Sum Hieng, Phó Thủ Tướng kiêm Lễ Nghi và Kinh Tế, Kosal, Tư Pháp. Auchhoenn, Tài Chính. Phick Phoeun, Canh Nông Công Chính. Ray Lamouth, Thương Mại Kỹ Nghệ Tiếp Tế. Neal Phleng, Y Tế. Kouth Khoeun, Thông Tin. Mess Saen, Giáo Dục. Pho Proeung, Phụ Tá Quốc Phòng.

Ngày 8.11 một Hiệp Ước Pháp-Miên ra đời, đại khái thuộc loại Hiệp Ước Pháp-Việt, Pháp-Lào (1949). Nào Quốc Gia Cao Mên Độc Lập trong Liên Hiệp Pháp, nào tinh thần tương hỗ, nào Cao Mên sẽ được ủng hộ gia nhập Liên Hiệp Pháp v.v...và v.v...tất cả gồm 20 khoản.

Cao Mên càng lộn xộn. Nhóm Việt Minh-Khmer Issarsk bất tình lình đã tuyên bố thành lập mặt trận giải phóng Cao Mên (10.49). Từ lén lút, Việt Minh-Khmer Issarak trở nên công khai khủng bố, mạnh bạo hoạt động. Lãnh tụ Nguyễn thành Sơn (người Việt Nam) điều khiển mặt trận Cao Mên đã tập hợp tất cả các lực lượng Khmer và lập thành một tổ chức: Mặt trận Issarak thống nhất. Mặt trận này trao cho Sơn ngọc Minh

(người Cao Mên) lãnh đạo. Lãnh tụ Sơn ngọc Minh cho ra đời một chính phủ mệnh danh là “chính phủ lâm thời Cao Mên tự do”. Thế là chuỗi năm 1949 xứ Cao Mên phì nhiêu đã có 2 chính phủ.

Đầu năm 1950 Cao Mên cũng như Ai Lao và Việt Nam được quốc tế công nhận (2.1950). Những cuộc tiếp xúc với Hoa Kỳ (Sihanouk-Quillon-Abott, Sihanouk-Giffin) là khởi đầu cho cuộc viện trợ (giống Việt Nam) quân sự và kinh tế.

Tháng 3.1950, Mên Hoàng tiếp xúc với các lãnh tụ chính trị, tỏ ý muốn thành lập một chính phủ Liên Hiệp Quốc Gia rộng rãi. Đảng Dân Chủ, Đảng Tự Do, Đảng Dân Chủ Tiến Bộ, Đảng Dân Chủ Ly Khai, Đảng Cải Lương... mâu thuẫn ý kiến và bất đồng quan điểm quanh chức vị Thủ Tướng chính phủ. Sự mâu thuẫn khiến Mên Hoàng phải đích thân cầm quyền chính (1.5.1950). Một Nội Các ra đời như sau:

Quốc Vương: Norodom Sihanouk.

Thủ Tướng chính phủ tạm thời giữ ghế Quốc Phòng: Penn Nouth.

Ngoại Giao-Giao Thông-Công Chính: Ponn Nam.

Nội Vụ: Yit Stronn.

Tài Chính: Au Chloeu.

Kinh Tế: Khuon Nay.

Tư Pháp: Chan Nak.

Giáo Dục: Pitou de Monteiro.

Y Tế-Lao Động-Xã Hội: Neal Phleng.

Nghi Lễ-Mỹ Thuật: In Nginn.

Quốc Vụ Khanh: Tau Mau.

1.6.1950 Hoàng Thân Monipong thay Mên Hoàng giữ ghế Thủ Tướng để ký kết với Thượng Sứ Pignon (15.6) những điều khoản áp dụng Hiệp Ước Pháp-Mên và tổ chức phái đoàn đi họp Hội Nghị Pau (1950). (Outhong Sovannakong Tổng Trưởng Ngoại Giao kiêm Giáo Dục, Thông Tin, thay Sonn Nam làm Trưởng Đoàn). Tháng 2.1951 chính phủ Cao Mên lại đổ vì vấn đề thảo Hiến Pháp. Tháng 3 ông Oum Chheangoun được chỉ định thành lập Nội Các Lâm Thời, đến 13.6 thành chính thức và Đảng Dân Chủ bắt đầu bị loại. Danh sách mới như sau:

Thủ Tướng kiêm Quốc Phòng: Oum Chheangsun.

Phó Thủ Tướng kiêm Y Tế, Xã Hội, Lao Động: Sonn Nam.

Tư Pháp: Pitou de Monteiro.

Tài Chính: Au Chheun.

Ngoại Giao: Neal Phleng.

Nội Vụ: Prak Sariun.

Công Chính, Kế Hoạch, Giao Thông, Bưu Điện: Kosal

Giáo Dục, Mỹ Thuật: Poc Thuon.

Nghi Lễ: Sam Nhean.

Thương Mại Kỹ Nghệ Tep Phan.

Canh Nông, Chăn Nuôi: Chuop Hell.

Tuy đã có chính phủ chính thức nhưng một số dân Cao Mên vẫn hướng về Đảng Dân Chủ và nhất là lãnh tụ Sơn Ngọc Thành của họ. Tháng 10, hàng vạn người tụ họp đòi chính phủ Pháp trả lại tự do cho Sơn Ngọc Thành nhờ đó tháng 12 họ Sơn đã trở về nước.

Lợi dụng lòng tin nghiêm của dân chúng Sơn Ngọc Thành cho ra đời tờ báo Khmer Krok để tuyên truyền tranh đấu và phỉ báng như sau:

– Nền độc lập của quốc gia là giả dối.

– Nếu quốc gia được độc lập thật sự, Việt Minh sẽ tự lui ngay.

– Quân đội Pháp hồi hương ngay để đem lại an ninh cho quốc gia.

– Xé bỏ Hiệp Ước Pháp-Mên ký kết 1949.

Luận điệu quá khích của tờ Khmer Krok khiến tờ báo đó phải đóng cửa (2.1952) và việc đó làm Sơn

Ngọc Thành bất mãn chạy sang hàng ngũ Việt Minh-Khmer Issarak. Liên lạc được với một ủy viên trong ủy ban giải phóng Cao Mên (Siêu -Heng) ngày 21.6.1952 Sơn Ngọc Thành bỏ vùng quốc gia ra bưng biển hợp tác với Sơn ngọc Minh chủ tịch quân cách mạng.

Thế là từ 1945 đến tháng 5.1952, xứ Cao Mên với vài triệu dân cò đã thay đổi đến 10 Nội Các với 8 vị Thủ Tướng, chiếm kỷ lục “linh tinh” trong ba quốc gia đau khổ ở miền Đông Nam Á.

Tháng 11.1950 khi đảng lao động Việt Nam ra mắt dân chúng (vùng Việt Minh) ở bên nước bạn thì dân Khmer cũng bắt đầu thấy mọc lên ở nước mình đảng lao động Cao Mên (cũng như dân Lào thấy đảng lao động Lào).

Trên mặt trận quân sự Liên Quân Mên-Việt tăng cường hoạt động và được vũ trang do việc đổi chác thổ sản như Kapok, hạt tiêu, nhựa thông, cá phơi v.v...với Thái Lan, tổ chức cơ sở kháng chiến vùng Kandal và những khu rừng rậm miền Bắc Battambang. Với quân số chừng 1,2 vạn, Việt Minh-Khmer Issarak áp dụng du kích chiến đánh úp các đoàn tiếp tế vận tải quân lương vũ khí của Pháp trên Thủy, Bộ, tiêu hao đối phương khắp chiến trường. Lợi dụng đức tin ngưỡng của dân tộc Khmer, Việt Minh-Issarak tổ chức huấn luyện những nhà sư giả mạo phái đi tuyên truyền “đạo lý” gây cơ sở. Thường khi các nhà đương cục Pháp-Mên không thể nào phân biệt được thật hay giả để loại trừ hoạt động của Việt Minh. Đây là một ưu điểm của Việt Minh-Khmer Issarak mà cũng là một nhược điểm của chính phủ Cao Mên và Pháp.

Những đối tượng của Việt Minh nhằm chia ra như sau:

- Hàng chục vạn người Việt Nam sống bằng nghề chài lưới, buôn bán trên các triền sông và nông nghiệp ở khắp lãnh thổ Cao Mên bị khai thác.
- 100.000 người Việt Nam ở Thủ Đô Nam Vang được tổ chức thành lập: “Mặt trận Việt kiều ái quốc”.
- Hàng vạn công nhân Việt Nam sống trong vùng đất đỏ bạc ngàn đã bí mật tổ chức chuyện phá hoại kinh tế Pháp.
- 300.000 Hoa kiều sống ở Cao Mên bị tuyên truyền và một tổ chức đã mọc ra. “Hội giải phóng Hoa kiều hải ngoại”, Hội này đã giúp Việt Minh nào tiền bạc, nào nông sản, nhiều nhất là trong vùng Kampot.

Từ ngày Sơn ngọc Thành bỏ ra bưng biển, tình hình chính trị xứ Cao Mên nhạt nhẽo hững hờ trôi. Cuộc bang giao Pháp-Mên tiến bộ chậm chạp ngắc ngoải khiến cho trên đất Cao Mên xảy ra một chuyện làm âm ỹ cả thế giới, việc Quốc Vương Sihanouk vùng vắng bỏ nước lánh sang Thái Lan (14.6.1953). Sau Mên Hoàng trở lại Battambang và về đóng đô tại Siem Reap (30.6.53). Siem Reap là một Tỉnh phía Bắc Biển Hồ Tonlésap, gần Đế Thiên Đế Thích, là quê hương ấp trại của Trung Tướng Dap Chuôn, vị Tướng lãnh đã từ bưng về quy thuận 1949. Đóng ở Siem Reap, hành động của Quốc Vương thật đã làm căng thẳng sự bang giao Mên-Pháp. Nhưng dù sao bao giờ phút nghiêm trọng cũng đã dần trôi qua và những trách móc ngoại lai cũng bớt dịu dần dần. Tháng 7, chính phủ Pháp cho ra đời Bản Tuyên Ngôn chung cho cả 3 quốc gia Việt-Mên-Lào. Ta hãy nghe phản ứng:

Từ Siem Reap Mên Hoàng tuyên bố:

“Tôi mong rằng lời phúc đáp của chính phủ Cao Mên sẽ đúng với nguyện vọng chung của dân tộc Cao Mên và sẽ được nước Pháp tiếp nhận không đến nỗi khó khăn...”

Để phúc đáp Bản Tuyên Ngôn 3.7, Mên Hoàng Sihanouk trước hết đã tỏ thái độ của mình:

- Hải lòng về sự bổ nhiệm ông Maurice Dejean làm Tổng Ủy Viên,,,
- Áp dụng một chương trình động viên toàn quốc.
- Thi hành kế hoạch Sihanouk, Mên Hoàng ủy nhiệm Hoàng Thân Essaro tổ chức những đơn vị xung phong với mục đích tiêu trừ “tam loạn” loạn Việt Minh, loạn Issarak và loạn “xâm lăng của ngoại quốc” (?).

Trong khi ấy, Quốc Vương và Tổng Trưởng Quốc Phòng Sirik Matak kiểm tra quân đội, từ Siem Reap đi Battambang (16.7) rồi lại từ Battambang về Siem Reap (22.7), rồi lại từ Siem Reap đi Battambang (27.7), bá quan văn võ rầm rầm rộ rộ v.v...và Thủ Tướng Penn Nouth bỗng nhiên biến thành ủy viên giao thông liên lạc giữa Siem Reap với Nam Vang...

Những yêu sách chính được nêu lên, nào yêu cầu Cao Mên tách ra khỏi Viện phát hành giấy bạc, tách

khởi Hồi Đoái Cục Việt, Mên, Lào, đòi thiết lập tự do một Viện phát hành riêng và một Hồi Đoái Cục Pháp-Mên độc lập nào yêu cầu tòa án Cao Mên sẽ nhân danh Quốc Vương xét xử các án tù và bãi bỏ Tòa Án Hỗn Hợp, nào đòi Pháp quyền Tổng Tư Lệnh cho Quốc Vương Cao Mên v.v...

Hạ tuần tháng 7, Thủ Tướng Penn Nouth cải tổ chính phủ, ông đã ghép Bộ Tài Chính, Bộ Thể Thao, Bộ Giáo Dục vào với trọng trách Thủ Tướng, Sirik Matak nhường ghế Quốc Phòng cho Sim Var nguyên Tổng Trưởng Kinh Tế và Công Chính, Sam Sary từ chức phụ trách các cuộc hội nghị ở Ba Lê về giữ Bộ Quốc Gia Giáo Dục thay Công Chúa Yukanthor (Yukanthor sang giữ Y Tế), Tiou Long nguyên Tổng Trưởng Thông Tin giữ Bộ Công Chính, Samson Fernandez nguyên Tổng Trưởng Y Tế đảm nhận Thông Tin và Prak Sarim giữ Nội Vụ.

Trong khi Quốc Vương và Thủ Tướng đưa yêu sách này nọ thì các nghị sĩ Cao Mên cũng nêu lên thêm nhiều câu chất vấn Bộ Liên Quốc (Versailles 2.8.53) để biểu dương tinh thần và ý chí dân tộc.

Mở một trận đánh tâm lý cốt tạo nên một thực lực bản thân, Mên Hoàng Sihanouk cố gắng thu phục dân tâm và đòi Pháp phải đối với Cao Mên như Anh-cát-lợi đã đối với Ấn Độ (quy chế Liên Hiệp Anh).

Hành động tích cực của Quốc Vương Cao Mên đem đến kết quả tháng 10, hai bên Pháp-Mên đã cùng nhau thỏa thuận sơ bộ:

- Để ba tiểu đoàn Mên cho Bộ Tư Lệnh Pháp sử dụng.
- Thiết lập "Khu hành binh Cao Mên" dưới quyền chỉ huy duy nhất của Cao Mên (4 tiểu đoàn và 16 đại đội) gồm 3 vùng Battambang, Reap, Kompong Thom.
- 11 Tỉnh còn lại của xứ Cao Mên sẽ do Pháp kiểm soát (ngoài những đơn vị Liên Hiệp Pháp, còn có 5 tiểu đoàn Pháp-Mên, 29 đại đội bổ túc, 2 tiểu đoàn Phi Châu, 5 tiểu đoàn Mên "cho mượn").
- Bộ Tham Mưu Pháp giữ quyền chủ động, tự do hành binh trên tả ngạn Cừu Long Giang, từ Bắc Kompong Cham đến danh giới Ai Lao Hạ.

Bộ Tham Mưu Cao Mên nhận lại tất cả những đơn vị Cao Mên đặt dưới quyền chỉ huy của người Pháp ngoại trừ 3 trong 5 tiểu đoàn Cao Mên thuộc quân đội Liên Hiệp Pháp và 9 trong 29 đại đội bổ túc (3 tiểu đoàn và 9 đại đội này sẽ hợp lại thành "toán hành binh Pháp" để phòng thủ đường giao thông Sài Gòn-Vientiane (khúc Cao Mên).

Lực lượng Cao Mên sẽ có sau thỏa hiệp trên là 11 tiểu đoàn chính quy, 14 đại đội bộ binh địa phương và 20 đại đội bổ túc...

Mọi việc tạm ổn định, Mên Hoàng Sihanouk "hồi loạn" sau 5 tháng lênh đênh trong đất nước.

Ngày 8.11.53 tiếng còi, tiếng chuông nhà thờ, tiếng đại bác đón mừng tại Thủ Đô Nam Vang, Quốc Vương tuyên bố:

"Tôi sẽ cố gắng trong phạm vi phương tiện của tôi, giúp nhiều vũ khí cho mọi sinh lực của quốc gia để họ bảo vệ các gia đình, đất đai và tài nguyên trong đồng quê chống lại lòng ganh tỵ, trục lợi, hành vi xâm lăng và độc ác của đám Mên Issarak và Việt Minh".

Ít ngày sau Thủ Tướng Penn Nouth từ chức nhường chỗ cho ông Chan Nak (23.11) cựu cố vấn của Mên Hoàng.

Tân chính phủ gồm ba đảng viên Dân Chủ, 2 Tự Do và 5 của các Đảng phái như: Đảng Đông Bắc Chiến Thắng, Đảng Nhân Dân, Đảng Cải Lương, Đảng Dân Chủ Ly Khai và Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (Kah Mongseng giữ Ngoại Giao, Khim Tit giữ Quốc Phòng, Yem Sambaur giữ Kinh Tế).

Về nội bộ, chính phủ Chan Nak thảo xong dự án ngân sách, một ngân sách tuy ít ỏi (2.000.000.000 bạc) nhưng thu chi phiền phức khó khăn như mọi quốc gia rộng lớn khác, quyết định giảm bớt 30% công phí, thực hiện tiết kiệm trong chính phủ...

Đối với Pháp, Thủ Tướng Chan Nak đã ra lệnh cho các ký giả Cao Mên tránh công kích hoặc ám chỉ không hại tới chính sách của Pháp. Sự thân ái đón tiếp Cao Ủy Risterucci của Mên Hoàng Sihanouk đã như chấm dứt sự ngưng trệ xảy ra từ sau khi Pháp giao trả những thẩm quyền cuối cùng để khởi đầu một cuộc bang giao mới.

Đối với cộng sản, Tổng Trưởng Quốc Phòng tuyên bố (17.12.53):

“Cộng sản Cao Mên không mở trận chiến tranh nóng như ở Bắc Việt hay như Cao Ly mà là một cuộc tác chiến tinh thần cốt làm cho dân chúng Cao Mên nổi dậy đòi độc lập.

Sau khi hiệp ước Pháp-Mên ký kết, cái lợi khí tâm lý của Việt Minh đã bị mất, bị đánh bại trên địa hạt tuyên truyền.

Việt Minh phải xoay chiều, chọn lấy hoặc đi khỏi đây, hoặc giần mặt đưa ra một trận chiến tranh công khai. Tôi tin chắc họ sẽ chọn điều thứ hai vì vậy nên chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng. Ta phải mở mắt xem mấy tuần tới đây các ông sẽ nhận thấy Cao Mên nỗ lực giải cứu nước mình khỏi cuộc xâm lăng của Việt Minh”.

Để tỏ vẻ cương quyết, Tổng Trưởng Quốc Phòng Khim Tít hứa hẹn một đạo quân tương lai hùng mạnh với một ngân sách “10.000.000.000 Quan” sử dụng trong việc quốc phòng...

Nhưng...trên trang báo chí ngày 11 tháng 12 người ta lại được tin. Mên Hoàng bỏ Thủ Đô Nam Vang đi Siem Reap:

Quốc Vương có ra đi, Quốc Vương lại về, về về đi đi, đi về, thế giới cũng thôi xôn xao, các lân bang cũng thôi sốt ruột bởi vì, xứ Cao Mên, một quốc gia bé bỏng tại một miền Đông Nam Á Châu lạc hậu, chỉ vài năm đã từng có thành tích thay đổi chính phủ hàng chục lần, đảng phái cũng nhiều không kém và những chuyện lạ xảy ra nhiều đến nỗi hóa thành chuyện thường. Thế giới còn lắm chuyện kỳ lạ hơn trong thời đại.

Vận mệnh, dân tộc Khmer dính líu đến vận mệnh dân tộc Việt Nam, Ai Lao. Từ bao nhiêu năm nay không một giải quyết chính trị hay quân sự nào lại có thể thi hành có kết quả riêng biệt trong 3 nước. Người Pháp đã dùng một thứ “xi măng đặc biệt” từ đầu thế kỷ thứ 19 để gắn liền ba xứ Việt-Mên-Lào. Ngày nay tách riêng ra thật là khó lắm.

Trong khi những người tự do sống trên Bán Đảo Đông Dương hoạt động riêng rẽ thì Việt Minh, Khmer Issarak, Neo Lao Issarak đã kết hợp lại một khối thống nhất dưới một mặt trận thống nhất (Liên Minh Việt-Mên-Lào). Họ được bao bọc bởi một thứ xi măng mới, dai và chắc hơn “xi măng lạc hậu” ngày xưa của người Pháp ở Đông Dương, đó là “xi măng cộng sản”. Dưới chiếc bay lạnh ghê của tay thợ, đầy kinh nghiệm, Hồ chí Minh, lâu đài cộng sản trên Bán Đảo Đông Dương mỗi ngày một thêm to, mỗi ngày một thêm vững.

Rồi ngày mai đây, nếu nhà kiến trúc sư kiêm thợ nề Hồ chí Minh thành công trong việc xây dựng lâu đài cộng sản ở Việt-Mên-Lào, chúng ta sẽ thấy cả một vùng Đông Nam Á bị tòa lâu đài ấy chi phối theo thường lệ.

Từ 11.1950 thế giới đã thấy nảy ra một phong trào: “Giải phóng các người Hồi Giáo bị áp bức” (Libération des Féres musulmans opprimés). Sau Hội Nghị liên Hồi Giáo ở Karichi (Congrés Pan Islamique) và chính Việt Minh đã thành lập và lãnh đạo “Mặt trận Mã Lai độc lập”. Thúc đẩy dân tộc Chàm, Mã Lai, Thái nổi dậy, thúc đẩy binh sĩ quốc gia đào ngũ, tuyển mộ một đạo quân chống lại mọi lực lượng tự do vùng Đông Nam Á, Việt Minh đã đích thân chủ động mọi phong trào bởi vì hiện nay tại khu vực Đông Nam Á Châu chỉ có cộng sản Việt Nam là cốt trụ. (Lãnh tụ Mã Lai Toun Slès đã từng ký truyền đơn, tài liệu dưới sự chỉ đạo của Việt Minh mục đích tuyên truyền dân tộc Mã Lai. Tháng 6.1951 Toun Slès đã tách khỏi được khối cộng sản về với thế giới tự do dân chủ).

Dân tộc Khmer có lẽ được may mắn như lời tiên tri của tờ báo Ponnakar (ra trong quãng ngày hồi loạn của Mên Hoàng Sihanouk, 11.53) Tờ Pounakar đoán rằng:

“Trong 4 năm nữa, chúng ta sẽ sống đúng giữa kỷ nguyên Nhà Phật, năm 2.500. Các vị tinh tú đã báo hiệu ngày ấy Quốc Gia Cao Mên sẽ cường thịnh và rộng lớn như dưới những triều Đế Thiên Đế Thích...”

Sự tin tưởng thần bí ấy phải chăng là cả của dân tộc Khmer một dân tộc đã văn minh một thời tiền sử ?

Vì lý do đặc biệt, quyển sách này đã không thể ra mắt độc giả trong những ngày đầu Xuân. Lợi dụng khuyết điểm về thời gian tính ấy, chúng tôi thêm bản Phụ Lục về biến chuyển trong mùa Xuân 1954.

Mùa Xuân 1954 một mùa Xuân chuyển hướng ở Việt Nam kể về hai phương diện: Quân Sự và Chính Trị.

QUÂN SỰ

Ngày 20 tháng Giêng 1954, Liên Quân Việt-Pháp mở một cuộc hành binh rộng tại miền Trung: Hành binh Atlante.

Khu vực Atlante rộng chừng 25.900 cây số vuông, dân số trên 3 triệu, là một căn cứ địa chiến lược của Việt Minh (Liên Khu 5). Từ 8 năm nay, cội rễ cộng sản đã sâu xa chằng chịt tại vùng màu mỡ yên tĩnh này. Việt Minh khai thác nhân công, mộ quân, mở trường huấn luyện binh sĩ, sử dụng sẵn sàng con đường xe lửa, và lấy gạo, lấy muối, lấy cá. Vùng chiến lược ấy là một dịp cầu để bộ đội Võ nguyên Giáp sẽ tràn vào uy hiếp miền Nam, Cao Mên, Cao Nguyên Darlac.

Cuộc hành binh Atlante chia làm hai giai đoạn:

– Giai đoạn Aréthuse từ 20.1.54 đến 3.3.54. Mục đích chiếm đóng khu vực Phú Yên. Sau khi đổ bộ từ Faifoo đến Cáp Varella (20.1.54) và Tuy Hòa, Liên Quân Việt-Pháp thanh toán Cánh Đồng Mỵ. Chiếm được La Hai (23.2.54), xâm nhập sông Cầu, Tình lý của cả miền Phú Yên trù phú (3.3.54), 6.000 cây số vuông thu hồi trong 6 tuần lễ tiến binh, Liên Quân bước sang giai đoạn thứ hai của trận đánh.

– Giai đoạn Axelle, mở ngày 13.3.54, mục đích chiếm đóng khu vực Bình Định. Hợp với sự hoạt động của những đơn vị mới, đoàn chiến thắng Aréthuse tiến chiếm Đèo Cù Mông, uy hiếp đồng bằng sông Giao và kiểm soát Quy Nhơn Cảng, một bờ biển có chiều sâu trên 6 thước rất tiện cho hải quân nhẹ.

Đồng thời gian với cuộc hành binh Atlante, Liên Quân đã chiếm lại Thị Trấn Thakhek (23.1.54), và cố gắng mở được nhiều cuộc tảo thanh thắng lợi.

– Trận Anjou, ngày 20.1.54, vùng An Sơn, Nam Việt.

– Trận Roussillon, trận Ariège, ngày 23, 25.1.54, vùng Chợ Mới, Đồng Nai, Nam Việt.

– Trận Champagne, ngày 25.1.54, vùng Bến Tre, Hiệp Hòa, Nam Việt.

Nhưng, mùa Xuân 1954, quân đội Việt Minh cũng đã tỏ ra nắm chắc quyền chủ động chiến trường. Ai cũng phải công nhận là họ mạnh và họ đã tận dụng sức mạnh của họ.

– Bộ đội Liên Khu 3 uy hiếp Giám Khẩu (địa phận Ninh Bình) ngày 21.1.54 khiến cho pháo đội giang thuyền của Liên Quân Việt-Pháp phải khó khăn mới chiếm lại được.

– Cũng ngày 21, bộ đội Việt Minh uy hiếp Quốc Lộ số 9 rất dữ dội, xâm phạm Mường Pha Lan và Mường Phín.

– Sư đoàn 325 tiến binh lên Kontum-Pleiku ngày 28.1.54, khiến cho Thành Phố Kontum phải tản cư triệt để...

Rồi Đồ Sơn, Gia Lâm, Cát Bí lần lượt bị cảm tử quân Việt Minh xâm nhập đốt phá.

– Giao thông chiến phát triển trên trục Hải Phòng-Hà Nội, trục Hà Nội-Nam Định. Bằng chiến thuật hành binh giữa ban ngày, Việt Minh hoạt động liên tục trên Quốc Lộ số 5. Với khẩu hiệu thi đua bền bỉ, Việt Minh chôn mìn la liệt trên Quốc Lộ số 1, số 2.

Tất cả những trận trên đều chứa đựng nhiều tác dụng chính trị và tâm lý nhưng thật ra cũng chưa phải là những trận ghê gớm.

Cuộc tấn công dữ dội nhất trong đầu năm 1954 của quân đội Việt Minh là trận Điện Biên Phủ đã dần dần bị thu hẹp lại dưới pháo lực của quân đội Việt Minh.

Có người đã ví kịch chiến ở Điện Biên Phủ dữ dội như ở Verdun, Stalingrad. Chúng ta cũng nên

tìm hiểu qua chút ít vùng lòng chảo với đường kính trên dưới 8 cây số ấy đã chôn hàng ngàn binh sĩ đôi bên, đã làm xôn xao thế giới.

Điện Biên Phủ là nơi đất đai yêu dấu của dân tộc thiểu số người Thái ở Tỉnh Lai Châu. Họ tin tưởng rằng lòng chảo Điện Biên Phủ là nơi ngự của tổ tiên: Khoum Borom, do trời sai xuống trị vì từ thế kỷ thứ 13.

Qua những bổng trầm thế sự, họ Đèo được bổ nhiệm (Đèo Văn Tri) cai trị Thị Trấn Điện Biên Phủ, Thị Trấn Lai Châu, Thị Trấn Tuần Giáo...(1910-1940).

Năm 1945, Đèo Văn Long (con Đèo Văn Tri) phụ trách Liên Bang Thái do Pháp thành lập và đến 1950, Quốc Trưởng Bảo Đại thu hồi Liên Bang Thái thành đất của Hoàng Triều Cương Thổ.

Về phương diện kinh tế và địa dư, Điện Biên Phủ là một vùng lòng chảo xung quanh có núi rừng trùng điệp, có ngọn cao tới 2.500 thước. Một Thị Trấn sầm uất, buôn bán của hàng đám nghìn dân cư, tiếp tế cho một vùng làng mạc bao la rộng rãi.

Về phương diện chính trị, Điện Biên Phủ là một Thị Trấn tượng trưng cho người Thái Quốc Gia những người Thái sống dưới chế độ Hoàng Triều Cương Thổ sau khi Thị Trấn Sơn La và Lai Châu bị mất.

Về phương diện quân sự, Điện Biên Phủ án ngữ biên thùý, chỉ có một đèo độc nhất dễ dàng thông qua địa phận Lào: Đèo Tây Chang. Còn ngoài ra chỉ có những nẻo đường mòn mất hút trong núi rừng rậm rạp.

Liên Quân Việt-Pháp thiết lập pháo lũy Điện Biên Phủ với hai tính chất: Thế thủ trong hiện tại và thế công trong tương lai.

Trước tháng Chạp 1953, Điện Biên Phủ còn là Thị Trấn ngoan lành yên ả. Các vẻ đẹp của núi rừng luôn luôn cười vui dưới dáng cây xanh, sưởi ấm trong những lều tre dẹt. Nào bưởi, nào cam, nào mơ, nào mận chi chít những cây nở hoa buông trái, nhưng, cũng ngay cuối năm 1953 Đại Tướng Tổng Tư Lệnh Navarre đã nhấn mạnh rằng: “Sẽ có một trận Điện Biên Phủ, một trận vô cùng khốc liệt”.

Lời tiên đoán trên đã khiến Điện Biên Phủ êm đẹp phải biến hình. Từ đầu Xuân 1954, không nấp tranh, cây cỏ nào còn tồn tại trên giải đất rộng mênh mông. Cây cối um tùm đã nhường chỗ cho những hàng cọc sắt chằng giây thép gai sắc nhọn. Từng thửa đất sỏi lên, hàng tạ mìn chôn xuống. Những con đường mới ngoằn nghèo, nào hầm Tham Mưu, nào ụ súng tua tủa, đồn ả chằng chịt, lở nhổ. Điện Biên Phủ mùa Xuân năm 1954 mọc lên hàng dàn đại bác ngoại hạng. Những xe tăng cỡ lớn cũng được thả dù xuống pháo lũy. Trên sân bay thẳng tắp giữa cánh hùng vĩ núi non có hàng dàn Brissol Curtiss Stratoliner C, 119...

Cách căn cứ Bạch Mai 292 cây số, pháo lũy Điện Biên Phủ thường nhật vẫn tiếp nhận hàng tấn lương thực đạn dược, thuốc men, hàng ngàn quân binh thiện chiến...

Ngày 31 tháng Giêng 1954, sư đoàn Thép 308 bỗng dưng rời bỏ hệ thống bao vây pháo lũy, tiến binh vũ bão xuống miền Luang Orabang. Hành động đột biến ấy đã làm cho các lực lượng Pháp-Lào đồn trú ở miền Bắc Luang Prabang phải lui ở Mường Sải và Kinh Đô Lào.

Người ta đã ngờ rằng Việt Minh lại đánh xứ Lào và Việt Minh đã trùn bước trước Điện Biên Phủ quá rần chắc...

Sau khi nghỉ quân ở thung lũng Nậm Bách (tên một nhánh sông chảy vào Mékong) sư đoàn 308 lại quay ngược lại Điện Biên Phủ.

Đó là một chiến thuật thực ra có ba tác dụng:

- Đánh lạc hướng Bộ Tham Mưu Liên Quân Việt-Pháp.
- Xua đuổi quân đội Pháp-Lào đồn trú sau lưng vòng vây Điện Biên Phủ.
- Nghỉ quân.

Quân đội Việt Minh đã tỏ ra muốn thật ăn chắc trong trận đánh.

Ngày 13.3.54, thế giới nhận được tin Điện Biên Phủ bị tấn công, tấn công như vũ bão, bằng các

loạt đại bác mà từ xưa Liên Quân chưa từng thấy diễn ra trên chiến trường Đông Dương, bằng các đợt xung phong tràn ngập mà xác phủ kín hàng rào dây thép...

Lần đầu tiên ở Đông Dương, trong phạm vi một khu đất rộng 140 cây số vuông, binh sĩ Pháp-Việt phải chịu đựng ngày đêm hàng ngàn trái phá của những dàn đại bác đối phương quanh sườn núi tụt xuống.

Lần đầu tiên, tất cả những phi cơ Pháp bay trên chiến địa đã làm mờ cho hàng ngàn trái phá từ sườn núi tụt lên.

Trận Điện Biên Phủ có hàng vạn quân binh tham chiến ngày đêm, kinh khủng đến mức nào ?

Để nhận được tầm quan trọng và mức độ hy sinh của các chiến binh chống giữ Điện Biên Phủ, chúng ta chỉ cần tìm xem phản ứng của thế giới bên ngoài:

– Điện văn ủy lạo các chiến sĩ Điện Biên Phủ của Sir John Harding, Tham Mưu Trưởng Hoàng Quân Anh-cát-lợi, của Jean Bloch, Chủ tịch Hiệp Hội Quốc Gia Sĩ Quan Bỉ, của Mirambeau, Đại Diện Hội Cựu Binh Sĩ CEFEO, của Rebourset, Đại Diện Hội Liên Hiệp Sĩ Quan Đồng Minh Trừ Bị, của Sir Winston Churchill, của Tổng Thống Eisenhower...

– Việc thăng cấp cho Đại Tá De Castries, Tư Lệnh Liên Quân chống đỡ Điện Biên Phủ, bằng cách thả dù lon Thiếu Tướng.

– Việc tranh luận tại Nghị Viện Hoa Kỳ về việc can thiệp vào chiến cuộc Đông Dương.

– Việc gửi hai trăm chuyên viên Mỹ sang Đông Dương.

– Việc thiết lập cầu hàng không Pháp-Việt, một chiếc cầu dài nhất trong lịch sử chiến tranh, để tiếp vận Liên Quân Việt-Pháp ở Đông Dương, có những Tướng Tá tên tuổi của Mỹ phục vụ như: William Tunner, người đã từng điều khiển cầu hàng không Ấn Độ, Trung Hoa qua Hy Mã Lạp Sơn trong thời kỳ Đại Chiến Lần Thứ Hai và hiện nay đang chỉ huy toàn thể không lực Đồng Minh ở Âu Châu, Đại Tá Lucien Powell người chỉ huy căn cứ Reinstein, một căn cứ không quân của sư đoàn không quân 332, Đại Tá Fred Bound, Ame Van Pelt v.v...

– Việc đình chỉ một phần lớn công tác du hành vận tải Nhật Bản-Cao Ly để có thể rời ra một số Flying Box cars, Globe Masters, sử dụng trong việc tiếp tế cho Việt Nam.

– Việc gửi cấp tốc những phi cơ Corsairs khu trục của Hoa Kỳ sang Việt Nam.

– Việc quyết định đề bạt Tướng Van Fleet, nguyên Tổng Tư Lệnh Đệ Bát Lộ Quân ở Cao Ly chức vụ Đại Diện đặc biệt của Tổng Thống Hoa Kỳ để nghiên cứu việc quân sự theo chiến lược mới trong Thái Bình Dương (nhấn mạnh vùng Đông Nam Á).

Chiến trường Điện Biên Phủ đang làm xôn xao thế giới dân chủ, tiếng súng tấn công đã tái diễn.

CHÍNH TRỊ

Tất cả mọi người đều mong muốn có hòa bình nhưng hòa bình ở Việt Nam không phải là một chuyện giản dị. Vì quyền lợi chính trị, kinh tế, hay tinh thần, nhiều nước và nhiều vùng trên thế giới đã phải bận tâm đến cục diện Việt Nam.

Thật vinh dự cho người Việt Nam khi nhận xét thấy đời sống chính trị của mình tương đối quyết định hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp đến sự sống còn của một số các dân tộc văn minh, một số các tiểu nước quốc...

Và cũng là một điều đại bất hạnh cho người Việt Nam khi nhận xét thấy bản thân mình đang làm mờ cho súng đạn mà riêng quyền chủ động hoàn toàn chưa hề có.

Vấn đề Việt Nam đã nổi bật trên trường chính trị quốc tế.

Ở Hội Nghị Tứ Cường ngày 26 tháng Giêng 1954 họp ở Berlin (Đức), Ngoại Trưởng Pháp (Bidault) đã cố gắng tiếp xúc riêng biệt nhiều lần với Ngoại Trưởng Nga (Molotov). Buổi tiếp xúc đầu tiên (26.1.54) gồm có các ông Molotov, Bidault, Joxe Đại Sứ Pháp ở Moscou về Laloy chuyên viên về các vấn đề Sô Viết, với kết quả, một câu nói của ông Molotov: “Nếu tôi thực hiện ngừng chiến ở Đông Dương ông (Bidault) liệu có bỏ Khối Cộng Đồng Phòng Thủ Âu Châu không ?”

Buổi tiếp xúc quan trọng (5.2.54) gồm có Vinogradov, Đại Sứ Nga ở Ba Lê, Hyircheff, Đại Diện

của Ông Molotov, cựu Sứ Thần ở Ba Lê, về phía Pháp có James Baeyens, Giám Đốc Thông Tin, đại diện của ông Bidault, Falaise và Gros... đã họp bàn bí mật về vấn đề Đông Dương.

Ngoài những buổi tiếp xúc riêng biệt nói trên, Hội Nghị Tứ Cường cũng bàn đến vấn đề Đông Dương trong một phiên họp kín.

Kết quả của những buổi tiếp xúc đã tóm tắt trong lời tổng kết của Ngoại Trưởng Pháp. Công việc đã tiến được vài ly...

Sau khi cuộc Hội Nghị Đà Lạt (21.2.54) bế mạc (Quốc Trưởng Bảo Đại, Thủ Tướng Bửu Lộc. Harold Stassen, Tổng Giám Đốc Viện Trợ Kinh Tế Mỹ. Donald Heath, Đại Sứ Mỹ. Pleven, Tổng Trưởng Quốc Phòng Pháp. De Chevigné Bộ Trưởng Chiến Tranh Pháp. Mac Donald, Tổng Ủy Viên Anh ở Viễn Đông). Tổng Trưởng Pleven về Pháp và nhấn mạnh:

Tình hình Đông Dương bị chi phối bởi yếu tố quan trọng:

- Sự khẩn trương của tình hình quân sự.
- Cuộc thương thuyết Việt-Pháp ở Ba Lê.
- Hội Nghị Genève.

Yếu tố thứ nhất chúng ta đã rõ, đó là cuộc hành binh Atlante, đó là trận Kontum, đó là những vụ đốt phá phi trường, những trận giao thông chiến trên các Quốc Lộ miền Bắc Việt Nam, và sau hết là cuộc tấn công dữ dội ở Điện Biên Phủ.

Yếu tố thứ hai, cuộc thương thuyết ở Ba lê mở từ ngày 9.3.54 giữa hai phái đoàn.

Việt Nam:

- Bửu Lộc: Trưởng Đoàn.
- Nguyễn Trung Vinh: Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Canh Nông.
- Nguyễn Quốc Định: Tổng Trưởng Ngoại Giao
- Nguyễn Đắc Khê: Tổng Trưởng Bộ Dân Chủ Hóa.
- Phan Huy Quát: Tổng Trưởng Quốc Phòng.
- Vũ Quốc Thúc: Tổng Trưởng Giáo Dục.
- Dương Tấn Tài: Tổng Trưởng Tái Chính.
- Nguyễn Văn Đạm: Tổng Trưởng Tư Pháp.
- Lê Quang Huy: Tổng Trưởng Công Chính.
- Nguyễn Văn Ty: Tổng Trưởng Kinh Tế.
- Và một số Cố Vấn chính trị như:
 - Vũ Văn Huyền,
 - Lê Quang Luật,
 - Phạm Hòe,
 - Nguyễn Văn Kiếu,
 - Trương Văn Trinh v.v...

Ngày 8 tháng 3 tại phòng khách của Bộ Ngoại Giao Pháp, hai vị Trưởng Phái Đoàn khai mạc bằng những bài diễn văn như sau:

Pháp:

“...Về phần chúng tôi bao giờ chúng tôi cũng mong ước rằng những cuộc đàm phán này được diễn ra trong thời hạn ngắn nhất. Chúng tôi lại càng sung sướng hơn khi được tiếp các Ngài hôm nay. Nay chúng ta, các Ngài và chúng tôi đây, phải sửa soạn cho một thỏa ước Pháp-Việt.

Nền độc lập của Việt Nam không còn là vấn đề nữa.

Sự đồng quan điểm của ta phải phát khởi những công việc của chúng ta, chúng ta phải trình bày một cách thành thật và đầy đủ những quyền lợi riêng của hai nước để mà điều hợp chung một cách tốt đẹp hơn.

Mở đầu hội nghị này với một tinh thần hiểu biết lẫn nhau, như vậy thì tôi chắc rằng chúng ta sẽ dễ dàng tìm ra những giải pháp khả quan cho các vấn đề hiện có”.

(Phái đoàn Pháp gồm có: Trưởng đoàn Laniel, Paul Reynaud, Bidault, Plevin Marc Jacquet, Maurice Dejean và một số các chuyên viên).

Diễn văn của Trưởng Đoàn Việt Nam:

“Đối với Việt Nam, tự do của nó có nghĩa là, trong sự hòa hợp của các quốc gia nó phải trở thành một quốc gia hoàn toàn độc lập và có chủ quyền. Thật ra không phải chỉ ngày hôm nay đây hai nước chúng ta mới thỏa thuận về chính sách cho nền độc lập của Việt Nam.

Đã từ lâu nước Pháp kiên quyết trong lý tưởng cổ truyền của nó mà Việt Nam trong các nguyện vọng sâu sắc nhất của nó đã chấp thuận nguyên tắc này và đã đi theo đường lối của nguyên tắc đó.

Trong giờ phút hiện tại, chúng tôi cần phải vượt qua được giai đoạn cuối cùng để tuân theo lệ thiên nhiên về sự tiến triển của vạn vật.

Giai đoạn cuối cùng này, chúng tôi phải quyết tâm vượt qua nó nhiều hơn là chúng tôi biết sẽ gặp trên địa hạt này, sự thỏa thuận đầy đủ của Pháp hôm 3.7.53 yêu cầu chúng ta cùng Pháp hoàn thành nền Độc Lập của chúng ta.

Chính vì thế mà với một thiệt chí hoàn bị, phái đoàn Việt Nam đang sẵn sàng cùng các ngài nghiên cứu những thể thức tổ chức sự liên hiệp giữa hai dân tộc.

Nền Độc Lập hoàn toàn của Việt Nam là một sự hợp tác căn bản và phong phú giữa hai nước chúng ta, là tất cả những đề thuyết chủ chốt của đường lối chính trị của chúng tôi.

Chúng tôi nhận thấy cần phải nhắc lại những điều đó ngay khi mới bước đến ngưỡng cửa của các điều đình của chúng ta. Dân tộc Việt Nam hãy tin chắc rằng được phát triển trong sự thực một cách minh bạch và hoàn hảo các đề thuyết đó sẽ có thể đặt một trong khối quyết định trên cán cân lịch sử và có thể thúc đẩy nhanh chóng được hòa bình trở lại”.

Qua một thời gian thương thuyết bổng trầm, nào xa lập trường của nhau, nào hoãn hợp, nào xét lại hiến pháp v.v...phái đoàn Việt Nam đã có dịp đón tiếp Quốc Gia Bảo Đại ngày 13.4.54 từ nước nhà bay sang “để được thấy nền Độc Lập Việt Nam và vị trí Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp thực hiện bằng một hiệp ước.

Sau một thời gian (8.3.54-23.4.54) người ta đã được biết Việt-Pháp đã thỏa thuận về nguyên tắc liên kết trong Liên Hiệp Pháp, nguyên tắc về Độc Lập của Việt Nam. Người ta được biết Thượng Hội Đồng Liên Hiệp Pháp rồi sẽ được biến thành một Hội Đồng Liên Chính Phủ...

Sau một thời gian hợp hoãn hợp...Việt-Pháp đã thỏa thuận, trên nguyên tắc, hai vấn đề căn bản:

- Nền Độc Lập của Việt Nam, độc lập thật sự.
- Sự liên kết với nước Pháp, bình đẳng.

Hai bên thỏa thuận ký một Bản Tuyên Ngôn chung. Một Bản Tuyên Ngôn! Nghĩa là chưa có quy ước ấn định những thể thức điều hành. (Một sự trừu tượng, tuyên ngôn chung, nằm trong sự trừu tượng, quy ước ấn định).

Ngót hai tháng trời thương thuyết, mọi đối tượng gián tiếp và trực tiếp của cuộc đàm phán về phương diện thời cuộc cũng như về phương diện thái độ đã làm nảy ra một Bản Thông Cáo quan trọng của Văn Phòng Quốc Trưởng Việt Nam:

“Trong khi kết liễu giai đoạn đầu của những cuộc thương thuyết Việt-Pháp được nối tiếp lại từ gần hai tháng nay, và trong khi mà Hội Nghị quốc tế sẽ khai mạc ở Genève, Văn Phòng Đức Bảo Đại, Quốc Trưởng Quốc Gia Việt Nam cho rằng cần phải tỏ ra một cách rõ ràng lập trường của Ngài về những vấn đề liên quan đến Việt Nam cũng như đến cả Pháp và toàn thể thế giới.

1.- Ý nghĩ đầu tiên của Việt Nam trong những tình trạng hiện thời hướng về những vị anh dũng chống giữ Điện Biên Phủ. Nếu thực rằng quân đội Pháp có được một sự vẻ vang mới trong trận đánh khó khăn và chênh lệch, thì người ta không thể quên rằng những binh sĩ Việt Nam đã cung cấp một tỷ lệ về lực lượng rất quan trọng mà từ đây sự chống giữ anh dũng sẽ là lịch sử.

Cũng vì họ đã liên kết trong danh vọng cũng như trong tan tóe của sự chiến đấu, nước Việt Nam và nước Pháp phải tự cảm thấy liên kết trong đời chính trị.

Tuy nhiên, những cuộc đàm phán Pháp-Việt do Bản Tuyên Cáo 3.7.53 khơi mào và được thực sự bắt đầu mở ra từ 8 tháng 3 nay vẫn chưa có thể đưa tới việc ký kết những hiệp ước dành nền độc lập cho Việt Nam và ấn định những thể thức về một cuộc hợp tác bình đẳng và tự ý với Pháp.

Đến nay chưa thấy có cái mầm bất đồn quan trọng nào.

Nước Pháp đã nhiều lần tuyên bố thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, Việt Nam tỏ ý chí một cách minh bạch vẫn muốn liên kết với Pháp trong khuôn khổ một khối được thành lập một cách tự do giữa các quốc gia có thẩm quyền. Hai nguyên tắc chính đó đã được cả đôi bên chấp thuận thì từ lúc đó phải không thể nào còn có sự khó khăn nữa.

Việt Nam ý thức rõ ràng rằng đã không hành động trì hoãn một giải pháp mà hình như bắt buộc phải có trước Hội Nghị Genève.

2.- Rốt cuộc chính phủ Việt Nam đã quyết định không kết thúc giai đoạn đàm phán này bằng việc ký kết hai hiệp ước về độc lập và liên kết sau khi đã thực hiện được một sự thỏa thuận về việc này. Thật vậy, về vài phương diện, Việt Nam và nền độc lập của mình như một nước tự do liên kết đã được bảo đảm một cách đầy đủ trong những điều kiện phù hợp với những nguyên tắc đã được tuyên bố:

Về sự thống nhất, người ta được biết rằng nhiều chương trình đã được thảo ra trong đó hình như có sự phân chia nước Việt Nam. Nhưng giai pháp đó có thể có vài sự bất lợi và những nguy hiểm lớn cho tương lai. Có thể nó sẽ là một sự thách thức đối với lòng yêu nước của Việt Nam. Lòng yêu nước này đã được phát hiện một cách mạnh mẽ cả cho sự thống nhất lẫn nền độc lập của xứ ta, Quốc Trưởng và chính phủ quốc gia đều không chấp nhận được việc nền thống nhất quốc gia có thể bị phá vỡ. Nếu những người thân Hồ chí Minh từng bị lôi cuốn trong một cuộc chiến đấu bất lợi dưới cái cờ thống nhất và độc lập cho xứ sở không phải phục tùng hoàn toàn thì có lẽ họ sẽ khởi nghĩa chống chúng tôi trước sự bất thần về một cuộc phân chia nước Việt Nam do các cường quốc đề nghị.

Hẳn rằng hiện thời những người khuynh Hồ chí Minh có lương chắng lắm lỗi của họ và họ có tự giác chắng rằng lòng yêu nước của họ thường thường không chỗi cãi được đã bị lợi dụng cho những ý định thực dân, là những nỗ lực của họ đã quay chống lại những mục đích của họ như thế nào chắng.

Về việc liên quan với nền độc lập và sự bình đẳng của nước đó trong sự liên kết với Pháp, nước Việt Nam sẽ có thể mong rằng nguyên tắc của một chính sách tổng quát khởi thảo chung phải được hoàn toàn tôn trọng trong thực tế.

Trước sự nghiêm trọng của những tình trạng hiện thời, sự liên kết giữa Pháp và Việt Nam phải được diễn tả, không phải bằng lời nói hay bằng những thể thức luật pháp, nhưng bằng một sự thống nhất hành động hoàn toàn trong thực tế.

Người ta không thể chấp nhận sự tình cờ đưa đến những cuộc thương thuyết do đó nước Pháp, (thật là trái với nguyên tắc của Khối Liên Hiệp Pháp mà nước Pháp đòi hỏi) có lẽ sẽ điều đình với đối phương của Quốc Gia Việt Nam hay với những cường quốc thù nghịch với Quốc Gia Việt Nam, bằng các bỏ rơi, hay hơn nữa, hy sinh những nước liên minh với Pháp.

Trong những ý kiến đó Đức Quốc Trưởng Bảo Đại hôm 2.4.54 đã gởi cho Tổng Thống Retté Coty Chủ Tịch Khối Liên Hiệp Pháp một bức thư trong đó ngài yêu cầu triệu tập ngay tức thì ủy ban thường trực của Thượng Hội Đồng phù hợp với một quyết nghị đã được chọn với sự thỏa thuận chính phủ Pháp. Chính phủ Pháp được hỏi ý kiến, định rằng không trả lời lá thư yêu cầu đó.

Hẳn rằng trong cuộc hội họp của Ủy Ban Thường Trực của Thượng Hội Đồng ngày 25.2.54 Ngoại Trưởng Pháp có tuyên bố rằng không một đề nghị nào sẽ có thể được chính phủ quy định,

về việc gì liên quan tới những vấn đề Đông Dương không có sự thỏa thuận rõ ràng với các Quốc Gia Liên Kết.

Việt Nam không muốn hoài nghi rằng lời hứa đó không được chính phủ Pháp giữ một cách chân thành nhưng Việt Nam cho rằng trong khi tiết lộ sự xác nhận gây liên lạc đó và Pháp trong việc nghiên cứu tỷ mỉ những vấn đề được đặt ra ở hội nghị Genève, có lẽ hai quốc gia không củng cố cái thế lẫn cho nhau mà còn củng cố cả cái thế của thế giới tự do trong toàn thế.

(Thế những cũng phải nhận rằng một phiên họp nhóm chiều hôm thứ bảy tại Bộ Ngoại Giao Pháp đã cho phép Ngoại Trưởng Pháp cho các đại diện các Quốc Gia Liên Kết biết những dự định của phái đoàn Pháp tại Hội Nghị Genève)

Dù sao, cả Quốc Trưởng lẫn chính phủ Việt Nam đều sẽ không coi như là bị ràng buộc những quyết định có thể phương hại trái với độc lập và thống nhất xứ sở, nhất là khi nó lại phần thưởng cho quân xâm lăng. Như vậy sẽ trái với những nguyên tắc của Hiến Chương Liên Hiệp Pháp và trái với lý tưởng dân chủ.

Không cần phân tách tỷ mỉ lắm, chúng ta cũng ước lượng được một sự thật: Âm mưu chia xẻ nước Việt Nam.

Những ai đã có sáng kiến phũ phàng như vậy ? Nga ? Mỹ ? Anh ? hay Pháp ?

Chúng ta hãy tin biết sự việc bất lợi cho tinh thần dân tộc Việt.

Những người Việt Nam chân chính không ai có thể công nhận được những quyết định phương hại đến quyền lợi Quốc Gia Dân Tộc.

Đọc Bản Thông Cáo của Văn Phòng Quốc Trưởng chúng ta thấy ẩn náu một khía cạnh ngậm ngùi nhất sự yếu thế hiện tại của phe Quốc Gia Việt Nam, một sự yếu thế do chính những người Việt Nam Quốc Gia (vô tình hay hữu ý) đã nhào nặn.

Thử lại tất cả những hành động của phần lớn những người Quốc Gia “mạnh”, những người Quốc Gia có tinh thần, có lực lượng thực sự nào tổ chức chính trị, nào tổ chức quân sự, nào tổ chức đoàn kết, nào hô hào bầu bán âm ỹ, rầm rộ nhưng kỳ chung trong thâm tâm, mỗi cá nhân chuẩn bị một thế, mỗi nhóm, mỗi phe chuẩn bị một thế. Chưa có thống nhất thực sự chưa có hành động thực sự bởi vì chưa có tư tưởng thống nhất đứng đánh và lãnh mạnh. Nếu những người quốc gia đã biết bỏ quyền lợi tây riêng nhỏ bé của mình, đã biết rõ thái độ hiểu biết, đã biết hòa hoãn trong tích cực, bớt kiêu ngạo...thì Quốc Trưởng Việt Nam đã có một hận thuận sạch, ngay ngắn không khập khiễng. Hận thuận ấy sẽ giúp Quốc Trưởng và có thể tạo cho lãnh tụ của chúng ta ưu thế trên đường tranh đấu, gìn giữ và phát triển chính nghĩa quốc gia. Ưu thế đó tất nhiên phải đề cao cá nhân Quốc Trưởng nhưng, như vậy có nghĩa là đề cao Quốc Gia Việt Nam, đề cao chính chúng ta, như tất cả những người Việt Nam Quốc Gia hiện tại. Trên thực tế, ở nơi chúng ta có một hiện tượng tổ cáo một sự trái ngược lạ kỳ các sự kiện của lịch sử tiến theo một đường, tinh thần hoạt động của lịch sử tiến theo một đường, tinh thần hoạt động của những lực lượng tượng trưng chủ nghĩa quốc gia đi một nẻo. Nói như vậy không phải là những người quốc gia không hoạt động hay kém hoạt động. Chính thực ra đã hoạt động nhiều lắm. Đã có tốn sức tốn hơi nhưng tất cả chúng ta vô tình như đã có chủ tâm xây nhà không nền móng.

Nhất định không chịu xây nền móng, ngoan cố không chịu xây nền móng, do là khuyết điểm lớn chung của chúng ta.

Thêm vào vấn đề trên, còn phải kể đến một nền hành chính tầm thường, trong đó chưa tập hợp nổi các chân tài giá trị tham gia.

(Những người có chân tài không chịu tham gia chính phủ tự họ đã tượng trưng một loại người vô dụng. Có thể trong số những người này có những khuyh Việt Minh, nhưng ngay dưới mắt Việt Minh, họ cũng chỉ là những loại người lừng chừnng vô tích sự).

Chúng ta nên kể thêm hành động kém cỏi cả của một loại người vô tài, chuộng danh lúc nào cũng thường trực một ý nghĩ len lõi, giành dật chức vị. Người dân Việt Nam không muốn thắc mắc

đến vấn đề vinh thân phì gia do sự lợi dụng chức vị của những người này nhưng bắt buộc phải buồn rầu khó chịu với một tâm tư! Chính quyền của chúng ta có được bao nhiêu người phụ trách và con số tỷ lệ loại người vô tài nói trên lên đến bao nhiêu ?...

Nói tóm lại, chính nghĩa quốc gia do một số, một phần những loại người kể trên gìn giữ đến giai đoạn nào ? Có thể có dư luận rằng vị lãnh tụ của chúng ta đã không khôn khéo cho nên chưa thống nhất được thực sự các lực lượng quốc gia nói chung. Ý kiến ấy không những không đúng mà còn tố cáo những tâm trạng ươm hèn, ỷ lại và lạc hậu.

Đọc Bản Thông Cáo của Văn Phòng Quốc Trưởng để liên tưởng tới khía cạnh ngậm ngùi, đê bực tức, nhưng cũng để cùng nhau trỗi dậy, nhìn rõ vấn đề ngõ hầu tự định đoạt một cách đúng đắn số phận chung của những người theo chính nghĩa quốc gia.

Ngày 26 tháng 4, tại Genève, Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Trung Cộng có mặt cùng với một số các quốc gia độc lập khác trên thế giới: Hội Nghị Genève.

Chúng ta chỉ tìm xem chuyện Việt Nam ở Genève giải quyết thế nào. Vấn đề giải quyết (trong khi viết những giòng này) chúng ta chưa thể biết được nhưng dù sao cũng chỉ có hai lối giải quyết Việt Nam bằng vũ khí và giải quyết bằng hòa ước.

Nếu người ta muốn giải quyết tấn thảm kịch ở Việt Nam bằng vũ khí thì tất nhiên chỉ cứ việc phát triển các trận đánh đang diễn ra trên đất Việt, cứ việc tiếp viện quân nhu lính tráng...và miễn phải bàn đến việc Việt Nam ở Genève nữa. Như vậy chúng ta thấy, trên nguyên tắc của lý luận, những nước tham dự Genève để bàn về Việt Nam, nói chung tất cả đều có thiện chí hy vọng giải quyết vấn đề bằng hòa ước.

Chúng ta hãy bước sang địa hạt thực tế nhận xét hành vi của một số quốc gia đối với vấn đề hòa chiến ở Việt Nam.

a.- Người ta thấy bề mặt Nga Xô hiện nay tỏ ra ưa hòa bình. Ít nhất là trong thời gian hiện tại.

Dân tộc là Xô Viết đang ở thời kỳ xây dựng và thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Thật vậy trong quãng ngày vừa tàn của chủ nghĩa xã hội, dân tộc Xô Viết rất cần một sự êm thấm nội ngoại để tiến mạnh trên đường thực hiện. Cộng sản chủ nghĩa. Rất nhiều chứng cứ khiến chúng ta chắc chắn rằng người Nga đang cố giữ hòa bình:

– Nga chuyển vàng qua Tây phương, đổi chác, giao thương.

– Nga ký hiệp ước thương mại (Tháng 1.1954) với Bỉ về vấn đề gang thép (Bỉ mua cả Nga 100.000 tấn gang).

– Nga ký hiệp ước thương mại (Tháng 2.1954) với Anh (400 tỷ Phệat Lãng trong 3 năm).

– Hội nghị M.T.S họp tại Kremlin (Tháng 2.1954), một hội nghị bàn về chuyện máy cày của tập thể Kolkhozes được Chủ Tịch Malenkov chú ý hơn một hội nghị quốc tế.

Từ khi Staline tuyên bố chủ nghĩa cộng sản và tư bản có thể cùng chung sống được, chúng ta thấy đường lối chính trị của khối cộng êm dịu nhiều (dĩ nhiên cũng có lúc cứng nhưng sử sự đó chỉ thuộc trong phạm vi chiến thuật nhất thời). Chúng ta đã thấy những hội nghị hòa bình thế giới, những con chim hòa bình tung đi khắp năm châu, những khẩu hiệu hòa bình... tất cả đều nằm trong một chiến lược của trận đánh tối tân: Tấn công hòa bình.

Tấn công hòa bình chỉ là một chiến lược của phe cộng sản, một hình thức trong muôn vàn hình thức tấn công để tiến tới chế ngự hoàn cầu cộng sản hóa hoàn cầu.

b.- Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa vừa thoát khỏi một trận vũ bão ở Cao Ly. Họ chưa đại gì thực hiện một cuộc diễn cái việc quyên tiền dân chúng để mua máy bay giúp chính phủ Việt Minh. Ít nhất nước Trung Hoa cộng sản cũng cần một quãng thời gian để kiến thiết, xây dựng nền Tân Dân Chủ. Trong nước họ đang có một vấn đề quan trọng căn bản: Thực hiện chương trình nông nghiệp và phát huy khả năng kinh tế của dân tộc. Thiếu một nền kinh tế vững chắc, Trung Cộng khó mà duy trì được chế độ của mình.

c.- Nước Anh muốn một Việt Nam yên ổn bằng cách dung hòa Quốc-Cộng. Chính phủ Liên Hiệp

rộng rãi ? Hay hai chính phủ, hai miền Nam Bắc ? Bản Thông Cáo của Văn Phòng Quốc Trưởng đủ cho ta thấy có một cường quốc đã đề nghị một nước Việt cắt đội. Hòa bình kiểu ấy thật có lợi cho Anh-cát-lợi. Chiến tranh mãi chỉ nuôi thêm mầm tranh đấu cho các dân tộc trong Liên Hiệp Anh.

d.- Nước Pháp muốn giải quyết vấn đề Việt Nam bằng một đàm phán. Điều đó ai cũng có thể biết được. Trong cuộc tranh luận ngày 5 tháng 3 tại Ba Lê, đông đảo Nghị Sĩ Pháp đọc đến phần kết của bài trần thuật về Đông Dương và tất cả mọi người đều đã nghiêm trang yên lặng nghe ngóng các điều kiện đầu tiên của một cuộc ngừng bắn...

Ngày 9.3.54, Quốc Hội Pháp biểu dương ý chí hòa bình của dân tộc Pháp, đã chấp thuận bản nghị trình của Nghị Sĩ Sesmaisons với 333 phiếu thuận và 271 phiếu nghịch. Đại ý bản văn kiện là tán thành Hội Nghị Genève ngày 26.4.54 với mục đích xác định mọi phương tiện cần thiết và thích hợp để chấm dứt cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Hơn nữa, mặc dầu Pháp đã có những lời tuyên bố “co đi, kéo lại”, mặc dầu người ta thấy Pháp tích cực yêu cầu Mỹ cấp tốc gửi quân nhu vũ khí, tích cực tiếp viện cho Đông Dương...khi đọc Bản Thông Cáo của Văn Phòng Quốc Trưởng người ta cũng cảm thấy thâm ý của chính phủ Pháp, thái độ mới trong vấn đề Việt Nam.

e.- Riêng Hoa Kỳ, với những William Knowland, với những Mac Carthy, những Nixon, những Radford và Van Fleet, Hoa Kỳ rất chỉ muốn đả kích Việt Minh bằng phương tiện quân sự.

Nói chung, Hoa Kỳ là một trong số các quốc gia tự do trên thế giới:

- Thâm hiểu rằng tất cả mọi đường lối thái độ của những chính khách ở Điện Kremlin (chiến tranh hay hòa bình) đến chỉ là một hình thức mưu mô dẫn dắt tất cả các dân tộc làm cách mạng vô sản, theo chế độ vô sản độc tài.

- Thâm hiểu rằng tất cả những đồ đệ của Marx, Lénine không bao giờ chịu đứng bước tiến trên đường xích hóa hoàn cầu.

Nhưng Hoa Kỳ đã làm cường quốc độc nhất, muốn và dám cảnh cáo thẳng thắn trước mặt cộng sản, muốn và dám chơi trước lá bài quân sự với họ vì biết trước rằng:

- Chủ nghĩa tự do không thể sống chung với chủ nghĩa cộng sản.
- Trong một cuộc “sống mái không thể tránh kẻ nào tấn công trước và tấn công lúc đối phương còn thiếu thốn (nói chung) kẻ ấy sẽ giữ phần ưu thế.

Nói riêng. Trong phạm vi Việt Nam, tốt hơn hết là nên thủ tiêu Việt Minh cộng sản lúc còn có thể thủ tiêu (!) được.

Về phương diện chính trị, Hoa Kỳ có thể tự hào rằng đã tỏ ra tận tình giúp đỡ cho Quốc Gia ở Đông Dương và do đó có thể mua chuộc được cảm tình vô hạn.

Về phương diện quân sự, Hoa Kỳ không muốn buôn lỏng Đông Dương, một khúc trong sợi dây chuyền bao vây quân sự...

Về phương diện kinh tế, Hoa Kỳ muốn giữ thị trường. Mất miền quảng mỏ giàu lớn ở lục địa Trung Hoa, Hoa Kỳ cần chú ý đến của chìm vùng Đông Nam Á. Muốn có Đông Nam Á để khai thác, phải có một Đông Dương tự do và yên tĩnh.

Tổng kết ý nguyện của các cường quốc, hiện nay chúng ta mới chỉ riêng thấy có Hoa Kỳ muốn nuôi dưỡng một “thái độ nóng” trong thời cuộc Đông Dương.

Bài diễn văn của Ngoại Trưởng Foster Dulles ngày 31 tháng 3 ở Nữu Ước chứng tỏ thái độ của Hoa Kỳ:

“...Trong những trường hợp hiện tại, việc hệ thống chính trị Nga Sô và Trung Cộng định lan tràn Đông Nam Á thực là một hiểm họa quan trọng cho thế giới tự do.

Đối với Hoa Kỳ một trường hợp như vậy không thể chấp nhận được một cách thụ động mà là phải hăng hái chiến đấu lại. Một hành động như vậy có thể liều lĩnh nhưng những sự nguy hiểm này không quan trọng bằng những sự nguy hiểm dễ phát sinh trong vòng một vài năm nữa nếu

người ta không chấp nhận một thái độ quả quyết ngay từ bây giờ.

Đôi khi cần phải liều lĩnh trong thời bình cũng như là người ta đã liều lĩnh trong thời loạn.

Việc thừa nhận Trung Cộng sẽ trái ngược với những quyền lợi của Liên Hiệp Quốc.

Những người chịu trách nhiệm về chính sách của Hoa Kỳ phải tự hỏi liệu có phải là hành động phục vụ cho xứ sở khi tán tành, qua việc thừa nhận, để gây uy tín và ảnh hưởng cho một chính thể đang nhất quyết phá hoại các quyền lợi trọng yếu của ta không ? Câu trả lời lúc nào cũng sẵn sàng. Tôi xin nói là không!

Việc Trung Cộng thiếu xót ý định hòa bình đã được chứng minh tại Đông Dương.

Là một trong những nước hội viên Liên Hiệp Quốc, chúng ta phải tự hỏi có phải là một hành động vì quyền lợi trên phạm vi quốc tế không, khi cho gia nhập Liên Hiệp Quốc một chính thể đã bị coi như xâm lăng và vẫn tiếp tục đề cao việc sử dụng sức mạnh để vi phạm những nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc?

Tôi chỉ có thể lại trả lời một lần nữa: Không!

Tại Đông Dương, cộng sản đã dùng những khẩu hiệu quốc gia để chống lại Pháp ngõ hầu dành được sự ủng hộ của dân chúng địa phương. Nhưng chắc chắn là trong trường hợp mà họ có những thắng lợi quân sự hoặc chính trị họ sẽ nô lệ hóa dân chúng dưới một chế độ độc tài cộng sản tàn bạo, tuân theo những huấn lệnh của Moscou và Bắc Kinh.

Tôi tin rằng chúng ta có thể rút được một bài học tại Điện Biên Phủ, nơi tình trạng tạm yên có thể kéo dài được vài ngày nay nhưng thực ra thì chiếc gọng kìm đang xiết chặt vị trí của những người chống giữ.

Địch đã đào những hầm hố để giành được những vị trí khởi tiến sâu nhất và để có thể tấn công mãnh liệt vào pháo đài trung ương do ở những vị trí được đặt gần lại...”

Ở Genève người ta đã thấy có mặt các ông Nguyễn Quốc Định (Quốc Gia), Phạm văn Đồng (Việt Minh), Hoàng minh Giám (Việt Minh).

Kết quả sẽ là việc cắt xén Quốc Gia Việt Nam, quốc tế hóa một vài thành phố, thành lập một chính phủ Liên Hiệp rộng rãi, kéo dài việc thương thuyết điều đình hay...tiếp diễn chiến tranh...tất cả chúng ta, những người Việt Nam Quốc Gia đến một phen thử thách thật sự.

(Khi viết đến những giòng này, buổi họp về Đông Dương ở Genève chưa bắt đầu)

Hà Nội ngày 4 tháng 5 năm 1954

Nghiêm Kế Tổ

^[1] Những đòn tra tấn khủng khiếp của Nhật khi họ bắt được dân chúng tình nghi hoạt động chánh trị đối lập.

^[2] Tuyên cáo của Tổng Chỉ Huy Quân Đội Nhật ngày 10.3.1945

^[3] Trẫm mong chư khanh sẽ đồng tâm hiệp lực và giúp Trẫm thế nào cho sự kiến thiết nền Độc Lập tổ quốc mau có hiệu quả cho đẹp lòng Trẫm tin cậy chư khanh. Dụ ngày 17.4.45

^[4] Hồ chí Minh được Tướng Ngô Trạch, Tham Mưu Trưởng Đệ Tứ Chiến khu và Triệu Văn giúp đỡ. Tướng Ngô Trạch đã bị xử tử mới đây ở Đài Loan. Tiêu Văn hiện nay ở hàng ngũ Trung Cộng.